Nghiên cứu về kinh nghiệm và xu hướng phát triển của quốc tế và Việt Nam

Đề xuất một số định hướng lớn cho sự phát triển của tỉnh Hưng Yên

Báo cáo Tổng hợp

Tháng 11 - 2021

pwc



Lưu ý quan trọng

Tài liệu này được chuẩn bị theo yêu cầu của Hợp đồng tư vấn ngày 14 tháng 5 năm 2021 và tuân theo các điều kiện và điều khoản trong đó. Tài liệu này là tuyệt mật và không được cung cấp, dưới mọi hình thức, cho bất kì bên thứ ba nào, ngoại trừ bên khách hàng và các thành viên của liên danh nhà thầu đã được nêu rõ trong hợp đồng.

*Tài liệu này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và như nêu rõ bên dưới, không nên sử dụng để đưa ra quyết định cụ thể. Theo đó, dưới bất kì hình thức nào, dù là trong hợp đồng, hành vi vi phạm hay các hành động khác, và trong phạm vi luật pháp hiện hành cho phép, dựa trên các lưu ý dưới dây, Công ty TNHH PwC (Việt Nam) hoặc bất kỳ công ty thành viên khác thuộc mạng lưới PwC toàn cầu (sau đây gọi là "**PwC**" hoặc "**Chúng tôi**") không chịu trách nhiệm dưới bất kỳ hình thức nào và từ chối mọi trách nhiệm về hậu quả của bất kỳ bên nào hành động hoặc từ chối hành động dựa vào tài liệu này.*

Mặc dù vậy, nếu PwC ký hợp đồng cung cấp dịch vụ cho bất kỳ bên nào mà tài liệu này được cung cấp và toàn bộ hay một phần của tài liệu này là một sản phẩm được chuyển giao theo hợp đồng đó ("Hợp đồng"), thì PwC sẽ chịu trách nhiệm với bên kí hợp đồng trong chừng mực, dựa trên các điều khoản và điều kiện được quy định trong Hợp đồng đó.

Thông tin được sử dụng để chuẩn bị tài liệu này đã được thu thập từ các chính quyền địa phương, Sở và ban ngành của tỉnh Hưng Yên và nhiều nguồn từ bên thứ ba. PwC không xác định độ tin cậy hoặc xác minh tính chính xác của các nguồn này. Theo đó, PwC không bảo đảm về tính chính xác, đầy đủ hoặc phù hợp với bất kỳ mục đích nào (rõ ràng hay ngụ ý) liên quan đến tài liệu này.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích cung cấp hướng dẫn tổng quát và không nên sử dụng để đưa ra quyết định cụ thể. Người đọc tài liệu này phải tiến hành các thủ tục đánh giá và thẩm định chi tiết trước khi quyết định hành động hoặc từ chối không hành động dựa vào tài liệu này.

Trong tài liệu này, "PwC" là Công ty TNHH PwC (Việt Nam), và trong một số trường hợp có thể là mạng lưới PwC, trong đó mỗi công ty thành viên là một pháp nhân độc lập và riêng biệt

Mục lục

Lưu ý quan trọng 2
1. Giới thiệu 12
1.1. Về báo cáo của chúng tôi 12
1.2. Cách tiếp cận 13
1.3. Tầm nhìn và mục tiêu của tỉnh Hưng Yên 14
2. Định hướng chiến lược của tỉnh Hưng Yên 21
2.1. Đánh giá thực trang của tỉnh Hưng Yên trong bối cảnh địa phương 21
2.2. Xu hướng toàn cầu về phát triển kinh tế - xã hội 40
2.3. Đề xuất các ngành công nghiệp trọng tâm cho Hưng Yên 57
Phân tích bổ sung 66
Chương 1: Chất lượng tăng trưởng của tỉnh Hưng Yên 67
1.1. Chỉ tiêu đánh giá chất lượng tăng trưởng 67
1.2. Chất lượng tăng trưởng của tỉnh Hưng Yên trong giai đoạn 2011 đến 2020 69
1.2.1. Tăng trưởng kinh tế 69
1.2.2. Cơ cấu kinh tế 70
1.2.3. Năng suất lao động 71
1.2.4. Hiệu quả sử dụng vốn 73
1.2.5. Năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) 75
1.2.6. Các ảnh hưởng đến xã hội 78
1.3. Các khuyến nghị về chất lượng tăng trưởng 82
1.4. Các phương án tăng trưởng 85
Chương 2: Định hướng chiến lược về tăng trưởng kinh tế tỉnh Hưng Yên giai đoạn đến năm 2050 88
2.1. Bối cảnh quốc tế, khu vực, trong nước và vùng tác động đến phát triển kinh tế của tỉnh Hưng Yên trong giai đoạn tới 88
2.1.1. Bối cảnh quốc tế, khu vực tác động đến Việt Nam nói chung, tỉnh Hưng Yên nói riêng 88
2.1.2. Bối cảnh trong nước, trong vùng và tác động đến phát triển kinh tế tỉnh Hưng Yên 89
2.2. Một số quan điểm, định hướng lớn về tăng trưởng kinh tế tỉnh Hưng Yên 93
2.3. Xây dựng các kịch bản phát triển tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 95
2.3.1. Phương án I - Phương án tăng trưởng cơ sở 95
2.3.2. Phương án II - Phương án tăng trưởng lạc quan (Phương án chọn) 97
2.3.3. Phương án III - Tăng trưởng trong điều kiện rất thuận lợi 98
Chương 3: Phân tích, đánh giá năng lực cạnh tranh kinh tế của tỉnh Hưng Yên 99
3.1. Tỉnh Hưng Yên trong bối cảnh cả nước 99

3.2. Phân tích SWOT cho tỉnh Hưng Yên....102
3.3. Phân tích SWOT của 10 tỉnh thành trong Vùng đồng bằng sông Hồng từ góc nhìn của tỉnh Hưng Yên....104
3.3.1. Hà Nội và Hưng Yên....104
3.3.2. Bắc Ninh và Hưng Yên....105
3.3.3. Quảng Ninh và Hưng Yên....106
3.3.4. Hải Phòng và Hưng Yên....107
3.3.5. Vĩnh Phúc và Hưng Yên....109
3.3.6. Hải Dương và Hưng Yên....110
3.3.7. Hà Nam và Hưng Yên....111
3.3.8. Thái Bình và Hưng Yên....112
3.3.9. Nam Định và Hưng Yên....113
3.3.10. Ninh Bình và Hưng Yên....114
Chương 4: Bối cảnh trong nước và quốc tế, đánh giá các điều kiện của thị trường để xác định các cụm ngành của tỉnh Hưng Yên đến năm 2050....117
4.1. Các xu hướng chính ở Việt Nam và nước ngoài....117
4.2. Các ngành trong tương lai....118
4.2.1. Sự chuyển dịch giữa các ngành....118
4.2.2. Cách tiếp cận của chúng tôi về lựa chọn ngành cho Hưng Yên....120
4.3. Các ngành trọng tâm đề xuất cho tỉnh Hưng Yên....124
4.3.1. Ngành ô tô....126
4.3.2. Ngành logistics....129
4.3.3. Ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy tính và sản phẩm quang học....133
4.3.4. Ngành nông nghiệp....136
4.3.5. Ngành thiết bị y tế và dược phẩm....139
4.3.6. Ngành dịch vụ liên quan đến công nghiệp....143
4.3.7. Ngành ngân hàng....147
4.3.8. Ngành bán lẻ....150
4.3.9. Ngành kỹ thuật....154
4.3.10. Ngành giáo dục....159
4.3.11. Ngành du lịch văn hóa và tâm linh....163
4.3.12. Ngành dệt may....167
Chương 5: Vị trí, mối quan hệ của các cụm ngành của tỉnh Hưng Yên trong vùng KTTĐBB và cả nước....170
5.1. Ngành nông nghiệp....172
5.2. Ngành Công nghiệp....178
5.2.1. Ngành ô tô....178

5.2.2. Ngành điện và điện tử....183
5.2.3. Ngành thiết bị y tế và sản xuất dược phẩm....188
5.2.4. Ngành kỹ thuật....191
5.2.5. Ngành dệt may và da giày....196
5.3. Ngành dịch vụ....202
5.3.1. Ngành dịch vụ liên quan đến công nghiệp....202
5.3.2. Ngành bán lẻ....206
5.3.3. Ngành ngân hàng....209
5.3.4. Ngành logistics....211
5.3.5. Ngành phát triển phần mềm....216
5.3.6. Ngành giáo dục....218
5.3.7. Ngành du lịch....222
Chương 6: Phân tích, đánh giá về năng lực cạnh tranh của các cụm ngành quan trọng trong kinh tế tỉnh. Những vấn đề đặt ra....228
Giới thiệu....228
6.1. Nông nghiệp....231
6.1.1. Điều kiện các yếu tố sản xuất và nhu cầu....231
6.1.2. Chiến lược, cơ cấu và sự cạnh tranh của các doanh nghiệp....234
6.1.3. Các ngành công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp liên quan....235
6.2. Ngành công nghiệp....235
6.2.1. Ngành ô tô....236
6.2.2. Ngành điện và điện tử....237
6.2.3. Ngành sản xuất thiết bị y tế và dược phẩm....239
6.2.4. Kỹ thuật....240
6.2.5. Ngành dệt may và da giày....240
6.3. Ngành dịch vụ....242
6.3.1. Ngành dịch vụ liên quan đến công nghiệp....242
6.3.2. Các dịch vụ khác....244
6.3.3. Logistics....246
6.3.4. Ngành phát triển phần mềm....247
6.3.5. Giáo dục....248
6.3.6. Ngành du lịch....249
6.4. Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) ở Hưng Yên....251
6.4.1. Nông nghiệp....251
6.4.2. Công nghiệp....252
6.4.3. Dịch vụ....252
6.5. Phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp liên quan....253

6.6. Những thách thức trong việc cải thiện các ngành công nghiệp liên quan và công nghiệp hỗ trợ 255
6.7. Vai trò của chính phủ 258
6.7.1. Chi tiêu chính phủ 258
6.7.2. Những vấn đề gặp phải ở Hưng Yên 259
6.7.3. Các sáng kiến của chính phủ 261
Chương 7: Nhu cầu liên kết và định hướng mở rộng không gian phát triển của các cụm ngành của tỉnh 266
7.1. Xác định nhu cầu liên kết và phát triển các cụm ngành của tỉnh 266
7.2. Luận chứng và xác định vùng, miền phát triển cho các cụm ngành của tỉnh: phạm vi, vai trò trong phát triển kinh tế tỉnh 268
7.2.1. Tổng quan về các hoạt động cấp huyện tại Hưng Yên 268
7.2.2. Vùng và diện tích phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm của tỉnh 269
7.3. Định hướng mở rộng không gian phát triển các cụm ngành của tỉnh 272
7.3.1. Tổng quan về diện tích đất và tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp 272
7.3.2. Tổng quan về diện tích đất các cụm công nghiệp 275
Chương 8: Chiến lược nâng cao năng lực cạnh tranh của từng cụm ngành (Tầm nhìn, Định hướng, Mục tiêu, Giải pháp và Kế hoạch hành động) 276
8.1. Định vị phát triển kinh tế và định hướng phát triển trọng điểm 276
8.1.1. Nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp 277
8.1.2. Công nghiệp 281
8.1.3. Dịch vụ 284
8.2. Mục tiêu và giải pháp phát triển 287
8.2.1. Các sáng kiến thúc đẩy kinh tế 287
8.2.2. Các sáng kiến phát triển liên ngành 298
8.2.3. Các sáng kiến dành riêng cho ngành 310
Chương 9: Phương án bố trí không gian các trục/ hành lang công nghiệp - đô thị trọng điểm của tỉnh để thúc đẩy phát triển các cụm ngành 317
9.1. Luận chứng về xác định quan điểm phát triển các trục/ hành lang công nghiệp - đô thị trọng điểm của tỉnh 317
9.2. Luận chứng phương án tổ chức không gian từng trục/ hành lang công nghiệp - đô thị trọng điểm của tỉnh gắn với tạo không gian phát triển các cụm ngành quan trọng 319
Chương 10: Định hướng chiến lược phát triển các trục, hành lang công nghiệp - đô thị trọng điểm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên 325
10.1. Nhu cầu liên kết, mở rộng không gian phát triển các cụm ngành quan trọng 325
10.2. Xác định và bố trí các trục /hành lang công nghiệp - đô thị trọng điểm của tỉnh trong giai đoạn tới 330
10.2.1. Hành lang quốc lộ 5 và cao tốc Hà Nội - Hải Phòng/ hành lang công nghiệp - đô thị 331

10.2.2. Hành lang văn hóa - lịch sử - sinh thái sông Hồng/ hành lang phát triển du lịch văn hóa, lịch sử và sinh thái 333
10.2.3. Trục phát triển Bắc - Nam 334
10.2.4. Trục vành đai 4 nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình 335
10.2.5. Trục đường nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, theo hướng quốc lộ 21 335
10.2.6. Trục quốc lộ 38 và 38B 336
10.3. Định hướng phát triển mỗi trục/ hành lang công nghiệp - đô thị trọng điểm trên địa bàn tỉnh 337
10.3.1. Hành lang quốc lộ 5 và đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, hành lang công nghiệp - đô thị....337
10.3.2. Hành lang văn hóa - lịch sử - sinh thái Sông Hồng 337
10.3.3. Trục phát triển Bắc - Nam 339
10.3.4. Trục vành đai 4 nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình 339
10.3.5. Trục đường nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, theo hướng Quốc lộ 21 340
10.3.6. Trục quốc lộ 38, 38B....341
10.4. Giải pháp phát triển các trục/ hành lang công nghiệp - đô thị trọng điểm của tỉnh .342

Danh mục hình

Hình 1: Những điểm chính trong tầm nhìn cho tỉnh Hưng Yên 15
Hình 2: Mục tiêu kinh tế xã hội của Hưng Yên trong giai đoạn 2016-2020 và 2021-2025 16
Hình 3: Các khu vực trọng tâm theo vị trí địa lý được đề xuất 18
Hình 4: Các yếu tố thành công then chốt và các sáng kiến chính được đề xuất đến năm 2050 và từ năm 2050 trở đi 19
Hình 5: Hiện trạng sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất trong tương lai của Hưng Yên 21
Hình 6: Xếp hạng điểm số PCI của Hưng Yên, Bắc Ninh và Quảng Ninh năm 2016 và 2020 23
Hình 7: GRDP theo giá so sánh của Hưng Yên (tỷ đồng) 24
Hình 8: Cơ cấu GRDP theo ngành kinh tế của tỉnh Hưng Yên (2011-2020) 25
Hình 9: Việc làm trong khu công nghiệp (người) 25
Hình 10: Bản đồ các tỉnh thành thuộc Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ 26
Hình 11: Cơ cấu GRDP của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ theo khu vực kinh tế và theo tỉnh (2015-2019) 27
Hình 12: Đánh giá một số chỉ tiêu đối với Hưng Yên và các tỉnh thành khác trong Vùng KTTĐBB 30
Hình 13: Tỷ lệ doanh nghiệp trong nước có khách hàng FDI (2018) 37
Hình 14: Tỷ trọng giá trị gia tăng nội địa của Tổng giá trị xuất khẩu ngành Điện & Điện tử 38
Hình 15: Chỉ tiêu kinh tế-xã hội, thu chi ngân sách của Hưng Yên và một số tỉnh tập tring vào ngành công nghiệp ở Việt Nam 39
Hình 16: Xu hướng đóng góp của ngành dịch vụ vào kinh tế trên toàn cầu giai đoạn 1970-2020 40
Hình 17: Cơ cấu GDP theo ngành kinh tế của Úc và Vương quốc Anh năm 1970 và 2019 41
Hình 18: Chiến lược “gã khổng lồ nhỏ” của Trung Quốc 42
Hình 19: Mô hình cấu trúc thành phố trước và sau đại dịch 44
Hình 20: Các địa điểm nghiên cứu điển hình dùng để đối sánh 45
Hình 21: Các ngành kinh tế trọng tâm được đề xuất cho Hưng Yên 57
Hình 22: Những thách thức mà Hưng Yên phải đối mặt để trở thành thành phố thông minh 59
Hình 23: Các lĩnh vực trọng tâm chính để trở thành thành phố thông minh toàn diện vào năm 2035 59
Hình 24: Năm nền tảng để phát triển kinh tế số 60
Hình 25: Các thách thức chính được xác định và phân nhóm dựa trên 5 nền tảng KTS do Ngân hàng Thế giới đưa ra 61
Hình 26: Các hành động ưu tiên để Việt Nam phát triển thành nền kinh tế số 61
Hình 27: Các trụ cột của năng lực cạnh tranh 63
Hình 28: Định hướng đến năm 2030 64
Hình 29: Các lĩnh vực trọng tâm được đề xuất đến năm 2050 65
Hình 30: Bốn trụ cột chất lượng tăng trưởng 67
Hình 31: GRDP theo giá so sánh và tăng trưởng kinh tế tỉnh Hưng Yên và Việt Nam (2011-2020) 69
Hình 32: Cơ cấu GRDP theo ngành kinh tế của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2020 70
Hình 33: Cơ cấu lực lượng lao động của tỉnh Hưng Yên năm 2015 và 2020 71
Hình 34: Năng suất lao động (triệu đồng/ người) 73
Hình 35: Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn theo giá so sánh (nghìn tỷ đồng) 74

Hình 36: GRDP bình quân đầu người (triệu đồng) 78
Hình 37: Tỷ lệ người lao động đang làm việc đã qua đào tạo (%) 79
Hình 38: Tỷ lệ hộ nghèo (%) 80
Hình 39: Chi tiêu ngân sách cho sự nghiệp bảo vệ môi trường của Hưng Yên (tỷ đồng) 81
Hình 40: Các tiếp cận tăng trưởng kinh tế 83
Hình 41: So sánh với tăng trưởng GDP của các quốc gia khác 85
Hình 42: Điểm số PCI và xếp hạng của các tỉnh thành thuộc vùng đồng bằng sông Hồng (2019-2020) 99
Hình 43: Bài học rút ra cho Hưng Yên để nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh 101
Hình 44: Năm sự thay đổi toàn cầu đang định hình lại thế giới chúng ta đang sống 117
Hình 45: Bảy siêu xu hướng và tác động của chúng 118
Hình 46: So sánh GVA danh nghĩa giữa Việt Nam và khu vực ĐNA năm 2019 và 2040, cơ cấu GVA theo ngành (tỷ USD) 120
Hình 47: Phương pháp tiếp cận các ngành kinh tế ưu tiên để xác định và phân loại các ngành chính 121
Hình 48: Sơ đồ số lượng các tiểu ngành theo phương pháp ưu tiên khu vực kinh tế 121
Hình 49: Danh sách ngắn các ngành trọng tâm ở Hưng Yên 124
Hình 50: Danh sách các ngành công nghiệp ở Hưng Yên theo mức độ ưu tiên 125
Hình 51: Danh sách các ngành trọng tâm đề xuất cho tỉnh Hưng Yên 170
Hình 52: Danh sách các ngành công nghiệp ở Hưng Yên theo mức độ ưu tiên 171
Hình 53: Tổng quan ngành nông nghiệp vùng KTTĐBB 173
Hình 54: So sánh chuỗi giá trị ngành nông nghiệp ở Hưng Yên và các tỉnh khác 175
Hình 55: Tổng quan ngành công nghiệp ô tô trong vùng KTTĐBB 179
Hình 56: So sánh chuỗi giá trị ngành ô tô ở Hưng Yên và các tỉnh khác 181
Hình 57: Tổng quan ngành điện và điện tử trong vùng KTTĐBB 184
Hình 58: So sánh chuỗi giá trị sản xuất điện tử, máy tính và quang học ở Hưng Yên và các tỉnh khác 185
Hình 59:Tổng quan ngành vật liệu xây dựng trong vùng KTTĐBB 192
Hình 60: So sánh chuỗi giá trị sản xuất ngành vật liệu xây dựng ở Hưng Yên và các tỉnh khác 194
Hình 61: Tổng quan về ngành dệt may và da giày tại vùng KTTĐBB 197
Hình 62: So sánh chuỗi giá trị ngành dệt may tại Hưng Yên và các tỉnh khác 198
Hình 63: So sánh chuỗi giá trị ngành da tại Hưng Yên và các tỉnh khác 198
Hình 64: Tổng quan các hoạt động phòng thí nghiệm và R&D tại vùng KTTĐBB 203
Hình 65: Tổng quan về ngành bán lẻ trong vùng KTTĐBB 207
Hình 66: Tổng quan các trung tâm logistics trong vùng KTTĐBB 212
Hình 67: So sánh chuỗi giá trị ngành logistics tại Hưng Yên và các tỉnh khác 213
Hình 68: Tổng quan về ngành giáo dục và đào tạo tại vùng KTTĐBB 218
Hình 69: So sánh chuỗi giá trị giáo dục bậc cao ở Hưng Yên và các tỉnh khác 220
Hình 70: Tổng quan ngành du lịch tại vùng KTTĐBB 223
Hình 71: So sánh chuỗi giá trị du lịch ở Hưng Yên và các tỉnh khác 225
Hình 72: Mô hình kim cương của Porter về năng lực cạnh tranh quốc gia 230
Hình 73: Lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp liên quan 253
Hình 74: Mục tiêu và công cụ thực hiện chính sách trong giai đoạn ươm tạo 306

Hình 75: Sơ đồ phân vùng, các trục/ hành lang công nghiệp đô thị tỉnh Hưng Yên giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 320
Hình 76: Hiện trạng phát triển khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên đến năm 2020 327
Hình 77: Các trục và hành lang phát triển tỉnh Hưng Yên giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050.....331

Danh mục bảng biểu

Bảng 1: Các xếp hạng về quản trị hành chính của Hưng Yên 16
Bảng 2: Một số chỉ tiêu kinh tế xã hội chính của Hưng Yên, Bắc Ninh, Quảng Ninh.....22
Bảng 3: So sánh Hưng Yên và các tỉnh trọng tâm công nghiệp khác tại Việt Nam về cơ cấu kinh tế, sử dụng đất và mật độ lao động trong khu công nghiệp 36
Bảng 4: GDP bình quân đầu người (đô la Mỹ) 41
Bảng 5: Dự thảo chính sách ưu đãi của Việt Nam để thúc đẩy đầu tư vào đổi mới sáng tạo và công nghệ tiên tiến.....62
Bảng 6: Các chỉ tiêu được sử dụng trong các nghiên cứu về chất lượng tăng trưởng 68
Bảng 7: Hệ số ổn định tăng trưởng của Hưng Yên và Việt Nam 70
Bảng 8: Năng suất lao động của Hưng Yên và Việt Nam.....72
Bảng 9: Hệ số ICOR của Hưng Yên và Việt Nam 74
Bảng 10: Tăng trưởng của lao động, vốn, TFP và tỷ trọng đóng góp vào tăng GRDP của tăng mỗi yếu tố đầu vào của tỉnh Hưng Yên 76
Bảng 11: Tăng TFP và tỷ trọng đóng góp của tăng TFP vào tăng GRDP của Hưng Yên và tăng GDP của Việt Nam.....77
Bảng 12: Phương án I – Phương án tăng trưởng cơ sở 96
Bảng 13: Phương án II – Phương án tăng trưởng lạc quan 97
Bảng 14: Phương án III – Phương án tăng trưởng trong điều kiện rất thuận lợi.....98
Bảng 15: Xếp hạng điểm các yếu tố thành phần của chỉ số PCI của các tỉnh vùng ĐBSH và bản đồ nhiệt (xếp hạng 11 tỉnh thành).....100
Bảng 16: Đánh giá chi tiết các tiểu ngành kinh tế dựa trên phương pháp ưu tiên khu vực kinh tế 122
Bảng 17: Các ngành trọng tâm theo Quyết định của Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp vùng Đồng bằng sông Hồng đến năm 2025, tầm nhìn 2035.....123
Bảng 18: Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu theo nhóm hàng chính năm 2020 229
Bảng 19: Số lượng doanh nghiệp đăng ký và số lao động trong ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên, 2014 - 2018 234
Bảng 20: Tổng thu ngân sách từ các hoạt động kinh tế trên địa bàn Tỉnh theo 10 đơn vị hành chính cấp huyện 269
Bảng 21: Các khu công nghiệp và hoạt động theo theo 10 đơn vị hành chính cấp huyện 270
Bảng 22: Các khu công nghiệp theo diện tích thuê đất, tỷ lệ lấp đầy, số lượng dự án, giá trị đầu tư và số lượng việc làm 273
Bảng 23: Các khu công nghiệp trong quy hoạch, theo huyện và diện tích đất.....273
Bảng 24: Diện tích đất theo cụm công nghiệp theo huyện và vị trí 275

Danh mục từ viết tắt

Chữ viết tắt	Diễn giải
CAGR	Tốc độ tăng trưởng kép hằng năm
CNTT	Công nghệ thông tin
ĐBSH	Đồng Bằng Sông Hồng
Du lịch MICE	Du lịch hội họp, khen thưởng, hội nghị, triển lãm
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
GRDP	Tổng sản phẩm trên địa bàn
GVA	Tổng giá trị gia tăng
HCI	Chỉ số con người
ICOR	Hệ số sử dụng vốn
KCN	Khu công nghiệp
KTS	Kinh tế số
PCI	Chỉ số năng lực cạnh cấp tỉnh
PwC	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
R&D	Nghiên cứu và Phát triển
SWOT	Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức
TFP	Năng suất các yếu tố tổng hợp
UBND	Ủy Ban Nhân Dân
Vùng KTTĐBB	Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ

1. Giới thiệu

1.1. Về báo cáo của chúng tôi

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019, tỉnh Hưng Yên cần lập Quy hoạch tổng thể tỉnh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, phù hợp với các nội dung định hướng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Vì vậy, liên danh giữa Viện Chiến lược phát triển, Viện nghiên cứu quy hoạch thiết kế đô thị và nông thôn, Viện Nghiên cứu và Phát triển Vùng, Trung tâm Tư vấn phát triển bền vững tài nguyên nước và thích nghi biến đổi khí hậu, Viện Môi trường và phát triển bền vững, Công ty cổ phần Tập đoàn Đất Việt và Công ty TNHH PwC (Việt Nam) đã được chính quyền tỉnh Hưng Yên lựa chọn để nghiên cứu lập quy hoạch tổng thể này. Nghiên cứu sẽ đưa ra một cái nhìn toàn diện về hoạt động kinh tế xã hội hiện tại của tỉnh và đánh giá cơ hội trong tương lai. Điều này sẽ tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ chính quyền tỉnh đưa ra các quyết định sáng suốt cho sự phát triển của Hưng Yên trong tương lai.

Báo cáo tổng hợp của PwC trình bày chi tiết phân tích sơ bộ của chúng tôi về đánh giá thực trạng của Hưng Yên trong bối cảnh địa phương, xu hướng toàn cầu về phát triển kinh tế - xã hội, cũng như đề xuất các cụm ngành trọng tâm cho Hưng Yên. Nghiên cứu tập trung chủ yếu vào các kinh nghiệm và xu hướng phát triển của quốc tế và Việt Nam, và một số định hướng lớn được đề xuất cho sự phát triển của Hưng Yên. Ngoài ra, các phân tích chi tiết bổ sung được đưa vào Phụ lục bao gồm:

- Chương 1: Chất lượng tăng trưởng của tỉnh Hưng Yên
- Chương 2: Định hướng chiến lược về tăng trưởng kinh tế tỉnh Hưng Yên giai đoạn đến năm 2050
- Chương 3: Năng lực cạnh tranh kinh tế tỉnh Hưng Yên
- Chương 4: Bối cảnh trong nước và quốc tế, đánh giá các điều kiện của thị trường để xác định các cụm ngành của tỉnh Hưng Yên đến năm 2050
- Chương 5: Vị trí, mối quan hệ của các cụm ngành của tỉnh Hưng Yên trong vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước
- Chương 6: Phân tích, đánh giá về năng lực cạnh tranh của các cụm ngành quan trọng trong kinh tế tỉnh. Những vấn đề đặt ra
- Chương 7: Nhu cầu liên kết và định hướng mở rộng không gian phát triển của các cụm ngành của tỉnh
- Chương 8: Chiến lược nâng cao năng lực cạnh tranh các cụm ngành (xây dựng theo từng cụm ngành) (Tầm nhìn, Định hướng, Mục tiêu, Giải pháp, Kế hoạch hành động)
- Chương 9: Phương án bố trí không gian (các) trục/hành lang công nghiệp - đô thị trọng điểm của tỉnh để thúc đẩy phát triển các cụm ngành
- Chương 10: Định hướng chiến lược phát triển hành lang công nghiệp – đô thị trọng điểm của tỉnh

Các nội dung trong báo cáo này sẽ có thể được điều chỉnh dựa trên ý kiến đóng góp của các thành viên liên danh, chính quyền tỉnh Hưng Yên và các bên liên quan chính khác. Do đó, cần lưu ý rằng một số nội dung có thể được sửa đổi trong các giai đoạn sau của nghiên cứu để phản ánh thông tin một cách kịp thời, cũng như phân tích sâu hơn trong các phần nghiên cứu khác của báo cáo. Thông tin sử dụng trong việc soạn thảo tài liệu này được thu thập từ chính quyền địa phương, các sở, ban, ngành của tỉnh Hưng Yên và các nguồn từ các bên thứ ba khác nhau.

1.2. Cách tiếp cận

Đối với báo cáo ban đầu, cách tiếp cận của chúng tôi sử dụng phương pháp tam giác phân tích cho ba lĩnh vực chính để đưa ra những quan điểm sơ bộ về định hướng phát triển chiến lược và các cơ hội tiềm năng cho Hưng Yên. Ba lĩnh vực chính bao gồm định hướng và các mục tiêu quy hoạch, thực trạng hoạt động của Hưng Yên và các thách thức, các xu hướng toàn cầu cũng như các cơ hội.

Phân tích định hướng và các mục tiêu quy hoạch cung cấp một cái nhìn chung về các dự định và định hướng phát triển trong tương lai của Hưng Yên. Phân tích này dựa trên những thông tin được cung cấp bởi lãnh đạo tỉnh Hưng Yên, bao gồm báo cáo và phỏng vấn với các bên liên quan chính. Các báo cáo được chúng tôi sử dụng bao gồm các văn bản quy hoạch có liên quan và các nghị quyết của UBND tỉnh và Đại hội Đảng bộ tỉnh nhằm hiểu rõ mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm và kế hoạch phát triển của Hưng Yên. Sự tham gia của các bên liên quan được thực hiện bao gồm phỏng vấn lãnh đạo UBND tỉnh, UBND các huyện và thủ trưởng các cơ quan chức năng để hiểu rõ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, tầm nhìn và định hướng chiến lược cho từng ngành.

Lĩnh vực quan trọng thứ hai là phân tích thực trạng hoạt động của Hưng Yên, để cung cấp một bức tranh tổng quan về tình trạng hiện tại của Hưng Yên, bao gồm khả năng, thế mạnh và những thách thức chính. Phân tích này dựa trên phân tích các dữ liệu lịch sử về kinh tế xã hội của Hưng Yên bao gồm GRDP theo ngành, xếp hạng điểm số PCI, việc làm theo ngành, dân số, vấn đề sử dụng đất và các thông số liên quan khác. Kết quả hoạt động của Hưng Yên cũng được đánh giá, so sánh với các tỉnh khác trong Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và rộng hơn là Vùng Đồng bằng sông Hồng. Phân tích này sau đó được bổ sung với các số liệu từ các bên liên quan tham gia dự án và các cán bộ chính quyền cấp tỉnh để đánh giá những thách thức chính mà Hưng Yên phải đối mặt, các sáng kiến đang thực hiện và những cân nhắc chính cho bản quy hoạch tổng thể thời kì tới. Phương pháp phân tích trên cùng với sự tham gia của các bên liên quan, giúp xây dựng bức tranh về thực trạng phát triển kinh tế xã hội của Hưng Yên, đánh giá được những điểm mạnh và điểm yếu của Hưng Yên và các cơ hội tiềm năng của tỉnh.

Lĩnh vực thứ ba là đánh giá các xu hướng toàn cầu và các cơ hội, để hình thành một góc nhìn từ bên ngoài về những gì đang diễn ra trên thế giới và vai trò của Hưng Yên trong chuỗi giá trị toàn cầu. Điều này liên quan đến việc phân tích sự thay đổi trong cơ cấu kinh tế của các quốc gia theo thời gian theo hướng các hoạt động kinh tế thâm dụng tri thức hơn, giúp tạo ra năng suất cao hơn. Các tác động từ đại dịch COVID-19 đến các mô hình phát triển đô thị cũng được đánh giá để xác định các yếu tố mà bản quy hoạch cần tính tới. So sánh đối chuẩn với các thành phố được lựa chọn (bao gồm các thành phố trong nước và trên thế giới) để rút ra các bài học kinh nghiệm chính cho Hưng Yên trong các lĩnh vực như phát triển nhân lực có tay nghề cao, kết nối, phát triển bền vững, và sử dụng công nghệ.

Các kết quả nghiên cứu từ việc phân tích ba lĩnh vực chính trên được kết hợp để mang đến một quan điểm tổng thể về các định hướng phát triển chiến lược và các cơ hội tiềm năng trong tương lai cho tỉnh Hưng Yên.

1.3. Tầm nhìn và mục tiêu của tỉnh Hưng Yên

Tầm nhìn của tỉnh Hưng Yên

Hưng Yên phấn đấu trở thành một thành phố thông minh với tốc độ tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ và mục tiêu GRDP bình quân đầu người đạt 8.500 đô la Mỹ vào năm 2030. Tầm nhìn này phù hợp với quan điểm của lãnh đạo UBND tỉnh. Các nhu cầu của các bên liên quan chính khác như doanh nghiệp và cộng đồng cũng đã được tính đến trong tầm nhìn này của Hưng Yên. Nhìn chung, tỉnh cần phải chuyển từ nền kinh tế định hướng yếu tố cơ bản sang nền kinh tế định hướng hiệu quả và định hướng đổi mới sáng tạo, để thúc đẩy tăng trưởng bền vững và mạnh mẽ.

Quan điểm của các sở ban ngành chính của tỉnh Hưng Yên được chúng tôi thu thập từ việc phỏng vấn với các lãnh đạo của UBND tỉnh và các sở ban ngành, cũng như xem xét các văn bản quy hoạch tỉnh và các báo cáo liên quan. Theo quan điểm của Lãnh đạo UBND tỉnh, Hưng Yên nên tiếp tục tập trung phát triển công nghiệp và vẫn có thể tăng tỷ trọng đóng góp của ngành công nghiệp vào GRDP. Tuy nhiên, cần đảm bảo không tạo ra các tác động tiêu cực cho môi trường từ việc phát triển công nghiệp, bao gồm đảm bảo việc quản lý chất thải và xử lý nước thải hợp lý trong các khu công nghiệp và cụm công nghiệp. Trong tương lai, kinh tế số nên đóng góp tỉ trọng lớn hơn vào GRDP. Ngoài ra, tầm nhìn còn bao gồm việc phát triển các khu đô thị và nông thôn mới, theo hướng mô hình đô thị thông minh trong dài hạn.

Nhu cầu của các doanh nghiệp (thuộc mọi thành phần kinh tế) đều tập trung vào hệ sinh thái hỗ trợ. Các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ cần có sự kết nối và cơ sở hạ tầng tốt trong các khu công nghiệp và tại các trung tâm đô thị. Bên cạnh các yếu tố vật chất, các doanh nghiệp cũng cần có sự hỗ trợ đầy đủ từ chính quyền tỉnh để có thể dễ dàng phát triển kinh doanh, chẳng hạn như trong các quy trình và phê duyệt sử dụng đất để phát triển các dự án mới.

Hiện nay, cộng đồng ở Hưng Yên chủ yếu làm nông nghiệp. Các cộng đồng nông nghiệp này cần được hỗ trợ về việc tăng cường ứng dụng công nghệ để cải thiện năng suất. Họ cũng cần được hỗ trợ để phát triển các kỹ năng cần thiết để sử dụng hiệu quả công nghệ mới, thông qua đào tạo nghề hoặc các chương trình phát triển kỹ năng khác. Người dân nói chung, đặc biệt là những người lao động tri thức và gia đình của họ sống ở Hưng Yên, cần một môi trường xanh với nhiều loại hình dịch vụ tốt. Điều này sẽ giúp Hưng Yên trở thành nơi sinh sống và làm việc hấp dẫn hơn.

Hình 1: Những điểm chính trong tầm nhìn cho tỉnh Hưng Yên



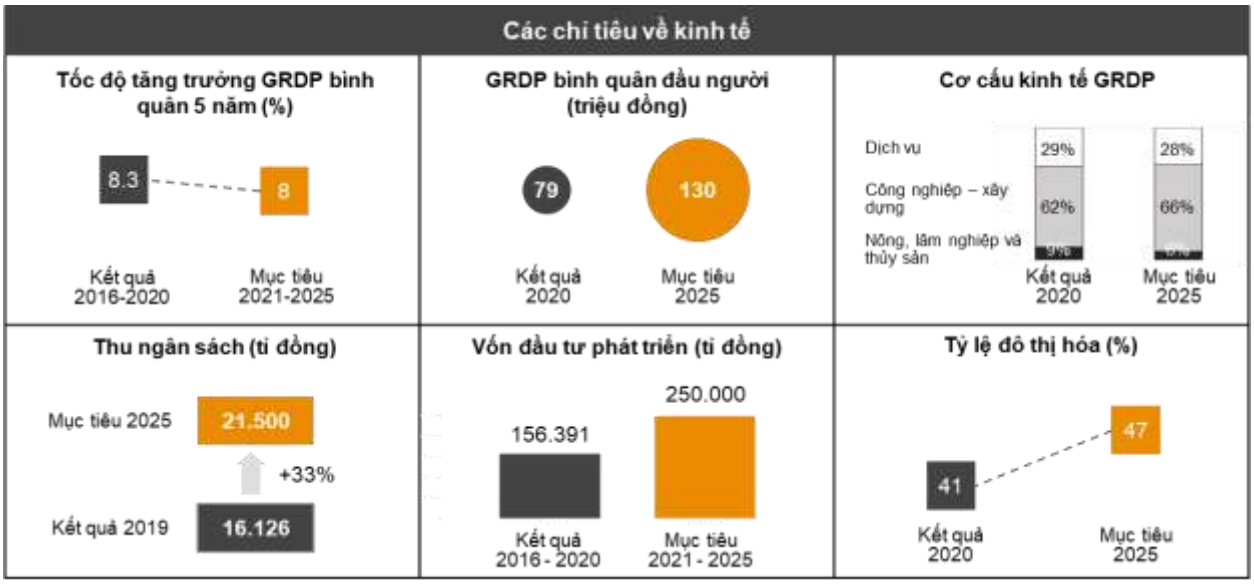
Mục tiêu kinh tế

Hưng Yên đã hoàn thành vượt mức [1] các chỉ tiêu kế hoạch đến năm 2020, và dự kiến đạt mục tiêu GRDP bình quân đầu người là 130 triệu đồng vào năm 2025. Dựa trên kết quả hoạt động của những năm trước, Hưng Yên có khả năng đạt các mục tiêu về cơ cấu kinh tế đến năm 2025. Điều này phù hợp với định hướng phát triển của Hưng Yên tiếp tục là một tỉnh công nghiệp và thúc đẩy nông nghiệp ứng dụng công nghệ.

Mặc dù đã vượt mục tiêu tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2016-2020, Hưng Yên vẫn đặt mục tiêu phát triển 5 năm tới ở mức khá thận trọng. Tuy nhiên, mục tiêu này có thể gần với kết quả thực hiện bình quân trong giai đoạn 2021-2025, do kinh tế suy thoái trong giai đoạn 2020-2021 bởi đại dịch COVID-19. Thực trạng và dự báo các chỉ tiêu kinh tế và chỉ số quản trị hành chính và các xếp hạng khác của tỉnh Hưng Yên được thể hiện như sau:

[1] Nghị quyết về Phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2021-2025)

Hình 2: Mục tiêu kinh tế xã hội của Hưng Yên trong giai đoạn 2016-2020 và 2021-2025



Bảng 1: Các xếp hạng về quản trị hành chính của Hưng Yên

Xếp hạng về quản trị hành chính của Hưng Yên	Kết quả 2016	Kết quả 2020	Mục tiêu 2025
Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)	50	53	43*
Chỉ số ICT	29	13	Top 25
Chỉ số cải cách hành chính (PAR)	31	22	Top 20
Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI)	15	44	Top 20
Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS)		5	Top 5

Lưu ý: (*) Mục tiêu nâng hạng chỉ số PCI là mỗi năm 2 bậc trong giai đoạn từ 2021 đến 2025

Theo kế hoạch thực hiện giai đoạn 2021-2025, tỉnh Hưng Yên phấn đấu:

(a) Thu hút các nhà đầu tư có năng lực đầu tư xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp và cụm công nghiệp, phấn đấu đến năm 2025 hoàn thành đầu tư xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp đã được quy hoạch.

(b) Xây dựng và triển khai Chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, theo hướng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và xây dựng thương hiệu nông sản.

(c) Nâng cao hiệu quả công tác thu – chi ngân sách, có biện pháp nuôi dưỡng nguồn thu phù hợp và từng bước cải thiện bền vững cơ cấu thu.

(d) Khuyến khích các dự án đầu tư phát triển thương mại (chú trọng phát triển thương mại điện tử) và du lịch.

(e) Nâng cao phúc lợi xã hội (chăm sóc y tế, giáo dục, an ninh) và mức sống cho người dân.

Thách thức và hệ lụy đối với tăng trưởng kinh tế bền vững

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi chỉ ra rằng Hưng Yên cần một cách tiếp cận phát triển cân bằng và bền vững để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong một môi trường xanh, nhưng có những thách thức và hệ lụy chính cần tính tới. Đối với **định hướng và các mục tiêu quy hoạch**, Hưng Yên cần tiếp tục tập trung vào phát triển công nghiệp, nhưng đồng thời giải quyết các nhu cầu **phát triển đô thị và dịch vụ**, cùng với **tăng cường kết nối tốt hơn**. Đóng góp của kinh tế số vào GRDP dự kiến sẽ tăng lên theo xu hướng toàn cầu, nhưng điều này đòi hỏi đầu tư đầy đủ vào phát triển kỹ năng như là một yếu tố chính để thúc đẩy người lao động, các ngành, và chính phủ áp dụng công nghệ. Ngoài ra, cần tập trung phát triển các khu đô thị, dựa trên mô hình thành phố thông minh tại các nút trung tâm đô thị khu vực phía Bắc và xung quanh thành phố Hưng Yên. Chuyển dịch nông nghiệp sang nông nghiệp giá trị và năng suất cao đòi hỏi đầu tư vào công nghệ và quy hoạch cẩn thận để tránh gây ô nhiễm.

Đánh giá thực trạng của tỉnh Hưng Yên cho thấy sự phát triển mất cân đối giữa khu vực phía Bắc và phía Nam của tỉnh. Hưng Yên vẫn còn diện tích đất đáng kể trong các khu công nghiệp (hiện có và đã được quy hoạch) đủ cho phát triển đến năm 2050. Điều này là do quy hoạch các khu công nghiệp không đồng bộ với phát triển dịch vụ và đô thị, dẫn đến mức độ hấp dẫn thấp đối với các nhà đầu tư và tỷ lệ bao phủ đất thấp trong các khu công nghiệp và cụm công nghiệp. Điểm số PCI của Hưng Yên đã giảm trong vài năm qua và điều này cần được khắc phục bằng cách cải thiện thể chế và môi trường kinh doanh để thu hút đầu tư hơn nữa. Mặc dù nông nghiệp có thể được coi là thế mạnh của Hưng Yên với một số sản phẩm đáng chú ý, nhưng việc áp dụng công nghệ thấp đến nay đã làm giảm năng suất và sức cạnh tranh của ngành. Thiếu hụt lao động có tay nghề cao ở các ngành nghề kinh tế cần được hỗ trợ bằng hệ thống giáo dục chất lượng. Trong ngắn hạn, điều này sẽ giúp Hưng Yên giảm sự phụ thuộc vào lao động từ các tỉnh khác, và về lâu dài, Hưng Yên có thể hỗ trợ đáp ứng các nhu cầu về lực lượng lao động cho các tỉnh khác.

Đối với các xu hướng và cơ hội toàn cầu, chúng tôi nhận thấy nhu cầu cấp bách phải phát triển ngành dịch vụ ở Hưng Yên đối với cả các dịch vụ liên quan đến công nghiệp và các dịch vụ tổng hợp khác. Khi các ngành công nghiệp tăng năng suất và chuyển dịch chuỗi giá trị theo hướng các hoạt động kinh tế thâm dụng tri thức hơn, điều này chắc chắn sẽ đòi hỏi nhiều dịch vụ hơn. Mặt khác, các cộng đồng bao gồm người lao động và rộng hơn là toàn bộ người dân, cần có các dịch vụ như chăm sóc sức khỏe, giáo dục, bán lẻ, ngân hàng và các dịch vụ khác để nâng cao chất lượng sống. Các xu hướng sau đại dịch cho thấy sự thay đổi trong phân chia thành thị - nông thôn và thiết kế cấu trúc của các thành phố theo hướng phù hợp với các phương thức làm việc từ xa mới.

Các lĩnh vực trọng tâm đề xuất cho tỉnh Hưng Yên

Do có sự phát triển mất cân đối giữa các khu vực phía Bắc và phía Nam, mỗi khu vực của Hưng Yên cần có một cách tiếp cận và trọng tâm phát triển với mục tiêu khác nhau[2]. Các lĩnh vực tập trung có thể được chia thành tập trung vào con người, tập trung vào công nghiệp và tập trung vào nông nghiệp.

Hình 3: Các khu vực trọng tâm theo vị trí địa lý được đề xuất



Trọng tâm con người có thể được định nghĩa là một nền kinh tế tập trung vào dịch vụ, định hướng đổi mới sáng tạo với tỷ lệ cao các lao động tri thức. Các khu vực trọng tâm con người được biểu thị bằng màu vàng trên bản đồ chủ yếu nằm ở khu vực phía Bắc gần Hà Nội nhất cũng như khu vực đô thị hiện hữu ở phía Nam, thành phố Hưng Yên. Định hướng tổng thể là phát triển thành phố Hưng Yên và khu vực phía Bắc tỉnh Hưng Yên thành các nút trung tâm đô thị. Mục đích cũng là thúc đẩy sự phát triển của các ngành công nghiệp dựa trên tri thức và lĩnh vực dịch vụ, tại các khu vực tập trung vào con người.

Trọng tâm công nghiệp là nền kinh tế tập trung vào công nghiệp được hỗ trợ bởi công nghệ với sự chú trọng nhiều hơn vào sản xuất giá trị cao và chuyên môn hóa sản phẩm. Để đạt được điều này, cần có những nỗ lực cải thiện kết nối và phát triển cơ sở hạ tầng cho các khu công nghiệp dọc theo đường cao tốc lớn hiện có, cũng như tuyến đường quy hoạch kết nối khu vực phía Bắc và phía Nam của Hưng Yên. Các khu vực tập trung công nghiệp này được biểu thị bằng màu cam trên bản đồ.

Đối với **trọng tâm nông nghiệp** Các khu vực còn lại (ngoài các khu vực được chỉ định bằng màu vàng và màu cam) có thể được duy trì. Nền kinh tế dựa vào nông nghiệp với đặc trưng là các sản phẩm có giá trị cao và mối liên kết chặt chẽ với nghiên cứu và phát triển (R&D) và công nghệ. Định hướng phát triển cho lĩnh vực này nên là duy trì phát triển ngành nông nghiệp, nhưng cải thiện việc áp dụng công nghệ và đào tạo lực lượng lao động để nâng cao năng suất và hiệu quả nông nghiệp.

[2] Lưu ý: Các khu vực đánh dấu trong bản đồ chỉ mang tính chất biểu thị

Việc lựa chọn chiến lược các hoạt động có giá trị cao hơn là rất quan trọng đối với sự phát triển của Hưng Yên để hướng tới một nền kinh tế định hướng hiệu quả hơn trong trung hạn và một nền kinh tế định hướng đổi mới sáng tạo trong dài hạn. Hình dưới đây cho thấy các yếu tố thành công then chốt theo từng lĩnh vực trọng tâm, cũng như các sáng kiến chính được đề xuất trong giai đoạn đến năm 2050 và từ năm 2050 trở đi:

Hình 4: Các yếu tố thành công then chốt và các sáng kiến chính được đề xuất đến năm 2050 và từ năm 2050 trở đi



Các yếu tố thành công then chốt trong các lĩnh vực trọng tâm bao gồm phát triển cơ sở hạ tầng, áp dụng công nghệ (tự động hóa, số hóa), cải thiện kết nối, nâng cao tay nghề cho lực lượng lao động và duy trì các tiêu chuẩn môi trường tốt. Đối với trọng tâm công nghiệp, cần phải chuyển từ sản xuất thâm dụng lao động sang sản xuất có giá trị gia tăng cao hơn và sản xuất dựa trên đổi mới sáng tạo. Để hỗ trợ điều này, một trong những sáng kiến được đề xuất là thành lập một trung tâm giáo dục ứng dụng công nghệ tiên tiến. Điều này sẽ giúp đáp ứng nhu cầu về lực lượng lao động có tay nghề cao cho Hưng Yên và các nhu cầu tiềm năng của các tỉnh khác khác trong dài hạn. Các khu công nghiệp sẽ phải đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài. Điều này bao gồm đảm bảo sự phát triển thích hợp các dịch vụ cũng như chỗ ở cho người lao động. Về lâu dài, Hưng Yên có thể được phát triển hơn nữa như một trung tâm dịch vụ hỗ trợ ngành công nghiệp và nông nghiệp, phục vụ cho các doanh nghiệp tại Hưng Yên và các tỉnh lân cận.

Đối với trọng tâm nông nghiệp, các phương thức canh tác truyền thống cần được nâng cấp dần với việc áp dụng công nghệ để nâng cao năng suất và sản lượng. Điều này phù hợp với định hướng tổng thể là hướng tới nông nghiệp thông minh. Với tỷ trọng công nghiệp lớn của các tỉnh lân cận, đây là cơ hội để Hưng Yên phát triển thành trung tâm nông nghiệp thông minh của vùng Đồng bằng sông Hồng. Việc chuyển đổi sang lĩnh vực nông nghiệp có giá trị cao phải được thực hiện cẩn thận, có quy hoạch chi tiết, vì sự chuyển dịch này có thể gây ô nhiễm, khó chịu về mặt quang học và gây áp lực cho môi trường.

Trọng tâm con người liên quan đến sự phát triển của lĩnh vực dịch vụ, bao gồm cả giáo dục và chăm sóc sức khỏe. Phát triển bất động sản mạnh mẽ trong vài năm qua, đặc biệt là ở khu vực

phía Bắc của Hưng Yên, được dự kiến sẽ tiếp tục diễn ra, trừ khi có đủ nỗ lực để cải thiện kết nối và phát triển dịch vụ ở khu vực phía Nam, để giảm sự mất cân bằng giữa hai khu vực. Để thúc đẩy phát triển trong tương lai, các sáng kiến chính bao gồm tăng lực lượng lao động có tay nghề cao, phát triển các dịch vụ du lịch văn hóa và lịch sử, cũng như phát triển đô thị theo hướng thành phố thông minh.

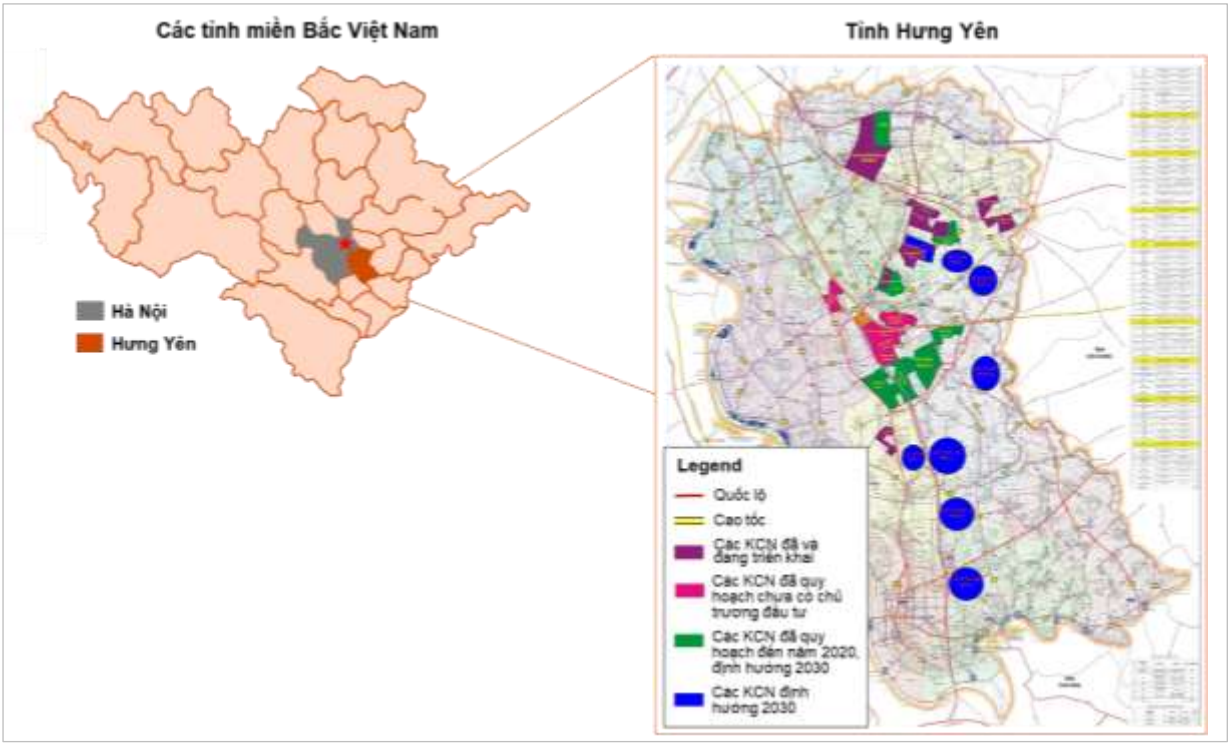
2. Định hướng chiến lược của tỉnh Hưng Yên

2.1. Đánh giá thực trang của tỉnh Hưng Yên trong bối cảnh địa phương

Vị trí địa lý

Hưng Yên là một tỉnh thành phố-vệ tinh nhỏ cạnh bên thủ đô Hà Nội với dân số khoảng 1,27 triệu người vào năm 2021. Hưng Yên có mật độ dân số: 1.364 người/km2, xếp thứ 4 của cả nước năm 2019. Diện tích đất: 930,2 km2 (một trong ba tỉnh nhỏ nhất cả nước), trong đó 58% là đất nông nghiệp (588,7 km2).

Hình 5: Hiện trạng sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất trong tương lai của Hưng Yên



Thời gian di chuyển bằng đường bộ từ Thành phố Hưng Yên đến một số địa điểm chính:

- 1 tiếng 16 phút đến trung tâm thành phố Hà Nội (~60 km)
- 1 tiếng 25 phút đến Sân bay Quốc tế Nội Bài (~77 km)
- 1 tiếng 40 phút đến Sân bay Quốc tế Cát Bi (~117 km)
- 1 tiếng 42 phút đến Cảng biển Lạch Huyện (~122 km)

Tỉnh Hưng Yên có hơn 1.200 di tích lịch sử, văn hóa trong đó có 164 di sản được xếp hạng di sản quốc gia, cùng nhiều làng nghề truyền thống và đặc sản địa phương. Hưng Yên có vị trí chiến lược nằm ở trung tâm vùng đồng bằng sông Hồng và thuộc tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng

- Quảng Ninh; một trong 7 tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Hưng Yên còn là cửa ngõ phía Đông của Hà Nội với cơ sở hạ tầng phát triển tốt (khu vực phía Bắc tỉnh Hưng Yên).

Ngoài ra, Hưng Yên có quỹ đất đáng kể dành cho phát triển các khu công nghiệp (tổng diện tích ~ 10.000 ha đã được quy hoạch đến năm 2050, trong đó ~ 3.900 ha đất đã được phê duyệt hiện tại, mục tiêu đạt 8.000 ha vào năm 2030) và có tiềm năng phát triển du lịch nhờ có di tích lịch sử và văn hóa phong phú.

Tuy nhiên, tồn tại sự thiếu cân đối trong phát triển kinh tế xã hội giữa 05 huyện phía Bắc (huyện Văn Giang, Văn Lâm, Yên Mỹ, Mỹ Hào, Khoái Châu) và các huyện phía nam (thành phố Hưng Yên, huyện Ân Thi, Phù Cừ, Kim Động, Tiên Lữ). Hiện tại, 07 khu công nghiệp đang hoạt động đều tập trung tại các huyện phía Bắc, gắn với các tuyến giao thông quan trọng của tỉnh như quốc lộ 5, quốc lộ 39A và cao tốc Hà Nội – Hải Phòng. Theo số liệu của Cục thống kê tỉnh Hưng yên, số doanh nghiệp và số lao động làm việc ở các huyện phía Bắcchiếm tới 73% và 74% tổng số doanh nghiệp và lao động trên toàn tỉnh, doanh thu thuần từ sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp này cũng chiếm tới 88,4% so với tổng danh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh toàn tỉnh Hưng Yên. Dân số đông (chiếm xấp xỉ 57% dân số tỉnh Hưng Yên) và tỷ lệ đô thị hóa cao, khiến năm huyện phía Bắc hầu hết được xếp hạng đô thị loại III và IV, trong khi ở các khu vực còn lại đều là đô thị loại V (trừ thành phố Hưng Yên là đô thị loại II). Với vị trí gần với Hà Nội, khu vực phía bắc của Hưng Yên cũng thu hút được các dự án đầu tư khu đô thị hiện đại như Ecopark, Dream City, Đại An... Ngoài ra, lĩnh vực nông nghiệp ở các huyện phía Bắc như Văn Giang và Văn Lâm cũng phát triển hơn các huyện phía Nam với nghề trồng hoa, cây cảnh nổi tiếng, được ưa chuộng trên thị trường và đem lại thu nhập cao cho người nông dân.

Năng lực cạnh tranh của tỉnh Hưng Yên

Tuy gần Hà Nội nhưng Hưng Yên lại có mức độ phát triển chung và năng lực cạnh tranh kém hơn so với các tỉnh khác. Bảng dưới cung cấp so sánh một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội[3] giữa Hưng Yên, Bắc Ninh, Quảng Ninh.

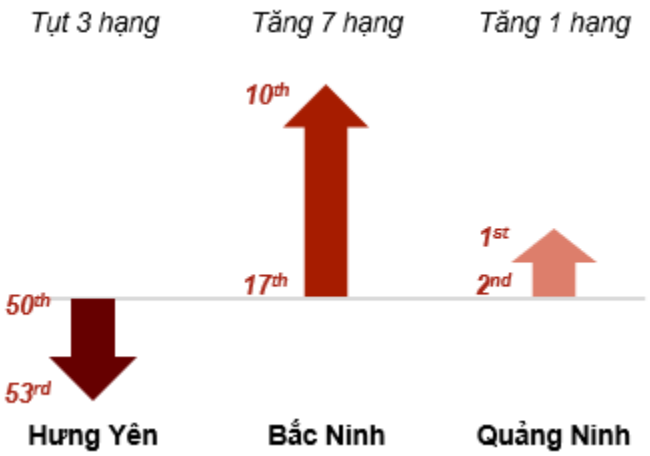
Bảng 2: Một số chỉ tiêu kinh tế xã hội chính của Hưng Yên, Bắc Ninh, Quảng Ninh

Số liệu tính bằng triệu đồng (2020)	Hưng Yên	Bắc Ninh	Quảng Ninh
GRDP danh nghĩa	99.875	205.100	208.000
- Nông, lâm, ngư nghiệp	9,3%	2,7%	6,0%
- Công nghiệp & xây dựng	61,3%	76,5%	52,0%
- Dịch vụ	29,4%	20,8%	42,0%
GRDP bình quân đầu người	78,7	147,3	164,0
Thu nhập bình quân đầu người	48.5	65.3	54.4
FDI trung bình, 2015-2019 *(tỷ đồng)*	8.723	54.061	7.149

[3] Nguồn: Báo cáo kinh tế - xã hội năm 2020 của Hưng Yên, Bắc Ninh, Quảng Ninh; Báo cáo PCI, Tổng cục thống kê, và Cục Thống kê tỉnh Hưng Yên

So sánh cho thấy, Hưng Yên đạt kết quả kém hơn so với các tỉnh lân cận trong các chỉ tiêu quan trọng liên quan đến năng lực cạnh tranh và thu hút nhà đầu tư. Cụ thể, các chỉ tiêu này bao gồm việc tiếp cận đất đai, tính minh bạch, chi phí thời gian, dịch vụ hỗ trợ kinh doanh, và chính sách lao động.

Hình 6: Xếp hạng điểm số PCI của Hưng Yên, Bắc Ninh và Quảng Ninh năm 2016 và 2020



Theo báo cáo xếp hạng PCI[4], Hưng Yên từ vị trí thứ 50 đã tụt xuống vị trí thứ 53, trong khi Bắc Ninh và Quảng Ninh đều tăng thứ hạng, trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020 (lần lượt từ vị trí thứ 17 lên vị trí thứ 10, và từ vị trí thứ 2 lên vị trí thứ 1). Phân tích của chúng tôi chỉ ra rằng có nhiều vấn đề và thách thức khác nhau góp phần vào năng lực cạnh tranh kém của Hưng Yên như sự phát triển không cân đối giữa các huyện phía Bắc và phía Nam về cả đô thị và các hoạt động kinh tế. Ngoài ra, dịch vụ và du lịch vẫn còn kém phát triển, mặc dù tiềm năng cơ hội cho du lịch văn hóa và di sản là lớn.

Phát triển nông nghiệp từ trước đến nay chủ yếu là canh tác truyền thống, năng suất thấp, và ứng dụng công nghệ còn hạn chế. Như vậy, phát triển nông nghiệp chưa gắn với công nghiệp và dịch vụ. Bên cạnh đó còn những vấn đề về truy xuất nguồn gốc và đăng ký nhãn hiệu nông sản. Để thúc đẩy nông nghiệp phát triển với quy mô lớn hơn và năng suất cao hơn, cần có sự liên kết chặt chẽ hơn giữa khu vực nông nghiệp với khu vực công nghiệp và dịch vụ. Ví dụ, liên kết hoạt động chế biến nông sản và dịch vụ hậu cần để có thể bảo quản và vận chuyển nông sản hiệu quả.

Một vấn đề then chốt trong phát triển công nghiệp tại Hưng Yên là quy hoạch các khu công nghiệp không gắn với phát triển dịch vụ và đô thị. Điều kiện sống của các khu nhà ở của công nhân không đủ để đáp ứng các tiêu chuẩn tối thiểu. Việc thiếu phát triển các dịch vụ và đô thị gần với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp khiến các khu công nghiệp kém hấp dẫn hơn đối với các nhà đầu tư. Do đó, mặc dù tỷ lệ lấp đầy tại các khu công nghiệp còn thấp, các doanh nghiệp vẫn tìm kiếm sự chấp thuận để phát triển đất ngoài khu vực được chỉ định cho các hoạt động công nghiệp. Ngay cả đối với các dự án trong khu, cụm công nghiệp cũng chậm triển khai do vướng đền bù giải phóng mặt bằng.

[4] PCI đề cập đến Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, dựa trên cuộc khảo sát hàng năm về môi trường kinh doanh của Việt Nam

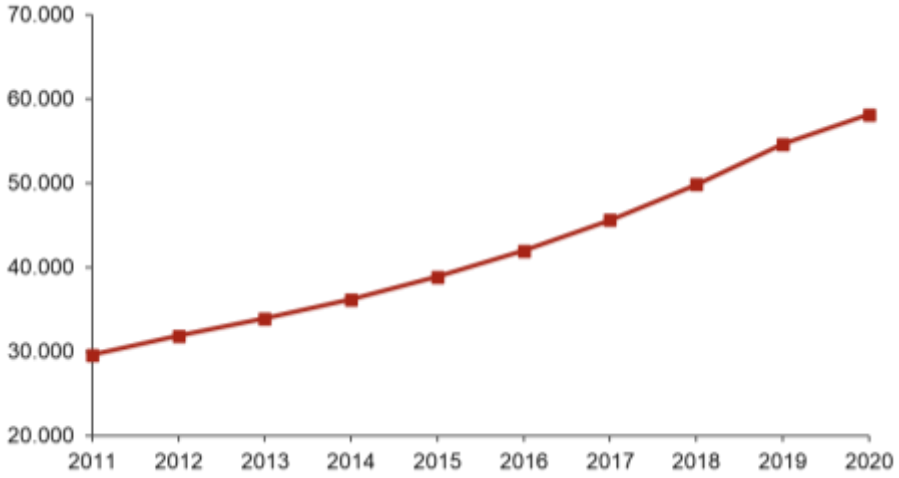
Về lực lượng lao động và trình độ học vấn, Hưng Yên phụ thuộc nhiều vào nguồn lao động bên ngoài, thiếu công nhân có tay nghề cao và cán bộ quản lý, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề còn thấp. Hoạt động dạy nghề nhìn chung có chất lượng thấp, sự kết nối giữa doanh nghiệp với trung tâm đào tạo nghề còn hạn chế. Kết quả là, học viên được đạo tạo nghề có thể không đáp ứng được nhu cầu của ngành liên quan. Nhìn chung, hệ thống giáo dục hiện tại không đáp ứng được nhu cầu thị trường, hệ thống cơ sở hạ tầng kém phát triển với dịch vụ nghèo nàn không thu hút được sinh viên.

Về vấn đề môi trường, Hưng Yên phải đối mặt với nguy cơ nguồn nước ngày càng ô nhiễm, do hầu hết nước thải sinh hoạt đều đổ thẳng ra sông, nước thải công nghiệp không được xử lý hợp lý trước khi xả thải ra ngoài. Hiện nay, xử lý chất thải rắn được thực hiện thông qua phương pháp chôn lấp, không bền vững về lâu dài.

Tình hình phát triển kinh tế xã hội tại tỉnh Hưng Yên

GRDP theo giá so sánh năm 2010 của tỉnh Hưng Yên tăng trưởng ổn định trong giai đoạn 2011-2020 với tốc độ tăng trưởng kép hằng năm (CAGR) đạt 7,7%. Biểu đồ dưới đây[5] thể hiện GRDP theo giá so sánh của Hưng Yên đã tăng 1,95 lần từ 29.604 tỷ đồng năm 2011 lên 57.867 tỷ đồng năm 2020.

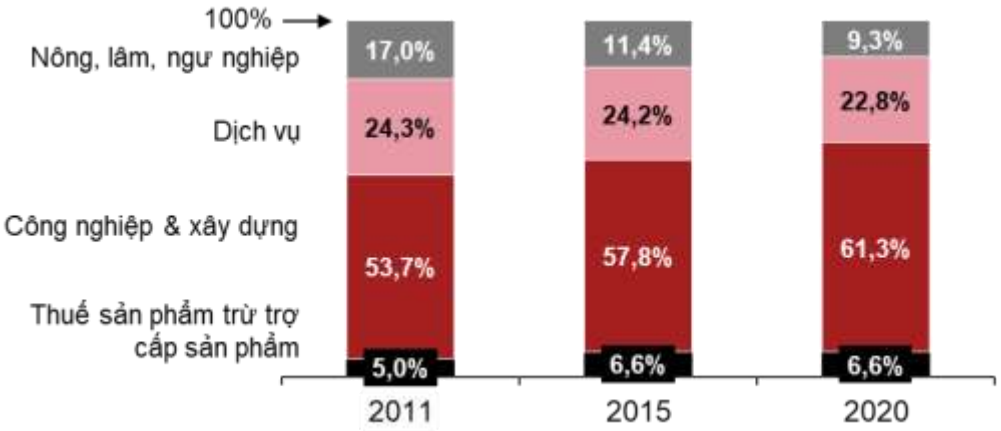
Hình 7: GRDP theo giá so sánh của Hưng Yên (tỷ đồng)



Tăng trưởng GRDP của tỉnh Hưng Yên ngày càng được cải thiện từ năm 2016 trở đi với tốc độ tăng trưởng kép hằng năm (CAGR) trong giai đoạn 2016-2020 đạt mức 8,4%, cao hơn mức tăng trưởng 7,1% trong giai đoạn 2011-2015. Mặc dù tăng trưởng kinh tế của Hưng Yên giai đoạn 2016-2019 (CAGR đạt 9,1%) thấp hơn so với mức tăng tưởng của Bắc Ninh và Quảng Ninh (CAGR lần lượt là 10,3% và 11,1%), nhưng vẫn cao hơn CAGR ở mức 7,0% của cả nước trong cùng kỳ.

[5] Niêm giám thống kê tỉnh Hưng Yên

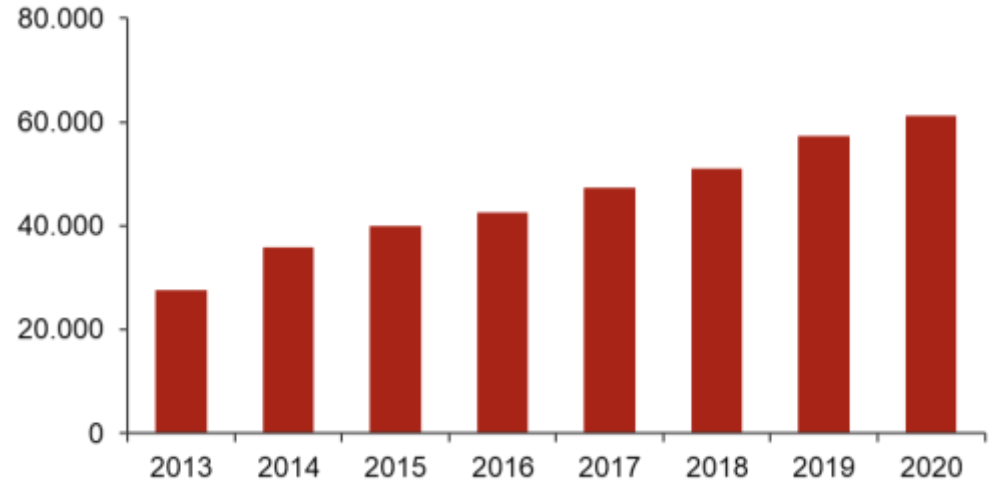
Hình 8: Cơ cấu GRDP theo ngành kinh tế của tỉnh Hưng Yên (2011-2020)



Cơ cấu GRDP thực tế theo ngành kinh tế[6] cho thấy Hưng Yên đã tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng trọng tâm công nghiệp. Tỷ trọng đóng góp của ngành công nghiệp và xây dựng trong GRDP hiện hành tăng từ 53,7% lên 61,3% trong giai đoạn 2011-2020, ngược lại, tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 17,0% xuống còn 9,3%.

Về khía cạnh phát triển xã hội, Hưng Yên ghi nhận sự cải thiện ở cả GRDP bình quân đầu người và vấn đề việc làm. GRDP bình quân đầu người tăng từ 32,8 triệu đồng năm 2011 lên mức 49,1 triệu đồng trong năm 2015 và đạt mức 78,7 triệu đồng năm 2020, tương ứng với mức tăng 2,4 lần từ năm 2011 đến năm 2020. Cùng với sự chuyển đổi trong cơ cấu kinh tế từ trọng tâm nông nghiệp sang trọng tâm phát triển công nghiệp, lao động đang làm việc trong khu vực công nghiệp, xây dựng đã tăng từ 21,4% đến 45,5%, trong khu vực dịch vụ giảm từ 33,1% lên 28,7% và khu vực nông, lâm, ngư nghiệp giảm từ 45,5% xuống 25,7% trong giai đoạn 2015-2020.

Hình 9: Việc làm trong khu công nghiệp (người)



Số lượng lao động trong các khu công nghiệp ngày càng gia tăng phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh. Trong vòng 7 năm qua, số lao động làm việc trong các khu công nghiệp[7] tại Hưng

[6] Niêm giám thống kê tỉnh Hưng Yên
[7] Báo cáo hàng năm của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh

Yên tăng 2,2 lần, từ 27.626 người lên 61.207 người. Tuy nhiên, để đáp ứng nhu cầu về nhân lực, Hưng Yên phải dựa vào nguồn lao động bên ngoài. Theo số liệu thống kê từ ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên, có khoảng 31.000 người lao động (xấp xỉ 50% tổng số lao động tại các khu công nghiệp) đến từ các tỉnh khác.

Hưng Yên trong bối cảnh Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ

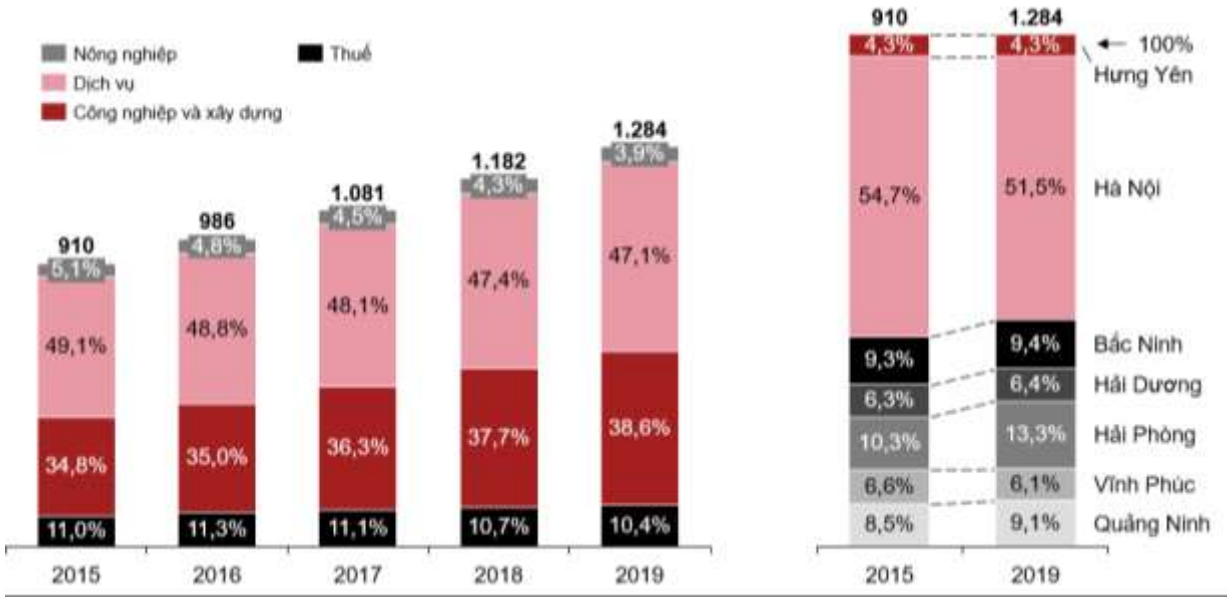
Với vị trí chiến lược thuộc Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, một trong những lợi thế chính của Hưng Yên là vị trí địa lý gần với các trung tâm lớn, có cơ hội tận dụng các nguồn nhân lực chất lượng cao.

Hình 10: Bản đồ các tỉnh thành thuộc Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ



Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ ("Vùng KTTĐBB") là một trong ba vùng kinh tế trọng điểm của Việt Nam, bao gồm 7 tỉnh và thành phố là Hà Nội, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Hải Dương, Hải Phòng và Quảng Ninh. Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ là trung tâm đầu não về chính trị, kinh tế, văn hóa và khoa học công nghệ của cả nước và là lãnh thổ động lực của Vùng đồng bằng sông Hồng, đây cũng là điểm đến tốt nhất cho chiến lược "Trung Quốc +1". Với các đặc điểm chiến lược về kinh tế xã hội và lực lượng lao động có chất lượng và tay nghề cao, Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ được kì vọng trở thành đầu tàu trong phát triển kinh tế tri thức và thực hiện các mũi đột phá trong phát triển kinh tế của cả nước.

Hình 11: Cơ cấu GRDP của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ theo khu vực kinh tế và theo tỉnh (2015-2019)



Vùng KTTĐBB có tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm là 9% trong giai đoạn 2015-2019, trong đó Hà Nội và Hải Phòng đóng góp 65% vào tổng quy mô GRDP của cả vùng. Mặc dù có tỷ trọng đóng góp nhỏ nhất vào GRDP vùng (4,3%), Hưng Yên đã thành công trong việc duy trì cùng tốc độ tăng trưởng kinh tế là 8,9%. Lĩnh vực công nghiệp và xây dựng ngày càng gia tăng hơn trong quy mô kinh tế của vùng (CAGR đạt 12%), trong khi nông nghiệp tăng trưởng chậm hơn (CAGR đạt 2%), xu hướng chuyển dịch này phù hợp với các ưu tiên phát triển của Hưng Yên. Trong số 7 tỉnh và thành phố của Vùng KTTĐBB, Hưng Yên có tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản trong GRDP năm 2020 cao nhất (9,3%) và dịch vụ thấp nhất (22,8%).

Các liên kết chính trong Vùng KTTĐBB hỗ trợ cho sự phát triển của Hưng Yên trong giai đoạn tới gồm:

- **Hưng Yên – Hà Nội:** Hà Nội có kế hoạch nâng cấp Sân bay quốc tế Nội Bài lên quy mô 63 triệu hành khách và 2 triệu tấn hàng hóa vào năm 2030. Đây được kì vọng sẽ thúc đẩy đầu tư vào Hưng Yên, tạo điều kiện cho tỉnh tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu các sản phẩm công nghiệp (ngành điện và điện tử) và củng cố vai trò vệ tinh của tỉnh.

- **Hưng Yên – Hải Phòng**: Hưng Yên có vị trí chiến lược nằm dọc theo đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng, cùng mạng lưới trung tâm logistic và cảng cạn ICD ngày càng gia tăng. Với liên kết giao thông thuận lợi, Hưng Yên có thể phát triển như một trung tâm logistic của vùng, hỗ trợ phát triển nông nghiệp và công nghiệp.

  Hưng Yên – Quảng Ninh: Quảng Ninh có thể hỗ trợ Hưng Yên tiếp cận mạnh mẽ hơn với thị trường Trung Quốc và các thị trường khác trong khu vực, đồng thời thúc đẩy hợp tác và kết nối để phát triển các ngành công nghiệp và dịch vụ tại Hưng Yên và Quảng Ninh.

Phân tích SWOT cho tỉnh Hưng Yên

Phân tích SWOT cho thấy Hưng Yên có thể tận dụng vị trí chiến lược của mình để thúc đẩy phát triển theo hướng thân thiện với môi trường và lối sống xanh bên cạnh việc tập trung tăng trưởng ngành công nghiệp.

Điểm mạnh

- Hưng Yên là tỉnh vệ tinh của Hà Nội, gần nguồn nhân lực chất lượng cao, các cảng hàng không và cảng biển trọng điểm của vùng.
- Bên cạnh vị trí là trung tâm của Vùng đồng bằng sông Hồng và trung tâm của tam giác phát triển kinh tế Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh, Hưng Yên có vị trí chiến lược nằm dọc các tuyến đường nối các cửa khẩu lớn với Trung Quốc (Lào Cai – Hà Nội - Hải Phòng – Quảng Ninh - Móng Cái, Lạng Sơn – Hải Phòng).
- Hưng Yên có hệ thống giao thông đường bộ phát triển tốt giúp dễ dàng tiếp cận với các tỉnh lân cận trong vùng bằng phương tiện cá nhân, xe buýt liên tỉnh (đi lại hàng ngày).
- Với mục tiêu trở thành một tỉnh trọng tâm phát triển công nghiệp, Hưng Yên có quỹ đất lớn được quy hoạch cho phát triển công nghiệp.
- Lao động nông nghiệp tại Hưng Yên có tay nghề cao trong các lĩnh vực trồng hoa, cây cảnh, và cây ăn quả đặc biệt là tại các huyện ở phía bắc như Văn Giang, Văn Lâm, Yên Mỹ.
- Tỉnh Hưng Yên có hệ thống sông dày đặc với 2 tuyến sông chính (sông Hồng, sông Luộc) và 5 tuyến sông nhỏ hơn.
- Hưng Yên sở hữu nhiều di sản văn hóa lịch sử phong phú với biểu tượng phố Hiến cổ.
- Hưng Yên có môi trường xanh và ít ô nhiễm hơn Hà Nội.

Điểm yếu

- Việc lập quy hoạch không phù hợp (thể hiện thông qua điểm số PCI) của tỉnh dẫn đến sự phát triển mất cân đối giữa các huyện phía Bắc và phía Nam.
- Hưng Yên xếp hạng cuối trong số 7 tỉnh thuộc Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ về chỉ số PCI (2013 – 2020) do các vấn đề về giải phóng mặt bằng, đền bù đất, tính minh bạch, thời gian xử lý thủ tục, dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp và lực lượng lao động.
- Nhu cầu phát triển nhanh chóng ngành công nghiệp dẫn đến sự nhượng bộ của chính quyền với các nhà đầu tư trong việc lựa chọn ngành công nghiệp và địa điểm dự án không theo quy hoạch.
- Lĩnh vực đào tạo nghề kém hiệu quả và hạn chế trong hỗ trợ tìm kiếm việc làm, thiếu sự phối hợp với doanh nghiệp trong đào tạo và tuyển dụng lao động.
- Tỉnh Hưng Yên khai thác kém hiệu quả hệ thống đường thủy nội địa, kết nối giao thông với Bắc Ninh còn hạn chế và chưa có kết nối giao thông công cộng với Hà Nội.
- Tài nguyên thiên nhiên ở Hưng Yên khá hạn chế,chủ yếu là đất và khoáng sản như cát đen, đất sét, và than.

Cơ hội *(Mỗi cơ hội trước lần lượt đóng vai trò nền tảng cho các cơ hội sau)*

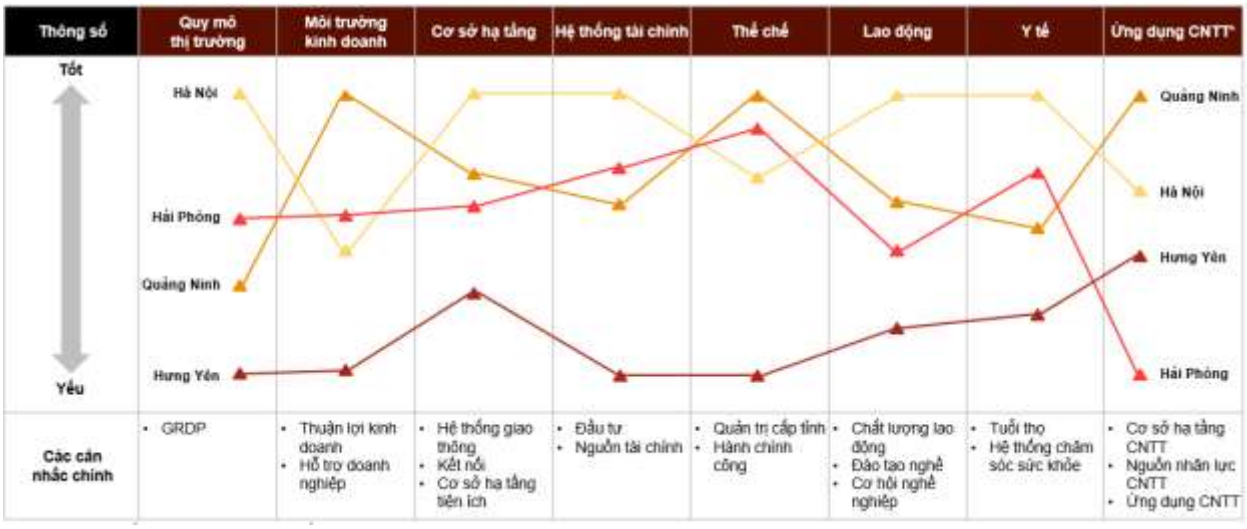
- **Phát triển công nghiệp:** Do các khu công nghiệp tại Hà Nội, Bắc Ninh và Hải Dương đã đạt tỉ lệ lấp đầy khoảng 90%, Hưng Yên có thể cung cấp không gian phát triển công nghiệp (bao gồm công nghiệp hỗ trợ) hơn nữa cho các tỉnh trong vùng để tạo ra sức mạnh tổng hợp nhằm nâng cao khả năng tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.
- **Trung tâm dịch vụ và logistic:** Với vị trí chiến lược nằm dọc theo các tuyến đường chính nối các cảng hàng không và cảng biển của Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến các cửa khẩu lớn với Trung Quốc và việc tiếp tục mở rộng kết nối giao thông (nâng cấp sân bay quốc tế Nội Bài, kéo dài đường cao tốc Hà Nội – Quảng Ninh) cho phép Hưng Yên trở thành một trung tâm dịch vụ và hậu cần của khu vực.
- **Trung tâm R&D đẳng cấp thế giới:** Hưng Yên có thể tự định vị thành một trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu và phát triển, cung cấp các kết nối giữa các cơ sở giáo dục và doanh nghiệp, thu hút các tập đoàn đa quốc tế đến thành lập các cơ sở nghiên cứu và phát triển.
- **Trung tâm đào tạo nghề và đào tạo bổ sung:** Hưng Yên có cơ hội trở thành một trung tâm đào tạo và phát triển, tập trung vào đào tạo mới và đào tạo bổ sung kỹ năng nghề để cung cấp nguồn lao động có tay nghề cho các tỉnh trong Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.
- **Khu vực thu hút dân cư phong cách sống mới:** Hưng Yên có thể được hưởng lợi từ nhu cầu chuyển dịch chỗ ở của người dân Hà Nội, đặc biệt khi các vấn đề ô nhiễm và tắc nghẽn giao thông khiến cho họ mong muốn tìm kiếm một cuộc sống xanh hơn, giá cả phải chăng và bền vững hơn, đây là hệ sinh thái hấp dẫn để thu hút nhân lực có tay nghề cao đến với Hưng Yên.

Thách thức

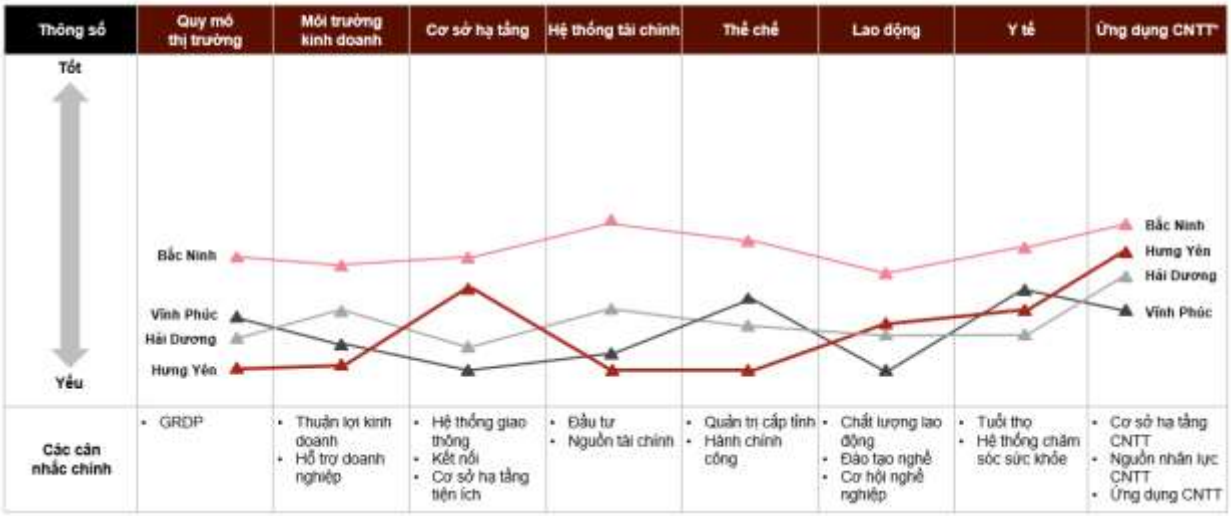
- Việc thiếu cải thiện khả năng liên kết chuỗi giá trị ngành và khả năng thích ứng của chuỗi cung ứng sẽ khiến Hưng Yên kém hấp dẫn hơn đối với các công ty đa quốc gia.
- Môi trường sẽ ngày càng bị đe dọa nếu phát triển công nghiệp không được kiểm soát, không xử lý chất thải triệt để và thực thi nghiêm các tiêu chuẩn về môi trường.
- Gia tăng cạnh tranh với các tỉnh lân cận như Bắc Ninh, Hải Dương, Hải Phòng, và Vĩnh Phúc trong phát triển công nghiệp cũng như thu hút nhà đầu tư đặc biệt trong các lĩnh vực là thế mạnh của Hưng Yên như điện và điện tử, dệt may.

Hưng Yên có thế mạnh về vị trí chiến lược, khả năng kết nối tốt, nhưng lại có những khoảng trống rõ ràng trong hệ sinh thái phát triển, bao gồm thiếu dịch vụ và nhân lực có tay nghề cao so với các tỉnh khác trong Vùng KTTĐBB. Dưới đây là biểu đồ so sánh các yếu tố chính của Hưng Yên với các tỉnh khác trong vùng:

Hình 12: Đánh giá một số chỉ tiêu đối với Hưng Yên và các tỉnh thành khác trong Vùng KTTĐBB



*Ghi chú: * CNTT bao gồm Công nghệ thông tin và truyền thông liên lạc*



Mỗi tham số được đánh giá dựa trên các chỉ số định lượng được báo cáo cho từng tỉnh, sau đó được so sánh và xếp hạng tương đối giữa bảy tỉnh. Tham số quy mô thị trường của bảy tỉnh được xếp hạng dựa trên GRDP theo giá hiện hành của từng tỉnh năm 2019. Tham số môi trường kinh doanh đánh giá sự thuận lợi đối với hoạt động kinh doanh và công tác hỗ trợ các doanh nghiệp, dựa trên điểm số PCI năm 2020, theo báo cáo của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam. Tham số cơ sở hạ tầng được đánh giá dựa trên hệ thống giao thông và các hạ tầng tiện ích (điện, nguồn nước nước hợp vệ sinh) ở mỗi tỉnh. Tham số hệ thống tài chính được đánh giá dựa trên số liệu tổng mức đầu tư cũng như tỷ trọng đóng góp vào tổng mức đầu tư từ ba nguồn (khu vực nhà nước, khu vực ngoài quốc doanh và đầu tư trực tiếp nước ngoài) vào năm

2019. Chỉ số PAPI, được báo cáo bởi Chương trình Phát triển Liên hợp quốc, được sử dụng làm cơ sở để so sánh hiệu quả hoạt động về mặt thể chế. Tham số nguồn nhân lực sử dụng tỷ lệ lao động được đào tạo có việc làm trong năm 2019 từ niên giám thống kê. Tham số sức khỏe được đánh giá dựa trên tuổi thọ và một số chỉ tiêu về y tế và chăm sóc sức khỏe được công bố vào năm 2019 như số bệnh viện, số giường bệnh trên 10.000 dân và số bác sĩ trên 10.000 dân. Thông số cuối cùng, việc áp dụng CNTT được đánh giá dựa trên chỉ số CNTT (chỉ số ICT) năm 2020 do Bộ Thông tin và Truyền thông công bố, đánh giá 3 thành phần trong CNTT (hạ tầng CNTT, nguồn nhân lực CNTT và ứng dụng CNTT).

Những thách thức và cân nhắc chính

Trong tương lai, Hưng Yên cần có một sự cân bằng giữa ba trụ cột của phát triển bền vững là kinh tế, xã hội và môi trường. Sự phát triển cân bằng và bền vững sẽ nâng cao phúc lợi và mức sống của người dân, trong một môi trường xanh và sạch. Tuy nhiên, để đạt được điều đó, có những thách thức và cân nhắc chính như sau:

(a) Nâng cao kỹ năng nguồn nhân lực

Hiện nay, hơn 30% dân số của tỉnh sống dựa vào nông nghiệp để có việc làm và tỉ lệ áp dụng máy móc, công nghệ trong nông nghiệp còn thấp. Tuy nhiên, với sự cải thiện trong năng suất và ứng dụng công nghệ, số lượng nhân lực cần cho ngành nông nghiệp sẽ giảm xuống theo thời gian. Do đó, cần có giải pháp để cho nhóm lao động gồm khoảng 200.000 người này được trang bị đủ các kĩ năng liên quan và có thể tìm được việc làm trong các ngành nghề, lĩnh vực khác hoặc các công đoạn khác trong chuỗi giá trị khác của ngành nông nghiệp, trong tương lai.

(b) Nguy cơ ô nhiễm

Việc chuyển đổi sang nền nông nghiệp giá trị cao phải được thực hiện một cách thận trọng, có quy hoạch chi tiết để giảm thiểu các tác hại đến môi trường. Sự dịch chuyển từ các ngành nông nghiệp giá trị thấp sang ngành nông nghiệp giá trị cao có thể gây nhiều ô nhiễm, khó chịu về mặt thẩm mỹ cảnh quan và gây áp lực cho môi trường. Hơn nữa, hiện tại, tỉnh chưa có hệ thống xử lý rác thải phù hợp (hiện chỉ có cách chôn lấp). Đặc biệt, việc quản lý rác thải y tế của các bệnh viện chưa đáp ứng được các yêu cầu đặt ra.

(c) Kết nối giao thông

Việc phát triển các tuyến giao thông kết nối Hưng Yên với Hà Nội, Hải Phòng và các tỉnh khác là rất quan trọng để Hưng Yên có thể phát triển hơn nữa, tạo điều kiện cho Hưng Yên đóng vai trò lớn hơn trong chuỗi giá trị. Tuy nhiên, hiện nay các kết nối ở phía Nam của tỉnh Hưng Yên còn kém phát triển, điều này ảnh hưởng đến sự phát triển chung của toàn tỉnh.

(d) Quỹ đất giới hạn

Mặc dù một số đất nông nghiệp có thể được chuyển đổi sang mục đích sử dụng khác, nhưng nhìn chung đất đai vẫn còn hạn chế vì Hưng Yên là một trong những tỉnh có diện tích nhỏ nhất toàn quốc. Cần đảm bảo các hoạt động có giá trị kinh tế cao nằm trong quỹ đất dành cho phát triển, bên cạnh quỹ đất được giao cho các dịch vụ hỗ trợ, nhà ở và các mục đích sử dụng cần thiết khác.

(e) Sản xuất giá trị cao

Có sự khác biệt quan trọng giữa sản xuất giá trị cao áp dụng đổi mới sáng tạo và nghiên cứu & phát triển so với sản xuất giá trị thấp và thâm dụng lao động. Hưng Yên cần chọn lọc các dự án, nhà đầu tư để đảm bảo tăng trưởng bền vững trong dài hạn.

Ngoài ra, các hoạt động và giải pháp đã được các Sở ban ngành tỉnh Hưng Yên đề xuất thực hiện tới năm 2030 để giải quyết các vấn đề và thách thức chính của tỉnh gồm có:

Những vấn đề/ thách thức chính và các giải pháp được đề xuất bởi các Sở ban ngành

Sở	Vấn đề/Thách thức chính	Đề xuất nhiệm vụ/giải pháp của Sở
Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn	• Tỷ lệ cơ giới hóa trong các khâu trồng trọt, chế biến, và bảo quản chưa cao • Cơ cấu lao động nông thôn sẽ mất nhiều thời gian để chuyển dịch • Hiệu quả sử dụng đất đai, năng suất lao động, và tỷ lệ lao động nông nghiệp đã qua đào tạo còn thấp • Đầu tư vào nông nghiệp và khu vực nông thôn còn hạn chế • Nguồn thải từ chăn nuôi gây ô nhiễm môi trường	1. Đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, và sản phẩm có năng suất cao, chất lượng, có sức cạnh tranh và phát triển bền vững; nhanh chóng phát triển các vùng chuyên canh quy mô lớn, khuyến khích cơ giới hóa; áp dụng quy trình sản xuất tiên tiến và hiện đại gắn với chế biến và bảo quản nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, tăng sức cạnh tranh của hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững 2. Tập trung đầu tư cho các chương trình phát triển sản xuất nông nghiệp và cơ sở hạ tầng 3. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm soát, xử lý nghiêm các vi phạm theo quy định của pháp luật tập trung vào các lĩnh vực: quản lý, sử dụng đất đai, xây dựng nhà máy, sản xuất và kinh doanh giống, sử dụng chất cấm trong chăn nuôi, sản xuất và kinh doanh thuốc thú ý và thuốc bảo vệ thực vật, v.v.
Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	• Hưng Yên cần xây dựng các giá trị độc đáo để thu hút mọi người đến và ở lại	1. Kế hoạch hành động về bảo tồn di sản văn hóa gắn với du lịch đến năm 2025 2. Dự án phát triển thiết chế văn hóa, thể thao và du lịch giai đoạn 2021-2025 (tổng mức đầu tư dự kiến 4 tỷ đồng) 3. Xây dựng và thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030
Sở Xây dựng	• Nước thải sinh hoạt tại các đô thị ở khu vực trung tâm và phía Nam của tỉnhchưa được thu gom và xử lý • Việc xây dựng nhà ở xã hội cho công nhân còn hạn chế • Công tác giải phóng mặt bằng còn nhiều khó khăn, tiến độ triển khai nhiều dự án còn chậm.	1. Phát triển các trung tâm xử lý nước thải để đảm bảo 100% hộ dân được sử dụng nước sạch 2. Tập trung đầu tư các dự án động lực như: hoàn thành giai đoạn 2 đường nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình; Trục kinh tế Bắc - Nam

Sở Giáo dục và Đào tạo	• Chất lượng giáo dục phổ thông chưa đồng đều; tỷ lệ trẻ đi nhà trẻ chưa đạt chỉ tiêu đề ra; tỷ lệ giáo viên tiểu học, trung học cơ sở có trình độ trên chuẩn chưa đạt mục tiêu • Cơ sở vật chất và thiết bị tại một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa theo kịp sự tiến bộ của khoa học – kỹ thuật, công tác đào tạo nghề còn chưa đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của thị trường lao động • Việc thu hút các trường đại học vào Khu Đại học Phố Hiến khó khăn.	1. Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học ở mức độ 3, phổ cập giáo dục trung học cơ sở ở mức độ 2; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục tin học, năng lực và kỹ năng thực hành 2. Nâng cao tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trở lên, đối với giáo dục mầm non đạt trên 90%, giáo dục phổ thông ở bậc tiểu học đạt 80%, trung học cơ sở đạt 90% 3. Nâng cao chất lượng đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 70% 4. Tiếp tục thu hút các trường Đại học đầu tư xây dựng tại khu Đại học Phố Hiến và các địa phương trên địa bàn tỉnh
Sở Y tế	• Công tác quản lý chất thải y tế còn chưa đáp ứng được yêu cầu • Thiếu kinh phí đầu tư cho cơ sở khám chữa bệnh • Do thu nhập tại các cơ sở y tế công lập còn thấp, một số bác sĩ trẻ xin thôi việc trong cơ sở y tế công lập, làm ảnh hưởng đến chỉ tiêu bác sĩ/vạn dân.	1. Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và thiết bị y tế 2. Tiếp tục đổi mới cơ chế hoạt động và cơ chế tự chủ tài chính trong ngành y tế
Sở Công Thương	• Thương mại và dịch vụ chưa phát triển ở Hưng Yên vì người dân thường đi đến Hà Nội để mua sắm. Đồng thời, Hưng Yên cũng còn là một tỉnh nhỏ • Nhu cầu phát triển công nghiệp nhưng thiếu kế hoạch phát triển nguồn nhân lực toàn diện • Số lượng các khu công nghiệp/cụm công nghiệp ngày càng tăng ở Hưng Yên đã đặt ra các vấn đề về bảo vệ môi trường đòi hỏi sự quan tâm mạnh mẽ của chính quyền tỉnh khi phát triển công nghiệp	1. Vận động, thu hút các nhà đầu tư có năng lực, uy tín trong lĩnh vực xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng 2. Tạo điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh doanh nghiệp tư nhân vừa và nhỏ, khuyến khích phát triển các tập đoàn kinh tế tư nhân lớn, các doanh nghiệp trong tỉnh và trong nước. 3. Quy hoạch và xây dựng chính sách ưu tiên thúc đẩy phát triển các cụm công nghiệp và dịch vụ nông thôn 4. Khuyến khích các dự án đầu tư phát triển thương mại, du lịch trên địa bàn thành phố Hưng Yên; có cơ chế đặc thù để xây dựng thành phố Hưng Yên trở thành đô thị loại II và thị xã Mỹ Hào trở thành đô thị loại III vào năm 2025
Sở Thông tin và Truyền thông	• Mỗi ngành đều thực hiện các hoạt động thông tin và truyền thông theo cách riêng của mình ở quy mô nhỏ, và thiếu kết nối đồng bộ và hiệu quả ở cấp tỉnh. • Sở không có có các hoạt động xúc tiến đầu tư, do Sở KHĐT đã	1. Có kế hoạch sử dụng mạng xã hội và các kênh nước ngoài để quảng cáo hình ảnh Hưng Yên rộng rãi hơn 2. Thúc đẩy phát triển dịch vụ thông tin và truyền thông và phát triển kinh tế số 3. Tập trung phát triển thương mại điện tử

	có riêng bộ phận kinh tế đối ngoại phụ trách truyền thông về xúc tiến đầu tư	
Sở Lao động Thương binh và Xã hội	• Tỷ lệ lao động nông thôn đã qua đào tạo thấp. Hệ thống đào tạo nghề tại cấp huyện còn nhiều yếu kém, và không đủ khả năng đào tạo nghề mới cho nông dân theo yêu cầu của sản xuất nông nghiệp hàng hóa. Người nông dân lại chưa quen với tác phong sản xuất công nghiệp, thiếu hiểu biết về sản xuất hàng hóa, và đòi hỏi kỷ luật lao động cao	1. Đến hết năm 2030, tập trung nâng cao tỉ lệ đào tạo cho lao động để số lao động đã qua đào tạo trong tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế đạt 76%; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ đạt 35%. Giải quyết việc làm cho 265.000 người, xuất khẩu lao động cho 31.000 người
Sở Tài nguyên và Môi trường	• Hiện chỉ có 2 khu vực đang có hoạt động xử lý chất thải rắn cho Thành phố Hưng Yên và Văn Giang • Còn triển khai chậm các dự án bảo vệ môi trường • Chất thải rắn ở Hưng Yên vẫn là vấn đề lớn, thiếu ngân sách đầu tư do ngân sách nhà nước cấp tỉnh chỉ đáp ứng được 42% nhu cầu, thiếu khu xử lý tập trung. • Theo quy định mới đến năm 2020, người dân phải đóng phí bảo vệ môi trường nhưng mức phí còn thấp (khoảng 2.000 đồng / người / tháng) và tỷ lệ thực hiện thấp	1. Có bãi chôn lấp rác thải tạm thời cấp xã / liên xã. Từ năm 2012 tỉnh đã triển khai việc phân loại chất thải rắn tại nguồn 2. Kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu: Đã đề xuất xây dựng 2 dự án xử lý nước thải; Khu xử lý chất thải rắn Đại Đồng sử dụng công nghệ điện từ chất thải rắn; và biểu giá chất thải rắn đang được xây dựng và sẽ được thực hiện vào năm 2025 3. Tăng cường kiểm soát các hoạt động khai thác tài nguyên; ngăn chặn và xử lý nghiêm mọi hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường
Sở Kế hoạch và Đầu tư	• Quy mô vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài còn nhỏ, một số dự án sử dụng công nghệ thấp, gây ô nhiễm môi trường; liên kết và tương tác giữa các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong nước và nước ngoài chưa phát triển tốt, hiệu ứng lan tỏa về năng suất, kỹ thuật và công nghệ còn chưa cao.	1. Khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp liên kết, hợp tác, và chuyển giao công nghệ với các doanh nghiệp nước ngoài, nhất là các doanh nghiệp ở các nước có trình độ khoa học và công nghệ tiên tiến, đi đầu trong cách mạng công nghiệp 4.0 và các nước hợp tác, ký kết các hiệp định thương mại, đầu tư song phương và đa phương với Việt Nam 2. Tiếp tục đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đầu tư xây dựng hạ tầng tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư; xác định giá thuê đất, giá dịch vụ hợp lý để đảm bảo tính cạnh tranh trong thu hút đầu tư

Sở Khoa học và Công nghệ	• Để khoa học và công nghệ thực sự thúc đẩy sự phát triển ngành nông nghiệp, trong thời gian tới, cần sự quan tâm phối hợp chặt chẽ hơn nữa của các bộ, ngành, địa phương để hoàn thiện chính sách khuyến khích, thúc đẩy phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và bền vững; cùng với đó cần có các biện pháp phù hợp để tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách ở các địa phương, cơ sở, góp phần đưa nền nông nghiệp Việt Nam phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi của khí hậu; • Khoa học và công nghệ đang từng bước khẳng định vai trò động lực trong phát triển kinh tế - xã hội. Tiềm lực KH&CN của đất nước được tăng cường. Khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ đã đóng góp tích cực hơn trong nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ nhân dân. Khoa học xã hội và nhân văn, khoa học lý luận chính trị góp phần tích cực cung cấp luận cứ cho việc xây dựng đường lối, chính sách; bảo vệ, phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng; xây dựng, phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, con người Việt Nam trong thời kỳ mới. Hiệu quả hoạt động KH&CN được nâng lên, tạo chuyển biến tích cực cho hoạt động đổi mới và khởi nghiệp sáng tạo...; KH&CN đã góp phần giải quyết những thách thức, vấn đề cuộc sống đặt ra ở hiện tại và tương lai. • Khoa học và công nghệ chưa được quan tâm đúng mức để	1. Quán triệt và tổ chức thực hiện hiệu quả, đồng bộ quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển KH&CN mà Nghị quyết Trung ương đề ra; 2. Rà soát, đề nghị hoàn thiện, chỉnh sửa các quy định pháp luật, chính sách liên quan để thúc đẩy ứng dụng KH&CN trong các lĩnh vực; 3. Tiếp tục tái cơ cấu các chương trình KH&CN cấp tỉnh và đề nghị tái cơ cấu các chương trình KH&CN cấp quốc gia; ứng dụng các công nghệ cao để phát triển các sản phẩm chủ lực có tính cạnh tranh của tỉnh và quốc gia; 4. Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với đổi mới sáng tạo và phát triển, ứng dụng công nghệ cao trong các lĩnh vực; 5. Thúc đẩy phát triển mạnh thị trường KH&CN và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh. Tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình phát triển thị trường KH&CN, Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt. 6. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về KH&CN theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, phục vụ thiết thực các mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội trên địa bàn tỉnh.

	thực sự đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội.	
Sở Giao thông vận tải	• Hệ thống đường bộ quy mô nhỏ, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của tỉnh. Nâng cấp hệ thống đường từ huyện lên tỉnh mới đạt 45,8% kế hoạch. • Trong giai đoạn 2016 - 2020, ngân sách đã được yêu cầu để phát triển hệ thống giao thông, nhưng do ngân sách của tỉnh hạn chế, chỉ các mạng giao thông trọng điểm được ưu tiên đầu tư	Các dự án đang triển khai: 1. Hai dự án hệ thống đường cao tốc 2. Ba dự án đường quốc gia 3. Phát triển đường vành đai 4. Phát triển đường tỉnh

Nhìn chung, các mục tiêu và định hướng phát triển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của các sở ban ngành, Hưng Yên định hướng xây dựng cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp và đô thị với nguồn lao động được đào tạo chất lượng cao. Hưng Yên có kế hoạch đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa đạt mức trung bình của vùng và cả nước, xây dựng thành phố Hưng Yên đạt tiêu chí đô thị loại II. Điều này phải phù hợp với chiến lược phát triển quy hoạch vùng Đồng bằng sông Hồng và vùng Hà Nội mở rộng.

Vấn đề về mức sống tại Hưng Yên

Phát triển các ngành công nghiệp thâm dụng lao động nhưng thiếu chú trọng xây dựng nhà ở dẫn đến suy giảm chất lượng cuộc sống của người lao động, có thể cản trở nguồn vốn FDI đầu tư vào Hưng Yên và khó thu hút người lao động. Bảng dưới đây so sánh Hưng Yên và các tỉnh tập trung công nghiệp khác về cơ cấu kinh tế, sử dụng đất và việc làm trong các khu công nghiệp[8].

Bảng 3: So sánh Hưng Yên và các tỉnh trọng tâm công nghiệp khác tại Việt Nam về cơ cấu kinh tế, sử dụng đất và mật độ lao động trong khu công nghiệp

STT	Tỉnh	Cơ cấu nền kinh tế (2019)			Kế hoạch sử dụng đất đến 2020			Số lao động trong các KCN* (người)	Mật độ lao động** trong các KCN (m^2/người)	Các ngành công nghiệp chính
		Nông nghiệp	Công nghiệp & xây dựng	Dịch vụ	Đất nông nghiệp	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	Đất thương mại dịch vụ			
1	Hưng Yên	9%	62%	30%	49%	9%	0.5%	61.207	127	Dệt may, điện và điện tử
2	Bắc Ninh	3%	74%	18%	47%	10%	1%	326.925	154	Điện & điện tử, sản xuất đồ uống, chế biến thực phẩm
3	Bình Dương	3%	68%	20%	71%	8%	1%	472.461	144	Điện gia dụng, cơ khí, sản xuất công nghệ cao, chế biến thực phẩm
4	Đồng Nai	10%	58%	23%	72%	3%	0.4%	~580.000	102	Chế biến thực phẩm, dệt may, điện tử, ô tô

*Lưu ý: *KCN viết tắt cho Khu công nghiệp, **Mật độ lao động được tính bằng tổng diện tích đất đã cho thuê lại tại các khu công nghiệp chia cho tổng số lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp*

[8] *Niên giám thống kê tỉnh, Tổng cục thống kê, Nghị quyết phê duyệt kế hoạch sử dụng đất tới năm 2020 của các tỉnh, Báo Bắc Ninh, Báo Pháp Luật, Báo Nhân Dân, Báo Lao Động, Báo Vietnamplus, Website Ban quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai*

Việt Nam có cơ chế, chính sách quy định và khuyến khích phát triển nhà ở cho người lao động tại các khu công nghiệp:

- **Quyết định số 66/2009/QĐ-TTg**: Sử dụng quỹ đất 20% dành xây dựng nhà ở xã hội trong các dự án nhà ở thương mại, khu đô thị mới trên địa bàn để các chủ đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân KCN thuê, đối với KCN đã hình thành.
- **Nghị định số 82/2018/ND-CP**: Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ là KCN gồm khu chức năng chính và khu đô thị dịch vụ với diện tích không quá 1/3 diện tích KCN để cung cấp tiện ích xã hội cho người lao động.

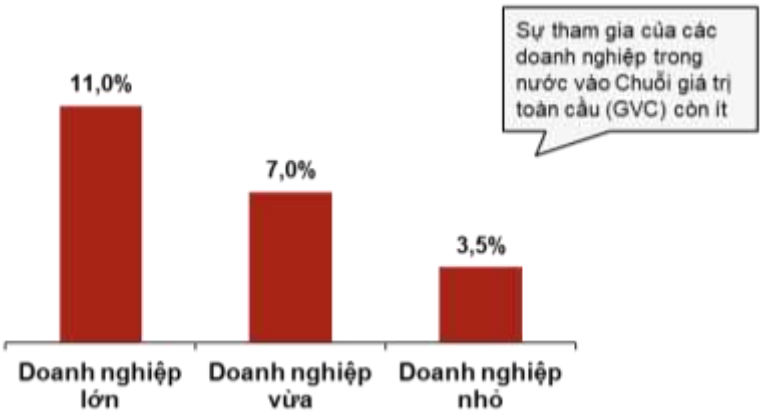
Mặc dù đã có các quy định, cơ chế khuyến khích nhưng nhà ở cho người lao động tại các KCN vẫn là một vấn đề cấp bách cần được các cấp chính quyền quan tâm, đặc biệt là ở các tỉnh thành tập trung phát triển công nghiệp như Hưng Yên và Bắc Ninh. Chủ đầu tư của các KCN chưa thực sự quan tâm đến việc phát triển nhà ở và hạ tầng xã hội cho người lao động. Phần lớn người lao động ngoại tỉnh tại các KCN phải thuê trọ và chịu đựng điều kiện sống khó khăn như diện tích sinh hoạt chật chội (3-4 m2/ người), điều kiện vệ sinh kém, thiếu điện, thiếu nước sạch … ảnh hưởng lớn tới sức khỏe con người. Một vài khu nhà ở cho người lao động đã được phát triển nhưng thiếu đồng bộ trong việc xây dựng hạ tầng xã hội như chợ, nhà trẻ, trường học, bệnh viện.

Trong ngắn hạn tới trung hạn, cần dần dần loại bỏ mô hình nhà ở kí túc xá, thay vào đó tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tại tỉnh để từ đó có nhiều người lao động có tay nghề và gia đình của họ lựa chọn sinh sống và làm việc tại Hưng Yên thay cho xu hướng tạm thời là khu nhà trọ cho công nhân thành phố và nơi ở tạm thời cho công nhân công nghiệp.

Liên kết công nghiệp

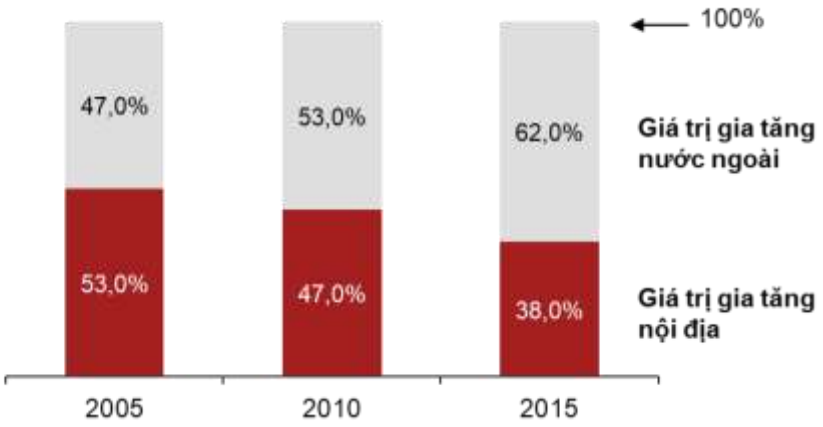
Liên kết ngành yếu dẫn đến phụ thuộc vào nhập khẩu, khiến Việt Nam rơi vào bẫy như một địa điểm gia công lắp ráp chi phí thấp, không thể tiến tới các công đoạn phức tạp hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Hình 13: Tỷ lệ doanh nghiệp trong nước có khách hàng FDI (2018)



Tại Việt Nam, chỉ có một tỷ lệ nhỏ các doanh nghiệp trong nước có khách hàng là doanh nghiệp FDI. Phân tích số liệu chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) cho thấy, chỉ có 3,5% doanh nghiệp nhỏ, 7% doanh nghiệp vừa và 11% doanh nghiệp lớn có khách hàng là doanh nghiệp FDI. Các doanh nghiệp trong nước chủ yếu phát triển thị phần ở thị trường nội địa, và sự kết nối với các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam thông qua việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ còn rất thấp.

Hình 14: Tỷ trọng giá trị gia tăng nội địa của Tổng giá trị xuất khẩu ngành Điện & Điện tử



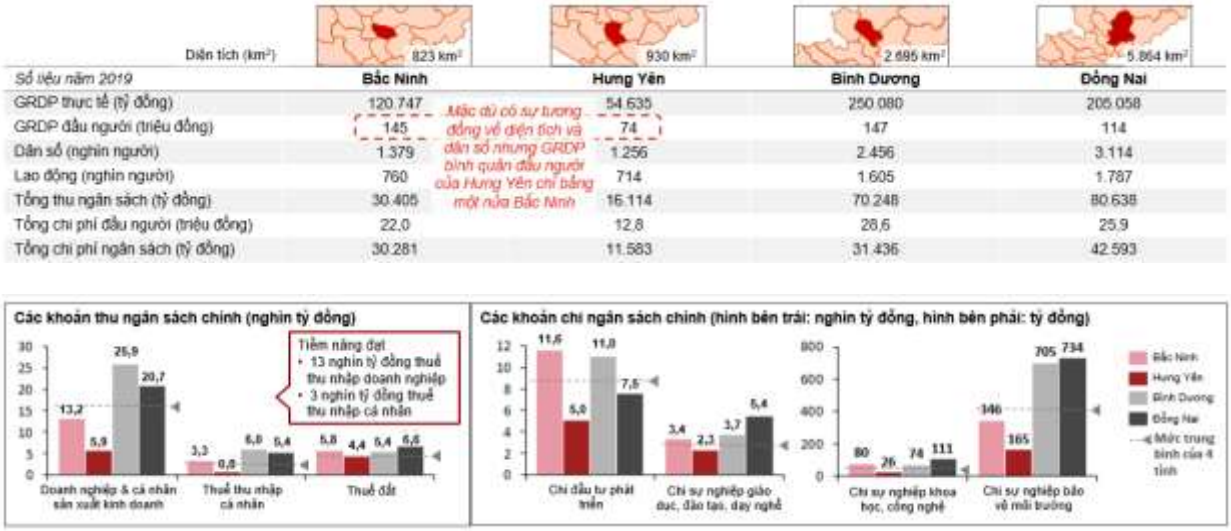
Mối liên kết ngược của ngành Điện & Điện tử với nền kinh tế trong nước còn yếu. Phần lớn tăng trưởng tổng giá trị xuất khẩu đến trực tiếp từ hoạt động xuất khẩu chứ không phải gián tiếp thông qua các yếu tố đầu vào trong nước. Đóng góp giá trị gia tăng nội địa thấp là một vấn đề, nhưng xu hướng giảm của Việt Nam còn đáng lo ngại hơn. Tỷ lệ sản xuất trong nước trong tổng kim ngạch xuất khẩu ước tính giảm hơn 15% trong giai đoạn 2005-2015[9].

Trong tương lai, Hưng Yên cần phát triển mối liên kết mạnh mẽ giữa các doanh nghiệp FDI và các doanh nghiệp trong nước. Ưu tiên là ít phụ thuộc vào nhập khẩu hơn bằng cách nội địa hóa các cấu phần sản phẩm, ví dụ: sản xuất các cấu phần ngành Điện & Điện tử và dược phẩm tại thị trường nội địa. Để đạt được điều này, chính phủ phải hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương và hỗ trợ khởi nghiệp để tạo điều kiện nâng cao kỹ năng của lao động (năng lực kỹ thuật, ngôn ngữ, v.v.) và nâng cao chất lượng sản phẩm để đáp ứng các tiêu chuẩn của các doanh nghiệp quốc tế và nhà đầu tư nước ngoài.

Khi so sánh với các tỉnh khác có cùng mục tiêu phát triển công nghiệp, Hưng Yên có những tiềm năng đáng kể về hiệu quả kinh tế và nguồn thu ngân sách mà chưa được khai thác. Hình dưới đây trình bày một số chi tiết chính về các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, thu chi ngân sách [10] của Hưng Yên và một số tỉnh tập trung vào ngành công nghiệp ở Việt Nam:

[9] Báo cáo PCI của VCCI
[10] Tổng cục thống kê, Niên giám thống kê các tỉnh Hưng Yên, Bắc Ninh, Bình Dương và Đồng Nai

Hình 15: Chỉ tiêu kinh tế-xã hội, thu chi ngân sách của Hưng Yên và một số tỉnh tập tring vào ngành công nghiệp ở Việt Nam



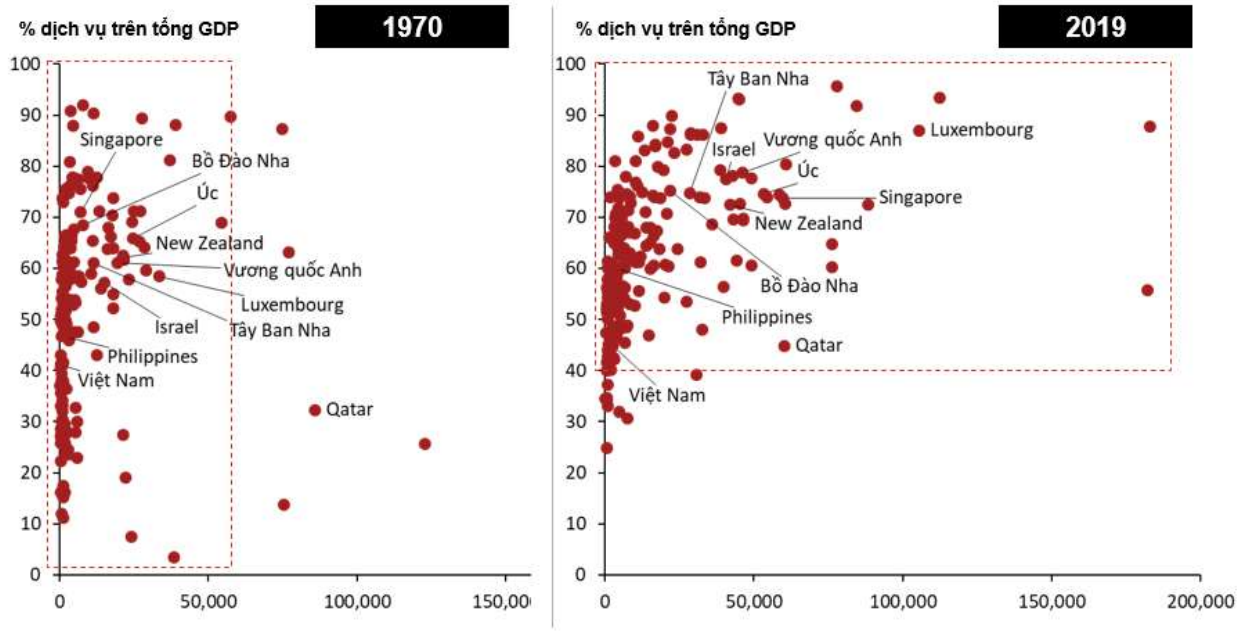
Mặc dù quy mô và dân số gần như tương đương, GRDP bình quân đầu người của Hưng Yên chỉ bằng khoảng một nửa so với Bắc Ninh. Đặc biệt, thu ngân sách từ các doanh nghiệp và cá nhân kinh doanh cũng như thuế thu nhập cá nhân có thể ít nhất gấp đôi quy mô hiện tại.

2.2. Xu hướng toàn cầu về phát triển kinh tế - xã hội

Khi các quốc gia tăng năng suất và hướng tới nông nghiệp và công nghiệp có giá trị cao hơn, điều này đòi hỏi cần có một tỷ trọng dịch vụ cao hơn và nhìn chung phản ánh GDP bình quân đầu người cao hơn. Nhận định này dựa trên phân tích dữ liệu[11] về GDP bình quân đầu người và cơ cấu kinh tế của tất cả các quốc gia trong gần 50 năm từ 1970 đến 2019.

Dữ liệu phân tích chỉ ra rằng trong vòng 50 năm qua, các nền kinh tế đã đạt năng suất cao hơn và chuyển đổi sang hướng nông nghiệp, hàng hóa và công nghiệp có giá trị cao hơn. Điều này dẫn tới sự tăng trưởng trong chuỗi giá trị, trong đó đòi hỏi tỷ trọng dịch vụ cao hơn do các phương pháp đổi mới giúp cải thiện các quy trình hiện có và nắm bắt các cơ hội mới. Kết quả là đã có sự chuyển dịch cơ cấu ở hầu hết các nền kinh tế theo hướng tăng khu vực dịch vụ, cùng với sự gia tăng GDP bình quân đầu người.

Hình 16: Xu hướng đóng góp của ngành dịch vụ vào kinh tế trên toàn cầu giai đoạn 1970-2020



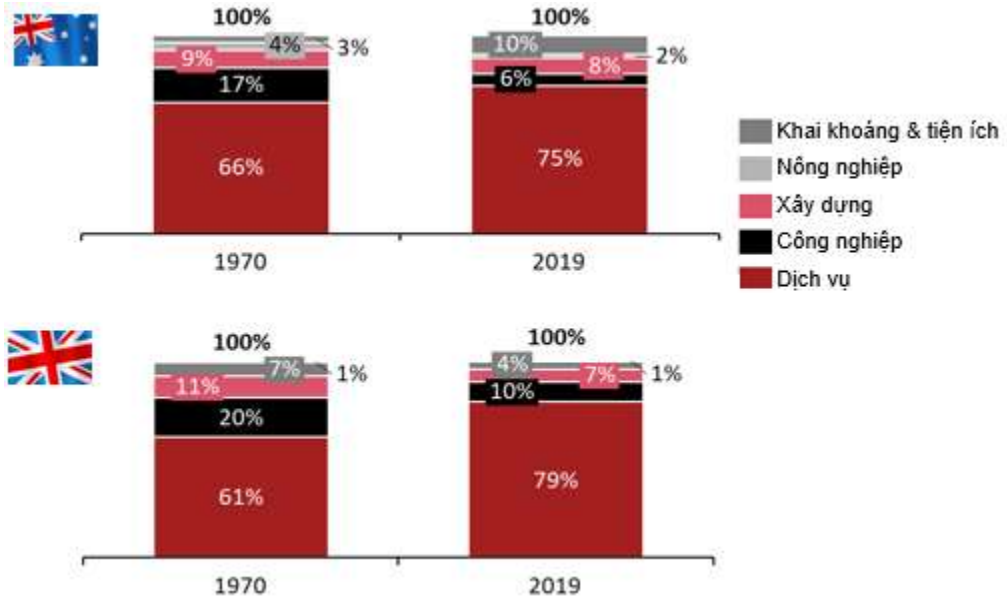
Úc và Vương quốc Anh có nền kinh tế dựa trên tri thức mạnh mẽ với ngành công nghiệp và nông nghiệp giá trị cao được hỗ trợ bởi dịch vụ và công nghệ. Hai quốc gia này là hai ví dụ điển hình cho xu hướng dịch chuyển sang mô hình kinh tế tập trung phát triển dịch vụ của các quốc gia trên thế giới, đây là xu hướng mà chúng tôi hi vọng có thể áp dụng tại Việt Nam và Hưng Yên.

[11] Ngân hàng Thế giới (2019), Dữ liệu của Liên hợp quốc (2019)

Bảng 4: GDP bình quân đầu người (đô la Mỹ)

Quốc gia	1970	2019	Chỉ số cạnh tranh toàn cầu
Úc	24.579	53.110	Thứ hạng: 16
Vương quốc Anh	19.143	46.083	Thứ hạng: 9

Hình 17: Cơ cấu GDP theo ngành kinh tế của Úc và Vương quốc Anh năm 1970 và 2019



Úc và Vương quốc Anh đã minh chứng cho việc sử dụng công nghệ làm động lực tạo ra các ngành công nghiệp và nông nghiệp có giá trị cao hơn, ví dụ:

Công nghệ tiên tiến
Hoạt động sản xuất được chuyên môn hóa, sử dụng công nghệ tiên tiến, hỗ trợ việc đặt giá hàng hóa ở mức cao.

Chiến lược sản xuất hiện đại
Các ưu tiên sản xuất quốc gia của Úc đã xác định 6 lĩnh vực ưu tiên bao gồm: công nghệ tài nguyên và chế biến khoáng sản quan trọng, thực phẩm và đồ uống, sản phẩm y tế, tái chế và năng lượng sạch, quốc phòng, và vũ trụ.

Công nghệ thúc đẩy
Lĩnh vực sản xuất được định hướng bởi công nghệ, cần ít nhân lực, bao gồm hàng hóa giá trị cao và các dịch vụ liên quan.

Xuất khẩu giá trị cao
Các mặt hàng xuất khẩu hàng đầu bao gồm máy móc cơ khí và điện, xe cộ (ô tô, phụ tùng máy bay, v.v.), dược phẩm và các sản phẩm hóa chất.

Khi các ngành công nghiệp tăng năng suất và di chuyển chuỗi giá trị theo hướng các hoạt động kinh tế thâm dụng tri thức hơn (ví dụ nông nghiệp chuyên môn hóa, sản xuất giá trị cao), điều này vô tình đòi hỏi nhiều dịch vụ hơn. Tương tự, Hưng Yên nên tìm cách phát triển khu vực dịch vụ song song với công nghiệp và nông nghiệp có giá trị cao hơn, như một yếu tố khác biệt để thu hút nhân lực có tay nghề cao.

Chính sách chiến lược của Trung Quốc trong giai đoạn 2021-2025 là tập trung phát triển các "gã khổng lồ nhỏ" ("little giants") trong các lĩnh vực then chốt và chuỗi cung ứng, để tăng khả năng cạnh tranh và thu hẹp khoảng cách với Mỹ, Nhật và Đức trong sản xuất tiên tiến.

Hình 18: Chiến lược "gã khổng lồ nhỏ" của Trung Quốc



Dự án Doanh nghiệp "gã khổng lồ nhỏ" công nghệ cao của Thượng Hải	
Tổ chức tài trợ	Ủy ban Khoa học và Công nghệ Thành phố Thượng Hải, Ủy ban Kinh tế và Thông tin Thành phố Thượng Hải
Doanh nghiệp mục tiêu	Các doanh nghiệp siêu nhỏ, vừa và nhỏ với định vị là doanh nghiệp-công-nghệ-cao-và-mới (HNTE)
Lợi ích[12]	• 20% chi phí R&D được hoàn trả (tối đa 1 triệu NDT) cho mỗi doanh nghiệp

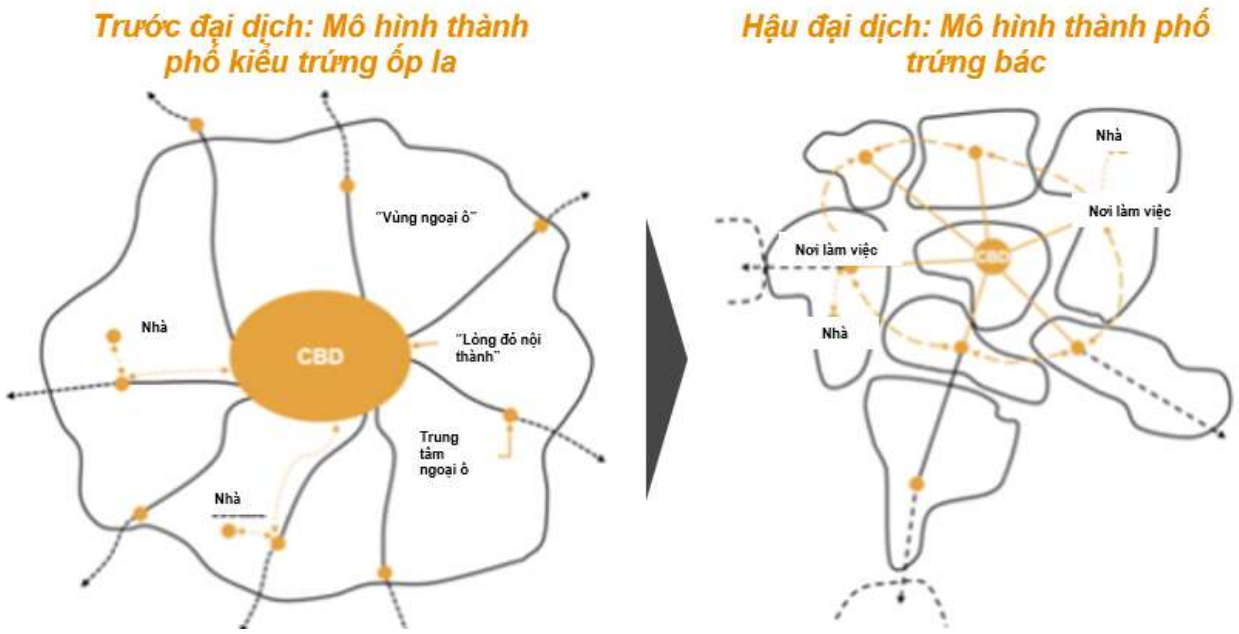
[12] Những lợi ích và tiêu chí này áp dụng cho nhóm doanh nghiệp "gã khổng lồ nhỏ" công nghệ cao với quy mô nhỏ hơn, các lợi ích và tiêu chí áp dụng cho nhóm các doanh nghiệp nâng cao hơn có tại trang website "chinainnovationfunding.eu"

	• Hỗ trợ tài chính với tỷ lệ tương tự sẽ được cấp bởi chính quyền thành phố trực thuộc trung ương tại địa điểm doanh nghiệp hoạt động
Tiêu chí	• Doanh nghiệp có tư cách pháp nhân độc lập ở Thượng Hải và là doanh nghiệp-công nghệ cao-và-mới • Tỷ lệ nhân viên tham gia hoạt động R&D: >10% đối với doanh nghiệp sản xuất, >30% đối với doanh nghiệp phần mềm hoặc dịch vụ khoa học công nghệ • Chi hoạt động R&D trong 3 năm tài chính gần nhất: >5% tổng doanh thu của doanh nghiệp; tỷ lệ tang doanh thu / lợi nhuận thuần trong cùng kỳ: >20% • Doanh thu của năm trước đó: ~30-100 triệu NDT đối với doanh nghiệp sản xuất, ~20-60 triệu ND đối với doanh nghiệp phần mềm hoặc dịch vụ khoa học công nghệ

Hưng Yên có thể xem xét phát triển mô hình "gã khổng lồ nhỏ" này như bước đột phá để nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành, thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu của các doanh nghiệp đa quốc gia lớn vào năm 2030 như theo quy hoạch, từng bước thu hẹp khoảng cách giữa Việt Nam và các nước phát triển hơn về sản xuất tiên tiến.
Các xu hướng sau đại dịch cho thấy sự thay đổi trong phân chia thành thị - nông thôn và thiết kế cấu trúc của các thành phố theo hướng hỗ trợ các phương thức làm việc từ xa mới. Xu hướng mới mới của người lao động tri thức làm việc tại nhà có khả năng sẽ thay đổi cấu trúc của các thành phố mới đang được quy hoạch và phát triển.

Trong khi chỉ có 5% lực lượng lao động làm việc tại nhà trước đại dịch, hiện tại khoảng 40%-55% lực lượng lao động làm việc tại nhà sau đại dịch (số liệu trong giai đoạn áp dụng lệnh đóng cửa và giãn cách). Điều này sẽ dự kiến tiếp tục gia tăng nhu cầu làm việc tại nhà (WFH). Sau đại dịch, 25%-30% lực lượng lao động dự kiến sẽ tiếp tục WFH nhiều ngày mỗi tuần. Điều này một phần được thúc đẩy bởi cách mà đại dịch và hoàn cảnh bắt buộc của nó đã giúp giảm bớt sự quan ngại của các nhà quản lý và giám đốc điều hành về việc nhân viên làm việc tại nhà. Ngoài ra, xu hướng này cũng nâng cao nhận thức về các cơ hội tiết kiệm chi phí cho cả người lao động và người sử dụng lao động, chủ yếu dưới hình thức đi làm hai lần mỗi ngày từ nhà đến cơ quan, cũng như tiền thuê và điện, nước cho văn phòng, ngoài việc tiết kiệm thời gian và tác động tích cực đến môi trường Do đó, xu hướng hoạt động kinh tế phân tán xung quanh các thành phố ngày càng tăng, thay vì tập trung ở các văn phòng trung tâm như trước đây. Hưng Yên có vị trí thuận lợi để được hưởng lợi từ điều này vì là tỉnh tiếp giáp với thành phố lớn.

Hình 19: Mô hình cấu trúc thành phố trước và sau đại dịch



Điều này có ý nghĩa gì đối với Hưng Yên?

Hưng Yên có cơ hội tận dụng xu hướng này của một bộ phận người lao động đang tăng cường áp dụng phương thức làm việc từ xa, bằng cách nắm bắt nhu cầu muốn sống ở gần thủ đô Hà Nội nhưng không thuộc địa phận Hà Nội của phân khúc dân cư này và gia đình của họ. Để tạo điều kiện cho người dân đi lại dễ dàng, Hưng Yên cũng sẽ cần xem xét nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông hiện có, với các tuyến tàu và đường cao tốc ra vào tỉnh.

11 khu vực đã được chọn làm địa điểm nghiên cứu đối sánh dựa trên cơ cấu ngành, quy mô và khoảng cách gần với một thành phố lớn, như được hiển thị bên dưới:

Hình 20: Các địa điểm nghiên cứu điển hình dùng để đối sánh



Trọng tâm	STT	Vùng	Diện tích (km^2)	Dân số (triệu người)
Trọng tâm công nghiệp	1	**Ulsan** *Hàn Quốc*	1.057	1,2
	2	**TP Toyota** *Nhật Bản*	918	0,4
	3	**Bắc Ninh** *Việt Nam*	823	1,4
	4	**Bắc Giang** *Việt Nam*	3.896	1,8
	5	**Thái Nguyên** *Việt Nam*	3.527	1,3
Trọng tâm con người	6	**Surrey** *Vương quốc Anh*	1.663	1,2
	7	**TP Cyberjaya và Putrajaya** *Malaysia*	1.084	2,4
	8	**Wollongong** *Úc*	684	0,2
Trọng tâm nông nghiệp	9	**Zeeland** *Hà Lan*	2.934	0,4
	10	**Ibaraki** *Nhật Bản*	6.097	2,9
	11	**Sa mạc Negev** *Israel*	2.590	0,2

Trường hợp nghiên cứu 1: Ulsan, Hàn quốc

Là một phần của Khu kinh tế Đông Nam, Ulsan là mũi nhọn công nghiệp của Hàn Quốc với nhà máy lắp ráp ô tô và nhà máy đóng tàu lớn nhất thế giới, cũng như nhà máy lọc dầu lớn thứ 3 thế giới. Ulsan nằm cạnh Busan, nơi có bến cảng sầm uất thứ 6 trên thế giới.





Đặc điểm chính:

Vị trí địa lý
Vị trí của Ulsan dễ dàng đi đến các quốc gia lớn ở Đông Bắc Á - Trung Quốc, Nhật Bản và phần phía đông của Nga.

Quy hoạch và thực hiện tốt
Thành phố chính thức được chỉ định là 'Khu công nghiệp đặc biệt' từ năm 1962 - "Thủ đô công nghiệp của Hàn Quốc".

Cơ sở hạ tầng kết nối tốt
Xuất khẩu của Ulsan dựa vào kết nối giao thông mạnh mẽ chủ yếu với cảng biển tại Busan.

Hệ sinh thái phát triển
Các dịch vụ và tiện nghi đa dạng với các mối liên kết kinh doanh và liên kết ngành mạnh mẽ.

Các chương trình thu hút nhân lực có tay nghề cao
Giảm thuế đáng kể cho người lao động nước ngoài có tay nghề cao trong giai đoạn phát triển ban đầu

Các ngành công nghiệp trọng điểm:
- Ô tô
- Dầu khí và hóa dầu
- Đóng tàu
- Kinh tế hydro
- Các lĩnh vực đổi mới sáng tạo (gen/sinh học – sức khỏe, in 3D, nhà máy thông minh, nội dung kỹ thuật số và CNTT-TT)

Kết luận chính
Cần phát triển một hệ sinh thái tổng thể, cơ sở hạ tầng phụ trợ và đủ nguồn nhân lực lành nghề để thúc đẩy các ngành công nghiệp và phát triển chuỗi giá trị thông qua đổi mới sáng tạo, nghiên cứu và phát triển.

Trường hợp nghiên cứu 2: Thành Phố Toyota, Nhật Bản

Nằm cách Nagoya 40km, thành phố Koromo đổi tên thành thành phố Toyota vào năm 1959 do sự nổi tiếng và tầm quan trọng kinh tế của nhà tuyển dụng lớn ở đây. Các ngành công nghiệp của thành phố chủ yếu được thúc đẩy bởi các cơ sở sản xuất và nghiên cứu của Toyota.





Đặc điểm chính:

Cơ sở hạ tầng kết nối tốt
Khả năng kết nối tốt với các sân bay và bến cảng, cũng như kết nối giao thông hiệu quả với Nagoya và các khu vực xung quanh khác.

Thế mạnh về công nghiệp ô tô
Thành phố được thiết kế đặc biệt tập trung vào ngành công nghiệp ô tô.

Tập trung vào đổi mới sáng tạo và R&D
Thành phố Toyota là trung tâm nghiên cứu và phát triển chính của hãng Toyota.

Xã hội các-bon thấp
23% năng lượng cần thiết trong thành phố được cung cấp bởi các nguồn tái tạo.

Nền nông nghiệp nhỏ nhưng hùng mạnh
Thành phố là nơi sản xuất gạo hàng đầu ở tỉnh Aichi và cũng là nơi trồng nho và lê.

Các ngành công nghiệp trọng điểm:
- Công nghiệp ô tô
- CNTT và Chế tạo người máy
- Công nghiệp môi trường và năng lượng
- Các ngành liên quan trong phát triển sản phẩm, nghiên cứu công nghệ

Kết luận chính
Để có thể thu hút được nhân lực có tay nghề cao chuyển đến cư trú tại Hưng Yên, cần có một "nhân tố hấp dẫn" dưới hình thức đặc biệt. Một phương án là thu hút một tập đoàn hàng đầu đến lập cơ sở tại Hưng Yên, hoặc phát triển một chuyên ngành giáo dục trong lĩnh vực liên quan.

Trường hợp nghiên cứu 3: Bắc Ninh, Việt Nam

Bắc Ninh nằm tiếp giáp phía Bắc của Hà Nội, là một trọng điểm trong tam giác kinh tế giữa Bắc Ninh, Hà Nội và Hải Phòng. Mặc dù là tỉnh nhỏ nhất và mới thành lập năm 1997, Bắc Ninh đã phát triển thành công ngành công nghiệp và đứng thứ 6 trong cả nước năm 2020 về thu hút đầu tư FDI, với sự đầu tư đáng kể từ các công ty lớn.





Đặc điểm chính:

Vị trí địa lý
Có vị trí chiến lược tiếp giáp với Hà Nội và là trọng điểm trong tam giác phát triển kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Bắc Ninh

Cơ sở hạ tầng kết nối tốt
Kết nối tốt và có liên kết giao thông đến Hà Nội và các tỉnh

Khu công nghiệp phát triển
Tiếp nhận và đầu tư đáng kể vào 15 khu công nghiệp với vốn đầu tư FDI khá lớn từ các công ty lớn

Lực lượng lao động có tay nghề cao
Tỉnh thành lập các trung tâm dạy nghề nhằm cung cấp cho ngành công nghiệp nguồn lao động có chuyên môn kỹ thuật.

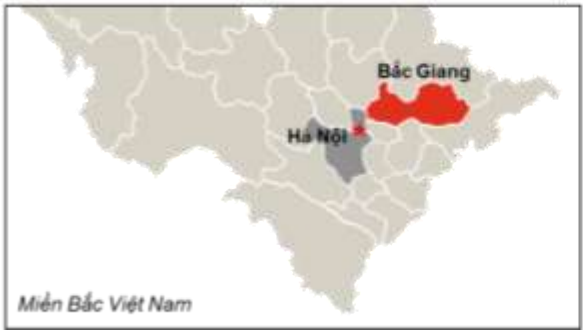
Nông nghiệp công nghệ cao
Các doanh nghiệp Nhật Bản đang tìm đến Bắc Ninh để sản xuất và xuất khẩu nông sản sang Nhật Bản.

Các ngành công nghiệp trọng điểm:
- Điện và điện tử
- Công nghệ thông tin
- Nông nghiệp và các ngành phụ trợ liên quan
- Sản xuất khác
- Khoa học và công nghệ

Kết luận chính
Cải thiện kết nối và liên kết giao thông của Hưng Yên với Hà Nội và các tỉnh khác sẽ mang lại lợi ích to lớn cho các ngành công nghiệp và người dân, đồng thời giúp thúc đẩy sự phát triển của tỉnh và quan tâm hơn nữa dành cho tỉnh.

Trường hợp nghiên cứu 4: Bắc Giang, Việt Nam

Bắc Giang là một trong những trung tâm công nghiệp lớn của vùng Đông Bắc Việt Nam, được hỗ trợ bởi vị trí thuận lợi và cơ sở hạ tầng phát triển tốt. Đây được coi là một điểm đến đầu tư mới nổi với việc chính quyền địa phương ban hành các ưu đãi về thuế và đất đai để thu hút đầu tư nước ngoài. Đáng chú ý nhất là vào năm 2020, nhà cung cấp Foxconn của Apple đã cân nhắc việc xây dựng dây chuyền lắp ráp tại Bắc Giang.





Đặc điểm chính:

Vị trí địa lý
Bắc Giang nằm giáp tam giác kinh tế trọng điểm Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh.

Dòng vốn FDI đáng kể
Năm 2019, đầu tư FDI của Bắc Giang trị giá 1,4 tỷ đô la Mỹ cho 215 dự án.

Kết nối cơ sở hạ tầng
Bắc Giang kết nối tốt với các tỉnh lân cận thông qua một số đường cao tốc chính và hai mạng lưới đường sắt chính.

Chính sách ưu đãi đầu tư
Các dự án đầu tư trong tương lai được đánh giá cao về hiệu quả sử dụng đất, thâm dụng lao động, trình độ công nghệ và giá trị gia tăng.

Nông nghiệp hùng mạnh
Bắc Giang có lợi thế cạnh tranh về nông nghiệp là sản xuất vải thiều và dứa.

Các ngành công nghiệp trọng điểm:

- Điện & điện tử
- Dệt may
- Xây dựng
- Nông nghiệp
- Năng lượng xanh (tấm pin mặt trời)

Kết luận chính
Mặc dù có các chính sách đầu tư thuận lợi, Hưng Yên cần xem xét đưa ra các tiêu chí đầu tư nhất định để đánh giá các dự án như trình độ công nghệ, việc làm và tác động của khí hậu.

Trường hợp nghiên cứ 5: Thái Nguyên, Việt Nam

Tỉnh Thái Nguyên ở phía Đông bắc Việt Nam được biết đến với núi, sông và những đồn điền chè được nhiều người đánh giá là chất lượng tốt nhất cả nước. Kể từ khi trở thành nơi có nhà máy sản xuất điện thoại di động lớn nhất của Samsung Electronics vào năm 2014, tỉnh đã có một sự phát triển kinh tế đáng kể trong lĩnh vực điện tử và công nghệ cao.





Đặc điểm chính:

Vị trí địa lý
Giáp sáu tỉnh, được coi là cửa ngõ giao lưu kinh tế - xã hội với vùng đồng bằng sông Hồng

Dòng vốn FDI đáng kể
Năm 2019, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI đạt 8,3 tỷ đô la Mỹ từ 158 dự án.

Mô hình khu công nghiệp thành công
Chính quyền tỉnh khuyến khích các nhà đầu tư thực hiện thuê đất 50 năm trả trước một lần, dẫn đến việc thu về 65 triệu đô la Mỹ.

Chính phủ điện tử
40% thủ tục hành chính được thực hiện trực tuyến

Nông nghiệp hùng mạnh
Tỉnh được biết đến đặc biệt với các đồn điền chè có các khu sản xuất chuyên dụng.

Các ngành công nghiệp trọng điểm:

- Khai thác mỏ
- Điện & điện tử
- Cơ khí chính xác cao
- Chế tạo
- Nông nghiệp
- Năng lượng xanh

Kết luận chính
Hưng Yên có thể xem xét các ưu đãi chiến lược như cho phép trả trước tiền thuê đất cho thời gian thuê đất kéo dài để khuyến khích dòng vốn FDI vào tỉnh, đặc biệt điều này sẽ hiệu quảtrong việc thu hút các tập đoàn lớn.

Trường hợp nghiên cứu 6: Surrey, Vương quốc Anh

Surrey nằm ngay cạnh London, cách trung tâm London nửa giờ đi tàu. Ngoài sự thuận tiện trong việc đi lại và môi trường giáo dục hàng đầu, không gian xanh dồi dào khiến Surrey trở thành một khu vực đáng sống hấp dẫn đối với những người lao động lành nghề và gia đình của họ.



Trọng tâm con người

Khoảng cách đến *trung tâm London*	Diện tích đất *(quận) km²*	Mật độ dân số *người dân trên mỗi km2*
36 km	1.663 km²	~716

Đặc điểm chính:

Cơ sở hạ tầng kết nối tốt
Kết nối giao thông tốt với London thông qua đường sắt và đường bộ, cung cấp lựa chọn sống ở Surrey và đi làm ở London

Môi trường sống xanh, đáng sống
Môi trường hấp dẫn và trong lành cho con người sinh sống với không gian xanh dồi dào

Chất lượng giáo dục cao
Dịch vụ giáo dục hàng đầu phục vụ cho các gia đình có trẻ em, đồng thời phát triển nhân lực có tay nghề

Lực lượng lao động lành nghề
Lực lượng lao động có tay nghề cao, trên 50% có trình độ từ ĐH trở lên, (trung bình cả nước ~ 38%)

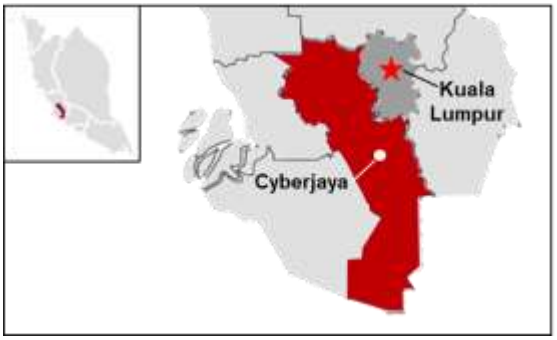
Các dịch vụ đa dạng
Cộng đồng doanh nghiệp mạnh gồm 60.000 công ty, bao gồm phần lớn là các doanh nghiệp vừa và nhỏ

Các ngành công nghiệp trọng điểm:
- Trí tuệ nhân tạo, kỹ thuật số và dữ liệu
- Dược phẩm và khoa học đời sống
- Sản xuất tiên tiến
- Dịch vụ tài chính và pháp lý / nghiệp vụ
- Ngành công nghiệp trò chơi máy tính

Kết luận chính
Vị trí chiến lược của Hưng Yên khiến cho tỉnh trở nên hấp dẫn lớn với những người lao động lành nghề, nhưng vẫn cần thiết cải thiện kết nối đến Hà Nội và các tỉnh khác, cũng như tăng chất lượng giáo dục và dịch vụ.

Trường hợp nghiên cứu 7: Thành phố Cyberjaya và Putrajaya, Malaysia

Cyberjaya được biết đến là trung tâm công nghệ toàn cầu của Malaysia, và đóng vai trò cốt lõi cho Siêu Hành lang Truyền thông Đa phương tiện (MSC) của Malaysia. Lấy cảm hứng từ Thung lũng Silicon, khu vực này được chỉ định là nơi các doanh nhân công nghệ và các công ty đa quốc gia toàn cầu được hưởng mức giảm thuế hấp dẫn, được tiếp cận với nguồn nhân lực và cơ sở hạ tầng đẳng cấp thế giới với chi phí của quốc gia đang phát triển.





Đặc điểm chính:

Siêu hành lang truyền thông đa phương tiện
Trong năm 2016, các công ty MSC tại Cyberjaya đã tạo ra tổng doanh thu 12,5 tỷ MYR.

Trung tâm công nghệ toàn cầu
Nơi sinh sống của trên 2.300 công ty khởi nghiệp, doanh nghiệp vừa và nhỏ và công ty đa quốc gia với sự tập trung cao của lao động tri thức

Không gian đổi mới đang phát triển mạnh mẽ
Là nơi triển khai cơ chế thử nghiệm (Sandbox) quốc gia của Malaysia dành cho đổi mới sáng tạo, các thử nghiệm chứng minh tính khả thi của các ý tưởng được tiến hành trên toàn thành phố

Mô hình thành phố carbon thấp
Cyberjaya và Putrajaya đang dẫn đầu con đường trở thành các thị trấn xanh tiên phong.

Khoảng cách đến sân bay
Nằm cách Sân bay Quốc tế Kuala Lumpur (KLIA) 30 phút

Các ngành công nghiệp trọng điểm:
- Trung tâm R&D
- Điện toán đám mây, phân tích dữ liệu lớn và bảo mật thông tin
- Truyền thông đa phương tiện sáng tạo, hoạt hình kỹ thuật số
- Thành phố thông minh, công nghệ xanh

Các kết luận chính
Tạo lập một môi trường đô thị tập trung vào tính bền vững, công nghệ xanh và giảm thiểu ô nhiễm sẽ là yếu tố quan trọng cần xem xét để những người lao động tri thức và nhân lực có tay nghề cao, chất lượng chuyển đến Hưng Yên.

Trường hợp nghiên cứu 8: Wollongong, Úc

Wollongong là một thành phố biển cách Sydney 1,5 giờ đi xe. Nơi đây có lối đi dễ dàng và tầm nhìn tuyệt vời ra cảnh quan thiên nhiên. Đại học Wollongong là nguồn cung cấp liên tục các sinh viên tốt nghiệp và lực lượng lao động có tay nghề cao, là nơi cung cấp cơ sở hạ tầng mềm cho một môi trường kinh doanh tốt.





Đặc điểm chính:

Cơ sở hạ tầng kết nối tốt
Khoảng 23.000 cư dân đi lại khu vực Sydney mở rộng để làm việc bằng tàu hỏa hoặc ô tô.

Phong cách sống ven biển
Các bãi biển, rừng nhiệt đới và công viên quốc gia cung cấp rất nhiều hoạt động giải trí để du khách tận hưởng.

Chất lượng giáo dục cao
Đại học Wollongong cung cấp các dịch vụ giáo dục hàng đầu để phát triển lực lượng lao động có tay nghề

Các dịch vụ đa dạng
13.000 doanh nghiệp, 98% trong số đó là doanh nghiệp nhỏ. Khoảng 110 quán bar, quán cà phê và nhà hàng trong thành phố

Lực lượng lao động tay nghề cao
Khoảng 83.000 người làm việc trong các khu vực thuộc chính quyền địa phương (LGA) là chuyên gia; kỹ thuật viên và nhân viên thương mại; nhân viên phục vụ cộng đồng và cá nhân, v.v

Các ngành công nghiệp trọng điểm:
- Chăm sóc sức khỏe và hỗ trợ xã hội
- Giáo dục và đào tạo
- Dịch vụ tài chính và bảo hiểm

Kết luận chính
Có một nguồn đầy đủ các nhân lực có tay nghề là tiêu chí then chốt để thu hút đầu tư và các doanh nghiệp. Hưng Yên cần tiếp tục phát triển ngành giáo dục để đảm bảo nguồn cung nhân lực liên tục phục vụ nhu cầu của các doanh nghiệp.

Trường hợp nghiên cứu 9: Zeeland, Hà Lan

Zeeland nằm ở trung tâm của một khu dân cư đông đúc với một số cảng đẳng cấp thế giới. Các công ty trong lĩnh vực nông nghiệp ước tính đại diện cho 1,7 tỷ euro giá trị sản xuất, 800 triệu euro giá trị gia tăng và 15% tổng số cơ hội việc làm ở Zeeland.





Đặc điểm chính:

Chuỗi giá trị nông nghiệp toàn diện
Ngoài sản xuất, Zeeland còn chế biến, đóng gói, bảo quản và vận chuyển các nông sản

Quan hệ đối tác sáng tạo trong R&D
Hợp tác nghiên cứu và phát triển mạnh mẽ với các công ty tư vấn, viện nghiên cứu và chính phủ.

Hệ thống giáo dục được xây dựng có mục đích
Khuôn viên trường Zeeland tập trung vào các lĩnh vực liên quan đến thế mạnh / lợi thế của thành phố như cảng và hậu cần, nông nghiệp & thực phẩm, v.v

Lực lượng lao động có tay nghề cao
Nông dân ở Zeeland đầu tư vào đổi mới sáng tạo trong canh tác và cơ giới hóa để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm

Trung tâm hậu cần chiến lược
Vị trí chiến lược nằm giữa các cảng cho phép các doanh nghiệp tiếp cận thị trường tiêu dùng châu Âu tương đối nhanh chóng

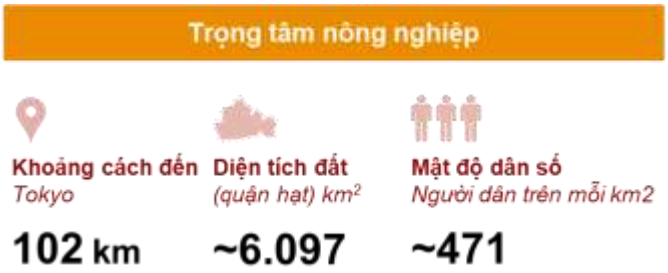
Các ngành công nghiệp trọng điểm:
- Nông nghiệp
- Phân phối và hậu cần
- Hóa học
- Năng lượng tái tạo (Gió xa bờ)

Kết luận chính
Ngành nông nghiệp là một trong những ngành đóng góp kinh tế chính ở Hưng Yên, tuy nhiên vẫn còn nhiều cơ hội cải thiện năng suất đất nông nghiệp thông qua nâng cao tay nghề của người lao động, đầu tư vào nghiên cứu và phát triển và các ứng dụng công nghệ trong nông nghiệp.

Trường hợp nghiên cứu 10: Ibaraki, Nhật Bản

Tỉnh Ibaraki là một phần của Khu vực Tokyo mở rộng, được coi là khu vực đô thị đông dân nhất trên toàn cầu. Nền kinh tế của tỉnh chủ yếu được biết đến với nông nghiệp, tuy nhiên Ibaraki cũng là nơi có trường đại học chế tạo người máy hàng đầu ở Nhật Bản và là nơi thành lập của hãng Hitachi.





Đặc điểm chính:

Cơ sở hạ tầng kết nối tốt
Dễ dàng tiếp cận, với hàng chục tuyến đường di chuyển qua Ibaraki bằng tàu hỏa, đường cao tốc, cảng và đường hàng không

Chất lượng giáo dục cao
Đại học Tsukuba liên tục được xếp hạng trong 10 trường đại học hàng đầu của Nhật Bản, nổi tiếng với các khóa học về chế tạo người máy và trí tuệ nhân tạo.

Thành phố hiện đại
Được xác định là một thị trấn mở rộng của Tokyo, thành phố Tsukuba là một trong những trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao hàng đầu của Nhật Bản.

Lực lượng lao động tay nghề cao
Tập trung đông các nhà khoa học có tay nghề cao, khoảng 20.758 nhà nghiên cứu (2017).

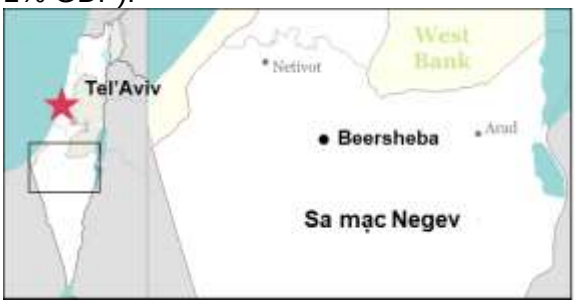
Nền nông nghiệp hùng mạnh
Ibaraki là nhà sản xuất nông sản số một Nhật Bản về nhiều sản phẩm như dưa, củ sen, tiêu xanh và cá thu.

Các ngành công nghiệp trọng điểm:
- Nông nghiệp
- Năng lượng hạt nhân, hóa chất
- Sản xuất các bộ phận chính xác
- Điện và điện tử
- Hóa dầu

Kết luận chính
Khoảng cách của Hưng Yên đến Hà Nội mang lại cho tỉnh một vị trí thuận lợi như một 'thị trấn mở rộng' của thủ đô. Tận dụng lợi thế này để phát triển ngành giáo dục, Hưng Yên cần nỗ lực thu hút học sinh, sinh viên và xây dựng nguồn cung lao động lành nghề và bán lành nghề.

Trường hợp nghiên cứu 11: Sa mạc Negev, Israel

Sa mạc Negev nằm ở Quận phía Nam của Israel, là quận lớn nhất về diện tích đất nhưng cũng là nơi ít dân cư nhất mà lí do chủ yếu là do cảnh quan của nơi này. Tuy nhiên, chính cảnh quan này đã tạo ra một cuộc cách mạng trong việc quản lý tài nguyên đất và nước trong môi trường sa mạc, biến cát thành những cánh đồng xanh một cách hiệu quả. Năm 2019, tổng số việc làm trong ngành nông nghiệp của Israel là 0,92%, với tổng giá trị xuất khẩu là 2,2 tỷ đô la Mỹ (khoảng 1% GDP).





Đặc điểm chính:

Nông nghiệp đổi mới

Cây trồng được biến đổi gen để tồn tại trong môi trường nước mặn tự nhiên đến từ các tầng chứa nước lớn bên dưới sa mạc Negev.

Nhiều loại cây trồng xuất khẩu

Trái cây và rau quả xuất khẩu hàng đầu của Israel bao gồm khoai tây, cà rốt, hạt tiêu, bơ, chà là và xoài.

Dẫn đầu về nghiên cứu và phát triển

RNDARC hợp tác chặt chẽ với nông dân và các học viện nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng sản xuất nông nghiệp hàng năm.

Hệ thống giáo dục chất lượng cao

Beersheba là quê hương của trường đại học hàng đầu được xếp hạng thứ 4 ở Israel, Đại học Ben-Gurion của Negev.

Thành phố hiện đại

Thủ đô Beersheba đóng vai trò là trung tâm cho ngành công nghệ cao và công nghệ đang phát triển của Israel.

Các ngành công nghiệp trọng điểm:

- Nông nghiệp
- Công nghệ cao
- Công nghiệp vũ trụ
- Điện tử và hóa chất

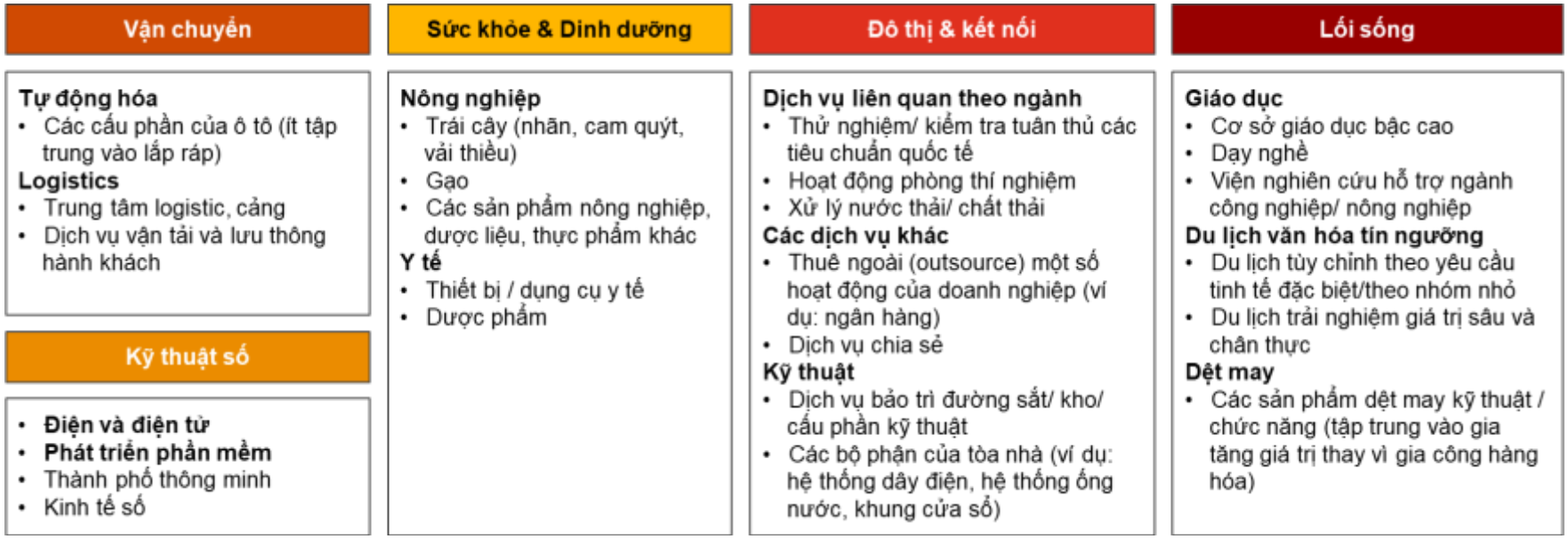
Kết luận chính

Hưng Yên có thể lấy cảm hứng từ bước đột phá công nghệ và sinh học của Negev đã biến vùng đất từng được biết đến là sa mạc thành một khu vực nông nghiệp thịnh vượng. Sự hợp tác chặt chẽ giữa nông dân, ngành nông nghiệp và nghiên cứu công nghệ là chìa khóa thành công.

2.3. Đề xuất các ngành công nghiệp trọng tâm cho Hưng Yên

Hưng Yên có thể phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm theo danh sách phân loại các lĩnh vực như sau:

Hình 21: Các ngành kinh tế trọng tâm được đề xuất cho Hưng Yên



Các ngành công nghiệp trọng điểm này[13] được xác định qua phương pháp đánh giá sự ưu tiên ngành nghề kinh tế, các ngành công nghiệp hiện tại ở Hưng Yên, vùng và Việt Nam nói chung, cũng như xu hướng toàn cầu và tăng trưởng dự kiến trong tương lai của các ngành này.

[13] Lưu ý: Danh sách các ngành công nghiệp trọng điểm được xác định này là sơ bộ, sẽ được tinh chỉnh dựa trên thông tin đầu vào từ các báo cáo đánh giá thực trạng về tỉnh Hưng Yên và bối cảnh vùng rộng hơn của các thành viên liên danh khác

Tính chất của thành phố thông minh

Thành phố thông minh vận dụng tiến bộ công nghệ và thực tiễn quản lý đô thị hiệu quả để cải thiện chất lượng cuộc sống, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển môi trường bền vững và an toàn. Khái niệm thành phố thông minh thường có ba chủ đề:

- Sử dụng thông tin, truyền thông và công nghệ kỹ thuật số để giải quyết các thách thức của đô thị, cải thiện công tác quản lý đô thị và chất lượng cuộc sống, tính bền vững, hiệu quả và an ninh đô thị
- Cải thiện các hoạt động kinh tế và kinh doanh
- Sự tham gia liên tục của cộng đồng và các hoạt động đổi mới sáng tạo đô thị

Có 11 tiêu chí có thể ảnh hưởng đến sự thành công của việc triển khai thành phố thông minh. Các tiêu chí này được chia thành ba cấp: Tiêu chí cốt lõi, tiêu chí xúc tác và tiêu chí bổ sung:

Cấp 1: Tiêu chí cốt lõi: Cơ sở hạ tầng cơ bản và toàn diện, cơ sở hạ tầng kỹ thuật số kết nối và hiện đại, và các phát kiến phù hợp nhu cầu của thành phố

Cấp 2: Tiêu chí xúc tác: Ý chí chính trị vững vàng, thu hút cộng đồng đổi mới sáng tạo, chính sách tổng thể và quan hệ đối tác hỗ trợ cộng hưởng, chia sẻ dữ liệu chính phủ, bảo vệ dữ liệu và thông tin

Cấp 3: Tiêu chí bổ sung: Thành phố carbon thấp và lối sống xanh, bình đẳng giới và sự hòa nhập của các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương, khả năng đóng góp/ tham gia của cộng đồng

Những thách thức chính của đô thị

Trên thế giới, các sáng kiến thành phố thông minh được sử dụng rộng rãi để giải quyết các thách thức đô thị do quá trình đô thị hóa nhanh chóng. Các thành phố phải đối mặt với những thách thức và có những nhu cầu khác nhau. Nhìn chung, bên dưới là những thách thức điển hình mà một thành phố sẽ phải đối mặt trong quá trình phát triển thành phố thông minh. Mỗi chiến lược cụ thể chính của thành phố thông minh bao hàm một loạt thách thức khác nhau mà Hưng Yên cần giải quyết theo thứ tự ưu tiên (được biểu thị bằng màu sắc):

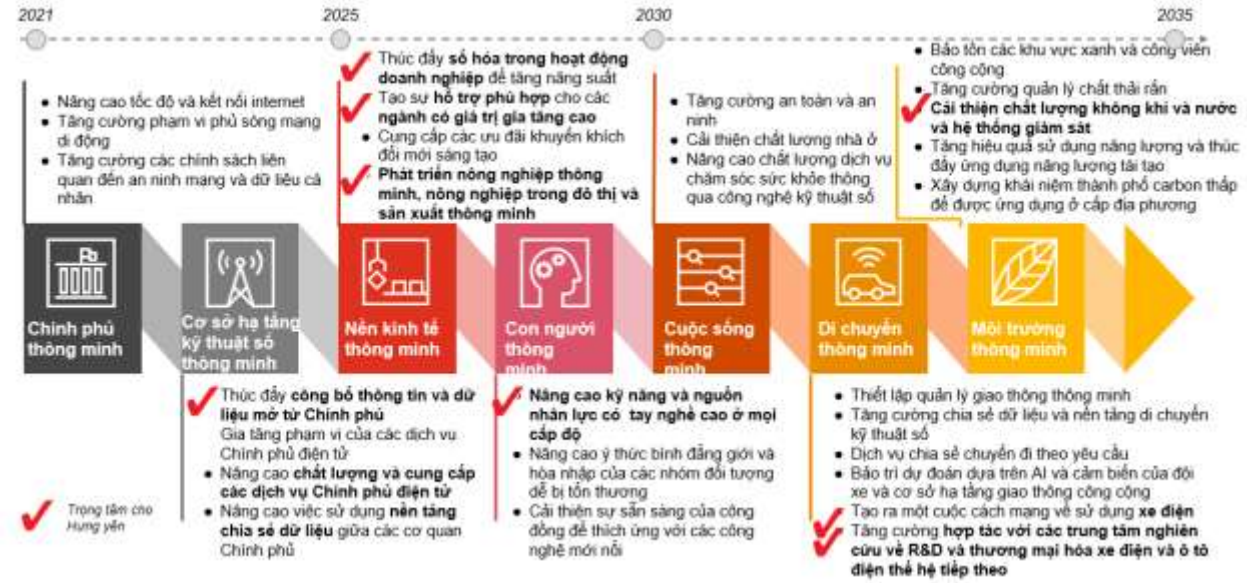
Hình 22: Những thách thức mà Hưng Yên phải đối mặt để trở thành thành phố thông minh



Trong khi các thách thức riêng lẻ đã được ưu tiên, xét về thời gian tổng thể, đầu tư vào chính phủ thông minh và cơ sở hạ tầng kỹ thuật số thông minh nên được thực hiện trước tiên (giai đoạn 2021-2025), sau đó là kinh tế thông minh, con người thông minh và cuộc sống thông minh (giai đoạn 2025-2030). Một khi nền tảng vững chắc đã được thiết lập, với việc nâng cao kỹ năng của lực lượng lao động và nhận thức cao hơn, thì có thể đầu tư hơn nữa vào di chuyển thông minh và môi trường thông minh (giai đoạn 2030-2035).

Dựa trên bảy thách thức, các lĩnh vực trọng tâm chính được xác định để Hưng Yên trở thành thành phố thông minh toàn diện vào năm 2035 như sau:

Hình 23: Các lĩnh vực trọng tâm chính để trở thành thành phố thông minh toàn diện vào năm 2035



Định nghĩa kinh tế số

Không có một định nghĩa chuẩn dành cho kinh tế số (KTS) và việc xem xét các yếu tố định hình sự tăng trưởng của nó đang không ngừng phát triển. Tuy nhiên, có 2 đặc điểm chính của KTS có thể được sử dụng để định hướng cho sự hiểu biết của chúng ta, đó là việc tạo ra và ứng dụng Internet và những đóng góp của lĩnh vực CNTT.

Do đó, chúng tôi có thể mô tả nền KTS một cách ngắn gọn là các hoạt động kinh tế và xã hội liên quan đến việc sản xuất và sử dụng công nghệ kỹ thuật số của các cá nhân, doanh nghiệp và Chính phủ.
Theo báo cáo kinh tế số ở Đông Nam Á: Tăng cường nền tảng cho tăng trưởng trong tương lai của Ngân hàng thế giới[14], có năm nền tảng để phát triển KTS sẽ định hình mức độ mà các lĩnh vực khác nhau áp dụng, sử dụng và tạo ra giá trị thông qua công nghệ kỹ thuật số. Sơ đồ dưới đây sẽ làm nổi bật điều này:

Hình 24: Năm nền tảng để phát triển kinh tế số



Những thách thức chính trong việc phát triển kinh tế số tại Hưng Yên

Dựa trên 5 nền tảng, các thách thức chính được xác định trong phát triển KTS được xếp hạng theo thứ tự ưu tiên cho Hưng Yên và được sắp xếp theo lộ trình đến năm 2035.

Với sự hợp tác của Google và Temasek, công ty đầu tư toàn cầu e-Conomy SEA 2020 đã nêu rằng Việt Nam là một trong những quốc gia đi đầu trong tốc độ tăng trưởng KTS của Đông Nam Á. Đến năm 2025, KTS của Việt Nam dự kiến sẽ đạt giá trị 43 tỷ đô la Mỹ. Ngoài ra, các nhà đầu tư cũng quan tâm nhiều hơn đến các lĩnh vực KTS sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn phải đối mặt với những trở ngại đáng kể trong việc khai thác sức mạnh

[14] Ngân hàng Thế giới

của công nghệ số và gia tăng tính bao phủ của kỹ thuật số. Các thách thức chính được xác định được phân nhóm dựa trên 5 nền tảng KTS do Ngân hàng Thế giới đưa ra[15].

Hình 25: Các thách thức chính được xác định và phân nhóm dựa trên 5 nền tảng KTS do Ngân hàng Thế giới đưa ra



Việt Nam hướng tới kinh tế số

Dựa vào lộ trình cho Kinh tế số trong tương lai của Việt Nam (2030-2045)[16], Bộ Khoa học và Công nghệ Việt Nam phối hợp với tổ chức CSIRO của Úc đã tạo ra một danh sách các hành động ưu tiên. Mặc dù các hành động này đều được ưu tiên nhưng không nhất thiết diễn ra theo tuần tự. Một số hành động đặc biệt liên quan đến cải cách quy định, sẽ cần phải được thực hiện đồng thời. Mức đầu tư vào các hoạt động này là rất quan trọng và sẽ được xác định bởi các cân nhắc kinh tế vĩ mô khác. Do đó, Việt Nam sẽ cần phải cân đối cẩn thận giữa chi tiêu với lợi nhuận cho chính phủ Việt Nam để giảm nợ và kiểm soát lạm phát.

Hình 26: Các hành động ưu tiên để Việt Nam phát triển thành nền kinh tế số



[15] Ngân hàng Thế giới
[16] Tương lai kinh tế số Việt Nam – Hướng tới năm 2030 và 2045. CSIRO, (2019)

Quy định về xúc tiến đầu tư vào đổi mới sáng tạo và công nghệ tiên tiến

Trong những năm qua, hệ thống pháp lý của Việt Nam đã được cải thiện để thúc đẩy đầu tư vào đổi mới sáng tạo và công nghệ tiên tiến. Một chính sách mới của Chính phủ[17] về ưu đãi đầu tư đặc biệt với 3 mức ưu đãi đang được dự thảo, và Hưng Yên có thể tận dụng để đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp của tỉnh.

Bảng 5: Dự thảo chính sách ưu đãi của Việt Nam để thúc đẩy đầu tư vào đổi mới sáng tạo và công nghệ tiên tiến

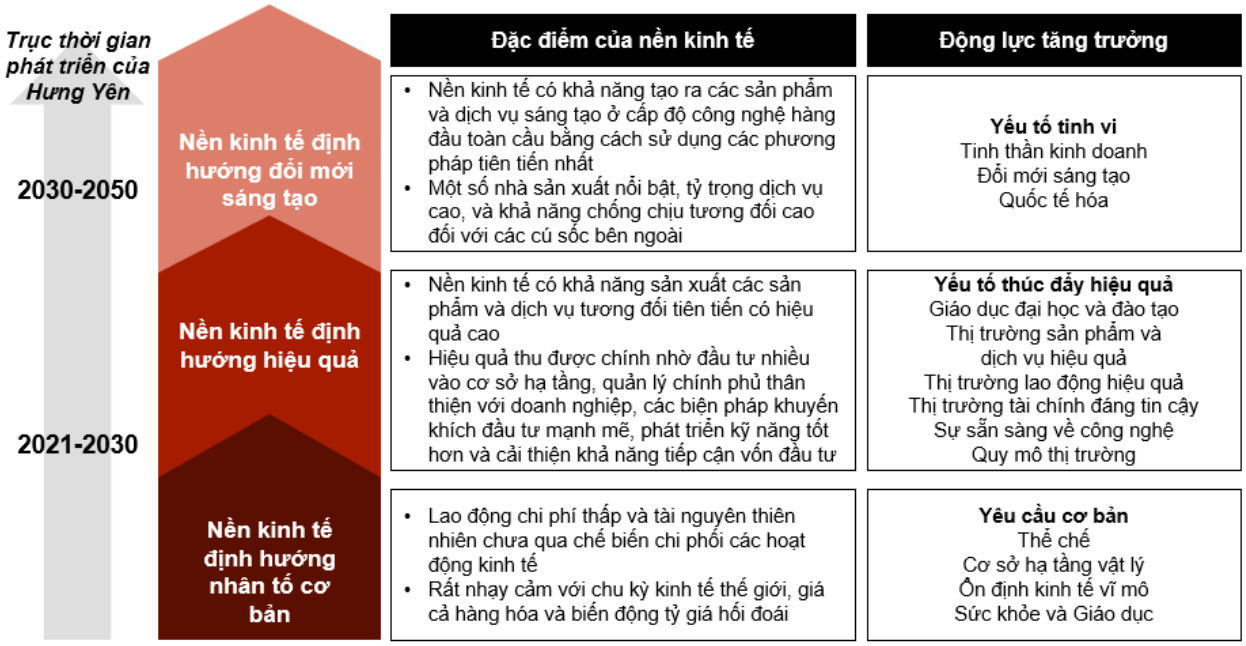
	Mức 1 (Thuế TNDN: 9%)	Mức 2 (Thuế TNDN: 7%)	Mức 3 (Thuế TNDN: 5%)
Thời gian	• 30 năm	• 33 năm	• 38 năm
Ưu đãi thuế	• 5 năm đầu tiên: miễn thuế • 10 năm tiếp theo: giảm 50%	• 6 năm đầu tiên: miễn thuế • 12 năm tiếp theo: giảm 50%	• 6 năm đầu tiên: miễn thuế • 13 năm tiếp theo: giảm 50%
Chi phí thuê đất và mặt nước	• 18 năm đầu tiên: miễn phí • Các năm còn lại: giảm 55%	• 20 năm đầu tiên: miễn phí • Các năm còn lại: giảm 65%	• 23 năm đầu tiên: miễn phí • Các năm còn lại: giảm 75%
Các dự án mục tiêu	Dự án thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư: • Vốn đầu tư: **> 30.000 tỷ đồng** • Giải ngân tối thiểu trong 3 năm: **10.000 tỷ đồng**	(1) Trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm R&D: • Vốn đầu tư: **> 3.000 tỷ đồng** • Giải ngân tối thiểu trong 3 năm: **1.000 tỷ đồng** ***HOẶC*** (2) Dự án thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư: • Vốn đầu tư: **> 30.000 tỷ đồng** • Giải ngân tối thiểu trong 3 năm: **10.000 tỷ đồng** • **Đáp ứng 1 trong 4 tiêu chí hưởng ưu đãi đầu tư đặc biệt của mức 2**	(1)Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia do Thủ tướng Chính phủ thành lập ***HOẶC*** (2) Dự án thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư: • Vốn đầu tư: **> 30.000 tỷ đồng** • Giải ngân tối thiểu trong 3 năm: **10.000 tỷ đồng** • **Đáp ứng 1 trong 4 tiêu chí ưu đãi đầu tư đặc biệt của mức 3**
Tiêu chí (đáp ứng 1 trong 4 tiêu chí)	• Không áp dụng	(1) **Công nghệ cao**: Doanh thu từ sản phẩm công nghệ cao chiếm **70%** tổng doanh thu thuần hàng năm; tổng chi cho hoạt động **R&D** trên giá trị của doanh thu thuần trừ giá trị đầu vào hàng năm đạt **ít nhất 0,5%**; **ít nhất 1%** lao động trực tiếp thực hiện R&D có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên (2) **Doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi giá trị**: Doanh nghiệp Việt Nam chiếm tỷ trọng từ **30% đến dưới 40%; tối thiểu 30%** giá thành sản phẩm do doanh nghiệp Việt Nam tạo ra (3) **Giá trị gia tăng**: **từ 30% đến dưới 40%** trong giá thành sản phẩm (4) **Chuyển giao công nghệ**: **có Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ**, khuyến khích chuyển giao công nghệ, thực hiện chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp Việt Nam trong **thời hạn 05 năm** kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư	(1) **Công nghệ cao**: Doanh thu từ sản phẩm công nghệ cao chiếm **80%** tổng doanh thu thuần hàng năm; tổng chi cho hoạt động **R&D** trên giá trị doanh thu thuần trừ giá trị đầu vào hàng năm đạt **ít nhất 1%**; **ít nhất 2%** lao động trực tiếp thực hiện R&D có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên (2) **Doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi giá trị**: Doanh nghiệp Việt Nam chiếm tỷ trọng **trên 40%; tối thiểu 40%** giá thành sản phẩm do doanh nghiệp Việt Nam tạo ra (3) **Giá trị gia tăng**: **trên 40%** trong giá thành sản phẩm (4) **Chuyển giao công nghệ**: **có Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ**, khuyến khích chuyển giao công nghệ, thực hiện chuyển giao công nghệ cho ít nhất **3 doanh nghiệp Việt Nam** trong **thời hạn 05 năm** kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư

[17] Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về các ưu đãi đầu tư đặc biệt, tháng 7 năm 2021

Phát triển bền vững trong dài hạn

Bất kể lựa chọn phát triển lĩnh vực trọng tâm nào, chương trình phát triển của Hưng Yên phải có một cách tiếp cận cân bằng và bền vững, không gây tác động đến môi trường.

Hình 27: Các trụ cột của năng lực cạnh tranh



Hưng Yên phải đầu tư đầy đủ vào các lĩnh vực quan trọng để phát triển hệ sinh thái hỗ trợ, bao gồm môi trường kinh doanh thuận lợi, kết nối giao thông, ứng dụng công nghệ và nhân lực có tay nghề cao.

Điều này sẽ giúp cải thiện năng lực cạnh tranh của tỉnh[18] và cung cấp nền tảng cho các ngành công nghiệp để tăng năng suất và phát triển chuỗi giá trị hướng tới một nền kinh tế định hướng hiệu quả hơn trong trung hạn chẳng hạn như cải thiện tiêu chuẩn giáo dục và chất lượng đầu ra của sinh viên, thị trường tài chính ổn định và sự sẵn sàng của cơ sở hạ tầng công nghệ. Về lâu dài, nền kinh tế phải tự phát triển được bền vững và được định hướng theo thị trường với sự can thiệp tối thiểu của chính phủ. Đổi mới sáng tạo sẽ là đặc điểm nổi bật nhất thúc đẩy nền kinh tế định hướng dịch vụ, điều này sẽ tạo ra khả năng thích ứng cao trước các cú sốc bên ngoài.

[18] Diễn đàn Kinh tế Thế giới - Chỉ số Năng lực Cạnh tranh Toàn cầu

Các lĩnh vực trọng tâm cho tương lai

Lựa chọn các hoạt động có giá trị cao hơn đóng vai trò then chốt cho sự phát triển của Hưng Yên hướng tới một nền kinh tế định hướng hiệu quả hơn trong trung hạn và một nền kinh tế đổi mới sáng tạo trong dài hạn[19]

Hình 28: Định hướng đến năm 2030



Phát triển đô thị theo hướng thành phố thông minh
Phát triển đầy đủ các tính năng của thành phố thông minh cho các huyện giáp ranh với Hà Nội, trong khi các huyện ở phía Nam sẽ có sự sẵn sàng về cơ sở hạ tầng thành phố thông minh.

Phát triển bất động sản
Phát triển bất động sản về phía Nam Hưng Yên hướng đến các cá nhân có thu nhập trung bình đến cao và nhân lực có tay nghề cao đang làm việc tại Hưng Yên.

Trung tâm giáo dục ứng dụng công nghệ tiên tiến
Cung cấp các chương trình đào tạo chuyên biệt về công nghệ tiên tiến và công nghệ sạch, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp và công nghiệp mà ít được đào tạo tại các trường đại học và cao đẳng hàng đầu ở Hà Nội

Khu vực thử nghiệm và nhân rộng mô hình nông nghiệp thông minh
Thiết lập các mô hình nông nghiệp thông minh sử dụng các công nghệ như Internet vạn vật, cảm biến, hệ thống định vị, người máy và trí tuệ nhân tạo vào trang trại, trồng trọt và chăn nuôi

Các khu công nghiệp đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế
Phát triển các khu công nghiệp mới theo hướng công nghệ sạch của vùng đồng bằng sông Hồng với các tiêu chí nghiêm ngặt về lựa chọn ngành và đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững

Dịch vụ du lịch văn hóa và lịch sử
Địa điểm du lịch trong ngày và cuối tuần dành cho người dân Hà Nội và các tỉnh lân cận đến tham quan các di tích lịch sử, văn hóa như làng nghề, vườn hoa, trái cây

Đến năm 2030, Hưng Yên có thể được hưởng lợi từ vị trí gần Hà Nội về sự sẵn sàng của cơ sở hạ tầng thành phố thông minh, phát triển bất động sản, đặc biệt là từ việc dân cư Hà Nội dịch chuyển chỗ ở sang Hưng Yên và là nơi nghỉ ngơi cuối tuần đáp ứng nhu cầu du lịch trong nước. Trước những vấn đề ô nhiễm ở các tỉnh công nghiệp hóa cao, Hưng Yên sẽ cần phải xem xét một cách tiếp cận bền vững trong tương lai. Phát triển các khu công nghiệp mới chú trọng sử dụng công nghệ sạch và bền vững sẽ giúp hạn chế các hoạt động gây ô nhiễm và cũng khuyến khích đầu tư FDI từ các công ty đang ngày càng tìm cách giảm lượng phát thải carbon. Sử dụng các phương pháp canh tác thông minh cũng là một cách hiệu quả để canh tác và thu hoạch mùa màng trong tương lai. Việc thành lập các cơ sở đào tạo để giáo dục và nâng cao kỹ năng cho

[19] vir.com, vietnamnews.vn, và PwC

nông dân về các công nghệ mới và đang phát triển cũng sẽ giúp thúc đẩy các hoạt động nông nghiệp.

Hình 29: Các lĩnh vực trọng tâm được đề xuất đến năm 2050



Phát triển toàn diện mô hình thành phố thông minh
Mô hình thành phố thông minh được phát triển và kết nối trong toàn tỉnh

Trung tâm nông nghiệp thông minh của Vùng đồng bằng sông Hồng
Nông nghiệp thông minh ứng dụng trong toàn tỉnh

Trung tâm dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp và công nghiệp
Là trung tâm dịch vụ trọng điểm hỗ trợ hậu cần cho nông sản và công nghiệp khu vực phía Bắc, kết nối Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh

Đến năm 2050, Hưng Yên được coi là một thành phố thông minh toàn diện, với nông nghiệp thông minh và các hoạt động công nghiệp sạch được triển khai rộng rãi trên toàn tỉnh. Hưng Yên cũng sẽ là nhân tố chủ chốt trong việc cung cấp các quy trình gia tăng giá trị để hỗ trợ các ngành công nghiệp nằm trong tam giác Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh.

Phân tích bổ sung

Chương 1: Nghiên cứu xây dựng hệ thống các tiêu chí đánh giá chất lượng tăng trưởng và đánh giá chất lượng tăng trưởng của tỉnh

Chương 2: Định hướng chiến lược về tăng trưởng tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2050

Chương 3: Phân tích, đánh giá năng lực cạnh tranh kinh tế của tỉnh Hưng Yên

Chương 4: Bối cảnh trong nước, quốc tế và đánh giá các điều kiện thị trường để xác định các cụm ngành của tỉnh Hưng Yên thời kỳ đến năm 2050

Chương 5: Vị trí, mối quan hệ của các cụm ngành của tỉnh Hưng Yên trong vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước

Chương 6: Phân tích, đánh giá về năng lực cạnh tranh của các cụm ngành quan trọng trong kinh tế tỉnh. Những vấn đề đặt ra

Chương 7: Nhu cầu liên kết và định hướng mở rộng không gian phát triển của các cụm ngành của tỉnh

Chương 8: Chiến lược nâng cao năng lực cạnh tranh của từng cụm ngành (Tầm nhìn, Định hướng, Mục tiêu, Giải pháp, Kế hoạch hành động).

Chương 9: Phương án bố trí không gian (các) trục/hành lang công nghiệp - đô thị trọng điểm của tỉnh để thúc đẩy phát triển các cụm ngành

Chương 10: Định hướng chiến lược phát triển hành lang công nghiệp - đô thị trọng điểm của tỉnh

Chương 1: Chất lượng tăng trưởng của tỉnh Hưng Yên

1.1. Chỉ tiêu đánh giá chất lượng tăng trưởng

Hiện nay, chưa có định nghĩa rõ ràng về chất lượng tăng trưởng của một quốc gia, một tỉnh hay một thành phố. Tuy nhiên, hiểu một cách chung nhất, một nền kinh tế với chất lượng tăng trưởng tốt khi nền kinh tế đó phát triển mạnh mẽ và ổn định, với năng suất kinh tế cao và hiệu quả sản xuất được nâng cao. Hơn nữa, tăng trưởng với chất lượng tốt dẫn đến cải thiện các khía cạnh xã hội, chẳng hạn như nâng cao mức sống dân cư, xóa đói giảm nghèo và duy trì sự tăng trưởng lâu dài cùng với sự bền vững về môi trường tự nhiên.

Trong báo cáo này, chất lượng tăng trưởng của tỉnh Hưng Yên được đánh giá dựa trên 4 trụ cột bao gồm cả khía cạnh kinh tế và khía cạnh xã hội.

Hình 30: Bốn trụ cột chất lượng tăng trưởng



Tăng trưởng kinh tế. Trụ cột này nhằm đánh giá quy mô nền kinh tế của một tỉnh thành, tốc độ tăng trưởng kinh tế cũng như mức độ ổn định của tăng trưởng kinh tế trong các thời kỳ. Tăng trưởng kinh tế thường được đánh giá bằng cách phân tích tổng sản phẩm quốc nội (GRDP), tổng sản lượng hoặc giá trị gia tăng và tốc độ tăng trưởng của nó trong một nền kinh tế qua các thời kỳ cụ thể.

Cơ cấu kinh tế. Trụ cột cơ cấu kinh tế đánh giá quá trình tái cơ cấu nền kinh tế và những thay đổi trong cấu trúc của tất cả các nguồn lực của nền kinh tế để đánh giá liệu những chuyển đổi đó có phù hợp với các mục tiêu phát triển bền vững, xu hướng trong nước và quốc tế hay không. Cơ cấu kinh tế được đánh giá bằng cách phân tích các ngành kinh tế, các hoạt động kinh tế và sự phân chia nguồn nhân lực theo các ngành.

Hiệu quả kinh tế. Hiệu quả kinh tế đánh giá mức độ hiệu quả của từng yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất (lao động, vốn và các yếu tố khác) được phân bổ và sử dụng trong nền kinh tế. Hiệu quả có thể được đánh giá bằng cách phân tích năng suất lao động và mức độ hiệu quả của vốn đầu tư. Ngoài ra, cần tính toán tốc độ tăng trưởng của từng nguồn lực đầu vào và tỷ trọng đóng góp của tăng trưởng từng nguồn lực vào tăng trưởng kinh tế chung.

Các ảnh hưởng đến xã hội. Chất lượng tăng trưởng của một tỉnh thành cũng phản ánh sự cải thiện của các khía cạnh xã hội, đây là các vấn đề chịu tác động trực tiếp của tăng trưởng kinh tế. Trụ cột này đánh giá mức sống của người dân, tiện ích xã hội, dịch vụ công và những ảnh hưởng đến môi trường của một tỉnh thành để suy ra liệu tăng trưởng có chất lượng tốt và bền vững hay không.

Thông qua việc so sánh với các nghiên cứu[20] về đánh giá chất lượng tăng trưởng của Việt Nam, một số tỉnh thành và vùng trong nước như Đà Nẵng, Quảng Nam, Bình Định, Phú Thọ, Nam Định, Vùng kinh tế trọng điểm Nam Bộ, chúng tôi đề xuất một hệ thống các chỉ tiêu phổ biến và dễ tính toán để đánh giá toàn diện các khía cạnh của chất lượng tăng trưởng của tỉnh Hưng Yên, được trình bày trong bảng dưới đây[21]. Để phát triển nền kinh tế với chất lượng tăng trưởng cao, Hưng Yên cũng cần chú trọng phát triển đô thị, nâng cao đời sống và bảo tồn môi trường, góp phần hỗ trợ phát triển bền vững.

Bảng 6: Các chỉ tiêu được sử dụng trong các nghiên cứu về chất lượng tăng trưởng

Trụ cột	*Chỉ tiêu được sử dụng*	Đà Nẵng	Quảng Nam	Bình Định	Phú Thọ	Nam Định	Vùng kinh tế trọng điểm Nam Bộ	Việt Nam	Chỉ tiêu được đề xuất cho Hưng Yên
Tăng trưởng kinh tế	Tăng trưởng GRDP	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	Hệ số ổn định tăng trưởng*	✓	✓						✓
Cơ cấu kinh tế	Cơ cấu GRDP theo ngành kinh tế	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	Cơ cấu lao động theo ngành kinh tế								✓
Hiệu quả kinh tế	Năng suất lao động	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	Hệ số ICOR**	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	Đóng góp của tăng TFP*** vào tăng GRDP	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓
Các ảnh hưởng đến xã hội	GRDP bình quân đầu người	✓	✓	✓		✓	✓		✓
	Vấn đề việc làm	✓	✓			✓			✓
	Tỷ lệ hộ nghèo	✓			✓	✓			✓
	Vấn đề môi trường	✓	✓		✓	✓			✓
	Các chỉ tiêu khác	Chỉ số phát triển con người (HDI)		Hệ số GINI, thu chi ngân sách	Chỉ số phát triển con người (HDI), hệ số GINI, điểm số PCI	Chi phí trung gian, điểm số PCI	Kim ngạch xuất – nhập khẩu, điểm số PCI		

[20] Tình hình chất lượng kinh tế của thành phố Đà Nẵng giai đoạn 1997-2010 (2012), Nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế tỉnh Quảng Nam (2011), Một số chỉ tiêu chủ yếu phản ánh chất lượng tăng trưởng kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2019 (Cục thống kê tỉnh Bình Định), Chất lượng tăng trưởng kinh tế của tỉnh Phú Thọ (Tạp chí Công Thương), Nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế tỉnh Nam Định giai đoạn 2001-2010 (2011), Nâng cao chất lượng tăng trưởng của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam từ góc độ kinh tế, Đánh giá chất lượng tăng trưởng kinh tế Việt Nam sau 8 năm đổi mới mô hình tăng trưởng (Lý luận chính trị)

[21] Hệ số ổn định bằng độ lệch chuẩn chia cho trung bình cộng, ** Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (Incremental capital-output ratio), *** Năng suất yếu tố tổng hợp

1.2. Chất lượng tăng trưởng của tỉnh Hưng Yên trong giai đoạn 2011 đến 2020

1.2.1. Tăng trưởng kinh tế

Từ năm 2011 đến năm 2020, GRDP theo giá so sánh của Hưng Yên tăng trưởng đều từ 29.604 tỷ đồng lên 57.867 tỷ đồng với tốc độ tăng trưởng kép hằng năm (CAGR) là 7.7%, cao hơn nhiều so với mức tăng trưởng chung của cả nước là 5,9%. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng GRDP đã giảm đáng kể trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2013 (từ 9,4% xuống 6,5%) trước khi được cải thiện trong những năm tiếp theo do tác động của nền kinh tế không ổn định trên khắp Việt Nam trong giai đoạn này. Theo Tạp chí Các nền kinh tế Đông Nam Á (Journal of Southeast Asian Economies), trong giai đoạn 2012-2013, Việt Nam có tốc độ tăng trưởng GDP thấp nhất khoảng 5,3% kể từ năm 2000, và phải đối mặt với tình trạng lạm phát cao trong năm 2011 và sự bất ổn của hoạt động tái cơ cấu ngành ngân hàng.

Hình 31: GRDP theo giá so sánh và tăng trưởng kinh tế tỉnh Hưng Yên và Việt Nam (2011-2020)



Đáng chú ý, nền kinh tế của Hưng Yên được cải thiện trong giai đoạn 2016 - 2020 với tốc độ tăng trưởng GRDP kép hàng năm đạt 8,4%, vượt 1,3% so với 7,1% của giai đoạn 2011-2015. Đại dịch COVID-19 bùng phát từ đầu năm 2020 đã dẫn đến thiệt hại kinh tế nghiêm trọng cho cả Việt Nam và Hưng Yên. Tăng trưởng GRDP của Hưng Yên năm 2020 giảm xuống, ở mức 6,3% trong khi con số này của Việt Nam giảm xuống còn 2,9%. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Hưng Yên giai đoạn 2016 - 2020 đạt trung bình 8,3%/năm mặc dù kinh tế suy thoái vào năm 2020, đạt mục tiêu tăng trưởng 7-8,5% mỗi năm theo kế hoạch. Khi so sánh mức độ tăng trưởng của Hưng Yên với một số tỉnh trong vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ (Vùng KTTĐBB) giai đoạn 2016-2019, mặc dù có sự cải thiện kể từ năm 2015, nhưng tốc độ tăng trưởng kép hàng năm của Hưng Yên trong giai đoạn 2016-2019 chỉ đạt 9,1%, vẫn thấp hơn so với tốc độ tăng trưởng kép của Bắc Ninh và Quảng Ninh, lần lượt là 10,3% và 11,1%.

Bảng 7: Hệ số ổn định tăng trưởng của Hưng Yên và Việt Nam

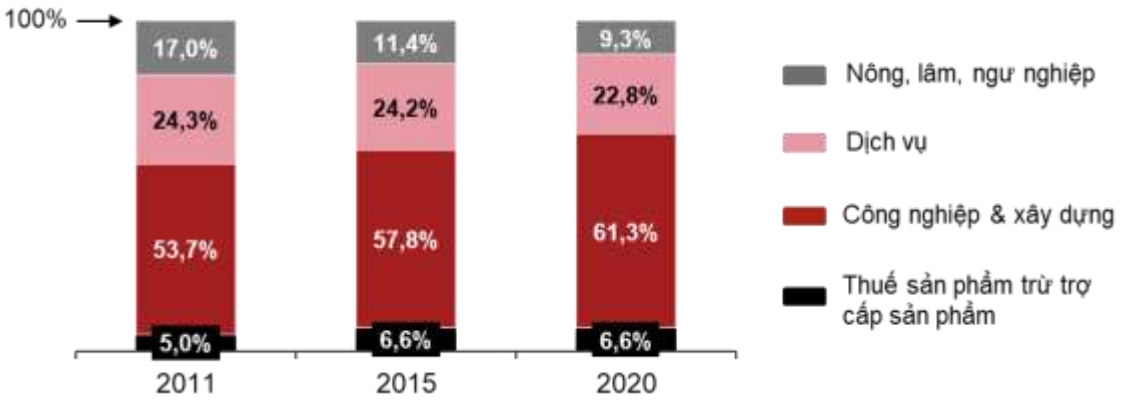
	2011 – 2015	2016 – 2020	2011 – 2020
Hưng Yên			
Tốc độ tăng trưởng trung bình	7,5%	8,3%	7,9%
Độ lệch chuẩn	1,2%	1,2%	1,2%
Hệ số ổn định tăng trưởng	0,15	0,15	0,15
Việt Nam			
Hệ số ổn định tăng trưởng	0,10	0,29	0,21

Khi tính toán hệ số ổn định tăng trưởng của Hưng Yên và Việt Nam, chúng ta thấy rằng Hưng Yên đã duy trì ở mức 0,15 trong suốt giai đoạn 2011-2020. Mặc dù tăng trưởng kinh tế của Hưng Yên trong giai đoạn này ổn định hơn Việt Nam (0,21) nhưng tính hệ số ổn định vẫn ở mức cao cho thấy mặc dù nền kinh tế vẫn có sự tăng trưởng, nhưng nhìn chung chất lượng tăng trưởng còn thấp[22].

1.2.2. Cơ cấu kinh tế

Từ năm 2011 đến năm 2020, nền kinh tế của Hưng Yên đã phát triển tương đối nhanh và cơ cấu của các ngành kinh tế cũng thay đổi đáng kể.

Hình 32: Cơ cấu GRDP theo ngành kinh tế của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2020



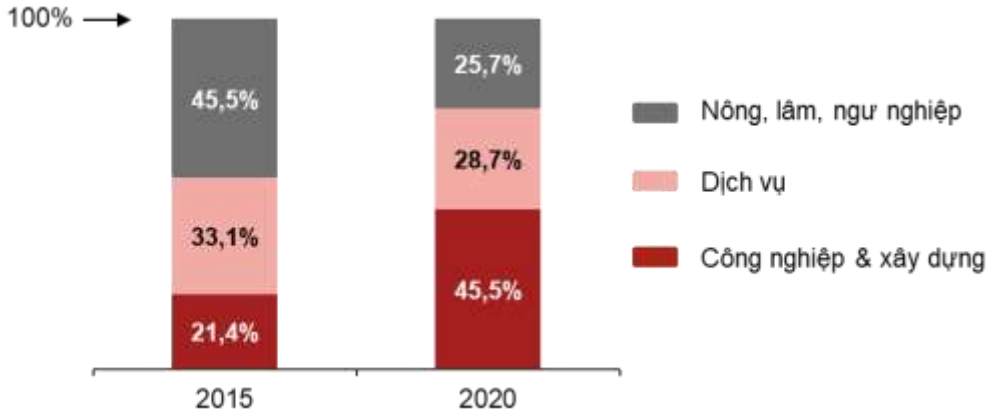
Trong 10 năm qua, Hưng Yên đã phát triển mạnh mẽ theo hướng trọng tâm công nghiệp với tỷ trọng đóng góp của khu vực công nghiệp và xây dựng vào GRDP hiện hành tăng từ 53,7% vào năm 2011 lên 61,3% vào năm 2020. Ngược lại, đóng góp của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản là 17,0% năm 2011 đã giảm xuống 11,4% năm 2015 và chỉ còn 9,3% năm 2020. Tương tự, tỷ trọng của ngành dịch vụ giảm từ 24,3% năm 2011 xuống 24,2% năm 2015, và 22,8% năm

[22] Hệ số ổn định của tốc độ tăng trưởng bằng độ lệch chuẩn của tốc độ tăng trưởng chia cho trung bình cộng của tốc độ tăng tưởng trong cùng giai đoạn

2020. Tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) của khu vực công nghiệp và xây dựng giai đoạn 2011-2020 đạt 9,3%, cao hơn so với tốc độ tăng trưởng kép ở mức 2,1% hằng năm của khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

Cơ cấu kinh tế ở Hưng Yên đã thay đổi phù hợp với định hướng phát triển của Uỷ ban nhân dân tỉnh cũng như xu hướng tăng trưởng chung của Vùng KTTĐBB, với năm trên bảy tỉnh thành có tỷ trọng của khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm hơn 50%. Tuy nhiên, Hưng Yên cần nỗ lực hơn trong việc thúc đẩy sự phát triển của lĩnh vực dịch vụ dựa trên các lợi thế của tỉnh như vị trí chiến lược là một thành phố vệ tinh của Hà Nội, và sở hữu bề dày lịch sử văn hóa và tiềm năng du lịch, được kỳ vọng sẽ đóng góp mạnh mẽ vào sự tăng trưởng chung của tỉnh trong dài hạn.

Hình 33: Cơ cấu lực lượng lao động của tỉnh Hưng Yên năm 2015 và 2020



Về nguồn nhân lực, cơ cấu lực lượng lao động của Hưng Yên cũng thay đổi theo cùng xu hướng với cơ cấu kinh tế. Tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 45,5% năm 2015 xuống 25,7% năm 2020, trong khi tỷ trọng lao động trong khu vực dịch vụ giảm từ 33,1% năm 2015 xuống 28,7% năm 2020. Ngược lại, tỷ trọng lao động trong khu vực công nghiệp, xây dựng có mức tăng cao (24,1%) từ 21,4% lên 45,5% trong giai đoạn 2015-2020.

Các chính sách phát triển của tỉnh trong 10 năm qua đã thúc đẩy phát triển công nghiệp, nông nghiệp và đô thị ở các huyện phía Bắc, nhưng cũng góp phần giảm dần nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế của tỉnh. Điều này đã dẫn đến việc giảm lao động trong lĩnh vực nông nghiệp nói chung, đặc biệt là tại các huyện kém phát triển hơn ở phía Nam.

1.2.3. Năng suất lao động

Lực lượng lao động (dân số trong độ tuổi lao động) của Hưng Yên chiếm khoảng 59% tổng dân số. Năm 2020, Hưng Yên có 722.000 người trong độ tuổi lao động, trong đó 99% là lao động toàn thời gian. Lực lượng lao động có việc làm của Hưng Yên đã tăng từ khoảng 700.000 người năm 2011 lên khoảng 705.000 người trong năm 2020. Tuy vậy, nguồn nhân lực của tỉnh vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu nhân lực của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Theo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hưng Yên, khoảng 30% lực lượng lao động ở Hưng Yên đến từ các tỉnh khác.

Bảng 8: Năng suất lao động của Hưng Yên và Việt Nam

Năm	Hưng Yên			Việt Nam	
	Số người trong độ tuổi lao động đang làm việc hằng năm ('000)	Năng suất lao động (triệu đồng/ người)	Tốc độ tăng của năng suất lao động (%)	Năng suất lao động (triệu đồng/ người)	Tốc độ tăng của năng suất lao động (%)
2011	700	42,3	6,7	45,4	3,2
2012	692	46,1	8,9	46,7	2,9
2013	713	47,6	3,3	48,4	3,8
2014	712	50,8	6,8	50,8	4,9
2015	713	54,5	7,3	54,1	6,5
2016	709	59,2	8,6	57,3	5,7
2017	707	64,5	9,0	60,7	6,1
2018	709	70,3	9,0	64,4	5,9
2019	714	76,3	8,4	68,4	6,3
2020	705	82,1	7,6	71,8	4,9
Bình quân trong giai đoạn					
2011-2015	706	48,3	6,6	49,1	4,3
2016-2020	709	70,5	8,5	64,5	5,8
2011-2020	707	59,4	7,6	56,8	5,0

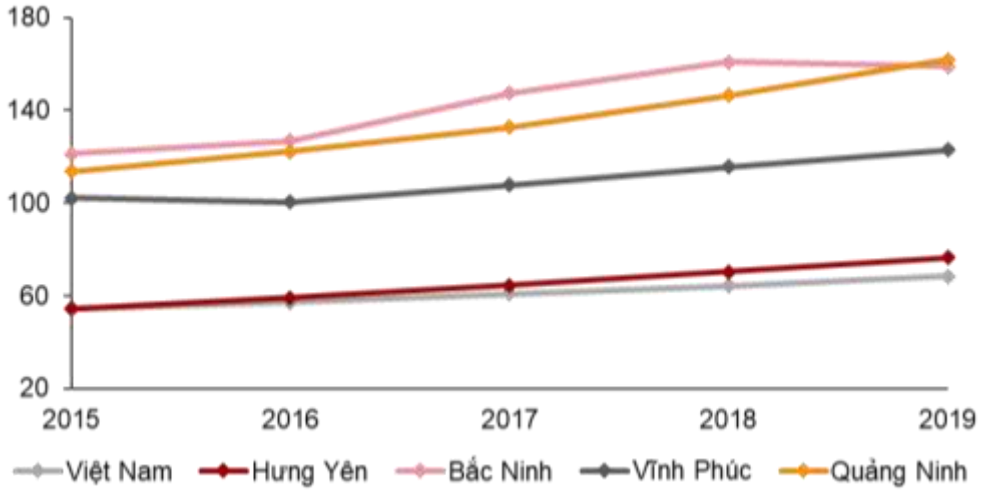
Năng suất lao động[23] của Hưng Yên được cải thiện đáng kể trong giai đoạn 2011-2020, đạt 82,1 triệu đồng/người vào năm 2020, cao gần gấp đôi so với năm 2011 là 42,3 triệu đồng/người. Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân giai đoạn 2011-2015 là 6,6%, thấp hơn mức tăng bình quân của giai đoạn 2016-2020 là 8,5% mỗi năm.

So với mặt bằng chung cả nước, năng suất lao động của Hưng Yên cao hơn cả nước kể từ năm 2015 cả về giá trị và tốc độ tăng trưởng. Năm 2020, tốc độ tăng năng suất lao động của Hưng Yên giảm đáng kể xuống còn 7,6%, vẫn cao hơn mức tăng của Việt Nam là 4,9%. Hai đợt bùng dịch COVID-19 vào tháng 5 và tháng 7 năm 2020 đã dẫn đến việc thực hiện giãn cách xã hội và cách ly toàn xã hội ở nhiều tỉnh thành trên cả nước, điều này đã gây nên sự đình trệ trong nền kinh tế và sản xuất của Việt Nam nói chung và Hưng Yên nói riêng.

[23] Năng suất lao động được xác định là tổng sản phẩm quốc nội của tỉnh (GRDP) theo giá so sánh trên mỗi lao động.
Dữ liệu về GRDP theo giá so sánh và số lao động đang làm việc trong nền kinh tế hằng năm theo Niên giám thống kê 2020 của tỉnh Hưng Yên

Mặc dù năng suất lao động của Hưng Yên đã vượt mức năng suất lao động trung bình của cả nước trong giai đoạn 2015 - 2019 nhưng vẫn thấp hơn so với các tỉnh lân cận như Bắc Ninh, Vĩnh Phúc và Quảng Ninh.

Hình 34: Năng suất lao động (triệu đồng/ người)

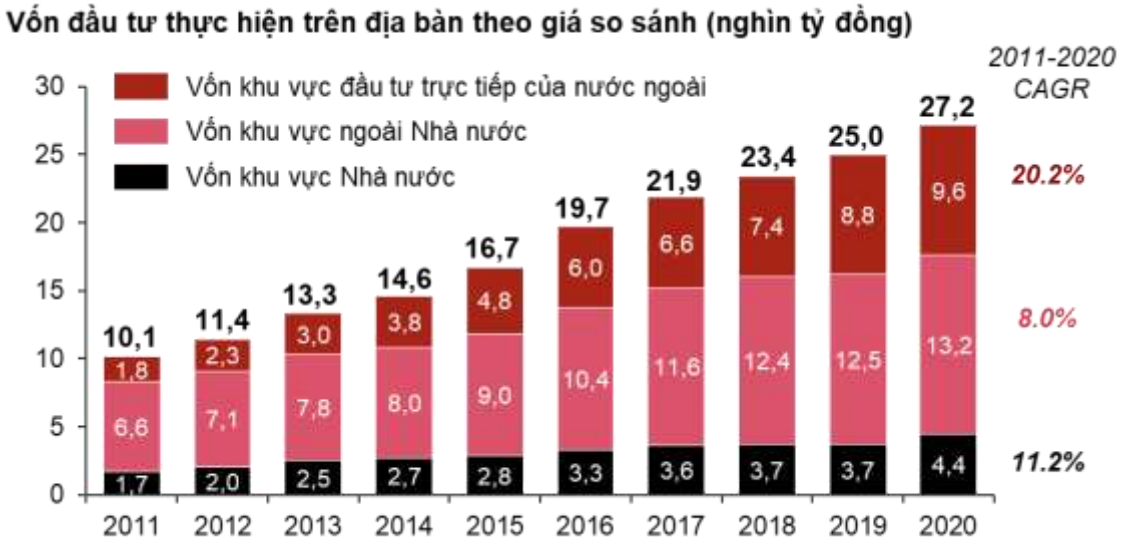


Năm 2019, năng suất lao động của Hưng Yên đạt 76,3 triệu đồng/người, bằng gần một nửa so với Bắc Ninh và Quảng Ninh (lần lượt là 159,0 triệu đồng/người và 161,8 triệu đồng/người) và bằng khoảng 62% năng suất lao động của Vĩnh Phúc (122,8 triệu đồng/người).

1.2.4. Hiệu quả sử dụng vốn

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội của Hưng Yên (theo giá so sánh 2010) tăng dần từ 10.129 tỷ đồng năm 2011 lên 16.688 tỷ đồng năm 2015, đạt 27.152 tỷ đồng năm 2020. Năm 2020, đầu tư từ khu vực tư nhân trong nước đạt 13.157 tỷ đồng, chiếm 48,5% tổng vốn đầu tư, trong khi đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 9.562 tỷ đồng, chiếm 35,2%. Đầu tư của Nhà nước tăng liên tục trong 10 năm qua nhưng chỉ chiếm tỷ trọng tương đối nhỏ trong tổng vốn đầu tư.

Hình 35: Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn theo giá so sánh (nghìn tỷ đồng)



Tỷ trọng đầu tư ngoài quốc doanh ngày càng tăng cho thấy Hưng Yên đã trở nên hấp dẫn hơn đối với các nhà đầu tư khu vực tư nhân (cả trong và ngoài nước) và dần bớt phụ thuộc vào đầu tư công để phát triển tỉnh. Đầu tư của khu vực tư nhân trong nước có tỷ lệ CAGR đạt 8,0% trong giai đoạn 2011-2020, nhưng tỷ trọng của khu vực này trong tổng vốn đầu tư giảm từ 65% năm 2011 xuống 48% năm 2020. Ngược lại, đóng góp của vốn FDI vào tổng vốn đầu tư lại tăng đáng kể từ 18% lên 35% trong cùng kỳ với CAGR đạt 20,2%. Điều này cho thấy Hưng Yên là điểm đến tiềm năng của dòng vốn FDI ở khu vực miền Bắc Việt Nam.

Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư[24] (Incremental capital-output ratio, hay hệ số ICOR) là chỉ tiêu phản ánh cần bao nhiêu đồng vốn đầu tư thực hiện tăng thêm để tăng thêm một đơn vị tổng sản phẩm quốc nội. Qua việc phân tích hệ số ICOR của tỉnh, có thể kết luận rằng Hưng Yên cần cải thiện việc sử dụng vốn trong tương lai. Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của Hưng Yên ngày càng giảm, thể hiện qua hệ số ICOR tăng từ 4,0 năm 2011 lên 6,4 năm 2016, và đạt 8,0 vào năm 2020.

Bảng 9: Hệ số ICOR của Hưng Yên và Việt Nam

Năm	Hệ số ICOR của Hưng Yên				Hệ số ICOR của Việt Nam
	Toàn nền kinh tế	Nông, lâm, ngư nghiệp	Công nghiệp & xây dựng	Dịch vụ	Toàn nền kinh tế
2011	4,0	2,2	2,3	9,8	5,7
2012	5,0	8,4	3,1	9,6	6,8

[24] Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR) được tính toán dựa theo công thức đưa ra bởi Tổng cục thống kê (https://www.gso.gov.vn/du-lieu-dac-ta/2019/12/htcttkqg-hieu-qua-su%CC%89-du%CC%A3ng-von-dau-tu-icor/)
Dữ liệu GRDP và vốn đầu tư đều được lấy theo giá so sánh và theo số liệu được báo cáo trong niên giám thống kê tỉnh Hưng Yên 2020

Năm	Hệ số ICOR của Hưng Yên				Hệ số ICOR của Việt Nam
	Toàn nền kinh tế	Nông, lâm, ngư nghiệp	Công nghiệp & xây dựng	Dịch vụ	Toàn nền kinh tế
2013	6,5	-21,7	4,3	21,7	6,7
2014	6,4	8,0	4,2	14,5	6,3
2015	6,2	5,9	4,2	16,7	5,8
2016	6,4	7,4	4,2	13,9	6,4
2017	6,0	10,2	3,7	14,3	6,1
2018	5,5	5,2	3,2	14,6	6,0
2019	5,4	6,0	3,1	14,1	6,1
2020	8,0	4,3	4,8	24,3	14,3

Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư tại Hưng Yên đã được cải thiện từ năm 2016 do hệ số ICOR giai đoạn 2016-2019 giảm dần. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của đại dịch trên phạm vi toàn cầu và quốc gia, nền kinh tế Hưng Yên đến năm 2020 bị tổn thất nặng nề, hoạt động sản xuất kinh doanh sa sút dẫn đến hệ số ICOR năm 2020 tăng mạnh lên 8,0. Đối với từng khu vực kinh tế, khu vực công nghiệp và xây dựng sử dụng vốn đầu tư hiệu quả hơn các lĩnh vực khác với hệ số ICOR bình quân giai đoạn 2011-2020 là 3,5, trong khi đó, hệ số ICOR bình quân đối với khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản là 6,3 và với khu vực dịch vụ là 14,9.

ICOR của Hưng Yên thấp hơn Việt Nam trong hầu hết các năm từ 2011 đến 2020, điều này cho thấy Hưng Yên đã sử dụng vốn đầu tư hiệu quả hơn để tạo ra GRDP, nhưng hệ số này vẫn còn ở mức tương đối cao (theo tiêu chuẩn toàn cầu) với ICOR trung bình giai đoạn 2011-2020 là 5,9. Trong tương lai, Hưng Yên cần tập trung thực hiện các giải pháp để sử dụng hiệu quả hơn các nguồn lực đầu tư, nhất là đối với các ngành kinh tế mũi nhọn.

1.2.5. Năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP)

Năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) phản ánh sự đóng góp của các yếu tố như ứng dụng công nghệ cao, tiến bộ công nghệ, kỹ năng quản lý, kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng của người lao động vào tăng trưởng sản lượng. Tăng trưởng TFP[25] ngày càng đóng vai trò quan trọng trong tăng trưởng kinh tế của Hưng Yên, với tỷ trọng đóng góp của tăng TFP vào tăng GRDP đạt trung bình 35.8% trong giai đoạn 2011-2020. Bảng dưới đây cho thấy tốc độ tăng của lao động, vốn và TFP ở Hưng Yên cũng như đóng góp của từng yếu tố vào tăng trưởng GRDP hàng năm:

[25] Theo PGS.TS Tăng Văn Khiêm (2018), Tốc độ tăng năng suất các nhân tố tổng hợp – Phương pháp tính và ứng dụng, NXB Thống kê: công thức tính tốc độ tăng năng suất các nhân tố tổng hợp (i_{TFP}) có dạng $i_{TFP} = i_Y - (\propto . i_K + \beta . i_L)$, trong đó i_Y là tốc độ giá trị tăng thêm, i_K là tốc độ tăng của vốn hoặc tài sản cố định, i_L là tốc độ tăng của lao động, $\propto$ và β là hệ số đóng góp của vốn và lao động

Bảng 10: Tăng trưởng của lao động, vốn, TFP và tỷ trọng đóng góp vào tăng GRDP của tăng mỗi yếu tố đầu vào của tỉnh Hưng Yên[26]

Năm	Tăng trưởng GRDP (%)	Tốc độ tăng (%)			Tỷ trọng đóng góp vào tăng GRDP do tăng (%)		
		Lao động	Vốn	TFP	Lao động	Vốn	TFP
2011	9,4	2,5	11,2	3,6	16,5	45,5	38,0
2012	7,7	-1,1	11,5	4,0	-9,1	57,3	51,8
2013	6,5	3,0	12,6	-0,2	28,6	74,4	-3,1
2014	6,7	0,0	12,6	1,9	-0,4	72,5	27,9
2015	7,5	0,0	12,7	2,6	0,4	65,4	34,3
2016	7,9	-0,5	13,4	3,1	-3,9	64,6	39,3
2017	8,6	-0,4	13,6	3,7	-2,6	60,2	42,4
2018	9,3	0,3	12,8	4,2	2,2	52,4	45,3
2019	9,2	0,7	12,3	4,1	4,5	51,3	44,2
2020	6,3	-1,2	12,1	2,3	-11,6	74,1	37,5
Bình quân trong giai đoạn							
2011-2015	7,5	0,9	12,1	2,3	7,2	63,0	29,8
2016-2020	8,3	-0,2	12,9	3,5	-2,3	60,5	41,7
2011-2020	7,9	0,3	12,5	2,9	2,5	61,8	35,8

Tốc độ tăng TFP của Hưng Yên có sự cải thiện trong giai đoạn 2011-2020 với tốc độ tăng bình quân 2,9%/năm và tăng TFP ổn định hơn kể từ năm 2014. Từ năm 2016 đến năm 2020, tốc độ tăng TFP bình quân là 3,5%/năm, cao hơn so với tỷ lệ bình quân 2,3% trong giai đoạn 2011-2015.

Trong giai đoạn 2016 - 2020, tăng TFP đóng góp 41,7% vào tổng mức tăng trưởng, cao hơn đáng kể so với mức 29,8% của giai đoạn 2011-2015. Tỷ phần đóng góp của tăng TFP vào tốc độ tăng trưởng của Hưng Yên tăng đều từ năm 2014 đến năm 2018, cho thấy nền kinh tế Hưng Yên

[26] Dữ liệu để tính toán tốc độ tăng năng suất tổng hợp được tổng hợp từ niêm giám thống kê của tỉnh Hưng Yên năm 2020.

đã phát triển theo hướng nâng cao chất lượng tăng trưởng, với những cải tiến tiềm năng trong các lĩnh vực như công nghệ, giáo dục và chiến lược cộng hưởng. Hai năm gần đây, tỷ phần đóng góp của tăng TFP vào tăng GRDP của tỉnh tuy có sụt giảm nhưng đến năm 2020 con số này vẫn ở mức dương là 37,5%.

Có thể dễ dàng nhận thấy rằng tăng trưởng kinh tế của Hưng Yên phụ thuộc rất nhiều vào sự tăng trưởng của vốn. Tăng vốn vượt trội hơn hai yếu tố khác, với tỷ trọng đóng góp của tăng vốn vào tăng GRDP cao nhất trong cả giai đoạn 2011-2020, đặc biệt trong giai đoạn từ 2013 đến 2017, tỷ phần đóng góp của tăng vốn đều lớn hơn 60%. Nguyên nhân của xu hướng này là trong những năm trước, Hưng Yên cần nhiều vốn hơn để đầu tư hạ tầng kinh tế và hạ tầng xã hội để phát triển kinh doanh, dịch vụ, tiện ích cho doanh nghiệp và người dân nhằm thúc đẩy chiến lược phát triển trọng tâm công nghiệp.

So với mặt bằng chung của cả nước, tốc độ tăng TFP của Hưng Yên bình quân trong giai đoạn 2011 - 2019 là 3,0%, cao hơn con số 2,1% của Việt Nam. Trong giai đoạn 2016-2019, tăng trưởng TFP bình quân ở Hưng Yên là 3,8% mỗi năm, cao hơn mức tăng TFP bình quân của Việt Nam là 2,6%. Về tỷ trọng đóng góp của tăng TFP vào tổng mức tăng trưởng, con số của Hưng Yên bình quân là 35,6% trong giai đoạn 2011-2019, cao hơn nhiều so với 22,7% của Việt Nam trong cùng thời kỳ.

Bảng 11: Tăng TFP và tỷ trọng đóng góp của tăng TFP vào tăng GRDP của Hưng Yên và tăng GDP của Việt Nam

Năm	Tốc độ tăng TFP (%)		Tỷ trọng đóng góp của tăng TFP vào tăng GRDP (%)	
	Hưng Yên	Việt Nam	Hưng Yên	Việt Nam
2011	3,6	0,9	38,0	14,0
2012	4,0	1,1	51,8	20,7
2013	-0,2	1,7	-3,1	32,2
2014	1,9	2,2	27,9	36,6
2015	2,6	3,1	34,3	47,3
2016	3,1	2,2	39,3	45,5
2017	3,7	2,6	42,4	39,5
2018	4,2	1,3	45,3	18,7
2019	4,1	3,6	44,2	53,2
2020	2,3	N/A	37,5	N/A
Bình quân trong giai đoạn				
2011-2015	2,3	1,8	29,8	30,1
2016-2019	3,8	2,6	42,8	40,8

Năm	Tốc độ tăng TFP (%)		Tỷ trọng đóng góp của tăng TFP vào tăng GRDP (%)	
	Hưng Yên	Việt Nam	Hưng Yên	Việt Nam
2011-2019	3,0	2,1	35,6	22,7

Nguồn: Báo cáo năng suất Việt Nam 2017 đối với số liệu của Việt Nam năm 2011 đến 2017; The Conference Board (Total Economy Database) đối với số liệu của Việt Nam năm 2018,2019.

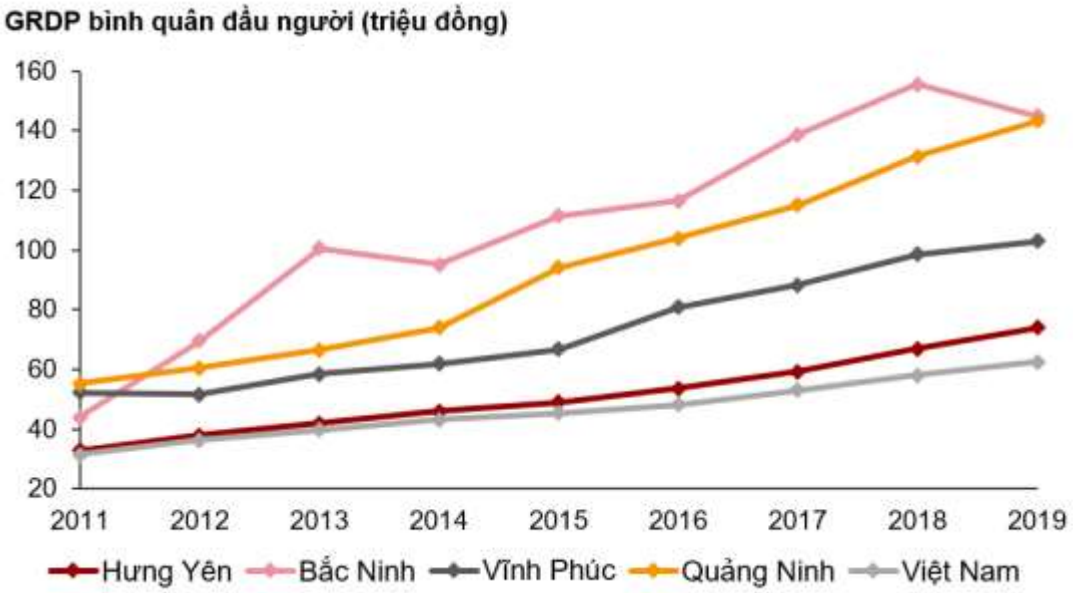
1.2.6. Các ảnh hưởng đến xã hội

Phát triển kinh tế là yếu tố then chốt giúp thúc đẩy, cải thiện các vấn đề xã hội, phúc lợi cũng như mức sống dân cư. Nhìn chung, trong những năm qua, Hưng Yên đã và đang nỗ lực trong việc phát triển các cơ sở xã hội, tăng cường các dịch vụ công để giải quyết các vấn đề xã hội cũng cung cấp cho người dân một môi trường sống tốt hơn.

GRDP bình quân đầu người

Xét về GRDP bình quân đầu người, Hưng Yên đạt mức thấp hơn so với các tỉnh trong cùng khu vực như Bắc Ninh, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc:

Hình 36: GRDP bình quân đầu người (triệu đồng)



GRDP bình quân đầu người của Hưng Yên tăng 2,4 lần từ 32,8 triệu đồng năm 2011 lên 78,7 triệu đồng năm 2020. Mặc dù GRDP bình quân đầu người của Hưng Yên cao hơn cả nước trong giai đoạn 2011-2020, nhưng lại thấp hơn đáng kể so với các tỉnh thành khác trong Vùng KTTĐBB. Năm 2019, GRDP bình quân đầu người của Hưng Yên đạt khoảng 74 triệu đồng, bằng khoảng một nửa so với Bắc Ninh và Quảng Ninh (khoảng 144 triệu đồng) và bằng 70% của Vĩnh Phúc (~ 103 triệu đồng).

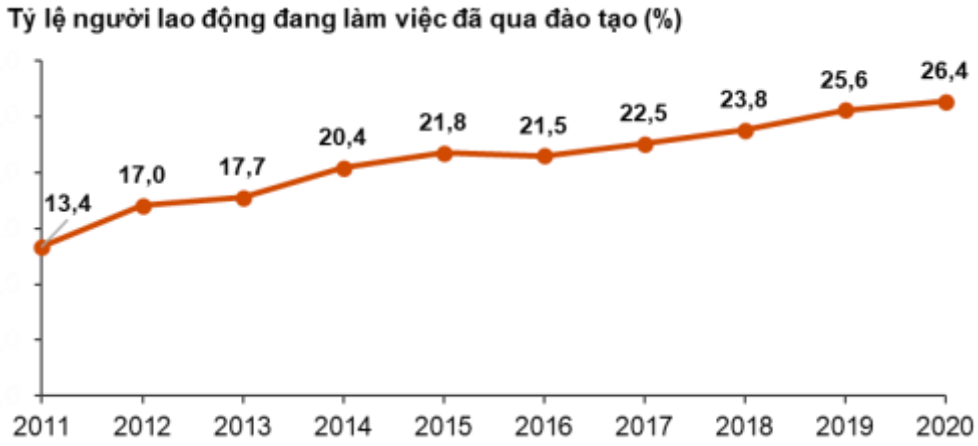
Vấn đề việc làm

Về nguồn nhân lực, dân số trong độ tuổi lao động và đang làm việc trong nền kinh tế ở Hưng Yên tăng đều từ năm 2011 đến năm 2020. Năm 2020, lực lượng lao động có việc làm ở Hưng Yên đạt 705.199 người, cao hơn so với 699.877 người năm 2011. Trong thời kỳ này, số người có việc làm ở Hưng Yên chiếm 99% tổng số người trong độ tuổi lao động. Từ năm 2011 đến năm 2015, trung bình mỗi năm tỉnh tạo thêm 20.000 việc làm, con số này tăng lên 23.000 việc làm trong giai đoạn 2016-2020.

Tỷ lệ thất nghiệp của Hưng Yên biến động trong cả giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2020. Từ tỷ lệ 1,3% năm 2011, tỷ lệ thất nghiệp của tỉnh thay đổi đáng kể trong những năm sau đó và đạt mức 2,7% vào năm 2020. Khi so sánh với các tỉnh khác, tỷ lệ thất nghiệp năm 2019 của Hưng Yên cao hơn các tỉnh thành còn lại trong Vùng KTTĐBB (trừ Quảng Ninh).

Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đang làm việc trong nền kinh tế của Hưng Yên tăng ổn định trong 10 năm qua, từ 13,5% năm 2011 tăng lên 26,4% năm 2020. Tuy nhiên, tỷ lệ này còn khá thấp, điều này cho thấy chất lượng nguồn nhân lực chưa tốt. Hơn nữa, khi so sánh với các tỉnh khác trong Vùng KTTĐBB tỷ lệ lao động đã qua đào tạo của Hưng Yên năm 2019 thấp hơn so với Quảng Ninh, Hải Phòng và Bắc Ninh (lần lượt là 43,0%, 31,4% và 27,5%).

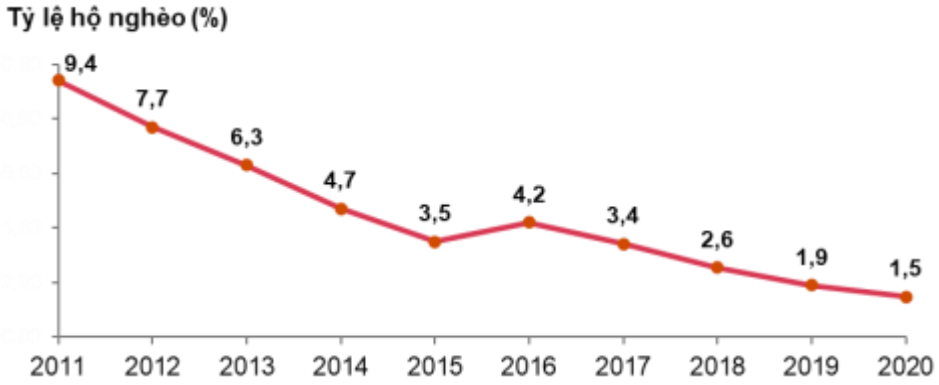
Hình 37: Tỷ lệ người lao động đang làm việc đã qua đào tạo (%)



Tỷ lệ hộ nghèo

Trong giai đoạn 2011 - 2020 Hưng Yên đã nỗ lực giảm tỷ lệ hộ nghèo và tập trung nhiều hơn vào việc cải thiện hệ thống y tế và giáo dục.

Hình 38: Tỷ lệ hộ nghèo (%)



Chính quyền tỉnh Hưng Yên đã thành công trong việc giảm bớt các vấn đề xã hội như đói nghèo. Tỷ lệ hộ nghèo ở Hưng Yên đã giảm đáng kể từ 9,4% năm 2011 xuống còn 1,5% năm 2020. Khi so sánh số liệu năm 2019, tỷ lệ hộ nghèo của Hưng Yên là 1,9%, cao hơn Hà Nội, Hải Phòng và Bắc Ninh (lần lượt là 0,9%, 1,2% và 1,3%).

Hệ thống cơ sở y tế của tỉnh cũng có sự cải thiện. Năm 2020, toàn tỉnh có 30,0 giường bệnh trên 10.000 dân và 9,0 bác sĩ trên 10.000 dân, so với số liệu của năm 2011 là 25,1 giường bệnh và 5,1 bác sĩ.

Chi ngân sách cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề của tỉnh Hưng Yên tăng từ 845 tỷ đồng năm 2011 lên 2.330 tỷ đồng năm 2020 với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) là 11,9%. Hưng Yên đã và đang nỗ lực hơn trong việc đầu tư phát triển nguồn nhân lực, chi cho giáo dục, đào tạo và dạy nghề của tỉnh chiếm 20% tổng chi ngân sách năm 2019. Tỷ trọng chi này là mức cao nhất so với các tỉnh trong Vùng KTTĐBB. Tuy nhiên, hiện tại Hưng Yên chỉ có 7 trường đại học, cao đẳng với danh tiếng còn nhiều hạn chế, đây có thể là một bất lợi trong việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho tỉnh cũng như thu hút nguồn nhân lực có tay nghề cao về Hưng Yên.

Môi trường

Việc phát triển kinh tế với trọng tâm phát triển công nghiệp nặng có thể tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây hại đối với môi trường nếu không được thực hiện đúng quy hoạch. Trong 10 năm qua, chi ngân sách của Hưng Yên cho sự nghiệp bảo vệ môi trường có xu hướng tăng lên. Con số này của năm 2011 là 27 tỷ đồng, nhưng đã tăng gấp 5,9 lần để đạt mức 159 tỷ đồng vào năm 2020.

Hình 39: Chi tiêu ngân sách cho sự nghiệp bảo vệ môi trường của Hưng Yên (tỷ đồng)



Chi cho sự nghiệp bảo vệ môi trường năm 2019 của Hưng Yên chiếm 1,3% tổng chi ngân sách, tỷ trọng này tương đương với các tỉnh như Hải Phòng, Quảng Ninh, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc (lần lượt là 1,4%, 1,3%, 1,1% và 0,6%).

Những nỗ lực của Hưng Yên trong việc duy trì tính bền vững của môi trường được thể hiện rõ thông qua đầu tư vào các hoạt động bảo vệ môi trong 10 năm qua, tập trung triển khai các biện pháp để giải quyết vấn đề môi trường, đặc biệt là ô nhiễm nguồn nước và nguồn không khí. Tỉnh đã giám sát hệ thống xử lý nước thải và xả thải, đặc biệt là tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề cũng như xử phạt các doanh nghiệp có hành vi vi phạm các quy định về môi trường.

1.3. Các khuyến nghị về chất lượng tăng trưởng

Các vấn đề chính

Có 5 vấn đề chính được xác định có ảnh hưởng đến chất lượng tăng trưởng của tỉnh Hưng Yên, chi tiết như sau:



Cơ cấu kinh tế
Mục tiêu phát triển theo hướng trọng tâm công nghiệp mà không có chiến lược phát triển cân đối và toàn diện các lĩnh vực khác như dịch vụ hoặc dịch vụ liên quan đến công nghiệp có thể là một hạn chế rất lớn đối với tăng trưởng bền vững của tỉnh Hưng Yên trong dài hạn. Sự phát triển của các ngành dịch vụ sẽ giúp Hưng Yên đạt được tăng trưởng toàn diện, tạo ra nhiều giá trị gia tăng cho tỉnh và giúp Hưng Yên trở thành một địa điểm hấp dẫn và lý tưởng để sinh sống.

Dòng vốn đầu tư
Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh ngày một tăng lên là một dấu hiệu tích cực cho thấy Hưng Yên đang trở nên hấp dẫn hơn đối với các nhà đầu tư và doanh nghiệp nước ngoài, tạo ra nhiều cơ hội phát triển, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghiệp. Tuy nhiên, xu hướng tăng của vốn đầu tư FDI có thể dẫn đến sự phụ thuộc vào nguồn vốn nước ngoài cũng như các yếu tố bên ngoài. Điều này sẽ có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến các yếu tố nội tại quyết định tăng trưởng kinh tế và khiến nền kinh tế Hưng Yên dễ bị tổn thương bởi các sự kiện toàn cầu như khủng hoảng kinh tế toàn cầu và rủi ro khi các tập đoàn lớn của nước ngoài tái cấu trúc và di dời địa điểm sản xuất. Ngoài ra, việc xây dựng mối liên kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước trong chuỗi giá trị và nâng cao khả năng chống chịu của chuỗi cung ứng ngày càng quan trọng. Điều này là cần thiết để phát triển năng lực nội địa, giúp đảm bảo các cơ hội sản xuất và tăng trưởng bền vững cho các công ty trong nước và nước ngoài.

Chất lượng nguồn nhân lực
Để nâng cao chất lượng tăng trưởng của tỉnh Hưng Yên, nguồn nhân lực và năng suất lao động là những khía cạnh quan trọng cần được quan tâm. Việc thiếu lực lượng lao động có kỹ năng cao với đầy đủ kỹ năng mềm, kỹ năng máy tính cơ bản, kiến thức nền tảng về công nghệ kỹ thuật số và khả năng ngôn ngữ có thể hạn chế việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và năng suất lao động. Ngoài ra, sự thiếu hụt nguồn nhân lực cấp quản lý có kinh nghiệm và năng lực có thể cản trở sự cải thiện về năng suất của tỉnh trong tương lai.

Năng suất yếu tố tổng hợp
Việc nâng cao năng suất các yếu tố tổng hợp đòi hỏi phải ứng dụng rộng rãi các đột phá khoa học và công nghệ tiên tiến trên nhiều lĩnh vực bao gồm trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, sản xuất, chế biến thực phẩm... cùng với việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đồng thời, cần nâng cao tỷ trọng đóng góp của tăng năng suất các yếu tố tổng hợp vào tăng trưởng GRDP để đạt được mô hình tăng trưởng cân đối với tỷ trọng tối ưu cho đóng góp của từng yếu tố đầu vào vào tăng trưởng kinh tế.

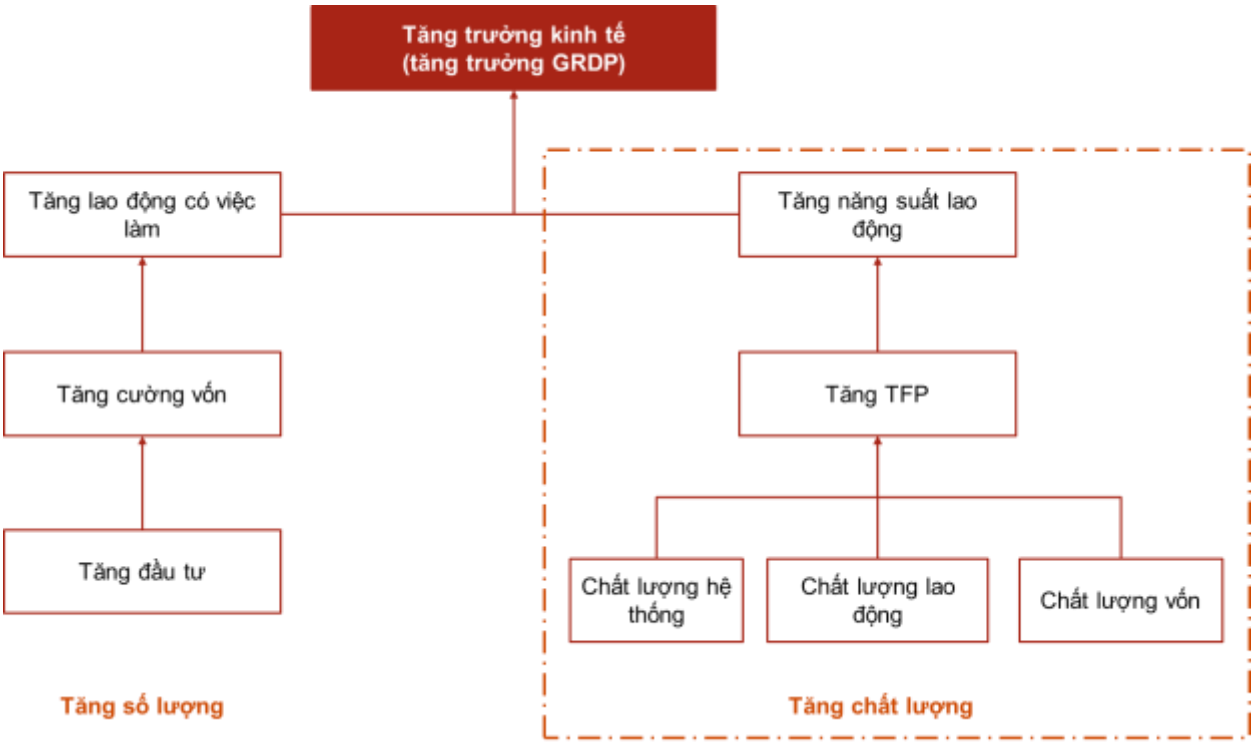
Các vấn đề xã hội và môi trường
Để duy trì tăng trưởng kinh tế chất lượng cao, cần đồng thời cải thiện mức sống dân cư bao gồm các vấn đề về vệ sinh môi trường, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, cũng như môi trường tự nhiên

xanh và sạch. Sự tăng trưởng của các hoạt động kinh tế đe dọa đến môi trường tự nhiên và điều kiện sống của con người với nguy cơ ô nhiễm không khí, ô nhiễm nguồn nước và ô nhiễm tiếng ồn. Phát triển bền vững và tăng trưởng chất lượng cao chỉ có thể đạt được bằng cách đảm bảo phát triển xã hội phù hợp với tăng trưởng kinh tế.

Các khuyến nghị chính

Theo một nghiên cứu về năng suất của thành phố Đà Nẵng[27], tăng trưởng kinh tế có thể thực hiện bằng 2 cách tiếp cận là tăng số lượng và tăng chất lượng, được thể hiện cụ thể ở hình vẽ dưới đây:

Hình 40: Các tiếp cận tăng trưởng kinh tế



Trên cơ sở những vấn đề chính đã xác định ở trên, chúng tôi đưa ra một số kiến nghị chính nhằm nâng cao chất lượng tăng trưởng của Hưng Yên.

Thứ nhất, Hưng Yên cần cân bằng giữa phát triển công nghiệp và phát triển các ngành, lĩnh vực khác. Các tiêu chí lựa chọn ngành công nghiệp cần tập trung vào ứng dụng công nghệ cao, các hoạt động thân thiện với môi trường cũng như các ngành công nghiệp hỗ trợ trong chuỗi giá trị. Về nông nghiệp, tỉnh cần thúc đẩy tăng trưởng nông nghiệp giá trị cao, nông nghiệp hàng hóa, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh cũng như nuôi trồng thủy sản thông minh. Phát triển lĩnh vực dịch vụ là rất quan trọng, đặc biệt đối với các ngành dịch vụ liên quan đến công nghiệp và nông nghiệp, cũng như các dịch vụ khác để hỗ trợ nền kinh tế rộng lớn hơn và nâng cao chất lượng cuộc sống tại Hưng Yên. Ngoài ra, Hưng Yên có thể tận dụng thế

[27] Báo cáo tổng hợp: Đánh giá và phân tích tốc độ tăng năng suất yếu tố tổng hợp của Thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2010-2018 (Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng)

mạnh về vị trí chiến lược và bề dày lịch sử, văn hóa để thúc đẩy tăng trưởng các ngành dịch vụ, đặc biệt là du lịch và dịch vụ logistic.

Thứ hai, Hưng Yên cần chọn lọc nguồn vốn, dự án FDI và tập trung thu hút các dự án FDI chất lượng cao. Bên cạnh việc tập trung vào các nhà đầu tư nước ngoài, cần có những ưu đãi đặc biệt để thu hút các tập đoàn, tổng công ty tư nhân lớn trong nước đặt chi nhánh, xây dựng nhà máy, mở rộng kinh doanh tại Hưng Yên. Hơn nữa, cần tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước để cải thiện môi trường kinh doanh và tăng cường sự tham gia của các công ty trong nước tại Hưng Yên vào chuỗi giá trị và chuỗi cung ứng toàn cầu.

Thứ ba, Hưng Yên cần tập trung nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo nghề và bồi dưỡng kỹ năng, bằng cách đảm bảo các chương trình đào tạo được cập nhật kiến thức và kỹ năng thực tế phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp. Để làm được điều đó, các cơ quan ban ngành tỉnh Hưng Yên có thể tăng cường liên kết giữa các trung tâm đào tạo với các doanh nghiệp cũng như phát triển đào tạo nguồn nhân lực.

Thứ tư, tỉnh cần tập trung phát triển đô thị, đặc biệt là mô hình đô thị xanh và các dịch vụ liên quan như cơ sở giáo dục, hệ thống y tế, trung tâm vui chơi giải trí. Điều này không chỉ khuyến khích nhiều người, đặc biệt là nhân lực có tay nghề cao đến cư trú hoặc làm việc tại Hưng Yên mà còn thu hút thêm nhiều công ty mở văn phòng hoặc chi nhánh tại tỉnh. Ngoài ra, cần tập trung phát triển hệ thống giáo dục, đặc biệt là các trường đại học, cao đẳng để đào tạo nguồn nhân lực có tay nghề cao cho tỉnh và khu vực.

Thứ năm, Hưng Yên cần khuyến khích các hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ bằng cách phát triển các tổ chức và trung tâm nghiên cứu phát triển, cũng như thúc đẩy đầu tư vào đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ. Hơn nữa, cần phải thúc đẩy việc áp dụng công nghệ trong tất cả các hoạt động kinh tế để tăng mức độ đóng góp của tăng năng suất các yếu tố tổng hợp vào tăng trưởng kinh tế.

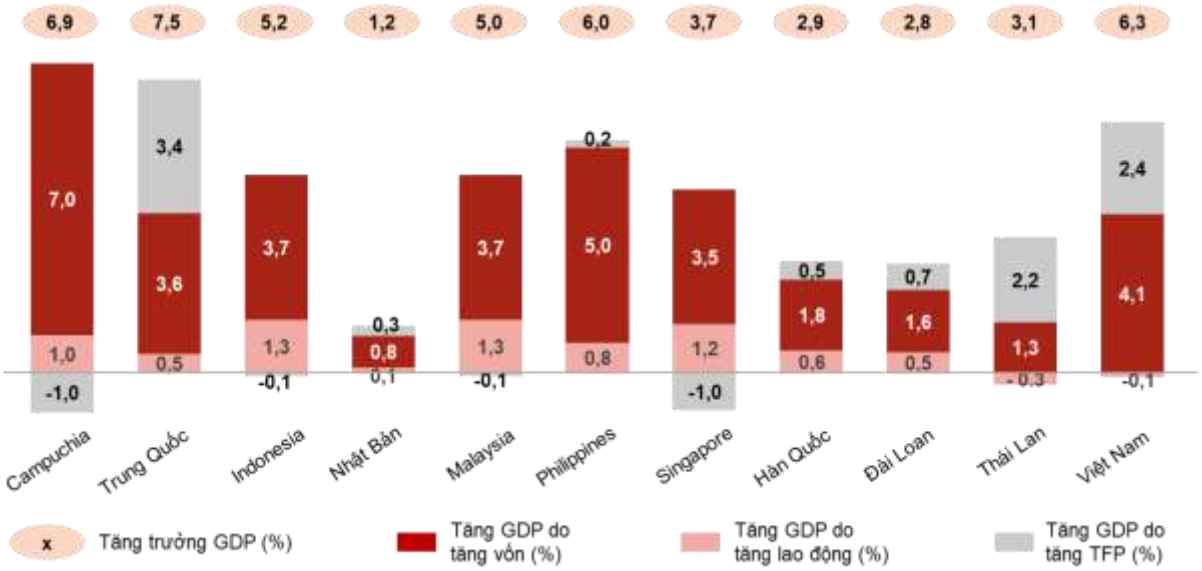
Cuối cùng, Hưng Yên cần có những hành động kịp thời để giải quyết các vấn đề về quản lý nước thải và chất thải rắn hợp lý, cũng như thúc đẩy các chương trình bảo về môi trường. Duy trì môi trường xanh và sạch ở Hưng Yên sẽ cải thiện chất lượng cuộc sống và giúp tỉnh trở thành một địa điểm hấp dẫn để sinh sống và làm việc.

1.4. Các phương án tăng trưởng

So sánh với tăng trưởng GDP của các quốc gia khác

Tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình giai đoạn 2011-2019 của một số quốc gia châu Á (tham khảo hình bên dưới[28]) cho thấy tăng vốn đóng một vai trò quan trọng trong tăng trưởng kinh tế. Trong giai đoạn 2011-2019, tăng vốn có tỷ trọng đóng góp lớn nhất vào tăng GDP. Ngược lại, tỷ trọng đóng góp của tăng TFP vào tăng GDP của các nước châu Á là nhỏ nhất trong giai đoạn 2011- 2019. Việt Nam có tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đứng thứ ba trong số 11 nước này, trong đó tỷ trọng đóng góp của tăng TFP vào tăng trưởng GDP ngày càng tăng.

Hình 41: So sánh với tăng trưởng GDP của các quốc gia khác



Khuyến nghị về chiến lược tăng trưởng

Hưng Yên có thể xem xét 3 chiến lược tăng trưởng dưới đây[29] để kết hợp vào chiến lược phát triển đến năm 2050:

Chiến lược tăng trưởng thâm dụng lao động
Tăng trưởng theo hướng thâm dụng lao động đề cập đến hoạt động sản xuất yêu cầu một lượng lớn lực lượng lao động để tạo ra các sản phẩm hoặc dịch vụ. Nền kinh tế thâm dụng lao động sẽ có tỷ trọng lao động đầu vào cao hơn so với vốn đầu vào cho sản xuất.

Trong phương thức sản xuất này, chi phí lao động thường thấp và tiền lương là chi phí sản xuất chính, điều này giúp giảm chi phí sản xuất cho các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động. Do đó, đặc điểm chung của sản xuất thâm dụng lao động là tạo ra nhiều việc làm hàng năm, thường có khả năng hấp thụ lao động dư thừa từ khu vực nông thôn và cung cấp việc làm cho những người nghèo hơn, những người phụ thuộc nhiều vào thu nhập từ lương. Theo thời gian, một số ngành

[28] Nguồn tổng hợp dữ liệu kinh tế (Total Economy Database, The Conference Board)
[29] Ngân hàng Thế Giới, Lý thuyết về mô hình tăng trưởng cân bằng của Ragnar Nurkse, Bài viết Methods of production (BBC)

như sản xuất có thể được nâng cấp từ mô hình thâm dụng lao động trở thành mô hình sản xuất, kinh doanh với giá trị gia tăng cao hơn. Tuy nhiên, phần lớn lực lượng lao động trong các ngành nghề thâm dụng lao động thường là lao động phổ thông hoặc chất lượng thấp. Cần có thời gian và chi phí để đào tạo những nhóm lao động này. Sản xuất thâm dụng lao động thường bao gồm các quy trình công nghệ thấp, lặp đi lặp lại hoặc thủ công, dẫn tới khó khăn trong việc kiểm soát chất lượng sản phẩm và tiêu chuẩn hóa quy trình. Giá trị gia tăng từ các ngành nghề sử dụng nhiều lao động thường thấp hơn các loại hình sản xuất khác.

Chiến lược tăng trưởng thâm dụng vốn

Trong sản xuất công nghiệp, tăng trưởng theo hướng thâm dụng vốn đề cập đến một quá trình sản xuất yêu cầu tỷ lệ đầu tư cao vào tài sản cố định (như máy móc, tài sản, nhà xưởng) để sản xuất. Vốn công nghệ thông tin như phần cứng máy tính, phần mềm và thiết bị truyền thông cũng được coi là một phần của tích lũy tài sản. Một thành phần quan trọng khác của tích lũy tài sản là cơ sở hạ tầng, thường được gọi là nguồn vốn công cộng nếu được đầu tư chính bởi nguồn vốn của khu vực công.

Một quá trình sản xuất thâm dụng vốn sẽ có tỷ lệ lao động đầu vào tương đối thấp và năng suất lao động (sản lượng trên một lao động) cao hơn. Hình thức này giúp giảm số lượng nhân viên và tiền lương nói chung, vì chỉ cần một số lượng nhỏ nhân lực có tay nghề cao để quản lý sản xuất. Tăng cường vốn đề cập đến sự gia tăng tỷ trọng của vốn so với số giờ làm việc của lực lượng lao động, trong đó tăng đầu tư vốn sẽ dẫn đến tăng năng suất lao động, với điều kiện tất cả những yếu tố khác không đổi. Bởi vì quá trình sản xuất sử dụng máy móc, chất lượng sản phẩm có thể được tiêu chuẩn hóa, và giảm thiểu sai sót của con người trong quá trình sản xuất, mang lại hiệu quả cao hơn và tiết kiệm chi phí về lâu dài. Tuy nhiên, chi phí trả trước để bắt đầu sản xuất cao và chi phí bảo trì có thể tốn kém. Do đó, cần có sản lượng đủ lớn để mang lại lợi tức đầu tư đầy đủ. Ngoài ra, sản xuất thâm dụng vốn dễ bị tác động bởi suy giảm kinh tế hơn so với các loại hình sản xuất thâm dụng lao động vì khi đó các công ty vẫn phải trả chi phí cố định liên quan đến nhà xưởng và máy móc thiết bị.

Bên cạnh sản xuất công nghiệp, còn có tích lũy tài sản dưới dạng cơ sở hạ tầng. Đầu tư vào cơ sở hạ tầng thúc đẩy hình thành mạng lưới tài sản vật chất chiến lược đem lại lợi ích cho cả các doanh nghiệp và cộng đồng. Các tài sản này bao gồm cả cơ sở hạ tầng kinh tế (đường xá, sân bay, hệ thống điện, v.v.) và cơ sở hạ tầng xã hội (trường học công lập và cơ sở giáo dục, bệnh viện, v.v.). Do cơ sở hạ tầng là hình thức phát triển thâm dụng vốn trong thời gian dài trước khi thu được lợi ích, nên phần lớn cơ sở hạ tầng được tài trợ bởi nguồn vốn của khu vực nhà nước.

Chiến lược tăng năng suất

Tăng năng suất đòi hỏi đầu tư vào các lĩnh vực chính như đổi mới và công nghệ, nghiên cứu và phát triển, và giáo dục cả về kỹ năng và kiến thức. Điều này cần phải diễn ra trong tất cả các ngành và hoạt động kinh tế, nhưng đặc biệt là đối với các ngành năng suất cao (các ngành ít sản xuất hàng hóa). Để đạt được điều này, tỉnh cần tạo ra các chính sách nhằm nâng cao tự do hóa và cạnh tranh.

Một yếu tố quan trọng thúc đẩy tăng năng suất thông qua đổi mới sáng tạo là nhân lực có trình độ cao. Trong ngắn hạn, Hưng Yên có thể sử dụng các công nhân lành nghề từ các tỉnh khác, nhưng đầu tư vào hệ thống giáo dục chất lượng sẽ khuyến khích sự phát triển bền vững của nguồn nhân lực có tri thức và tay nghề cao. Các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư và sản xuất, đổi mới và áp dụng công nghệ được hỗ trợ bởi lực lượng lao động chất lượng cao được cung cấp đầy đủ là động lực chính để tăng năng suất và khả năng cạnh tranh. Một ví dụ rõ ràng về điều này là chính sách chiến lược của Trung Quốc cho giai đoạn 2021-2025, tập trung vào phát triển các “gã khổng lồ nhỏ” trong các lĩnh vực và chuỗi cung ứng chủ chốt. Những “gã

khổng lồ nhỏ” là các doanh nghiệp vừa và nhỏ nổi bật với tiềm năng tăng trưởng cao, công nghệ tiên tiến và lợi thế cạnh tranh trên thị trường mạnh mẽ. Mục tiêu của Trung Quốc là nâng cao khả năng cạnh tranh và từng bước thu hẹp khoảng cách với Mỹ, Nhật Bản và Đức trong lĩnh vực sản xuất tiên tiến.

Trong ba chiến lược tăng trưởng, Hưng Yên có thể xem xét áp dụng chiến lược tăng trưởng thâm dụng vốn cho giai đoạn đầu tiên 2021-2030, và một chiến lược tăng trưởng cân bằng hơn, sử dụng một cách cân đối các khoản đầu tư vào vốn, lao động và năng suất trong giai đoạn sau, 2031-2050. Trong ngắn hạn, Hưng Yên vẫn cần đầu tư đáng kể cả vào cơ sở hạ tầng kinh tế và hạ tầng xã hội. Điều này bao gồm kết nối, tiện ích, bệnh viện, trường học, cũng như cơ sở hạ tầng kỹ thuật số để hỗ trợ phát triển kinh tế số và thành phố thông minh trong tương lai. Tỉnh cũng cần phải có những cải thiện liên tục về lao động và năng suất trong giai đoạn 2021-2030 nhưng tích lũy tài sản từ khu vực nhà nước dự kiến sẽ chiếm một phần đáng kể trong tổng vốn đầu tư và tăng trưởng.

Trong những năm tiếp theo, giai đoạn 2031-2050, tỉnh nên áp dụng một chiến lược tăng trưởng cân bằng hơn (đóng góp từ vốn, lao động và năng suất), đặc biệt là chú trọng nhiều hơn đến cải thiện năng suất. Với việc đặt nền móng cơ sở cho cơ sở hạ tầng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, Hưng Yên có thể tập trung nỗ lực nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua đổi mới sáng tạo và công nghệ. Tương tự như chính sách chiến lược của Trung Quốc, Hưng Yên có thể coi cách tiếp cận phát triển những “gã khổng lồ nhỏ” này là bước đột phá đối với khả năng cạnh tranh của ngành công nghiệp của tỉnhvà cho phép ngành công nghiệp hỗ trợ tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu của các công ty đa quốc gia lớn vào năm 2030 theo kế hoạch. Điều này sẽ giúp thu hẹp dần khoảng cách giữa Việt Nam và các nước phát triển trong lĩnh vực sản xuất tiên tiến.

Chương 2: Định hướng chiến lược về tăng trưởng kinh tế tỉnh Hưng Yên giai đoạn đến năm 2050

2.1. Bối cảnh quốc tế, khu vực, trong nước và vùng tác động đến phát triển kinh tế của tỉnh Hưng Yên trong giai đoạn tới

2.1.1. Bối cảnh quốc tế, khu vực tác động đến Việt Nam nói chung, tỉnh Hưng Yên nói riêng

Bối cảnh quốc tế, quốc gia, vùng hiện nay và một số xu hướng phát triển chủ yếu trên toàn cầu những năm tới có thể tác động nhiều chiều đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hưng Yên như sau:

2.1.1.1. Các yếu tố thuận lợi

Cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc diễn ra ngày càng gay gắt khiến làn sóng dịch chuyển đầu tư và tái cấu trúc chuỗi cung ứng khu vực, toàn cầu diễn ra mạnh mẽ. Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung Quốc gay gắt những năm gần đây và dự báo còn tiếp diễn trong nhiều năm tới đã khiến Mỹ và các nước phương Tây không muốn phụ thuộc quá lớn vào nguồn cung hàng hóa từ Trung Quốc. Theo đó, nhiều doanh nghiệp dịch chuyển đầu tư khỏi Trung Quốc để tránh rủi ro. Bên cạnh đó, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung nổ ra từ năm 2018 cũng thúc đẩy một số lượng lớn các doanh nghiệp đầu tư ở Trung Quốc dịch chuyển đầu tư sang Việt Nam để tránh mức thuế cao của Mỹ. Tỉnh Hưng Yên có các tiềm năng, thế mạnh về nhân công, hạ tầng công nghiệp và nằm ở vị trí có thể kết nối nhanh chóng, thuận lợi với các trung tâm sản xuất của Trung Quốc như Quảng Tây, Quảng Đông... Trong bối cảnh nêu trên, Hưng Yên có cơ hội thu hút mạnh mẽ nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), đẩy mạnh chuyển dịch và tái cơ cấu kinh tế.

Cách mạng công nghiệp 4.0 tác động ngày càng sâu sắc và nhiều chiều đến các quốc gia và từng địa phương, doanh nghiệp. Nhờ sự phát triển đột phá của nhiều công nghệ nền tảng (điện toán đám mây, dữ liệu lớn, internet vạn vật…). Cách mạng công nghiệp 4.0 tạo cơ hội phát triển mạnh mẽ cho các địa phương nói chung, tỉnh Hưng Yên nói riêng trong việc chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và rút ngắn khoảng cách phát triển so với các địa phương khác; tận dụng công nghệ để tăng cường kết nối với thị trường trong và ngoài nước, khai thác hiệu quả các tiềm năng phát triển, nhất là về thương mại, du lịch, nông nghiệp... Làn sóng cách mạng công nghiệp 4.0 cũng sẽ đi cùng mô hình "kinh tế chia sẻ" - mô hình thị trường kết hợp sở hữu và chia sẻ quyền sử dụng hàng hóa và dịch vụ nhằm gia tăng lợi ích cho các bên tham gia; đồng thời, thúc đẩy phát triển mạnh mẽ kinh tế số, thương mại điện tử. Hưng Yên có vị trí nằm sát thủ đô Hà Nội - thị trường có hàng chục triệu người tiêu dùng - theo đó, có cơ hội lớn để đẩy mạnh phát triển kinh tế số trong kỳ quy hoạch tới.

Kết nối kinh tế, trong đó kết nối chính sách, hạ tầng, con người đã tiếp tục là xu hướng lớn của các quốc gia trong khu vực. Theo đó, các nền kinh tế trong khu vực châu Á - Thái

Bình Dương đã triển khai Kế hoạch kết nối APEC đến 2025, tập trung vào kết nối vật chất (hạ tầng), thể chế, kết nối con người. Nhiều sáng kiến kết nối giữa Trung Quốc và các nước Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) đã và đang được triển khai mạnh mẽ như: Hợp tác "Hai hành lang, một vành đai"; Tuyến hành lang quốc tế mới về thương mại, trên bộ, trên biển; Hành lang kinh tế Trung Quốc - Bán đảo Đông Dương; Hợp tác Kinh tế Vịnh Bắc Bộ mở rộng; Vành đai và Con đường (BRI). Các sáng kiến nêu trên sẽ thúc đẩy mạnh mẽ hợp tác đầu tư, thương mại, du lịch, phát triển các hành lang kinh tế xuyên quốc gia. Tỉnh Hưng Yên nằm trong phạm vi ảnh hưởng, kết nối của nhiều tuyến hành lang kinh tế quan trọng của khu vực như Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Trong bối cảnh đó, Hưng Yên có điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư, gia tăng xuất nhập khẩu, phát triển các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ.

2.1.1.2. Khó khăn, thách thức

Đại dịch COVID-19 tiếp tục diễn biến phức tạp và tác động nghiêm trọng, lâu dài đến nhiều lĩnh vực kinh tế. Đại dịch COVID-19 bùng phát có nguy cơ tiếp tục tác động nghiêm trọng, kéo dài đến tất cả các nền kinh tế. Trên quy mô toàn cầu, kinh tế thế giới đang phục hồi chậm; nhịp độ, mô hình và động lực tăng trưởng gặp nhiều thách thức. Xu hướng phục hồi theo "hình chữ K" (có lĩnh vực phục hồi, có lĩnh vực tiếp tục suy thoái) đang ngày càng rõ nét. Triển vọng phục hồi kinh tế toàn cầu trong năm 2022 là không chắc chắn và điều này tác động tiêu cực đến tất cả các nền kinh tế, trong đó có Việt Nam. Một số chỉ tiêu, mục tiêu phát triển của Việt Nam trong thời kỳ 2021-2025 có khả năng không thể hoàn thành. Bối cảnh, tình hình dịch bệnh nêu trên đang và sẽ tác động tiêu cực đến các kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh Hưng Yên, nhất là các lĩnh vực như: công nghiệp và xây dựng; thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp; sản xuất và chế biến nông sản...

Cách mạng công nghiệp 4.0 bên cạnh cơ hội như đã nêu trên cũng đặt ra những thách thức phát triển với Việt Nam nói chung, tỉnh Hưng Yên nói riêng. Trong đó, những thách thức đáng kể nhất là trên các lĩnh vực lao động, việc làm, an toàn, an ninh mạng, nguy cơ tụt hậu... Hiện tại, nhiều chuyên gia trên thế giới đã cảnh báo rằng, cuộc cách mạng này có thể phá vỡ thị trường lao động khi tự động hóa thay thế lao động thủ công trong nền kinh tế, khi robot thay thế con người trong nhiều lĩnh vực. Bên cạnh đó, trong bối cảnh các địa phương trong cả nước đều quyết tâm thực hiện chuyển đổi số, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, Hưng Yên có nguy cơ tụt hậu nếu chậm trễ trong xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số trong kỳ quy hoạch tới.

Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung tác động tiêu cực đến môi trường hòa bình, ổn định của khu vực. Cuộc cạnh tranh giữa hai cường quốc nói trên bên cạnh việc tạo ra làn sóng dịch chuyển đầu tư sang Việt Nam, còn tác động tiêu cực đến môi trường hòa bình, ổn định của khu vực. Theo đó, làm gia tăng các xung đột trên Biển Đông, tác động tiêu cực đến quan hệ đối ngoại Việt Nam - Trung Quốc nói chung và hợp tác kinh tế song phương nói riêng. Trung Quốc là đối tác thương mại lớn nhất và đối tác đầu tư hàng đầu của Việt Nam. Nhiều doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu tại Hưng Yên có mối liên hệ chặt chẽ với thị trường Trung Quốc, bởi vậy, các xung đột Mỹ - Trung và bất ổn trong quan hệ Việt - Trung sẽ gây bất lợi cho kinh tế đối ngoại của Việt Nam và nhiều lĩnh vực sản xuất, xuất khẩu của tỉnh Hưng Yên nói riêng.

2.1.2. Bối cảnh trong nước, trong vùng và tác động đến phát triển kinh tế tỉnh Hưng Yên

2.1.2.1. Các yếu tố thuận lợi

Kinh tế Việt Nam duy trì tốc độ tăng trưởng cao, triển vọng kinh tế Việt Nam khả quan, đến năm 2050 trở thành nước phát triển. Phát triển của cả nước tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên, nhất là mục tiêu phấn đấu đến năm 2030 nước ta là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao, đến năm 2050 trở thành nước phát triển, thu nhập cao. Trong thời kỳ 2021-2030, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức tương đối cao và được đánh giá là một trong những thị trường châu Á năng động, với mức tăng trưởng GDP bình quân khoảng 7%/năm; dự kiến thời kỳ 2021-2030 tăng khoảng 6-7%/năm. GDP bình quân đầu người của Việt Nam đạt 7.500 USD/người vào năm 2030, khoảng 22-26.000 USD/người năm 2050. Ở thời điểm hiện tại, dù chịu tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19, triển vọng kinh tế của Việt Nam vẫn khả quan, xuất khẩu tăng trưởng khá và Việt Nam cũng tiếp tục là một trong số ít các nước đang phát triển thu hút mạnh các dòng vốn FDI trên thế giới.

Việt Nam đang tiếp tục đẩy mạnh mở cửa, hội nhập quốc tế, thuận lợi phát triển đầu tư, kinh doanh, thương mại. Theo đó, đến nay Việt Nam đã ký kết và đang đàm phán 17 Hiệp định thương mại tự do (FTA), trở thành một trong những nền kinh tế mở cửa mạnh mẽ, năng động của khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Việt Nam cũng là nước đang phát triển đầu tiên trong khu vực ký kết FTA với EU, tạo ra một "đòn bẩy" quan trọng đối với nền kinh tế. Việc tham gia các FTA nêu trên, nhất là những FTA thế hệ mới như Hiệp định tự do thương mại Việt Nam - EU, Hiệp định Đối tác toàn diện, tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) là một chiến lược dài hạn nhằm giúp các doanh nghiệp nội địa tham gia sâu vào chuỗi giá trị khu vực, nâng cao năng lực sản xuất, xuất khẩu và cạnh tranh, nâng cao sức cạnh tranh của cả nền kinh tế nước ta. Việt Nam cũng tiếp tục là một trong số ít các nước đang phát triển thu hút mạnh các dòng vốn FDI trên thế giới. Bất chấp tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19, tín nhiệm tín dụng của Việt Nam vẫn gia tăng. Triển vọng kinh tế vĩ mô của Việt Nam khả quan trong bối cảnh đất nước đẩy mạnh phát triển, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; Việt Nam có vị thế điểm đến hàng đầu trong Đông Nam Á về thu hút FDI, xuất khẩu tăng trưởng ổn định, nhu cầu nội địa mạnh mẽ và vị thế đối ngoại vững chắc.

Các chiến lược phát triển quốc gia và các ngành, lĩnh vực kinh tế quan trọng sẽ tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hưng Yên.

Về phát triển kết cấu hạ tầng, trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021-2030 xác định tiếp tục đẩy mạnh thực hiện đột phá chiến lược về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ với một số công trình hiện đại, tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế tư nhân. Phấn đấu đến năm 2030, có ít nhất 2 triệu doanh nghiệp với tỉ trọng đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân vào GDP đạt 60 - 65%. Tập trung phát triển doanh nghiệp của người Việt Nam, hình thành các tập đoàn có khả năng cạnh tranh khu vực, thế giới. Đồng thời các quy định pháp lý về môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện, nhiều luật rất quan trọng liên quan đến đầu tư được sửa đổi như Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư theo hình thức đối tác công tư. Việt Nam cũng đồng thời xác định mục tiêu đến năm 2030 trở thành quốc gia số, ổn định và thịnh vượng, tiên phong thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới[30]. Đến năm 2025, 80% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau; kinh tế số chiếm 20% GDP; đến năm 2030, 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau; kinh tế số chiếm 30% GDP...

[30] Quyết định 749/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 03/6/2020 phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"

Liên quan đến các ngành có ý nghĩa quan trọng đối với Hưng Yên, Chính phủ cũng đã ban hành các quyết sách quan trọng. Đó là việc khẳng định phát triển du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển các ngành và lĩnh vực khác, góp phần quan trọng hình thành cơ cấu kinh tế hiện đại[31]; xác định mục tiêu đến năm 2030, nông nghiệp Việt Nam đứng trong số 15 nước phát triển nhất thế giới, trong đó ngành chế biến nông sản đứng trong số 10 nước hàng đầu thế giới. Việt Nam là một trung tâm chế biến sâu của nông nghiệp thế giới, trung tâm logistics của thương mại nông sản toàn cầu[32].

Bối cảnh trong vùng Đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ tác động tính cực đến phát triển Hưng Yên. Vùng Đồng bằng sông Hồng có lịch sử phát triển lâu đời gắn với công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước, giữ vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp phát triển của cả nước. Vùng có Thủ đô Hà Nội, là vùng trung tâm đầu não về chính trị, kinh tế, văn hóa, đào tạo và khoa học công nghệ của cả nước. Vùng Đồng bằng sông Hồng là cửa ngõ ở phía biển Đông với thế giới và là một trong những cầu nối trực tiếp giữa hai khu vực phát triển năng động là khu vực Đông Nam Á và Đông Bắc Á.

Tổ chức không gian phát triển vùng Đồng bằng sông Hồng theo hướng hình thành 2 tiểu vùng. Tiểu vùng Bắc Đồng bằng sông Hồng (còn gọi là vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ), gồm các tỉnh, thành phố: Thành phố Hà Nội, các tỉnh Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Quảng Ninh và thành phố Hải Phòng. Phát triển tiểu vùng đi đầu cả nước về nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng gắn với chất lượng tăng trưởng cao và bền vững. Đi đầu trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế số, xã hội số. Thúc đẩy phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo. Tập trung xây dựng các trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Xây dựng Thủ đô Hà Nội trở thành đô thị thông minh, hiện đại, xanh, sạch, đẹp, an ninh, an toàn. Tạo điều kiện thuận lợi và thúc đẩy các tổ chức quốc tế, khu vực đặt trụ sở, cơ quan đại diện tại Hà Nội. Tiếp tục xây dựng khu vực Hải Phòng - Quảng Ninh trở thành trung tâm kinh tế biển, là cửa ngõ của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ gắn với cảng cửa ngõ quốc tế Lạch Huyện. Tiểu vùng Nam Đồng bằng sông Hồng (gồm các tỉnh Hà Nam, Thái Bình, Ninh Bình và Nam Định). Ưu tiên phát triển vùng lúa chất lượng cao; nông nghiệp công nghệ cao, chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản với quy mô lớn; tập trung phát triển ngành công nghiệp chế biến nông sản, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.

Phát triển các hành lang kinh tế Hà Nội - Hải Phòng (tham gia hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng), hành lang kinh tế ven biển vịnh Bắc Bộ (từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Kim Sơn (Ninh Bình).

Phát triển kết cấu hạ tầng vùng, đảm bảo đồng bộ, hiện đại, nhất là hạ tầng giao thông, kết nối thông suốt. Đầu tư nâng cấp, hoàn thiện các tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông qua địa bàn vùng, các cao tốc kết nối Thủ đô Hà Nội với các địa phương trong và ngoài vùng, vành đai Hà Nội (vành đai 4, 5). Xây dựng đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam, các tuyến đường sắt điện khí hóa Hà Nội - Lào Cai, Hà Nội - Hải Phòng, Hà Nội - Đồng Đăng; tuyến Yên Viên - Lim - Phả Lại - Hạ Long - Cái Lân, đường sắt ven biển Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh (Hạ Long). Xây dựng hoàn thiện cảng cửa ngõ Quốc tế Hải Phòng tại Lạch Huyện. Nâng cấp, mở rộng cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Cát Bi. Nghiên cứu xây dựng cảng hàng không thứ 2 cho Vùng Thủ đô Hà Nội.

[31] Quyết định 147/QĐ-TTg ngày 22/1/2019 phê duyệt "Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030".

[32] Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 17/1/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển và nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp.

Tập trung phát triển một số ngành sản xuất công nghiệp và dịch vụ hiện đại: Điện tử, sản xuất phần mềm, trí tuệ nhân tạo, sản xuất ô tô, công nghiệp phụ trợ, các dịch vụ thương mại, logistics, ngân hàng, tài chính, du lịch, viễn thông, y tế chuyên sâu. Tổ chức không gian công nghiệp theo các tuyến hành lang QL18, QL5, QL1, QL10. Mở rộng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch, hình thành các vùng sản xuất quy mô lớn gắn với công nghiệp chế biến. Tập trung phát triển chuỗi sản phẩm tổng hợp về du lịch văn hóa, lịch sử, tham quan thắng cảnh, nghỉ dưỡng, giải trí biển, du lịch đô thị tại khu vực động lực du lịch Hà Nội - Quảng Ninh - Hải Phòng - Ninh Bình.

Liên kết phát triển của Hưng Yên trong Vùng Thủ đô Hà Nội. Phạm vi Vùng Thủ đô Hà Nội gồm toàn bộ ranh giới của Thủ đô Hà Nội và 09 tỉnh xung quanh là Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam, Hòa Bình, Phú Thọ, Thái Nguyên và Bắc Giang. Định hướng phát triển vùng Thủ đô Hà Nội là vùng phát triển kinh tế tổng hợp, có Thủ đô Hà Nội là trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ, kinh tế và giao dịch quốc tế của cả nước; có ý nghĩa quốc tế quan trọng trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương; là vùng có môi trường sống và môi trường cảnh quan phong phú, giàu tính văn hóa - xã hội, mang đậm bản sắc dân tộc với xu hướng phát triển hiện đại; là vùng đầu mối tập trung hệ thống giao thông và hạ tầng kỹ thuật quốc gia; có vị trí trọng yếu về an ninh quốc phòng.

Hành lang quốc lộ 5 và cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (qua Hà Nội - Hưng Yên - Hải Dương - Hải Phòng): Chủ yếu phát triển các ngành điện tử, may mặc, lắp ráp ô tô, xe máy, chế biến lương thực, thực phẩm...; phát triển gắn với tuyến trục đô thị hóa mạnh của vùng về phía Đông hướng cảng Hải Phòng.

Trong vùng thủ đô Hà Nội, Hưng Yên được định hướng phát triển về công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; trung tâm cấp vùng về giáo dục đào tạo (khu đô thị đại học Phố Hiến), dịch vụ hỗ trợ phát triển nông nghiệp (Phù Cừ, Tiên Lữ, Yên Mỹ...) và dịch vụ trung chuyển hàng hóa (Lạc Đạo, Bô Thời - Dân Tiến) phía Đông Nam của Vùng Thủ đô Hà Nội. Dự kiến hình thành các trung tâm logistics cấp Vùng quy mô từ 100 ha đến 500 ha tại Hưng Yên; xây dựng trung tâm thương mại đầu mối Hưng Yên 150 ha.

Xây dựng thành phố Hưng Yên trở thành trung tâm cấp vùng về giáo dục đào tạo và dịch vụ hỗ trợ phát triển nông nghiệp phía Đông Nam của Vùng Thủ đô Hà Nội; đô thị chuyên ngành dịch vụ thương mại, phát triển nhà ở (Văn Giang); đô thị đại học (Phố Hiến - Hưng Yên).

Tóm lại, kinh tế đất nước và vùng thuận lợi như trên đã và đang tạo môi trường, cơ hội để tỉnh Hưng Yên đẩy mạnh đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển các khu công nghiệp, khu đô thị mới và các lĩnh vực kinh tế - xã hội khác; nhanh chóng chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng gia tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp, dịch vụ. Trong kết nối vùng, nhờ vị trí tiếp giáp Thủ đô Hà Nội, Hưng Yên có nhiều cơ hội thu hút đầu tư, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, kết nối giao thông, kết nối thị trường với các địa phương trong vùng, thực hiện thành công mục tiêu xây dựng Hưng Yên thành tỉnh công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiệu quả cao, phát triển nhanh và bền vững.

Với vị trí liền kề Thủ đô Hà Nội và sự phát triển của Hà Nội nói riêng, Vùng Thủ đô Hà Nội nói chung có tác động lan tỏa tích cực tới sự phát triển của Hưng Yên. Vùng sẽ được tăng cường đầu tư về kết cấu hạ tầng, du lịch, khu đô thị và các công trình công cộng. Xây dựng các đường vành đai 3,5, vành đai 4 của thủ đô Hà Nội, liên kết các đô thị vệ tinh xung quanh Hà Nội sẽ tăng cường liên kết của Hưng Yên với các địa phương trong và ngoài vùng. Khi kết hợp với Hải Phòng và Quảng Ninh trong tam giác tăng trưởng sẽ là một vùng tăng trưởng mạnh của cả nước.

2.1.2.2. Khó khăn, thách thức

Phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam vẫn đối mặt không ít khó khăn, thách thức cả trong ngắn hạn và dài hạn. Nền kinh tế nước ta vẫn còn những tồn tại, hạn chế và tiềm ẩn nhiều rủi ro; các yếu tố nền tảng như thể chế, hạ tầng, nguồn nhân lực... để đưa Việt Nam sớm trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại còn thấp so với yêu cầu; trình độ khoa học, công nghệ, năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh còn thấp; độ mở nền kinh tế cao, khả năng chống chịu, thích ứng với tác động bên ngoài còn yếu; năng lực tiếp cận nền kinh tế số, xã hội số còn hạn chế. Tăng trưởng GDP có xu hướng chững lại[33], nguy cơ rơi vào bẫy thu nhập trung bình và tụt hậu xa hơn về kinh tế vẫn còn là thách thức rất lớn. Mục tiêu xây dựng đất nước trở thành một nước công nghiệp còn nhiều khó khăn.

Trước mắt, kinh tế Việt Nam, các địa phương và doanh nghiệp của Việt Nam đang đối mặt nhiều khó khăn do tác động từ đại dịch COVID-19 với hậu quả có thể còn kéo dài trong nhiều năm. Trong điều kiện cạnh tranh gay gắt với các nền kinh tế Đông Nam Á để thu hút FDI, Việt Nam nói chung và Hưng Yên nói riêng phải đối mặt với những thách thức như dư địa tăng trưởng kinh tế đang bị thu hẹp, dân số đang già hóa với tốc độ cao; năng suất lao động và tăng trưởng đầu tư còn thấp.

Quá trình đô thị hoá tiếp tục diễn ra nhanh, tạo sức ép lớn về nhu cầu phát triển hạ tầng và xử lý ô nhiễm môi trường. Gia tăng thách thức giữa phát triển nhanh và khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên, đất đai và nguồn nước. Biến đổi khí hậu diễn biến ngày càng nhanh, khốc liệt và khó lường, ảnh hưởng lớn đến sản xuất và cuộc sống người dân. Chênh lệch giàu - nghèo có xu hướng gia tăng. Già hoá dân số nhanh dẫn đến áp lực lên hệ thống an sinh xã hội và tác động đến tăng trưởng kinh tế. Nhiệm vụ bảo vệ độc lập, chủ quyền, bảo đảm an ninh quốc gia gặp nhiều khó khăn, thách thức; tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên một số địa bàn và sự chống phá của thế lực thù địch, phản động còn diễn biến phức tạp. Các yếu tố an ninh phi truyền thống, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu... dự báo diễn biến khó lường, ngày càng tác động, ảnh hưởng nặng nề đến sản xuất và đời sống.

Cạnh tranh phát triển giữa các địa phương sẽ ngày càng gay gắt. Hưng Yên có tiềm năng phát triển đô thị, các khu công nghiệp, tuy nhiên các lợi thế của tỉnh cần phải tạo ra sự khác biệt so với các địa phương khác cũng có vị trí tiếp giáp với Thủ đô Hà Nội như Bắc Ninh, Hà Nam, Hòa Bình, Vĩnh Phúc... Cũng như Hưng Yên các tỉnh nói trên đã và đang chú trọng phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo; đẩy mạnh đô thị hóa, quyết tâm chuyển đổi số, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI). Vì vậy, việc giữ hoặc vươn lên trong bảng xếp hạng chỉ số PCI, cải thiện vị trí về môi trường đầu tư kinh doanh cũng sẽ là một thách thức không nhỏ đối với tỉnh Hưng Yên.

2.2. Một số quan điểm, định hướng lớn về tăng trưởng kinh tế tỉnh Hưng Yên

Tăng trưởng kinh tế của Hưng Yên từng bước chuyển sang dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tăng trưởng kinh tế của Hưng Yên từng bước chuyển sang dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; nâng cao

[33] Chiến lược lần thứ nhất 1991 - 2000, tăng trưởng GDP bình quân đạt 7,56%, trong đó năm cao nhất là 9,5% (năm 1995). Chiến lược lần thứ hai 2001 - 2010, tăng trưởng bình quân đạt 7,26%, trong đó năm cao nhất là 8,7% (năm 2005). Chiến lược lần thứ ba 2011 - 2020, tăng trưởng bình quân đạt 5,95%, trong đó năm cao nhất là 7,08% (năm 2018).

chất lượng tăng trưởng; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ cả trong GDP và cơ cấu lao động.

Chuyển Hưng Yên từ nền kinh tế dựa vào các yếu tố cơ bản (lao động chi phí thấp, tài nguyên thiên nhiên, chế biến thô) sang nền kinh tế định hướng hiệu quả (nền kinh tế có khả năng sản xuất các sản phẩm và dịch vụ tương đối tiên tiến, dựa trên lao động có kỹ năng, có hiệu quả cao) trong giai đoạn 2021-2030 và sang nền kinh tế định hướng đổi mới sáng tạo (nền kinh tế có khả năng tạo ra các sản phẩm và dịch vụ sáng tạo ở cấp độ công nghệ hàng đầu bằng cách sử dụng các phương pháp tiên tiến nhất) trong thời kỳ 2031-2050, để thúc đẩy tăng trưởng nhanh và bền vững[34].

Tăng trưởng kinh tế Hưng Yên phải gắn với phát huy tối đa nhân tố con người, phát triển nguồn nhân lực. Tăng trưởng kinh tế Hưng Yên phải gắn với phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực chủ yếu và mục tiêu của sự phát triển; lấy giá trị văn hoá, con người là nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững. Khơi dậy mạnh mẽ ý chí, khát vọng phát triển và phát huy giá trị, truyền thống, bản sắc văn hóa đặc trưng của tỉnh Hưng Yên vào phát triển kinh tế - xã hội.

Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, quan tâm giáo dục nghề nghiệp gắn với nhu cầu của thị trường lao động, chú trọng đào tạo nhân lực trình độ kỹ thuật, công nghệ hiện đại. Đẩy mạnh hoạt động liên kết đào tạo giữa các cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp; phát huy vai trò các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề trên địa bàn tỉnh vào công tác đào tạo nhân lực. Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức có phẩm chất tốt, chuyên nghiệp, tận tụy, phục vụ nhân dân. Thu hút nhân lực chất lượng cao, lao động kỹ thuật, chuyên gia đến làm việc tại tỉnh Hưng Yên.

Tăng trưởng theo hướng giảm dần dựa vào khu vực công nghiệp, tăng cường vai trò của khu vực dịch vụ. Trong giai đoạn đến năm 2030 tiếp tục đẩy mạnh thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp được quy hoạch trên địa bàn tỉnh. Ưu tiên phát triển các dịch vụ đào tạo bậc cao, đào tạo nghề. Thu hút đầu tư xây dựng các trung tâm đào tạo, ứng dụng công nghệ tiên tiến, cung cấp các chương trình đào tạo chuyên biệt về công nghệ tiên tiến và công nghệ sạch, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp và công nghiệp mà ít được đào tạo tại các trường đại học và cao đẳng hàng đầu ở Hà Nội. Phát triển Hưng Yên trở thành địa điểm du lịch trong ngày và cuối tuần dành cho người dân Hà Nội và các tỉnh lân cận đến tham quan các di tích lịch sử, văn hóa, làng nghề, vườn hoa, trái cây và các loại hình du lịch mua sắm, vui chơi - giải trí, MICE. Ưu tiên phát triển các dịch vụ vận tải, logistic, thương mại, khoa học - công nghệ, tài chính - ngân hàng, thông tin và truyền thông, các dịch vụ hạ tầng đô thị (xử lý nước thải, chất thải rắn; bảo trì kỹ thuật nhà cửa, phương tiện vận chuyển...). Thu hút đầu tư xây dựng các trung tâm mua sắm, tổ hợp khu du lịch - vui chơi, giải trí hiện đại, trung tâm logistic lớn của vùng.

Tăng trưởng kinh tế của Hưng Yên gắn với phát triển hài hòa các tiểu vùng, địa phương của tỉnh. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tỉnh Hưng Yên theo hướng gia tăng đóng góp của các địa phương phía Nam tỉnh. Từng bước phát triển hài hòa các tiểu vùng của tỉnh gắn phát triển đô thị, hạ tầng kinh tế, xã hội, bố trí hợp lý các khu, cụm công nghiệp, các trung tâm dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

Tăng trưởng kinh tế dựa trên cơ sở huy động cao nhất các nguồn nội lực kết hợp với tranh thủ các nguồn lực từ bên ngoài. Tăng trưởng kinh tế trên cơ sở huy động cao nhất các nguồn nội lực kết hợp với tranh thủ các nguồn lực từ bên ngoài, nhất là khu vực kinh tế tư nhân vào

[34] Đề xuất của PwC.

phát triển kinh tế - xã hội tỉnh. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư sản xuất, kinh doanh để đẩy mạnh thu hút đầu tư; tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư lớn, các tập đoàn đa quốc gia, có công nghệ cao, công nghệ nguồn.

2.3. Xây dựng các kịch bản phát triển tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Các phương án tăng trưởng được xác định trên cơ sở phân tích, dự báo:

- Bối cảnh thế giới và khu vực, nhất là bối cảnh chính trị, an ninh, kinh tế của khu vực Châu Á - Thái Bình Dương; quan hệ đối tác lớn trong các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và với các nước láng giềng.
- Tiến độ thực hiện các chiến lược, các quy hoạch của quốc gia và vùng có liên quan đến tỉnh;
- Tiến độ triển khai thực hiện một số dự án lớn của quốc gia của vùng ĐBSH, vùng KTTĐBB trên địa bàn tỉnh và phụ cận;
- Khả năng thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp, xây dựng các trung tâm dịch vụ lớn trên địa bàn tỉnh.

Từ nhiều phương án tăng trưởng khác nhau về mức độ đầu tư (tính trên tốc độ tăng trưởng vốn); lộ trình cải thiện thu nhập dân cư của tỉnh so với vùng ĐBSH và cả nước qua các thời kỳ, 3 phương án sau được đưa ra xem xét và lựa chọn.

2.3.1. Phương án I - Phương án tăng trưởng cơ sở

Các giả thiết của phương án tăng trưởng cơ sở bao gồm:

- Trên thế giới cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn tiếp tục diễn biến phức tạp, gay gắt. Xu thế hòa bình và hợp tác, toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển nhưng gặp nhiều trở ngại, thách thức; bảo hộ thương mại có xu hướng tăng lên. Tăng trưởng kinh tế thế giới và thương mại, đầu tư quốc tế tiếp tục giảm; nợ công toàn cầu tăng, rủi ro trên thị trường tài chính, tiền tệ quốc tế gia tăng. Kinh tế Trung Quốc và các nước trong khu vực tăng trưởng chậm lại do đại dịch và thiên tai. Đặc biệt, đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, khó kiểm soát, gây ra suy thoái trầm trọng kinh tế toàn cầu, làm thay đổi sâu sắc trật tự, cấu trúc kinh tế, phương thức quản trị toàn cầu, cách thức hoạt động kinh tế và tổ chức đời sống xã hội của thế giới. Các quốc gia trở lại với quan điểm phát triển bền vững như xu thế tất yếu, lựa chọn kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh. Những vấn đề an ninh phi truyền thống, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu gia tăng, sử dụng nguồn nước xuyên biên giới, nhất là nguồn nước sông Mê Công, đặt ra nhiều thách thức lớn cho phát triển bền vững.

- Khu vực châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục là động lực quan trọng của kinh tế toàn cầu, song tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định do cạnh tranh chiến lược, tranh chấp lãnh thổ, tài nguyên. Tình hình biển Đông diễn biến phức tạp, khó lường, ảnh hưởng đến ổn định của khu vực và môi trường đầu tư phát triển.

- Trong nước kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, đến năm 2030 thực hiện cơ bản các mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2030. Chất lượng tăng trưởng kinh tế từng bước

được cải thiện, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài chưa có bước ngoặt lớn. Chính trị - xã hội ổn định, các lĩnh vực văn hoá, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh, đối ngoại có sự chuyển biến tích cực; thành quả xây dựng nông thôn mới được củng cố, đời sống mọi mặt của người dân không ngừng được cải thiện.

- Tại vùng KTTĐBB và vùng ĐBSH cùng với các giải pháp tái cơ cấu lại các ngành kinh tế, các tỉnh, tỉnh trong Vùng KTTĐBB và vùng ĐBSH tiếp tục huy động mọi nguồn lực, đa dạng hình thức đầu tư, đẩy nhanh tốc độ phát triển và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại; thúc đẩy liên kết vùng; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, khơi thông và huy động các nguồn lực lớn trong xã hội cho phát triển kinh tế - xã hội vùng. Những tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19 có thể kéo dài thêm vài năm, kinh tế của cả nước nói chung, các tỉnh trong Vùng KTTĐBB nói riêng tiếp tục đối mặt nhiều khó khăn.

- Tỉnh Hưng Yên xác định duy trì mức tăng trưởng cao của nhóm ngành công nghiệp - xây dựng trong 10 năm của thời kỳ quy hoạch, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh đưa ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trở thành động lực, tạo đột phá tăng trưởng kinh tế và thu ngân sách. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và thu hút đầu tư vào một số KCN trong quy hoạch. Đồng thời tập trung phát triển các ngành dịch vụ phục vụ công nghiệp, từng bước mở rộng các hoạt động dịch vụ du lịch, thương mại; tiếp tục phát triển nông nghiệp theo hướng hiệu quả cao, tạo giá trị gia tăng lớn. Đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế, trước hết là giao thông, thông tin truyền thông và cấp điện. Từng bước hoàn thiện hệ thống giáo dục, đào tạo và các lĩnh vực xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Bảng 12: Phương án I – Phương án tăng trưởng cơ sở

Chỉ tiêu	**2021 - 2025**	**2026 - 2030**	**2031 - 2050**
1. Tốc độ tăng GRDP (%/năm)	**7,4**	**7,9**	**6,6**
Nông nghiệp, thủy sản	2,4	2,3	2,1
Công nghiệp, xây dựng	8,6	8,2	6,5
Dịch vụ	7,0	7,6	8,0
2. Cơ cấu GRDP (%)	**100,0**	**100,0**	**100,0**
Nông nghiệp, thủy sản	7,4	5,4	2,6
Công nghiệp, xây dựng	64,7	65,7	63,8
Dịch vụ	27,9	28,9	33,6
3. Dân số (nghìn người)	**1.390**	**1.429**	**1.554,3**
4. GRDP/người (USD)	**4.990**	**7.800**	**25.000**

2.3.2. Phương án II - Phương án tăng trưởng lạc quan (Phương án chọn)

Các giả thiết của phương án II bao gồm:

- Kinh tế thế giới phục hồi mạnh mẽ; các nền kinh tế hàng đầu thế giới đều tăng trưởng khả quan trong giai đoạn 2021 - 2030; khu vực châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục giữ vững vị thế phát triển năng động hàng đầu thế giới, kinh tế Trung Quốc chuyển đổi phương thức phát triển thành công và tăng trưởng ổn định. Các hiệp định thương mại tự do quan trọng mà Việt Nam tham gia như: EVFTA, CPTPP... phát huy hiệu quả đối với tiến trình hội nhập, cải cách và phát triển đất nước, đặc biệt là với lĩnh vực xuất nhập khẩu và đầu tư.

- Vùng KTTĐ Bắc Bộ và vùng ĐBSH: Hạ tầng kinh tế, trong đó có hệ thống giao thông, cấp điện, hạ tầng các khu kinh tế, KCN, khu du lịch được đầu tư nâng cấp và hoàn thiện khá đồng bộ, đúng tiến độ và phát huy tác dụng. Hiện đại hóa được thực hiện có hiệu quả ở tất cả các ngành; hệ thống logistics của vùng phát triển tốt; liên kết nội vùng KTTĐBB và giữa vùng KTTĐBB với các vùng khác được tăng cường.

- Tại Hưng Yên, các KCN trong quy hoạch hoàn thành cơ bản việc xây dựng kết cấu hạ tầng, thu hút được một số dự án đầu tư lớn, công nghệ cao và phát huy tốt hiệu quả; các dự án xây dựng hạ tầng giao thông kết nối triển khai đúng tiến độ; phát triển dịch vụ thông tin truyền thông và phát triển kinh tế số. Thu hút đầu tư xây dựng một số trung tâm thương mại, khu cụm, du lịch và trung tâm logistics. Phát triển kinh tế vùng bãi sông Hồng, sông Luộc theo hướng nông nghiệp sinh thái và nâng cao giá trị hiệu quả sử dụng đất. Hình thành một số vùng, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Bảng 13: Phương án II – Phương án tăng trưởng lạc quan

Chỉ tiêu	2021 - 2025	2026 - 2030	2031 - 2050
1. Tốc độ tăng GRDP (%/năm)	**7,8**	**8,2**	**7,5**
Nông nghiệp, thủy sản	2,3	2,2	2,0
Công nghiệp, xây dựng	9,2	8,7	7,4
Dịch vụ	7,2	8,8	8,5
2. Cơ cấu GRDP (%)	**100,0**	**100,0**	**100,0**
Nông nghiệp, thủy sản	6,0	4,0	1,4
Công nghiệp, xây dựng	66,0	65,0	59,9
Dịch vụ	28,0	31,0	38,7
3. Dân số (nghìn người)	**1.390**	**1.429**	**1.554,3**
4. GRDP/người (USD)	**5.100**	**8.500**	**34.000**

2.3.3. Phương án III - Tăng trưởng trong điều kiện rất thuận lợi

Phương án được đặt ra với giả thiết hội tụ đồng thời nhiều điều kiện thuận lợi từ môi trường quốc tế, quốc gia, vùng và tỉnh. Các giả thiết của phương án III bao gồm:

- Kinh tế thế giới hồi phục mạnh mẽ từ năm 2022 và đạt tốc độ tăng trưởng khá cao trong giai đoạn 2021 - 2030. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương giữ vững vị thế phát triển năng động hàng đầu thế giới; quan hệ quốc tế của Việt Nam, nhất là quan hệ với Trung Quốc, đảm bảo ổn định, phát triển.
- Khả năng tham gia và nâng cao giá trị gia tăng của Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu được cải thiện đáng kể. Các hiệp định thương mại tự do quan trọng mà Việt Nam tham gia như EVFTA, CPTPP, RCEP... thúc đẩy mạnh mẽ tiến trình hội nhập, cải cách và phát triển đất nước, đặc biệt là với lĩnh vực xuất nhập khẩu và đầu tư, khoa học công nghệ.
- Vùng KTTĐ Bắc Bộ thực hiện thành công các đột phá chiến lược. Nền kinh tế được hiện đại hóa khá toàn diện. Hệ thống logistics của vùng phát triển tốt; các trục đường cao tốc, ven biển được hoàn thành và hoạt động tốt, tạo ra sự vận hành đồng bộ giữa đường bộ - cảng biển - cảng hàng không và hệ thống thương mại; hệ thống đường bộ cao tốc, đường sắt tốc độ cao được triển khai xây dựng, nâng cấp và phát huy tác dụng. Quan hệ kinh tế của vùng với bên ngoài được cải thiện căn bản, sức cạnh tranh của nền kinh tế được nâng cao; sản xuất đi vào chiều sâu và tỷ trọng sản phẩm xuất khẩu lớn.
- Tại Hưng Yên, các KCN trong quy hoạch cơ bản được lấp đầy, thu hút được nhiều nhà đầu tư lớn, tập đoàn đa quốc gia. Hệ thống các công trình giao thông đường bộ cấp quốc gia và tỉnh được đầu tư hiện đại, đồng bộ. Thu hút đầu tư xây dựng được các trung tâm mua sắm, tổ hợp khu du lịch - vui chơi, giải trí hiện đại, trung tâm logistics lớn của vùng. Hình thành các khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Bảng 14: Phương án III – Phương án tăng trưởng trong điều kiện rất thuận lợi

Chỉ tiêu	**2021 - 2025**	**2026 - 2030**	**2031 - 2050**
1. Tốc độ tăng GRDP (%/năm)	**8,5**	**8,5**	**8,0**
Nông nghiệp, thủy sản	2,1	2,0	2,2
Công nghiệp, xây dựng	9,6	9,2	8,0
Dịch vụ	8,4	9,0	8,6
2. Cơ cấu GRDP (%)	**100,0**	**100,0**	**100,0**
Nông nghiệp, thủy sản	5,6	3,5	1,0
Công nghiệp, xây dựng	68,4	72,1	61,8
Dịch vụ	26,0	24,4	37,2
3. Dân số (nghìn người)	**1.390**	**1.429**	**1.554,3**
4. GRDP/người (USD)	**5.380**	**9.100**	**41.000**

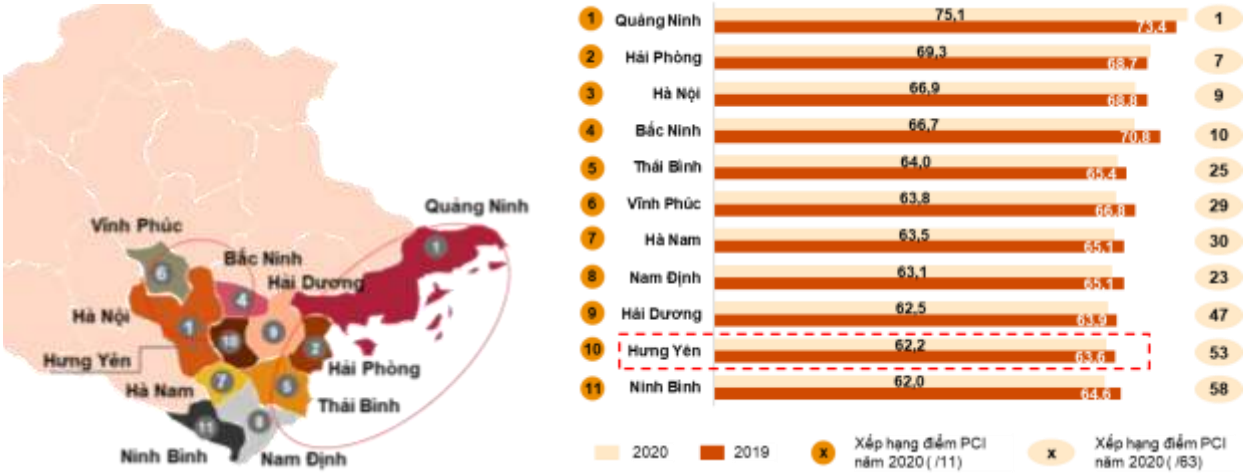
Chương 3: Phân tích, đánh giá năng lực cạnh tranh kinh tế của tỉnh Hưng Yên

3.1. Tỉnh Hưng Yên trong bối cảnh cả nước

Chỉ số năng lực cạnh cấp tỉnh (Chỉ số PCI)

Trong bảng xếp hạng điểm số PCI năm 2020, Hưng Yên xếp thứ 10/ 11 tỉnh thành của Vùng đồng đồng bằng sông Hồng và xếp thứ 53/ 63 tỉnh thành của cả nước.

Hình 42: Điểm số PCI và xếp hạng của các tỉnh thành thuộc vùng đồng bằng sông Hồng (2019-2020)

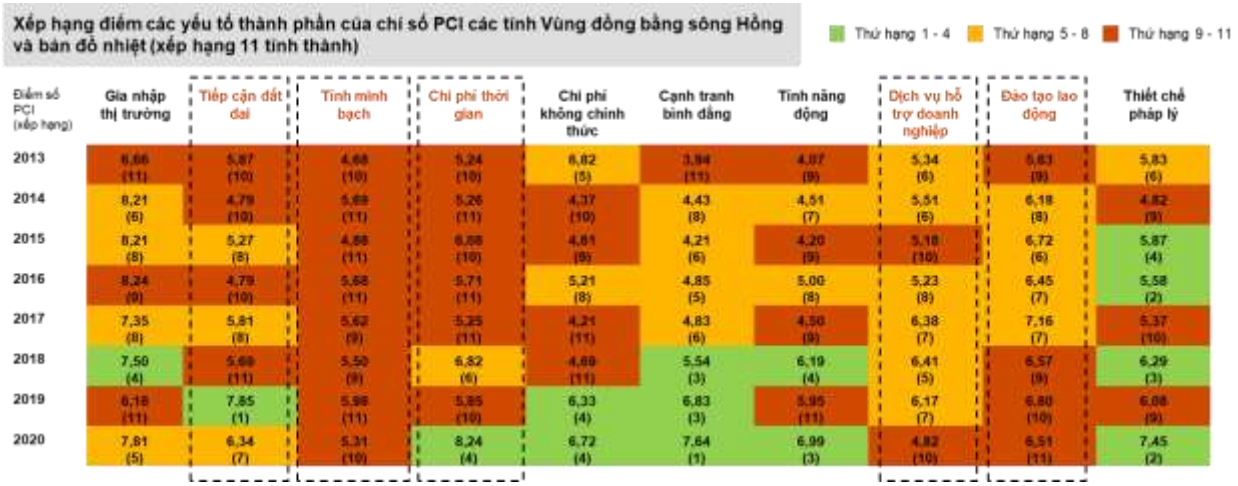


Dựa trên điểm số PCI năm 2020, Hưng Yên xếp thứ 53/63 tỉnh thành của Việt Nam và thứ 10/11 tỉnh thành thuộc Vùng đồng bằng sông Hồng. Các tỉnh có điểm số cao trong khu vực đều có lợi thế gần thủ đô Hà Nội (Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Hà Nam) hoặc địa hình ven biển (Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình).

Hưng Yên có vị trí chiến lược là tỉnh lân cận Hà Nội và là cửa ngõ của các tỉnh ven biển nhưng vẫn chưa được khai thác hết tiềm năng.

Bảng điểm số chi tiết từng thành phần của chỉ số PCI của tỉnh Hưng Yên cho thấy tỉnh đang hoạt động kém hiệu quả ở các khía cạnh quan trọng về năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và thu hút nhà đầu tư:

Bảng 15: Xếp hạng điểm các yếu tố thành phần của chỉ số PCI của các tỉnh vùng ĐBSH và bản đồ nhiệt (xếp hạng 11 tỉnh thành)



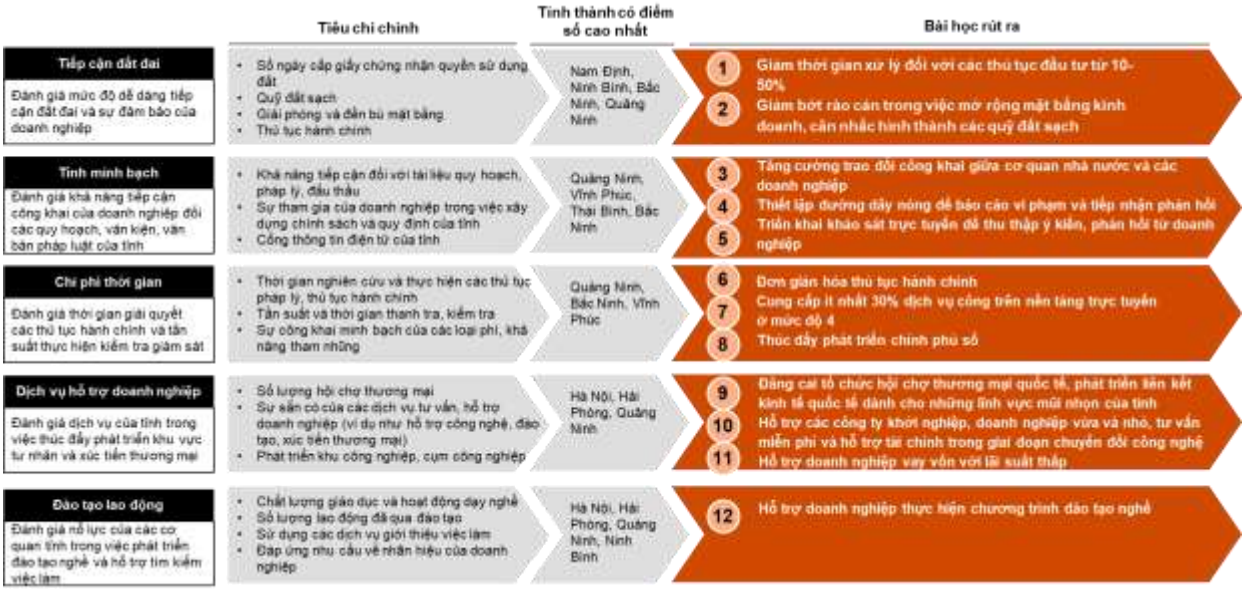
Điểm số PCI (xếp hạng)	Gia nhập thị trường	Tiếp cận đất đai	Tính minh bạch	Chi phí thời gian	Chi phí không chính thức	Cạnh tranh bình đẳng	Tính năng động	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	Đào tạo lao động	Thiết chế pháp lý
2013	6,66 (11)	5,87 (10)	4,68 (10)	5,24 (10)	6,82 (5)	3,94 (11)	4,07 (9)	5,34 (6)	5,83 (9)	5,83 (6)
2014	8,21 (6)	4,79 (10)	5,69 (11)	5,26 (11)	4,37 (10)	4,43 (8)	4,51 (7)	5,51 (6)	6,18 (8)	4,82 (9)
2015	8,21 (5)	5,27 (8)	4,88 (11)	6,08 (10)	4,81 (9)	4,21 (6)	4,20 (9)	5,18 (10)	6,72 (6)	5,87 (4)
2016	8,24 (9)	4,78 (10)	5,68 (11)	5,71 (11)	5,21 (8)	4,85 (5)	5,00 (8)	5,23 (8)	6,45 (7)	5,58 (2)
2017	7,35 (8)	5,81 (8)	5,62 (9)	5,25 (11)	4,21 (11)	4,83 (6)	4,50 (9)	6,38 (7)	7,16 (7)	5,37 (10)
2018	7,50 (4)	5,69 (11)	5,50 (9)	6,82 (6)	4,69 (11)	5,54 (3)	6,19 (4)	6,41 (5)	6,57 (9)	6,29 (3)
2019	6,18 (11)	7,85 (1)	5,98 (11)	5,85 (10)	6,33 (4)	6,83 (3)	5,95 (11)	6,17 (7)	6,80 (10)	6,08 (9)
2020	7,81 (5)	6,34 (7)	5,31 (10)	8,24 (4)	6,72 (4)	7,64 (1)	6,99 (3)	4,82 (10)	6,51 (11)	7,45 (2)

Dựa trên điểm số thành phần chỉ số PCI từ năm 2013 đến năm 2020, Hưng Yên liên tục hoạt động kém hiệu quả trong các khía cạnh: **tiếp cận đất đai, tính minh bạch, chi phí thời gian, dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp và đào tạo lao động**. Đây là những vấn đề quan trọng cần được cải thiện trong thời gian tới để nâng cao khả năng cạnh tranh của Hưng Yên. Yếu tố gia nhập thị trường và chi phí không chính thức không quá quan ngại nhưng có thể xem xét để cải thiện.

Nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Hưng Yên

12 bài học được rút ra để Hưng Yên xem xét nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh:

Hình 43: Bài học rút ra cho Hưng Yên để nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh



Các mục tiêu và nhiệm vụ chính để nâng cao năng lực cạnh tranh của Hưng Yên bao gồm các sáng kiến chính phủ kỹ thuật số, nâng cấp cơ sở hạ tầng và đào tạo nghề. Các mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm được xác định trong Đề án năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025 nhằm nâng cao thứ hạng của Hưng Yên, cụ thể như sau:

Có ba mục tiêu chính, trong đó mục tiêu thứ nhất là nâng thứ hạng PCI của tỉnh lên từ 2 đến 5 bậc mỗi năm. Mục tiêu đến năm 2023, tỉnh có điểm số PCI nằm trong top 45 và đến năm 2025 có điểm số PCI trong top 40. Mục tiêu thứ hai là thu hút khoảng 11 triệu đô la Mỹ vốn đầu tư trong và ngoài nước, bao gồm cả đầu tư từ 1-2 công ty đa quốc gia lớn của nước ngoài. Mục tiêu thứ ba là từ năm 2021, mỗi năm đưa 1 khu công nghiệp đi vào hoạt động.

Chính phủ điện tử
Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm xây dựng Chính phủ điện tử cho tỉnh Hưng Yên, đến cuối năm 2021, 55% dịch vụ công trực tuyến được cung cấp ở mức độ 3 và 40% dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết được cung cấp ở mức độ 4. Tỉnh cũng tăng cường khả năng tiếp cận đất đai thông qua nền tảng trực tuyến giúp các nhà đầu tư và doanh nghiệp tiếp cận các thông tin như quy hoạch, giải phóng mặt bằng, đền bù, bán đấu giá quyền sử dụng đất, và các văn bản về đất đai nhằm nâng cao tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin.

Cơ sở hạ tầng
Tỉnh Hưng Yên đặt mục tiêu cải thiện cơ sở hạ tầng như đường cao tốc và các công trình xử lý nước trong các khu công nghiệp và cụm công nghiệp hiện có để đáp ứng nhu cầu của các nhà đầu tư. Ngoài ra, các khu, cụm công nghiệp mới sẽ được thành lập để dành riêng cho công nghiệp hỗ trợ, các dự án công nghiệp thân thiện với môi trường, và một số khu, cụm công nghiệp

dành riêng để thu hút đầu tư từ các nước trọng điểm như Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore và Đài Loan.

Nguồn nhân lực
Về nguồn nhân lực, các nhiệm vụ bao gồm đẩy mạnh các hoạt động liên kết đào tạo giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp, tăng cường đào tạo ngoại ngữ (đặc biệt là các ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp FDI như tiếng Anh, tiếng Nhật và tiếng Hàn) tại các trường THPT và các cơ sở đào tạo trên địa bàn thành phố. Tỉnh cũng sẽ nỗ lực để hỗ trợ các nhà đầu tư trong các hoạt động nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và xây dựng các mô hình công nghệ chất lượng cao.

3.2. Phân tích SWOT cho tỉnh Hưng Yên

Phân tích SWOT cho thấy Hưng Yên có thể tận dụng vị trí chiến lược của mình để thúc đẩy phát triển theo hướng thân thiện với môi trường và lối sống xanh bên cạnh việc tập trung tăng trưởng ngành công nghiệp.

Điểm mạnh

- Hưng Yên là tỉnh vệ tinh của Hà Nội, gần nguồn nhân lực chất lượng cao, các cảng hàng không và cảng biển trọng điểm của vùng
- Bên cạnh vị trí là trung tâm của Vùng đồng bằng sông Hồng và trung tâm của tam giác phát triển kinh tế Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh, Hưng Yên có vị trí chiến lược nằm dọc các tuyến đường nối các cửa khẩu lớn với Trung Quốc (Lào Cai – Hà Nội - Hải Phòng – Quảng Ninh - Móng Cái, Lạng Sơn – Hải Phòng)
- Hưng Yên có hệ thống giao thông đường bộ phát triển tốt giúp dễ dàng tiếp cận với các tỉnh lân cận trong vùng bằng phương tiện cá nhân, xe buýt liên tỉnh (đi lại hàng ngày)
- Với mục tiêu trở thành một tỉnh trọng tâm phát triển công nghiệp, Hưng Yên có quỹ đất lớn được quy hoạch cho phát triển công nghiệp
- Lao động nông nghiệp tại Hưng Yên có tay nghề cao trong các lĩnh vực trồng hoa, cây cảnh, và cây ăn quả đặc biệt là tại các huyện ở phía bắc như Văn Giang, Văn Lâm, Yên Mỹ.
- Tỉnh Hưng Yên có hệ thống sông dày đặc với 2 tuyến sông chính (sông Hồng, sông Luộc) và 5 tuyến sông nhỏ hơn
- Hưng Yên sở hữu nhiều di sản văn hóa lịch sử phong phú với biểu tượng phố Hiến cổ
- Hưng Yên có môi trường xanh và ít ô nhiễm hơn Hà Nội

Điểm yếu

- Việc lập quy hoạch không phù hợp (thể hiện thông qua điểm số PCI) đã dẫn đến sự phát triển mất cân đối giữa các huyện phía Bắc và phía Nam
- Hưng Yên xếp hạng cuối trong số 7 tỉnh thuộc Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ về chỉ số PCI (2013 – 2020) do các vấn đề về giải phóng mặt bằng, đền bù đất, tính minh bạch, thời gian xử lý thủ tục, dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp và lực lượng lao động.
- Nhu cầu phát triển nhanh chóng ngành công nghiệp dẫn đến sự nhượng bộ của chính quyền với các nhà đầu tư trong việc lựa chọn ngành công nghiệp và địa điểm dự án không theo quy hoạch.
- Lĩnh vực đào tạo nghề kém hiệu quả và hạn chế trong hỗ trợ tìm kiếm việc làm, thiếu sự phối hợp với doanh nghiệp trong đào tạo và tuyển dụng lao động.

- Tỉnh Hưng Yên khai thác kém hiệu quả hệ thống đường thủy nội địa, kết nối giao thông với Bắc Ninh còn hạn chế và chưa có kết nối giao thông công cộng với Hà Nội.
- Tài nguyên thiên nhiên ở Hưng Yên khá hạn chế, chủ yếu là đất và khoáng sản như cát đen, đất sét, và than.

Cơ hội *(Mỗi cơ hội trước lần lượt đóng vai trò nền tảng cho các cơ hội sau)*

- **Phát triển công nghiệp:** Do các khu công nghiệp tại Hà Nội, Bắc Ninh và Hải Dương đã đạt tỉ lệ lấp đầy khoảng 90%, Hưng Yên có thể cung cấp không gian phát triển công nghiệp (bao gồm công nghiệp hỗ trợ) hơn nữa cho các tỉnh trong vùng để tạo ra sức mạnh tổng hợp nhằm nâng cao khả năng tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.
- **Trung tâm dịch vụ và logistic:** Với vị trí chiến lược nằm dọc theo các tuyến đường chính nối các cảng hàng không và cảng biển của Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến các cửa khẩu lớn với Trung Quốc và việc tiếp tục mở rộng kết nối giao thông (nâng cấp sân bay quốc tế Nội Bài, kéo dài đường cao tốc Hà Nội – Quảng Ninh) cho phép Hưng Yên trở thành một trung tâm dịch vụ và hậu cần của khu vực.
- **Trung tâm R&D đẳng cấp thế giới:** Hưng Yên có thể tự định vị thành một trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu và phát triển, cung cấp các kết nối giữa các cơ sở giáo dục và doanh nghiệp, thu hút các tập đoàn đa quốc tế đến thành lập các cơ sở nghiên cứu và phát triển.
- **Trung tâm đào tạo nghề và đào tạo bổ sung:** Hưng Yên có cơ hội trở thành một trung tâm đào tạo và phát triển, tập trung vào đào tạo mới và đào tạo bổ sung kỹ năng nghề để cung cấp nguồn lao động có tay nghề cho các tỉnh trong Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.
- **Khu vực thu hút dân cư phong cách sống mới:** Hưng Yên có thể được hưởng lợi từ nhu cầu chuyển dịch chỗ ở của người dân Hà Nội, đặc biệt khi các vấn đề ô nhiễm và tắc nghẽn giao thông khiến cho họ mong muốn tìm kiếm một cuộc sống xanh hơn, giá cả phải chăng và bền vững hơn, đây là hệ sinh thái hấp dẫn để thu hút nhân lực có tay nghề cao đến với Hưng Yên.

Thách thức

- Việc thiếu cải thiện khả năng liên kết chuỗi giá trị ngành và khả năng thích ứng của chuỗi cung ứng sẽ khiến Hưng Yên kém hấp dẫn hơn đối với các công ty đa quốc gia.
- Môi trường sẽ ngày càng bị đe dọa nếu phát triển công nghiệp không được kiểm soát, không xử lý chất thải triệt để và thực thi nghiêm các tiêu chuẩn về môi trường.
- Gia tăng cạnh tranh với các tỉnh lân cận như Bắc Ninh, Hải Dương, Hải Phòng, và Vĩnh Phúc trong phát triển công nghiệp cũng như thu hút nhà đầu tư đặc biệt trong các lĩnh vực là thế mạnh của Hưng Yên như điện và điện tử, dệt may.

3.3. Phân tích SWOT của 10 tỉnh thành trong Vùng đồng bằng sông Hồng từ góc nhìn của tỉnh Hưng Yên

Phân tích SWOT được thực hiện cho từng tỉnh trong số 10 tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Hồng từ góc nhìn của Hưng Yên để xác định điểm mạnh, điểm yếu và thách thức của từng tỉnh, cũng như các cơ hội tiềm năng mà Hưng Yên có thể hỗ trợ hoặc đóng góp cho tỉnh bạn. Các cơ hội được xác định trong phần dưới đây thể hiện tính với các ngành, các kế hoạch hiện có của 10 tỉnh, cũng như phù hợp với các kế hoạch và định hướng chiến lược của Hưng Yên.

3.3.1. Hà Nội và Hưng Yên

Tổng quan: Hưng Yên được hưởng lợi do là một tỉnh vệ tinh của Hà Nội với tiềm năng trong việc thu hút dân cư ở Hà Nội về sinh sống và trở thành một trung tâm giáo dục và nhân lực có tay nghề cao trong dài hạn.

Điểm mạnh

- Là thủ đô của Việt Nam, Hà Nội đã thu hút hơn 5,3 tỷ đô la Mỹ vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong nửa đầu năm 2019, trở thành điểm đến đầu tư FDI hàng đầu của cả nước, vượt qua thành phố Hồ Chí Minh.
- Các dự án đầu tư vào Khu Công nghệ cao Hòa Lạc có mức ưu đãi cao nhất theo quy định của pháp luật Việt Nam, bao gồm miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế suất và thuế nhập khẩu.
- Hà Nội là thành phố được đầu tư tốt về mạng lưới cơ sở hạ tầng, các khu công nghiệp, mạng lưới thông tin liên lạc và các khu chế xuất. Hà Nội cũng ở gần các cảng lớn tại miền Bắc, như các cảng tại Hải Phòng (cách 120km).
- Dòng vốn FDI từ các công ty công nghệ và nghiên cứu phát triển (R&D) đang tăng lên. Ví dụ, Tập đoàn Samsung đã đầu tư 300 triệu đô la Mỹ cho một trung tâm R&D tại Hà Nội

Điểm yếu

- Mức độ sử dụng phương tiện cá nhân cao, dẫn đến tình trạng ùn tắc giao thông trong thành phố
- Mức độ ô nhiễm không khí cao do vật chất dạng hạt mịn (PM2.5). Năm 2019, Hà Nội chỉ có 8 ngày có PM2.5 thấp hơn tiêu chuẩn quốc gia ở mức 50 µg / m3.

Cơ hội

- Sự gia tăng phát triển du lịch và vận tải hàng hóa nhờ vào quy hoạch nâng cấp công suất Cảng hàng không quốc tế Nội Bài lên 63 triệu hành khách và 2 triệu tấn hàng hóa vào năm 2030 được kì vọng sẽ thúc đẩy đầu tư vào Hưng Yên, tạo điều kiện cho tỉnh tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu các sản phẩm công nghiệp (ví dụ: lĩnh vực điện và điện tử) và củng cố vai trò là một tỉnh vệ tinh của Hà Nội.
- Hiệu ứng lan tỏa trong phát triển dân cư đô thị từ Hà Nội sang Hưng Yên khi người dân di chuyển ra khỏi thành phố để tránh ô nhiễm, giá cả cao và ùn tắc giao thông. Thị trường bất động sản tại Hưng Yên hiện nay đang phát triển nhanh chóng với các khu đô thị phát triển lân cận Hà Nội.

- Với vị trí gần Hà Nội, Hưng Yên có tiềm năng phát triển thành trung tâm giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực có tay nghề cao và trở thành trung tâm giáo dục lớn nhất miền Bắc Việt Nam.

Thách thức

- Hà Nội đối mặt với nguy cơ gia tăng các vấn đề xã hội và an ninh do ngày càng nhiều người di cư từ các tỉnh khác chuyển đến.
- Nếu không được giám sát cẩn thận và giải quyết sớm, Hà Nội có nguy cơ ô nhiễm môi trường ngày càng tăng do sự gia tăng sử dụng phương tiện cá nhân khi càng có thêm người nhập cư đến thành phố.

Kết luận chính

Hưng Yên có thể tận dụng lợi thế vị trí địa lý gần Hà Nội để trở thành một một trung tâm giáo dục lớn, phát triển thành một địa điểm lớn tập trung nhiều cơ sở giáo dục để thu hút đội ngũ giảng viên đẳng cấp quốc tế đến giảng dạy cho sinh viên từ khắp Việt Nam. Hưng Yên cũng có thể thu hút các lao động trí thức cùng gia đình của họ đến sinh sống tại Hưng Yên nhưng hằng ngày vẫn có thể di chuyển đến nơi làm việc tại Hà Nội, những người ngày càng có xu hướng làm việc tại nhà thay vì đến văn phòng.

Yếu tố thành công:

Hưng Yên cần phát triển các tiện ích xung quanh để nâng cao chất lượng sống và thuận tiện hơn trong kết nối giao thông nhằm thu hút người dân từ các tỉnh và quốc gia khác đến sinh sống, học tập và làm việc tại đây.

3.3.2. Bắc Ninh và Hưng Yên

Tổng quan: Trong quá trình chuyển dịch theo hướng đào tạo nhân lực có chất lượng cao và tay nghề cao, vị trí của Hưng Yên thuận lợi cho việc đảm nhận vai trò là trung tâm đào tạo lao động có trình độ chuyên môn cao, sẵn sàng cung cấp nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp công nghiệp tại Bắc Ninh.

Điểm mạnh

- Bắc Ninh thuộc Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và Vùng thủ đô, giáp 4 tỉnh: Hà Nội, Bắc Giang, Hưng Yên, Hải Dương.
- Bắc Ninh được coi là cửa ngõ phía Bắc của thủ đô Hà Nội và là cầu nối giữa Hà Nội với các tỉnh trung du miền núi phía Bắc.
- Tỉnh Bắc Ninh tiếp giáp thủ đô Hà Nội (cách 38km) và gần sân bay Quốc tế Nội Bài (cách 32km).
- Hệ thống pháp luật minh bạch giúp cho tỉnh có sức thu hút lớn đối với các nhà đầu tư, mang đến sự gia tăng phát triển chung của lĩnh vực công nghiệp trong vùng.
- Các ngành kinh tế chính của tỉnh Bắc Ninh bao gồm công nghiệp và xây dựng; và phát triển bất động sản ngày một gia tăng, như khu phức hợp Landora Aroma Đồng Kỵ.

Điểm yếu

- Kết nối giao thông giữa 2 tỉnh còn khá hạn chế, mặc dù đã có kế hoạch xây dựng các tuyến vận tải hành khách giữa Hưng Yên và Bắc Ninh

- Nhà ở và hệ thống tiện nghi cho người lao động tại các khu công nghiệp ở Bắc Ninh còn thiếu
- Bắc Ninh đối mặt với mức độ ô nhiễm công nghiệp cao.
- Bắc Ninh là tỉnh có diện tích nhỏ nhất Việt Nam, lĩnh vực công nghiệp phát triển đã đạt đến ngưỡng bão hòa với tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp là 80%, do đó trong tương lai có thể gặp khó khăn trong thu hút thêm đầu tư.

Cơ hội

- Bắc Ninh dự kiến trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2030. Điều này sẽ giúp Hưng Yên được hưởng lợi về cơ sở hạ tầng, khoa học & công nghệ, cơ sở giáo dục và giao thông của Bắc Ninh, góp phần thúc đẩy tốc độ phát triển của tỉnh.
- Lực lượng lao động ở Bắc Ninh đa số là người nhập cư, trình độ tay nghề thấp, chưa đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, đặc biệt trong một số ngành công nghiệp công nghệ cao và tự động hóa.
- Các ngành công nghiệp đang có xu hướng dịch chuyển dần khỏi nguồn lao động giá rẻ, hầu hết các tập đoàn lớn và doanh nghiệp FDI đều tìm kiếm lực lượng lao động chất lượng cao. Ví dụ về các tập đoàn ở Bắc Ninh bao gồm Samsung, Canon, Nokia, Pepsico, Vinamilk, Vinasoy, Kinh Đô. Hưng Yên có cơ hội phát triển vai trò là một trung tâm đào tạo lao động chất lượng cao, sẵn sàng cung cấp cho tỉnh Bắc Ninh.

Thách thức

- Đe doạ đến môi trường không khí và nước nếu các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tiếp tục hoạt động mà không có hệ thống xử lý chất thải phù hợp và các hoạt động bảo tồn môi trường kịp thời.

Kết luận chính

Việc Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương quản lý mang lại những cơ hội đáng kể cho Hưng Yên trong việc đào tạo và nâng cao tay nghề cho lực lượng lao động phục vụ trong các ngành công nghệ cao và đòi hỏi nhiều kỹ năng ở Bắc Ninh.

Yếu tố thành công

Hưng Yên cần có thỏa thuận với Trung ương để phân bổ nguồn nhân lực đến các trung tâm đào tạo của Hưng Yên, nhằm nâng cao kỹ năng làm việc khi tham gia vào các ngành công nghiệp công nghệ cao của Bắc Ninh.

3.3.3. Quảng Ninh và Hưng Yên

Tổng quan: Quảng Ninh có thể giúp Hưng Yên tiếp cận nhiều hơn với thị trường Trung Quốc và các nước khác trong khu vực trong khi Hưng Yên có thể đóng góp giá trị gia tăng cho các ngành công nghiệp của Quảng Ninh.

Điểm mạnh

- Quảng Ninh có đường biên giới quốc gia với Trung Quốc trên cả đất liền (cửa khẩu Móng Cái) và biển. Đồng thời, tỉnh cũng thuộc vùng tam giác kinh tế phía Bắc là Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh với hạ tầng logistics quan trọng như cảng biển (cảng Cái Lân) và sân bay (sân bay Vân Đồn).

- Quảng Ninh giàu tài nguyên khoáng sản, đặc biệt là than. Tỉnh cũng có trữ lượng lớn các loại khoáng sản đặc biệt có chất lượng cao như cao lanh, đất sét, cát thủy tinh và đá vôi.
- Các ngành kinh tế chính bao gồm dịch vụ và du lịch với trọng tâm là du lịch biển và hải đảo, công nghiệp và xây dựng với trọng tâm là sản xuất và chế biến như dệt may, chế biến thực phẩm. Mục tiêu trở thành trung tâm du lịch chất lượng cao của Vùng và đầu mối tăng trưởng kinh tế phía Bắc với kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội - kỹ thuật đồng bộ, điều kiện sống được cải thiện.

Điểm yếu

- Kết nối giao thông từ Quảng Ninh đến Hưng Yên còn khá hạn chế, cách nhanh nhất là đi ô tô cá nhân (1,5 – 2 giờ), hoặc nếu di chuyển bằng phương tiện công cộng, phải di chuyển bằng xe khách đến Hà Nội, sau đó đi tàu hỏa về Hà Nam trước khi đi taxi về Hưng Yên.
- Các tàu du lịch hoạt động trong Vịnh Hạ Long xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường. Khai thác, xử lý và vận chuyển than tại địa phương cũng có nguy cơ gây gia tăng ô nhiễm môi trường

Cơ hội

- Quảng Ninh có thể giúp Hưng Yên tiếp cận nhiều hơn với thị trường Trung Quốc và các thị trường khác trong khu vực, đồng thời các ngành công nghiệp hỗ trợ của Hưng Yên có thể thúc đẩy ngành công nghiệp sản xuất và chế biến của Quảng Ninh như ngành dệt may.
- Tỉnh Quảng Ninh sở hữu lợi thế lớn từ việc Vân Đồn được quy hoạch trở thành khu kinh tế biển đa ngành, trung tâm vui chơi giải trí với casino và các dịch vụ, du lịch biển đảo cao cấp. Hơn nữa, Quảng Ninh có kế hoạch phát triển 'nền kinh tế ban đêm' tập trung vào văn hóa và giải trí, dịch vụ ăn uống, dịch vụ mua sắm và dịch vụ du lịch.
- Kết nối giao thông và kinh tế giữa tam giác phát triển Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh với các tỉnh phía Bắc và Trung Quốc sẽ ngày càng được tăng cường; sau khi cao tốc Vân Đồn - Móng Cái hoàn thành sẽ kết nối sân bay Nội Bài (Hà Nội), sân bay Cát Bi (Hải Phòng) và sân bay Vân Đồn (Quảng Ninh).

Thách thức

- Việc khai thác tài nguyên thiên nhiên, phát triển công nghiệp nặng, phát triển ồ ạt bất động sản, du lịch và dịch vụ có thể gia tăng ô nhiễm do và gây tác động xấu lâu dài đến môi trường

Kết luận chính

Quảng Ninh có nền kinh tế phát triển mạnh nhờ vị trí ven biển và có các cảng biển, ngoài ra còn có vị trí địa lý gần với Trung Quốc. Hưng Yên có thể hưởng lợi từ những đặc điểm này bằng cách tăng cường hợp tác với các ngành công nghiệp của Quảng Ninh.

Yếu tố thành công

Hưng Yên cần thiết lập các mối liên kết ngành với các nhà sản xuất hàng hóa ở Quảng Ninh mà Hưng Yên có thể hỗ trợ về các quá trình gia tăng giá trị.

3.3.4. Hải Phòng và Hưng Yên

Tổng quan: Vị trí chiến lược của Hải Phòng như một cửa ngõ ra biển giúp Hưng Yên trở thành trung tâm hậu cần và công nghiệp hỗ trợ của Hải Phòng

Điểm mạnh

- Hải PHòng tiếp giáp 3 tỉnh (Quảng Ninh, Hải Dương, Thái Bình) và biển Đông (đường bờ biển dài 125km) và là cửa ngõ biển chính của miền Bắc.
- Sân bay quốc tế Cát Bi cách trung tâm thành phố 5 km, có chức năng là sân bay dự phòng đầy đủ cho sân bay quốc tế Nội Bài.
- Trung tâm dịch vụ hàng hải và vận tải biển lớn của Việt Nam với 49 cảng biển và các cơ sở logistic phát triển, với điểm nhấn là cảng nước sâu Lạch Huyện.
- Hải Phòng tiếp nhận 50% khối lượng hàng hóa được vận chuyển của Việt Nam qua đường biển và nằm cách Hà Nội 120 km.
- Có sự hiện diện của các chủ đầu tư bất động sản lớn như Vingroup, Sungroup, Him Lam, FLC, Xuân Trường, Flamingo.
- Kết nối giao thông từ Hải Phòng đến Hưng Yên rất thuận tiện thông qua tuyến đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và thành phố nằm xa Hà Nội hơn Hưng Yên và Bắc Ninh.

Điểm yếu

- Quy mô đào tạo nguồn nhân lực logistics còn quá nhỏ: chỉ có một trường đại học đào tạo chuyên ngành logistics và chỉ có một trung tâm đào tạo đào tạo ngắn hạn về logistics.
- Mặc dù có nhiều cơ sở dạy nghề nhưng chất lượng đào tạo chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường, nội dung đào tạo chưa đáp ứng các kỹ năng và kiến thức mà doanh nghiệp yêu cầu.
- Thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa doanh nghiệp với các cơ sở dạy nghề và trung tâm hỗ trợ nghề nghiệp.

Cơ hội

- Các ngành kinh tế chính của Hải Phòng bao gồm dịch vụ hàng hải và vận tải biển, công nghiệp và xây dựng.
- Hải Phòng có thể tận dụng lợi thế có vị trí chiến lược là cửa ngõ biển của miền Bắc với cơ sở hạ tầng giao thông đường biển phát triển hoàn thiện để thúc đẩy kinh tế biển và trở thành trung tâm logistic trọng điểm của miền Bắc Việt Nam. Hưng Yên nhờ đó có thể trở thành trung tâm logistic và công nghiệp hỗ trợ của Hải Phòng.
- Giao thông và kết nối kinh tế của tam giác phát triển Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh với các tỉnh phía Bắc và Trung Quốc sẽ ngày càng được tăng cường, sau khi cao tốc Vân Đồn - Móng Cái hoàn thành sẽ kết nối sân bay Nội Bài (Hà Nội), sân bay Cát Bi (Hải Phòng) và sân bay Vân Đồn (Quảng Ninh).

Thách thức

- Đe doạ hệ sinh thái biển do khai thác quá mức tài nguyên biển mà không có các hoạt động bảo tồn hoặc đổi mới sau đó.

Kết luận chính

Vị trí địa lý là một tỉnh ven biển và cửa ngõ ra biển của thành phố Hải Phòng cho phép Hưng Yên trở thành trung tâm logistics và công nghiệp hỗ trợ của Hải Phòng.

Yếu tố thành công
Kết nối giao thông thông qua đường cao tốc giữa Hưng Yên và Hải Phòng rất thuận lợi. Thành phố Hưng Yên và các huyện ở phía Nam của Hưng Yên, gần Hải Phòng, có thể giúp thiết lập mối liên kết giữa Hưng Yên với các ngành công nghiệp của Hải Phòng.

3.3.5. Vĩnh Phúc và Hưng Yên

Tổng quan: Cùng với sự phát triển của Trung tâm logistics ICD Vĩnh Phúc (SuperPort), Hưng Yên có thể tự định vị mình như một trung tâm dịch vụ và hậu cần nhờ vị trí chiến lược dọc theo các tuyến đường chính kết nối các sân bay và cảng biển của Vùng KTTĐBB.

Điểm mạnh
- Vĩnh Phúc nằm về phía Bắc Hà Nội, cách Sân bay Quốc tế Nội Bài (Hà Nội) khoảng 35km.
- Các ngành kinh tế chính bao gồm công nghiệp và xây dựng (chiếm 65% trong cơ cấu kinh tế của tỉnh), sản xuất và xuất khẩu linh kiện điện tử và các loại hình sản xuất khác.
- Ô tô, xe máy là sản phẩm công nghiệp chủ lực của tỉnh, từ lâu Vĩnh Phúc đã trở thành địa điểm sản xuất ô tô, xe máy lớn nhất của cả khu vực phía Bắc.
- Tính đến cuối tháng 6 năm 2020, Vĩnh Phúc i có 392 dự án FDI với tổng vốn đăng ký 5,57 tỷ đô la Mỹ (theo thống kê của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh). Hàn Quốc là nhà đầu tư lớn vào Vĩnh Phúc (210 dự án), tiếp theo là Nhật Bản, Trung Quốc và Thái Lan.
- Có sự hiện diện của các tập đoàn lớn như Toyota, Honda, Sumitomo từ Nhật Bản, Piaggio từ Ý và De Heus từ Hà Lan.

Điểm yếu
- Lũ lụt đã gây ra thiệt hại đáng kể cho sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống do thiệt hại về cơ sở hạ tầng và gia tăng ô nhiễm ở nông thôn và thành thị.

Cơ hội
- Trung tâm Logistics ICD Vĩnh Phúc, (phối hợp với SGConnect của Singapore), còn được gọi là SuperPort, sẽ là trung tâm hậu cần đa phương thức đầu tiên tích hợp cảng cạn và trung tâm điều hành chuỗi cung ứng tiên tiến . SuperPort sẽ là một nút kết nối chính cho chuỗi cung ứng và thương mại toàn cầu và khu vực giữa Trung Quốc, Việt Nam, các quốc gia ASEAN và các thị trường khu vực và quốc tế khác. Hưng Yên có thể hưởng lợi từ Vĩnh Phúc bằng cách phát triển thành một trung tâm dịch vụ và hậu cần với vị trí chiến lược dọc theo các tuyến đường chính kết nối các sân bay và cảng biển của Vùng KTTĐBB.
- Một trong nhưng vấn đề cấp bách của tỉnh Vĩnh Phúc đã được các công ty công nghiệp Mỹ và Châu Âu đặ ra tạiại hội nghĩ cấp tỉnh diễn ra năm 2019 là nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục và đào tạo để thu hút thêm nhiều đầu tư nước ngoài. Hưng Yên cũng có thể đảm nhận vai trò như một trung tâm đào tạo nâng cao trình độ cho lực lượng lao động của tỉnh Vĩnh Phúc.

Thách thức
- Vĩnh Phúc đang phải đối mặt với nhiều thách thức về môi trường, bao gồm lũ lụt thường xuyên và ô nhiễm nguồn nước, ảnh hưởng đến tài sản của người dân, gây ra các vấn đề vệ

sinh môi trường và ô nhiễm đất nông nghiệp. Thiệt hại do lũ lụt ước tính khoảng 150 triệu đô la Mỹ từ năm 2006 đến 2013, trong đóthiệt hại trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp chiếm 30%. Vào năm 2020, một dự án về quản lý nước và lũ lụt đã được khởi xướng với tổng kinh phí là 220 triệu đô la Mỹ.

Kết luận chính
Nền kinh tế sôi động của Vĩnh Phúc với vai trò là nhà sản xuất ô tô hàng đầu và việc gia tăng vốn FDI đầu tư vào tỉnh từ các công ty quốc tế hàng đầu, có thể mang lại lợi ích cho Hưng Yên với tư cách là một trung tâm kết nối của Vĩnh Phúc SuperPort.

Yếu tố thành công
Thiết lập quan hệ đối tác hợp tác với Trung tâm Logistics ICD Vĩnh Phúc để Hưng Yên được chỉ định là một trung tâm kết nối của SuperPort.

3.3.6. Hải Dương và Hưng Yên

Tổng quan: Hưng Yên có thể định vị như một trung tâm nghiên cứu và phát triển và trung tâm dịch vụ nông nghiệp để hỗ trợ ngành nông nghiệp của Hải Dương với các chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao.

Điểm mạnh
- Hải Dương nằm ở trung tâm tam giác kinh tế trọng điểm phía Bắc là Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, giáp các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Quảng Ninh, Thái Bình, Hưng Yên và thành phố Hải Phòng
- Di chuyển thuận tiện và gần Hưng Yên, mất khoảng 48 phút đi xe ô tô từ Hải Dương đến Hưng Yên.
- Vị trí địa lý thuận lợi kết nối với các cảng biển (Cái Lân, Hải Phòng), sân bay quốc tế (Nội Bài, Cát Bi, Vân Đồn) và các tỉnh và thành phố trong vùng.
- Hải Dương có sáu tuyến quốc lộ chạy qua tỉnh, cũng như hệ thống đường sắt tốt nối tuyến Hà Nội - Hải Phòng với 7 ga phục vụ hành khách và khả năng tiếp cận tốt.
- Giàu tài nguyên thiên nhiên như đá vôi, đất sét, cao lanh và quặng bô xít được sử dụng để sản xuất đá mài và bột mài công nghiệp.

Điểm yếu
- Nguồn lao động dồi dào nhưng chất lượng thấp (tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề thấp). Gặp khó khăn trong việc duy trì lực lượng lao động có tay nghề cao, nhóm nhân lực này thường chuyển đến các tỉnh khác để làm việc.
- Môi trường sống bị ô nhiễm, chất thải rắn và nước thải chưa được xử lý phù hợp.

Cơ hội
- Tổng vốn đầu tư vào nông nghiệp địa phương trị giá hơn 15 nghìn tỷ đồng (khoảng658,5 triệu đô la Mỹ), tập trung vào lĩnh vực chế biến nông sản, thức ăn chăn nuôi và liên kết sản xuất. Hưng Yên có thể hỗ trợ sáng kiến này của Hải Dương với vai trò là một trung tâm nghiên cứu và phát triển chuyên về nghiên cứu và thử nghiệm giống cây trồng cũng như trung tâm dịch vụ ngành nông nghiệp (ví dụ: chế biến sâu, chuyên môn hóa sản phẩm, logistics)

- Tiềm năng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ để nâng cao sức cạnh tranh của nông sản và thúc đẩy xuất khẩu nông sản của Hải Dương sang các nước.
- Để khuyến khích các nhà đầu tư xây dựng phương thức sản xuất nông nghiệp hiện đại, sử dụng công nghệ tiên tiến và phát triển các sản phẩm chất lượng cao, có sức cạnh tranh, chính quyền tỉnh đã có chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao, bảo quản sau thu hoạch, xây dựng cơ sở giết mổ và phát triển chuỗi sản xuất.
- Cơ hội phát triển khu đô thị xanh, khu nghỉ dưỡng sinh thái.

Thách thức
- Khi năng lực cạnh tranh của các tỉnh lân cận tăng lên, có khả năng các doanh nghiệp FDI sẽ chọn đầu tư vào các tỉnh khác thay vì Hải Dương, do hạn chế của tỉnh về chất lượng nguồn nhân lực và môi trường ô nhiễm.

Kết luận chính
Với trọng tâm phát triển nông nghiệp và thúc đẩy sử dụng các công nghệ canh tác hiện đại, nhu cầu nghiên cứu và thử nghiệm cây trồng của tỉnh Hải Dương ngày càng tăng. Hưng Yên có thể hỗ trợ sáng kiến này bằng cách định vị trở thành trung tâm nghiên cứu và phát triển phục vụ cho ngành nông nghiệp của Hải Dương.

Yếu tố thành công
Hình thành mối liên kết chặt chẽ giữa trung tâm giáo dục, đào tạo và doanh nghiệp, cũng như thu hút các tập đoàn quốc tế đặt cơ sở nghiên cứu và phát triển tại Hưng Yên.

3.3.7. Hà Nam và Hưng Yên

Tổng quan: Hưng Yên có thể hỗ trợ Hà Nam như một trung tâm đào tạo ngành khách sạn – dịch vụ - du lịch phù hợp với kế hoạch phát triển ngành du lịch của tỉnh Hà Nam.

Điểm mạnh
- Hà Nam là cửa ngõ của vùng đồng bằng sông Hồng và nằm trên trên trục giao thông Bắc Nam với hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, và đường thủy thuận tiện. Hà Nam có cầu Yên Lệnh dài 2,2km bắc qua sông Hồng trên Quốc lộ 38 đi tỉnh Hưng Yên. Đây lợi thế lớn để Hà Nam thúc đẩy giao lưu, hợp tác với các tỉnh Đông Bắc Bộ và cảng biển Hải Phòng.
- Hà Nam sở hữu tuyến đường sắt nối Hà Nam và Hà Nội, ga Hà Nam là ga gần Hưng Yên nhất.
- Chính quyền tỉnh Hà Nam ngày càng có nhiều ưu đãi trong xúc tiến đầu tư đã thu hút các nhà đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, thương mại - dịch vụ - du lịch.

Điểm yếu
- Hà Nam là tỉnh có diện tích nhỏ thứ hai cả nước.
- Nhà ở phục vụ người lao động của khu công nghiệp chưa được phát triển đầy đủ để thu hút người lao động từ các tỉnh khác đến làm việc và định cư, ảnh hưởng đến mục tiêu tăng dân số và lực lượng lao động của Hà Nam, khiến cho tỉnh trở nên kém hấp dẫn đối với các doanh nghiệp đầu tư và kinh doanh.

- Chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh

Cơ hội

- Tiềm năng phát triển du lịch văn hóa, vì Hà Nam là nơi lưu giữ một số nền văn hóa lâu đời, các di tích, nghệ thuật dân gian truyền thống được bảo tồn tốt và nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể vô giá. Toàn tỉnh có hơn 40 làng nghề nổi tiếng về lụa, dệt, thêu, làm trống và mộc.
- Theo quy hoạch tổng thể phát triển du lịch của tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Hà Nam mong muốn đưa du lịch trở thành lĩnh vực mũi nhọn của tỉnh. Hưng Yên có thể trở thành trung tâm đào tạo nhân lực ngành khách sạn – dịch vụ - du lịch để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành du lịch của Hà Nam.

Thách thức

- Tình trạng ô nhiễm môi trường (khu vực phía Tây sông Đáy; nước thải từ các khu, cụm công nghiệp; nước sông Nhuệ - sông Đáy) vẫn chưa được giải quyết và có thể ảnh hưởng tiêu cực lâu dài đến kinh tế - xã hội của tỉnh.
- Do vị trí hợp lưu của một số con sông ở đồng bằng sông Hồng và do tốc độ đô thị hóa nhanh chóng ở các vùng đất thấp và hệ thống thoát nước kém hiệu quả, Phủ Lý thường xuyên phải đối mặt với lũ lụt và các vấn đề về chất lượng nước gây ảnh hưởng cho các khu dân cư, vấn đề vệ sinh và đất nông nghiệp.

Kết luận chính

Kế hoạch của Hà Nam trong việc thúc đẩy du lịch trở thành lĩnh vực mũi nhọn sẽ đòi hỏi nguồn nhân lực chất lượng cao, mà lực lượng này hiện đang thiếu. Hưng Yên có thể hỗ trợ sáng kiến này bằng cách thành lập một trung tâm đào tạo ngành khách sạn – dịch vụ - du lịch để cung cấp nhân lực cho ngành du lịch của Hà Nam, cũng như các tỉnh khác.

Yếu tố thành công

Thiết lập mạng lưới với các chuỗi khách sạn nổi tiếng sẽ giúp nâng cao uy tín cho các chương trình đào tạo ngành của Hưng Yên.

3.3.8. Thái Bình và Hưng Yên

Tổng quan: Ngành nông nghiệp đang phát triển của Thái Bình có thể tận dụng sự hỗ trợ của tỉnh Hưng Yên với vai trò là một trung tâm dịch vụ và hậu cần để thúc đẩy thương mại.

Điểm mạnh

- Thái Bình nằm về phía Nam và tiếp giáp trực tiếp với Hưng Yên.
- Thái Bình là tỉnh đứng đầu về sản xuất lúa gạo. Sản xuất nông nghiệp tập trung vào các loại cây có giá trị kinh tế cao như bí đỏ, dưa chuột, dưa lê, cà chua, ớt, ngô ngọt, cây dược liệu, cây ăn quả.
- Nuôi ngao thành công là một trong những điểm đột phá trong phát triển kinh tế nông nghiệp của tỉnh. Thái Bình là một trong những địa phương có sản lượng ngao cao lớn nhất cả nước, đồng thời đây cũng là mặt hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh.
- Hoạt động khai thác thủy sản chuyển mạnh từ khai thác ven bờ sang khai thác tầm trung và xa bờ. Kỹ thuật đánh bắt hiện đại đã mở rộng ngư trường, nâng cao sản lượng, chất lượng

và hiệu quả sản xuất kinh doanh đồng thời góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền vùng biển.

Điểm yếu

- Việc phát triển các ngành công nghiệp có giá trị gia cao, ứng dụng công nghệ cao và ngành công nghiệp hỗ trợ còn hạn chế. Thái Bình chưa thu hút được nhiều dự án sản xuất công nghiệp quy mô lớn. Hầu hết các cơ sở sản xuất công nghiệp của tỉnh có quy mô vừa và nhỏ, chủ yếu là gia công, chế tạo các sản phẩm thông thường.
- Khu vực dịch vụ phát triển chậm. Lĩnh vực du lịch vẫn chưa trở thành lợi thế của tỉnh.
- Công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao còn nhiều hạn chế.

Cơ hội

- Thái Bình có kế hoạch phát triển nông nghiệp bền vững ứng dụng khoa học công nghệ; cùng các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP để sản xuất nông sản hữu cơ, an toàn, chất lượng cao. Bên cạnh đó, tỉnh cũng có mục tiêu thu hút đầu tư xây dựng các vùng chuyên canh, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.
- Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử và đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường mới, trên cơ sở tận dụng cơ chế ưu đãi của các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

Thách thức

- Tình trạng ô nhiễm môi trường chưa được giải quyết tại một số khu vực tại địa phương, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và làng nghề, nếu tiếp tục không được xử lý sẽ đe dọa sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.
- Nhiều khu, cụm công nghiệp chưa được trang bị đầy đủ về hạ tầng kỹ thuật (thiếu hệ thống xử lý nước thải tập trung, các lò đốt ở nông thôn đã xuống cấp) có thể cản trở việc thu hút đầu tư trong tương lai.

Kết luận chính

Hưng Yên có thể hỗ trợ các kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp của Thái Bình với vai trò như một trung tâm dịch vụ và hậu cần, tạo điều kiện kết nối chuỗi cung ứng và thúc đẩy thương mại trong nước và quốc tế.

Yếu tố thành công

Hưng Yên sẽ cần thiết lập các liên kết chuỗi cung ứng phục vụ cho các sản phẩm nông nghiệp như kho lạnh, vận chuyển và phân phối.

3.3.9. Nam Định và Hưng Yên

Tổng quan: Cơ sở hạ tầng giao thông vận tải của Nam Định có thể giúp các ngành công nghiệp của Hưng Yên gia tăng các hoạt động thương mại và cải thiện kết nối tổng thể.

Điểm mạnh

- Nam Định là trung tâm của khu vực phía Nam vùng đồng bằng sông Hồng, có ảnh hưởng kinh tế đối với tam giác phát triển Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và Vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ.

- Nam Định có vị trí thuận lợi kết nối với thủ đô Hà Nội, các trung tâm kinh tế và các tỉnh lân cận, gần các sân bay, cảng biển lớn.
- Lực lượng lao động trẻ, số người trong độ tuổi lao động khoảng một triệu người (chiếm 60% tổng dân số)- trong đó lao động có tay nghề, trình độ cao chiếm tỷ trọng lớn.
- Dẫn đầu cả nước về giáo dục và đào tạo trong nhiều năm. Tỉnh có 4 trường đại học, 7 trường cao đẳng và nhiều trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, hàng năm đào tạo hàng nghìn kỹ sư, kỹ thuật viên đáp ứng nhu cầu tuyển dụng lao động của các nhà đầu tư.
- Cơ sở hạ tầng giao thông phát triển tốt với đường cao tốc, đường thủy, đường sắt với 6 ga đi xuyên tỉnh.
- Hạ tầng tiện ích, viễn thông tốt, các khu công nghiệp đều có hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và xử lý chất thải rắn, và nhà ở cho công nhân.

Điểm yếu

- Hầu hết các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh là doanh nghiệp vừa và nhỏ, giá trị và quy mô sản xuất thấp.
- Nam Định chưa ứng dụng được nhiều tiến bộ kỹ thuật để phát triển và thu hút các dự án đầu tư có vốn lớn và công nghệ cao để sản xuất các sản phẩm chủ lực có giá trị gia tăng cao, đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

Cơ hội

- Chính phủ đã phê duyệt đầu tư phát triển các tuyến đường bộ nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội với tuyến trục nối đường cao tốc Bắc - Nam đến khu kinh tế biển (đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh, tuyến đường bộ ven biển).
- Cảng biển Thịnh Long có công suất xếp dỡ hàng hóa 300.000 tấn / năm sẽ được nâng cấp thành cảng biển thương mại tổng hợp với công suất 4,5 triệu tấn / năm
- Hưng Yên sẽ có thể tận dụng kết nối giao thông với Nam Định để tăng hoạt động thương mại.

Thách thức

- Vi phạm trong quản lý đất đai và xây dựng, cùng với quy trình quản lý hành chính chậm có thể cản trở hoạt động đầu tư trong tương lai, đặc biệt là từ các tập đoàn lớn tìm kiếm các quy trình minh bạch và hiệu quả.

Kết luận chính

Hưng Yên có thể tận dụng cơ sở hạ tầng giao thông vận tải của Nam Định và cảng biển Thịnh Long để cải thiện các ngành công nghiệp phụ trợ như cung cấp nguyên liệu cho các khu công nghiệp ở miền Nam và miền Trung Việt Nam.

Yếu tố thành công

Thiết lập quan hệ đối tác hợp tác với Nam Định để thúc đẩy chuỗi cung ứng và các hoạt động thương mại cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ tại Hưng Yên.

3.3.10. Ninh Bình và Hưng Yên

Tổng quan: Hưng Yên có thể hỗ trợ Ninh Bình với vai trò là trung tâm đào tạo, nâng cao trình độ lao động ngành khách sạn – dịch vụ - du lịch về kỹ năng kỹ thuật số và công nghệ thông tin để phù hợp với việc phát triển ngành du lịch thông minh tại Ninh Bình.

Điểm mạnh

- Hội tụ nhiều danh lam thắng cảnh như cố đô Hoa Lư, vườn quốc gia Cúc Phương, khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long. Quần thể danh thắng Tràng An đã được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới.
- Gần tam giác phát triển Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, đây là khu vực có lượng khách du lịch ổn định. Năm 2019, toàn tỉnh đón khoảng 7.650.000 lượt khách, trong đó khách quốc tế chiếm 12%.
- Nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, chẳng hạn như đá vôi và gỗ, được sử dụng làm vật liệu xây dựng và hóa chất. Nước khoáng Ninh Bình có hàm lượng magie cao, có thể dùng làm nước giải khát và bào chế thuốc.

Điểm yếu

- Thiếu lực lượng lao động được đào tạo về nghiệp vụ khách sạn – dich vụ - du lịch, các khu du lịch thiếu hướng dẫn viên chuyên nghiệp.
- Chính sách phát triển du lịch chưa thu hút được các nhà đầu tư lớn để tạo ra các sản phẩm du lịch mới, hấp dẫn, chất lượng cao trong khi các tỉnh có trọng tâm du lịch có cùng di sản thiên nhiên như Quảng Ninh (Vịnh Hạ Long), Quảng Bình (Động Phong Nha) ngày càng tăng cường năng lực cạnh tranh.

Cơ hội

- Cùng với việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số từ năm 2021 đến năm 2025, Sở Du lịch Ninh Bình (“Sở Du lịch”) đã phát triển cổng thông tin du lịch thông minh và ứng dụng di động dành cho khách du lịch. Tỉnh cũng đã số hóa dữ liệu du lịch kết nối với các ngành khác và xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê du lịch. Cổng thông tin du lịch thông minh sẽ giúp người dùng tra cứu các thông tin liên quan đến lưu trú, ẩm thực, địa điểm du lịch, cửa hàng, giải trí, đi lại và sự kiện. Dịch vụ wi-fi miễn phí cũng được cung cấp tại các điểm du lịch. Theo Sở Du lịch tỉnh Ninh Bình, hơn 200 cơ sở lưu trú, dịch vụ, khách sạn và nhà hàng đang tham gia vào cổng thông tin. Hưng Yên có thể hỗ trợ sáng kiến này với vai trò là trung tâm đào tạo ngành du lịch – dịch vụ - khách sạn để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và có kỹ năng về kỹ thuật số cho ngành du lịch của Ninh Bình.

Thách thức

- Vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm còn nhiều hạn chế, đe dọa sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh
- Khả năng bảo tồn các khu di sản còn thấp, đe dọa đến các di tích lịch sử và tác động xấu đến du lịch.

Kết luận chính

Ninh Bình có thể hưởng lợi từ sự hỗ trợ của Hưng Yên với vai trò là một trung tâm đào tạo cho ngành du lịch – dịch vụ - khách sạn, giúp nâng cao kỹ năng nhân lực và cải thiện năng lực quản lý du lịch của Ninh Bình.

Yếu tố thành công

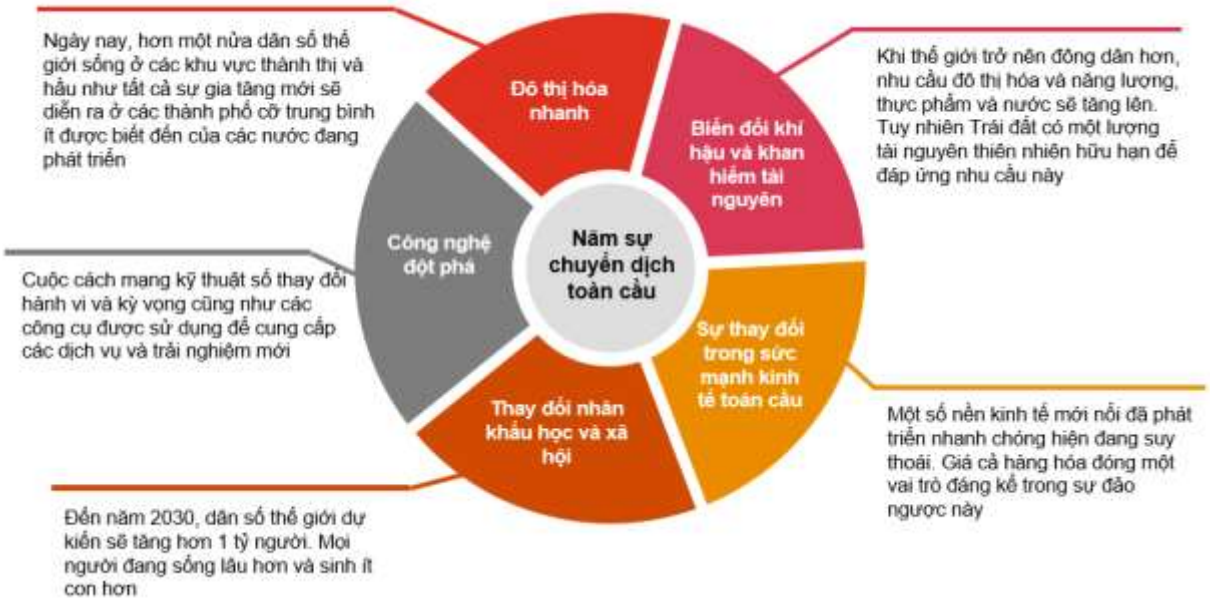
Các chương trình đào tạo nhân lực ngành du lịch – dịch vụ - khách sạn tại Hưng Yên nên bao gồm các kỹ năng kỹ thuật số, đặc biệt là kỹ năng vận hành các ứng dụng du lịch thông minh để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về nhân lực có tay

Chương 4: Bối cảnh trong nước và quốc tế, đánh giá các điều kiện của thị trường để xác định các cụm ngành của tỉnh Hưng Yên đến năm 2050

4.1. Các xu hướng chính ở Việt Nam và nước ngoài

5 sự thay đổi toàn cầu đang định hình lại thế giới chúng ta đang sống và có tác động sâu sắc đến các thành phố và cảnh quan đô thị. Bao gồm đô thị hóa nhanh, công nghệ đột phá, thay đổi nhân khẩu học và xã hội, sự thay đổi trong sức mạnh kinh tế toàn cầu, biến đổi khí hậu và khan hiếm tài nguyên

Hình 44: Năm sự thay đổi toàn cầu đang định hình lại thế giới chúng ta đang sống



Những gì đã từng hoạt động tốt trong quá khứ có thể sẽ không còn hoạt động tốt trong tương lai do những tác động tiềm tàng mà những chuyển dịch toàn cầu này [35] có thể có đối với sự phát triển của Hưng Yên, đặc biệt là tác động của những thay đổi và áp dụng các cách thức làm việc mới được đẩy nhanh bởi tác động của đại dịch COVID và sự thích ứng mà chính phủ và doanh nghiệp đã thực hiện do những hạn chế về mặt di chuyển dẫn đến việc áp dụng nhanh chóng

[35] Nguồn: PwC Megatrends

truyền thông kỹ thuật số, xử lý dữ liệu dựa trên điện toán đám mây và các cuộc họp trực tuyến. Châu Á và các thị trường mới nổi khác sẽ thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư quốc tế. Sự phát triển tiềm năng của các thành phố lớn, các hành lang lớn, các thành phố kết nối cùng với sự đổi mới sáng tạo và thay đổi của công nghệ đang diễn ra nhanh hơn bao giờ hết, sẽ thay đổi cách chúng ta sống, vui chơi và làm việc.

Một số ngành nhất định sẽ được hưởng lợi và thậm chí phát triển mạnh do biến đổi khí hậu như năng lượng tái tạo, công nghệ sinh học, xây dựng, v.v. Những thay đổi về nhân khẩu học như các chuẩn mực và hành vi xã hội sẽ xác định cách chúng ta tương tác (các nền tảng xã hội), tìm những công việc có lợi (ví dụ đảo ngược việc chảy máu chất xám) và nhu cầu ưu tiên (ví dụ: tìm kiếm sự trải nghiệm).

Dựa trên báo cáo Tương lai nền kinh tế số Việt Nam, hướng tới năm 2030 và 2045, Bộ Khoa học và Công nghệ Việt Nam cùng với các chuyên gia tư vấn đã xác định được bảy xu hướng lớn có khả năng thúc đẩy kinh tế số trong tương lai của Việt Nam đến năm 2045. Bảy xu hướng lớn cùng với các tác động chính được chi tiết hóa trong hình dưới đây:

Hình 45: Bảy siêu xu hướng và tác động của chúng



4.2. Các ngành trong tương lai

4.2.1. Sự chuyển dịch giữa các ngành

Một làn sóng cách mạng công nghiệp mới đang định hình lại nền tảng của nhiều ngành nghề[36]:

Từ ô tô đến các giải pháp di chuyển
Các công ty ô tô đang hướng tới một tương lai nơi họ không còn bán ô tô nữa mà sẽ tiến hành thiết lập và cá nhân hóa việc di chuyển "theo yêu cầu". Các nhà sản xuất ô tô đã và đang đầu tư rất nhiều vào các dịch vụ kết nối, dịch vụ chia sẻ chuyến đi và các dịch vụ vận tải khác, bao gồm các thương vụ đầu tư của Toyota vào Uber, VW vào Gett và GM vào Lyft. Xe hơi đang trở thành

[36] Nguồn: PwC: báo cáo tương lai của các ngành

một môi trường công nghệ phong phú khi thế giới trực tuyến xuất hiện trên các bảng điều khiển và xe hơi ngày càng trở nên kết nối hơn. Trải nghiệm trong xe được kỳ vọng sẽ phong phú về tính kết nối và nội dung giải trí như trải nghiệm tại nhà.

Từ công nghệ đến chăm sóc sức khỏe và nghiên cứu phát triển dược phẩm
Các thiết bị gia dụng đang phát triển theo cách có thể cung cấp cho các nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe và các công ty dược phẩm dữ liệu chi tiết và phong phú hơn. Hơn nữa, sự liên kết giữa y tế và bán lẻ đang trở nên mạnh mẽ hơn khi ranh giới giữa nhà cung cấp, nhà sản xuất, người tiêu dùng và trong một số trường hợp, giữa toàn bộ ngành công nghiệp đang thay đổi. Bằng chứng là người tiêu dung tin tưởng vào các kênh cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe phi truyền thống ngày càng nhiều hơn.

Từ điện đến nhà thông minh và cơ sở hạ tầng thành phố thông minh
Các hệ thống tích hợp và tự động có tiềm năng kết hợp quản lý năng lượng, đáp ứng nhu cầu năng lượng, quản lý và giám sát tình trạng tài sản, sử dụng tài nguyên thành phố, v.v. Nếu xe điện trở thành tiêu chuẩn trong tương lai, điều này sẽ tạo ra nhu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng đáng kể. Các mạng lưới tiện ích địa phương sẽ có khả năng phải đối mặt với sự căng thẳng lớn nếu không được nâng cấp và mở rộng một cách có hệ thống theo từng giai đoạn.

Từ sản xuất sản phẩm đến dịch vụ gia tăng giá trị và nền tảng internet công nghiệp
Các công ty sản xuất hiện có thể thêm các cảm biến cho phép dự đoán việc bảo trì và tạo thêm các giá trị bằng cách cung cấp các dịch vụ giám sát, bảo trì và đổi mới. Nhu cầu xây dựng và phát triển các hệ sinh thái nền tảng cho phép các nhà cung cấp và khách hàng tương tác liền mạch ngày càng tăng. Bất kỳ ai sở hữu nền tảng này sẽ sở hữu khách hàng và quyền truy cập vào khách hàng, cho phép kiểm soát thị trường tốt hơn.

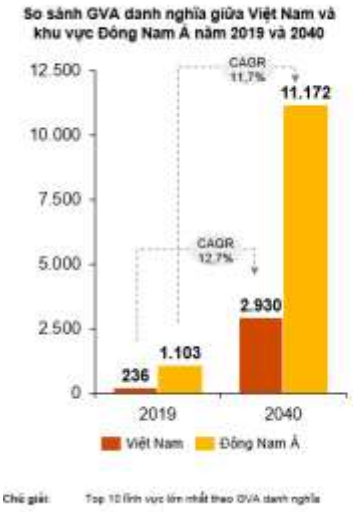
Đây là những công nghệ chính tạo nên làn sóng thay đổi của tương lai:



Biểu đồ và bảng sau đây cho thấy tổng giá trị gia tăng (GVA) danh nghĩa theo từng ngành [37] ở Việt Nam và khu vực Đông Nam Á trong năm 2019 và 2040. 10 lĩnh vực lớn nhất nhìn chung vẫn giữ nguyên vị trí, ngoại trừ khai thác mỏ và khai thác đá được thay thế bằng dịch vụ lưu trú và ăn uống. Ngành sản xuất dự kiến vẫn sẽ duy trì vị trí là ngành đóng góp lớn nhất cho nền kinh tế. Việt Nam được kỳ vọng sẽ có mức tăng trưởng tổng thể mạnh hơn (12,7% CAGR) so các nước ở khu vực Đông Nam Á (11,7% CAGR) trong giai đoạn 2019-2040.

[37] Nguồn: Phân tích của PwC, IHS Markit

Hình 46: So sánh GVA danh nghĩa giữa Việt Nam và khu vực ĐNA năm 2019 và 2040, cơ cấu GVA theo ngành (tỷ USD)



Cơ cấu GVA danh nghĩa theo ngành (tỷ USD)	Việt Nam					Đông Nam Á		
	2019	% of ĐNA	2040	% of ĐNA	CAGR (%)	2019	2040	CAGR (%)
Sản xuất	43,17 1	7%	209,06 1	10%	8%	627,78	2.186,85	6%
Bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô và xe máy	29,24 3	6%	113,29 2	7%	7%	455,04	1.542,55	6%
Hoạt động tài chính và bảo hiểm	13,94 6	7%	103,81 3	9%	10%	204,58	1.201,57	9%
Nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp	36,56 2	13%	94,74 4	11%	5%	280,48	847,80	5%
Xây dựng	15,56 5	7%	94,42 5	10%	9%	209,14	936,26	7%
Cung cấp điện, khí đốt, hơi nước và điều hòa không khí	12,65 7	22%	92,15 6	27%	10%	58,27	339,36	9%
Hành chính công và Quốc phòng, các dịch vụ khác (O, S, T, U)	12,95 8	7%	62,20 7	8%	8%	185,16	825,77	7%
Giáo dục	10,01 10	11%	55,95 8	13%	9%	91,28	424,34	8%
Hoạt động bất động sản	11,81 9	7%	53,36 9	9%	7%	156,89	617,17	7%
Hoạt động dịch vụ ăn uống và lưu trú	9,5	10%	51,36 10	13%	8%	98,38	402,76	7%
Khai thác mỏ và khai thác đá	17,61 4	12%	48,18	14%	5%	146,50	339,71	4%
Vận chuyển và lưu trữ	7,27	5%	37,11	7%	8%	158,02	539,50	6%
Sức khỏe con người và Hoạt động Công tác Xã hội	7,26	15%	41,89	19%	9%	47,37	214,94	7%
Hoạt động chuyên môn, khoa học và kỹ thuật	3,25	6%	17,61	7%	8%	56,56	241,85	7%
Thông tin và Truyền thông	1,77	2%	6,53	2%	6%	103,02	320,09	6%
Nghệ thuật, Giải trí	1,53	16%	9%	26%	9%	9,29	35,17	7%
Hoạt động cấp thoát nước, quản lý chất thải và xử lý ô nhiễm	1,35	13%	9%	18%	9%	10,38	45,77	7%
Hoạt động Dịch vụ Hành chính và Hỗ trợ	0,97	3%	7%	3%	7%	30,44	110,50	6%

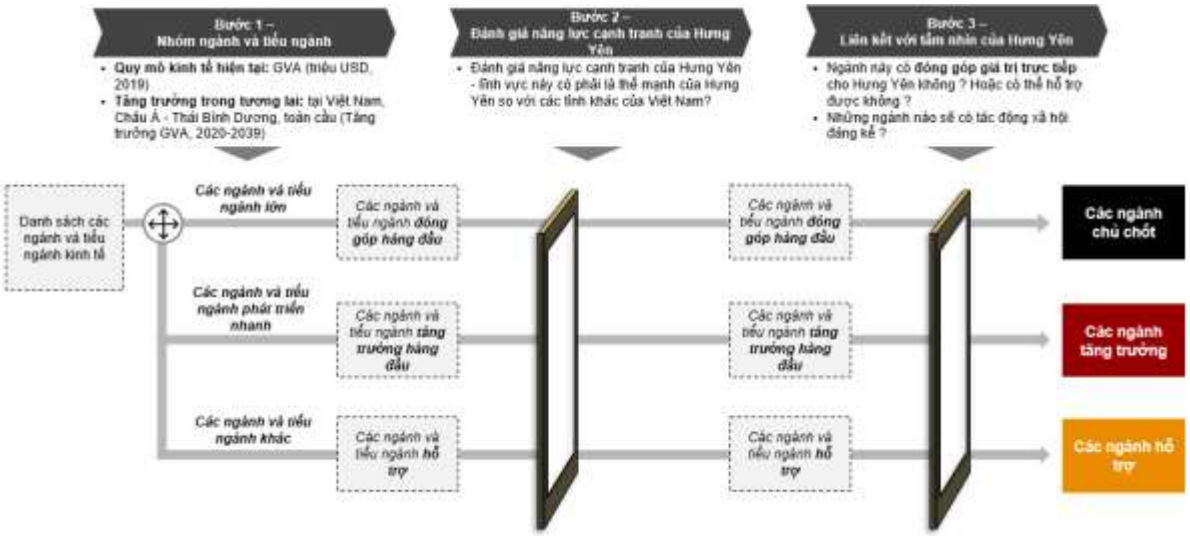
4.2.2. Cách tiếp cận của chúng tôi về lựa chọn ngành cho Hưng Yên

Ở bước đầu tiên, chúng tôi nhóm các ngành và tiểu ngành thành ba loại chính: các ngành và tiểu ngành lớn đóng góp nhiều nhất; các ngành và tiểu ngành tăng trưởng nhanh một cách đột biến nhất; và tất cả các ngành và tiểu ngành hỗ trợ khác. Việc nhóm này được thực hiện bằng cách sử dụng dữ liệu[38] cho biết quy mô kinh tế hiện tại (GVA, triệu đô la Mỹ, 2019) và tăng trưởng trong tương lai ở Việt Nam, Châu Á Thái Bình Dương và toàn cầu (tăng trưởng GVA, 2020-2039). Sau đó, chúng tôi đánh giá năng lực cạnh tranh của Hưng Yên bằng cách đánh giá xem ngành này có thể là thế mạnh của Hưng Yên so với các tỉnh khác ở Việt Nam hay không. Cuối cùng, chúng tôi xem xét các lĩnh vực phù hợp với tầm nhìn của Hưng Yên[39]bằng cách xác định xem lĩnh vực đó sẽ có giá trị trực tiếp hay là ngành hỗ trợ cho sự phát triển của Hưng Yên không và liệu lĩnh vực đó có tạo ra tác động xã hội đáng kể hay không:

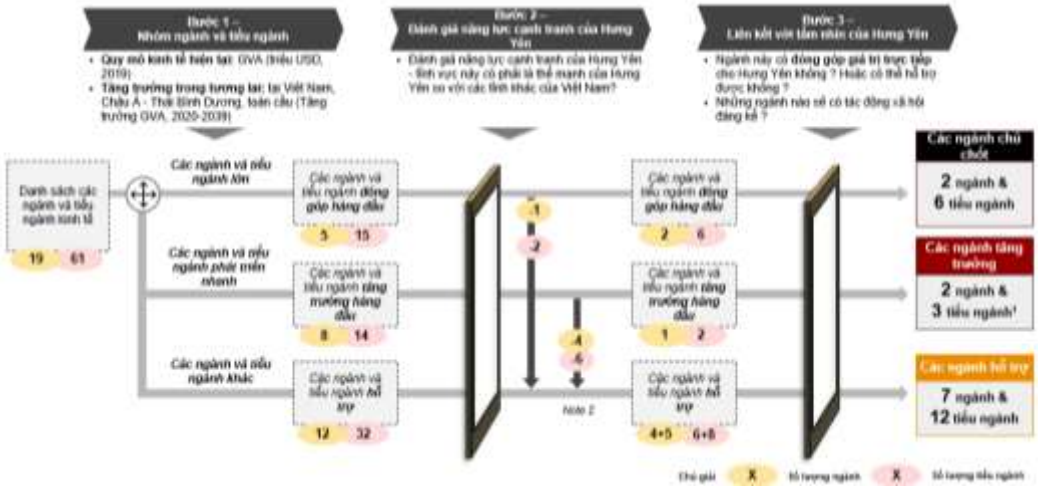
[38] Nguồn: IHS Markit, Phân tích của PwC

[39] Các ngành dựa trên Quyết định của Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp vùng Đồng bằng sông Hồng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035, cũng như các ngành tiềm năng mới được xác định là chiến lược của Hưng Yên trong tương lai

Hình 47: Phương pháp tiếp cận các ngành kinh tế ưu tiên để xác định và phân loại các ngành chính



Hình 48: Sơ đồ số lượng các tiểu ngành theo phương pháp ưu tiên khu vực kinh tế



Lưu ý:
(1) Tất cả bốn phân ngành tăng trưởng đều thuộc ngành sản xuất, đã được đưa vào các ngành chủ chốt
(2) Các ngành chủ chốt và các ngành tăng trưởng được chuyển sang các ngành hỗ trợ; tham khảo chi tiết ở trang sau

Bảng 16: Đánh giá chi tiết các tiểu ngành kinh tế dựa trên phương pháp ưu tiên khu vực kinh tế[40]

Chú giải: Tiểu ngành đóng góp nhiều nhất ☆ Tiểu ngành tăng trưởng nhanh nhất ✓ Đáp ứng các tiêu chí – Chưa đáp ứng các tiêu chí

#	Ngành	Tiểu ngành	Bước 1: Nhóm theo ISIC-1	Bước 2: Đánh giá năng lực cạnh tranh của Hưng Yên	Bước 3: Liên kết với tầm nhìn của Hưng Yên
1	Sản xuất	Sản xuất sản phẩm máy tính, điện tử và quang học		✓	✓
2		Sản xuất các sản phẩm khoáng phi kim loại khác		–	✓
3		Sản xuất các sản phẩm từ cao su và nhựa		✓	✓
4		Sản xuất các sản phẩm thực phẩm		✓	✓
5		Sản xuất quần áo		✓	✓
6		Sản xuất da và các sản phẩm liên quan		–?	✓
7		Sản xuất các sản phẩm kim loại chế tạo, ngoại trừ máy móc và thiết bị		✓	✓
8		Sản xuất kim loại cơ bản		–	✓
9	Bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô và xe máy	Bán lẻ, trừ xe cơ giới và xe gắn máy		–	✓
10		Bán buôn, trừ xe cơ giới và xe gắn máy		–	✓
11		Bán buôn, bán lẻ và sửa chữa xe cơ giới và xe gắn máy		–	✓
12	Khai thác mỏ và khai thác đá	Khai thác dầu thô và khí tự nhiên		–	✓
13	Hoạt động tài chính và bảo hiểm	Bảo hiểm, tái bảo hiểm và quỹ hưu trí, trừ bảo hiểm xã hội bắt buộc		Chuyển qua ngành hỗ trợ	Chuyển qua ngành hỗ trợ
14		Dịch vụ tài chính, ngoại trừ bảo hiểm và quỹ hưu trí		Chuyển qua ngành hỗ trợ	Chuyển qua ngành hỗ trợ
15	Nông, lâm, ngư nghiệp	-		✓	✓
16	Vận chuyển và lưu trữ	Vận tải đường bộ và vận chuyển qua đường ống	☆	Chuyển qua ngành hỗ trợ	Chuyển qua ngành hỗ trợ
17		Hoạt động bưu chính và chuyển phát nhanh	☆	Chuyển qua ngành hỗ trợ	Chuyển qua ngành hỗ trợ
18	Hoạt động cấp thoát nước, quản lý chất thải và xử lý ô nhiễm	Thoát nước, xử lý chất thải và ô nhiễm	☆	Chuyển qua ngành hỗ trợ	Chuyển qua ngành hỗ trợ
19		Thu gom, xử lý và cung cấp nước	☆	Chuyển qua ngành hỗ trợ	Chuyển qua ngành hỗ trợ
20	Hoạt động tài chính và bảo hiểm	Các hoạt động phụ trợ cho dịch vụ tài chính và hoạt động bảo hiểm	☆	Chuyển qua ngành hỗ trợ	Chuyển qua ngành hỗ trợ
21	Nghệ thuật và giải trí	Hoạt động thể thao và hoạt động vui chơi và giải trí	☆	–	✓
22	Thông tin và truyền thông	Nghe nhìn và Phát thanh	☆	–	–
23	Sản xuất	Sản xuất các sản phẩm thuốc lá	☆	–	–
24		Sản xuất hàng dệt may	☆	✓	✓
25		Sản xuất thiết bị điện	☆	✓	✓
26		Sản xuất các sản phẩm dược phẩm cơ bản và các chế phẩm dược phẩm	☆	–	–
27		Sửa chữa và lắp đặt máy móc thiết bị	☆	–	–
28	Cung cấp điện, khí đốt, hơi nước và điều hòa không khí	-	☆	Chuyển qua ngành hỗ trợ	Chuyển qua ngành hỗ trợ
29	Dịch vụ ăn uống và lưu trú	-	☆	–	–
30	Thông tin và truyền thông	Viễn thông	Khác	Ngành hỗ trợ	Ngành hỗ trợ
31		Dịch vụ công nghệ thông tin	Khác	Ngành hỗ trợ	Ngành hỗ trợ
32	Nghệ thuật và giải trí	Nghệ thuật, giải trí và văn hóa	Khác	Ngành hỗ trợ	Ngành hỗ trợ
33	Dịch vụ chuyên nghiệp, khoa học và kỹ thuật	Pháp lý, Kế toán, Tư vấn	Khác	Ngành hỗ trợ	Ngành hỗ trợ
34	Dịch vụ hành chính và hỗ trợ	Hoạt động cho thuê	Khác	Ngành hỗ trợ	Ngành hỗ trợ
35		Đại lý du lịch, điều hành tour du lịch, dịch vụ đặt chỗ và các hoạt động liên quan	Khác	Ngành hỗ trợ	Ngành hỗ trợ
36	Dịch vụ chuyên nghiệp, khoa học và kỹ thuật	Nghiên cứu và phát triển khoa học	Khác	–	✓
37		Hoạt động kiến trúc và xây dựng, kiểm tra và phân tích kỹ thuật	Khác	–	✓
38		Dịch vụ chuyên nghiệp, khoa học, thú y	Khác	–	–
39		Quảng cáo và nghiên cứu thị trường	Khác	–	–
40	Dịch vụ hành chính và hỗ trợ	An ninh, tòa nhà, việc làm	Khác	–	✓
41	Khai thác mỏ và khai thác đá	Khai thác than đá và than lignite	Khác	–	–
42		Khai thác kim loại và đá	Khác	–	–
43	Vận chuyển và lưu trữ	Vận chuyển đường thủy	Khác	–	✓
44		Hoạt động kho bãi và hỗ trợ vận chuyển	Khác	–	✓
45		Vận chuyển đường hàng không	Khác	–	–
46	Thông tin và truyền thông	Hoạt động xuất bản	Khác	–	–

[40] Nguồn: Phân tích của PwC, IHS Markit

47	Sản xuất	Sản xuất nội thất	Khác	–	–
48		Sản xuất xe cơ giới, rơ moóc và bán rơ moóc	Khác	–	–
49		Sản xuất thiết bị vận tải khác	Khác	–	✓
50		Sản xuất than cốc và các sản phẩm dầu mỏ tinh luyện	Khác	–	–
51		Sản xuất đồ uống	Khác	–	✓
52		Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy	Khác	–	–
53		Sản xuất gỗ và các sản phẩm từ gỗ và nút chai, ngoại trừ đồ nội thất, sản xuất các sản phẩm bằng rơm và vật liệu tết bện	Khác	–	–
54		Sản xuất khác	Khác	–	✓
55		Sản xuất máy móc và thiết bị chưa được phân loại khác	Khác	–	✓
56		In và sao chép các phương tiện truyền thông được thu âm	Khác	–	–
57	Quản trị công và quốc phòng. Các dịch vụ khác	-	Khác	–	✓
58	Hoạt động bất động sản	-	Khác	–	✓
59	Giáo dục	-	Khác	–	✓
60	Sức khỏe con người và hoạt động công tác xã hội	-	Khác	–	–
61	Xây dựng		Khác	–	–

Các ngành trọng tâm theo Quyết định của Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp vùng Đồng bằng sông Hồng đến năm 2025, tầm nhìn 2035

Quy hoạch phát triển công nghiệp tập trung vào một số ngành: cơ khí; hóa chất; vật liệu xây dựng và sản xuất; dệt may và da giày; thiết bị điện và điện tử, và chế biến nông lâm sản và thực phẩm. Hưng Yên đều nằm trong danh sách các tỉnh được lựa chọn cho mỗi ngành công nghiệp này. Đặc biệt, ngành cơ khí được chỉ định là ngành mũi nhọn của riêng Hưng Yên

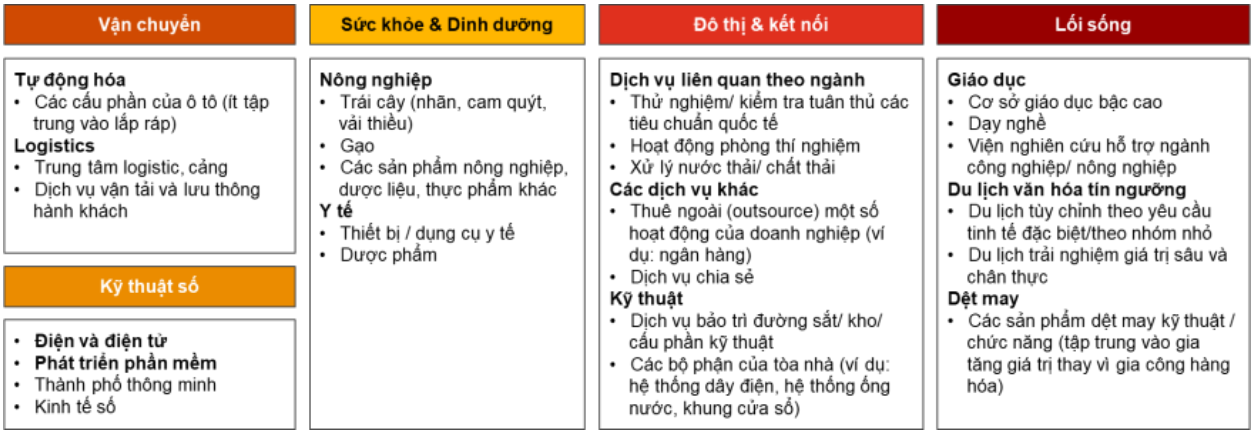
Bảng 17: Các ngành trọng tâm theo Quyết định của Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp vùng Đồng bằng sông Hồng đến năm 2025, tầm nhìn 2035

#	Ngành	Đối ứng với Tiểu ngành ISIC-2	Hoạt động	Các Tỉnh được lựa chọn
1	Công nghiệp cơ khí, luyện kim	Sản xuất các sản phẩm bằng kim loại đã được chế tạo, trừ máy móc và thiết bị	• Các loại quạt điện, xe máy, lắp ráp ô tô, xe chuyên dụng, phụ tùng ô tô, xe máy, máy móc xây dựng	Hưng Yên
2	Công nghiệp hóa chất	Sản xuất các sản phẩm từ cao su và nhựa	• Sản xuất sản phẩm nhựa (ống nhựa, bao bì nhựa, sản phẩm nhựa các loại)	Hưng Yên, Hải Phòng, Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Dương
3	Ngành sản xuất vật liệu xây dựng	Sản xuất các sản phẩm khoáng phi kim loại khác	• Sản xuất vật liệu nhẹ, siêu nhẹ dùng làm tường, vách ngăn	Hưng Yên, Hải Phòng
4	Ngành Dệt may và Da giày	Sản xuất hàng dệt may	• Dệt may - ngành may mặc - Dự án nhà máy sản xuất vật liệu may (Chỉ, khuy, mex, dây kéo, dây thun)	Hưng Yên, Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Thái Bình, Vĩnh Phúc
		Sản xuất da và các sản phẩm liên quan	• Ngành da giày - dự án sản xuất cặp, ví, vali cao cấp	Hưng Yên, Hà Nội, Bắc Ninh
5	Ngành thiết bị điện và điện tử	Sản xuất thiết bị điện	• Sắp xếp các dự án sản xuất quy mô vừa và nhỏ	Hưng Yên, Hải Dương, Nam Định, Ninh Bình And Thái Bình
6	Công nghiệp chế biến nông - lâm sản và thực phẩm	Sản xuất các sản phẩm thực phẩm	• Dự án nhà máy sản xuất dầu thực vật	Hưng Yên, Hải Phòng, Hải Dương, Quảng Ninh
		Sản xuất các sản phẩm thực phẩm	• Dự án nhà máy chế biến thức ăn gia súc, gia cầm	Hưng Yên, Quảng Ninh, Hải Phòng, Hải Dương, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Nam Định

4.3. Các ngành trọng tâm đề xuất cho tỉnh Hưng Yên

Hưng Yên có thể có tiềm năng phát triển các ngành trọng tâm nằm trong danh sách ngắn được sắp xếp theo từng chủ đề được đề xuất như dưới đây:

Hình 49: Danh sách ngắn các ngành trọng tâm đề xuất phát triển ở Hưng Yên



Các ngành trọng tâm[41] được xác định bằng phương pháp ưu tiên khu vực kinh tế như đã được miêu tả ở trang trước. Phương pháp tiếp cận này bao gồm phân tích các xu hướng toàn cầu và sự tăng trưởng dự kiến trong tương lai của các ngành này trong khu vực, toàn cầu, và toàn bộ Việt Nam, cũng như phân tích chuỗi giá trị hiện có của các ngành này, và vị trí và sự hiện diện của Hưng Yên trong chuỗi giá trị.

[41] Lưu ý: Danh sách các ngành công nghiệp trọng tâm được xác định này chỉ là sơ bộ, và sẽ được điều chỉnh theo thông tin cung cấp từ các thành viên liên danh khác dựa trên đánh giá hiện trạng về Hưng Yên và bối cảnh khu vực rộng lớn hơn

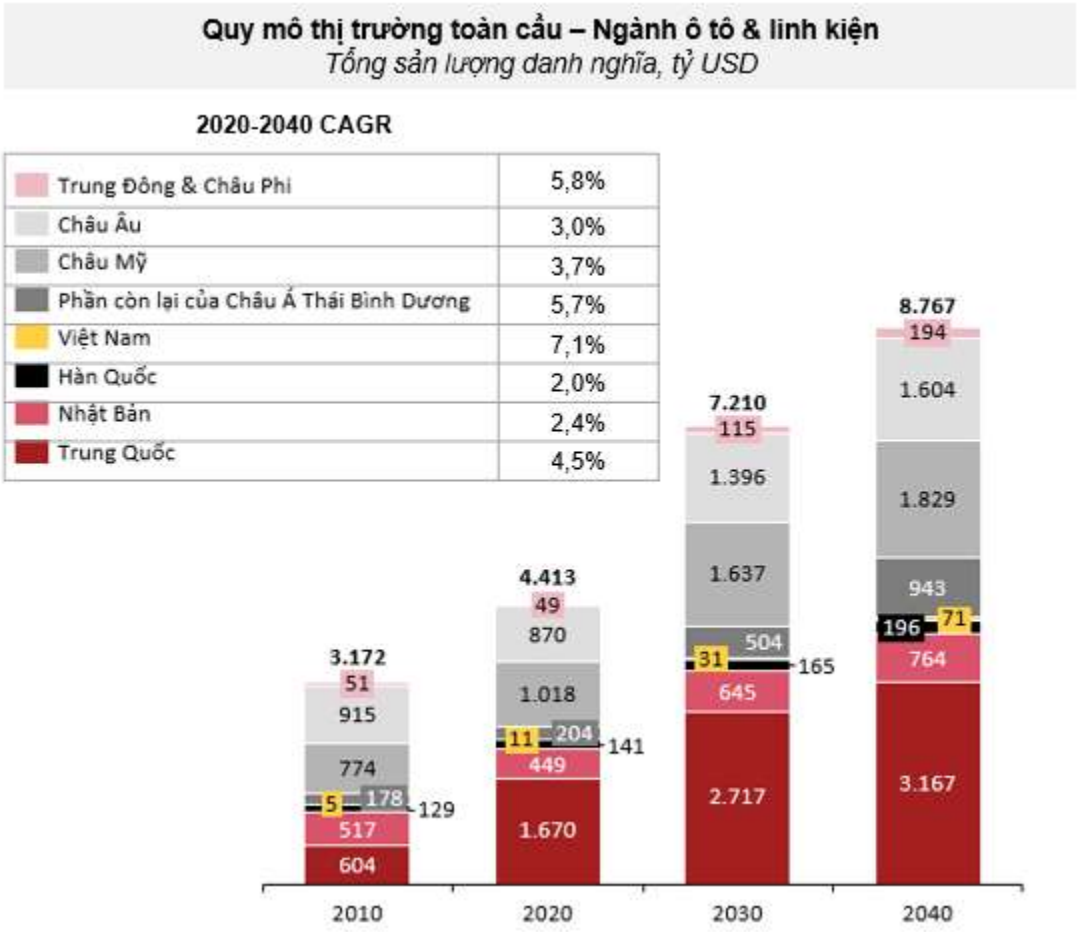
Để đảm bảo tính phù hợp với định hướng phát triển công nghiệp của Việt Nam nói chung và Hưng Yên nói riêng trong những năm tới, chúng tôi đề xuất mức độ ưu tiên cho các ngành công nghiệp trọng điểm như bảng dưới đây:

Hình 50: Đề xuất mức độ ưu tiên của các ngành trọng tâm của Hưng Yên

Ưu tiên cao	Ưu tiên vừa
Nông nghiệp • Trái cây (nhãn, cam quýt, vải thiều) • Gạo • Các sản phẩm nông nghiệp, dược liệu, thực phẩm khác **Điện & điện tử** • Thành phố thông minh • Kinh tế số **Ô tô** • Các cấu phần của ô tô (ít tập trung vào lắp ráp) **Y tế** • Thiết bị / dụng cụ y tế • Dược phẩm **Dệt may tạo giá trị cao** • Các sản phẩm dệt may kỹ thuật/ chức năng (tập trung vào gia tăng giá trị thay vì gia công hàng hóa) **Kỹ thuật** • Công nghiệp cơ khí chính xác, cơ khí chế tạo công nghệ cao **Phát triển phần mềm** • Thành phố thông minh • Kinh tế số **Du lịch văn hóa & tín ngưỡng** • Du lịch tùy chỉnh theo yêu cầu tinh tế đặc biệt/ theo nhóm nhỏ • Du lịch trải nghiệm giá trị sâu và chân thực **Logistics** • Trung tâm logistic, cảng • Dịch vụ vận tải và lưu thông hành khách **Các ngành công nghiệp hỗ trợ cho các ngành trên**	**Kỹ thuật** • Vật liệu xây dựng (ví dụ: hệ thống dây điện, hệ thống ống nước, khung cửa sổ) **Dịch vụ liên quan theo ngành** • Xử lý nước thải / chất thải **Các dịch vụ khác** • Ngân hàng, bán lẻ • Thuê ngoài (outsource) một số hoạt động của doanh nghiệp **Giáo dục** • Cơ sở giáo dục đại học • Dạy nghề • Viện nghiên cứu hỗ trợ ngành công nghiệp / nông nghiệp
	Ưu tiên thấp
	Dịch vụ liên quan theo ngành • Thử nghiệm, kiểm tra tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế • Hoạt động phòng thí nghiệm **Kỹ thuật** • Dịch vụ bảo trì đường sắt/ kho/ công việc thành phần

4.3.1. Ngành ô tô

Quy mô thị trường toàn cầu ngành ô tô



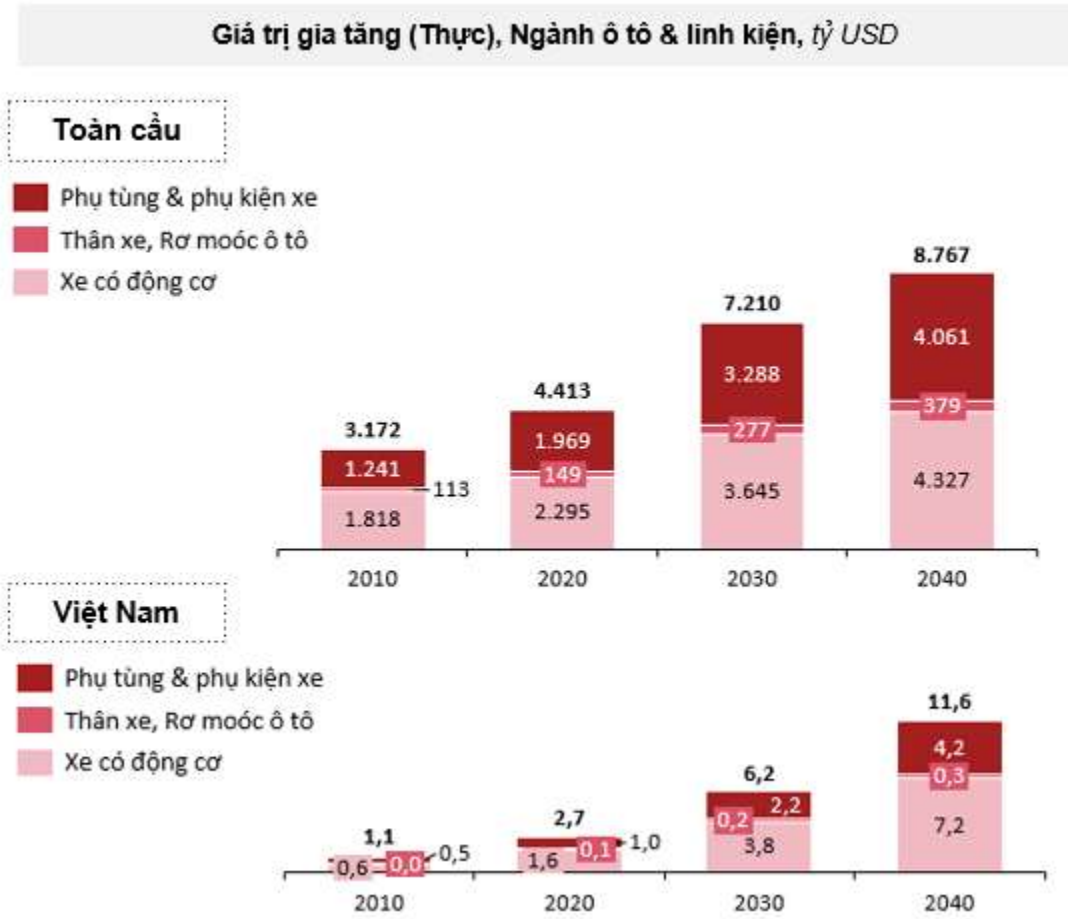
Quy mô thị trường toàn cầu của lĩnh vực ô tô dự kiến sẽ tăng từ 4.413 tỷ đô la Mỹ vào năm 2020 lên 8.767 tỷ đô la Mỹ vào năm 2040. Việt Nam đang sẵn sàng tăng trưởng nhanh chóng khi quy mô thị trường dự kiến sẽ tăng hơn gấp sáu lần từ 11 tỷ đô la Mỹ vào năm 2020 lên đến 71 tỷ đô la Mỹ vào năm 2040 với tốc độ CAGR là 7,1%.

Xe ô tô của tương lai sẽ được điện hóa, tự động, chia sẻ và kết nối số cao. Châu Âu hiện đang dẫn đầu quá trình chuyển đổi điện hóa, trong đó xe điện chiếm từ 15% đến 20% thị trường Châu Âu vào năm 2021 và dự kiến sẽ đạt 30% thị trường vào năm 2025. Tuy nhiên, trong dài hạn, Trung Quốc có thể trở thành quốc gia dẫn đầu cho việc chuyển đổi ngành công nghiệp ô tô với mục tiêu tăng tỷ trọng xe sử dụng năng lượng mới lên 20% vào năm 2025, từ 5,5% vào năm 2020. Đầu tư vào tái chế pin xe điện sẽ tăng lên do nhu cầu xe điện sẽ tăng tăng vọt từ năm 2021. Tại Mỹ, chính quyền Biden đã công bố cam kết trị giá 174 tỷ đô la Mỹ để đẩy nhanh việc triển khai xe điện bao gồm giảm giá bán hàng, ưu đãi thuế và mạng lưới 500.000 bộ sạc trên toàn quốc vào năm 2030.

Quan hệ quốc tế giữa các nước sẽ gây ra những thay đổi trong nguồn cung ô tô. Trung Quốc và Mỹ có thể buộc các nước bên thứ ba phải chọn phe do các lệnh trừng phạt và hạn chế đầu tư, trong khi căng thẳng Ấn Độ - Trung Quốc sẽ ảnh hưởng đến việc mở rộng thị trường của các

nhà sản xuất ô tô Trung Quốc và các nhà sản xuất ô tô Ấn Độ phụ thuộc vào phụ tùng ô tô Trung Quốc. Liên minh Châu Âu khó có khả năng không áp thuế đối với ô tô do Anh sản xuất do sử dụng quá nhiều linh kiện nước ngoài.[42]

Xu hướng ngành ô tô Việt Nam



Giá trị gia tăng của Việt Nam trong ngành ô tô vượt xa thế giới, tăng hơn 4 lần từ 2,7 tỷ đô la Mỹ năm 2020 lên 11,6 tỷ đô la Mỹ năm 2040. Việt Nam có tỷ trọng sản xuất xe có động cơ lớn hơn so với sản xuất các bộ phận và phụ tùng xe so với xu hướng toàn cầu, và khoảng cách này dự kiến sẽ tăng lên trong giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2040. Để đạt được giá trị gia tăng cao hơn, Việt Nam có thể cần chuyển trọng tâm ra khỏi các hoạt động lắp ráp xe có động cơ, chú trọng nhiều hơn vào sản xuất các bộ phận và phụ tùng xe, đặc biệt nhờ có các mối liên kết chặt chẽ với ngành sản xuất thiết bị điện tử và vật liệu cần thiết khác, và việc chuyển đổi này sẽ mang lại tác động lan tỏa lớn hơn cho ngành.

Việt Nam hiện đứng thứ 9 trong khu vực và thứ 26 trên toàn cầu về sản xuất ô tô[43]. Được hỗ trợ bởi nguồn cầu mạnh mẽ và đầu tư cơ sở hạ tầng, sẽ giúp thúc đẩy thị trường xe thương mại đạt tốc độ CAGR 7,1% từ năm 2020 đến năm 2040. VinFast đã trở thành nhà sản xuất ô tô nội địa đầu tiên của Việt Nam và là nhà xuất khẩu ô tô toàn cầu khi có kế hoạch bắt đầu bán xe ô tô điện

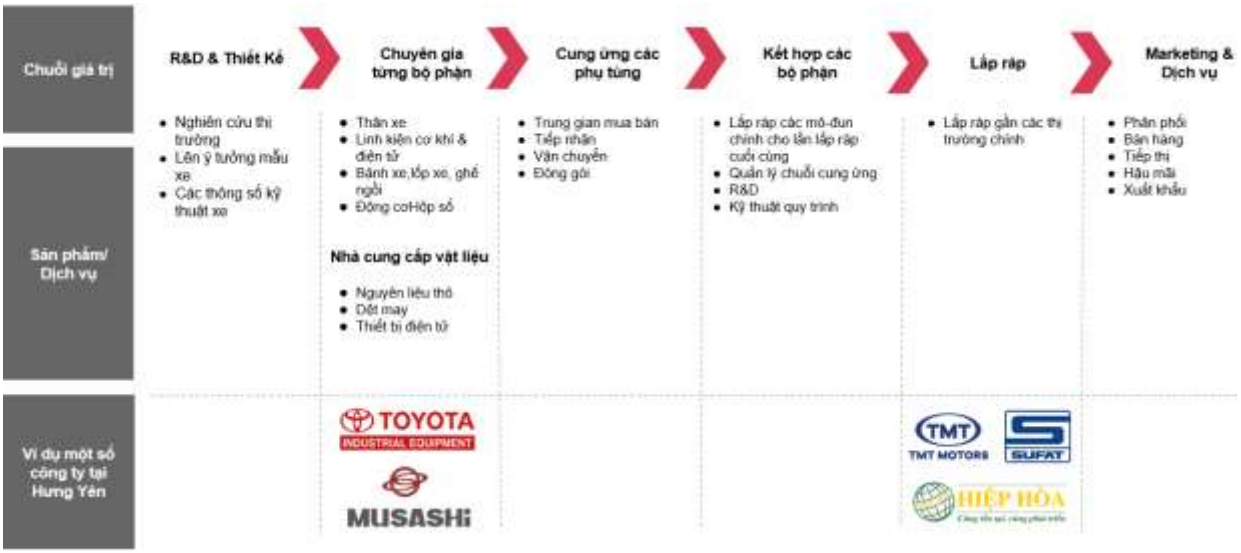
[42] Nguồn: The Economist Intelligence Unit, S&P Global Ratings
[43] Nguồn: Fitch Solutions

sang Mỹ vào năm 2022, trong khi DatBike, một công ty khởi nghiệp trong nước, có tham vọng trở thành công ty xe đạp điện lớn nhất Đông Nam Á.

Chi phí lao động thấp và sự hậu thuẫn của chính phủ đang thu hút các nhà sản xuất ô tô toàn cầu chuyển khỏi Trung Quốc, nhưng Việt Nam phải đối mặt với sự cạnh tranh mạnh mẽ với các nước khác trong khu vực Đông Nam Á có quy mô kinh tế và mạng lưới cung ứng mạnh hơn. Về mặt tích cực, Hiệp định Thương mại tự do giữa Liên minh Châu Âu và Việt Nam có tiềm năng thúc đẩy ngành công nghiệp ô tô trong nước khi việc áp dụng thuế nhập khẩu nguyên liệu và linh kiện ô tô bằng không. Hiệp định này sẽ giúp hạ giá xe ô tô từ tháng 7 năm 2020. Hơn nữa, sản xuất trong nước có thể sẽ được hưởng lợi do việc thực hiện các hạn chế nhập khẩu xe thông qua các rào cản tài chính và phi tài chính trong những năm tới[44].

Chuỗi giá trị ngành ô tô

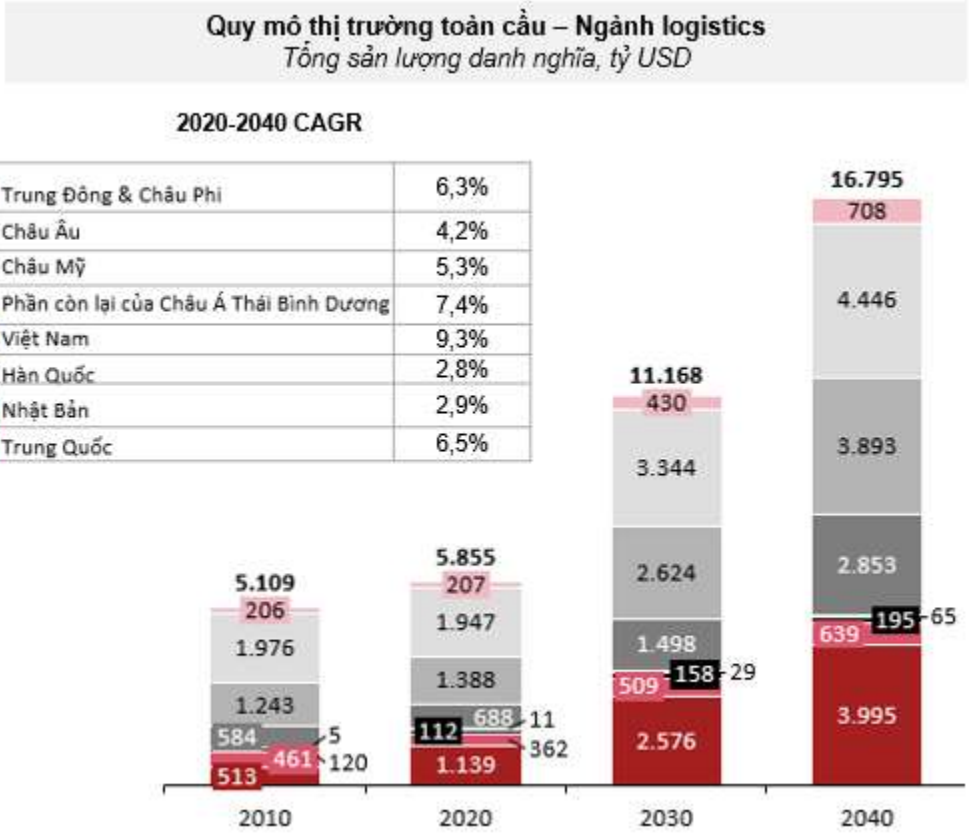
Chuỗi giá trị ngành ô tô[45] có sáu công đoạn chính và Hưng Yên hiện đang tham gia vào hai trong số đó, bao gồm: chuyên gia từng bộ phận và lắp ráp, là hai công đoạn có giá trị gia tăng thấp hơn. Đa dạng hóa sự tham gia của Hưng Yên vào ngành công nghiệp ô tô là yếu tố quan trọng để phát triển chuỗi giá trị và đóng góp nhiều hơn cho ngành công nghiệp ô tô quốc gia.



[44] Nguồn: The Economist Intelligence Unit, Fitch Solutions
[45] Nguồn: Liên hợp quốc

4.3.2. Ngành logistics

Quy mô thị trường toàn cầu ngành logistics



Quy mô thị trường toàn cầu của lĩnh vực logistics dự kiến sẽ tăng từ 5.855 tỷ đô la Mỹ vào năm 2020 lên 16.795 tỷ đô la Mỹ vào năm 2040. Lĩnh vực logistics của Việt Nam dự kiến có tốc độ tăng trưởng ấn tượng, với CAGR là 9,3% (2020 – 2040), cao hơn Trung Quốc và các quốc gia còn lại trong khu vực Châu Á Thái Bình Dương.

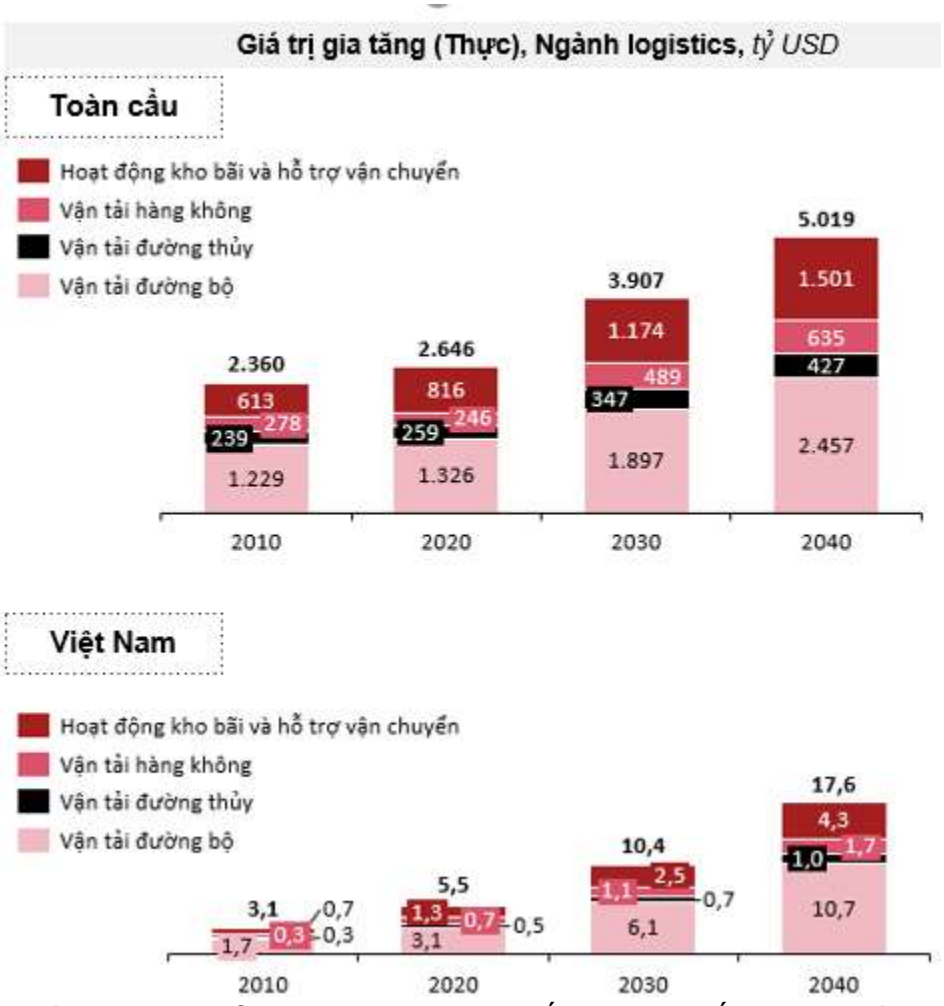
Doanh số thương mại điện tử của hàng hóa được mua trên toàn cầu được dự báo sẽ đạt CAGR 9,5% từ năm 2020 đến năm 2025.17% hàng hóa sẽ được mua trực tuyến vào năm 2021, tăng gần gấp đôi so với năm 2016 và doanh số bán hàng trực tuyến sẽ chiếm 21% tổng chi tiêu cho ngành bán lẻ vào năm 2025. Thương mại điện tử trong lĩnh vực thực phẩm và đồ uống dự kiến sẽ tăng lên 8% vào năm 2021. Sự chuyển đổi kỹ thuật số này sẽ dẫn đến sự gia tăng các cửa hàng chuyên phục vụ bán hàng trực tuyến (dark store), trung tâm hoàn thiện đơn hàng trực tuyến quy mô nhỏ và dịch vụ giao hàng tự động khi các cửa hàng tạp hóa tìm cách giảm chi phí đi kèm với việc bán hàng trực tuyến nhiều hơn[46].

Shopee, Lazada, Tokopedia, Bukalapak, Thế Giới Di Động được xác định là những công ty hàng đầu trong khu vực, phục vụ nhu cầu chi tiêu của người tiêu dùng vào thời trang, hàng điện tử và quần áo thể thao/ngoài trời. Đại dịch COVID-19 vào năm 2020[47] đã tạo thuận lợi cho sự bùng nổ

[46]Nguồn: Forbes
[47] Nguồn: EMIS

của thương mại điện tử. Thị trường thương mại điện tử đang dần quan tâm hơn về vấn đề môi trường, với việc khách hàng nhận thức rõ hơn về các tác động đối với môi trường và dấu chân carbon (sự phát thải khí carbon qua các hoạt động) , trong khi các công ty đang dần nói không với việc sử dụng giấy, thay vào đó họ sử dụng bao bì phân hủy sinh học và sử dụng vật liệu có thể tái chế. Những tiến bộ về công nghệ như tích hợp tìm kiếm bằng giọng nói trong mua sắm tạo thuận tiện cho người mua hàng và tăng doanh số bán hàng. Những tiến bộ như vậy sẽ cho phép 73% giao dịch mua trên sàn thương mại điện tử sẽ được thực hiện trên thiết bị di động vào cuối năm 2021.

Xu hướng ngành logistics ở Việt Nam



Tăng trưởng ngành logistics của Việt Nam được dự kiến vượt xa thế giới, với giá trị gia tăng tăng hơn 3 lần từ 5,5 tỷ đô la Mỹ năm 2020 lên 17,6 tỷ đô la Mỹ năm 2040. Theo xu hướng toàn cầu, vận tải đường bộ và đường hàng không vẫn là phương thức vận tải quan trọng, với hệ thống kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho giao thông vận tải đóng một vai trò quan trọng trong việc gia tăng giá trị của ngành logistics.

Logistics là một trong những ngành phát triển nhanh nhất tại Việt Nam. Ngành này có mức tăng trưởng 8% vào năm 2020. 74% người dân mua sắm trên các trang web và nền tảng thương mại điện tử, giá trị hàng hóa mua trực tuyến theo đầu người tăng từ 229 đô la Mỹ vào năm 2019 lên 240 đô la Mỹ vào năm 2020. Việt Nam hiện có hơn 3.000 nhà cung cấp dịch vụ logistics bao gồm

các doanh nghiệp trong nước (89%), liên doanh (10%) và còn lại là công ty có vốn đầu tư nước ngoài. Công ty Amazon Global Selling Việt Nam có kế hoạch triển khai chương trình dành cho các doanh nghiệp quan tâm đến xuất khẩu, sang Hoa Kỳ và Liên minh Châu Âu thông qua thương mại điện tử và cam kết xây dựng đội ngũ nhân lực có chuyên môn về thương mại điện tử.

Chính phủ đặt mục tiêu đạt tốc độ tăng trưởng hàng năm 20% cho ngành logistics vào năm 2025[48]. Cơ sở hạ tầng giao thông của Việt Nam sẽ vẫn là động lực lớn nhất cho việc xây dựng và tăng trưởng cơ sở hạ tầng trong thập kỷ tới với mức tăng trung bình hàng năm là 5,6% tính theo giá trị thực trong giai đoạn 2021-2029.

Xu hướng mua sắm trực tuyến ngày càng phát triển kéo theo nhu cầu về kho lạnh tại Việt Nam ngày càng cao. Kho bảo quản lạnh điều chỉnh nhiệt độ và độ ẩm để kéo dài tuổi thọ của một số loại sản phẩm, kể cả những loại dễ hỏng như thực phẩm, mỹ phẩm và vắc xin. Mặc dù nhu cầu cao, chỉ có một số doanh nghiệp đầu tư vào phân khúc này và chưa doanh nghiệp nào có thể cung cấp đầy đủ dịch vụ kho lạnh. Nguồn cung cấp kho lạnh hạn chế một phần nguyên nhân là do thời gian sản xuất lâu hơn là do dịch vụ hậu cần. Chi phí sản xuất kho lạnh cao hơn so với kho tiêu chuẩn[49].

Việt Nam sẽ tiếp tục hưởng lợi từ việc các doanh nghiệp chuyển nhà máy từ Trung Quốc sang Việt Nam, đây là một xu hướng rõ ràng trong những năm gần đây do cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung. Bên cạnh đó, vị trí chiến lược của Việt Nam nằm dọc theo cả đường bộ và đường biển trong khu vực Đông Nam Á đồng nghĩa với việc Việt Nam có tiềm năng trở thành một trung tâm giao thương và logistics của khu vực. Chính phủ đang thúc đẩy vận tải hàng hải để tận dụng lợi thế của quốc gia bao gồm vị trí nằm gần Trung Quốc, có đường bờ biển dài và mạng lưới sông ngòi rộng lớn.[50]. Cần lưu ý rằng, Việt Nam cần phải phát triển hơn nữa các mối liên kết vận tải hàng không và đường thủy để hội nhập sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu vì sự đóng góp của vận tải đường bộ chỉ giới hạn trong phạm vi đi lại với Trung Quốc và các nước láng giềng khác.

[48] Nguồn: Vietnam Briefing
[49] Nguồn: Vietnam Business review
[50] Nguồn: EMIS, Báo đầu tư, Vietnam Briefing

Chuỗi giá trị ngành logistics

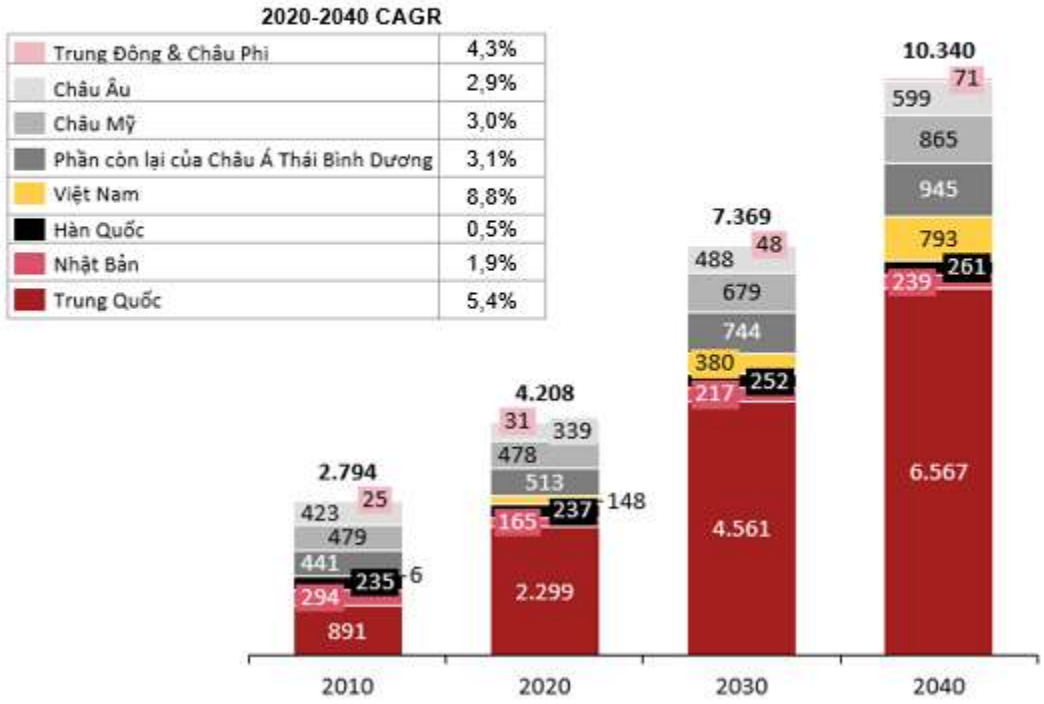
Đánh giá về các doanh nghiệp logistics của Hưng Yên cho thấy các doanh nghiệp tại tỉnh mới tham gia vào khâu logistics đầu ra trong chuỗi giá trị. Việc Hưng Yên mở rộng sang các giai đoạn khác của chuỗi giá trị, đặc biệt là trong các lĩnh vực có giá trị gia tăng cao như dịch vụ, có thể thúc đẩy vai trò của Hưng Yên trong chuỗi giá trị ngành logistics của Việt Nam.



4.3.3. Ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy tính và sản phẩm quang học

Quy mô thị trường toàn cầu của lĩnh vực sản xuất sản phẩm điện tử, máy tính và sản phẩm quang học

Quy mô thị trường toàn cầu- Ngành sản xuất sản phẩm máy tính, điện tử và sản phẩm quang học
Tổng sản lượng danh nghĩa, tỷ USD



Quy mô thị trường toàn cầu của ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy tính và sản phẩm quang học dự kiến sẽ tăng 2,5 lần, từ 4.208 tỷ đô la Mỹ vào năm 2020 lên đến 10.340 tỷ đô la Mỹ vào năm 2040. Thị phần của Trung Quốc trong lĩnh vực này dự kiến sẽ tăng thêm từ 55% vào năm 2020 lên 64% vào năm 2040. Đặc biệt, Việt Nam được dự kiến có tốc độ tăng trưởng mạnh nhất (8,8% CAGR), với mức thị phần tăng gấp đôi từ 4% vào năm 2020 lên đến 8% vào năm 2040.

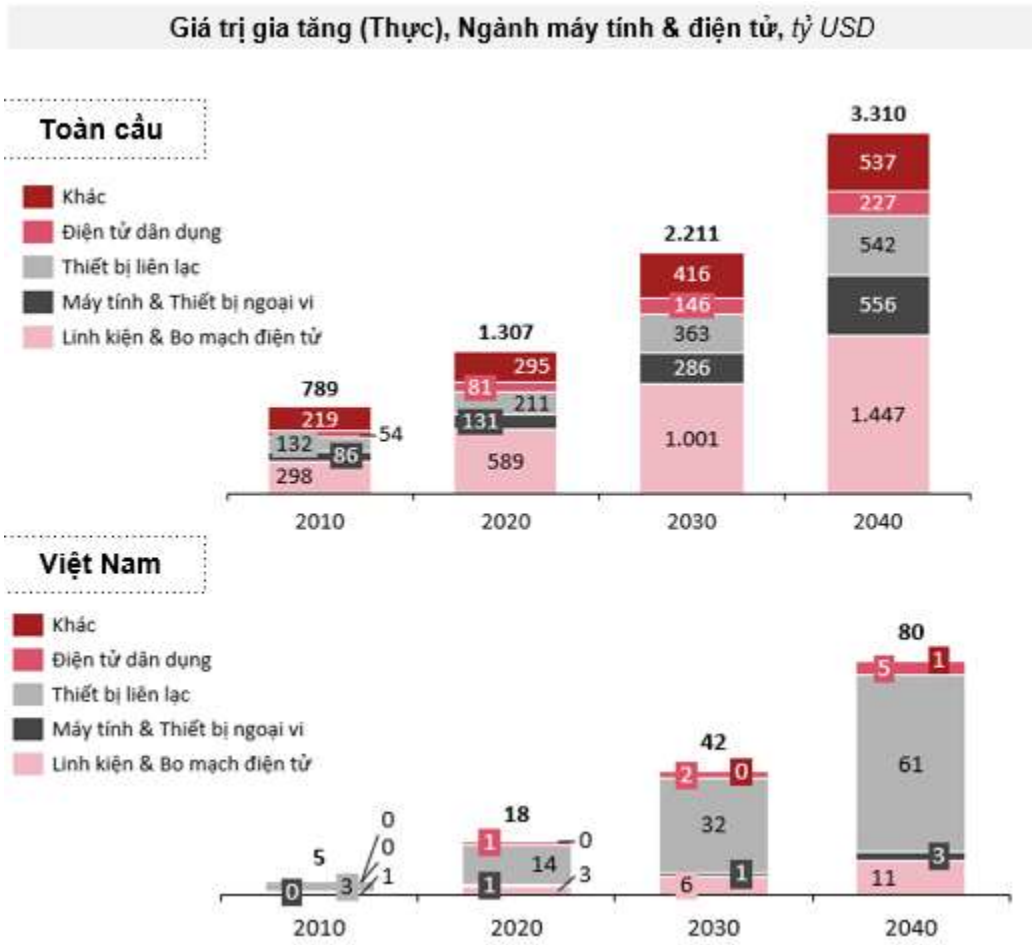
Sự phát triển của ngành điện tử được dự kiến sẽ được thúc đẩy bởi các xu hướng cấu trúc hiện có như:

- Khả năng kết nối vượt trội của 5G, sẽ cho phép việc ứng dụng công nghệ mới và thúc đẩy doanh số bán điện thoại thông minh.
- Dung lượng mạng lớn hơn, khả năng truyền dữ liệu nhanh hơn, kết nối ổn định và an toàn hơn sẽ thúc đẩy các ứng dụng Internet vạn vật.
- Các chip bán dẫn tiên tiến hơn được sử dụng để điều khiển phương tiện giao thông, với sự phổ biến ngày càng tăng của phương tiện lái xe tự động và xe điện.

Từ năm 2020 đến năm 2021, các công ty hàng đầu thế giới như Apple, Qualcomm, AMD và Sony đều cho rằng tình trạng thiếu chip bán dẫn cho thấy nhu cầu chip bán dẫn đang vượt xa nguồn cung. Cùng với đó, TSMC, nhà máy sản xuất chất bán dẫn của Đài Loan, là nhà máy lớn nhất thế giới, đã quyết định đầu tư 25-28 tỷ đô la Mỹ cho năm tài chính 2021, cao hơn đáng kể so với

mức đầu tư thông thường là 15-17 tỷ đô la Mỹ để tăng năng lực sản xuất và nắm bắt các cơ hội tăng trưởng. Quy mô là yếu tố chính để giữ chi phí sản xuất và chế biến ở mức thấp. Trongtương lai, các hoạt động mua bán và sát nhập dự kiến sẽ diễn ra mạnh mẽ trong ngành và tăng số lượng nhómcác nhà cung cấp linh kiện, nhà sản xuất thiết bị gốc và các ngành khác nằm ở hạ nguồn của chuỗi cung ứng[51].

Xu hướng trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm điện tử, máy tính và sản phẩm *của Việt Nam*



Tốc độ tăng trưởng của Việt Nam trong lĩnh vực này được dự kiến vượt xa thế giới khi tăng hơn 4 lần từ 18 tỷ đô la Mỹ năm 2020 lên đến 80 tỷ đô la Mỹ năm 2040. Tuy nhiên, hướng đi của Việt Nam trong lĩnh vực này ngày càng tập trung vào thiết bị truyền thông, không phù hợp với xu hướng toàn cầu. Trên toàn cầu, xu hướng sẽ tập trung mạnh mẽ hơn vào các linh kiện và bo mạch điện tử, tiếp theo là máy tính, thiết bị ngoại vi và cuối cùng là thiết bị truyền thông. Điều này cho thấy, xu hướng của ngành công nghiệp điện tử của Việt Nam là tập trung vào lắp ráp và do đó giá trị gia tăng thấp.

Công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin được xác định là các lĩnh vực ưu tiên trong chiến lược công nghiệp của Việt Nam từ năm 2025 đến năm 2035 với việc miễn thuế doanh nghiệp

[51] Nguồn: IHS Markit

cho các nhà đầu tư nước ngoài và có kế hoạch đầu tư nhiều hơn nữa vào cơ sở hạ tầng hỗ trợ trong các lĩnh vực như thương mại và vận tải. Yếu tố thành công chính trong việc ươm tạo ngành công nghiệp này là thu hút đầu tư nước ngoài từ các công ty hàng đầu trong ngành điện tử toàn cầu như Samsung, LG và Intel bằng cách đưa Việt Nam trở thành địa điểm hấp dẫn cho các hoạt động sản xuất thiết bị định hướng xuất khẩu. Việc mở cửa thương mại của Việt Nam tạo điều kiện thuận lợi cho việc nhập khẩu linh kiện, thiết bị và xuất khẩu sang các thị trường cuối cùng. Đồng thời, Việt Nam là một trong những nước được hưởng lợi từ cuộc chiến thương mại Mỹ-Trung xung quanh các chính sách thương mại và công nghiệp dẫn đến sáng kiến đa dạng hóa chuỗi cung ứng của các công ty điện tử lớn ở Đông Nam Á.

Trong tương lai, chi phí lao động thấp, sự hỗ trợ liên tục từ chính phủ, và các hiệp định thương mại tự do là dấu hiệu tốt cho sự phát triển của ngành công nghiệp điện tử tại Việt Nam. Mức lương cho cả vai trò sản xuất và kỹ thuật ở Việt Nam đều thấp hơn khoảng 20% so với mức trung bình của các nước mới nổi tại khu vực Châu Á Thái Bình Dương vào năm 2017, và thấp hơn 40% so với Trung Quốc. Đây là điểm thu hút lớn đối với các công ty đầu tư vào các hoạt động lắp ráp sử dụng nhiều lao động. Chính sách công nghiệp của Việt Nam khuyến khích việc phân cụm ngành, và cung cấp các ưu đãi về thuế, đất đai sẵn có, các chương trình đào tạo và hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng của chính phủ.

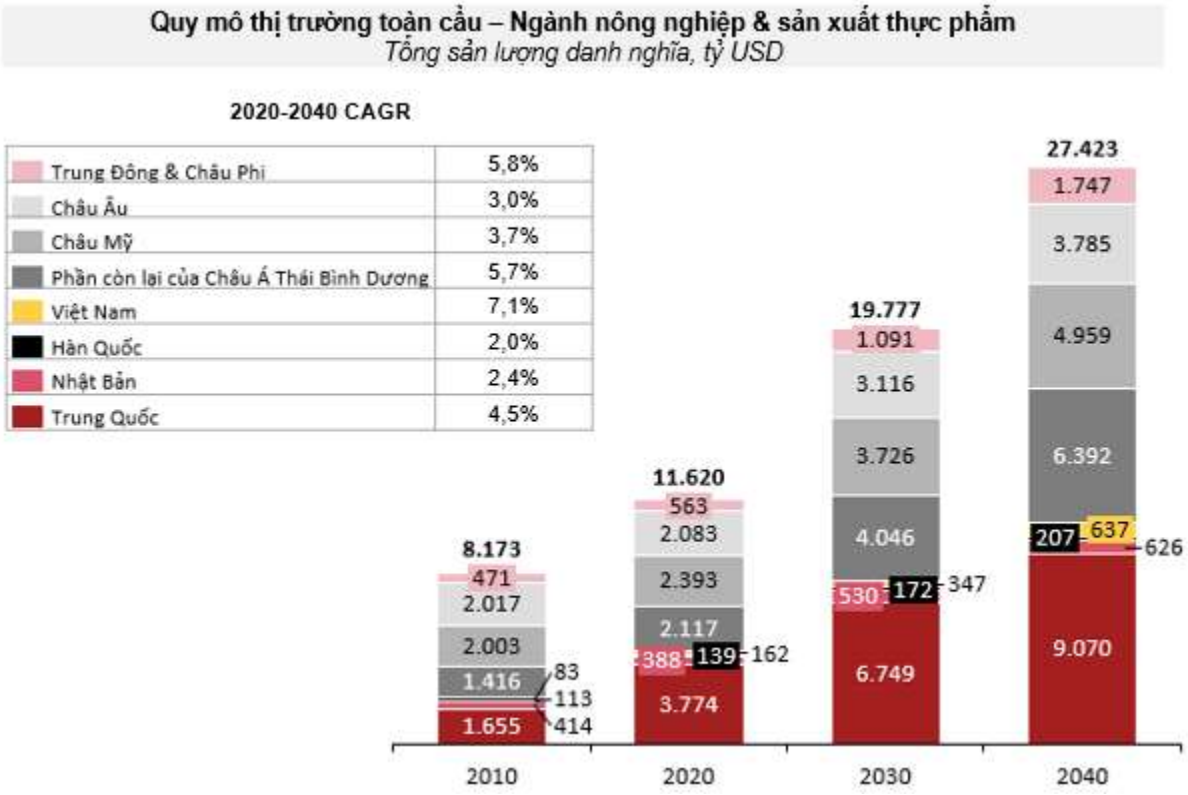
Chuỗi giá trị sản xuất sản phẩm điện tử, máy tính và sản phẩm quang học

Sự tham gia của Hưng Yên vào sản xuất sản phẩm điện tử, máy tính và sản phẩm quang học chủ yếu ở giai đoạn sản xuất, mà có thể được đa dạng hóa hơn nữa trong thử nghiệm sản phẩm điện tử trong khâu sản phẩm và dịch vụ sau bán hàng.



4.3.4. Ngành nông nghiệp

Quy mô thị trường toàn cầu của ngành nông nghiệp



Quy mô thị trường toàn cầu của ngành nông nghiệp[52] dự kiến sẽ tăng hơn gấp đôi từ 11.620 tỷ đô la Mỹ năm 2020 lên đến 27.423 tỷ đô la Mỹ năm 2040. Dân số Thế giới dự kiến sẽ đạt 10 tỷ người vào năm 2050, nhu cầu về các sản phẩm nông nghiệp dự kiến sẽ tăng hơn 50% so với năm 2013. Trung Quốc, các quốc gia khác của khu vực Châu Á Thái Bình Dương, và Châu Mỹ sẽ tiếp tục đóng một vai trò quan trọng trong nông nghiệp. CAGR ngành nông nghiệp Việt Nam dự kiến đạt 7,1% trong giai đoạn 2020 - 2040. Sự chuyển đổi chế độ ăn sang thịt, trái cây và rau quả ở các nước có thu nhập thấp và trung bình tạo áp lực về nguồn cung thực phẩm càng cao.

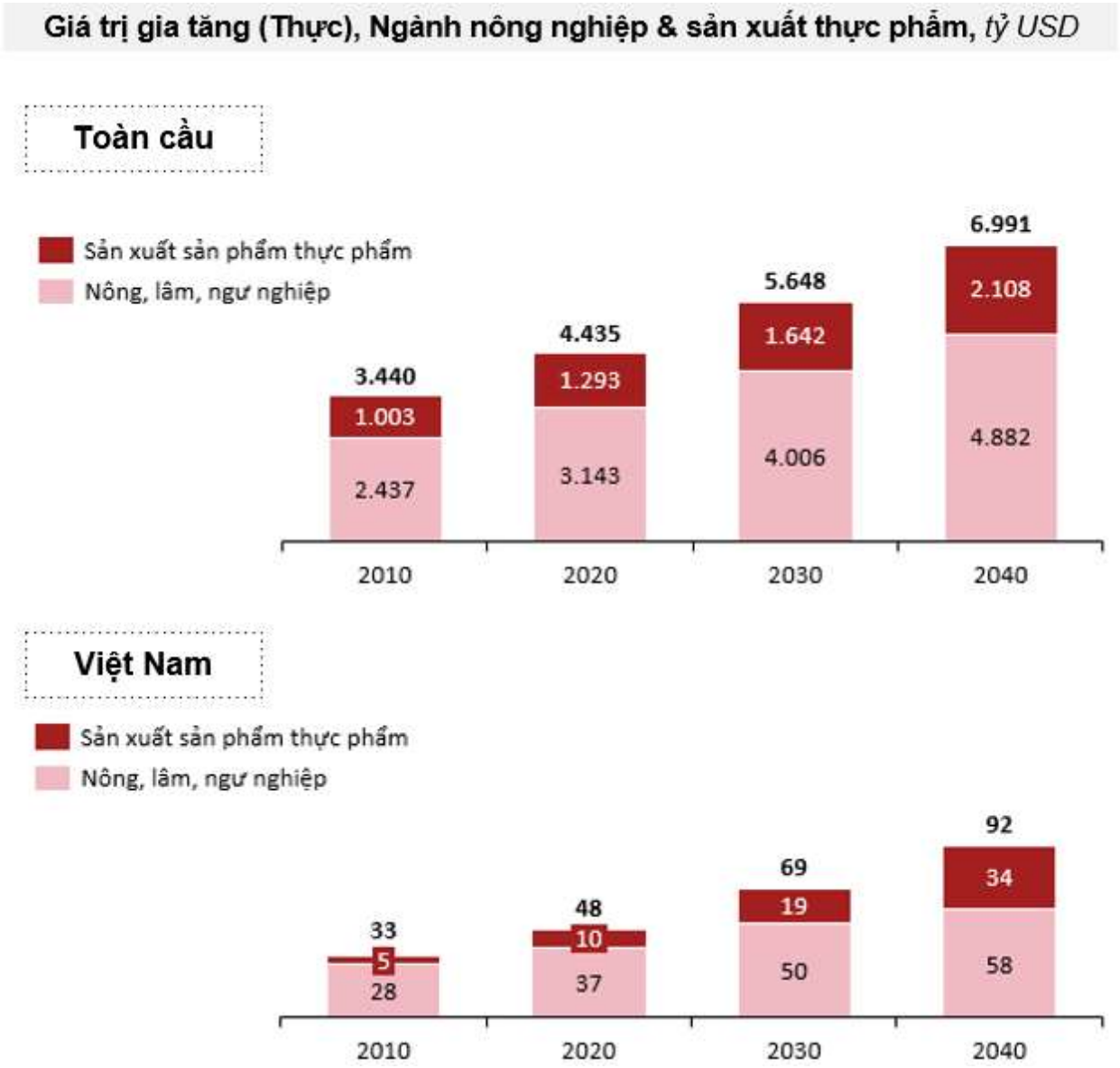
Tại thời điểm nghiên cứu, giá gạo toàn cầu được dự đoán vẫn ở mức cao do sản lượng sản xuất còn thấp ở Thái Lan và Việt Nam và những bất ổn của đại dịch COVID-19 ở Ấn Độ, tuy nhiên đây chỉ là những vấn đề tạm thời, và giá gạo sẽ giảm xuống vào năm 2022. Trong trung hạn, dư thừa gạo kỷ lục dự kiến sẽ xảy ra vì nhu cầu tiêu dùng sẽ tăng với tốc độ chậm hơn sản lượng sản xuất. Tỉnh Hưng Yên được kỳ vọng sẽ được hưởng lợi từ nhu cầu thị trường tăng lên đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh, bao gồm nhãn, vải và cây trồng.

Sản lượng nhãn Việt Nam tăng từ 503 tấn năm 2016 lên khoảng 590 tấn năm 2020[53]. Các thị trường xuất khẩu nhãn chính của Việt Nam bao gồm Trung Quốc, Singapore (kể từ tháng 8 năm 2020), Malaysia và Hoa Kỳ. Hợp tác xã Quảng Châu tại Hưng Yên đang kỳ vọng sản lượng nhãn

[52] Dữ liệu ngành nông nghiệp và sản xuất các sản phẩm thực phẩm
[53] Nguồn: Statista

đạt 3.500 tấn[54]. Thị trường vải toàn cầu được dự báo sẽ chứng kiến tốc độ CAGR 3,5% từ năm 2020 đến năm 2025 với Trung Quốc, Ấn Độ và Việt Nam là các nhà sản xuất chính. Thị trường ngành trồng trọt hiện có giá trị 30 tỷ đô la Mỹ và dự kiến sẽ tăng trưởng với tốc độ CAGR 9% từ năm 2021 đến năm 2026[55].

Xu hướng trong ngành nông nghiệp Việt Nam



Giá trị gia tăng của thị trường nông sản Việt Nam dự kiến đạt tăng từ 48 tỷ đô la Mỹ vào năm 2020 lên 92 tỷ đô la Mỹ vào năm 2040 với tốc độ CAGR là 7,1%. Hướng đi của Việt Nam trong ngành này là phù hợp với xu hướng toàn cầu. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang có kế hoạch đa dạng hóa mạng lưới xuất khẩu nông sản để giảm thiểu rủi ro phụ thuộc vào một thị trường đơn lẻ như Trung Quốc.

[54] Nguồn: Việt Nam news
[55] Nguồn: Market Data Forecast

Áp lực từ biến đổi khí hậu ngày càng tăng và việc xây dựng đập trên sông Cửu Long khiến sản lượng sản xuất lúa gạo giảm trung bình hàng năm 0,6% trong giai đoạn 2015-16 đến 2019-20. Vấn đề nhiễm mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng sông Hồng cũng sẽ khiến tăng trưởng sản xuất lúa gạo ở Việt Nam duy trì ở mức thấp trong giai đoạn 2020-2021. Vì vậy, nông dân ở miền Bắc Việt Nam đã bắt đầu đa dạng hóa để tập trung vào các loại rau có giá trị cao hơn thay vì gạo.

Việt Nam là quê hương của nhiều loại trái cây nhiệt đới và ngoại lai quý hiếm. Sản lượng nhãn và vải đã tăng từ năm 2015 đến năm 2018, trong đó nhu cầu tiêu thụ vải của Việt Nam ngày càng tăng do chất lượng tốt hơn so với các đối thủ cạnh tranh. Việt Nam chủ yếu là nước xuất khẩu các sản phẩm trồng trọt với đặc trưng là ngành rau quả đa dạng[56].

Chuỗi giá trị ngành nông nghiệp

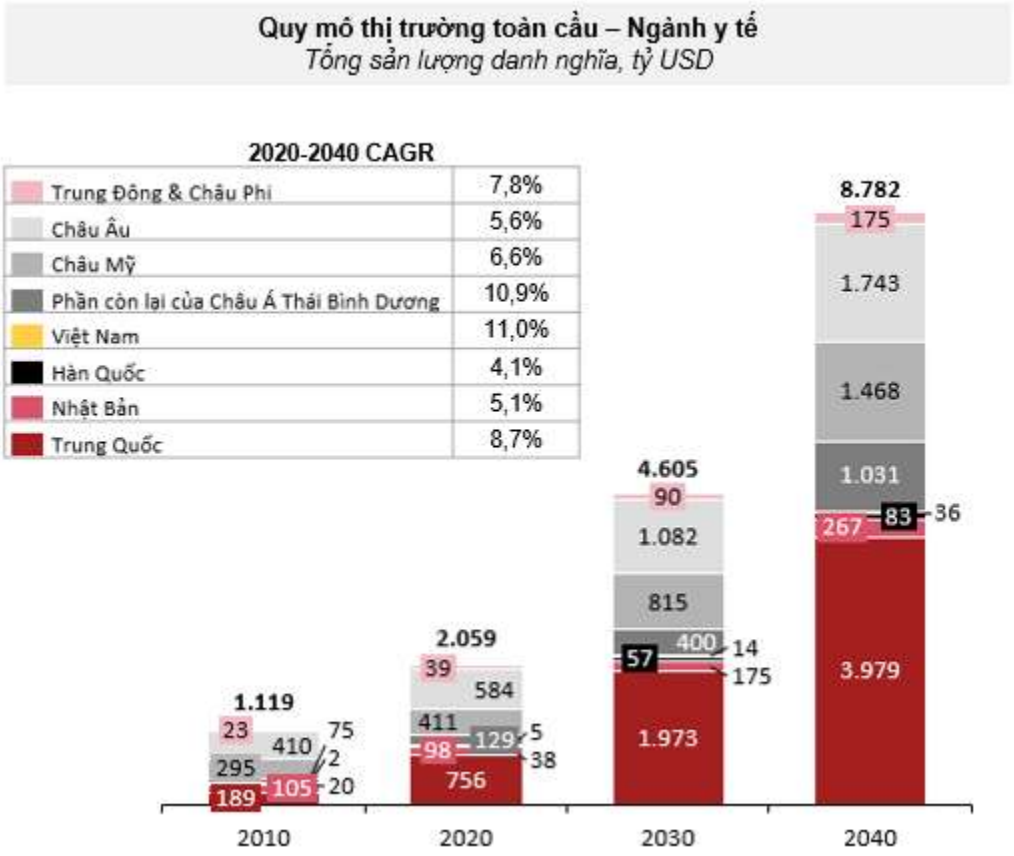
Nhờ có nền kinh tế nông nghiệp phát triển mạnh mẽ, Hưng Yên đã đang tham gia sâu vào tất cả các khâu của chuỗi giá trị ngành [57]. Tuy nhiên, Hưng Yên đang gặp khó khăn trong việc nâng cao chuỗi giá trị do có hệ thống kiểm soát chất lượng và truy xuất nguồn gốc kém, cũng như hệ thống kiểm soát vệ sinh và kiểm dịch động thực vật còn hạn chế.



[56] Nguồn: Ngân hàng phát triển Châu Á
[57] Nguồn: PwC, Ngân hàng phát triển Châu Á

4.3.5. Ngành thiết bị y tế và dược phẩm

Quy mô thị trường toàn cầu của ngành thiết bị y tế và dược phẩm [58]



Quy mô thị trường toàn cầu của lĩnh vực thiết bị y tế và dược phẩm dự kiến sẽ tăng hơn 4 lần từ 2.059 tỷ đô la Mỹ năm 2020 lên 8.782 tỷ đô la Mỹ vào năm 2040. Với tốc độ CAGR là 8,7%, Trung Quốc sẽ chiếm 45% thị phần toàn cầu đến năm 2040. Tăng trưởng của Việt Nam cho đến nay là cao nhất với tốc độ CAGR 11%, vượt xa các nền kinh tế Đông Á, các quốc gia còn lại của Châu Á Thái Bình Dương và phương Tây

Sự phục hồi trên toàn cầu sau đại dịch sẽ gây ra sự chậm lại đáng kể đối với các thiết bị và vật tư được sử dụng trong việc quản lý bệnh nhân COVID-19 (ví dụ: máy thở và máy theo dõi bệnh nhân), nhưng lại tạo sự phục hồi trong việc bán các sản phẩm được sử dụng trong dịch vụ y tế theo yêu cầu hoặc thẩm mỹ (ví dụ: thiết bị chỉnh hình và nha khoa)[59].

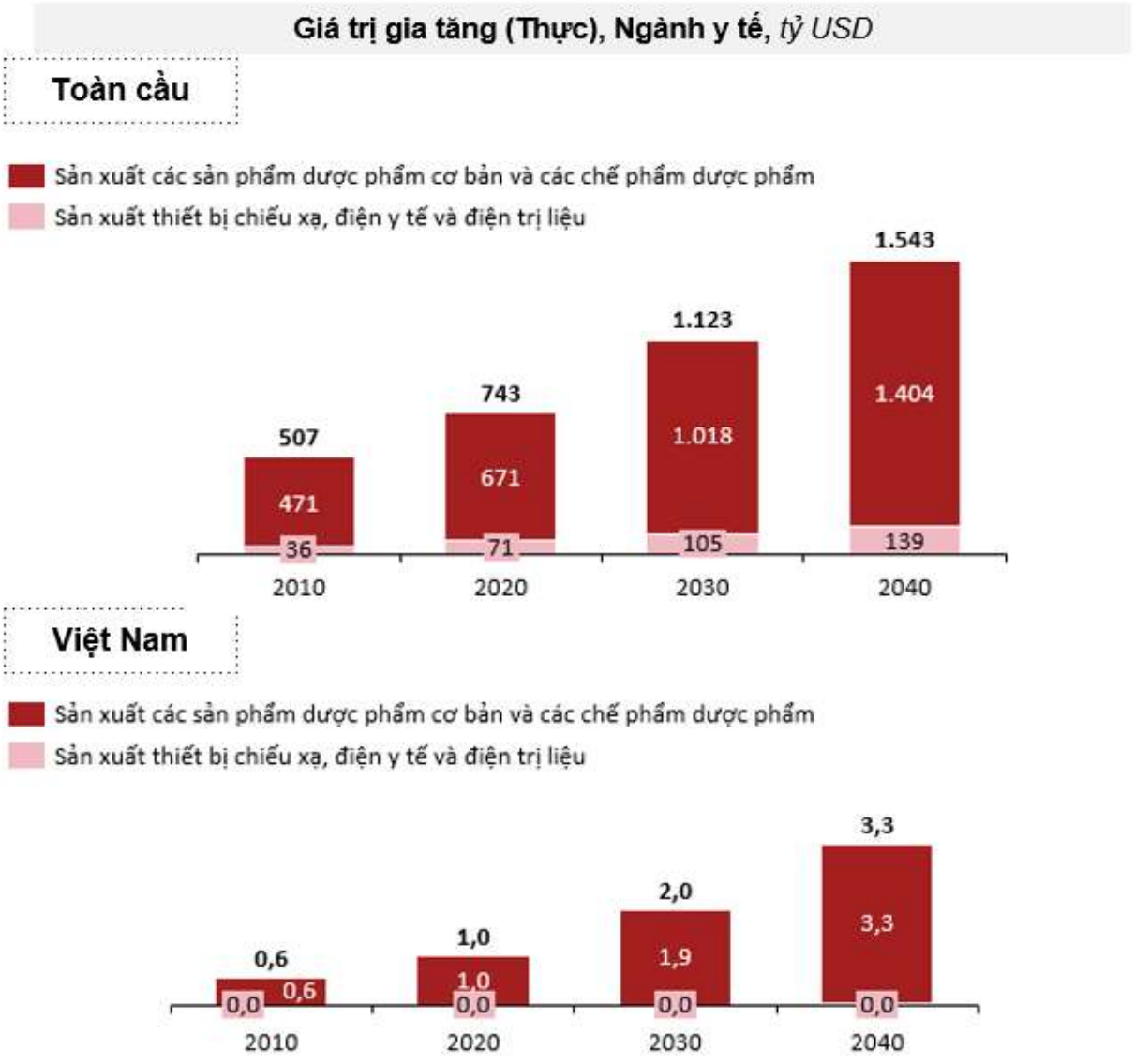
Hiện tại, Trung Quốc và Nhật Bản là hai thị trường dược phẩm lớn nhất thế giới. Khu vực Châu Á Thái Bình Dương sẽ tiếp tục thu hút đầu tư đáng kể từ các hãng dược phẩm đa quốc gia. Tuy nhiên, các nhà sản xuất sản phẩm thuốc đổi mới sáng tạo vẫn ưa chuộng các thị trường phát triển hơn, do có sự giám sát quản lý chặt chẽ hơn của hệ thống pháp luật và sức mua lớn hơn.

[58] Nguồn: Oxford Economics
[59] Nguồn: Oxford Economics

Khả năng chi trả và khả năng tiếp cận thuốc là những vấn đề then chốt ở các thị trường mới nổi, dẫn đến sự thống trị ngày càng tăng của dược phẩm thường (thuốc generic) có chi phí thấp tại các quốc gia này. Myanmar có thị trường dược phẩm nhỏ với mức chi tiêu bình quân đầu người thấp nhất trong khu vực trong khi Lào có sức mua thấp, điều này cho thấy nhu cầu thấp cũng như khả năng tiếp cận các loại thuốc tân tiến còn hạn chế.

Một môi trường giá cả khó khăn sẽ tạo ra thách thức cho các công ty dược phẩm ở Nhật Bản. Việc kiềm chế chi phí sẽ vẫn là vấn đề được quan tâm cao trong các chương trình nghị sự của chính phủ Úc. Công nghệ mới như 5G đã được sử dụng trên khắp thế giới để thử nghiệm trong xe cứu thương thông minh, bệnh viện được kết nối và cung cấp nguyên liệu y tế khẩn cấp thông qua máy bay không người lái.

Xu hướng trong ngành y tế Việt Nam



Giá trị gia tăng của Việt Nam đối với thị trường được dự kiến sẽ vượt xa thế giới với giá trị tăng gấp ba lần từ 1 tỷ đô la Mỹ vào năm 2020 lên 3,3 tỷ đô la Mỹ vào năm 2040. Tuy nhiên, giá trị gia

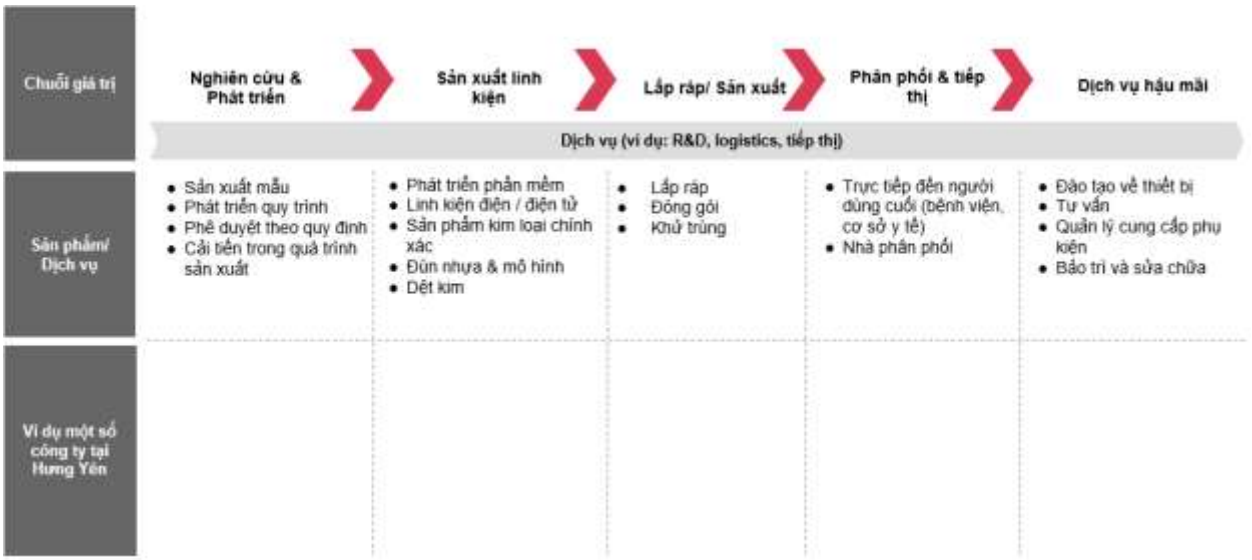
tăng còn rất thấp. Một phần có thể được giải thích là do Việt Nam không tham gia vào hoạt động sản xuất thiết bị chiếu xạ, điện y tế và điện trị liệu cả trong quá khứ và dự kiến trong tương lai (chiếm 0,0 tỷ đô la Mỹ ở Việt Nam như trong hình).

Lĩnh vực chăm sóc sức khỏe là ưu tiên của chính phủ. Tổng chi tiêu cho hoạt động chăm sóc sức khỏe dự kiến tăng trưởng với mức CAGR đạt 7,4% trong vòng 10 năm từ năm 2019, và đạt 26,9 tỷ đô la Mỹ vào năm 2029. Mức độ bao phủ y tế toàn dân và kế hoạch mở rộng sản xuất dược phẩm địa phương sẽ góp phần tăng các chi tiêu trong lĩnh vực dược phẩm và chăm sóc sức khỏe. Thị trường thiết bị y tế Việt Nam sẽ ghi nhận mức tăng trưởng cao trong giai đoạn 2020-2025 với tốc độ CAGR là 11,2%. 30% doanh nghiệp dược có vốn đầu tư nước ngoài. Chỉ hơn 20% thuốc sản xuất trong nước do các doanh nghiệp nước ngoài sản xuất và thuốc nhập khẩu chiếm trên 50% thị trường dược phẩm tính theo giá trị.

Thị trường y tế sẽ vẫn là một trong những thị trường hoạt động mạnh mẽ nhất ở khu vực Châu Á Thái Bình Dương, được hỗ trợ bởi tình hình kinh tế trong khu vực hoạt động tốt, chi tiêu chăm sóc sức khỏe tăng và khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe được cải thiện. Việt Nam sẽ tiếp tục phát triển như một địa điểm sản xuất cho các công ty thiết bị y tế và sẽ được hưởng lợi từ sự chuyển dịch cơ cấu trong lĩnh vực sản xuất đang diễn ra từ Trung Quốc. Ngoài ra, số lượng dân số đô thị hóa ngày càng tăng, dân số già và gánh nặng của các bệnh mãn tính ngày càng lớn mang lại nhiều cơ hội lâu dài cho các sản phẩm thuốc kê đơn[60].

Chuỗi giá trị ngành thiết bị y tế[61]

Hưng Yên vẫn chưa mạo hiểm tham gia vào lĩnh vực sản xuất thiết bị y tế. Điều này có thể giúp Hưng Yên đi tắt đón đầu các công đoạn có giá trị gia tăng cao như nghiên cứu và phát triển và dịch vụ hậu mãi



[60] Nguồn: EMIS, Fitch Solutions
[61] Nguồn: Viện Penang

Chuỗi giá trị ngành dược phẩm [62]

Trong tương lai, Hưng Yên có thể xem xét mạo hiểm tham gia vào phân khúc kê đơn, nơi có giá trị gia tăng cao hơn.

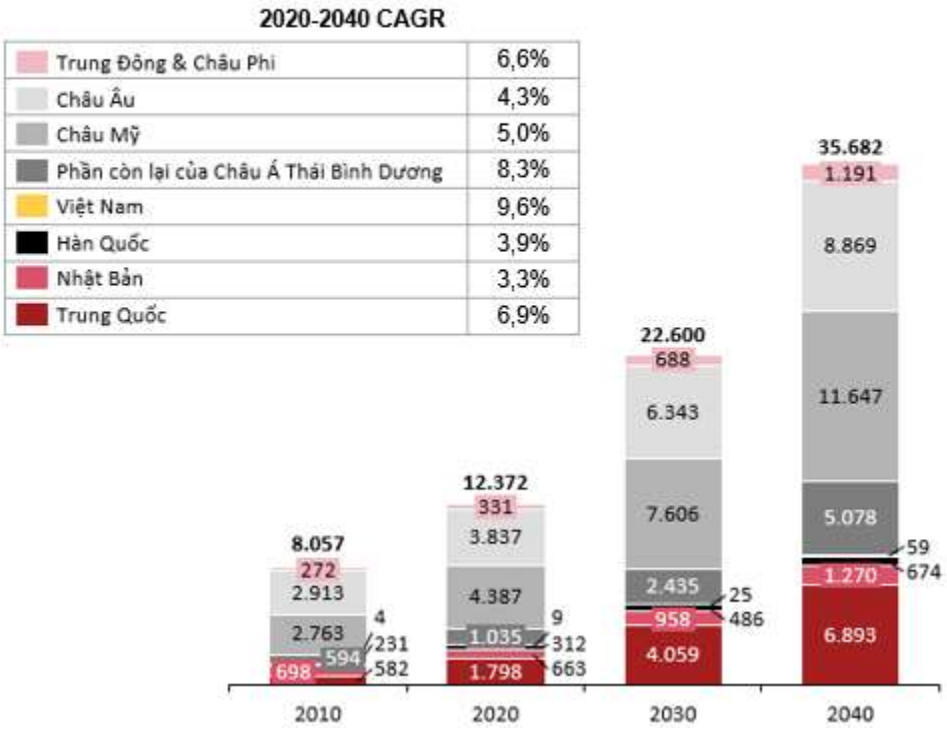


[62] Nguồn: Viện IMS

4.3.6. Ngành dịch vụ liên quan đến công nghiệp

Quy mô thị trường toàn cầu của ngành dịch vụ liên quan đến công nghiệp

Quy mô thị trường toàn cầu – Ngành dịch vụ liên quan đến công nghiệp
Tổng sản lượng danh nghĩa, tỷ USD



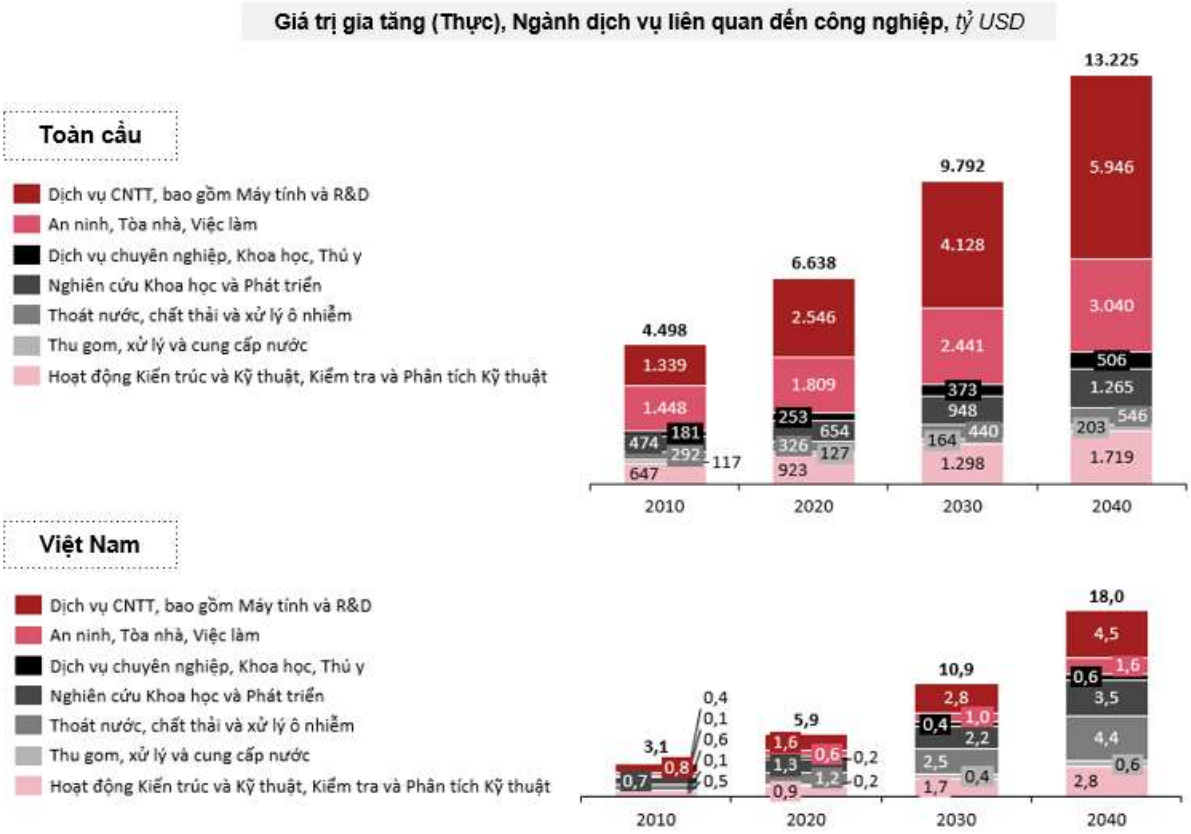
Quy mô thị trường toàn cầu của dịch vụ liên quan đến công nghiệp dự kiến sẽ tăng từ 12.372 tỷ đô la Mỹ vào năm 2020 lên 35.682 tỷ đô la Mỹ vào năm 2040. Châu Âu và Châu Mỹ sẽ tiếp tục là những khu vực dẫn đầu thị trường khi chiếm hơn một nửa thị phần toàn cầu. Việt Nam được dự kiến có tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ nhất với tốc độ CAGR là 9,6%. Nhu cầu toàn cầu đối với các dịch vụ ngành công nghiệp dự kiến sẽ hồi phục vào năm 2021 khi lợi nhuận doanh nghiệp, chi tiêu cho nghiên cứu và phát triển, chi tiêu của người tiêu dùng, hoạt động xây dựng và các động lực bên ngoài quan trọng khác tăng trưởng trở lại.

Thị trường quản lý chất thải toàn cầu đạt giá trị 383,83 tỷ đô la Mỹ vào năm 2020 và dự kiến sẽ tăng trưởng với tốc độ CAGR là 5% trong giai đoạn dự báo từ năm 2021 đến năm 2026. Thị trường quản lý chất thải toàn cầu có tính cạnh tranh cao, với nhiều đối thủ tập trung vào các công nghệ tiên tiến để tái chế và tái sử dụng chất thải được tạo ra từ các ngành công nghiệp và hộ gia đình trên toàn thế giới. Tăng trưởng thị trường trong lĩnh vực này được thúc đẩy bởi sự khan hiếm đất để xử lý chất thải hiệu quả và tập trung vào việc thu hồi năng lượng và nguồn lực, tăng mua các sản phẩm có thể tái chế và tăng cường áp dụng các biện pháp của chính phủ để giảm việc xả rác bất hợp pháp. Mặt khác, tính bền vững thấp trong quản lý chất thải và tầm quan trọng thấp đối với việc quản lý chất thải đang hạn chế sự tăng trưởng của thị trường.

Ngành thử nghiệm vật liệu sẽ tăng trưởng từ 696,5 triệu đô la Mỹ vào năm 2021 lên 822,75 triệu đô la Mỹ vào năm 2026 với tốc độ CAGR 6,46%. Chi tiêu toàn cầu cho nghiên cứu và phát triển

đã đạt mức cao kỷ lục gần 1,7 tỷ đô la Mỹ, trong đó khoảng 80% tổng chi tiêu được thực hiện ở 10 quốc gia. Năm 2019, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đức, Hàn Quốc và Pháp là những nước thực hiện nghiên cứu và phát triển lớn nhất trong khối các nước OECD. Mức độ nghiên cứu và phát triển của Trung Quốc đạt 86% so với Hoa Kỳ[63].

Xu hướng trong ngành dịch vụ liên quan đến công nghiệp tại Việt Nam



Sự phát triển ngành dịch vụ liên quan đến công nghiệp tại Việt Nam được dự kiến sẽ vượt xa thế giới với việc tăng gấp ba lần từ 5,9 tỷ đô la Mỹ vào năm 2020 lên 18,0 tỷ đô la Mỹ vào năm 2040 với tốc độ CAGR là 9,6%. Đến năm 2040, lĩnh vực trọng tâm chính của Việt Nam sẽ là dịch vụ công nghệ thông tin, phù hợp với xu hướng toàn cầu. Tuy nhiên, các lĩnh vực trọng tâm phụ của Việt Nam là thoát nước, xử lý chất thải, nghiên cứu và phát triển, sẽ khác so với xu hướng toàn cầu là tập trung vào an ninh, tòa nhà và việc làm cũng như các hoạt động kiến trúc và kỹ thuật, kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Tính đến năm 2016, tỷ lệ phát sinh chất thải ở Việt Nam là 0,33 kg/ đầu người/ ngày, là một trong những mức thấp nhất trong khu vực Châu Á Thái Bình Dương. Thị trường quản lý chất thải của Việt Nam sẽ tăng từ 3,95 tỷ đô la Mỹ vào năm 2019 lên 6,11 tỷ đô la Mỹ vào năm 2025 với tốc độ CAGR 7,55%. Vấn đề quản lý chất thải của Việt Nam ngày càng được quan tâm bởi tốc độ tăng trưởng kinh tế và gia tăng dân số thúc đẩy quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa. Việt Nam có kế hoạch chấm dứt sản phẩm nhựa dùng một lần ở các điểm du lịch và khu nghỉ dưỡng ven biển vào năm 2030.

[63] Nguồn: OECD, UNESCO

Tính đến năm 2019, Việt Nam chỉ chi 0,19% GDP cho nghiên cứu và phát triển. Samsung đã chọn Hà Nội để xây dựng cơ sở nghiên cứu và phát triển ở nước ngoài đầu tiên của mình, trị giá 220 triệu đô la Mỹ trong khi Qualcomm có trụ sở tại Hoa Kỳ cũng đã mở cơ sở nghiên cứu và phát triển đầu tiên của họ tại Hà Nội vào tháng 6 năm 2020[64].

Chuỗi giá trị ngành dịch vụ liên quan đến công nghiệp

Quản lý chất thải

Hưng Yên tham gia vào các lĩnh vực chính của chuỗi giá trị quản lý chất thải[65].



[64] Nguồn: Ngân hàng Thế giới, EMIS
[65] Nguồn: EMIS

Chuỗi giá trị hoạt động phòng thí nghiệm/ Nghiên cứu và phát triển[66]

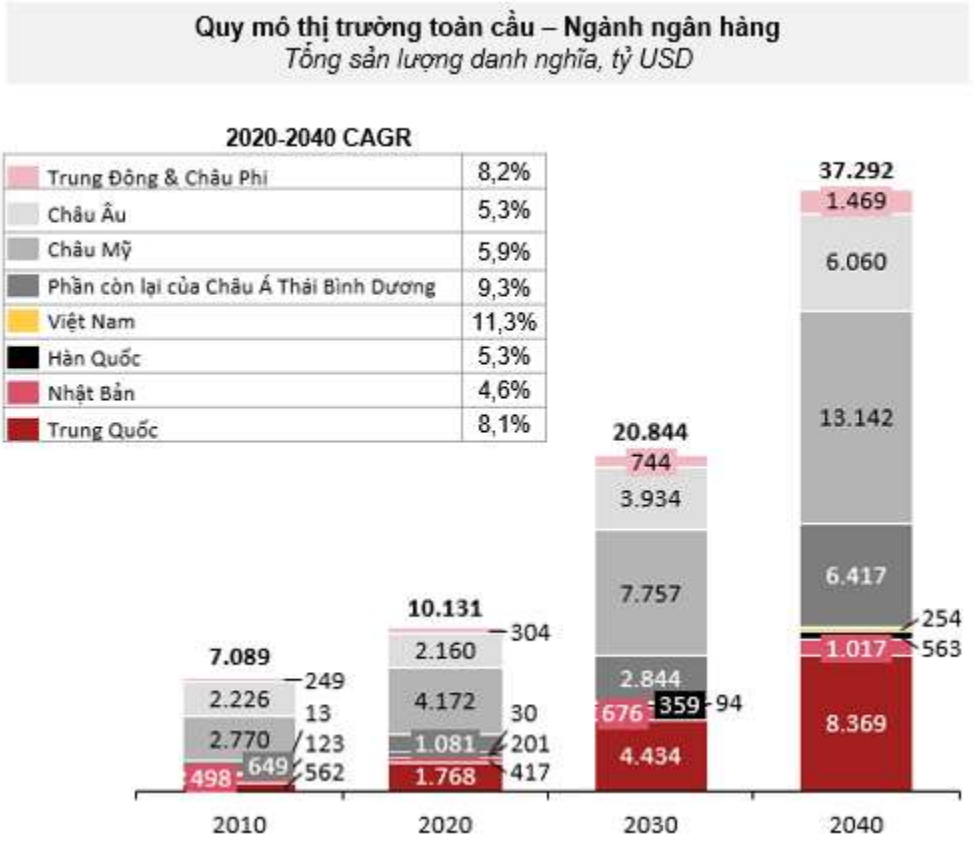
Chu trình nghiên cứu và phát triển thường xảy ra trong cùng một tổ chức. Hưng Yên có thể làm nhiều hơn nữa để thu hút thêm các công ty nghiên cứu và phát triển, chẳng hạn như hợp tác với các trường đại học địa phương.



[66] Nguôn: Harvard Business Review

4.3.7. Ngành ngân hàng

Quy mô thị trường toàn cầu của ngành ngân hàng



Quy mô thị trường toàn cầu của ngành ngân hàng dự kiến sẽ tăng hơn gấp ba lần từ 10.131 tỷ đô la Mỹ năm 2020 lên đến 37.292 tỷ đô la Mỹ vào năm 2040. Châu Mỹ luôn và sẽ tiếp tục dẫn đầu thị trường. Thị trường Châu Á đã vượt qua Châu Âu trước năm 2020. Ngành ngân hàng của Việt Nam có tốc độ tăng trưởng kép hàng năm là 11,3% (2020-2040), cao hơn nhiều so với tất cả các khu vực khác, bao gồm cả phần còn lại của Châu Á Thái Bình Dương (nói chung).

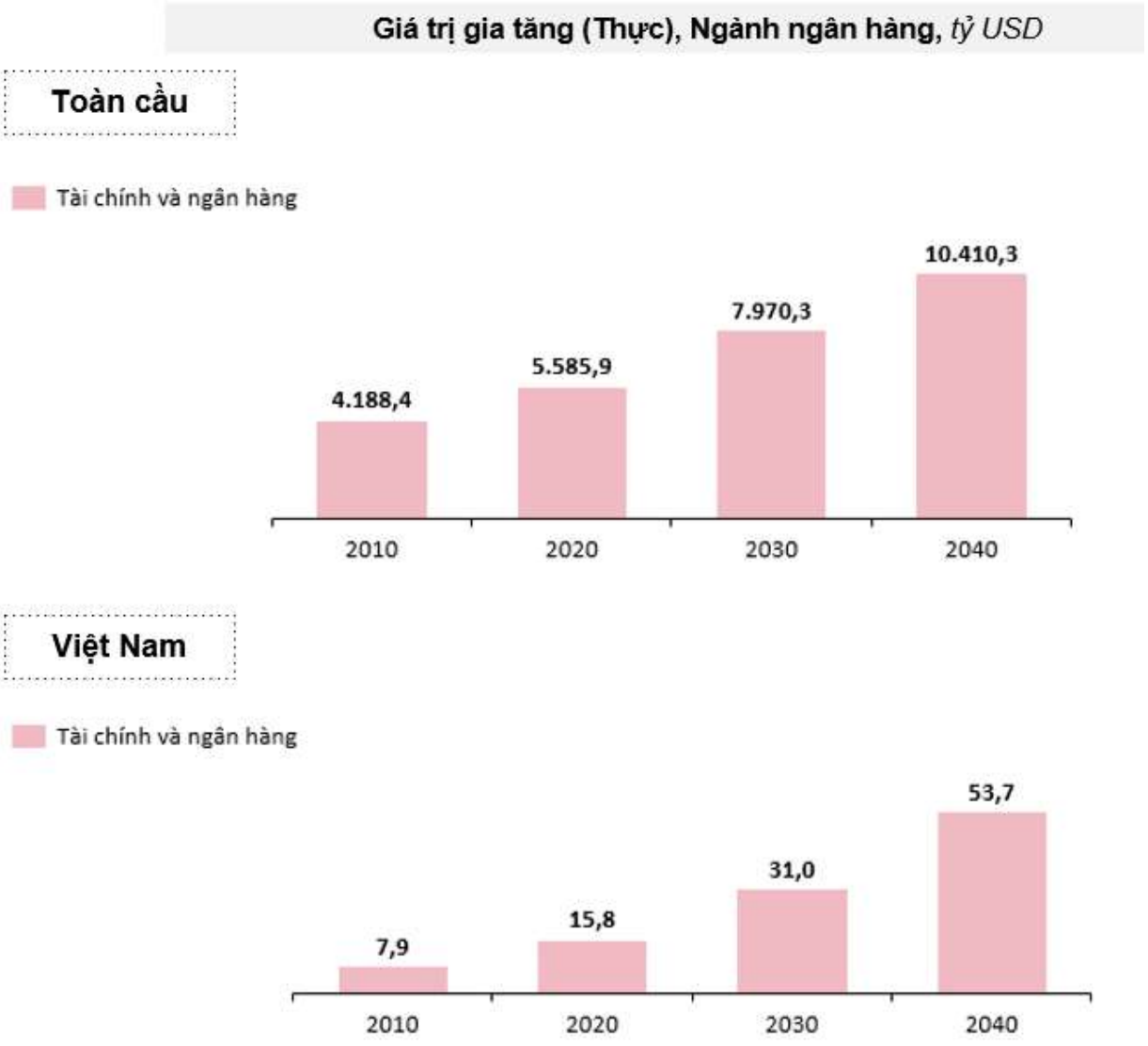
Chất lượng tín dụng ở một số quốc gia có thể kém hơn so với những quốc gia khác trong bối cảnh phục hồi không đồng đều. Triển vọng thu nhập của các ngân hàng Mỹ vẫn giảm do nhu cầu tín dụng yếu và thanh khoản dư thừa, nhưng các ngân hàng dự kiến nhu cầu cho vay sẽ tăng trong nửa cuối năm 2021.

Thị trường đang chờ xem liệu chất lượng tài sản có suy giảm nhanh hơn ở Tây Ban Nha, Ý và Bồ Đào Nha - những điểm nóng về du lịch đã bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch COVID-19, so với Bắc Âu hay không. Nhiều thị trường mới nổi ở Châu Á Thái Bình Dương vẫn đang vật lộn với tình trạng ngừng hoạt động và trì hoãn vắc xin. Khả năng hạn chế của việc huy động các chính sách tài khóa và tái bùng phát của virus Corona có thể gây ra những khó khăn ở các quốc gia như Ấn Độ.

Tuy nhiên, đại dịch đã đẩy nhanh quá trình số hóa ngân hàng và giúp chuyển dịch nhanh chóng sang nền kinh tế không dùng tiền mặt. Nhiều thị trường ngân hàng ở Châu Á và Bắc Âu đang

dẫn đầu trong việc cung cấp các sản phẩm hoàn toàn bằng kỹ thuật số. Các loại tiền kỹ thuật số cuối cùng có thể tác động đến hoạt động kinh doanh ngân hàng khi chính phủ ở các quốc gia khác nhau tìm kiếm các phương án để triển khai và thử nghiệm hạ tầng cần thiết. Các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị công ty đang nhanh chóng chiếm vị trí hàng đầu trong chiến lược kinh doanh của các ngân hàng và ưu tiên của cơ quan quản lý[67].

Xu hướng trong lĩnh vực ngân hàng Việt Nam [68]



Giá trị gia tăng của Việt Nam đối với lĩnh vực ngân hàng sẽ tăng khoảng 3,4%, từ 15,8 tỷ đô la Mỹ vào năm 2020 lên 53,7 tỷ đô la Mỹ vào năm 2040 với tốc độ CAGR là 11,3%. Tư nhân hóa các ngân hàng quốc doanh sẽ làm tăng khả năng cạnh tranh của ngành ngân hàng Việt Nam.

[67] Nguồn: S&P Global
[68] Nguồn: Fitch Solutions

Tạo thêm vùng đệm bổ sung và nhân khẩu học thuận lợi sẽ bổ sung vào triển vọng tích cực của ngành.

Việt Nam có 47 ngân hàng tính đến tháng 5 năm 2021.Bốn ngân hàng quốc doanh chiếm 48% tổng tài sản ngân hàng của Việt Nam. Chính phủ sẵn sàng đẩy nhanh quá trình tư nhân hóa các ngân hàng quốc doanh và các tổ chức khác, cung cấp thêm các cơ hội đầu tư trong nước. Tăng trưởng tài sản ngân hàng vượt xa mức tăng trưởng GDP từ khoảng 175% GDP năm 2019 lên khoảng 250% GDP vào năm 2030. Mặc dù các ngân hàng không có đủ bộ đệm vốn, nhưng họ đã thành công trong việc giảm các khoản nợ xấu và tăng tiền gửi trong thời gian gần đây.

Triển vọng dài hạn cho ngành dịch vụ tài chính ngân hàng Việt Nam vẫn sáng sủa. Tăng trưởng kinh tế trung bình khoảng 6,5% mỗi năm đến năm 2030 sẽ hỗ trợ tăng thu nhập và mở rộng tầng lớp trung lưu vốn đã phát triển. Dân số đông và ngày càng tăng với tỷ lệ tiết kiệm cao tạo ra tiềm năng tăng thu nhập nhanh hơn. Ngoài ra, chính phủ tương đối ổn định và cởi mở với hợp tác nước ngoài trong việc tích hợp thị trường dịch vụ tài chính với các nước khác ở châu Á giúp cho triển vọng ngành nhìn chung sẽ tươi sáng hơn.

Chuỗi giá trị ngành ngân hàng

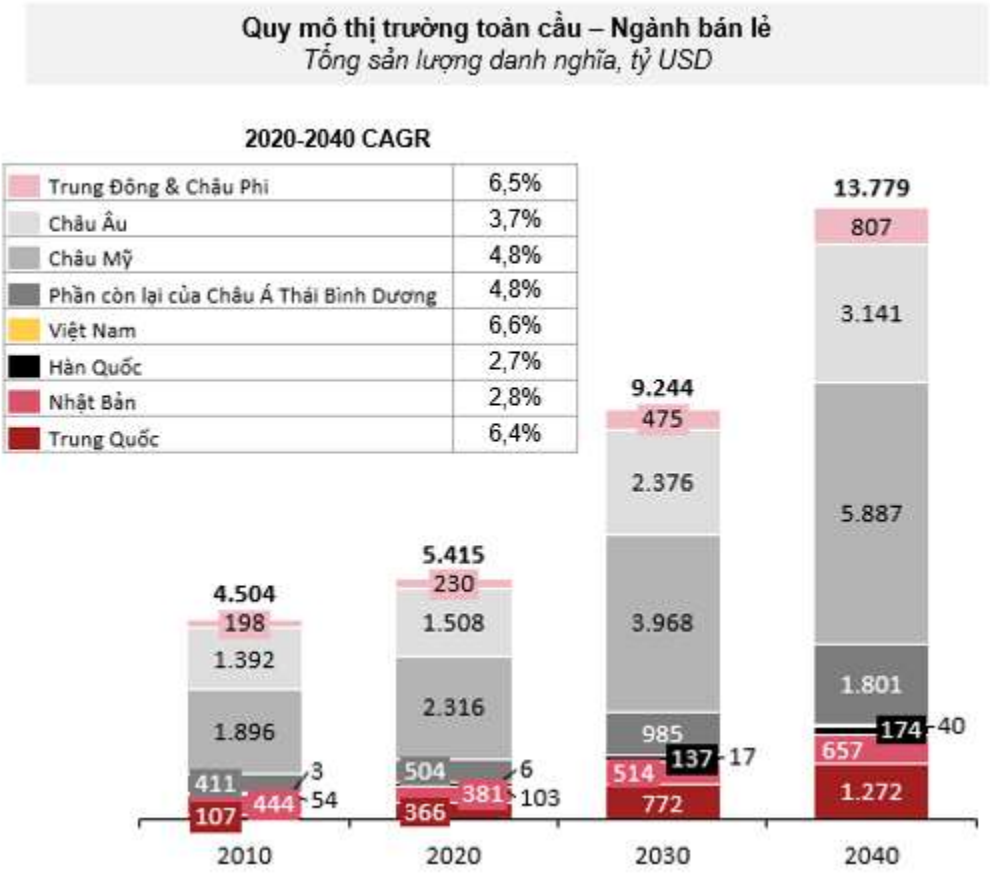
Chuỗi giá trị ngân hàng[69] bao gồm bốn giai đoạn chính. Sự phát triển của ngành ngân hàng ở Hưng Yên dựa vào sự phát triển của nền kinh tế địa phương, đặc biệt là các ngành có giá trị gia tăng cao, vì ngân hàng là cốt lõi của hoạt động kinh tế và là nơi thực hiện các giao dịch được diễn ra ở nền kinh tế địa phương.



[69] Nguồn: Naimi-Sadigh, A., Asgari, T. & Rabiei, M. Chuyển đổi kỹ thuật số trong chuỗi giá trị và sự phá vỡ của dịch vụ ngân hàngs. *J Knowl Econ* (2021)

4.3.8. Ngành bán lẻ

Quy mô thị trường toàn cầu của ngành bán lẻ



Quy mô thị trường toàn cầu của ngành bán lẻ dự kiến sẽ tăng hơn gấp đôi từ 5.415 tỷ đô la Mỹ vào năm 2020 lên 13.779 tỷ đô la Mỹ vào năm 2040. Châu Mỹ, tiếp theo là Châu Âu đã và sẽ tiếp tục dẫn đầu thị trường do chiếm phần lớn thị phần toàn cầu, do các nền kinh tế này có đồng tiền mạnh. Trung Đông là thị trường phát triển nhanh nhất với CAGR 6,5%.

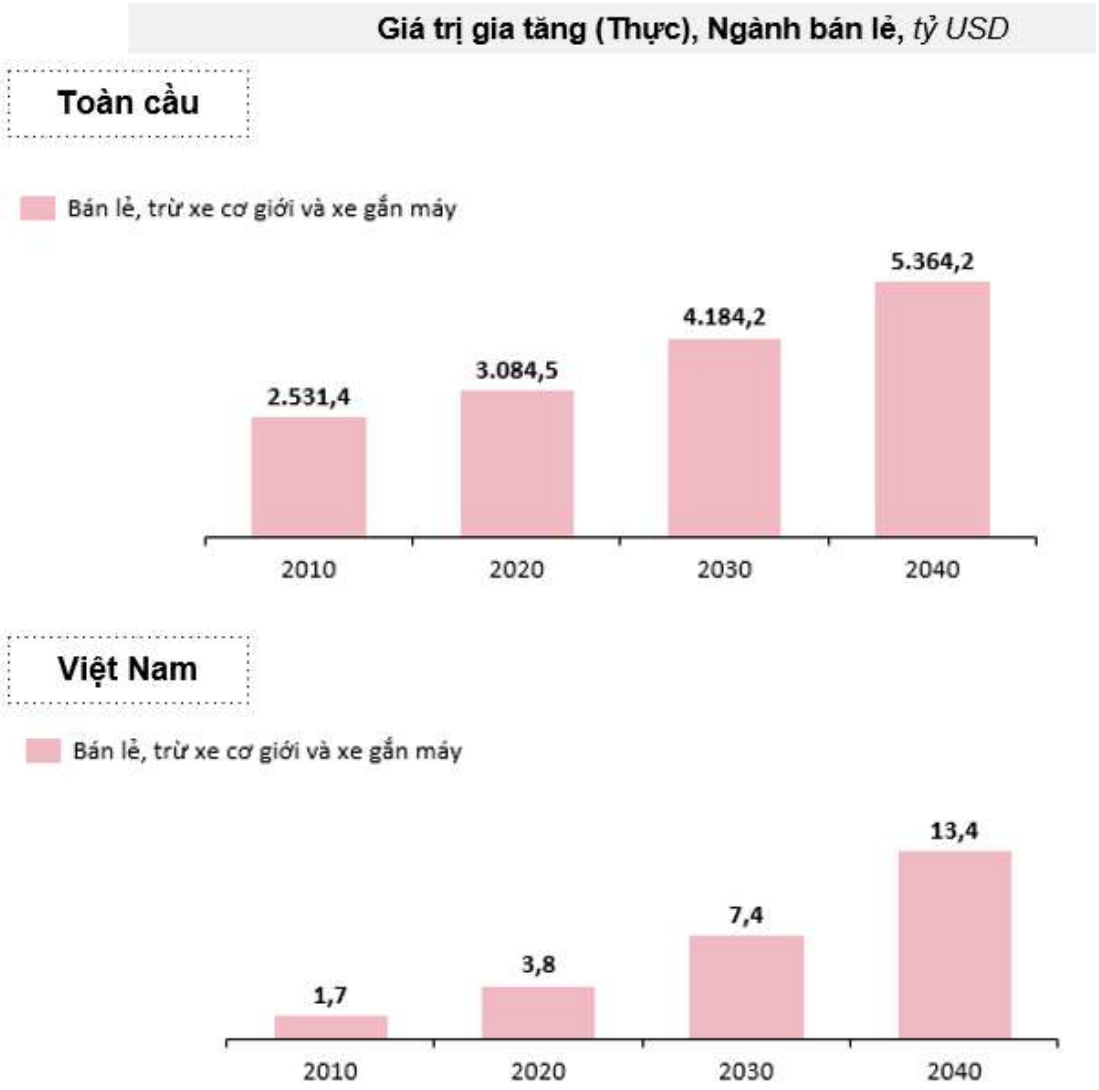
Do nền kinh tế toàn cầu phục hồi sau đại dịch vào năm 2021, thị trường sẽ trải qua sự gia tăng của những người tiêu dùng nhạy cảm với giá cả do việc ngừng các chương trình hỗ trợ của chính phủ, điều này sẽ khiến tỷ lệ thất nghiệp tăng cao hơn năm 2021. Tuy nhiên, nguy cơ tẩy chay từ người tiêu dùng vẫn còn cao xuất phát từ chính trị trong nước và chính sách đối ngoại.

Ngày càng có nhiều sự tập trung vào các yếu tố "xã hội" và "quản trị doanh nghiệp" trong các yếu tố môi trường – xã hội – quản trị (ESG) đối với các công ty hướng đến người tiêu dùng vì người tiêu dùng và nhà đầu tư yêu cầu sự hiểu biết sâu sắc hơn và minh bạch hơn về quan điểm của công ty về các vấn đề xã hội. Quần áo cũ đang được mua nhiều hơn khi người tiêu dùng thời trang đang dần theo các xu hướng thời trang bền vững, trong khi xu hướng quan hệ thương mại điện tử dự kiến sẽ trở nên gắn bó hơn trong mô hình mua hàng của người tiêu dùng, với việc các nhà bán lẻ thời trang nhanh và sản phẩm xa xỉ đang dẫn đầu sự thay đổi này[70].

[70] Nguồn: Fitch Solutions

Việc sử dụng các nền tảng trực tuyến mua ngay-trả sau sẽ đạt được động lực tăng trưởng vào năm 2021 do sự khó khăn của môi trường kinh tế vĩ mô, kết hợp với nhu cầu thương mại điện tử liên tục tăng. Hơn nữa, ngày càng nhiều người tiêu dùng chơi các trò chơi điện tử trực tuyến / phát trực tuyến đã tạo ra thị trường mới. Các công ty hay tiếp xúc với người tiêu dung có thể sử dụng bộ dữ liệu lớn để biết về sở thích và thói quen của người tiêu dùng, cho phép cá nhân hóa sản phẩm, để mua hàng trong trò chơi hoặc thông qua các liên kết đến trang web thương mại điện tử để mua hàng trong thế giới thực.

Xu hướng trong lĩnh vực bán lẻ tại Việt Nam



Việt Nam được dự kiến là một trong những thị trường tiêu dùng phát triển nhanh nhất ở các nước châu Á mới nổi với tốc độ CAGR là 6,6% trong giai đoạn từ năm 2020-2040. Giá trị gia tăng trên thị trường sẽ tăng hơn gấp ba lần từ 3,8 tỷ đô la Mỹ năm 2020 lên đến 13,4 tỷ đô la Mỹ năm 2040. Tăng trưởng ngành bán lẻ của Việt Nam được kì vọng là nhanh hơn mức tăng trưởng chung trên thế giới, do có nền kinh tế tăng trưởng nhanh. Mô hình bán lẻ theo phong cách phương

Tây đã có ở các thành phố lớn, cho thấy rằng cơ sở hạ tầng và dịch vụ logistics cần thiết đã có sẵn ở các thành phố lớn.

Tuy nhiên, vấn đề lớn nhất của thị trường bán lẻ Việt Nam là mô hình thương mại truyền thống có tỷ trọng tương đối cao so với hầu hết các nước đang phát triển khác trong khu vực Đông Nam Á, vốn đã tiến một bước dài theo hướng thương mại hiện đại. Sự phổ biến của hình thức bán lẻ truyền thống như chợ ẩm thực và chợ trời đang thách thức sự phát triển của các mô hình bán lẻ hiện đại. Hưng Yên có cơ hội phát triển các khu bán lẻ tập trung lớn cũng như các cửa hàng outlet, khu đại lý tiềm năng để thu hút khách du lịch và khách đến từ Hà Nội và Hải Phòng.

Các nhà cung cấp thương mại điện tử hàng đầu tại Việt Nam như Tiki, Shopee, Lazada, Sendo, Foody, đã góp phần phát triển ngành bán lẻ hiện đại. Ví dụ, các cửa hàng tạp hóa hiện đại đã chứng kiến sự gia tăng về doanh số bán hàng trực tuyến vào năm 2020 do ảnh hưởng từ đại dịch[71].

Việt Nam xếp thứ 70/190 quốc gia về mức độ dễ dàng kinh doanh của Ngân hàng Thế giới vào năm 2020, đứng trên Trung Quốc, Ấn Độ, Philippines và Bangladesh. Thị trường bán lẻ trong nước đang rất rộng mở, với môi trường đầu tư kinh doanh tốt sẽ tiếp tục thu hút các nhà bán lẻ nước ngoài. Giá nhân công rẻ đang thúc đẩy các nhà sản xuất chuyển từ Trung Quốc sang Việt Nam. Tuy nhiên, việc cải tiến hơn nữa đối với cơ sở hạ tầng sẽ giúp việc phân phối trở nên dễ dàng hơn cho các nhà bán lẻ.

Dân số nhân khẩu học lớn, trẻ và vẫn đang phát triển mang lại cơ hội tăng trưởng cao cho các nhà bán lẻ. Thu nhập hộ gia đình và tầng lớp trung lưu ngày càng tăng sẽ thúc đẩy mức thu nhập khả dụng, tăng cơ hội cho các nhà bán lẻ. Tỷ lệ truy cập Internet và di động cao mang đến cơ hội hấp dẫn trong thị trường thương mại điện tử vốn đang phát triển nhanh chóng ở Việt Nam, và tạo sự cạnh tranh giữa các gã khổng lồ thương mại điện tử với nhau[72].

[71] Nguồn: Asia Perspective
[72] Nguồn: S&P Global

Chuỗi giá trị ngành bán lẻ[73]

Sở Công Thương Hưng Yên đang có kế hoạch chuẩn bị những ý tưởng cần thiết để chuyển đổi chợ dân sinh quy mô nhỏ (dưới 1.000 m2) thành hình thức bán lẻ hiện đại khi mức tiêu dùng của người dân đạt mức cao hơn. Tỉnh có kế hoạch phát triển các chợ bán buôn và bán lẻ quy mô lớn, các cửa hàng tiện lợi (bán các đồ thiết yếu) và các cửa hàng tự chọn quy mô nhỏ. Ngoài ra, Hưng Yên cũng có kế hoạch phát triển các cửa hàng lưu niệm ở các vùng nông thôn cho khách du lịch và các cửa hàng giới thiệu và trưng bày các sản phẩm đặc sản của Hưng Yên như quả nhãn.

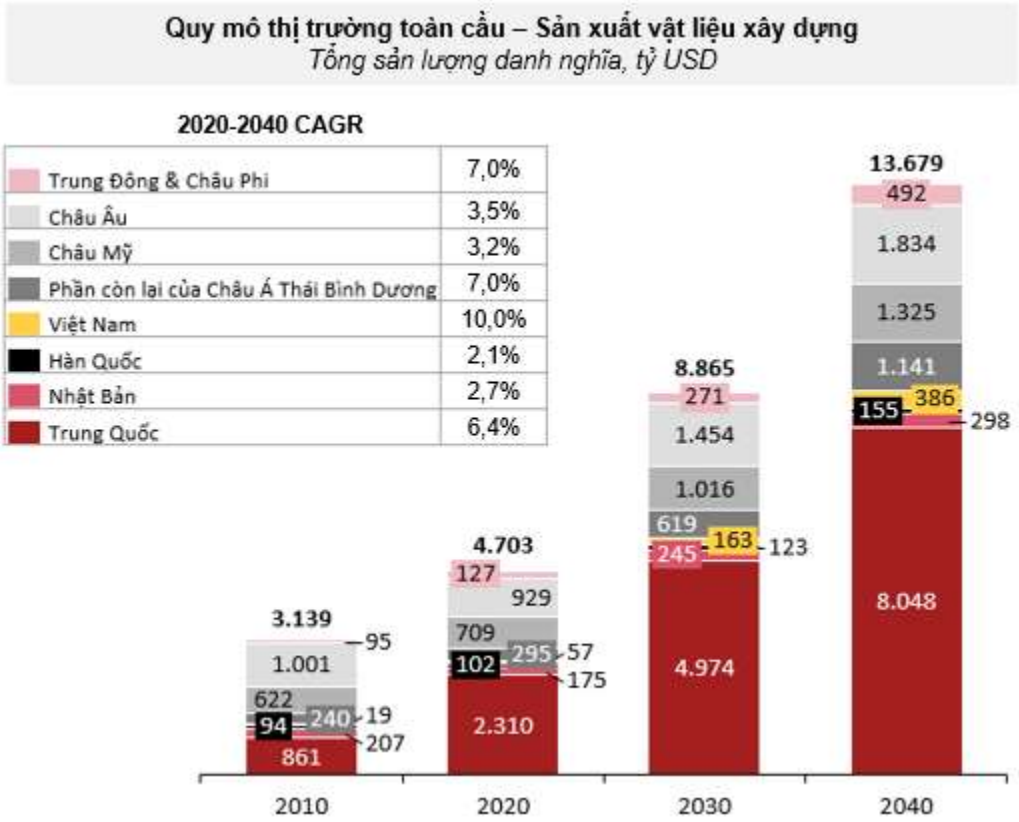


[73] Nguồn: S&P Global

4.3.9. Ngành kỹ thuật

Trong báo cáo này, ngành kỹ thuật đề cập đến lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng (công nghiệp) và sửa chữa, lắp đặt máy móc và thiết bị (dịch vụ).

Quy mô thị trường toàn cầu của ngành kỹ thuật

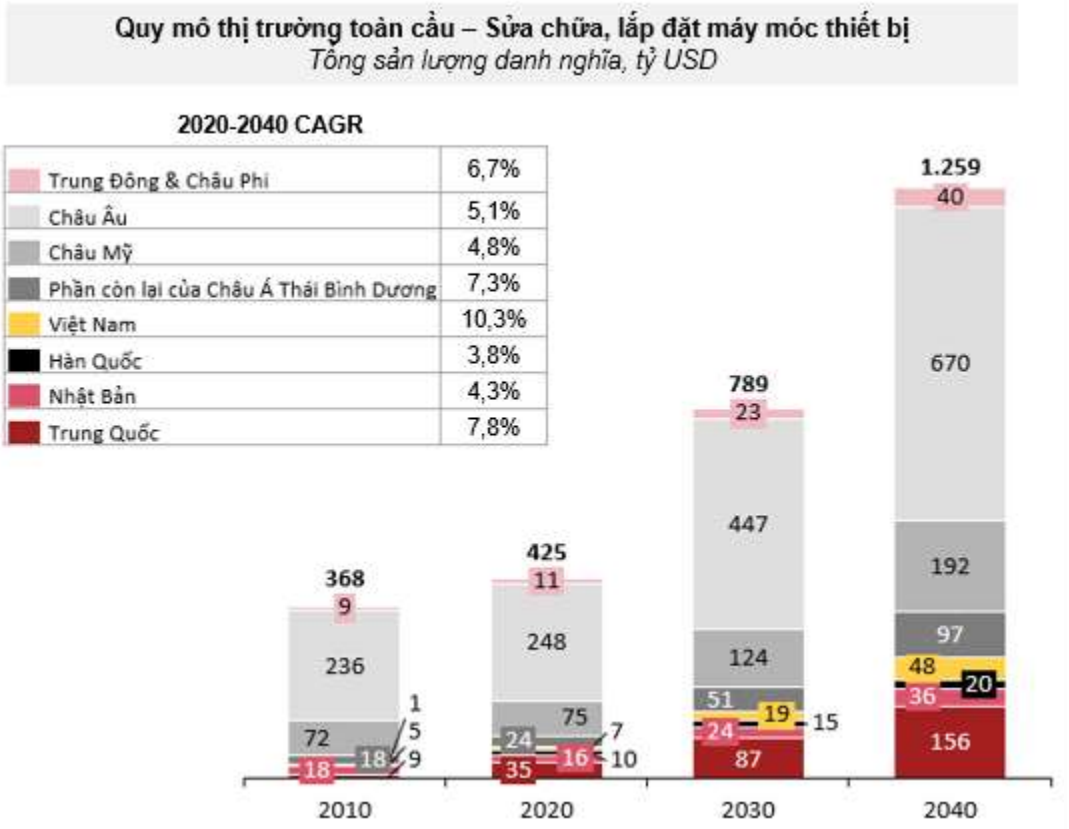


Quy mô thị trường toàn cầu của ngành vật liệu xây dựng dự kiến sẽ tăng từ 4.703 tỷ đô la Mỹ vào năm 2020 lên 13.679 tỷ đô la Mỹ vào năm 2040. Trung Quốc sẽ tiếp tục chiếm phần lớn thị phần toàn cầu. Trung Đông và Châu Á Thái Bình Dương (ngoài Hàn Quốc và Nhật Bản) sẽ là những khu vực phát triển nhanh. Tăng trưởng của Việt Nam dự kiến sẽ vượt xa khu vực Châu Á Thái Bình Dương nói chung với tốc độ CAGR là 10%.

Trung bình, khoảng 90% hàng hóa của ngành này được tiêu thụ bởi các ngành khác thay vì được tiêu thụ trực tiếp bởi các hộ gia đình, do đó, kết quả hoạt động của ngành có xu hướng phát triển theo xu hướng của nền kinh tế nói chung. Vật liệu xây dựng đóng góp khoảng 9% vào năm 2021 và 2% từ năm 2026 đến năm 2030 theo xu hướng tăng trưởng toàn cầu.

Các nền kinh tế thị trường mới nổi sẽ tiếp tục là động lực thúc đẩy sự tăng trưởng của lĩnh vực công nghiệp và vật liệu xây dựng. Khi Trung Quốc tiếp tục thống trị chuỗi cung ứng toàn cầu, Ấn Độ được dự báo sẽ vượt trội hơn các đối thủ cạnh tranh ở Châu Á - Thái Bình Dương trong 4 năm tới. Các nền kinh tế lớn của Châu Âu được cho là sẽ hoạt động yếu trong dài hạn, ngoại trừ Nga.

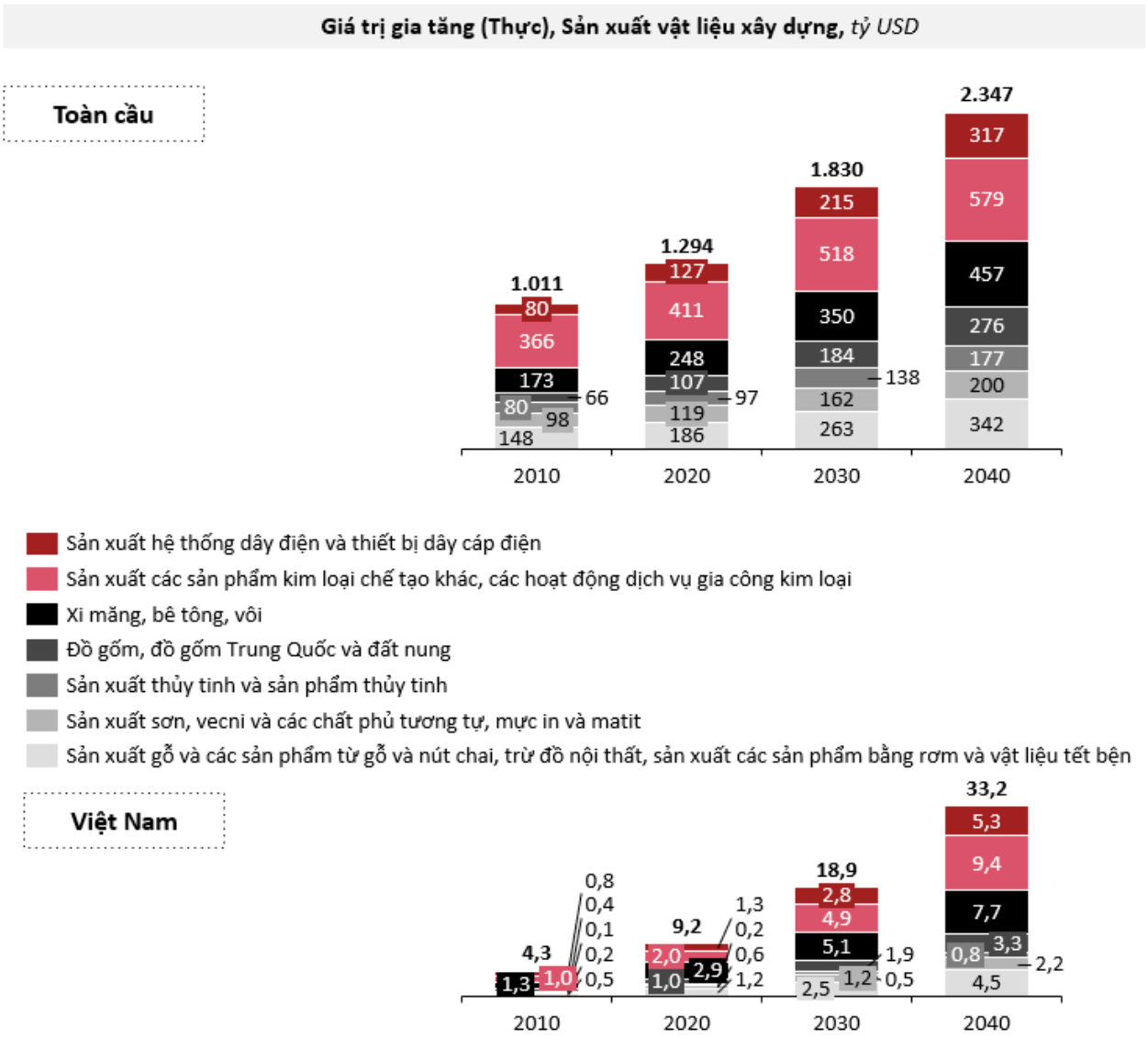
Do giá dầu dự kiến sẽ hạ nhiệt vào cuối năm 2021, nhiều ngành quan trọng sử dụng dầu là nguyên liệu đầu vào nên tăng cường hoạt động và tiêu thụ nhiều hơn ở các vật liệu công nghiệp và vật liệu xây dựng. Các ga đường sắt mới được mua lại và mở tại Tây London, Liverpool và Patna (Ấn Độ) để giảm lượng phương tiện di chuyển và lượng khí thải CO2[74].



Quy mô thị trường toàn cầu của ngành sửa chữa, lắp đặt máy móc và thiết bị tương đối nhỏ hơn, nhưng cũng cho thấy tốc độ tăng trưởng tương tự. Đặc biệt, ngành này của Việt Nam cũng có mức tăng trưởng mạnh mẽ, với CAGR là 10,3%. Điều này phản ánh nhu cầu ngày càng tăng đối với các dịch vụ liên quan đến công nghiệp khi Việt Nam phát triển thành một nền kinh tế công nghiệp hóa và đa dạng hóa hơn.

[74] Nguồn: EMIS, Oxford Economics

Xu hướng trong ngành kỹ thuật tại Việt Nam

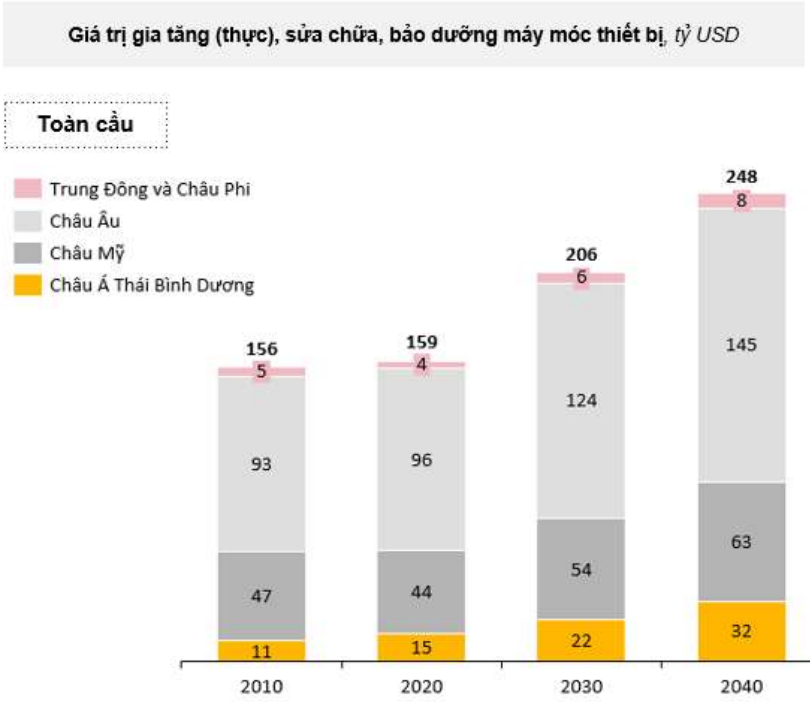


Giá trị gia tăng trong ngành kỹ thuật của Việt Nam được dự kiến sẽ tăng nhanh từ 16,3 tỷ đô la Mỹ năm 2020 lên đến 47,1 tỷ đô la Mỹ vào năm 2040, theo xu hướng toàn cầu với sự tập trung rất cao vào lĩnh vực xây dựng. Nhu cầu xây dựng thấp, nhiều dự án bị hoãn, giãn tiến độ và xuất khẩu đóng băng dẫn đến nhu cầu vật liệu xây dựng thấp. Ngành công nghiệp kim loại dự kiến sẽ tăng trưởng với tốc độ CAGR 11,2% từ năm 2019 đến năm 2024 trong khi thị trường gạch men dự kiến sẽ mở rộng với tốc độ CAGR 8% từ năm 2020 đến năm 2025.

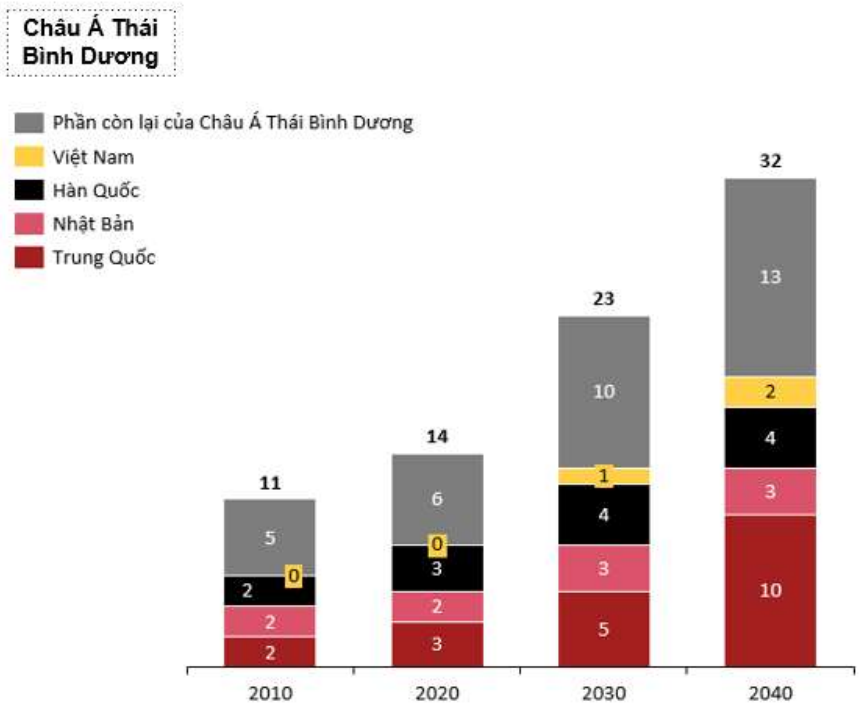
Việt Nam là một thị trường phát triển nhanh chóng về hóa chất và các chất dẫn xuất. Tự cung tự cấp về sản xuất dầu mang lại lợi thế về nguyên liệu, giúp phát triển ngành công nghiệp hóa dầu, khiến Việt Nam có đủ khả năng để đáp ứng nhu cầu hóa dầu của Trung Quốc. Tiếp cận thương mại tự do vào các thị trường Đông Nam Á và liên minh Châu Âu sẽ đưa Việt Nam trở thành một trung tâm sản xuất hóa dầu mới nổi.

Đường sắt ở Việt Nam ít được ưu tiên hơn so với nâng cấp đường hàng không và đường cao tốc. Có khoảng 20 công ty trong ngành đường sắt tập trung vào lĩnh vực bảo trì, an toàn giao thông và tín hiệu đường sắt, với vốn điều lệ khoảng 20 tỷ đồng (870.000 đô la Mỹ) và mỗi công ty có 500 đến 1.000 nhân viên. Hợp đồng bảo trì được ký với Tổng công ty Đường sắt Việt Nam từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, trị giá 2,82 nghìn tỷ đồng (122,47 triệu đô la Mỹ).

Bộ Giao thông Vận tải đã công bố quy hoạch tổng thể mạng lưới đường bộ giai đoạn 2021 - 2030, ước tính chi phí từ 43 tỷ đô la Mỹ đến 65 tỷ đô la Mỹ. Quy hoạch tổng thể bao gồm các tuyến đường sắt cao tốc giữa Hà Nội và Vinh và hai đoạn đường sắt nối với cảng Lạch Huyện và đến cảng container Cái Mép[75].



[75] Nguồn: Báo Đầu tư



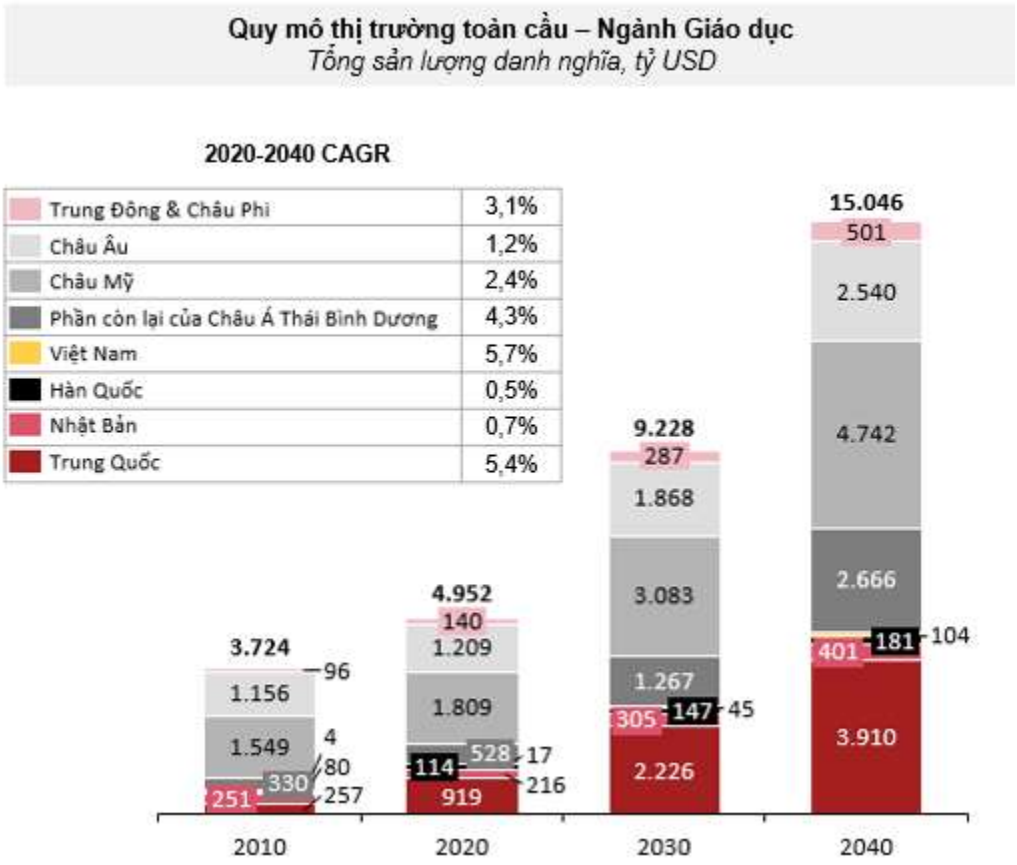
Chuỗi giá trị ngành kỹ thuật

Bằng chứng cho thấy, sự tham gia của Hưng Yên vào các ngành kỹ thuật hiện nay không đáng kể nhưng có thể được hỗ trợ bởi các doanh nghiệp vừa và nhỏ, vốn ít xuất hiện trên thị trường (cần tiềm hiểu thêm để xác thực điều này). Tuy nhiên, sự phát triển nhanh chóng ở Hưng Yên và các tỉnh phía Bắc sẽ góp phần làm tăng nhu cầu về vật liệu xây dựng và dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng trong tương lai.

Chuỗi giá trị	Nguyên liệu khai thác	Sản xuất	Cung cấp & Cài đặt	Phân phối	Phát triển & xây dựng
	Services				
Sản phẩm/ Dịch vụ	Chế tạo và khai thác nguyên liệu thô	Chuyển hóa nguyên liệu thô thành thành phẩm	Phân phối cho người bán và lắp đặt các sản phẩm chuyên dụng	Bán và phân phối vật liệu	Thiết kế và xây dựng các công trình thương mại và cơ sở hạ tầng trong nước
Ví dụ một số công ty tại Hưng Yên					

4.3.10. Ngành giáo dục

Quy mô thị trường toàn cầu của ngành giáo dục



Thị trường giáo dục toàn cầu dự kiến sẽ đạt khoảng 9 nghìn tỷ đô la Mỹ vào năm 2030 và 15 nghìn tỷ đô la Mỹ vào năm 2040. Trong khi khu vực Châu Mỹ dự kiến sẽ tiếp tục có thị phần lớn nhất, phần còn lại của khu vực Châu Á Thái Bình Dương sẽ vượt qua Châu Âu vào năm 2040. Việt Nam sẽ có tốc độ tăng trưởng 5,7%, vượt qua các nền kinh tế Đông Á và phần còn lại của Châu Á Thái Bình Dương.

Sự gia tăng dân số ở các thị trường đang phát triển thúc đẩy sự mở rộng quy mô lớn và công nghệ tiên tiến như cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 giúp thúc đẩy việc đào tạo lại kỹ năng và nâng cao kỹ năng chưa từng có trước đây ở các nền kinh tế phát triển. Thập kỷ tới sẽ chứng kiến thêm 350 triệu học sinh tốt nghiệp sau trung học cơ sở và thêm gần 800 triệu học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông so với hiện nay. Châu Á và Châu Phi là động lực thúc đẩy sự mở rộng này. Thế giới cần thêm trung bình 1,5 triệu giáo viên mỗi năm và tổng số 100 triệu giáo viên để bắt kịp với những thay đổi chưa từng có trong giáo dục trên toàn thế giới.[76]

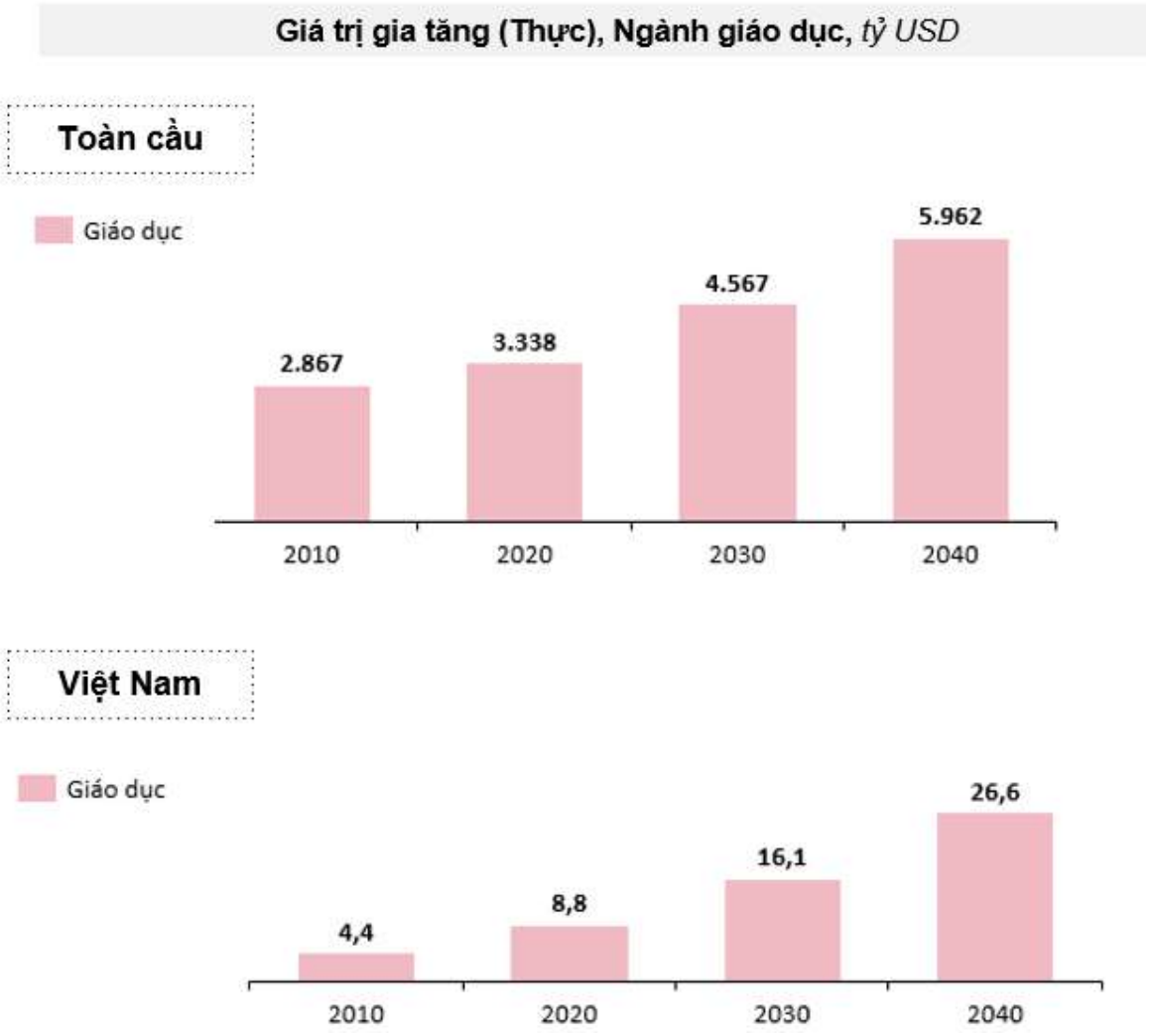
75 triệu việc làm ở 20 nền kinh tế lớn sẽ bị thay thế bởi các công nghệ mới nổi vào năm 2022, trong đó 6,6 triệu việc làm sẽ bị dư thừa ở các nền kinh tế ASEAN-6[77]. Mặt khác, những công

[76] Nguồn: HolonIQ
[77] ASEAN-6 là 6 nền kinh tế lớn nhất Đông Nam Á, bao gồm: Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore, Thái Lan và Việt Nam

nghệ này có thể tạo ra 133 triệu việc làm mới. Công dân ở các nước Đông Nam Á ngày nay được hưởng giáo dục tốt hơn và được làm quen với các công nghệ kỹ thuật số tốt hơn bao giờ hết[78].

Sự thay đổi công nghệ ảnh hưởng đến lớp học bằng cách tăng cường sử dụng thực tế ảo và thực tế tăng cường. Các cơ sở giáo dục đại học đã tăng cường tập trung vào đào tạo các kỹ năng mềm như tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo. Các cơ sở giáo dục cũng đã bắt đầu cải thiện liên kết và hợp tác với khu vực tư nhân và nhà nước ở cấp địa phương và quốc gia để cung cấp nhiều khóa đào tạo thực hành hơn. Các cơ sở giáo dục đại học ở khu vực Đông Nam Á đang thu hút sự hợp tác trên toàn khu vực cũng như trên toàn cầu và điều chỉnh chiến lược giáo dục quốc gia của mình phù hợp với các quốc gia khác. Tuy nhiên, tình trạng thiếu giáo viên ở các nước Châu Á vẫn là một trở ngại vì việc tuyển dụng giáo viên có kinh nghiệm trong ngành là một thách thức.

Xu hướng trong ngành giáo dục Việt Nam



[78] Tổ chức Lao động Quốc tế, Ngân hàng Phát triển Châu Á, Pearson Education

Giá trị gia tăng trong lĩnh vực giáo dục tại Việt Nam sẽ tăng từ 8,8 tỷ đô la Mỹ lên 26,6 tỷ đô la Mỹ trong giai đoạn 2020 - 2040. Việt Nam xếp thứ 48 trong số 157 quốc gia về chỉ số con người (HCI) của Ngân hàng Thế giới, đây là kết quả tốt nhất trong số các quốc gia có thu nhập trung bình vì khả năng tiếp cận giáo dục đại học tại Việt Nam đã tăng hơn gấp đôi kể từ năm 2000. Tuy nhiên, tỷ lệ tiếp cận vẫn dưới 30%, một trong những tỷ lệ thấp nhất trong số các nước Đông Á.

Các cuộc điều tra hộ gia đình trên toàn quốc cho thấy sinh viên tốt nghiệp đại học và cao đẳng có tỷ lệ tham gia lực lượng lao động cao nhất (88%), có nhiều khả năng có việc làm với mức lương cao hơn theo hợp đồng và kiếm được nhiều hơn đáng kể (50%-90%) so với sinh viên tốt nghiệp trung học.

Việt Nam đã chứng kiến sự tăng trưởng nhanh chóng về số lượng các cơ sở giáo dục và đào tạo kỹ thuật và dạy nghề, cải thiện tỷ lệ biết chữ, tỷ lệ giáo viên-học sinh được cải thiện và tỷ lệ học sinh nhập học cao hơn nhờ những cải cách như Chương trình cải cách giáo dục đại học (2005-2020). Tuy nhiên, tiến bộ trong giáo dục đại học còn chậm và tiếp tục có khả năng là một thách thức quan trọng đối với Việt Nam.

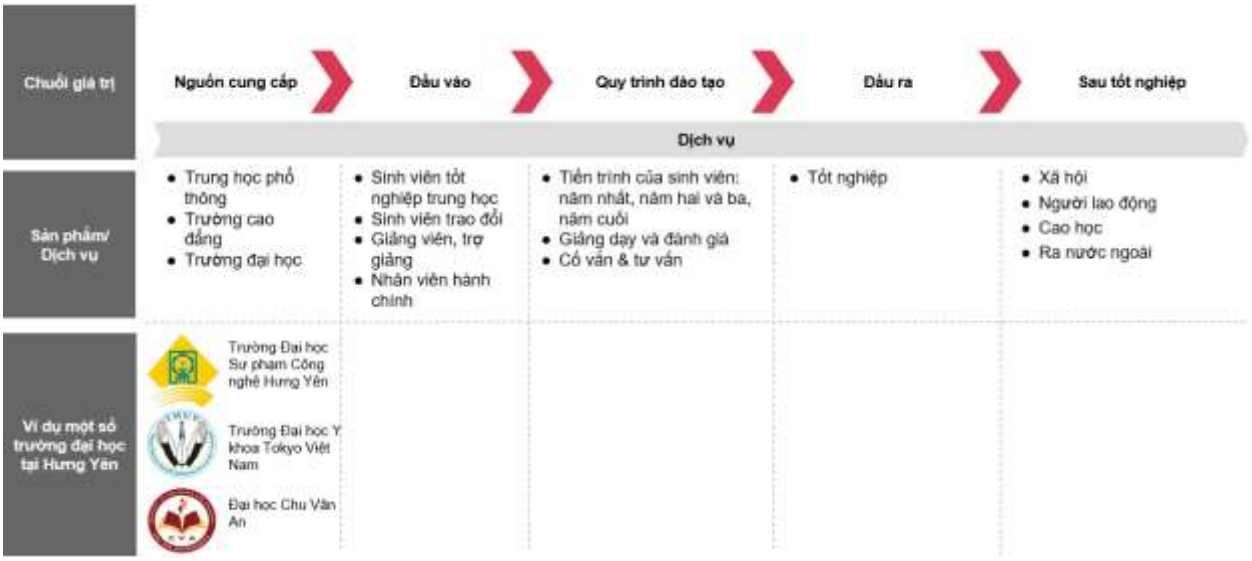
Đa số các cơ sở đào tạo được chuẩn bị cho cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư với hơn 50% cơ sở xem xét lại chương trình giảng dạy của mình ít nhất một lần mỗi năm. Mối liên hệ giữa giáo dục đại học và phát triển kinh tế - xã hội được ghi nhận rõ ràng.

Nhu cầu ngày càng tăng đối với lĩnh vực dịch vụ cũng như các sản phẩm và dịch vụ kỹ thuật số đồng nghĩa với việc cần phải đầu tư hơn nữa vào giáo dục đại học. Bộ Giáo dục và Đào tạo đang trong quá trình xây dựng chiến lược/quy hoạch tổng thể giáo dục đại học mới giai đoạn 2021 đến năm 2030[79].

[79] Tổ chức Lao động Quốc tế, Bộ Khoa học và Công nghệ

Chuỗi giá trị ngành giáo dục đại học[80]

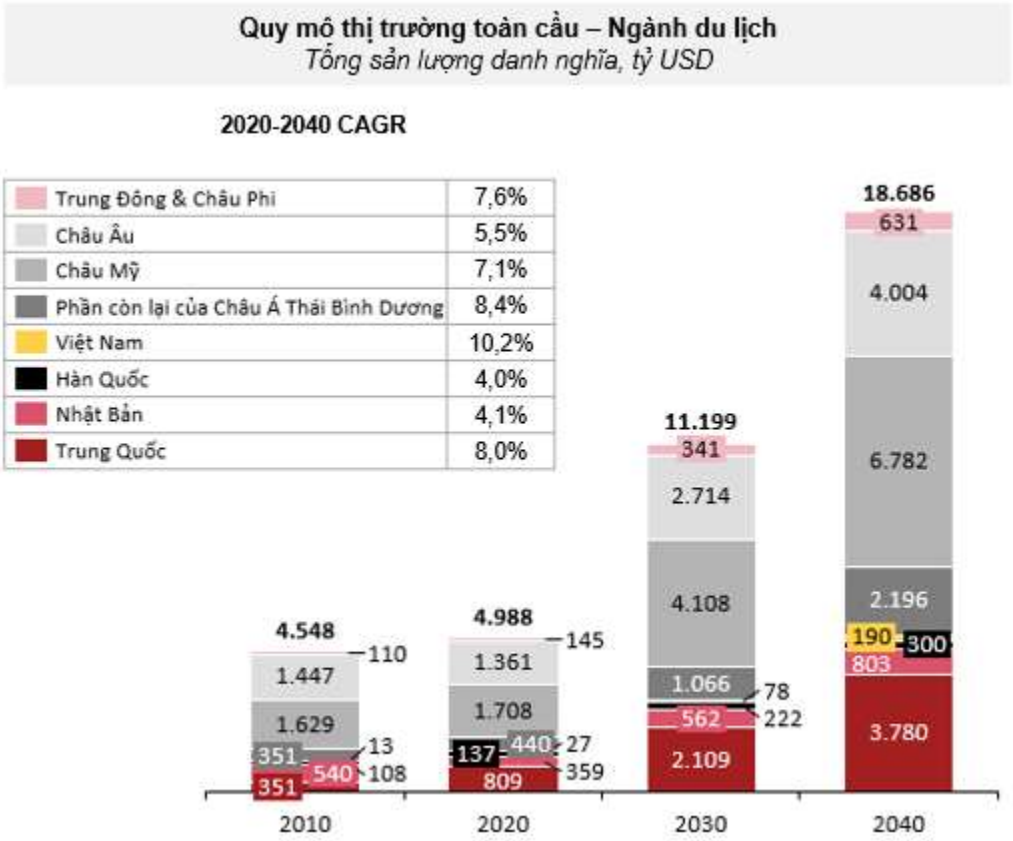
Số lượng trường đại học tại Hưng Yên có tiềm năng phát triển, nhờ có lợi thế về vị trí gần Hà Nội. Chuỗi giá trị ngành của Hưng Yên có thể được nâng cao bằng cách hợp tác với các doanh nghiệp để nâng cao kỹ năng thực hành của sinh viên tốt nghiệp.



[80] Đại học quốc gia California

4.3.11. Ngành du lịch văn hóa và tâm linh

Quy mô thị trường toàn cầu của ngành du lịch



Thị trường du lịch toàn cầu sẽ tăng nhanh từ 4.988 tỷ đô la Mỹ lên khoảng 18.686 tỷ đô la Mỹ vào năm 2040. Phần còn lại của khu vực Châu Á Thái Bình Dương tiếp tục chiếm khoảng một phần ba thị phần vào năm 2040. Các thị trường mới nổi sẽ có mức tăng trưởng mạnh nhất trong lĩnh vực này (Việt Nam có mức tăng trưởng CAGR cao nhất với 10,2%, tiếp theo là các nước còn lại của khu vực Châu Á Thái Bình Dương với 8,4%, và Trung Quốc với 8%).

Nhu cầu du lịch toàn cầu ước tính đã giảm 73% vào năm 2020[81]. Thu nhập và tác động của việc làm sẽ làm giảm khả năng chi trả cho du lịch. Nhu cầu đi du lịch bị dồn nén đáng kể tuy nhiên vẫn sẽ bị hạn chế bởi tác động kéo dài của suy thoái kinh tế lên tiền lương và việc làm.

Mức độ đi lại vì mục tiêu du lịch giải trí sẽ dẫn đầu vì đi lại công tác sẽ vẫn giảm. Các sự kiện trực tuyến và kết hợp giữa trực tuyến và tại chỗ sẽ tiếp tục thay thế một số cuộc họp và sự kiện gặp trực tiếp, nhưng giá trị của các cuộc họp trực tiếp vẫn sẽ được phục hồi sau này.

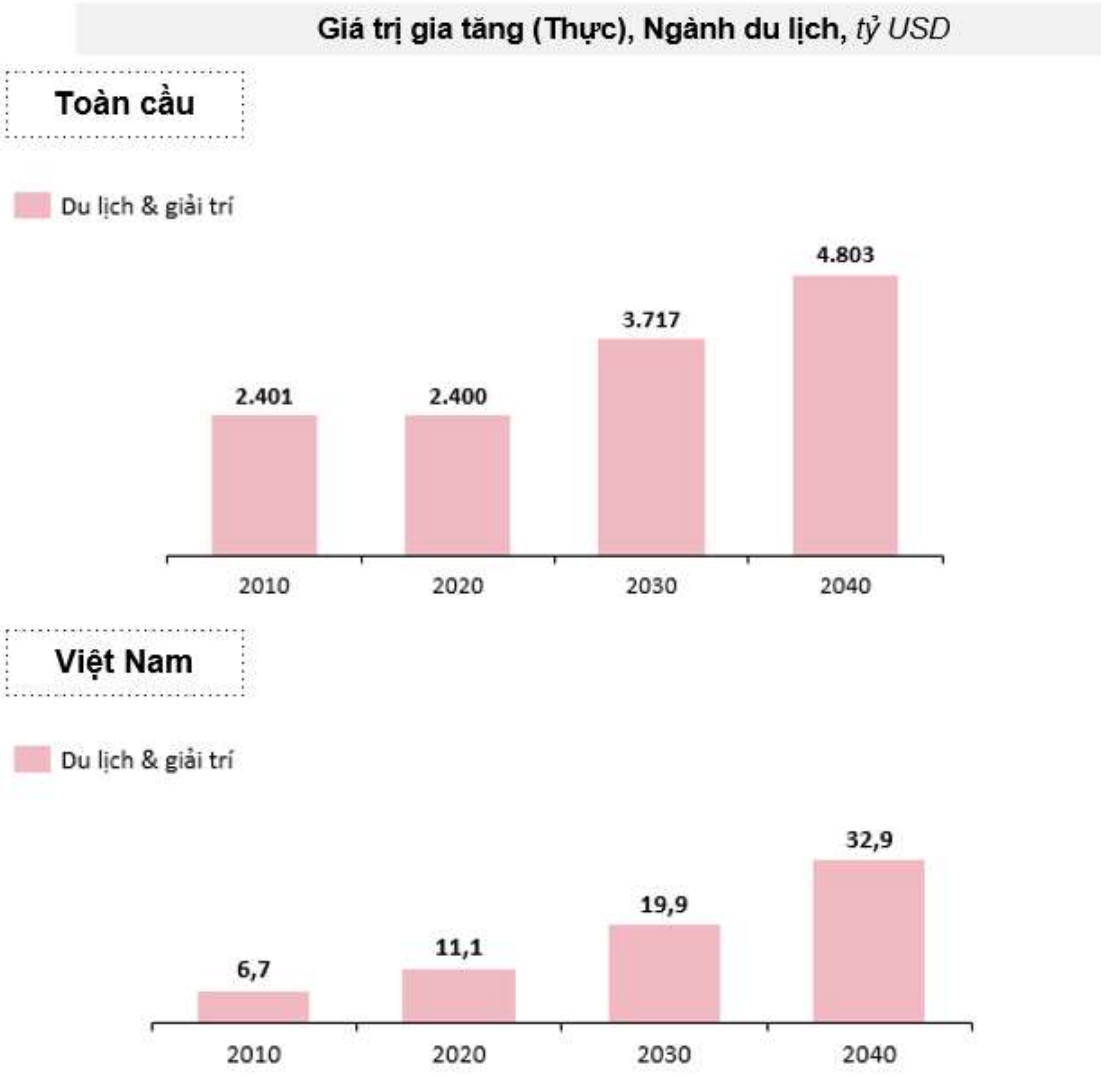
Mức độ phổ biến của du lịch trong nước sẽ tiếp tục đến năm 2024 vì du lịch nước ngoài sẽ vẫn còn khó khăn, với các hạn chế đi lại luôn thay đổi và các biện pháp kiểm dịch ngăn cản nhiều người đi du lịch nước ngoài. Việc chuyển đổi phương thức từ đường hàng không sang lái xe hoặc đường sắt sẽ vẫn diễn ra vào năm 2021.

[81] Nguồn: Oxford Economics

Đồng thời, đại dịch đã cho các doanh nghiệp và các cấp chính quyền có thời gian để đánh giá lại và phát triển các chính sách nhằm giải quyết các vấn đề bền vững. Khách du lịch cũng có thể đánh giá các quyết định đi du lịch và tác động đến môi trường và cộng đồng địa phương, điều này có thể dẫn đến các quyết định du lịch có ý thức hơn sau đại dịch.

Du lịch văn hóa, theo định nghĩa của Tổ chức Du lịch Thế giới là du lịch tập trung vào các điểm tham quan và sản phẩm văn hóa, là một trong những phân khúc phát triển nhanh nhất của ngành du lịch, chiếm khoảng 40% tổng lượng du lịch trên toàn thế giới[82]. Thị trường du lịch văn hóa tăng trưởng 2.565,61 tỷ đô la Mỹ trong giai đoạn 2020-2024 với tốc độ CAGR là 8% trong giai đoạn dự báo [83].

Xu hướng trong ngành du lịch Việt Nam



[82] Tổ chức Du lịch Thế giới
[83] Nguồn: MarketWatch

Giá trị gia tăng của thị trường du lịch Việt Nam được dự kiến sẽ tăng từ 11,1 tỷ đô la Mỹ vào năm 2020 lên 32,9 tỷ đô la Mỹ vào năm 2040, nhanh hơn tốc độ trung bình toàn cầu, do sự thuận lợi của chính sách tiền tệ, thời tiết, di sản và văn hóa phong phú đạt được nhờ sự gia tăng mức độ cạnh tran của các địa phương dẫn đầu về du lịch trên thị trường trong nước.

Du lịch chiếm 12% GDP năm 2019 của Việt Nam và lực lượng lao động ngành du lịch đã giảm 60% vào năm 2020 do ảnh hưởng từ đại dịch COVID-19. Trong ngắn hạn, các hoạt động du lịch được dự đoán là rất hạn chế. Du lịch trong trung hạn sẽ tốt hơn rõ rệt nhờ sự hỗ trợ của chính phủ, cạnh tranh tiền tệ, danh mục dịch vụ du lịch hấp dẫn và thu nhập đang hồi phục tại các thị trường chính.

Trên quỹ đạo phục hồi ổn định, Việt Nam kỳ vọng lượng khách quốc tế sẽ tăng trưởng trung bình hàng năm 58,1% so với cùng kỳ năm ngoái để đạt 18,9 triệu khách vào cuối năm 2025[84]. Đến quý 4 năm 2021, một số địa điểm du lịch dự kiến sẽ được tiếp cận sau khi biên giới mở lại và các chuyến bay được tiếp tục hoạt động. Dân số trẻ ngày càng tăng cùng với mức lương tăng cao hỗ trợ thúc đẩy du lịch trong nước.

Việt Nam đang dần chuyển đổi hình ảnh từ điểm du lịch bình dân sang phân khúc cao cấp hơn, tuy nhiên cả hai phân khúc thu nhập đều cho thấy Việt Nam là một điểm đến nghỉ dưỡng rất hấp dẫn trong giai đoạn 2022 đến năm 2025. Vùng Đồng bằng sông Hồng tập trung vào du lịch biển, du lịch văn hóa (văn minh lúa nước và các hoạt động truyền thống của địa phương), du lịch đô thị, du lịch kết hợp MICE (hội họp, khen thưởng, hội nghị, triển lãm).

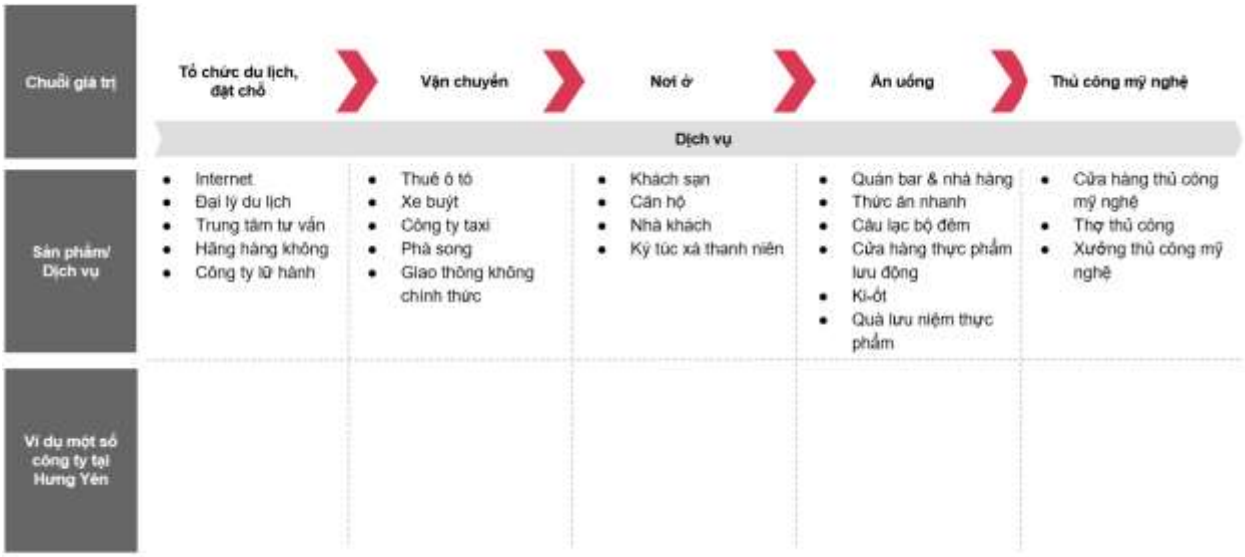
Doanh thu từ du lịch văn hóa của Việt Nam dự kiến sẽ chiếm 25% trong số 130 tỷ đô la Mỹ doanh thu hàng năm của toàn ngành vào năm 2030, theo kế hoạch xây dựng thương hiệu quốc gia mới nhất được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt. Việt Nam đặt mục tiêu doanh thu du lịch văn hóa hàng năm đạt 8 tỷ đô la Mỹ vào năm 2030 theo kế hoạch xây dựng thương hiệu quốc gia do Tổng cục Du lịch Việt Nam ban hành.

Nhu cầu đầu tư ngày càng tăng vào cơ sở hạ tầng liên quan đến du lịch như Vietstar Airlines sẽ làm tăng năng lực cạnh tranh và hạ giá thành, tạo động lực cho thị trường du lịch trong nước phát triển[85].

[84] Nguồn: Fitch Solutions
[85] Nguồn: Fitch Solutions, EMIS

Chuỗi giá trị ngành du lịch

Hưng Yên có thể tìm thấy cơ hội đầu tư vào chuỗi giá trị nhờ vào vị trí chiến lược của tỉnh và tận dụng các thế mạnh để phát triển du lịch văn hóa và du lịch kết hợp MICE. Nâng cấp mạng lưới giao thông hiện có để cho phép khách du lịch đi qua Hưng Yên và có khả năng tạo ra sự lan tỏa trong nền kinh tế địa phương thông qua chi tiêu và tham quan.



Chuỗi giá trị	Tổ chức du lịch, đặt chỗ	Vận chuyển	Nơi ở	Ăn uống	Thủ công mỹ nghệ
	Dịch vụ				
Sản phẩm/ Dịch vụ	• Internet • Đại lý du lịch • Trung tâm tư vấn • Hãng hàng không • Công ty lữ hành	• Thuê ô tô • Xe buýt • Công ty taxi • Phà song • Giao thông không chính thức	• Khách sạn • Căn hộ • Nhà khách • Ký túc xá thanh niên	• Quán bar & nhà hàng • Thức ăn nhanh • Câu lạc bộ đêm • Cửa hàng thực phẩm lưu động • Ki-ốt • Quà lưu niệm thực phẩm	• Cửa hàng thủ công mỹ nghệ • Thợ thủ công • Xưởng thủ công mỹ nghệ
Ví dụ một số công ty tại Hưng Yên					

[Chuỗi giá trị - tiếp theo]

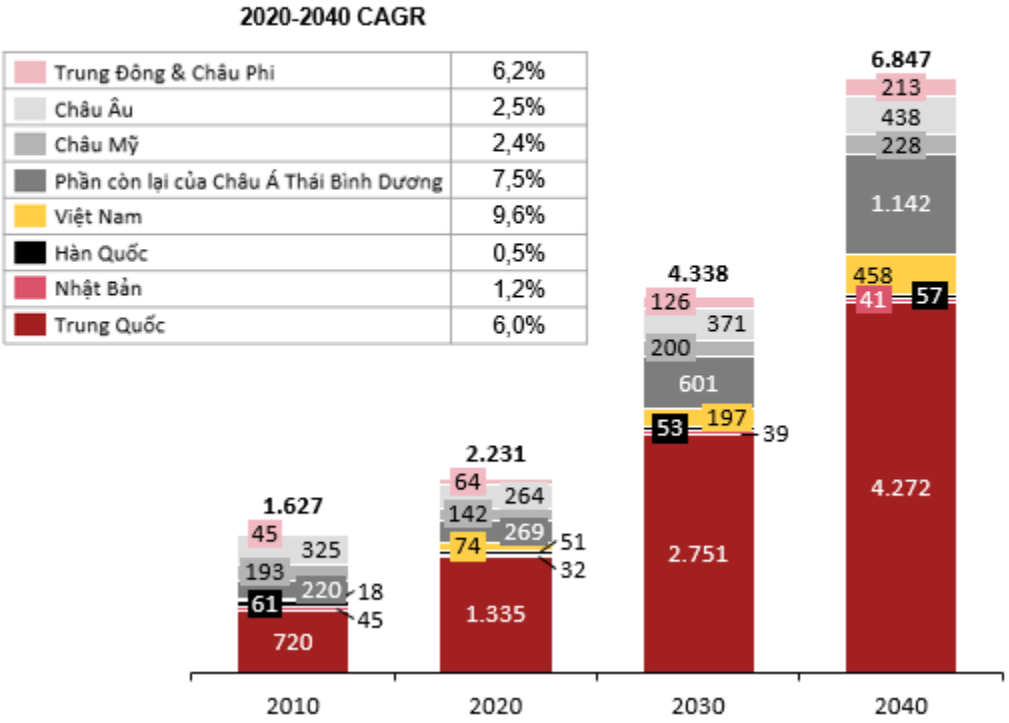


Chuỗi giá trị	Địa điểm du lịch địa phương	Giải trí, du ngoạn và tham quan	Dịch vụ hỗ trợ
	Services		
Sản phẩm/ Dịch vụ	Di sản văn hóa • Khảo cổ học, cộng đồng, dân tộc, bảo tàng, đền thờ Danh lam thắng cảnh • Hồ, sông, đà ngầm, núi	• Show trình diễn • Công ty lữ hành/ hướng dẫn viên độc lập • Gói du lịch • Hướng dẫn di chuyển	• Trung tâm thông tin • Cửa hàng tạp hóa / bán lẻ • Giặt ủi • Quán cà phê Internet • Bảo vệ • Dịch vụ ngân hàng
Ví dụ một số công ty tại Hưng Yên			

4.3.12. Ngành dệt may

Quy mô thị trường toàn cầu của ngành dệt may

Quy mô thị trường toàn cầu – Ngành hàng dệt, may & sản phẩm da
Tổng sản lượng danh nghĩa, tỷ USD



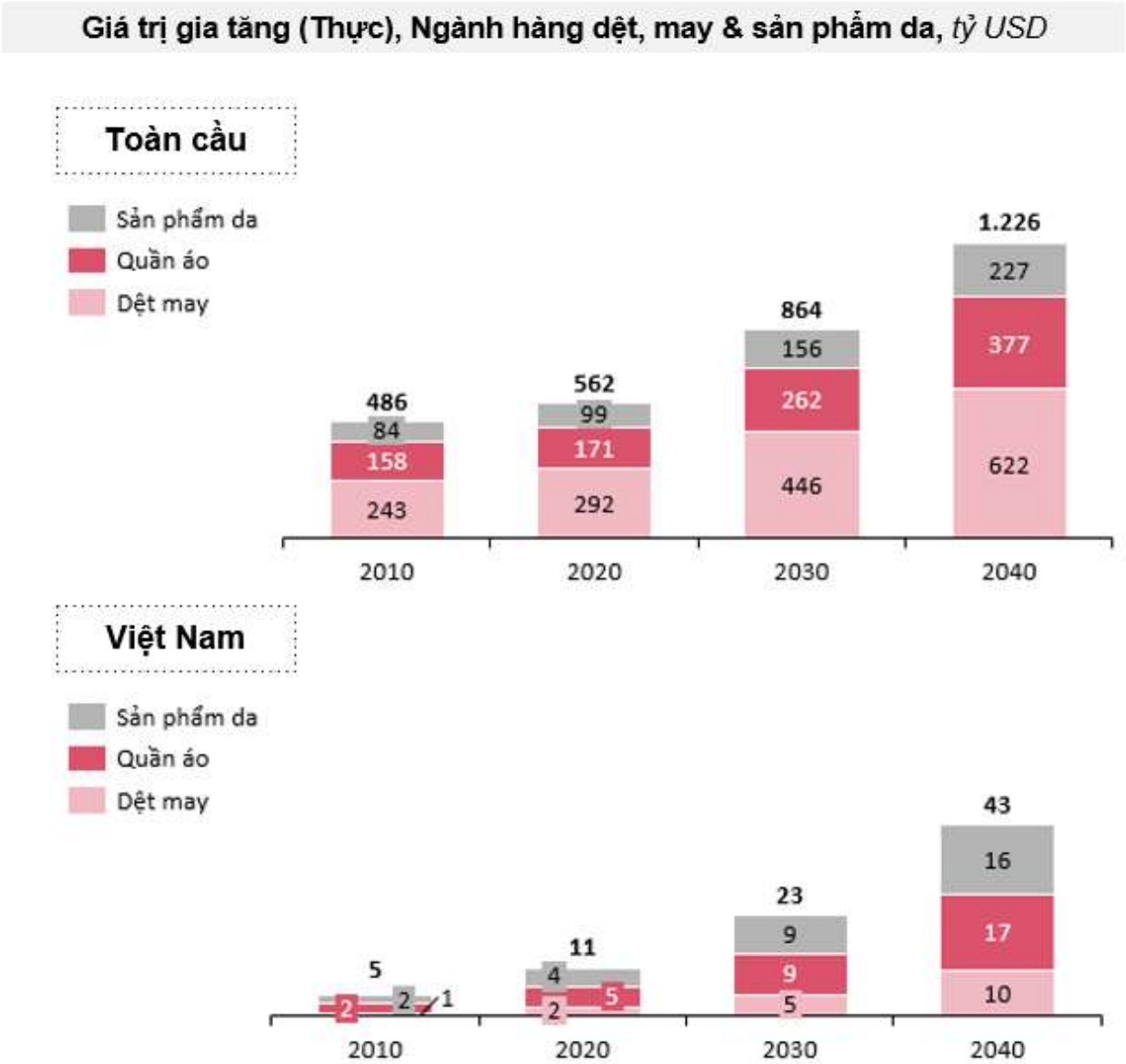
Thị trường dệt may toàn cầu sẽ tăng hơn gấp ba lần từ 2.231 tỷ đô la Mỹ vào năm 2020 lên khoảng 6.847 tỷ đô la Mỹ vào năm 2040. Phần còn lại của khu vực Châu Á Thái Bình Dương dự kiến tiếp tục chiếm khoảng một phần ba thị phần vào năm 2040. Trung Quốc sẽ chiếm thị phần lớn nhất, ít nhất là đến năm 2030. Phần còn lại của khu vực Châu Á Thái Bình Dương và Trung Đông sẽ có mức tăng trưởng mạnh nhất với tốc độ CAGR lần lượt là 7,5% và 6,2%.

Ngành dệt may và sản xuất da được dự báo sẽ tăng trưởng với tốc độ CAGR khoảng 5% lên khoảng 3,3 nghìn tỷ đô la Mỹ từ năm 2019 đến năm 2025, trong đó Trung Quốc vẫn là nhà sản xuất lớn nhất với tốc độ CAGR khoảng 8% so với cùng kỳ. Châu Á dự kiến sẽ vẫn là khu vực đóng vai trò quan trọng trong sản xuất hàng may mặc trong thập kỷ tới, ngay cả khi Trung Quốc muốn giảm hoạt động sản xuất hàng may mặc và di chuyển lên các bước tiếp theo của chuỗi giá trị. Khi Trung Quốc di chuyển trên chuỗi giá trị, nhiều quốc gia khác ở Châu Á được hưởng lợi do có thị trường lao động thuận lợi cho sản xuất hàng may mặc, kết nối logistics đủ để phục vụ thương mại quốc tế, có các hiệp định thương mại tự do và khoảng cách gần về địa lý với các nhà sản xuất nguyên liệu thô ở Trung Quốc và Ấn Độ.

Ngày càng có nhiều tín hiệu về sự phát triển và đổi mới công nghệ mới nổi trong ngành dệt may, nay được đẩy nhanh bởi tác động của đại dịch. Ví dụ như công nghệ sản xuất tiên tiến cho phép tự động hóa quy trình sản xuất, phân loại bề mặt sợi hoặc kiểm tra lỗi vải bằng cách sử dụng cảm biến và máy học. Về phân phối và bán lẻ, ngành công nghiệp thời trang dự kiến sẽ ngày

càng được định hướng bởi dữ liệu khách hàng, ngoài ra sản xuất và dịch vụ logistics phải thích ứng để đáp ứng nhu cầu thay đổi nhanh chóng của khách hàng.[86]

Xu hướng trong ngành dệt may Việt Nam



Giá trị gia tăng của Việt Nam trên thị trường dệt may tăng từ 11 tỷ đô la Mỹ vào năm 2020 lên đến 43 tỷ đô la Mỹ vào năm 2040, tăng gần bốn lần so với tốc độ CAGR là 9,6%. Khi xu hướng toàn cầu đang nghiêng về dệt may, Việt Nam sẽ tập trung phân chia đồng đều giữa các sản phẩm da và quần áo.

Dệt may là một trong những ngành công nghiệp mũi nhọn của Việt Nam với kim ngạch xuất khẩu đứng thứ hai cả nước. Việt Nam cũng nằm trong số các nước sản xuất và xuất khẩu hàng dệt may hàng đầu trên thế giới, nổi lên như một địa điểm thay thế lý tưởng cho Trung Quốc. Mặc dù Việt Nam có tiềm năng trồng và sản xuất bông rất lớn nhưng nguyên liệu bông chủ yếu lại đến

[86] Nguồn: IHS Markit

từ nhập khẩu. Năm 2019, Việt Nam nhập khẩu tới 89% lượng vải cần thiết. Sản xuất hàng may mặc chiếm khoảng 70% tổng ngành dệt may ở Việt Nam với mô hình cắt may là hoạt động chính (chiếm khoảng 65% tổng kim ngạch xuất khẩu). Các mô hình kinh doanh tiên tiến hơn, như nhà sản xuất thiết bị gốc (OEM) và nhà sản xuất thiết kế gốc (ODM) chỉ chiếm 35%.

Sắp tới, Việt Nam sẽ tập trung vào việc nâng cao chuỗi giá trị và xây dựng hình ảnh thương hiệu quốc gia mang tính cạnh tranh và chất lượng, theo chương trình xúc tiến của Bộ Công Thương. Các sáng kiến chính như sau:

- Phát triển sản xuất vải tại địa phương để thiết lập chuỗi cung ứng vải và các nguyên liệu thô khác.
- Tận dụng các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) mới được ký kết, để khai thác các thị trường xuất khẩu mới.
- Phân bổ các khoản đầu tư để phát triển từ mô hình cắt may thâm dụng lao động sang các mô hình thâm dụng vốn hơn cho phép tỷ suất lợi nhuận cao hơn[87].

Chuỗi giá trị ngành dệt may

Trong bốn khâu của chuỗi giá trị ngành dệt may, Hưng Yên tham gia vào tất cả các khâu, trừ khâu sản xuất nguyên liệu thô. Nguyên nhân là do nguồn tài nguyên hiện tại ở Hưng Yên chủ yếu phù hợp với việc sản xuất thực phẩm và khai thác mỏ như cát đen. Còn cần nhiều nỗ lực hơn nữa để ngành dệt may mở rộng sang cung cấp cho thị trường bán lẻ như xây dựng các đại siêu thị và khu bán lẻ.



[87] Nguồn: IHS Markit, Fitch Solutions

Chương 5: Vị trí, mối quan hệ của các cụm ngành của tỉnh Hưng Yên trong vùng KTTĐBB và cả nước

Các phân tích được thực hiện tại chương này được dựa trên danh sách các ngành trọng tâm được xác định trong chương 3, và sắp xếp lại theo cơ cấu các ngành kinh tế trọng điểm như sau:

Hình 51: Danh sách các ngành trọng tâm đề xuất cho tỉnh Hưng Yên

Nông nghiệp	Dịch vụ
Nông nghiệp • Trái cây (nhãn, cam quýt, vải thiều) • Gạo • Các sản phẩm nông nghiệp, dược liệu, thực phẩm khác	**Dịch vụ liên quan theo ngành** • Thử nghiệm, kiểm tra tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế • Hoạt động phòng thí nghiệm • Xử lý nước thải / chất thải **Các dịch vụ khác** • Ngân hàng, bán lẻ • Thuê ngoài (outsource) một số hoạt động của doanh nghiệp **Kỹ thuật** • Dịch vụ bảo trì đường sắt/ kho/ công việc thành phần **Logistics** • Trung tâm logistic, cảng • Dịch vụ vận tải và lưu thông hành khách **Phát triển phần mềm** • Thành phố thông minh • Kinh tế số **Giáo dục** • Cơ sở giáo dục đại học • Dạy nghề • Viện nghiên cứu hỗ trợ ngành công nghiệp / nông nghiệp **Du lịch văn hóa & tín ngưỡng** • Du lịch tùy chỉnh theo yêu cầu tinh tế đặc biệt/ theo nhóm nhỏ • Du lịch trải nghiệm giá trị sâu và chân thực
Công nghiệp **Tự động hóa** • Các cấu phần của ô tô (ít tập trung vào lắp ráp) **Điện & điện tử** • Thành phố thông minh • Kinh tế số **Y tế** • Thiết bị / dụng cụ y tế • Dược phẩm **Kỹ thuật** • Vật liệu xây dựng (ví dụ: hệ thống dây điện, hệ thống ống nước, khung cửa sổ) • Công nghiệp cơ khí chính xác, cơ khí chế tạo công nghệ cao **Dệt may** • Các sản phẩm dệt may kỹ thuật/ chức năng (tập trung vào gia tăng giá trị thay vì gia công hàng hóa)	

Hình 52: Danh sách các ngành công nghiệp ở Hưng Yên theo mức độ ưu tiên

Ưu tiên cao	Ưu tiên vừa
Nông nghiệp • Trái cây (nhãn, cam quýt, vải thiều) • Gạo • Các sản phẩm nông nghiệp, dược liệu, thực phẩm khác **Điện & điện tử** • Thành phố thông minh • Kinh tế số **Ô tô** • Các cấu phần của ô tô (ít tập trung vào lắp ráp) **Y tế** • Thiết bị / dụng cụ y tế • Dược phẩm **Dệt may tạo giá trị cao** • Các sản phẩm dệt may kỹ thuật/ chức năng (tập trung vào gia tăng giá trị thay vì gia công hàng hóa) **Kỹ thuật** • Công nghiệp cơ khí chính xác, cơ khí chế tạo công nghệ cao **Phát triển phần mềm** • Thành phố thông minh • Kinh tế số **Du lịch văn hóa & tín ngưỡng** • Du lịch tùy chỉnh theo yêu cầu tinh tế đặc biệt/ theo nhóm nhỏ • Du lịch trải nghiệm giá trị sâu và chân thực **Logistics** • Trung tâm logistic, cảng • Dịch vụ vận tải và lưu thông hành khách **Các ngành công nghiệp hỗ trợ cho các ngành trên**	**Kỹ thuật** • Vật liệu xây dựng (ví dụ: hệ thống dây điện, hệ thống ống nước, khung cửa sổ) **Dịch vụ liên quan theo ngành** • Xử lý nước thải / chất thải **Các dịch vụ khác** • Ngân hàng, bán lẻ • Thuê ngoài (outsource) một số hoạt động của doanh nghiệp **Giáo dục** • Cơ sở giáo dục đại học • Dạy nghề • Viện nghiên cứu hỗ trợ ngành công nghiệp / nông nghiệp
	Ưu tiên thấp
	Dịch vụ liên quan theo ngành • Thử nghiệm, kiểm tra tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế • Hoạt động phòng thí nghiệm **Kỹ thuật** • Dịch vụ bảo trì đường sắt/ kho/ công việc thành phần

5.1. Ngành nông nghiệp

Tổng quan ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản tại Việt Nam và vùng KTTĐBB

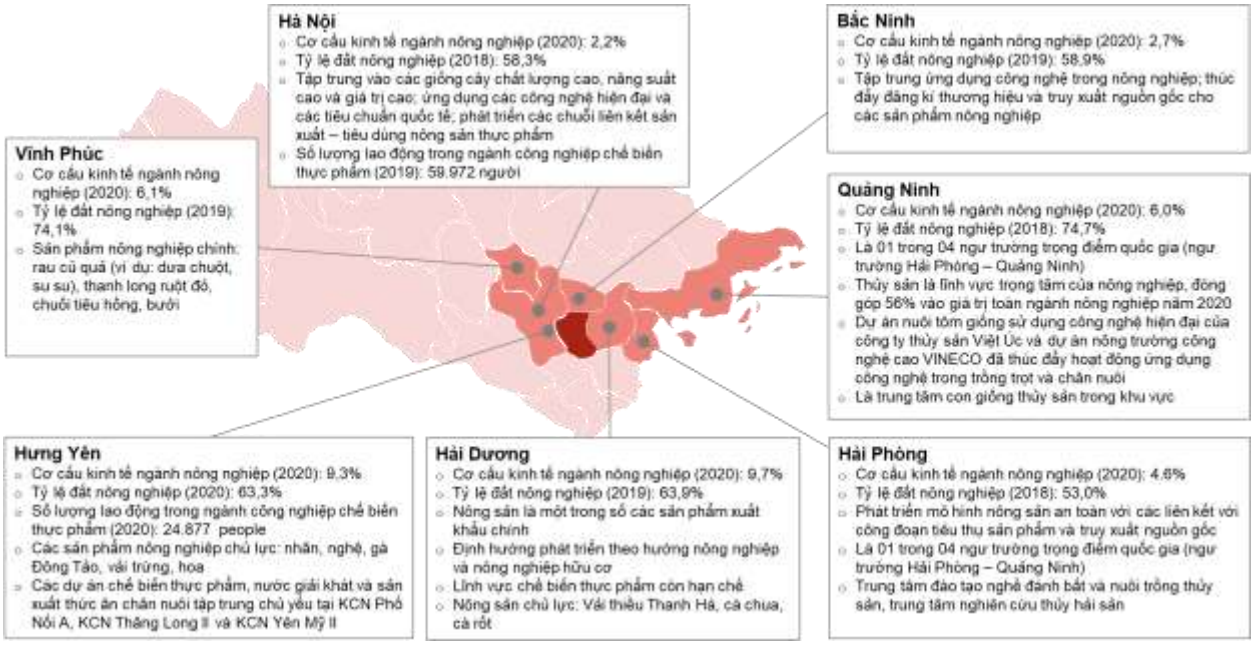
Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đóng vai trò cốt lõi trong nền kinh tế của Việt Nam. GDP (theo giá hiện hành) của ngành tăng trưởng ổn định, đạt 934.731 tỷ đồng vào năm 2020, chiếm 14,9% GDP của Việt Nam. Mặc dù tỷ trọng của ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản trong nền kinh tế có xu hướng giảm nhưng đây vẫn là ngành kinh tế quan trọng, không chỉ sản xuất lương thực, thực phẩm cho tiêu dùng trong nước mà còn cho mục đích xuất khẩu. Việt Nam xếp thứ 16 trong số các nước xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp hàng đầu thế giới và có thị trường xuất khẩu quan trọng như Trung Quốc, Mỹ, EU, và các nước trong khu vực ASEAN. Bên cạnh gạo, các loại trái cây nhiệt đới cũng là mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam. Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, tổng giá trị xuất khẩu rau quả và trái cây của Việt Nam năm 2020 đạt 3,26 tỷ đô la Mỹ, cao hơn 3,07 tỷ đô la Mỹ tổng giá trị xuất khẩu gạo. Do thu nhập và dân số tăng nhanh, Việt Nam có sự gia tăng về nhu cầu đối với các sản phẩm từ chăn nuôi. Mặc dù ngành thịt của Việt Nam tăng trưởng ổn định, nhưng sản lượng thịt sản xuất trong nước vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng nội địa do chăn nuôi trong nước thường xuyên bị ảnh hưởng của việc bùng phát dịch bệnh, sản phẩm không đảm bảo chất lượng dẫn đến lượng thịt nhập khẩu ngày càng tăng. Bên cạnh trồng trọt và chăn nuôi, thủy sản là một trong những ngành kinh tế mũi nhọn của quốc gia, đóng góp 4-5% vào tổng GDP và 9-10% vào tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Với đường bờ biển dài 3.260 km, vùng đặc quyền kinh tế rộng 1 km^2 và hệ thống sông, ngòi, kênh, hồ, Việt Nam là địa điểm lý tưởng để phát triển lĩnh vực đánh bắt và nuôi trồng thủy sản. Trong năm 2020, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản của Việt Nam đạt 8,5 tỷ đô la Mỹ giúp cho kim ngạch xuất khẩu thủy sản đứng thứ năm trong các lĩnh vực có kim ngạch xuất khẩu cao nhất cả nước[88].

Việt Nam có mục tiêu phát triển nền nông nghiệp (bao gồm nông, lâm nghiệp và thủy sản) một cách toàn diện theo mô hình hiện đại, bền vững, phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hóa và sản xuất nông sản giá trị cao dựa trên lợi thế so sánh, thúc đẩy ứng dụng công nghệ để tăng năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh trên thị trường. Ngành nông nghiệp Việt Nam không chỉ đảm bảo an ninh lương thực quốc gia trong trung và dài hạn, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng tại chỗ và xuất khẩu, mà còn góp phần nâng cao thu nhập và mức sống của người làm nông nghiệp[89]. Đến năm 2030, Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng GDP ngành nông nghiệp 3-3,2%/năm, giá trị xuất khẩu nông sản đạt 60 tỷ đô la Mỹ và giá trị sản lượng trên 1 ha đất sản xuất nông nghiệp đạt bình quân 100 - 120 triệu đồng. Để thúc đẩy tăng trưởng nông nghiệp, nhiều biện pháp đã được áp dụng bao gồm tăng cường đầu tư vào cơ sở hạ tầng cho nông nghiệp, mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và quốc tế, thúc đẩy hoạt động thương mại nông sản, khuyến khích áp dụng công nghệ và chuyển đổi công nghệ, nâng cao trình độ lao động cũng như phát triển các hoạt động nghiên cứu và phát triển để có những đột phá mới trong lĩnh vực này.

[88] Theo Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (http://vasep.com.vn/gioi-thieu/tong-quan-nganh)

[89] Quyết định 124/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2012, Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030

Hình 53: Tổng quan ngành nông nghiệp vùng KTTĐBB



Nguồn: Dữ liệu và thông tin được đơn vị tư vấn tổng hợp từ các nguồn công khai

Trong vùng KTTĐBB, mặc dù lĩnh vực nông nghiệp ngày một phát triển nhưng cơ cấu ngành nông nghiệp trong GDP giảm đều qua các năm. Tỷ trọng đóng góp của ngành nông nghiệp trong GDP theo giá so sánh của vùng của giảm từ 5,1% năm 2015 xuống 3,9% năm 2019. Với định hướng tập trung vào phát triển công nghiệp và dịch vụ, tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản trong cơ cấu kinh tế vùng tiếp tục có xu hướng giảm trong những năm tới. Theo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030[90], vùng KTTĐBB đặt mục tiêu cơ cấu kinh tế ngành nông nghiệp đạt 2,2%, công nghiệp và xây dựng đạt 48,7% và dịch vụ đạt 50% vào năm 2030. Các hoạt động nông nghiệp diễn ra ở tất cả các tỉnh trong vùng KTTĐBB. Bên cạnh việc chuyển sang trồng các giống lúa có năng suất cao, tất cả các tỉnh trong vùng KTTĐBB đều phát triển các giống rau, củ, quả và các loại cây có giá trị cao như hoa, cây cảnh. Hơn nữa, các tỉnh trong vùng KTTĐBB đang thúc đẩy mạnh mẽ việc áp dụng công nghệ tiên tiến trong canh tác, nghiên cứu và thử nghiệm các giống cây trồng mới cũng như xúc tiến đăng ký nhãn hiệu và truy xuất nguồn gốc cho các nông sản chủ lực của tỉnh. Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hưng Yên và Hải Dương chủ yếu tập trung phát triển trồng rau củ quả và nâng cao ngành công nghiệp chế biến nông sản để phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, trong khi Quảng Ninh và Hải Phòng tận dụng vị trí ven biển để phát triển lĩnh vực đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.

Tổng quan ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản tại Hưng Yên

Nông nghiệp Hưng Yên đã đang chuyển đổi theo hướng sản xuất hàng hóa với quy mô lớn, năng suất cao, chất lượng cao, chú trọng an toàn thực phẩm, góp phần nâng cao thu nhập và đời sống cho người nông dân, phù hợp với mục tiêu quốc gia của ngành nông nghiệp. GRDP theo giá so sánh của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản của tỉnh tăng gấp đôi trong vòng 10 năm qua, từ 4.647 tỷ đồng năm 2010 lên 9.286 tỷ đồng năm 2020, với tốc độ tăng trưởng kép hằng năm đạt

[90] Quyết định số 198/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2014 Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

2,4%. Năm 2020, lao động đang làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản là 25,7%, trong khu vực công nghiệp và xây dựng là 45,5% và trong khu vực dịch vụ là 28,7%[91]. Tuy nhiên, cơ cấu ngành nông nghiệp trong GRDP của Hưng Yên chỉ đạt 9,3% vào năm 2020 và tỷ trọng này dự kiến sẽ tiếp tục giảm trong những năm tới do tỉnh định hướng trọng tâm vào phát triển công nghiệp (Hưng Yên đặt mục tiêu nâng cơ cấu khu vực công nghiệp và xây dựng lên 66% và giảm cơ cấu kinh tế khu vực nông nghiệp xuống 6% vào năm 2025[92]).

Các loại cây trồng chính của Hưng Yên là lúa, ngô, khoai lang, đậu tương, lạc, rau, nhãn, chuối, cam, và vải. Trong tất cả các loại cây trồng, Hưng Yên nổi tiếng nhất với cây nhãn. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Hưng Yên đã triển khai nhiều sáng kiến để phát triển vùng trồng nhãn cho hoạt động xuất khẩu cũng như tìm kiếm thị trường quốc tế cho sản phẩm.

Những năm gần đây, nghề trồng hoa, cây cảnh ở Hưng Yên đang phát triển mạnh, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường. Đến năm 2020, Hưng Yên có khoảng 982 ha đất trồng hoa[93], tập trung ở các huyện phía Bắc như Văn Giang, Văn Lâm, Khoái Châu với hơn 100 loại hoa khác nhau được thị trường ưa chuộng. Mô hình canh tác này tạo ra lợi nhuận cao hơn so với các mô hình trồng trọt khác với thu nhập bình quân từ 800 triệu đến 1 tỷ đồng trên mỗi ha đất canh tác. Đến năm 2020, diện tích trồng cây cảnh của Hưng Yên là 877 ha, tập trung ở các huyện Văn Giang, Văn Lâm, Khoái Châu và Yên Mỹ.

Về cây dược liệu, Hưng Yên có khoảng 816,8 ha đất được sử dụng để trồng cây dược liệu, tập trung chủ yếu ở các huyện Văn Giang, Văn Lâm, Khoái Châu[94]. Canh tác các loại cây dược liệu như cúc hoa, địa liền, ích mẫu, hoắc hương, tía tô, mã đề có thể tạo thu nhập cao cho người nông dân và đây là ngành có nhiều triển vọng trong những năm tới. Theo Quy hoạch tổng thể phát triển dược liệu đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ[95], Hưng Yên là 1 trong 6 tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Hồng (cùng với Hà Nội, Vĩnh Phúc, Hải Dương, Nam Định, Thái Bình) phát triển nuôi trồng 20 loại dược liệu.

Ngành nông nghiệp thực hiện tái cơ cấu lĩnh vực chăn nuôi, chuyển từ chăn nuôi quy mô nhỏ, phân tán sang chăn nuôi tập trung theo trang trại lớn, định hướng phát triển liên kết trong chuỗi giá trị. Đến năm 2020, toàn tỉnh có 585 trang trại chăn nuôi[96] (chiếm 82% tổng số trang trại), các vùng chăn nuôi tập trung được xây dựng tại các huyện Yên Mỹ, Khoái Châu và Văn Lâm. Sản phẩm chăn nuôi chính của Hưng Yên là thịt lợn, thịt gà và thịt bò, 90-95% sản phẩm chăn nuôi được tiêu thụ tại thị trường trong nước và các tỉnh lân cận.

Ngành nuôi trồng thủy sản của Hưng Yên có tốc độ phát triển nhanh về quy mô, số lượng và năng suất trong giai đoạn 2010-2020, hoạt động nuôi trồng tập trung ở các ao và lồng cá trên sông. Diện tích nuôi trồng thủy sản đến năm 2020 đạt 5.748 ha, tăng 1.327 ha so với năm 2010; sản lượng năm 2020 đạt 48.241 tấn, tăng gấp 1,98 lần so với năm 2010[97]. Phương thức nuôi trồng thủy sản chuyển dần từ quy mô nhỏ lẻ theo hộ gia đình sang nuôi trồng theo mô hình hợp tác xã và doanh nghiệp (toàn tỉnh có bảy hợp tác xã nuôi trồng thủy sản và một doanh nghiệp

[91] Theo dữ liệu từ Cục thống kê tỉnh Hưng Yên
[92] Nghị quyết Số 340/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Hội Đồng Nhân Dân tỉnh Hưng Yên về Phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025
[93] Theo dữ liệu từ Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Hưng Yên
[94] Theo dữ liệu từ Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Hưng Yên
[95] Quyết định Số 1976/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2013 Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển dược liệu đến năm 2020, định hướng đến năm 2030
[96] Theo dữ liệu từ Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Hưng Yên
[97] Theo dữ liệu từ Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Hưng Yên

nuôi trồng thủy sản) để đáp ứng nhu cầu thị trường và giảm thiểu rủi ro cho các hộ sản xuất đơn lẻ.

Hình 54: So sánh chuỗi giá trị ngành nông nghiệp ở Hưng Yên và các tỉnh khác



Trong chuỗi giá trị ngành nông nghiệp, Hưng Yên tham gia vào các khâu từ cung cấp đầu vào (ví dụ: hạt giống, con giống, thức ăn chăn nuôi, phân bón), khâu trồng trọt và chăn nuôi, khâu thu mua sản phẩm, đến khâu sơ chế, chế biến nông sản, thực phẩm. Sản phẩm nông nghiệp của Hưng Yên ngoài được tiêu thụ trên địa bàn tỉnh thì phần lớn sản lượng sẽ được phân phối tại Hà Nội và một số tỉnh lân cận do đây là thị trường bán lẻ sôi động và có nhu cầu tiêu thụ cao. Bên cạnh hoạt động trồng trọt, nghề ươm cây giống ở Hưng Yên cũng rất phát triển. Hằng năm, các vườn ươm cây giống đều cung cấp hạt giống, cây giống của các loại cây ăn quả (nhãn, cam, bưởi, táo, ổi) và hoa cho người nông dân ở Hưng Yên và các tỉnh phía Bắc khác. Ngoài ra, còn có các trang trại chăn nuôi và cung cấp con giống, đặc biệt là gà và lợn, cũng như các nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi ở Hưng Yên để hỗ trợ ngành chăn nuôi của tỉnh. Một số công ty, tập đoàn lớn trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi tại Hưng Yên là Mavin, Greenfeed, Vinaseed, Sunjin, Five Stars. Mavin là đơn vị chăn nuôi lợn có quy lớn ở tỉnh Hưng Yên với khoảng 400.000 lợn thương phẩm được chăn nuôi an toàn sinh học theo chuỗi giá trị "Từ nông trại tới bàn ăn". Với hàng chục ngàn lợn nái, đây cũng là trung tâm sản xuất con giống lớn của vùng. Các sản phẩm nông nghiệp không chỉ được phân phối ở Hưng Yên mà còn ở các tỉnh, thành phố lớn trong khu vực và xuất khẩu ra thị trường quốc tế.

Tuy nhiên, ngành nông nghiệp của Hưng Yên phát triển chưa tương xứng với tiềm năng hiện có. GRDP theo giá so sánh của ngành nông nghiệp của tỉnh năm 2020 đạt 9.285 tỷ đồng, chỉ bằng 1% so với cả nước. Năm 2019, Hưng Yên đóng góp 11,4% vào tổng GDP ngành nông nghiệp (theo giá so sánh) của vùng KTTĐBB trong khi con số của Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng, Quảng Ninh lần lượt là 28,5%, 16,4%, 14,4% và 12,7%. Đất nông nghiệp ở Hưng Yên chiếm 64,6% tổng diện tích đất, trong khi tỷ trọng của Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng và Quảng Ninh lần lượt là 58,3%, 63,9%, 53,0% và 74,1%[98].

Năm 2019, sản lượng lúa của Hưng Yên là 403.455 tấn, chiếm 11,9% tổng sản lượng lúa của vùng KTTĐBB và 0,9% sản lượng lúa của cả nước. Trong các loại trái cây ở Hưng Yên, chuối có sản lượng cao nhất, năm 2019 đạt 65.250 tấn, cao hơn so với Bắc Ninh (29.507 tấn) và Hải

[98] Theo dữ liệu từ Niên giám thống kê 2019 của các tỉnh

Phòng (60.702 tấn). Năm 2019, Hưng Yên có sản lượng nhãn cao nhất trong sáu tỉnh thuộc vùng KTTĐBB, đạt 31.500 tấn, chiếm 52,5% tổng sản lượng nhãn của vùng KTTĐBB và 6,0% sản lượng nhãn của cả nước. Về chăn nuôi, Hưng Yên đứng thứ hai về sản lượng thịt lợn trong vùng KTTĐBB. Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng của Hưng Yên năm 2019 là 94.635 tấn, chiếm 14,8% tổng sản lượng thịt lợn hơi của cả vùng KTTĐBB và chiếm 2,8% sản lượng của cả nước. Sản lượng thịt gia cầm của Hưng Yên chiếm 10,1% sản lượng của vùng KTTĐBB và chiếm 2,6% tổng sản lượng thịt gia cầm của cả nước. Trong đó, thịt gà chiếm 79,4% sản lượng thịt gia cầm của Hưng Yên, sản lượng thịt gà của tỉnh năm 2019 đạt mức 269.133 tấn, tương đương với 9,8% tổng sản lượng thịt gà của vùng KTTĐBB. Mặc dù ngành nuôi trồng và đánh bắt thủy sản không phải là thế mạnh của nông nghiệp tỉnh Hưng Yên song tổng sản lượng thủy sản năm 2019 đạt 45.959 tấn, tương đương với 7,6% tổng sản lượng thủy sản của vùng KTTĐBB và 0,6% sản lượng của cả nước. Trong đó, 98,5% sản lượng thủy sản của tỉnh Hưng Yên đến từ hoạt động nuôi trồng. Nuôi trồng thủy sản Hưng Yên đóng góp 10,5% vào tổng sản lượng nuôi trồng thủy sản của vùng KTTĐBB và 1% vào tổng sản lượng của cả nước.

Các vấn đề chính của ngành nông nghiệp tại Hưng Yên

Mặc dù Hưng Yên có tỷ lệ đóng góp của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản vào GRDP theo giá so sánh cao nhất trong các tỉnh thuộc vùng KTTĐBB năm 2019 (10,4%) song GRDP ngành nông nghiệp (theo giá so sánh) của Hưng Yên chỉ đứng thứ 5 trong số bảy tỉnh. Lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chủ yếu bao gồm các công đoạn trồng trọt, chăn nuôi thủ công, sử dụng nhiều lao động nhưng tạo ra năng suất và giá trị gia tăng thấp, sản lượng và chất lượng nông sản chưa ổn định, cung không đủ cầu.

Bên cạnh đó, chưa có nhiều liên kết hợp tác, kết nối giữa các tỉnh, đặc biệt là giữa bảy tỉnh thuộc vùng KTTĐBB để thúc đẩy phát triển nông nghiệp của vùng. Chưa có nhiều sự hợp tác giữa Hưng Yên và các tỉnh trong khu vực để phát triển giống cây trồng và con giống, chuyển đổi mô hình canh tác, tìm kiếm thị trường tiêu thụ và liên kết giữa nông dân và thương lái ở các tỉnh.

Các giải pháp trọng tâm để nâng cao vai trò của ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên

Để nâng cao vai trò của ngành nông nghiệp, tỉnh Hưng Yên cần thúc đẩy ứng dụng công nghệ tiên tiến trong trồng trọt, chăn nuôi để tăng năng suất, sản xuất các loại nông sản có năng suất, chất lượng và giá trị cao. Hưng Yên có thể từng bước phát triển các trang trại ứng dụng thử nghiệm nông nghiệp thông minh, áp dụng các công nghệ hiện đại như Internet vạn vật, cảm biến, hệ thống định vị, robot và trí tuệ nhân tạo trong trồng trọt và chăn nuôi. Mô hình này góp phần gia tăng số lượng và nâng cao chất lượng của cây trồng và con giống, đồng thời tối ưu hóa sức lao động của con người và giảm thiểu rủi ro về khí hậu và thiên tai. Hưng Yên có tiềm năng trở thành trung tâm nông nghiệp thông minh của vùng đồng bằng sông Hồng.

Các tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp (như VietGAP, GlobalGAP, v.v.) hoặc các quy định về nông sản hữu cơ cần được áp dụng rộng rãi trong trồng trọt và chăn nuôi của tỉnh Hưng Yên. Tỉnh cần kiểm soát sản lượng, chất lượng và tăng cường tiếp thị, quảng bá các sản phẩm nông sản chủ lực của Hưng Yên, đặc biệt là các sản phẩm trong chương trình OCOP “Mỗi xã một sản phẩm” (như nhãn, vải, nghệ, hoa, cây cảnh, gà Đông Tảo, thịt lợn, v.v.). Hơn nữa, các cơ quan chức năng của tỉnh Hưng Yên cần đẩy mạnh việc đăng ký nhãn hiệu và truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm nông sản. Điều này sẽ giúp nông sản Hưng Yên chiếm được lòng tin của người tiêu dùng, góp phần đẩy mạnh hoạt động phân phối vào các chuỗi siêu thị lớn, nhà hàng nổi tiếng tại các thành phố phát triển lĩnh vực dịch vụ trên toàn quốc cũng như xuất khẩu sang các thị trường quốc tế khắt khe (như Mỹ, EU, Nhật Bản, Trung Quốc).

Ngoài ra, để phát huy vị trí địa lý chiến lược và kinh nghiệm trong lĩnh vực nông nghiệp, Hưng Yên có thể phát triển thành một trung tâm nghiên cứu và phát triển nông nghiệp hàng đầu ở khu vực đồng bằng sông Hồng. Hưng Yên nên tập trung nghiên cứu, thử nghiệm các giống cây và phương pháp canh tác mới để thúc đẩy tăng trưởng của ngành nông nghiệp ở Hưng Yên và các tỉnh phía Bắc Việt Nam. Tỉnh cần ban hành cơ chế thực hiện và các ưu đãi đặc biệt để thu hút các doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước đầu tư phát triển các trung tâm nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực nông nghiệp tại Hưng Yên. Ngoài ra, chính quyền cấp tỉnh cần khuyến khích các hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) thông qua các khoa/ viện nông nghiệp của các trường đại học, thành lập các trung tâm và viện nghiên cứu cũng như tăng cường năng lực nghiên cứu của các trung tâm hiện có.

Với vị trí là trung tâm của vùng đồng bằng sông Hồng, có kết nối giao thông tốt với các tỉnh trong vùng và kết nối thuận tiện với các cảng hàng không, cảng biển lớn của vùng, Hưng Yên có tiềm năng trở thành trung tâm logistic của vùng, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp và các ngành khác. Các dịch vụ logistic phát triển bao gồm kho bảo quản lạnh, đội xe tải với hệ thống kiểm soát nhiệt độ tối ưu việc vận chuyển các nông sản dễ hư hỏng và cần bảo quản đặc biệt.

Hưng Yên cần tăng cường phối hợp với các tỉnh lân cận để tìm kiếm thêm thị trường tiêu thụ cho các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh. Hằng năm, Hưng Yên có thể tổ chức hội chợ nông nghiệp, đồng thời hỗ trợ các doanh nghiệp, trang trại, hợp tác xã tham gia tích cực hơn vào các hội chợ triển lãm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Công thương và các tỉnh phía Bắc tổ chức nhằm giới thiệu, quảng bá sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh Hưng Yên. Bằng cách đẩy mạnh liên kết hợp tác giữa các tỉnh, Hưng Yên có thể mở rộng mạng lưới phân phối và tăng khả năng tiếp cận thị trường quốc tế. Ví dụ, Quảng Ninh có thể giúp Hưng Yên tiếp cận nhiều hơn với thị trường Trung Quốc và các thị trường khác trong khu vực do kết nối giao thông thuận tiện giữa Hưng Yên và Quảng Ninh, và lợi thế của Quảng Ninh là vị trí địa lý gần Trung Quốc với dịch vụ logistic và vận tải biển phát triển.

5.2. Ngành Công nghiệp

5.2.1. Ngành ô tô

Tổng quan về ngành công nghiệp ô tô tại Việt Nam và vùng KTTĐBB

Đồng bằng sông Hồng là nơi tập trung nhiều nhà máy sản xuất ô tô lớn nhất tại Việt Nam. Trong đó, Hyundai, Vinfast, Toyota và Honda, cùng kiểm soát 44,1% thị trường cả nước (năm 2020), có cơ sở sản xuất đặt tại Ninh Bình, Hải Phòng và Vĩnh Phúc. Tại Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, Quảng Nam là tỉnh có cụm ngành ô tô có sản lượng lớn, với Khu công nghiệp phức hợp Thaco Chu Lai, sản xuất các loại ô tô của các hãng Kia, Mazda và Peugeot dưới hình thức liên doanh với Thaco, chiếm đến 44,6% thị phần xe toàn thị trường. Thành phố Hồ Chí Minh và Bình Dương của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đứng ở vị trí thứ ba với sự hiện diện của các nhà máy sản xuất ô tô của Mitsubishi và Suzuki, cùng chiếm 11,3% tổng thị phần[99].

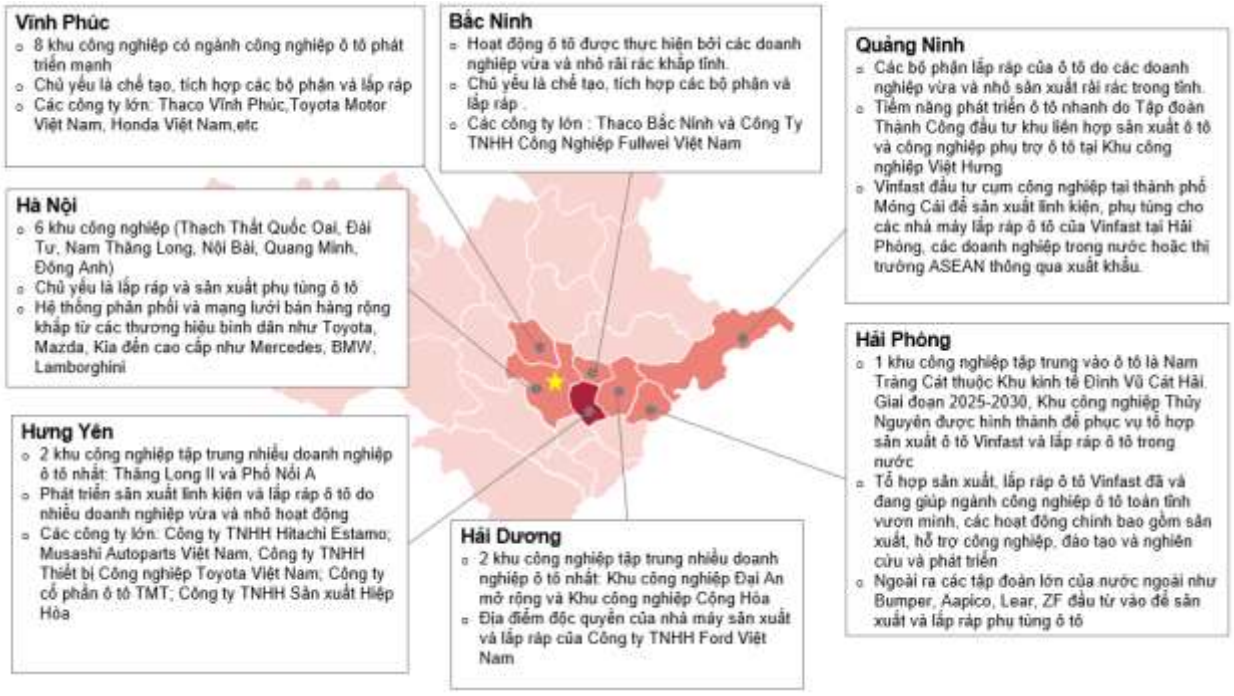
Tuy nhiên, so với các nước láng giềng như Thái Lan và Indonesia, ngành ô tô tại Việt Nam vẫn còn nhỏ theo tiêu chuẩn khu vực. Trên thực tế, sản lượng sản xuất toàn ngành ước tính chỉ đạt 248.171 chiếc vào năm 2020 - chưa bằng một nửa sản lượng của Indonesia (532.027 chiếc) và thấp hơn nhiều so với Thái Lan (792.146 chiếc)[100]. Mức thu nhập của người Việt Nam còn chưa đủ để đa số người dân có thể sở hữu ô tô, từ đó ảnh hưởng đến doanh thu của ngành ô tô ở thị trường trong nước. Do đó, quy mô thị trường hiện tại của ngành công nghiệp ô tô Việt Nam còn nhỏ, dẫn đến chi phí vận hành cao hơn so với một số nước ASEAN. Tuy nhiên, khi mức thu nhập của người Việt Nam ngày càng tăng lên, ngành ô tô trong tương lai có thể mong đợi một sự tăng tốc đáng kể về quy mô.

Ngoài ra, linh kiện, phụ tùng phục vụ sản xuất, lắp ráp ô tô phần lớn phải nhập khẩu (chủ yếu từ Hàn Quốc, Trung Quốc, Thái Lan, Nhật Bản, Indonesia, Ấn Độ) và phải chịu thêm chi phí đóng gói, vận chuyển, bảo quản, bảo hiểm, do đó làm tăng giá xe sản xuất, lắp ráp trong nước. Tuy nhiên, vào tháng 7 năm 2020, Chính phủ đã áp dụng thuế nhập khẩu bằng 0 đối với nguyên liệu và linh kiện ô tô chưa sản xuất được trong nước và thiết yếu cho sản xuất, lắp ráp ô tô từ năm 2021 đến năm 2025. Điều này được kỳ vọng sẽ giúp giảm giá thành ô tô và hỗ trợ các nhà sản xuất ô tô và người tiêu dùng, khuyến khích các nhà sản xuất ô tô mở rộng năng lực sản xuất trên toàn quốc, trong đó có tỉnh Hưng Yên vốn chưa có sự đầu tư nhiều từ các tập đoàn ô tô lớn.

Công nghiệp ô tô được xác định là ngành mũi nhọn của Việt Nam, với mục tiêu đáp ứng trên 50% nhu cầu thị trường trong nước đối với các loại ô tô, bao gồm xe tải, xe ô tô thông dụng và xe chuyên dùng vào năm 2030, đồng thời là nhà cung cấp chính của các linh kiện, phụ tùng giá trị cao. Mục tiêu tăng trưởng của ngành công nghiệp ô tô Việt Nam cho giai đoạn 2021-2030 là 14,26%, với tỷ trọng xe sản xuất trong nước phục vụ nhu cầu nội địa là 80-92% vào năm 2030[101].

[99] Nguồn: EMIS, Phân tích của PwC
[100] Nguồn: EMIS, Phân tích của PwC
[101] Quyết định 1211/QĐ-TTg ngày 24/7/2014 phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

Hình 55: Tổng quan ngành công nghiệp ô tô trong vùng KTTĐBB



Nguồn: Dữ liệu và thông tin được đơn vị tư vấn tổng hợp từ các nguồn công khai

Nhìn chung, ngành công nghiệp ô tô tại Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc khá phát triển với nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động trong các khu công nghiệp. Hầu hết các doanh nghiệp vừa và nhỏ chuyên sản xuất các bộ phận cụ thể, và các bộ phận ô tô đơn giản vốn sử dụng nhiều lao động cho các nhà máy tích hợp bộ phận lớn trong tỉnh. Bên cạnh đó, cũng có nhiều thương hiệu ô tô nổi tiếng đã xây dựng nhà máy lắp ráp tại khu vực vùng KTTĐBB, đây là yếu tố chính thu hút các doanh nghiệp phụ trợ ô tô khác tham gia vào chuỗi giá trị và thúc đẩy hiệu quả kinh tế của ngành công nghiệp ô tô cho toàn khu vực.

Ngành công nghiệp ô tô nhìn chung trung ở các tỉnh Hải Phòng, Vĩnh Phúc, Hải Dương, Quảng Ninh nhờ có trụ sở chính của các nhà sản xuất, lắp ráp ô tô lớn như Vinfast, Ford, Hyundai - Thành Công Group, Toyota Motor Việt Nam. Chẳng hạn, tổ hợp sản xuất, lắp ráp ô tô Vinfast đặt tại khu công nghiệp Đình Vũ, Hải Phòng có diện tích 335 ha với tổng vốn khoảng 1,5 tỷ đô la Mỹ - đây được coi là dự án đầy tham vọng của Vingroup, đồng thời cũng có ý nghĩa lớn đối với ngành ô tô Việt Nam. Tổ hợp nhà máy Vinfast bao gồm nhà máy sản xuất xe điện, nhà máy ô tô, khu công nghiệp phụ trợ, trung tâm đào tạo, viện nghiên cứu và phát triển. Vinfast sẽ là một trong những doanh nghiệp sử dụng công nghệ dập tự động lớn nhất Việt Nam với 1.200 cánh tay robot phụ trách hàn, lắp ráp được lắp đặt tại nhà máy, phục vụ quá trình hàn thân xe tự động. Phần thân xe sẽ được tập trung tại xưởng lắp ráp, thực hiện công đoạn cuối cùng bao gồm hệ thống dây điện, nội thất, hộp số, động cơ. Hiện tại, cả nhà máy sản xuất xe điện và ô tô của Vinfast đều có công suất thiết kế lên đến 38 xe/giờ.

Tổng quan ngành ô tô tại Hưng Yên

Tại Hưng Yên, có hai khu công nghiệp tập trung nhiều doanh nghiệp ô tô nhất, là Thăng Long II và Phố Nối A. Ước tính có khoảng 33 doanh nghiệp ô tô[102], hầu hết là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất linh kiện ô tô và lắp ráp. Các công ty FDI chiếm tỷ trọng lớn nhất trong chuỗi giá trị ô tô tại Hưng Yên với số vốn đăng ký lớn, như Công ty TNHH Hitachi Astemos (68 triệu đô la Mỹ), Công ty TNHH Musashi Autoparts Việt Nam (51 triệu đô la Mỹ) và Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp Toyota Việt Nam (31 triệu đô la Mỹ). Số lượng các nhà lắp ráp xe tải và xe chuyên dụng (như xe chở rác, xe cấp cứu, v.v.) cũng đang tăng lên, với các công ty như Công ty Cổ phần Ô tô TMT (8,8 triệu đô la Mỹ) và Công ty TNHH Sản xuất Hiệp Hòa (7 triệu đô la Mỹ)[103].

Theo quyết định của tỉnh về Đề án phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Hưng Yên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ cho ngành công nghiệp sản xuất và lắp ráp ô tô tại Hưng Yên bao gồm việc tăng cường hợp tác giữa các doanh nghiệp địa phương với các nhà sản xuất ô tô lớn trong sản xuất phụ tùng, linh kiện lắp ráp xe thành phẩm và sản xuất xuất khẩu, ưu tiên các linh kiện chính như hộp số, động cơ, thân xe,... Đẩy mạnh hình thành các trung tâm, cụm công nghiệp ô tô, tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp, công nghiệp hỗ trợ, các cơ sở nghiên cứu phát triển và các cơ sở đào tạo nhằm nâng cao tính chuyên môn hóa, nâng cao năng suất và chất lượng. Ngoài ra, công nghệ mới và nguồn nhân lực trong ngành ô tô sẽ được đầu tư để đáp ứng mục tiêu tăng trưởng. Mục tiêu đến năm 2030, sản xuất động cơ ô tô và các chi tiết động cơ đạt 1,8-2 triệu sản phẩm các loại; khung, thân, vỏ, cửa chỉ tiêu 15-17 nghìn sản phẩm; dây điện, cụm điện đạt 17-18,5 triệu sản phẩm; linh kiện nhựa và cao su ô tô đạt khoảng 25 nghìn tấn[104].

[102] Ban Quản lý các khu công nghiệp báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc rà soát Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 ngày 8/6/2021
[103] Danh sách các dự án / doanh nghiệp trong Khu công nghiệp do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên cung cấp
[104] Quyết định 1259/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 phê duyệt Đề án phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Hưng Yên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

Hình 56: So sánh chuỗi giá trị ngành ô tô ở Hưng Yên và các tỉnh khác



Trong chuỗi giá trị ngành ô tô, Hưng Yên chủ yếu tập trung vào sản xuất các linh kiện ô tô như động cơ, bánh răng, máy phát điện, máy biến áp, khung gầm, hộp số ... Các doanh nghiệp ở Tỉnh cũng tham gia vào các hoạt động lắp ráp như dập khung và sơn cho xe tải và xe chuyên dùng. Việc lắp ráp xe ô tô thông dụng vẫn chưa được phát triển so với Hải Phòng hay Vĩnh Phúc do thiếu các nhà máy lớn.

Các vấn đề chính của ngành công nghiệp ô tô tại Hưng Yên

Hoạt động sản xuất, lắp ráp linh kiện ô tô trên địa bàn tỉnh còn đơn giản. Các sản phẩm có hàm lượng công nghệ thấp như xăm, lốp, ghế, gương, kính, dây ắc quy, sản phẩm nhựa được sản xuất trong nước, tuy nhiên phần lớn phụ tùng, linh kiện chủ yếu phải nhập khẩu. Nguyên liệu chủ yếu để sản xuất các cấu kiện như thép hợp kim, hợp kim nhôm, hạt nhựa, cao su công nghệ cao, nhẹ chiếm 80-90% hàm lượng sản phẩm, hiện cũng phải nhập khẩu. Các hoạt động sản xuất, lắp ráp linh kiện có giá trị gia tăng thấp và sử dụng nhiều lao động, chưa đạt được sự chuyên môn hóa hoặc khác biệt hóa của sản phẩm. Ngành sản xuất phụ tùng, linh kiện chưa hình thành được cụm nhà cung cấp vật tư, linh kiện quy mô lớn nên tỷ lệ nội địa hóa của một số mẫu xe còn hạn chế, bình quân năm 2018 chỉ đạt 7-10%[105]. So với các tỉnh thành khác, ngành công nghiệp ô tô của Hưng Yên vẫn còn tụt hậu, với tổng doanh thu hoạt động của các doanh nghiệp ô tô chiếm xấp xỉ 4,5% vùng KTTĐBB và chỉ 1,55% cả nước[106].

[105] Theo bài báo "Hưng Yên: Phát triển công nghiệp hỗ trợ sản xuất, lắp ráp ô tô" (Báo Đối ngoại Hưng Yên): http://doingoaihungyen.vn/1212n/hung-yen-phat-trien-cong-nghiep-ho-tro-san-xuat-lap-rap-o-to.html

[106] Nguồn: EMIS, Phân tích của PwC

Các giải pháp trọng tâm để nâng cao vai trò của ngành công nghiệp ô tô tỉnh Hưng Yên

Một giải pháp là thu hút thêm các công ty sản xuất ô tô chủ chốt để giúp phát triển chuỗi cung ứng địa phương. Sự tồn tại của các công ty chủ chốt là yếu tố thành công của nhiều tỉnh thành như khu tổ hợp sản xuất và lắp ráp ô tô Vinfast tại tỉnh Hải Phòng, khu công nghiệp phức hợp Thaco Chu lai tỉnh Quảng Nam, hay nhóm các công ty chủ chốt: Thaco Vĩnh Phúc - Toyota Motor Việt Nam - Honda Việt Nam tại tỉnh Vĩnh Phúc. Một công ty chủ chốt thường sẽ là một nhà sản xuất ô tô lớn với năng lực đáng kể, tham gia vào nhiều bước của chuỗi giá trị từ nghiên cứu và phát triển, sản xuất nguyên liệu đến lắp ráp và phân phối. Vì công ty chủ chốt thường chủ yếu hoạt động như là một nhà lắp ráp chính, các công ty phụ trợ liên quan, chẳng hạn như phòng thí nghiệm và các nhà cung cấp các bộ phận và thành phần cho công ty chủ chốt thường sẽ chuyển đến khu công nghiệp nơi công ty chủ chốt đặt địa bàn. Như vậy sẽ không chỉ hình thành một cụm công nghiệp xung quanh khu công nghiệp nhờ sự tập hợp của các doanh nghiệp liên quan đến công ty chủ chốt, mà ngành công nghiệp hỗ trợ ô tô của tỉnh cũng sẽ được nâng cao, tạo điều kiện hỗ trợ cho các trung tâm sản xuất ô tô hàng đầu khác tại Hải Phòng hoặc Vĩnh Phúc. Do đó, việc thành lập các công ty chủ chốt có thể giúp Hưng Yên thiết lập các hoạt động có giá trị gia tăng cao như nghiên cứu và phát triển, và cũng tạo điều kiện cho các công ty phụ trợ không chỉ hỗ trợ công ty chủ chốt của Tỉnh mà còn hỗ trợ các công ty hàng đầu trong vùng KTTĐBB, do đó, nâng cao chuỗi giá trị của Tỉnh và tăng sản lượng sản xuất.

Ngoài ra, tỉnh Hưng Yên sẽ cần cải thiện (1) cơ sở hạ tầng vật chất, (2) môi trường kinh doanh và thể chế, (3) các quy định về cơ chế hỗ trợ khuyến khích và cơ chế thực hiện hỗ trợ, và (4) phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng. Đối với điểm (1), Hưng Yên cần đảm bảo đầy đủ cơ sở hạ tầng điện nước trong các khu công nghiệp và kết nối tốt các tuyến đường với các cụm ngành ô tô chính ở Hải Phòng, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc để thuận tiện tham gia sâu rộng hơn vào ngành ô tô trong vùng KTTĐBB, và tận dụng vị trí lân cận Hà Nội để phân phối sản phẩm cho khách hàng trong nước. Đối với điểm (2), Hưng Yên cần cải thiện khả năng tiếp cận đất đai của doanh nghiệp bằng cách giảm thủ tục đầu tư và dành quỹ đất sạch để mở rộng mặt bằng kinh doanh, nâng cao tính minh bạch của chính phủ bằng cách đối thoại thường xuyên giữa chính phủ và doanh nghiệp, cũng như đơn giản hóa thủ tục hành chính để cắt giảm chi phí và thời gian. Đối với điểm (3), Hưng Yên có thể giúp giảm bớt các thủ tục pháp lý và tích cực thúc đẩy chương trình ưu đãi thuế của Chính phủ đối với sản xuất và lắp ráp ô tô cho các doanh nghiệp có liên quan trên địa bàn Tỉnh. Ngoài ra, có thể áp dụng một số chính sách ưu đãi như miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp và tiền thuê đất, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, hỗ trợ vay vốn lãi suất thấp hoặc hỗ trợ tài chính cho việc đào tạo những người mới lần đầu làm việc tại địa phương nhằm thu hút các doanh nghiệp chủ chốt. Đối với điểm (4), để đáp ứng nhu cầu của các nhà đầu tư về nguồn nhân lực có tay nghề cao, Hưng Yên cần xúc tiến các khóa đào tạo kỹ thuật ô tô ở các trường đại học và đào tạo nghề, đồng thời khuyến khích sự hợp tác giữa các viện và doanh nghiệp này để phát triển đào tạo thực tế. Những yếu tố này sẽ giúp Tỉnh tăng khả năng cạnh tranh và thu hút các công ty chủ chốt và các cụm ngành ô tô, cho phép cải thiện chuỗi giá trị, tăng các hoạt động có giá trị gia tăng cao và sản lượng sản xuất.

5.2.2. Ngành điện và điện tử

Tổng quan về ngành điện và điện tử tại Việt Nam và vùng KTTĐBB

Hiện nay, có khoảng 2.700 doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất điện tử, máy tính và quang học tại Việt Nam, chủ yếu tập trung ở Đồng bằng sông Hồng (50%) và vùng Đông Nam Bộ (30%)[107]. Hiện ngành điện và điện tử chiếm tỷ trọng 17,8% trong toàn ngành công nghiệp với tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 là 23,8%/ năm, đưa kim ngạch xuất khẩu năm 2020 đạt 44,6 tỷ đô la Mỹ, đứng thứ 12 trên toàn cầu và lớn thứ ba trong khu vực ASEAN[108]. Nhiều hãng điện tử quốc tế lớn đã đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất các sản phẩm điện tử công nghệ cao tại Việt Nam như Samsung (Bắc Ninh, Thái Nguyên), LG (Hải Phòng), Foxconn (Bắc Giang), Intel (TP. Hồ Chí Minh), đóng góp đáng kể vào kim ngạch xuất khẩu của tỉnh và cả nước (99,1% đối với điện thoại các loại và linh kiện và 98% đối với điện tử, máy tính và linh kiện vào năm 2020).

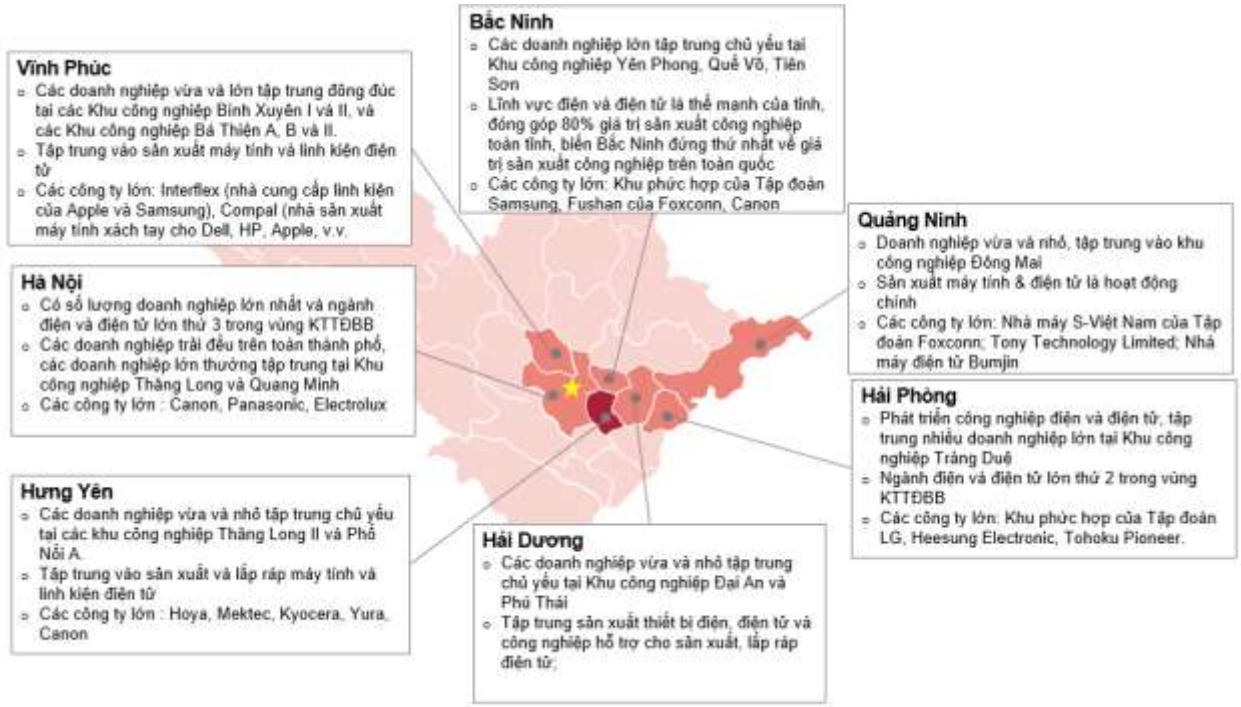
Ngành công nghiệp điện và điện tử của Việt Nam đang phát triển nhanh và năng động, được hỗ trợ bởi thị trường lao động lớn, trẻ với 60% dân số trong độ tuổi lao động. Giá nhân công còn tương đối thấp, tạo lợi thế cạnh tranh cho các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm phụ trợ, lắp ráp hàng điện tử. Ngoài ra, Việt Nam có nguồn tài nguyên khoáng sản quan trọng như quặng sắt, đất hiếm, titan, rutin, barit, ilmenit, rất cần thiết cho phát triển công nghiệp vật liệu điện tử.

Đại dịch COVID-19 đã buộc nhiều doanh nghiệp sản xuất máy tính và điện tử tại Việt Nam phải tạm ngừng sản xuất và áp dụng các biện pháp an toàn để ngăn chặn khả năng lây lan của virus theo thời gian. Do thời gian thông báo ngắn, nhiều công ty đã không kịp đáp ứng yêu cầu để tiếp tục hoạt động. Mặc dù vậy, ngành công nghiệp điện tử của Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng trong năm 2021 do nhu cầu ngày càng tăng của người tiêu dùng đối với máy tính và thiết bị điện cho mục đích làm việc tại nhà, giải trí hoặc liên lạc. Kết quả sản xuất trong quý 1 năm 2021 cho thấy, tốc độ tăng trưởng của ngành điện điện tử ở Việt Nam chỉ giảm nhẹ 2%, từ 14,3% trong quý 1 năm 2020 xuống 12,3% cùng kỳ năm 2021[109].

Tuy nhiên, ngành điện điện tử của Việt Nam vẫn được xếp hạng khá thấp trong chuỗi giá trị gia tăng toàn cầu do tỷ lệ nội địa hóa còn nhỏ, chỉ ở mức khoảng 5-10%[110]. Hầu hết các linh kiện điện tử được nhập khẩu để lắp ráp và gia công đơn giản, do các thiết bị chuyên dụng và sản xuất linh kiện chưa được phát triển trong nước.

[107] Nguồn: EMIS, Phân tích của PwC
[108] Tổng cục Hải quan; Tổng cục Thống kê
[109] Tổng cục Thống kê
[110] Theo bài báo "Xây dựng công nghiệp điện tử Việt Nam có giá trị gia tăng cao trong bối cảnh mới" (Tạp chí tài chính): https://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/xay-dung-cong-nghiep-dien-tu-viet-nam-co-gia-tri-gia-tang-cao-trong-boi-canh-moi-333563.html

Hình 57: Tổng quan ngành điện và điện tử trong vùng KTTĐBB



Nguồn: Dữ liệu và thông tin được đơn vị tư vấn tổng hợp từ các nguồn công khai

Nhờ các tuyến đường cao tốc phát triển, vị trí địa lí gần với Trung Quốc và các quốc gia có vốn đầu tư nước ngoài lớn khác (như Hàn Quốc và Nhật Bản), vùng KTTĐBB được lựa chọn là địa điểm của nhiều công ty điện điện tử lớn như Samsung (Bắc Ninh), LG (Hải Phòng), Canon (Hà Nội, Bắc Ninh, Hưng Yên). Đặc biệt, cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung dẫn đến việc di dời nhiều cơ sở sản xuất từ Trung Quốc sang vùng KTTĐBB như Foxconn, LG, Panasonic. Do đó, điện điện tử là một ngành thế mạnh của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, trong đó 47% doanh nghiệp điện điện tử trên toàn quốc tập trung ở Bắc Ninh, Hải Phòng, Hà Nội và Vĩnh Phúc. Tuy nhiên, Hưng Yên hiện vẫn có mức đầu tư thấp từ các doanh nghiệp lớn trong ngành điện điện tử, với số lượng doanh nghiệp trong ngành chỉ chiếm khoảng 4% của vùng KTTĐBB và 1,85% của cả nước[111].

Với cơ sở hạ tầng đường cao tốc phát triển và vị trí thuận lợi bên cạnh Trung Quốc, cần thu hút hơn nữa các tập đoàn FDI lớn trong các ngành công nghiệp hỗ trợ điện và điện tử vào vùng KTTĐBB, bao gồm sản xuất và lắp ráp máy tính, công nghệ thông tin, thiết bị viễn thông, thiết bị điện và điện tử tiêu dùng có công nghệ hiện đại. Trên thực tế, trong Quy hoạch phát triển công nghiệp vùng Đồng bằng sông Hồng đến năm 2025, tầm nhìn 2035, hầu hết các tỉnh trong vùng KTTĐBB đều được chọn để phát triển lĩnh vực điện điện tử. Theo đó, đến năm 2025, quy hoạch phát triển linh kiện điện tử, máy tính xách tay, lắp ráp máy chủ và sản xuất siêu máy tính tại Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc; thiết bị truyền hình kỹ thuật số, sản xuất linh kiện điện tử đa năng tại Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh; máy in và các thiết bị sao chụp khác tại Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh; sản xuất điện thoại tại Hà Nội, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc; sản xuất thiết bị cơ điện tử và thiết bị chuyên dùng tại Hà Nội, cơ sở lắp ráp tại Hải Phòng, Vĩnh Phúc, Quảng Ninh; và các dự án sản xuất vừa và nhỏ tại Hưng Yên. Đến năm 2035, nhu cầu về các hoạt động có giá

[111] Nguồn: EMIS, Phân tích của PwC

trị gia tăng cao như thiết kế, ứng dụng công nghệ cao tiên tiến bao gồm công nghệ nano, chip điện tử, vi mạch[112] sẽ là trọng tâm của Hưng Yên để nâng cao ngành điện và điện tử.

Tổng quan ngành công nghiệp điện và điện tử tại Hưng Yên

Điện và điện tử sẽ trở thành ngành công nghiệp quan trọng của tỉnh, có khả năng sản xuất và cung cấp linh kiện, phụ tùng cho một số ngành công nghiệp trong nước. Mục tiêu đến năm 2030 của Hưng Yên là tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu của các tập đoàn đa quốc gia lớn trên thế giới. Cụ thể, sản xuất linh kiện điện tử và vi mạch điện tử đặt mục tiêu đến năm 2025 đạt 12-15 triệu sản phẩm các loại và 19-21 triệu sản phẩm vào năm 2030. Sản xuất vật liệu điện tử, nhựa cơ - điện tử liên quan và linh kiện cao su được đặt mục tiêu đạt sản lượng 70-85 nghìn tấn sản phẩm vào năm 2025 và 110-125 nghìn tấn vào năm 2030. Sản lượng pin cho máy tính và thiết bị di động được đặt mục tiêu đạt 1-1,2 triệu chiếc vào năm 2025, và 1,5-1,7 triệu kWh[113] vào năm 2030.

Hình 58: So sánh chuỗi giá trị sản xuất điện tử, máy tính và quang học ở Hưng Yên và các tỉnh khác

	Chuỗi giá trị ngành Điện và điện tử			
	Thiết bị sản xuất điện tử	Sản xuất máy tính & điện tử	Lắp ráp	Sản phẩm cuối cùng
KTTĐBB	Dịch vụ (vi dụ: R&D, bảo trì, kiểm tra, phát triển phần mềm)			
Hưng Yên	✓	✓	✓	
Hà Nội	✓	✓	✓	✓
Vĩnh Phúc	✓	✓	✓	
Bắc Ninh	✓	✓	✓	✓
Hải Dương		✓	✓	
Quảng Ninh		✓		
Hải Phòng	✓	✓	✓	✓
Bình Dương	✓	✓	✓	✓
Hồ Chí Minh	✓	✓	✓	✓

✓ Dựa trên các hoạt động chủ yếu của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

[112] Quyết định số 3892/ QĐ-BCT ngày 28/6/2016 của Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp vùng Đồng bằng sông Hồng đến năm 2025, tầm nhìn 2035

[113] Quyết định 1259/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 phê duyệt Đề án phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Hưng Yên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

Trong chuỗi giá trị, ngành công nghiệp điện và điện tử của Hưng Yên đóng vai trò hỗ trợ cho vùng KTTĐBB, hầu hết các doanh nghiệp trong Tỉnh hoạt động trong lĩnh vực sản xuất linh kiện điện tử hoặc lắp ráp để cung cấp cho các nhà sản xuất sản phẩm cuối cùng lớn tại các tỉnh vùng KTTĐBB khác như Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Phòng. Mặc dù thiếu sự tham gia đầy đủ vào chuỗi giá trị, nhưng Hưng Yên vẫn có một nền tảng tốt cho sự phát triển ngành công nghiệp điện và điện tử, với 43 doanh nghiệp và 120 cơ sở kinh doanh tập trung vào sản xuất và lắp ráp máy tính và linh kiện điện tử[114]. Nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ tập trung chủ yếu tại Khu công nghiệp Thăng Long II và Phố Nối A, cùng với các doanh nghiệp lớn như Hoya, Mektec, Kyocera, Yura, Canon. Ví dụ, Kyocera Corporation là một tập đoàn đa ngành toàn cầu với nhiều năm kinh nghiệm trong việc nghiên cứu, phát triển và sản xuất các sản phẩm gốm sứ, linh kiện điện tử và chất bán dẫn công nghệ cao tại 29 quốc gia trên thế giới. Tại Hưng Yên, tập đoàn Kyocera đã thành lập hai dự án là nhà máy sản xuất linh kiện bề mặt SMD và nhà máy sản xuất đầu nối điện tử, với vốn đăng ký lần lượt là 76 triệu đô la Mỹ và 12 triệu đô la Mỹ. Các dự án này nhằm mục đích sản xuất các linh kiện công nghệ gắn bề mặt và đầu nối điện tử cho máy tính xách tay, máy in, máy photocopy và điện thoại di động, vốn đang có nhu cầu cao đối với nhiều nhà lắp ráp điện và điện tử. Công ty là đầu tàu đóng góp vào sự phát triển của ngành công nghiệp điện và điện tử tại Hưng Yên, tạo việc làm cho khoảng 1000 lao động[115].

Các vấn đề chính của ngành điện và điện tử tại Hưng Yên

Hầu hết các doanh nghiệp điện và điện tử ở Hưng Yên có quy mô vừa và nhỏ, với công nghệ trung bình thấp. Nhiều công ty thuê ngoài các bộ phận sản xuất và lắp ráp với giá trị gia tăng thấp. Cơ hội đầu tư đổi mới công nghệ và liên kết kinh doanh, làm vệ tinh sản xuất cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các doanh nghiệp lớn còn hạn chế do thiếu cơ sở sản xuất của các công ty FDI lớn tại Hưng Yên.

Cơ sở hạ tầng chung cho ngành công nghiệp điện và điện tử ở Hưng Yên còn thiếu ở một số lĩnh vực nên kém hấp dẫn các doanh nghiệp FDI đầu tư, cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ và hoàn thiện, hệ thống xử lý chất thải còn thiếu cũng như đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng xã hội chưa theo kịp sự phát triển của các khu công nghiệp. Ngoài ra, còn có sự chậm trễ trong quy hoạch xây dựng nhà ở xã hội và nhà ở cho công nhân tại các khu công nghiệp.

Các giải pháp trọng tâm để nâng cao vai trò của ngành điện và điện tử tại Hưng Yên

Hưng Yên vẫn còn dư địa phát triển bằng cách tích cực tìm kiếm các doanh nghiệp lớn tiềm năng của nước ngoài và trong nước mong muốn mở rộng hoạt động kinh doanh tại Việt Nam. Hiện Lenovo đang tìm nhà máy tại Việt Nam, các đối tác sản xuất lớn của Apple như Wistron, Pegatron, Luxshare, Foxconn, vv, cũng đang tăng cường sản xuất thiết bị và phụ kiện. Do đó, Hưng Yên có thể tận dụng cơ hội này để nâng cao sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư lớn trong và ngoài nước bằng cách nâng cấp cơ sở hạ tầng ngành như hệ thống thu gom và xử lý chất thải rắn, nước thải, nhà ở cho công nhân, đồng thời khuyến khích các doanh nghiệp trong nước tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị để tăng cường ngành điện và điện tử của tỉnh.

Ngoài ra, theo Bộ Công thương, giai đoạn sau năm 2020, các sản phẩm phụ tùng điện, điện tử sản xuất trong nước sẽ được Chính phủ khuyến khích, các lĩnh vực như thiết bị tự động hóa,

[114] Rà soát Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030,
[115] Theo bài báo "Tập đoàn Kyocera: Khánh thành hai nhà máy của tại KCN Thăng Long II" (Báo khu công nghiệp), http://www.khucongnghiep.com.vn/tap-doan-kyocera-khanh-thanh-hai-nha-may-cua-tai-kcn-thang-long-ii/

thiết bị cho y tế, bán dẫn sẽ có nhu cầu cao[116]. Hưng Yên có thể đi tắt đón đầu để tham gia vào các hoạt động có giá trị cao này, tăng tỷ lệ nội địa hóa các bộ phận điện tử và nâng cao chuỗi giá trị bằng cách đầu tư vào các hoạt động nghiên cứu và phát triển, và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào sản xuất, thiết lập hệ sinh thái công nghiệp hỗ trợ, tạo ra hệ sinh thái và mạng lưới đổi mới thông qua giáo dục, đào tạo phần mềm, mở rộng các diễn đàn chuyên môn với sự hỗ trợ từ các trường đại học hoặc các chuyên gia có kinh nghiệm trong ngành. Ngoài ra, Hưng Yên có thể tăng cường kết nối mạng lưới giữa các doanh nghiệp nhỏ, vừa và lớn, giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước để thúc đẩy chia sẻ kinh nghiệm và đổi mới, chuyển giao công nghệ. Trong tương lai, Hưng Yên có thể xem xét phát triển ngành thiết bị điện và điện tử với trọng tâm chính là sản xuất linh kiện điện tử, bảng mạch tích hợp, vi mạch điện tử và một số linh kiện khác phục vụ thị trường lắp ráp trong nước và xuất khẩu. Tỉnh có thể xem xét các thị trường xuất khẩu là một mục tiêu quan trọng đối với sự phát triển của ngành công nghiệp bằng cách mở rộng và đẩy mạnh thị trường xuất khẩu trong ngành công nghiệp thiết bị điện và điện tử.

Ngoài ra, Hưng Yên cần phải thiết lập các mối liên kết ngành với các tỉnh có công nghiệp điện và điện tử hàng đầu trong khu vực vùng KTTĐBB (ví dụ: Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Phòng) về các quy trình để gia tăng giá trị sản phẩm. Chính quyền địa phương sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự hợp tác giữa các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp linh kiện điện tử ở Hưng Yên với các công ty hàng đầu trong khu vực KTTĐBB như Samsung, Foxconn, LG, Panasonic, v.v., nhằm kích thích sự phát triển của các doanh nghiệp tỉnh, cũng như củng cố ngành điện và điện tử của Hưng Yên.

[116] Theo bài báo “Ngành điện tử Việt Nam trong cuộc cách mạng 4.0” (Bộ công thương Việt Nam), https://moit.gov.vn/tin-tuc/phat-trien-cong-nghiep/nganh-dien-tu-viet-nam-trong-cuoc-cach-mang-4.0.html

5.2.3. Ngành thiết bị y tế và sản xuất dược phẩm

Tổng quan về ngành thiết bị y tế và sản xuất dược phẩm tại Việt Nam và vùng KTTĐBB

Ngành thiết bị y tế của Việt Nam là một ngành đầy triển vọng để đầu tư trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước do Việt Nam có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh, dân số đang già hóa[117] và nhiều chính sách hỗ trợ từ chính phủ. Theo Bộ Y tế, Việt Nam hiện mới chỉ sản xuất được các loại thiết bị y tế như bông y tế, băng, gạc, khẩu trang, găng tay y tế, bơm, kim tiêm dùng một lần, dây truyền dịch, chỉ phẫu thuật, trang phục phẫu thuật ... Trong năm 2019, ước tính khoảng 90% trang thiết bị y tế của Việt Nam phải nhập khẩu. Trong đó, các thiết bị chẩn đoán hình ảnh bao gồm máy cộng hưởng từ, MRI, CT scan, siêu âm, X-quang chiếm 30% tổng giá trị trang thiết bị y tế nhập khẩu[118]. Về năng lực sản xuất, hầu hết các công ty sản xuất thiết bị y tế Việt Nam đều có quy mô vừa và nhỏ. Công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm còn hạn chế, trình độ công nghệ thấp, chậm đổi mới, sức cạnh tranh thấp đã khiến lĩnh vực này của Việt Nam kém phát triển so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Ngoài ra, Việt Nam đang thiếu hụt nhân lực chuyên ngành thiết bị y tế do ngành đào tạo kỹ thuật y sinh tại các trường đại học trong nước chưa đáp ứng được nhu cầu nhân lực của ngành.

Hiện nay, Bộ Y tế đang dự thảo đề án Phát triển công nghiệp trang thiết bị y tế sản xuất trong nước đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 nhằm khuyến khích sản xuất trang thiết bị y tế trong nước. Theo dự kiến, Bộ sẽ xây dựng, ban hành chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp trong nước sản xuất trang thiết bị y tế phục hồi chức năng và y học cổ truyền, thiết bị tiệt trùng, thiết bị y tế thông dụng... nhất là cho các các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp trang thiết bị y tế công nghệ cao (như CT, cộng hưởng từ, siêu âm chẩn đoán, máy nội soi, máy chụp mạch, hệ thống thiết bị xét nghiệm, vật liệu y tế cấy ghép, thiết bị sử dụng cho liệu pháp điều trị cưỡng bức).

Bên cạnh sản xuất thiết bị y tế, dược phẩm là một ngành đang phát triển nhanh tại Việt Nam. Theo IQVIA, Việt Nam được xếp thứ ba trong số các nước có ngành dược phát triển với tốc độ nhanh dù có thứ hạng trên thị trường dược quốc tế còn hạn chế (Pharmerging[119]). Dự kiến, ngành dược Việt Nam sẽ đạt giá trị 9,1 tỷ đô la Mỹ vào năm 2023 và 16,1 tỷ đô la Mỹ vào năm 2026[120]. Việc đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và phát triển dược phẩm tại Việt Nam chưa được chú trọng. Do đó, với những hạn chế về năng lực, công nghệ và vốn so với các đối tác nước ngoài, hầu hết các doanh nghiệp trong ngành dược Việt Nam đang cố gắng vươn tới các tiêu chuẩn quốc tế để tập trung sản xuất thuốc gốc (hay còn gọi là thuốc generic) thay vì đầu tư nhiều nguồn lực vào sản xuất thuốc phát minh, thuốc biệt dược. Nguyên liệu đầu vào cho sản xuất thuốc phụ thuộc nhiều vào nguồn nhập khẩu do nguồn cung trong nước chỉ đáp ứng được 10-20% nhu cầu, điều này ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của ngành dược.

Theo chương trình phát triển công nghiệp dược và dược liệu sản xuất trong nước[121], mục tiêu trong giai đoạn tới là xây dựng ngành công nghiệp dược trong nước đạt mức độ phát triển ở trình

[117] Kết quả Tổng Điều tra dân số và nhà ở năm 2019 cho thấy, dân số Việt Nam đang già hóa với tốc độ nhanh chưa từng thấy. Cả nước có 11,4 triệu người cao tuổi từ 60 tuổi trở lên, chiếm 11,86% tổng dân số, và chỉ số già hóa tăng từ 35,9% vào năm 2009 lên 48,8% vào năm 2019

[118] Theo báo cáo "Tổng quan về các công ty thiết bị y tế tại Việt Nam" (VietnamCredit)

[119] Theo phân loại của IQVIA, Pharmerging là nhóm các quốc gia có xếp hạng thấp trên thị trường dược phẩm quốc tế nhưng có tốc độ tăng trưởng nhanh

[120] Báo cáo "Tổng quan về ngành dược tại Việt Nam" (VietnamCredit)

[121] Quyết định 376/QĐ-TTg ngày 17 tháng 05 năm 2021 phê duyệt chương trình phát triển công nghiệp dược, dược liệu sản xuất trong nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

độ cao, đạt cấp độ 4 theo thang phân loại của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), có giá trị thị trường trong top 3 các nước ASEAN, góp phần bảo đảm cung ứng đầy đủ, kịp thời thuốc có chất lượng, an toàn, hiệu quả và giá hợp lý. Bên cạnh đó, Việt Nam mong muốn phát triển dược liệu và các sản phẩm từ dược liệu trong nước thành sản xuất hàng hóa có chất lượng, giá trị và có sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế. Để đạt được các mục tiêu đó, Việt Nam đang áp dụng các cơ chế, quy định, chính sách khuyến khích đầu tư vào các hoạt động R&D, chuyển đổi công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, cũng như phát triển và quản lý thị trường thuốc và dược liệu.

Tổng quan ngành sản xuất thiết bị y tế và dược phẩm tại Hưng Yên

Hưng Yên chưa tham gia nhiều vào lĩnh vực sản xuất thiết bị y tế, chỉ có một số ít công ty ở Hưng Yên đủ điều kiện sản xuất các thiết bị y tế như khẩu trang, các sản phẩm bằng sắt dùng trong y tế. Về sản xuất dược phẩm, tại Hưng Yên có sự hiện diện của các doanh nghiệp sản xuất thuốc và doanh nghiệp sản xuất thuốc thú y. Trên địa bàn tỉnh hiện có 68 cơ sở sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu với 1.725 lao động. Hiện các khu công nghiệp của Hưng Yên có bảy dự án trong lĩnh vực dược phẩm (các dự án tập trung tại khu công nghiệp Yên Mỹ II), trong đó bốn dự án đang hoạt động và ba dự án đang phát triển[122].

Một trong những doanh nghiệp sản xuất dược phẩm nổi bật tại Hưng Yên là công ty cổ phần Traphaco được thành lập từ năm 1977. Công ty sản xuất và kinh doanh dược phẩm, hóa dược, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm và các vật tư thiết bị y tế khác. Công ty cũng đầu tư trồng trọt và chế biến nguyên liệu làm thuốc, chuyển giao công nghệ y tế, cũng như cung cấp các dịch vụ tư vấn trong ngành dược phẩm. Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên thành lập năm 2010 và chính thức đi vào hoạt động năm 2017 với chức năng sản xuất thuốc và nguyên dược liệu. Nhà máy công nghệ cao của Traphaco đặt tại huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, được khởi công xây dựng lần đầu vào năm 2004 và đi vào hoạt động năm 2007. Với diện tích hơn 10.000 m2, nhà máy Traphaco Văn Lâm chuyên sản xuất đông dược và được chứng nhận đạt tiêu chuẩn GPs của Tổ chức Y tế thể giới năm 2008. Đây là cơ sở sản xuất đông dược đầu tiên, lớn nhất và có công nghệ hiện đại nhất tại Việt Nam. Công ty Traphaco Hưng Yên cũng tận dụng dược liệu trên địa bàn tỉnh làm nguyên liệu đầu vào, không chỉ giúp công ty tiết kiệm chi phí sản xuất mà còn thúc đẩy việc trồng cây dược liệu của địa phương.

Các vấn đề chính của ngành sản xuất thiết bị y tế và dược phẩm tại Hưng Yên

Số lượng doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất trang thiết bị y tế tại Hưng Yên còn rất hạn chế. Hầu hết các công ty tham gia sản xuất vật tư y tế như khẩu trang, găng tay, kim tiêm và không có doanh nghiệp nào chuyên sản xuất thiết bị y tế công nghệ cao như máy chụp cắt lớp, máy cộng hưởng từ, thiết bị chẩn đoán, siêu âm. Năng lực sản xuất của các doanh nghiệp trong nước chưa đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng và các tiêu chuẩn quốc tế khác trong lĩnh vực y tế. Việc thiếu các hoạt động nghiên cứu phát triển, trung tâm kiểm nghiệm cũng như nguồn nhân lực chuyên môn cao về kỹ thuật y sinh cũng dẫn đến nhiều khó khăn trong phát triển lĩnh vực sản xuất trang thiết bị y tế.
Lĩnh vực sản xuất thuốc của Hưng Yên chưa phát triển mạnh do tỉnh chưa có các dự án đầu tư lớn trong lĩnh vực này. Các cơ sở sản xuất thuốc trên địa bàn tỉnh còn nhiều hạn chế về khả năng sản xuất và chủ yếu tập trung sản xuất vào các loại thuốc đông y từ cây thảo dược.

Hưng Yên chưa xây dựng chiến lược để thúc đẩy tăng trưởng lĩnh vực sản xuất trang thiết bị y tế và dược phẩm. Tỉnh chưa có quy hoạch tổng thể, kế hoạch phát triển để đưa các ngành này

[122] Dữ liệu từ báo cáo của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên

trở thành ngành mũi nhọn. Hưng Yên chưa chú trọng đầu tư cũng như ban hành các chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh trong lĩnh vực thiết bị y tế và dược phẩm.

Các giải pháp trọng tâm để nâng cao vai trò của ngành sản xuất thiết bị y tế và dược phẩm tỉnh Hưng Yên

Chính quyền tỉnh Hưng Yên nên cân nhắc xây dựng một chiến lược phát triển toàn diện với tầm nhìn và định hướng phù hợp để phát triển ngành sản xuất thiết bị y tế và dược phẩm là một trong những ngành mũi nhọn, đem lại giá trị gia tăng cho Hưng Yên. Tỉnh cần đánh giá thực trạng phát triển của ngành thiết bị y tế và dược phẩm trên địa bàn tỉnh và xây dựng kế hoạch triển khai nhằm đạt được mục tiêu, đồng thời tận dụng được lợi thế của Hưng Yên.

Tỉnh Hưng Yên cần xem xét ban hành các chính sách ưu đãi để khuyến khích các công ty lớn, các nhà đầu tư có năng lực thành lập các nhà máy, xây dựng phòng thí nghiệm trong các dự án sản xuất trang thiết bị y tế trên địa bàn tỉnh, đồng thời hình thành hệ sinh thái công nghiệp phụ trợ cho ngành sản xuất thiết bị y tế và dược phẩm. Ngoài ra, tỉnh cần hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc nâng cao năng lực sản xuất, chuyển đổi công nghệ tiên tiến, tìm kiếm và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

Hưng Yên cần chú trọng hoạt động nghiên cứu và phát triển để thúc đẩy sản xuất dược phẩm ứng dụng công nghệ cao, tiên tiến. Tỉnh có thể hình thành các khu thực nghiệm được trang bị công nghệ hiện đại để bảo tồn, nhân giống và trồng các giống cây dược liệu mới và quý hiếm, xây dựng các phòng thí nghiệm để nghiên cứu các sản phẩm thuốc mới từ thảo dược cũng như đầu tư các nhà máy công nghệ cao cho sản xuất dược phẩm.

Hiện nay ở miền Bắc, Hà Nội, Hải Dương và Thái Bình là nơi tập trung nguồn nhân lực chất lượng cao trong ngành thiết bị y tế và dược phẩm. Với những điều kiện thuận lợi như vị trí liền kề Hà Nội, kết nối giao thông tốt, sự hỗ trợ của Chính phủ trong đầu tư giáo dục, sở hữu khu đại học Phố Hiến 1.000 ha, Hưng Yên có cơ hội trở thành trung tâm giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực về công nghệ y sinh và dược phẩm vì hiện tại không có nhiều khóa học và chương trình đào tạo về hai chuyên ngành này (đặc biệt là kỹ thuật y sinh) tại Hà Nội. Hưng Yên có thể cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các tỉnh có thế mạnh về nghiên cứu phát triển và sản xuất dược phẩm và trang thiết bị y tế như Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh.

5.2.4. Ngành kỹ thuật

Trong báo cáo này, ngành kỹ thuật đề cập đến lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp cơ khí chính xác, công nghiệp cơ khí chế tạo công nghệ cao (các lĩnh vực thuộc ngành công nghiệp), và dịch vụ sửa chữa , lắp đặt máy móc và thiết bị (thuộc ngành dịch vụ). Tuy nhiên, công nghiệp cơ khí chính xác, công nghiệp cơ khí chế tạo công nghệ cao và sửa chữa, lắp đặt máy móc thiết bị là những ngành công nghiệp hỗ trợ chính nằm trong chuỗi giá trị của các ngành sản xuất khác (ví dụ: Điện-điện tử, Ô tô, v.v.). Do đó, trong phần này, báo cáo chỉ tập trung vào lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng.

Tổng quan ngành vật liệu xây dựng tại Việt Nam và vùng KTTĐBB

Hiện nay, ước tính có khoảng 14.000 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng, tập trung chủ yếu ở Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ (lần lượt chiếm 37% và 40% số doanh nghiệp cả nước)[123]. Ở Việt Nam, hiện nay chưa có cụm sản xuất vật liệu xây dựng nào cụ thể do hầu hết các doanh nghiệp đều hoạt động một cách độc lập. Các tỉnh có tổng doanh thu hoạt động của các doanh nghiệp vật liệu xây dựng cao nhất là Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Bình Dương, Hưng Yên và Hải Phòng. Các doanh nghiệp lớn của ngành không chỉ gồm các doanh nghiệp có vốn nhà nước như VICEM (Hải Dương), VIGLACERA (Hà Nội, Bắc Ninh) mà còn có các doanh nghiệp liên doanh, ngoài quốc doanh như INSEE (Hồ Chí Minh), SCG (Bình Dương),), Saint-Gobain Việt Nam (Hải Phòng), Hòa Phát (Hưng Yên, Hà Nội, Hồ Chí Minh, v.v.) và EuroWindow (Hà Nội).

Ngành sản xuất vật liệu xây dựng phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển đô thị và nhà ở ngày càng tăng tại Việt Nam. Về sản xuất vật liệu ốp lát gốm sứ, Việt Nam hiện là nước đứng thứ 5 trên thế giới. Hiện nay, Việt Nam đã chủ động sản xuất nhiều chủng loại sản phẩm vật liệu xây dựng như kính, sứ vệ sinh ... để đáp ứng nhu cầu trong nước và chỉ nhập khẩu một số mặt hàng cao cấp. Doanh thu ngành gốm sứ xây dựng năm 2019 đạt 2,5 tỷ đô la Mỹ, giải quyết việc làm cho trên 40.000 lao động trực tiếp và hàng nghìn lao động liên quan [124]. Hiện nay, thị trường xuất khẩu gốm sứ xây dựng đã mở rộng ra nhiều nước trên thế giới từ khu vực ASEAN đến Hàn Quốc, Đức, Ý, Mỹ, Nga, Cuba, Nhật Bản, và nhiều nước khác. Trong khi đó, tổng sản lượng xi măng của Việt Nam đứng thứ 3 và 4 trên thế giới, sau Trung Quốc và Ấn Độ, ngang với Indonesia.

Tuy nhiên, sự phát triển của ngành vật liệu xây dựng vẫn chưa tương xứng với tiềm năng. Hầu hết các doanh nghiệp hoạt động độc lập, thiếu sự cộng tác, liên kết với các doanh nghiệp khác để hình thành cụm công nghiệp có lợi thế cạnh tranh cao, công tác phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng chưa được coi trọng, số lượng nhân lực có tay nghề cao còn chưa cao. Ngoài ra, do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, hoạt động sản xuất của nhiều nhà máy, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng bị ảnh hưởng tiêu cực, năng lực sản xuất giảm, sản lượng sụt giảm.

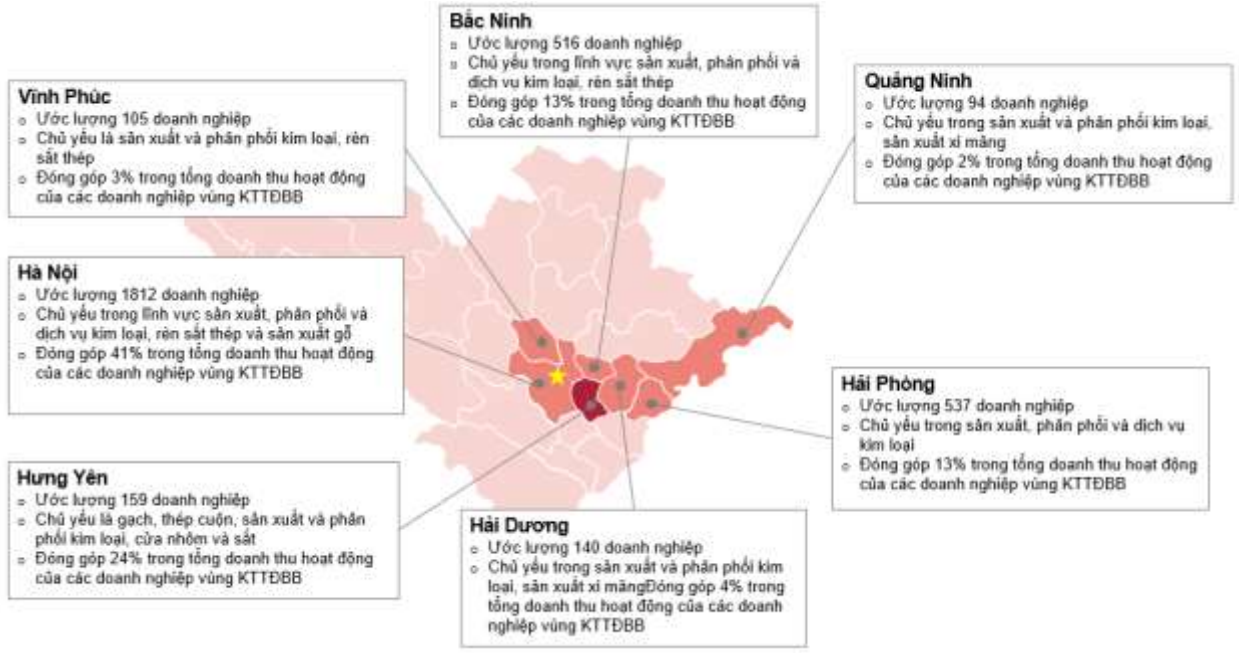
Trong tương lai, mục tiêu của ngành vật liệu xây dựng của Việt Nam là phát triển ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng tiên tiến với hầu hết các sản phẩm đạt chất lượng tiêu chuẩn quốc tế, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, có sức cạnh tranh cao trên thị trường quốc

[123] Nguồn: EMIS, Phân tích của PwC

[124] Theobài báo “Ngành sản xuất vật liệu xây dựng: Phát triển mạnh về số lượng, chất lượng” (Bộ công thương Việt Nam)
https://moc.gov.vn/vn/tin-tuc/1184/63836/nganh-san-xuat-vat-lieu-xay-dung--phat-trien-manh-ve-so-luong--chat-luong.aspx

tế và đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước. Loại bỏ hoàn toàn công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng lạc hậu, tiêu tốn nhiều tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường. Tăng cường xuất khẩu các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, có sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Hạn chế xuất khẩu các sản phẩm sử dụng nhiều nguyên liệu, nhiên liệu là tài nguyên khoáng sản không tái tạo được [125].

Hình 59:Tổng quan ngành vật liệu xây dựng trong vùng KTTĐBB



Nguồn: Dữ liệu và thông tin được đơn vị tư vấn tổng hợp từ các nguồn công khai

Trong lĩnh vực vật liệu xây dựng, năm 2020, doanh thu hoạt động của các doanh nghiệp trong vùng KTTĐBB đóng góp 91% vào tổng doanh thu hoạt động của vùng Đồng bằng sông Hồng và 36,9% vào tổng doanh thu của ngành trên toàn quốc, khiến vùng KTTĐBB là một trong những khu vực sản xuất vật liệu xây dựng lớn nhất cả nước[126]. Tốc độ đô thị hóa cao và số lượng dự án hạ tầng ngày càng tăng đã thúc đẩy các doanh nghiệp vật liệu xây dựng ở Hà Nội và Hải Phòng phát triển mạnh mẽ để đáp ứng nhu cầu của địa phương. Hưng Yên và Bắc Ninh, vốn có lợi thế gần Hà Nội, cũng là điểm đến của nhiều doanh nghiệp vừa và lớn để hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng và bất động sản tại Hà Nội. Nhiều nhà máy đã tham gia vào chuỗi giá trị toàn ngành từ nguyên liệu, định hình sản phẩm đến hoàn thiện, đóng gói theo hướng tiết kiệm tài nguyên, sử dụng nguyên liệu tái chế, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường.

Đến năm 2025, tầm nhìn của Chính phủ về phát triển công nghiệp vùng Đồng bằng sông Hồng là phát triển sản xuất xi măng tại Hải Phòng, Quảng Ninh, Hà Nam và Ninh Bình do có lợi thế về nguyên liệu; sản xuất sợi thủy tinh và các sản phẩm liên quan như lưới, vải thủy tinh, thủy tinh cao cấp tại Hải Phòng và Quảng Ninh; men màu sản xuất gốm, sứ, gạch men tại Hải Dương, Vĩnh Phúc, Quảng Ninh; sứ vệ sinh tại Hà nội, Quảng ninh; Gạch ốp lát tại Hà Nội, Hải Dương; sản xuất vật liệu nhẹ, siêu nhẹ dùng làm tường, vách ngăn tại Hải Phòng, Hưng Yên. Tầm nhìn của Bộ Công thương đến năm 2035 là khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng

[125] Quyết định 1266/QĐ-TTg ngày 12/8/2020 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2050
[126] Nguồn: EMIS, Phân tích của PwC

thân thiện với môi trường với chi phí sản xuất thấp, phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững của Chính phủ[127].

Tổng quan ngành vật liệu xây dựng ở Hưng Yên

Ngành vật liệu xây dựng ở Hưng Yên khá cạnh tranh giữa các tỉnh trong vùng KTTĐBB, trong đó nhiều doanh nghiệp có tính chuyên môn hóa cao trong sản xuất vật liệu xây dựng và thiết bị xây dựng như gạch, phôi, thép cuộn, kim loại, cửa nhôm sắt các loại. Trong khi hầu hết các doanh nghiệp rải rác đều ở khắp tỉnh, thì Khu công nghiệp Phố Nối A có thể được xem là trung tâm công nghiệp vật liệu xây dựng của tỉnh, nhờ sự góp mặt của các công ty chủ lực là Tập đoàn Hòa Phát, Công ty TNHH Thép Việt Ý, Nhà máy Hyundai Aluminium Vina.

Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên là doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng hàng đầu tại Hưng Yên, đóng góp tương đương 10% tổng thu ngân sách của tỉnh năm 2019[128]. Được thành lập từ năm 2000 với vốn điều lệ lên tới 600 tỷ đồng, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của công ty là sắt, gang, phôi, thép thanh, thép cuộn và thép cuộn cán nóng, bán buôn kim loại và quặng kim loại. Hoạt động tại Khu công nghiệp Phố Nối A, công suất nhà máy hiện tại của công ty khoảng 400.000 tấn/ năm, chủ yếu phục vụ thị trường trong nước. Trong những năm gần đây, hoạt động xuất khẩu của công ty đã mở rộng sang nhiều thị trường mới như New Zealand, Canada, Hàn Quốc và Brunei.

Đến năm 2030, Hưng Yên sẽ tăng cường phát triển sản xuất vật liệu xây không nung với công nghệ tiên tiến. Đồng thời, tỉnh sẽ đầu tư các khu, cụm công nghiệp tập trung để sản xuất vật liệu xây dựng và phát triển các loại vật liệu xây mới có chất lượng cao hơn, có khả năng thay thế các loại vật liệu xây dựng truyền thống và các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng gây ô nhiễm môi trường[129].

[127] Quyết định 3892/QĐ-BCT ngày 28 tháng 9 năm 2016 phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp vùng Đồng bằng sông Hồng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035
[128] Cục thuế Hưng Yên
[129] Quyết định số 2455 / QĐ-UBND ngày 06/9/2017 về việc phê duyệt quy hoạch điều chỉnh, bổ sung sản lượng và khai thác vật liệu xây dựng tỉnh Hưng Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

Hình 60: So sánh chuỗi giá trị sản xuất ngành vật liệu xây dựng ở Hưng Yên và các tỉnh khác



Các vấn đề chính của ngành vật liệu xây dựng ở Hưng Yên

Hưng Yên có dân số thấp thứ hai trong vùng KTTĐBB với khoảng 1,27 triệu người vào năm 2021. Mặc dù Hưng Yên đã tham gia vào hầu hết các bước của chuỗi giá trị, tuy nhiên các hoạt động phát triển và xây dựng vẫn thực sự chưa phát triển do cơ sở hạ tầng còn chưa cao và nhu cầu xây dựng thấp. Các hoạt động phát triển và xây dựng chủ yếu xuất hiện ở các tỉnh có mật độ dân số lớn như Hồ Chí Minh (9 triệu người), Hà Nội (8,4 triệu người), Hải Phòng (2,6 triệu người) và Bình Dương (2 triệu người).

Ngoài ra, hầu hết các nguyên liệu thô cần thiết để sản xuất vật liệu xây dựng đều được khai thác từ mỏ đất sét, cát phù sa, cát lòng sông của tỉnh. Việc khai thác quá mức các nguồn tài nguyên thiên nhiên này có thể dẫn đến hủy hoại môi trường và làm giảm sự phát triển bền vững của ngành vật liệu xây dựng. Ngoài ra, do việc sản xuất gạch vẫn áp dụng theo phương thức truyền thống, sử dụng nhiều sinh khối (chủ yếu là củi và than) cho các lò gạch nên tác động đến ô nhiễm không khí và phát thải khí nhà kính là rất lớn.

Các giải pháp trọng tâm để nâng cao vai trò ngành vật liệu xây dựng tại Hưng Yên

Hưng Yên có thể nâng cao chuỗi giá trị vật liệu xây dựng bằng cách phát triển vật liệu theo hướng tiết kiệm năng lượng và giảm chi phí sản xuất và xây dựng, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Ví dụ, xốp cách nhiệt, tấm lợp sinh thái, gạch bê tông nhẹ, kính tiết kiệm năng lượng, tấm đất sét nung, gạch tráng men, tấm tường xanh, xi măng xanh và gạch men tái chế. Ngoài ra, Tỉnh có thể khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng bằng cách tái chế, tái sử dụng chất thải công nghiệp và nông nghiệp, tái sử dụng một lượng lớn chất thải

công nghiệp, nông nghiệp và chất thải sinh hoạt. Hầu hết tro, xỉ, thạch cao phát ra từ các nhà máy nhiệt điện, hóa chất, phân bón, và các cơ sở công nghiệp khác có thể được sử dụng làm nguyên liệu và phụ gia để sản xuất vật liệu xây dựng để bảo vệ môi trường.

Hơn nữa, Hưng Yên nên ban hành các quy định và các ưu đãi để khuyến khích các phát triển bền vững trong ngành vật liệu xây dựng như chấm dứt hoạt động của các cơ sở sản xuất không đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng sản phẩm và môi trường, tăng thuế tài nguyên lên đất sét nung trong sản xuất gạch nung và miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp có sản phẩm thân thiện với môi trường và giá trị cao.

Ngoài ra, với nhu cầu ngày càng cao về cơ sở hạ tầng, đặc biệt là bất động sản nhà ở tại khu vực đô thị, vật liệu xây dựng được kỳ vọng sẽ là một trong những ngành có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong tương lai. Với lợi thế cạnh tranh trong lĩnh vực vật liệu xây dựng và sự ra đời của nhiều doanh nghiệp lớn, Hưng Yên có thể thiết lập mối liên kết ngành với các công ty xây dựng và phát triển (như Coteccons, tập đoàn xây dựng Hòa Bình, tập đoàn xây dựng Ricons, v.v.) với tư cách là nhà cung cấp chính, đặc biệt cho các trung tâm đô thị vùng KTTĐBB như Hà Nội và Hải Phòng.

5.2.5. Ngành dệt may và da giày

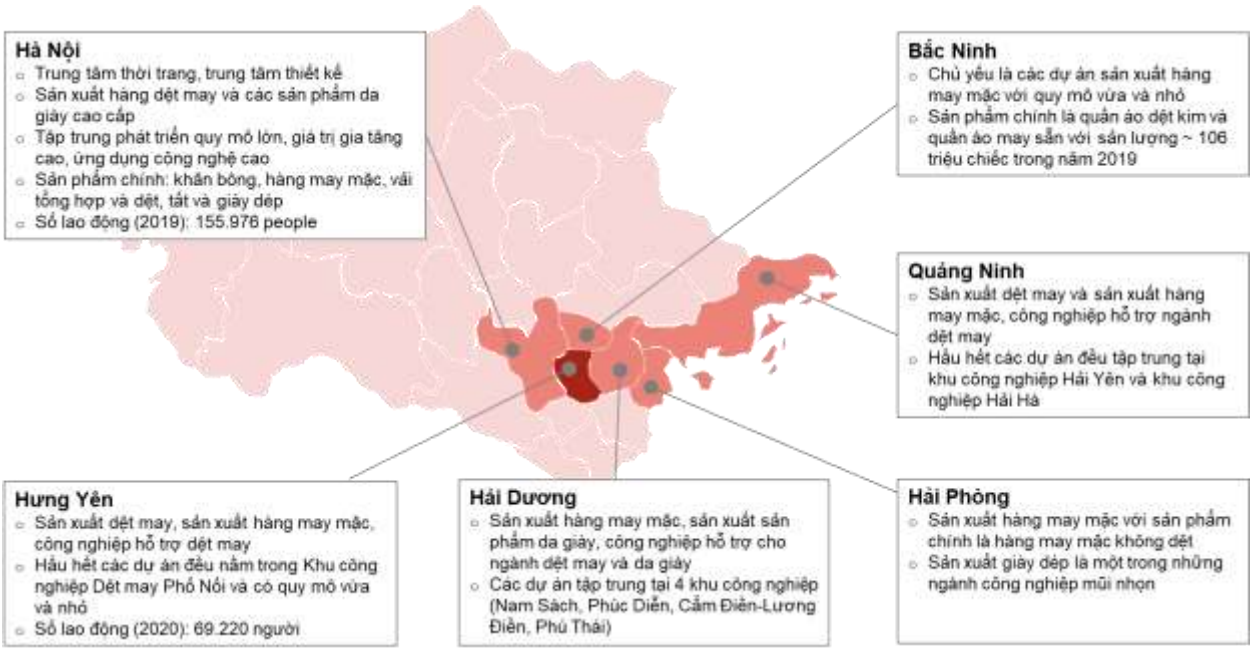
Tổng quan về ngành dệt, may và da giày tại Việt Nam và vùng KTTĐBB

Dệt may là một trong những ngành công nghiệp mũi nhọn của Việt Nam với kim ngạch xuất khẩu đứng thứ hai cả nước. Theo Tổng cục Thống kê Việt Nam, năm 2019, ngành dệt may Việt Nam thu về 39 tỷ đô la Mỹ từ xuất khẩu, tương ứng với 16% GDP cả nước. Việt Nam là một trong số các nước sản xuất và xuất khẩu hàng dệt may hàng đầu trên thế giới, nổi lên như một sự thay thế lý tưởng cho Trung Quốc. Tuy nhiên, các doanh nghiệp may mặc Việt Nam chủ yếu hoạt động theo phương thức CMT (gia công hàng xuất khẩu), phương thức này chiếm 65% tổng kim ngạch xuất khẩu vào năm 2019, trong khi các phương thức tạo ra giá trị gia tăng cao hơn như OEM (tự chủ nguồn cung của sản xuất) và ODM (tự thiết kế, tự chủ nguồn cung của sản xuất) chỉ chiếm 35%[130]. Bên ngành dệt may, da giày là ngành truyền thống và mũi nhọn của Việt Nam, nhưng tập trung nhiều ở khâu sản xuất gia công và hầu hết nguyên liệu đầu vào đều phải nhập khẩu. Cả ngành dệt may và da giày của Việt Nam đều phải đối mặt với thách thức của các ngành thâm dụng lao động, giá trị gia tăng thấp và tỷ lệ nội địa hóa thấp, điều này có thể khiến doanh nghiệp Việt Nam không được hưởng lợi từ các hiệp định thương mại tự do.

Theo Quy hoạch phát triển ngành dệt may Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 của Bộ Công thương [131], Việt Nam đặt mục tiêu phát triển dệt may trở thành ngành công nghiệp mũi nhọn, có khả năng đáp ứng tối đa nhu cầu trong nước và nhu cầu nhập khẩu, tạo việc làm ổn định cho xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh, hội nhập vững chắc vào nền kinh tế khu vực và thế giới. Quy hoạch dệt may theo lãnh thổ phân bố trên 7 khu vực (Đồng bằng sông Hồng, Trung du miền núi Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên) có điều kiện tự nhiên thuận lợi, địa điểm và khả năng sản xuất. Để đạt được các mục tiêu đó, nhiều giải pháp đã được áp dụng về thị trường tiêu thụ, khuyến khích thu hút các nhà đầu tư vào dệt may, chính sách quản lý ngành, nâng cao nhân lực, khuyến khích hoạt động R&D, phát triển chuỗi cung ứng, bảo vệ môi trường và các nguồn vốn tài trợ.

[130] Theo bài viết *"Nắm bắt cơ hội đầu tư vào ngành Dệt may Việt Nam"* (Vietnam-Briefing)
[131] Quyết định 3218/QĐ-BCT của Bộ Công thương ngày 11 tháng 04 năm 2014 phê duyệt quy hoạch phát triển ngành công nghiệp dệt may Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

Hình 61: Tổng quan về ngành dệt may và da giày tại vùng KTTĐBB



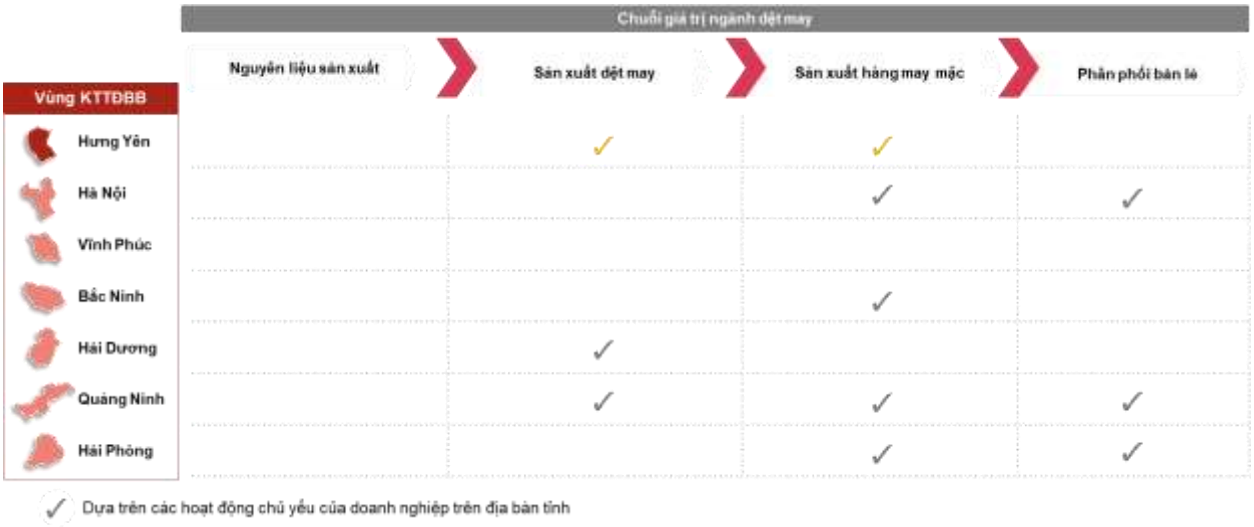
Nguồn: Dữ liệu và thông tin được đơn vị tư vấn tổng hợp từ các nguồn công khai

Dệt may và da giày là một trong những ngành mũi nhọn của vùng KTTĐBB. Theo Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ, ngành dệt may và da phát triển phục vụ mục đích tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Ngoài ra, khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ cho dệt may như kéo sợi, chỉ, nhuộm, thiết kế thời trang để chuyển từ phương thức CMT sang các phương thức khác và nâng cao tỷ lệ nội địa hóa hàng của ngành dệt may và da giày. Nhìn chung, hoạt động sản xuất ngành dệt may diễn ra ở Hà Nội, Hưng Yên, Quảng Ninh, Hải Phòng, Hải Dương và Bắc Ninh. Trong vùng KTTĐBB, Hà Nội là trung tâm thời trang, trung tâm thiết kế cũng như một trong những thị trường tiêu thụ nội địa lớn nhất, trong khi Hưng Yên, Quảng Ninh, Hải Phòng và Bắc Ninh chủ yếu tập trung vào các khâu dệt, may thành phẩm và gia công các sản phẩm da cũng như phát triển công nghiệp hỗ trợ cho lĩnh vực này.

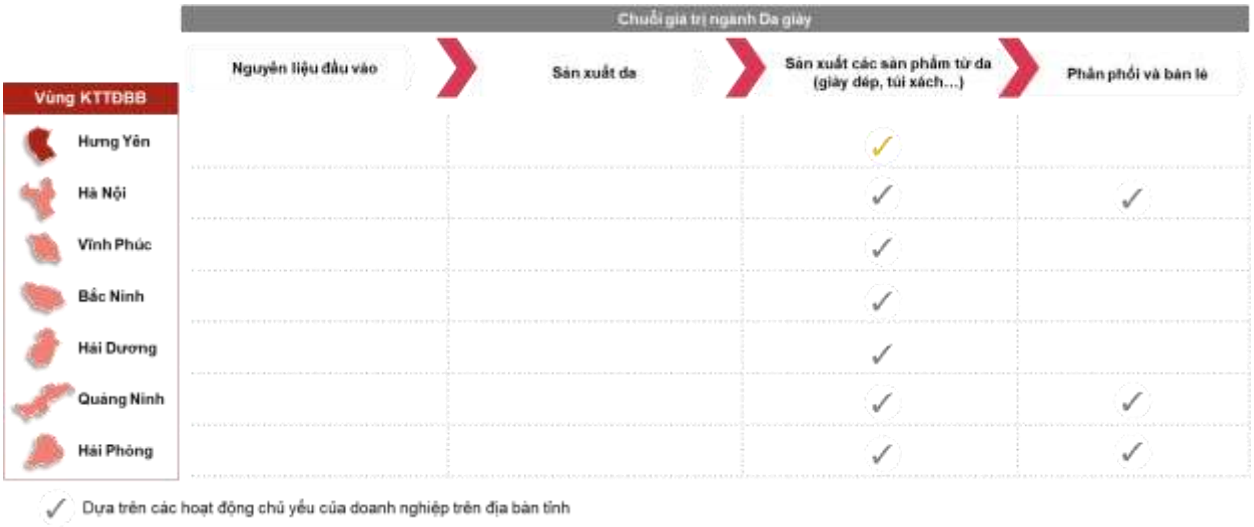
Tổng quan ngành dệt may và da giày tại Hưng Yên

Hưng Yên có điều kiện thuận lợi để thúc đẩy sự phát triển của ngành dệt may và da giày với một khu công nghiệp chuyên biệt (khu công nghiệp dệt may Phố Nối B) và nhiều cụm công nghiệp tập trung nhiều hoạt động sản xuất ngành dệt may. Năm 2020, trên địa bàn toàn tỉnh có 1.655 doanh nghiệp sản xuất trang phục, gấp 9,8 lần so với số 168 doanh nghiệp ngành dệt và gấp 5,6 lần con số 293 doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất da và sản phẩm liên quan. Tương tự, lực lượng lao động trong ngành sản xuất hàng trang phục là 54.801 người vào năm 2020 và chiếm tỷ trọng lớn nhất (khoảng 26%) trong tổng lực lượng lao động khu vực công nghiệp. Số liệu lao động trong lĩnh vực dệt và sản xuất các sản phẩm từ da là 4.605 người và 9.912 người, tương ứng với 2% và 5% tổng số lao động làm việc trong ngành công nghiệp của Hưng Yên.

Hình 62: So sánh chuỗi giá trị ngành dệt may tại Hưng Yên và các tỉnh khác



Hình 63: So sánh chuỗi giá trị ngành da tại Hưng Yên và các tỉnh khác



Chuỗi giá trị ngành dệt may có bốn khâu, như trong sơ đồ trên. Hưng Yên chủ yếu tham gia công đoạn dệt, sản xuất trang phục và cung cấp nguyên phụ liệu, và phụ kiện cho sản xuất hàng may mặc. Tương tự, chuỗi giá trị ngành da giày cũng có bốn khâu từ sản xuất nguyên liệu (giết mổ, thu gom da sống), sản xuất da (thuộc da và chế biến da) đến sản xuất các sản phẩm từ da như giày, túi, ví, đồ nội thất và sau đó là khâu phân phối. Hưng Yên cũng như các tỉnh khác trong vùng KTTĐBB khi chủ yếu tham gia công đoạn gia công các sản phẩm đồ da và giày dép.

Đối với công đoạn dệt may, các công ty của Hưng Yên có các hoạt động kéo sợi, dệt vải, đan sợi và nhuộm các loại vải để cung cấp nguyên vật liệu cho các công đoạn tiếp theo trong chuỗi giá trị ngành dệt may. Một số công ty dệt, nhuộm ở Hưng Yên là công ty cổ phần Thuốc nhuộm Hà Nội (HAGTEX), công ty TNHH Dệt nhuộm Jasan (Việt Nam), công ty TNHH Dệt kim Hưng Yên. Hiện nay, không có nhiều tỉnh thuộc vùng KTTĐBB tham gia vào quá trình dệt, sản xuất vải và nhuộm vải vì các hiểm họa đối với môi trường. Bên cạnh dệt vải và nhuộm vải, Hưng Yên còn phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ cung cấp phụ liệu cho ngành may mặc như nhãn mác,

cúc, chỉ, dây kéo, đệm, băng keo… cho các doanh nghiệp trên địa bàn và các tỉnh khác trong khu vực.

Các nhà sản xuất trang phục ở Hưng Yên chủ yếu theo phương thức đơn giản nhất, chuyên gia công xuất khẩu (CMT). Theo báo cáo của Cục Công nghiệp thuộc Bộ Công thương Việt Nam, có khoảng 85% doanh nghiệp may mặc ở Hưng Yên đang hoạt động theo phương thức CMT, trong khi chỉ có 13% doanh nghiệp phát triển theo hướng phương thức OEM và các doanh nghiệp theo phương thức ODM chỉ chiếm 2%. Năm 2020, sản lượng hàng may mặc của Hưng Yên đạt khoảng 309 triệu chiếc, so với 5,232 triệu chiếc của Việt Nam.

Các sản phẩm của ngành dệt may và da giày của Hưng Yên được tiêu thụ ở cả thị trường trong và ngoài nước. Sản phẩm của ngành dệt may Hưng Yên được xuất khẩu sang các thị trường trọng điểm như Mỹ, Hàn Quốc, Nhật Bản và các nước Châu Âu. Tại thị trường trong nước, sản phẩm sản xuất tại Hưng Yên được phân phối tại các thành phố lớn như Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Phòng. Tỉnh cần thêm các biện pháp để để tăng cường hệ thống phân phối như cửa hàng bán lẻ, chợ, siêu thị và các mối liên kết giữa các kênh bán lẻ và nhiều thị trường phân phối ở Hưng Yên và các tỉnh khác trong khu vực.

Các vấn đề chính của ngành dệt may và ngành da giày tại Hưng Yên

Mặc dù sản phẩm ngành dệt may là mặt hàng xuất khẩu chủ lực, có kim ngạch xuất khẩu lớn ở Hưng Yên và các tỉnh, nhưng đây lại là ngành sử dụng nhiều lao động và tạo ra giá trị gia tăng thấp. Điều này là do phần lớn các công ty ở Hưng Yên, Quảng Ninh, Hải Phòng, Bắc Ninh và Hải Dương tham gia vào lĩnh vực sản xuất hàng may mặc theo phương thức CMT. Phương thức sản xuất này tạo ra giá trị gia tăng thấp hơn so với các phương thức sản xuất khác như OED, ODM, OBM. Hơn nữa, việc nhiều doanh nghiệp theo phương thức CMT, tập trung gia công đơn hàng xuất khẩu tạo ra sự cạnh tranh ngày càng tăng giữa các tỉnh để thu hút các công ty, thương hiệu lớn trong nước và quốc tế hợp tác, đầu tư vào tỉnh. Hiện nay, các doanh nghiệp may mặc dù đang nỗ lực chuyển từ phương thức gia công đơn thuần sang tự chủ nguyên liệu, tự thiết kế mẫu mã và xây dựng thương hiệu bên cạnh sản xuất nhưng vẫn gặp nhiều khó khăn trong việc hoạt động hiệu quả và có lãi.

Hơn nữa, mặc dù Hưng Yên và Quảng Ninh tham gia cả công đoạn kéo sợi, dệt vải và nhiều tỉnh thuộc vùng KTTĐBB ưu tiên phát triển công nghiệp hỗ trợ cho ngành dệt may và da giày nhưng nguyên liệu đầu vào chủ yếu nhập khẩu từ Trung Quốc. Điều này có thể làm gia tăng sự phụ thuộc vào các nguồn cung ứng nguyên vật liệu từ nước ngoài, và dễ dẫn đến gián đoạn chuỗi cung ứng khi không có đủ nguyên liệu đầu vào, đặc biệt là trong tình hình nhiều quốc gia đóng cửa vì dịch COVID-19 bùng phát. Hơn nữa, việc phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu đầu vào nhập khẩu có thể cản trở các doanh nghiệp dệt may trong nước hưởng lợi từ các ưu đãi thuế quan trong các hiệp định thương mại tự do, do không đáp ứng được các yêu cầu về xuất xứ.

Hưng Yên và các tỉnh như Quảng Ninh, Bắc Ninh, Hải Phòng, Hải Dương đều thiếu nguồn lao động có tay nghề cao cũng như các chương trình, khóa đào tạo nâng cao tay nghề cho lao động ngành dệt may. Ở Hưng Yên, chỉ có 2 trường đại học, cao đẳng có chuyên ngành dệt may và thiết kế thời trang và không có bất kỳ trung tâm hay viện nghiên cứu phát triển nào của ngành dệt may. Trong khi đó, các trường đại học, cao đẳng đào tạo chuyên ngành dệt may, các trung tâm đào tạo thời trang, trung tâm R&D trong lĩnh vực dệt may và trụ sở của các tập đoàn dệt may lớn đều tập trung ở Hà Nội như Viện Nghiên cứu Dệt may Việt Nam, Tập đoàn Dệt may Việt Nam, Công ty Dệt may Hà Nội.

Sự liên kết và hợp tác giữa các doanh nghiệp dệt may và da giày ở Hưng Yên và các tỉnh khác thuộc vùng KTTĐBB còn nhiều hạn chế, thiếu chặt chẽ và kém hiệu quả. Khu vực vùng KTTĐBB có các doanh nghiệp hoạt động trong tất cả các khâu của chuỗi giá trị ngành dệt may, tạo điều kiện thuận lợi cho việc liên kết theo chiều ngang và chiều dọc trong ngành này. Các doanh nghiệp trong khu vực chưa tạo được sự hợp tác chặt chẽ về cung ứng nguyên liệu, chuyển đổi công nghệ dệt may, trong khi đó sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong cùng một công đoạn sản xuất ngày càng gia tăng, đặc biệt là trong sản xuất hàng may mặc. Đồng thời, các sự kiện liên kết chuyên môn như các buổi gặp gỡ, hội thảo cho các công ty dệt may và da giày trong khu vực để trao đổi thông tin, thúc đẩy hoạt động R&D cũng như hợp tác đào tạo nguồn nhân lực của Hưng Yên và các tỉnh khác trong khu vực còn rất hạn chế.

Các giải pháp trọng tâm để nâng cao vai trò của ngành dệt may và da giày tại Hưng Yên

Các doanh nghiệp dệt may ở Hưng Yên cần có chiến lược phát triển cụ thể, huy động mọi nguồn lực để tập trung chuyển đổi từ phương thức gia công (CMT) truyền thống sang các phương thức khác như OEM hoặc ODM để tạo ra nhiều giá trị gia tăng hơn. Bên cạnh gia công hàng may mặc, Hưng Yên cần mở rộng tham gia vào các công đoạn khác trong chuỗi giá trị như dệt nhuộm (sản xuất vải, nhuộm vải), đổi mới thiết kế, quảng bá sản phẩm và phân phối sản phẩm. Ngoài ra, các công ty dệt may ở Hưng Yên nên đầu tư phát triển các sản phẩm dệt may mang tính đổi mới sáng tạo hơn như trang phục từ chất liệu đặc biệt, các sản phẩm dệt may kỹ thuật/chức năng (ví dụ như các sản phẩm/trang phục giữ nhiệt, chống cháy, kháng khuẩn, kháng hóa chất).

Hưng Yên cần tích cực thu hút các nhà đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ và ban hành các chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp sản xuất nguyên phụ liệu may mặc, góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng bền vững của ngành dệt may và da giày. Việc phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ và nỗ lực sử dụng nguyên vật liệu từ nguồn cung trong nước sẽ làm tăng tỷ lệ nội địa hóa và giảm sự phụ thuộc vào nguyên vật liệu nhập khẩu. Nhờ đó, các nhà sản xuất ngành dệt may có thể giảm chi phí sản xuất, duy trì quá trình sản xuất ổn định và hưởng nhiều lợi ích hơn từ các ưu đãi thuế của các hiệp định thương mại tự do.

Hưng Yên cần tăng cường giám sát và xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải phù hợp tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã được quy hoạch để thu hút các dự án dệt và nhuộm vì đây là các dự án dễ gây ra nhiều tổn hại đến môi trường tự nhiên. Điều này sẽ giúp Hưng Yên kiểm soát, giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường trong khi tham gia vào công đoạn dệt, nhuộm để nâng cao vị thế của ngành dệt may tỉnh Hưng Yên.

Về nguồn nhân lực, để giữ chân người lao động hiện có và thu hút lao động mới, các công ty dệt may tại Hưng Yên cần đảm bảo thu nhập ổn định và các quyền lợi khác như bảo hiểm, môi trường làm việc tốt, thời gian làm việc linh hoạt. Về lâu dài, để nâng cao chất lượng đội ngũ lao động trong ngành dệt may, ưu tiên việc đào tạo cho người lao động và tăng cường chất lượng các khóa học, chương trình đào tạo nghề. Điều này không chỉ nâng cao chất lượng nguồn lao động của tỉnh mà còn đưa Hưng Yên trở thành trung tâm giáo dục đào tạo nguồn nhân lực ngành dệt may, da giày và cung cấp nguồn lao động có tay nghề cao cho các tỉnh khác trong khu vực.

Các doanh nghiệp dệt may ở Hưng Yên cần tăng cường liên kết và hợp tác với các doanh nghiệp ở các tỉnh khác thuộc vùng KTTĐBB để phát triển hơn trong chuỗi giá trị. Ngành dệt may tỉnh Hưng Yên có thể nhận được sự hỗ trợ của Hà Nội về phát triển thời trang, cải tiến mẫu mã để đáp ứng nhu cầu, thị hiếu của khách hàng và nhận được sự hỗ trợ của Quảng Ninh, Hải Phòng về vận tải và dịch vụ logistic. Mặt khác, Hưng Yên có thể cung cấp nguyên liệu đầu vào của ngành dệt may như sợi, vải, chỉ và các phụ liệu như khuy, khóa kéo, nhãn mác, bao bì cho hoạt động sản xuất ở các tỉnh khác. Với định hướng thúc đẩy tăng trưởng công nghiệp hỗ trợ ngành

dệt may và lợi thế về vị trí địa lý thuận lợi, khả năng kết nối tốt, Hưng Yên có thể là nguồn cung cấp nguyên liệu quan trọng cho các công ty sản xuất dệt may trong khu vực, đồng thời góp phần giúp Hưng Yên tham gia sâu hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu của ngành dệt may và da giày. Ngoài ra, các tỉnh trong khu vực nên hợp tác phát triển thị trường nội địa cho hàng dệt may bằng cách đẩy mạnh quá trình xây dựng thương hiệu và phát triển hệ thống phân phối và bán lẻ tại vùng KTTĐBB và các khu vực khác.

5.3. Ngành dịch vụ

5.3.1. Ngành dịch vụ liên quan đến công nghiệp

Tổng quan về ngành dịch vụ liên quan đến công nghiệp tại Việt Nam và Vùng KTTĐBB

Theo Mordor Intelligence[132], thị trường quản lý chất thải Việt Nam đạt trị giá 3,8 tỷ đô la Mỹ vào năm 2020 và dự kiến sẽ đạt tốc độ CAGR là 5,1% trong giai đoạn dự báo (2021-2026). 46% chất thải là từ các nguồn đô thị, phần còn lại được chuyển từ nông nghiệp và công nghiệp. Năm thành phố lớn nhất - Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng và Cần Thơ - chịu trách nhiệm cho 70% tổng lượng chất thải phát sinh do tốc độ tăng trưởng cao, tốc độ đô thị hóa nhanh, nhu cầu tiêu thụ hàng hóa và nước ngày càng tăng, do đó, những thành phố này có dịch vụ quản lý chất thải lớn nhất trên toàn quốc.

Công tác quản lý chất thải của Việt Nam vẫn chưa thật sự hiệu quả. Việc thiếu năng lực thể chế và không đủ nguồn lực từ nhà nước dẫn đến các hệ thống thu gom và xử lý kém hiệu quả và công suất thấp, tỷ lệ thu gom thấp và cơ sở quản lý chất thải không đầy đủ. Ngoài ra, đại dịch COVID-19 đã tác động tiêu cực đến thị trường quản lý chất thải ở Việt Nam do lượng chất thải khổng lồ tạo ra từ các sản phẩm nhựa được sử dụng cho các hoạt động phòng ngừa, thử nghiệm và xử lý.

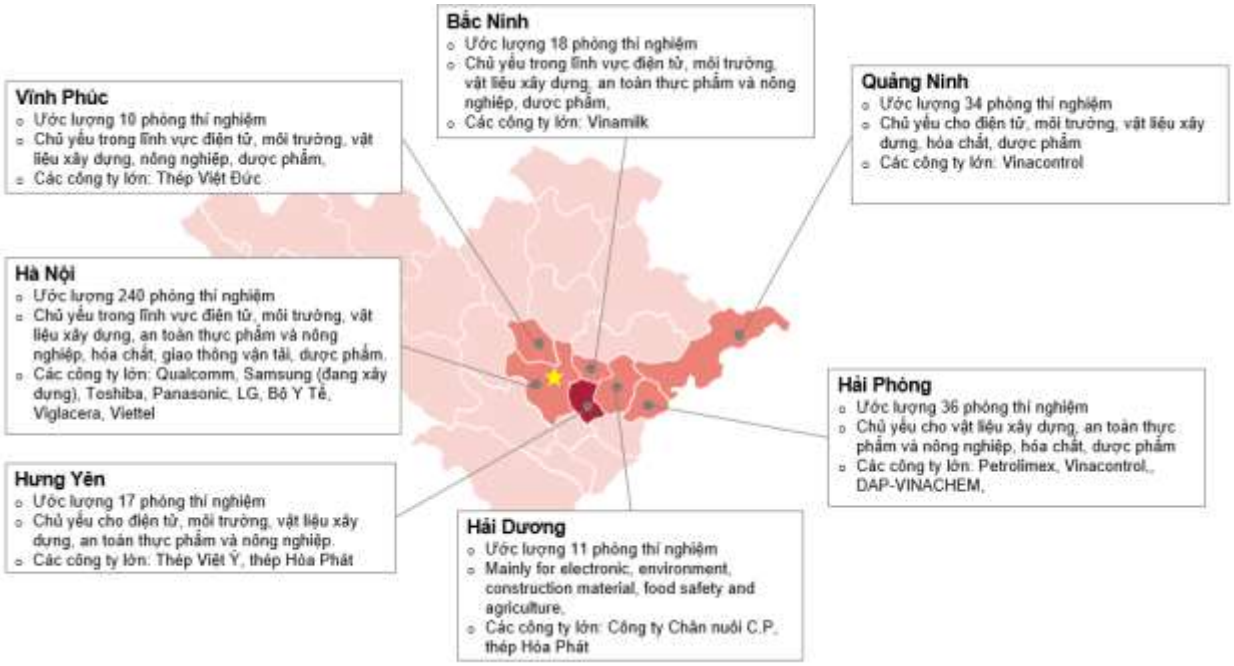
Quản lý chất thải rắn là một trong những ưu tiên lâu đời ở Việt Nam. Năm 2018, Chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu xây dựng nền kinh tế tuần hoàn là mục tiêu quốc gia. Trong Chiến lược quản lý chất thải rắn của Chính phủ đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030, mục tiêu là thu gom, phân loại và tái chế 100% chất thải rắn đô thị[133]. Tháng 4 năm 2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Công văn số 161/LĐCP[134] cho tất cả các cơ quan chính phủ, khu vực tư nhân và người dân trong việc tập trung xử lý rác thải nhựa, đề xuất và xây dựng các sáng kiến nhằm thay đổi thói quen xả rác, giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế rác thải nhựa, thúc đẩy nền kinh tế tuần hoàn và tăng trưởng bền vững.

Về các hoạt động nghiên cứu và phát triển và các phòng thử nghiệm, Việt Nam chỉ chi 0,19% GDP cho hoạt động nghiên cứu và phát triển trong năm 2019, thấp hơn so với các nước láng giềng như Thái Lan (0,362%), Malaysia (1,033%) và Singapore (2,151%)[135]. Tuy nhiên, Việt Nam có tiềm năng trở thành trung tâm nghiên cứu và phát triển cho khu vực. Samsung đã chọn Hà Nội để xây dựng cơ sở nghiên cứu và phát triển ở nước ngoài đầu tiên, trị giá 220 triệu đô la Mỹ, để thúc đẩy phát triển điện thoại thông minh ở thị trường Đông Nam Á và phần mềm cho Úc, New Zealand và Châu Âu, đồng thời đóng vai trò là trung tâm thử nghiệm mạng 5G. Trong khi đó, Qualcomm có trụ sở tại Hoa Kỳ đã mở cơ sở đầu tiên vào tháng 6 năm 2020 tại Hà Nội với bốn phòng thí nghiệm để phát triển công nghệ không dây (4G, 5G), công nghệ camera và tăng hiệu suất của pin trên thiết bị di động. Những công ty khác cũng đã chọn Việt Nam để thành lập các trung tâm nghiên cứu và phát triển, bao gồm Công ty TNHH Grab (tại TP.HCM), tập đoàn công nghệ khổng lồ LG Electronics của Hàn Quốc (Hà Nội và Đà Nẵng), Toshiba và Panasonic (Hà Nội) của Nhật Bản. Tổng cộng, cả nước có khoảng 1072 phòng thử nghiệm và nghiên cứu

[132] Mordor Intelligence, Thị trường quản lý chất thải Việt Nam - tăng trưởng, xu hướng, tác động của COVID-19 và dự báo (2021-2026).
[133] Quyết định 491/2018 / QĐ-TTg ngày 07/5/2018 về Chiến lược quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030
[134] Công văn số 161/LĐCP ngày 25/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc về xử lý môi trường
[135] Thống kê của Ngân hàng Thế giới, Chi tiêu cho nghiên cứu và phát triển (% GDP)

phát triển, trong đó vùng KTTĐBB chiếm 34% (366 phòng thử nghiệm)[136] vào năm 2021. Trong đó, Hà Nội là tỉnh dẫn đầu, chiếm khoảng 65% tổng số phòng thử nghiệm và nghiên cứu của vùng KTTĐBB, nhờ vào sự đầu tư các trung tâm nghiên cứu và phát triển lớn của các công ty lớn như Qualcomm, Samsung (đang trong quá trình hoàn thiện), Toshiba, LG. Các phòng thí nghiệm và trung tâm nghiên cứu và phát triển trong vùng KTTĐBB bao gồm nhiều lĩnh vực khác nhau, chủ yếu là xây dựng, điện và điện tử, an toàn thực phẩm và nông nghiệp.

Hình 64: Tổng quan các hoạt động phòng thí nghiệm và R&D tại vùng KTTĐBB



Nguồn: Dữ liệu và thông tin được đơn vị tư vấn tổng hợp từ các nguồn công khai

Tổng quan ngành dịch vụ liên quan đến công nghiệp tại Hưng Yên

Năm 2020, có khoảng 90 doanh nghiệp và 623 cơ sở kinh doanh trong ngành cấp nước, quản lý và xử lý nước thải và vệ sinh [137]. Theo báo cáo và thảo luận của Sở Tài nguyên và Môi trường Hưng Yên, đến năm 2020, 100% đô thị trên địa bàn tỉnh đã xây dựng được khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung, điểm thu gom rác thải và bãi chôn lấp hợp vệ sinh, tuy nhiên chỉ đang đi vào hoạt động ở hai địa bàn là Thành phố Hưng Yên và huyện Văn Giang.Về xử lý chất thải rắn công nghiệp, trên địa bàn toàn tỉnh chỉ có một khu xử lý chất thải rắn ở Đại Đồng, Văn Lâm do Công ty cổ phần Môi trường đô thị và khu công nghiệp 11 (URENCO 11) quản lý để xử lý chất thải rắn công nghiệp với tổng công suất là 103 tấn / ngày. Có 3 trạm thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt tại xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, công suất 450 m3 / ngày đêm; Thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ công suất 470 m3 / ngày đêm; Thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi với công suất 400m3 ngày. Đặc biệt, dự án mạng lưới và hệ thống xử lý nước thải thành phố Hưng Yên với công suất 6.300m3 / ngày đêm sắp đi vào hoạt động sẽ góp phần tích cực vào công tác xử lý nước thải của thành phố. Xử lý nước thải công nghiệp tại các khu công nghiệp phát triển hơn, chủ yếu là ở KCN Thăng Long, Phố Nối A, Dệt may Phố Nối. Đến năm 2025, quy hoạch phát

[136] Văn phòng công nhận chất lượng, Danh sách các phòng thí nghiệm
[137] Niên giám thống kê tỉnh Hưng Yên 2020

triển tỉnh Hưng Yên đưa 4 khu xử lý chất thải rắn tập trung ở đô thị và nông thôn vào hoạt động và 2 khu xử lý chất thải rắn công nghiệp và chất thải nguy hại cho toàn tỉnh đi vào hoạt động.

Theo báo cáo của Sở Khoa học và Công nghệ Hưng Yên, trên địa bàn tỉnh đã thành lập các phòng thí nghiệm nghiên cứu và phát triển ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, với 42 tổ chức tham gia, trong đó có 12 trường đại học, cao đẳng (01 ngoài quốc doanh), 28 tổ chức được nhà nước quản lý và 5 doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động nghiên cứu và phát triển. Từ năm 2016 đến năm 2021, số lượng sáng chế, giải pháp hữu ích được đăng ký bảo hộ là 1872 sáng chế, tăng 2-5% mỗi năm, 100% sáng chế, giải pháp hữu ích của Hưng Yên được ứng dụng vào thực tiễn cuộc sống. Mặc dù số lượng sáng chế, giải pháp hữu ích được đăng ký bảo hộ đã tăng lên, tuy nhiên số lượng còn ít, chỉ đóng góp 0,05% trong cả nước. Đến nay, Hưng Yên đã triển khai chương trình phát triển tài sản trí tuệ, bảo hộ được 26 nhãn hiệu cộng đồng cho các sản phẩm chủ lực. Ngoài ra, Tỉnh đã hỗ trợ hơn 20 doanh nghiệp vừa và nhỏ, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, với tổng kinh phí hơn 600 triệu đồng để áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến như ISO 9001, ISO 14001, HACCP, GMP, v.v., cũng như nghiên cứu và lai tạo các giống cây trồng, vật nuôi mới như lúa ADI 28, vải thiều HTM6, gà lai Đông Tảo, bò Laisind x Brahman, v.v. , nâng cao mô hình kinh doanh mới thông qua việc tạo ra hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp áp dụng khoa học và công nghệ, doanh nghiệp áp dụng công nghệ cao. Hưng Yên đặt mục tiêu tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt 40% vào năm 2030, số lượng sáng chế, giải pháp hữu ích được đăng ký bảo hộ đến năm 2025 tăng 1,5 lần so với giai đoạn 2015-2020 và nguồn vốn nhà nước tăng bình quân 15%/ năm.

Các vấn đề chính của ngành dịch vụ liên quan đến công nghiệp tại Hưng Yên

Việc triển khai các dịch vụ quản lý nước thải và chất thải rắn ở Hưng Yên vẫn còn là một vấn đề nan giải. Số lượng trạm xử lý chất thải rắn còn ít, áp dụng công nghệ thấp. Nước thải ở các đô thị ở giữa và phía Nam của tỉnh chưa được thu gom và xử lý hợp lý. Nguyên nhân chủ yếu là do thiếu ngân sách đầu tư phát triển các khu xử lý nước thải, chất thải rắn và khu xử lý tập trung. Hiện ngân sách nhà nước của tỉnh mới đáp ứng được 42% nhu cầu tăng trưởng, thu phí môi trường còn ở mức rất thấp (khoảng 2.000 đồng/ người/ tháng), không đủ kinh phí cho các dự án quản lý chất thải. Tỉnh chưa ban hành biểu giá cho hoạt động xử lý nước thải.

Nguồn lực cho khoa học và công nghệ ở Hưng Yên cũng hạn chế, kinh phí đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ chủ yếu từ nhà nước, thiếu so với nhu cầu (chưa đạt 2% tổng ngân sách tỉnh giao theo mục tiêu)[138]. Các huyện, thành phố chưa bố trí kinh phí cho công tác khoa học và công nghệ của địa phương, nguồn kinh phí và các hoạt động phần lớn vẫn chỉ trông chờ vào Sở Khoa học và Công nghệ.

Các giải pháp trọng tâm để nâng cao vai trò của ngành dịch vụ liên quan đến công nghiệp tại Hưng Yên

Hưng Yên cần tiếp tục thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn bằng cách ban hành các văn bản hướng dẫn, nâng cao nhận thức cộng đồng về phân loại rác, hạn chế sử dụng túi ni lông và các sản phẩm nhựa dùng một lần để giảm gánh nặng cho hệ thống quản lý chất thải. Thực tế, Hưng Yên đã thực hiện thành công ở một số huyện, như huyện Phù Cừ với 17 tấn rác đã được xử lý, tuy nhiên tác động hiện nay đối với toàn tỉnh vẫn chưa cao. Ngoài ra, Hưng Yên có thể

[138] Báo cáo những vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và 5 năm 2016 - 2020 của Sở Khoa học và Công nghệ

xem xét thu phí môi trường hộ gia đình đối với việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải dựa trên khối lượng chất thải của từng hộ nhằm giảm phát sinh chất thải, thúc đẩy phân loại chất thải tại nguồn và hỗ trợ chính phủ tài trợ cho các dự án quản lý chất thải.

Vai trò của hoạt động nghiên cứu, phát triển và thử nghiệm nên được xác định là yếu tố đột phá tạo lợi thế cạnh tranh của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và là động lực chính của tăng trưởng kinh tế. Hoạt động thử nghiệm sẽ gắn liền với hoạt động của doanh nghiệp bằng cách hỗ trợ tuân thủ các tiêu chuẩn kiểm soát chất lượng quốc tế. Ví dụ, phòng kiểm nghiệm có thể tổ chức hội thảo, tập huấn về các tiêu chuẩn hợp chuẩn, hợp quy, tiêu chuẩn an toàn thực phẩm mà doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu phải tuân thủ. Do đó, sẽ giúp các doanh nghiệp thực hiện hoạt động xuất nhập khẩu dễ dàng hơn và thúc đẩy kim ngạch xuất nhập khẩu của toàn Tỉnh. Ngoài ra, Hưng Yên cần đẩy mạnh hơn nữa các cơ chế ưu đãi về thuế và đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và đơn giản hóa thủ tục hồ sơ để thu hút các doanh nghiệp hiện tại và các nhà đầu tư tương lai đầu tư vào hoạt động nghiên cứu và phát triển và chuyển giao công nghệ, giảm gánh nặng kinh phí từ cơ quan nhà nước.

Ngoài ra, với lợi thế gần Hà Nội, Hưng Yên sẽ cần tăng cường kết nối giữa các cơ sở R&D giữa hai tỉnh và tạo điều kiện thuận lợi để khuyến khích các doanh nghiệp mở rộng trung tâm R&D đến Hưng Yên, đưa tỉnh trở thành trung tâm R&D của vùng KTTĐBB. Đặc biệt, R&D trong nông nghiệp sẽ được coi là động lực chính để chuyển các ngành sản xuất có giá trị thấp hơn, thâm dụng lao động sang sản xuất giá trị cao liên quan đến đổi mới và R&D đáng kể, bằng cách đầu tư vào nghiên cứu và thử nghiệm cây trồng, ứng dụng công nghệ nông nghiệp và canh tác hữu cơ để cải thiện khả năng cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp không chỉ trong Tỉnh, mà còn cho cả khu vực vùng KTTĐBB.

5.3.2. Ngành bán lẻ

Tổng quan về ngành bán lẻ tại Việt Nam và vùng KTTĐBB

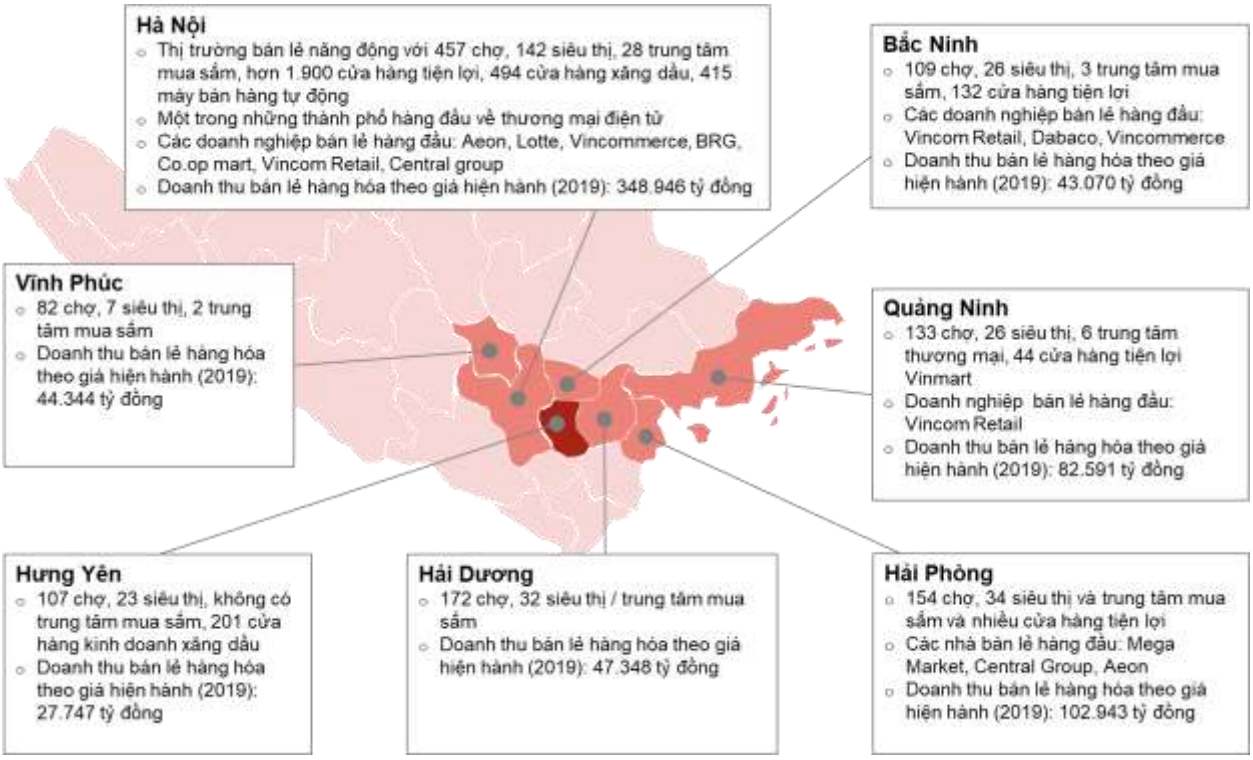
Việt Nam là một trong những thị trường bán lẻ phát triển nhanh nhất ở Đông Nam Á do nền kinh tế phát triển nhanh chóng, các thay đổi về nhân khẩu học và tốc độ đô thị hóa ngày càng tăng. Theo nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới, tầng lớp trung lưu ở Việt Nam chiếm 13% dân số và tỷ lệ này dự kiến sẽ tăng lên 26% vào năm 2026. Cùng với đó, tỷ lệ người dùng điện thoại di động và internet cao tạo cơ hội cho Việt Nam đẩy mạnh hơn mô hình bán lẻ hiện đại, đặc biệt là thương mại điện tử. Tuy nhiên, thị trường bán lẻ Việt Nam hiện nay vẫn chủ yếu là bán lẻ truyền thống, bao gồm chợ truyền thống và chợ tạm, chiếm tới 74% thị phần và có tốc độ tăng trưởng là 1%/năm. Trong khi đó, bán lẻ hiện đại mặc dù chỉ chiếm 26% thị phần nhưng có tốc độ tăng trưởng lên tới 12%/năm[139].

Là một trong ba vùng kinh tế trọng điểm của Việt Nam và là động lực của vùng Đồng bằng sông Hồng và khu vực phía Bắc, vùng KTTĐBB chú trọng phát triển các hoạt động thương mại, bán buôn, bán lẻ trong vùng. Vùng KTTĐBB đặt mục tiêu xây dựng một nền thương mại đa dạng, hiện đại, phát triển bền vững với tốc độ tăng trưởng nhanh trên cơ sở khai thác có hiệu quả tiềm năng và lợi thế của tất cả các tỉnh trong vùng[140]. Vùng KTTĐBB đã có kế hoạch mở rộng hệ thống trung tâm thương mại, siêu thị trong các khu đô thị, nâng cấp hạ tầng chợ đầu mối tại các khu sản xuất tập trung và hạ tầng của các trung tâm thương mại, trung tâm triển lãm hiện hữu trong các khu đô thị. Đồng thời, vùng KTTĐBB cũng mong muốn hoàn thiện một hệ thống thương mại số và cơ sở dữ liệu giao dịch thương mại để đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế.

[139] Dữ liệu từ Bộ Công Thương, https://thoibaonganhang.vn/kenh-ban-hang-truyen-thong-van-chiem-linh-thi-truong-106595.html

[140] Quyết định 450/QĐ-BCT ngày 29 tháng 01 năm 2016 của Bộ Công Thương phê duyệt Đề án Quy hoạch phát triển thương mại vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035

Hình 65: Tổng quan về ngành bán lẻ trong vùng KTTĐBB



Nguồn: Dữ liệu và thông tin được đơn vị tư vấn tổng hợp từ các nguồn công khai

Tổng quan ngành bán lẻ tại Hưng Yên

Ngành bán lẻ tại Hưng Yên phát triển nhanh chóng với tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa (theo giá hiện hành) tăng từ 19.993 tỷ đồng năm 2016 lên 29.801 tỷ đồng năm 2020. So với sáu tỉnh khác trong vùng KTTĐBB, tổng mức bán lẻ hàng hóa của Hưng Yên năm 2019 là thấp nhất và chỉ chiếm 4,0% tổng mức bán lẻ hàng hóa của cả vùng. Hơn nữa, mạng lưới bán lẻ trong tỉnh cũng không phát triển như các tỉnh khác trong vùng KTTĐBB. Tính đến năm 2020, trên địa bản tỉnh Hưng Yên hiện có 107 chợ, số lượng chợ thấp thứ hai trong bảy tỉnh thuộc vùng KTTĐBB. Hưng Yên có 23 siêu thị, chủ yếu kinh doanh các sản phẩm điện máy, đồ gia dụng và sách. Đến năm 2020, Hưng Yên chưa có trung tâm thương mại nào trong khi sáu tỉnh khác thuộc vùng KTTĐBB đều đã phát triển loại hình này. Hưng Yên cũng chưa có cơ sở siêu thị, đại siêu thị, trung tâm mua sắm lớn do các nhà bán lẻ tư nhân lớn như Vincommerce, BRG group, Central group đầu tư xây dựng.

Theo quy hoạch phát triển mạng lưới bán buôn, bán lẻ tỉnh Hưng Yên đến năm 2020, tỉnh đặt mục tiêu phát triển mạng lưới bán buôn, bán lẻ trên địa bàn tỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu mua bán của người dân và đảm bảo tính liên kết của hệ thống phân phối với đa dạng các kênh phân phối và phương thức kinh doanh, tạo điều kiện cho hoạt động lưu thông hàng hóa được mở rộng và kết nối với các thị trường trong nước và khu vực. Bên cạnh đó, tỉnh mong muốn đảm bảo các điều kiện cho hoạt động bán buôn, bán lẻ phù hợp với cấu trúc không gian kinh tế của tỉnh cũng như đảm bảo vai trò điều phối các mối liên kết giữa sản xuất, thương mại và tiêu dùng trên địa bàn tỉnh.

Các vấn đề chính của ngành bán lẻ tại Hưng Yên

Sự phát triển của ngành bán lẻ tỉnh Hưng Yên còn nhiều hạn chế và chưa tương xứng với tiềm năng. Tỉnh chưa tận dụng được lợi thế về vị trí trung tâm trong vùng, gần Hà Nội và khả năng kết nối tốt với các thị trường lớn trong nước như Quảng Ninh để mở rộng thị trường bán lẻ và tăng cường liên kết giữa các tỉnh. Tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa của tỉnh nhỏ nhất trong bảy tỉnh thuộc vùng KTTĐBB.

Cơ sở hạ tầng thương mại chưa được tỉnh chú trọng đầu tư. Phần lớn các chợ ở Hưng Yên đều có quy mô nhỏ (chợ hạng III) do quỹ đất hạn hẹp. Mặc dù tỉnh đã xây dựng các khu chợ mới đảm bảo an toàn vệ sinh nhưng chợ cóc, chợ tạm, chợ tự phát vẫn tồn tại ở Hưng Yên. Sự xuất hiện của các chợ truyền thống tự phát kém quy củ, không đảm bảo vệ sinh là nguy cơ đe dọa đến an ninh trật tự, an toàn giao thông và cảnh quan đô thị của tỉnh Hưng Yên và tạo ra nhiều khó khăn cho các cơ quan chức năng trong việc kiểm soát hoạt động kinh doanh hàng hóa trên địa bàn tỉnh.

Trên địa bàn tỉnh chưa có các trung tâm thương mại, siêu thị quy mô lớn, chuỗi cửa hàng tiện lợi để đáp ứng nhu cầu mua sắm ngày càng đa dạng của người dân địa phương. Hàng hóa trên thị trường bán lẻ của tỉnh cũng chưa đa dạng về chủng loại, nhãn hiệu, mẫu mã, chất lượng, giá cả, xuất xứ.

Các giải pháp trọng tâm để nâng cao vai trò của ngành bán lẻ tỉnh Hưng Yên

Hưng Yên cần tăng cường quản lý hệ thống bán lẻ, đặc biệt là liên kết giữa doanh nghiệp sản xuất với các công ty phân phối, thương nhân và cá nhân kinh doanh. Các cơ quan chức năng của tỉnh nên tạo điều kiện thuận lợi cho các công ty thương mại, phân phối bán lẻ muốn hoạt động tại Hưng Yên bằng cách đơn giản hóa các quy trình đăng ký và hỗ trợ các doanh nghiệp tìm kiếm đất và tuyển dụng lao động. Ngoài ra, khuyến khích các công ty thương mại, phân phối trên địa bàn mở rộng mạng lưới phân phối các mặt hàng được sản xuất tại Hưng Yên.

Tỉnh cần xây dựng chợ mới và nâng cấp các chợ hiện có theo mô hình hiện đại, diện tích rộng rãi, an toàn vệ sinh và quản lý rác thải tốt. Đồng thời, tỉnh Hưng Yên cần nỗ lực hơn để xóa bỏ chợ tạm, chợ cóc để đảm bảo mỹ quan và cơ cấu phát triển kinh tế đô thị. Hơn nữa, cần phải khuyến khích người bán hàng chuyển từ chợ tạm sang chợ mới, đảm bảo cơ hội kinh doanh và hỗ trợ người bán hàng thiết lập hoạt động ở địa điểm mới.

Hưng Yên có thể tận dụng lợi thế là đô thị vệ tinh của Hà Nội, kết nối giao thông thuận tiện với các tỉnh khác để xây dựng các trung tâm thương mại, siêu thị quy mô lớn, cửa hàng outlets (cửa hàng bán sản phẩm giảm giá của các thương hiệu tên tuổi) lớn và thu hút các thương hiệu nổi tiếng trong nước và quốc tế đến đặt cửa hàng trên địa bàn tỉnh. Điều này đáp ứng nhu cầu mua sắm ngày càng đa dạng của người dân Hưng Yên cũng như thu hút người dân các tỉnh lân cận như Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Dương đến Hưng Yên vui chơi du lịch kết hợp mua sắm.

Nguồn nhân lực trong ngành thương mại và bán lẻ là một khía cạnh quan trọng cần được cải thiện hơn nữa. Lĩnh vực bán lẻ của Hưng Yên có thể tập trung đào tạo nâng cao và trau dồi các kỹ năng trong ngành thương mại. Một lực lượng lao động chất lượng cao sẽ không chỉ nâng cao hiệu quả trong lĩnh vực thương mại, bán lẻ mà còn cải thiện sự hài lòng của khách hàng, từ đó có thể thúc đẩy nhu cầu mua sắm của người dân địa phương.

5.3.3. Ngành ngân hàng

Ngành ngân hàng là một trong những trụ cột chính của nền kinh tế Việt Nam vì đã góp phần điều tiết nguồn cung và nhu cầu tài chính của các doanh nghiệp và cá nhân, đặc biệt là trong tình hình của đại dịch COVID-19. Tính đến tháng 12 năm 2019, hệ thống ngân hàng Việt Nam có sự góp mặt của 49 ngân hàng. Trong đó, bốn ngân hàng quốc doanh chiếm phần lớn thị phần ngành ngân hàng Việt Nam. Tuy nhiên, chính phủ đang mong muốn đẩy nhanh quá trình tư nhân hóa các ngân hàng quốc doanh và các công ty nhà nước khác để tạo thêm cơ hội đầu tư trong nước. Trong thời gian gần đây, ngành ngân hàng ở Việt Nam đã ghi nhận những thay đổi tích cực. Mô hình kinh doanh năng động, chuyển đổi số hiệu quả và sức mạnh nội lực được cải thiện đáng kể đã tạo ra hiệu quả kinh doanh ấn tượng. Theo Chiến lược phát triển ngành ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Việt Nam đặt mục tiêu phát triển hệ thống tổ chức tài chính đa dạng về cơ cấu sở hữu, quy mô và mô hình doanh nghiệp, đảm bảo môi trường hoạt động minh bạch, cạnh tranh, an toàn và hiệu quả cũng như đảm bảo mọi người dân, doanh nghiệp đều có cơ hội tiếp cận đầy đủ với các dịch vụ tài chính, ngân hàng chất lượng cao. Việt Nam đặt mục tiêu đến năm 2025 đạt trình độ phát triển của top 4 nước hàng đầu ASEAN và phát triển theo hướng tài chính toàn diện vào năm 2030.

Với vai trò động lực phát triển của vùng đồng bằng sông Hồng, vùng KTTĐBB đặt mục tiêu phát triển dịch vụ tài chính - ngân hàng theo hướng hiện đại hóa, đa dạng hóa tổ chức và các sản phẩm cũng như phát triển Hà Nội trở thành trung tâm tài chính ngân hàng uy tín và đẳng cấp quốc tế[141]. Các tổ chức tài chính trong vùng KTTĐBB đang phát triển một mạng lưới các chi nhánh và phòng giao dịch, chủ động huy động vốn để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội của khu vực và duy trì số dư tiền gửi bình quân luôn luôn nhiều hơn 1,5 lần so với dư nợ tín dụng. Tỷ trọng dư nợ tín dụng của khu vực công nghiệp và xây dựng là 31,5% và khu vực dịch vụ là 61%, phù hợp với định hướng phát triển của vùng và góp phần thúc đẩy sự phát triển của hai ngành động lực này[142].

Tổng quan ngành ngân hàng tại tỉnh Hưng Yên

Hiện nay, tỉnh Hưng Yên đã có một hệ thống ngân hàng khá hoàn chỉnh[143], bao gồm Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Hưng Yên, 8 chi nhánh của 4 ngân hàng quốc doanh, 13 chi nhánh ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân, 01 chi nhánh ngân hàng Chính sách xã hội, 01 chi nhánh ngân hàng Hợp tác xã, 65 Quỹ tín dụng nhân dân và 85 phòng giao dịch của các chi nhánh ngân hàng thương mại, đặc biệt ngân hàng Chính sách xã hội có điểm giao dịch tại các xã, phường, thị trấn tại Hưng Yên để đáp ứng kịp thời nhu cầu của cư dân cũng như nhu cầu phát triển kinh tế của địa phương. Tính đến 31/12/2020, nguồn vốn hoạt động là 95.870 tỷ đồng, tăng 53.124,2 tỷ đồng so với đầu năm 2016 với tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 17,5% mỗi năm. Trong đó, vốn huy động trên địa bàn tỉnh đạt 88.851 tỷ đồng, tăng 54.407 tỷ đồng so với đầu năm 2016, và có tốc độ tăng trưởng bình quân 20,9%/năm. Dư nợ tín dụng đến cuối năm 2020 là 68.229 tỷ đồng, tăng 31.878 tỷ đồng so với đầu năm 2016 và có tốc độ tăng bình quân 13,4%/năm. Tỷ trọng dư nợ tín dụng khu vực nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ đến năm 2020 lần lượt là 31,0%, 28,2% và 36,9%. Dư nợ xấu năm 2020 là 762,2 tỷ đồng, tăng 273 tỷ đồng kể từ đầu năm

[141] Quyết định số 198/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

[142] Bài viết "Đẩy mạnh kết nối ngân hàng – doanh nghiệp tại khu kinh tế trọng điểm Bắc Bộ" (Dangcongsan.vn) https://dangcongsan.vn/kinh-te/day-manh-ket-noi-ngan-hang--doanh-nghiep-tai-khu-kinh-te-trong-diem-bac-bo-539404.html

[143] Dữ liệu từ báo cáo của Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên

2016 và chiếm 1,1% tổng dư nợ. Năm 2021, ngành ngân hàng Hưng Yên đặt mục tiêu tăng vốn huy động thêm 13% và tăng nợ tín dụng 10% so với năm 2020, cũng như kiểm soát tỷ lệ nợ xấu dưới 2% tổng dư nợ.

Các vấn đề chính của ngành ngân hàng tỉnh Hưng Yên

Hiện nay chỉ có 15 ngân hàng trong tổng số 49 ngân hàng ở Việt Nam có chi nhánh tại Hưng Yên. Mạng lưới chi nhánh ngân hàng và văn phòng của các tổ chức tài chính chưa phát triển để người dân địa phương, đặc biệt là người dân sống ở các khu vực nông thôn, có thể dễ dàng tiếp cận được các dịch vụ tài chính ngân hàng.

Nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ gặp khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn, đặc biệt là nguồn vốn vay do các ngân hàng thương mại có yêu cầu khắt khe về tài sản thế chấp và hiệu quả kinh doanh khi xét duyệt hồ sơ cho vay[144]. Quy trình, thủ tục vay vốn của các ngân hàng, tổ chức tài chính còn rườm rà, tốn nhiều thời gian để hoàn thiện, khiến các doanh nghiệp không nhận được sự hỗ trợ tài chính kịp thời và hiệu quả để nắm bắt các cơ hội mở rộng kinh doanh. Hơn nữa, đại dịch COVID-19 đã dẫn đến những thay đổi bất ngờ trong hoạt động kinh doanh, khiến các tổ chức tài chính gặp khó khăn trong việc đánh giá chính xác khả năng thực hiện nghĩa vụ tài chính của doanh nghiệp[145].

Các giải pháp chính nhằm nâng cao vai trò của ngành ngân hàng tỉnh Hưng Yên

Các chi nhánh ngân hàng trên địa bàn tỉnh cần nâng hạn mức cho vay, hợp lý hóa quy trình để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận các nguồn vốn cũng như có cơ chế thông thoáng trong việc thế chấp tài sản để vay vốn, nhất là trong tình hình đại dịch COVID-19 đã khiến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và người dân địa phương gặp rất nhiều khó khăn.

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động huy động vốn và tín dụng, đẩy mạnh cho vay đối với các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực mũi nhọn của tỉnh như nông nghiệp công nghệ cao, điện và điện tử, dệt may, công nghiệp hỗ trợ và ưu tiên cung cấp tín dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao và doanh nghiệp khởi nghiệp. Điều này góp phần cải thiện môi trường kinh doanh và tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng, chuyển đổi công nghệ và tăng trưởng của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Ngành ngân hàng Hưng Yên cần thúc đẩy sử dụng và sự phát triển bền vững của thanh toán không dùng tiền mặt, tăng cường áp dụng các phương thức thanh toán mới, hiện đại trong đời sống hàng ngày. Ngành ngân hàng tỉnh cũng cần đảm bảo an ninh, an toàn trong hoạt động thanh toán điện tử, thanh toán thẻ. Ngoài ra, các cơ quan chức năng và ngân hàng cần tuyên truyền, khuyến khích người dân chuyển đổi từ phương thức thanh toán truyền thống sang phương thức hiện đại để đạt được mục tiêu thanh toán không dùng tiền mặt. Đây có thể là nền tảng để Hưng Yên thúc đẩy sự phát triển của mô hình Ngân hàng xanh với hoạt động thân thiện với môi trường, khuyến khích khách hàng sử dụng các sản phẩm, dịch vụ xanh và áp dụng các tiêu chuẩn môi trường để phê duyệt khoản vay hoặc cung cấp tín dụng ưu đãi cho các dự án giảm thiểu CO2

[144] Bài báo “Gỡ nút thắt cho doanh nghiệp vừa và nhỏ” (Báo Hưng Yên) https://baohungyen.vn/giai-bao-chi-toan-quoc-lan-thu-2/201809/go-nut-that-cho-doanh-nghiep-vua-va-nho-815434/

[145] Bài báo “Khơi thông nguồn vốn tín dụng hỗ trợ doanh nghiệp” (Cổng thông tin điện tử tỉnh Hưng Yên) https://hungyen.gov.vn/portal/Pages/2020-5-27/Khoi-thong-nguon-von-tin-dung-ho-tro-doanh-nghiephyyf8c.aspx

5.3.4. Ngành logistics

Tổng quan ngành logistics tại Việt Nam và vùng KTTĐBB

Căn cứ theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg về Quy hoạch phát triển cụm logistics cả nước đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030[146], cả nước có 21 cụm logistics, cụ thể: Cụm logistics phía Bắc Hà Nội và phía Nam Hà Nội, cụm logistics trên hành lang đường 19 và Duyên hải Nam Trung bộ, cụm logistics TP.HCM và các tỉnh lân cận, cụm logistics tiểu vùng kinh tế Đồng bằng sông Cửu Long, ... Các cụm logistics này được hình thành từ 45 trung tâm logistics tại Việt Nam và hơn 3.000 nhà cung cấp dịch vụ logistics. Hầu hết các trung tâm logistics và nhà cung cấp dịch vụ logistics nằm trong các vùng kinh tế trọng điểm gắn với các khu công nghiệp hoặc cụm cảng biển nước sâu có bãi container, kho ngoại quan, kho thu gom hàng lẻ (kho CFS) như: Hà Nội, Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu. Trong đó, 70% trung tâm logistic tập trung tại TP.HCM và các tỉnh lân cận, đóng góp 35% vào tổng doanh thu vận tải và kho bãi của cả nước.

Đại dịch COVID-19 đã có những tác động rộng rãi và rõ ràng đến toàn bộ nền kinh tế Việt Nam, bao gồm cả chuỗi cung ứng và dịch vụ hậu cần. Khoảng 15% doanh nghiệp logistic tại Việt Nam đã bị giảm 50% doanh thu và 50% doanh nghiệp bị sụt giảm 15-30% số lượng dịch vụ cung cấp so với cùng kỳ năm ngoái[147]. Các hoạt động logistics như vận tải đã giảm do biên giới đóng cửa, trong khi dịch vụ kho bãi và giá cước cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Khu vực cửa khẩu với Trung Quốc vốn thường đông đúc và tấp nập nay lại càng trở nên tắc nghẽn hơn do quy trình thông quan phức tạp, mất nhiều thời gian. Điều này đã gây ra thiệt hại cho hàng hóa và khó khăn trong vận chuyển, ảnh hưởng đến tài chính cho bên gửi hàng và đặt ra những thách thức mới cho các doanh nghiệp logistics.

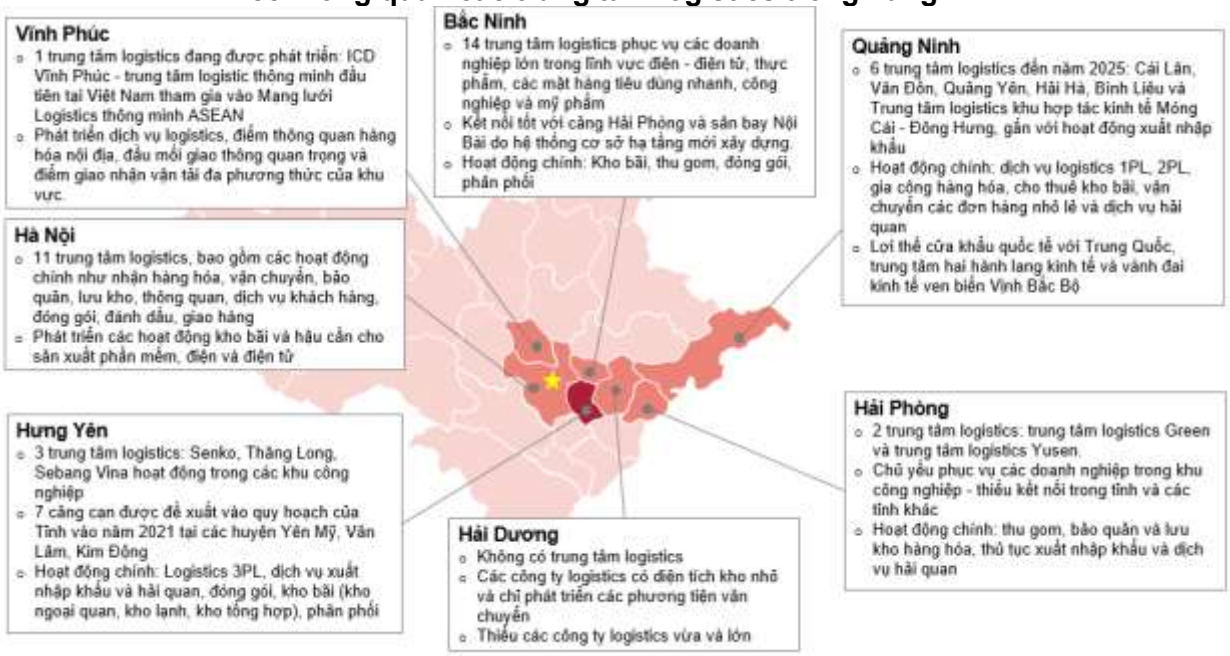
Ngoài ra, trên 70% doanh nghiệp vận tải và logistics đang hoạt động là doanh nghiệp vừa và nhỏ, trong khi chỉ có 7% doanh nghiệp lớn có quy mô vốn trên 1.000 tỷ đồng áp dụng hệ thống quản lý logistics hiện đại[148]. Trên thực tế, việc ứng dụng CNTT trong chuỗi giá trị logistics còn hạn chế ở Việt Nam, tỷ lệ ứng dụng các hệ thống thông tin quản lý như ERP (hệ thống hoạch định nguồn lực) chỉ chiếm 10%, EDI (hệ thống hành chính điện tử) chiếm 17%, TMS (hệ thống quản lý vận chuyển) chiếm 19%, GPS (hệ thống định vị) chiếm 29%, mã vạch và WMS (hệ thống quản lý kho hàng) chiếm 17%[149]. Hơn nữa, phần lớn trong số 45 trung tâm logistics là trung tâm logistics hạng II (cấp vùng, quy mô hơn 10ha, bán kính phục vụ tối thiểu trên 50 km), chưa phát triển theo đúng hướng của trung tâm logistics hạng I (cấp quốc gia, quy mô hơn 20ha, bán kính phục vụ tối thiểu trên 100km) theo Quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030[150].

Theo quy hoạch phát triển, mạng lưới các trung tâm logistics sẽ được hình thành để đảm bảo đáp ứng nhu cầu sản xuất hàng hóa trong nước và xuất nhập khẩu. Ngành cũng chú trọng đến mô hình logistics 3PL nhằm thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển thông qua việc giảm thiểu

[146] Quyết định số 1012 / QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2015 về Quy hoạch phát triển cụm logistics cả nước đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030
[147] Thống kê của Hiệp hội Doanh nghiệp Logistics Việt Nam (VLA)
[148] Báo cáo trình bày tại Hội nghị phát triển Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) http://www.mpi.gov.vn/_layouts/MPIPortalCMS/InChiTietTin.aspx?idTin=43544
[149] Báo cáo Thương mại điện tử với e-Logistics (Hiệp hội các nhà bán lẻ Việt Nam) http://hiephoibanle.com.vn/thuong-mai-dien-tu-voi-e-logistics/
[150] Quyết định số 1012 / QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2015 về Quy hoạch phát triển cụm logistics cả nước đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

chi phí, nâng cao giá trị gia tăng cho hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp. Trong tương lai, dịch vụ logistics 4PL và 5PL sẽ được tăng cường để bắt kịp với sự phát triển thương mại điện tử và quản lý chuỗi cung ứng hiện đại, hiệu quả. Đến năm 2025, tỷ trọng đóng góp của dịch vụ logistics vào GDP dự tính đạt 5% -6%, tốc độ tăng trưởng dịch vụ logistics đạt 15% -20%, tỷ trọng dịch vụ logistics thuê ngoài đạt 50% -60%, chi phí logistics giảm tới 16% -20% GDP, và được xếp thứ hạng 50 trở lên trong Chỉ số Hiệu quả Logistics thế giới[151].

Hình 66: Tổng quan các trung tâm logistics trong vùng KTTĐBB



Nguồn: Dữ liệu và thông tin được đơn vị tư vấn tổng hợp từ các nguồn công khai

Có 5 cụm logistics ở Đồng bằng sông Hồng, đó là cụm logistics ở Bắc Hà Nội và Nam Hà Nội, cụm logistics trên hành lang kinh tế dọc bờ biển Đông Bắc Bắc Bộ và Đông Nam Bắc Bộ, cụm logistics hàng không vùng Đồng bằng sông Hồng (bao quanh Cảng hàng không quốc tế Nội Bài). Tính đến năm 2019, vùng KTTĐBB có 27 trung tâm logistics đang hoạt động[152], chiếm 55% tổng số trung tâm logistic cả nước. Tuy nhiên, các trung tâm logistics miền Bắc có quy mô nhỏ hơn so với các trung tâm logistics miền Nam, quy mô quy hoạch lớn nhất chỉ 50 ha, trong khi quy mô quy hoạch tương ứng của trung tâm logistics miền Nam là 100 ha do hoạt động xuất nhập khẩu sôi động hơn[153]. Hiện nay, sự gia tăng của các công ty logistics lớn như Vinafco, Tân Cảng Sài Gòn, Mapletree, Draco, IndoTrans và việc mở rộng các cảng quốc tế lớn cho vận tải container trong vùng KTTĐBB đã góp phần phát triển ngành logistics và nâng cao năng lực cạnh tranh của vùng so với Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

[151] Nghị định 221/QĐ-TTg ban hành năm 2021 sửa đổi, bổ sung Quyết định 200/QĐ-TTg ngày 14 tháng 02 năm 2017 về việc phê duyệt Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển Việt Nam đến năm 2025

[152] Báo cáo của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình bày tại Hội nghị phát triển Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ

[153] Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2015 về Quy hoạch phát triển cụm logistics cả nước đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

Tổng quan ngành Logistics tại Hưng Yên

Nằm ở trung tâm đồng bằng sông Hồng và tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, kết nối tốt với các trung tâm công nghiệp phía Bắc như Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Phòng và có quỹ đất lớn được quy hoạch cho phát triển công nghiệp, Hưng Yên đóng vai trò quan trọng trong phát triển cụm logistics của vùng với vai trò là đầu mối logistics hỗ trợ với các dịch vụ đa dạng như: vận tải hàng hóa và hành khách; cho thuê kho, bãi; bốc xếp hàng hóa; đóng gói và phân phối sản phẩm thông qua việc khai thác hệ thống cảng sông, cảng nội địa (ICD); dịch vụ khai báo hải quan. Từ năm 2015 đến năm 2019, số lượng doanh nghiệp vận tải và kho bãi tại Hưng Yên đã được nâng lên đáng kể (82%- từ 197 doanh nghiệp vào năm 2015 lên 359 doanh nghiệp vào năm 2019)[154], tạo việc làm cho khoảng 4.700 người.

Hình 67: So sánh chuỗi giá trị ngành logistics tại Hưng Yên và các tỉnh khác

	Chuỗi giá trị ngành Logistics				
	Logistics đầu vào	Sản xuất	Logistics đầu ra	Tiếp thị & Bán hàng	Dịch vụ
KTTĐBB	Dịch vụ				
Hưng Yên	✓		✓		
Ha Noi	✓	✓	✓	✓	✓
Vĩnh Phúc	✓		✓		
Bắc Ninh			✓	✓	
Hải Dương					
Quảng Ninh	✓	✓	✓		
Hải Phòng	✓	✓	✓	✓	✓
Bình Dương	✓	✓	✓	✓	✓
Hồ Chí Minh	✓	✓	✓	✓	✓

✓ Dựa trên các hoạt động chủ yếu của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

Dịch vụ logistics tại Hưng Yên thường tập trung tại các khu công nghiệp (trung tâm logistics Senko tại Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối, trung tâm logistics Thăng Long tại Khu công nghiệp Thăng Long II; trung tâm logistics Sebang Vina tại Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B; khu dịch vụ hậu cần kho bãi của Công Ty TNHH Kerry Integrated Logistics tại Khu công nghiệp Minh Đức; Công ty cổ phần Logistics Vietfracht Hưng Yên tại khu công nghiệp Phố Nối A; và Trung tâm Logistics Dragon của Công ty TNHH Logistics Thăng Long tại Khu công nghiệp Thăng Long II). Các doanh nghiệp này thường cung cấp các dịch vụ vận tải và cho thuê container, xây dựng và cho thuê nhà xưởng, kho bãi; dịch vụ ghi nhãn, thu gom và phân phối sản phẩm; dịch vụ tư vấn xuất nhập khẩu; dịch vụ giao nhận và khai báo hải quan. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ nằm ngoài khu công nghiệp thường cung cấp các dịch vụ như vận tải, bốc xếp và giao nhận hàng hóa. Năm 2021, Hưng Yên đã đề xuất với Bộ Giao thông vận tải phát triển thêm 7 cảng cạn với tổng

[154] Niên giám thống kê tỉnh Hưng Yên 2020

diện tích 280 ha tại các huyện Yên Mỹ, Văn Lâm, Kim Động, hứa hẹn cho sự phát triển của hoạt động logistics ở tỉnh[155]

Tại Hưng Yên, trung tâm logistics Thăng Long là một trong những trung tâm logistics hàng đầu tại Việt Nam. Được thành lập vào năm 2018 với số vốn đăng ký lên đến 280 tỷ đồng (tương đương 12 triệu đô la Mỹ), dự án có tổng diện tích gần 3 ha, bao gồm hệ thống kho tổng hợp và kho lạnh; trang bị hệ thống kệ kho 8 tầng, hệ thống kiểm soát độ ẩm, hệ thống camera 24/7, hệ thống phòng cháy chữa cháy tiêu chuẩn, phần mềm quản lý hiện đại. Hệ thống kho hàng của trung tâm đạt tiêu chuẩn ISO, HACCP, CT-PAT, có thể phân phối và lưu trữ các mặt hàng tiêu dùng nhanh, thực phẩm tươi sống, nguyên liệu,vv ... phục vụ người dân địa phương và các nhà sản xuất hoạt động trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Với vị trí chiến lược tại Khu công nghiệp Thăng Long 2, cách Hà Nội 25km, kết nối vùng tam giác kinh tế trọng điểm Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, kết nối với cảng biển Hải Phòng, kết nối với quốc lộ 39, trung tâm logisticsThăng Long có địa điểm thuận tiện để vận chuyển hàng hóa đi nhiều tỉnh thành trong khu vực. trung tâm logistics Thăng Long cũng chú trọng phát triển dịch vụ logistics tích hợp trọn gói và đồng bộ, tổ chức và vận hành theo mô hình logistics 3PL trên cơ sở phát triển chuỗi cung ứng hiện đại, hiệu quả và chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu phân phối nội địa cho doanh nghiệp trong vùng KTTĐBB cũng như hoạt động xuất nhập khẩu.

Các vấn đề chính của ngành logistics tại Hưng Yên

Cơ sở hạ tầng logistic được coi là vấn đề đầu tiên ở Hưng Yên. Do chưa có phương thức vận tải hàng không, cũng như hệ thống giao thông đường thủy hiện nay chưa được khai thác hết tiềm năng của các cảng trên sông Hồng và sông Luộc nên hoạt động logistics hiện nay của tỉnh phụ thuộc lớn vào vận tải đường bộ. Tổng doanh thu hoạt động của các doanh nghiệp logistics tại Hưng Yên chỉ chiếm 1% của khu vực vùng KTTĐBB, vốn chiếm chủ yếu ở các tỉnh có cảng biển và sân bay phát triển như Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh (tổng doanh thu hoạt động của các doanh nghiệp logistics ở các khu vực này chiếm 90% vùng KTTĐBB)[156]

Dịch vụ vận tải còn thấp do chi phí logistics (bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí lưu kho, kho bãi và chi phí quản lý logistics) vẫn ở mức cao do sự phụ thuộc quá nhiều vào mạng lưới đường bộ thường xuyên bị ùn tắc và cơ sở hạ tầng xuống cấp, thủ tục hành chính và giao hàng còn phức tạp, và thiếu áp dụng CNTT.

Bên cạnh đó, chuỗi giá trị logistics Hưng Yên vẫn còn hạn hẹp về số lượng các hoạt động logistics phục vụ cho thị trường trong và ngoài nước, đơn cử như các hoạt động lưu trữ, kho bãi, thực hiện đơn hàng, vận chuyển, phân phối và vận chuyển, vốn là một trong những khâu tạo ra giá trị gia tăng ít nhất trong chuỗi giá trị dịch vụ logistics. Trong đó, dịch vụ kho bãi là được chú trọng nhất, với các loại hình kho đa dạng (kho ngoại quan, kho lạnh, kho tổng hợp), tuy nhiên vẫn chưa đồng bộ và thiếu thiết bị xếp dỡ chuyên dụng.

Các giải pháp trọng tâm để nâng cao vai trò của ngành logistics tại Hưng Yên

Với nhu cầu mở rộng các trung tâm logistics tại khu vực KTTĐBB và nâng cao năng lực cạnh tranh so với các vùng kinh tế trọng điểm khác, Hưng Yên có thể tận dụng cơ hội này để tham gia vào chuỗi giá trị logistics trong khu vực bằng cách phát triển các trung tâm hỗ trợ logistics trong tỉnh như là “cánh tay nối dài” cho các trung tâm logistics lớn tại Hải Phòng, Hà Nội, Bắc Ninh và Quảng Ninh. Do đó, việc đa dạng hóa các hoạt động logistics có giá trị gia tăng cao hơn và có

[155] Sở Giao thông Vận Tải Hưng Yên, Báo cáo công tác quy hoạch giao thông vận tải ngày 16/06/2021.
[156] Nguồn: EMIS, Phân tích của PwC

nhu cầu cao là rất quan trọng, chẳng hạn như dán nhãn, đánh dấu, lắp ráp cuối cùng, sửa chữa, dịch vụ thông quan, quản lý, kiểm soát, làm sạch và sửa chữa container và phương tiện vận tải. Với sự phát triển của các lĩnh vực sản xuất và bán lẻ các sản phẩm có kim ngạch xuất nhập khẩu cao như dệt may, điện và điện tử của vùng KTTĐBB, ngành logistics Hưng Yên nên chú trọng vào phát triển các dịch vụ liên quan bao gồm kho bãi và logistics cho các ngành công nghiệp nêu trên. Bên cạnh đó, việc quá phụ thuộc vào vận tải đường bộ có thể được giảm tải bằng cách đa dạng hóa các mô hình vận tải như vận tải đường thủy và vận tải hàng không.

Ngoài ra, với định hướng của Chính phủ là mở rộng trung tâm logistics theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ 4.0 để giảm chi phí với mục tiêu logistics tích hợp, đặc biệt trong ngành thương mại điện tử, Hưng Yên nên nâng cấp chuỗi giá trị logistics địa phương bằng cách khuyến khích ứng dụng CNTT vào các hoạt động kinh doanh của các trung tâm logistics, đặc biệt là các cạn ICD trong tương lai. Ứng dụng CNTT hiện tại có thể được xem xét bao gồm hệ thống định vị GPS cập nhật thông tin lô hàng cho khách hàng, WMS (hệ thống quản lý kho hàng), ứng dụng quét mã vạch trực tuyến trong quản lý kho hàng; tối ưu hóa quản lý hàng hóa dựa trên dữ liệu đám mây; tích hợp hợp đồng dịch vụ và quản lý đơn hàng, và hệ thống quản lý khách hàng trong logistics thương mại điện tử[157].

Ngoài ra, Hưng Yên nên phát triển thêm cơ sở hạ tầng logistics bằng cách tăng cường cơ chế, chính sách xúc tiến đầu tư vào hạ tầng logistics để thu hút nhiều doanh nghiệp trong nước và FDI, đặt các trung tâm logistics gần vị trí địa lý chiến lược của tỉnh như vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, các đầu mối giao thông thuận tiện. Hưng Yên cần đẩy mạnh đơn giản hóa, minh bạch, tin học hóa thủ tục hải quan, cải tiến thủ tục hải quan xuất nhập khẩu phù hợp với thông lệ khu vực và quốc tế, giúp doanh nghiệp giảm chi phí vận tải và thời gian làm thủ tục hành chính.

[157] Báo cáo về Logistics Việt Nam của Bộ Công Thương

5.3.5. Ngành phát triển phần mềm

Tổng quan về ngành phát triển phần mềm tại Việt Nam và Vùng KTTĐBB

Năm 2019, cả nước có khoảng 12.423 doanh nghiệp phần mềm[158], chủ yếu hoạt động ở quy mô rất nhỏ và độc lập, thông thường theo mô hình khởi nghiệp. Phần lớn các doanh nghiệp tập trung tại các thành phố lớn và phát triển nhất như Hồ Chí Minh, Hà Nội và Đà Nẵng. Các thành phố này cũng là điểm đến của các khu công nghệ thông tin (CNTT) và trung tâm hỗ trợ CNTT lớn nhất như Công viên phần mềm Quang Trung, Trung tâm Công nghệ phần mềm Thành phố Hồ Chí Minh, Khu Công nghệ phần mềm Đại học Quốc gia Hà Nội, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Trung tâm giao dịch CNTT Hà Nội và khu CNTT Đà Nẵng.

Với lợi thế về thị trường như tỷ lệ dân số trẻ và am hiểu công nghệ tại Việt Nam vốn chiếm 70% công dân dưới 35 tuổi, khoảng hơn 70% dân số sử dụng điện thoại thông minh, nền kinh tế internet tăng trưởng nhanh thứ 2 Đông Nam Á (chỉ sau Indonesia)[159], chi phí lao động thấp và lực lượng lao động có trình độ học vấn ngày càng cao, Việt Nam đang ngày càng thu hút đầu tư vào phát triển phần mềm, đặc biệt là gia công phần mềm và nghiên cứu và phát triển, đưa Việt Nam trở thành điểm đến gia công phần mềm toàn cầu hấp dẫn, bên cạnh Trung Quốc và Ấn Độ[160]. Việc mở rộng và hiện đại hoá các ngành công nghiệp khác như sản xuất, bán lẻ, khu vực công, dịch vụ tài chính và các dịch vụ chuyên nghiệp cũng tạo điều kiện thuận lợi cho công nghiệp phần mềm phát triển. Trên thực tế, bất chấp ảnh hưởng của đại dịch Covid 19, nhiều công ty trong ngành phần mềm như RikkeiSoft, FPT, CMC cũng như công viên phần mềm Quang Trung đều chứng kiến mức tăng doanh thu từ 5-20% trong nửa đầu năm 2021[161]. Kết quả là do sự gia tăng của các chiến lược số hóa và dịch chuyển đám mây khi đại dịch COVID-19 buộc các công ty phải áp dụng cách tiếp cận mới để giao dịch với khách hàng và nhà cung cấp trong khi vẫn tuân theo các yêu cầu giãn cách xã hội. Tuy nhiên, an ninh mạng là thách thức quan trọng của ngành công nghiệp phần mềm Việt Nam. Việt Nam nằm trong danh sách các quốc gia bị tấn công mạng hàng đầu trong khu vực, với 5.168 cuộc tấn công mạng đã được ghi nhận vào các hệ thống thông tin ở Việt Nam vào năm 2020, làm suy giảm niềm tin vào việc áp dụng các giải pháp như dịch vụ phần mềm đám mây và ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của các doanh nghiệp phần mềm[162].

Kế hoạch phát triển công nghiệp phần mềm quốc gia là chuyển trọng tâm từ gia công sang sản xuất các sản phẩm phần mềm "Made in Vietnam"[163]. Do đó, Chính phủ đã và đang thực hiện một chiến lược dài hạn về phát triển lĩnh vực CNTT, trong đó công nghiệp phần mềm là một trong những lĩnh vực ưu tiên. Tín dụng thuế và các ưu đãi đầu tư đã được áp dụng nhằm đảm bảo các điều kiện thuận lợi cho các hoạt động nghiên cứu, phát triển và sản xuất công nghiệp phần mềm. Ví dụ, giảm thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp từ 20% xuống 10% trong thời hạn 15 năm, miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Đối với doanh nghiệp mới

[158] Sách trắng CNTT và Truyền thông Việt Nam 2020
[159] Bài báo "Công nghệ số có thể đem lại hơn 74 tỷ USD cho Việt Nam vào năm 2030" (Báo chính phủ) http://baochinhphu.vn/Kinh-te/Cong-nghe-so-co-the-dem-lai-hon-74-ty-USD-cho-Viet-Nam-vao-nam-2030/449993.vgp
[160] Nguồn: Fitch-Báo cáo Công nghệ Thông tin ở Việt Nam - 07/09/2021
[161] Bài báo "Doanh nghiệp phần mềm: Điểm sáng trong dịch bệnh" (Báo đầu tư) https://baodautu.vn/doanh-nghiep-phan-mem-diem-sang-trong-dich-benh-d149802.html
[162] Nguồn: Fitch-Báo cáo Công nghệ Thông tin ở Việt Nam - 07/09/2021, Báo cáo Quốc phòng & An ninh ở Việt Nam – 30/07/2021
[163] Báo cáo tổng kết công tác kế hoạch phát triển ngành thông tin và truyền thông https://mic.gov.vn/Upload_Moi/FileBaoCao/03.bctongket-chot110121.pdf

thành lập từ các dự án đầu tư quy mô lớn, chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp 10% có thể được kéo dài thêm 30 năm[164].

Tại vùng KTTĐBB, ngành công nghiệp phần mềm và nội dung số hiện chỉ tập trung ở Hà Nội, với quy mô nhỏ, doanh nghiệp kém cạnh tranh, chủ yếu phục vụ nhu cầu trong nước. Không có công ty nào thuộc thành viên của Hiệp hội Doanh nghiệp Phần mềm Việt Nam có trụ sở tại bất kỳ tỉnh hoặc thành phố nào của khu vực KTTĐBB ngoài Hà Nội.

Tổng quan ngành phát triển phần mềm tại Hưng Yên

Ở Hưng Yên, không có ghi nhận nào đáng chú ý về ngành công nghiệp phần mềm, kể cả về gia công phần mềm hay sản xuất phần mềm. Mặc dù công nghiệp công nghệ cao được quy hoạch là một trong những ngành công nghiệp chính của tỉnh nằm trong Khu công nghiệp Kim Động, nhưng quá trình xây dựng khu công nghiệp này đã bị đình trệ hơn 10 năm qua

Các vấn đề chính của ngành phát triển phần mềm tại Hưng Yên

Nguồn nhân lực là điểm nghẽn quan trọng cho sự phát triển của ngành công nghiệp phần mềm tại Hưng Yên. Chỉ có 4 trường đại học và 3 trường cao đẳng có các khóa học về CNTT và phát triển phần mềm, chương trình đào tạo về CNTT của trường vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của các công ty phần mềm về nguồn nhân lực có kỹ năng cao. Ngoài ra, việc ứng dụng công nghệ thông tin của người dân và doanh nghiệp ở Hưng Yên chưa cao. Trong báo cáo về chỉ số CNTT của Việt Nam đo lường sự phát triển CNTT của các tỉnh vào năm 2019, Hưng Yên xếp hạng 18 tại chỉ số hạ tầng kỹ thuật, 26 tại chỉ số ứng dụng CNTT, 33 tại dịch vụ CNTT (doanh thu dịch vụ CNTT, kim ngạch xuất khẩu, số thuế phải nộp) và 31 tại kinh doanh CNTT (doanh thu từ kinh doanh, phân phối dịch vụ CNTT và số thuế phải nộp từ kinh doanh, phân phối sản phẩm và dịch vụ CNTT).

Các giải pháp trọng tâm để tăng cường vai trò của ngành phát triển phần mềm tại Hưng Yên

Hưng Yên nên tăng cường đào tạo nguồn nhân lực có kỹ năng cao về phát triển phần mềm bằng cách nhấn mạnh vào các khóa học CNTT trong trường đại học và đồng nghiệp, cũng như các môn học STEM (Khoa học- Công nghệ- Kỹ thuật-Toán học) cho tất cả các cấp học. Do yêu cầu cao về hợp tác quốc tế trong ngành công nghiệp phần mềm và sự phát triển ngày càng tăng của ngành, việc đào tạo các kỹ năng nâng cao bằng tiếng Anh cũng phải được đẩy mạnh như một yêu cầu thiết yếu đối với sinh viên đại học.

Ngoài ra, Hưng Yên sẽ tăng cường ứng dụng CNTT trong tỉnh bằng cách tăng cường sử dụng internet và số hóa ở khu vực tư nhân và nhà nước. Hưng Yên cũng có thể thành lập các vườn ươm CNTT và công viên phần mềm nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp trong lĩnh vực CNTT thông qua các buổi đào tạo, chia sẻ nhằm nâng cao kiến thức và kinh nghiệm. Đồng thời, các công viên phần mềm này có thể giúp thu hút vốn đầu tư cho các doanh nghiệp phần mềm và thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của ngành CNTT, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

[164] Nghị định số 154/2013 / NĐ-CP ngày 8 tháng 11 năm 2013 về khu công nghệ thông tin

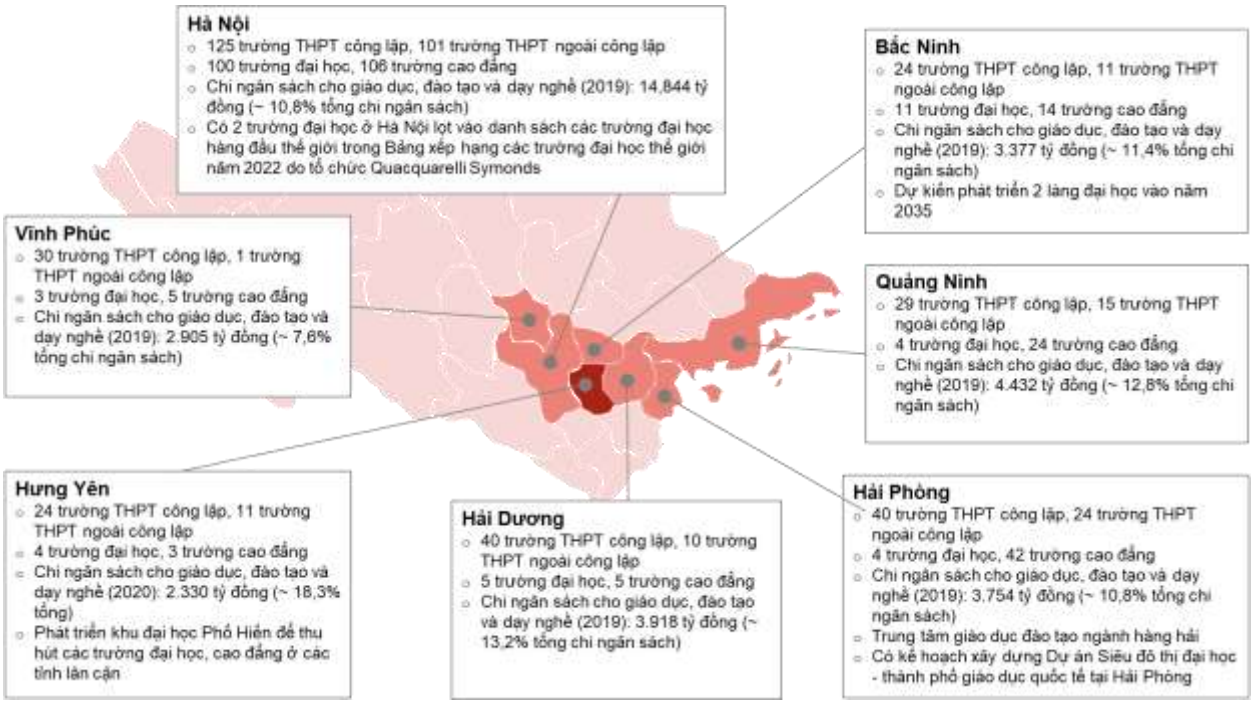
5.3.6. Ngành giáo dục

Tổng quan về ngành giáo dục và đào tạo tại Việt Nam và vùng KTTĐBB

Giáo dục và đào tạo được coi là quốc sách hàng đầu, có tác dụng nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội và phát huy các giá trị cốt lõi của đất nước và con người Việt Nam. Chính phủ Việt Nam luôn chú trọng đến chính sách giáo dục đào tạo và tăng cường đầu tư cho giáo dục nhằm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước.

Theo báo cáo đánh giá năm 2020 của Ngân hàng Thế giới, chỉ số vốn nhân lực của Việt Nam đứng thứ 38 trên 174 nền kinh tế, trong đó thành phần giáo dục của Việt Nam đứng thứ 15, tương đương với các nước như Hà Lan, New Zealand, và Thụy Điển. Xếp hạng các trường đại học Việt Nam ngày một nâng cao trên bảng xếp hạng châu Á và thế giới khi hệ thống giáo dục đại học của Việt Nam xếp thứ 68 trên 196 quốc gia trên thế giới vào năm 2019, tăng 12 bậc so với xếp hạng năm 2018[165]. Việt Nam có bốn trường đại học, bao gồm Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia TP.HCM, Đại học Bách Khoa và Đại học Tôn Đức Thắng, đã lọt vào Bảng xếp hạng các trường đại học hàng đầu thế giới năm 2022 do tổ chức Quacquarelli Symonds (QS) của Vương quốc Anh công bố. Năm 2020, cả nước có hơn một triệu học sinh dự thi tốt nghiệp THPT, khoảng 78,1% trong số đó có nguyện vọng theo học đại học[166].

Hình 68: Tổng quan về ngành giáo dục và đào tạo tại vùng KTTĐBB



Nguồn: Dữ liệu và thông tin được đơn vị tư vấn tổng hợp từ các nguồn công khai

[165] Trang báo Thế giới & Việt Nam (https://baoquocte.vn/wb-ket-qua-giao-duc-viet-nam-xep-hang-tuong-duong-cac-nuoc-ha-lan-new-zealand-thuy-dien-133248.html)
[166] Thông tin từ Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam

Theo quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội[167], vùng KTTĐBB đặt mục tiêu phát triển đồng bộ giáo dục và đào tạo ở tất cả các cấp học, chuyên ngành gắn với với việc giáo dục nhân cách, bản sắc và lòng tự tôn dân tộc, truyền thống văn hóa cũng như nâng cao chất lượng dạy và học. Một trong những ưu tiên là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu về cả số lượng và chất lượng cho các ngành trọng điểm của vùng KTTĐBB như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, du lịch, y tế, kỹ thuật và đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động tại nông thôn. Hà Nội duy trì vị trí dẫn đầu vùng KTTĐBB về giáo dục bậc cao với mạng lưới 100 trường đại học và 106 trường cao đẳng bao gồm các cơ sở giáo dục công lập, ngoài công lập và nhiều chương trình quốc tế. Ngoài ra, tại Hà Nội có nhiều viện, trung tâm nghiên cứu và trụ sở chính của các công ty lớn trong nước và quốc tế, là điều kiện thuận lợi để thúc đẩy hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu trong các cơ sở giáo dục bậc cao. Cũng có sự khác biệt đáng kể giữa số lượng chuyên ngành đào tạo của các trường đại học và cao đẳng ở Hà Nội và ở các tỉnh khác thuộc vùng KTTĐBB. Hà Nội có sự đa dạng về các chuyên ngành đào tạo từ kinh tế, tài chính, y tế, kỹ thuật, khoa học máy tính đến âm nhạc, kiến trúc, thiết kế thời trang, biểu diễn nghệ thuật… Trong khi đó ở các tỉnh khác trong vùng, hầu hết các trường đại học, cao đẳng đều đào tạo chuyên sâu một số ngành như công nghiệp, giáo dục, kỹ thuật, hàng hải, nông nghiệp và tập trung vào đào tạo kỹ năng thực tiễn và đào tạo nghề thay vì cung cấp kiến thức hàn lâm và đầu tư vào các hoạt động nghiên cứu và phát triển chất lượng cao.

Tổng quan ngành giáo dục bậc cao tại Hưng Yên

Giáo dục và đào tạo là lĩnh vực ngày càng nhận được nhiều sự quan tâm đầu tư của các cấp chính quyền tỉnh Hưng Yên. Năm 2020, chi ngân sách cho giáo dục, đào tạo và dạy nghề đạt 2.330 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong chi thường xuyên (xấp xỉ 33,5%). Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Hưng Yên có 35 trường trung học phổ thông, trong đó 24 trường là trường công lập. Trong kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2021, toàn tỉnh có 14.269 thí sinh dự thi và 10.040 em (chiếm khoảng 70,4%) đăng ký học lên đại học. Về giáo dục bậc cao, Hưng Yên chỉ có 04 trường đại học và 03 trường cao đẳng, là tỉnh có số lượng trường đại học và cao đẳng thấp nhất trong vùng KTTĐBB. Mặc dù tỉnh đã quan tâm đầu tư phát triển khu Đại học Phố Hiến với tổng diện tích 1.000 ha, sức chứa 80.000 sinh viên và 1.000 giáo viên, trợ giảng nhưng đến nay mới có 1 trường đại học xây dựng cơ sở mới tại khu vực này. Do các trường đại học, cao đẳng ở Hưng Yên còn nhiều hạn chế và Hưng Yên có vị trí gần Hà Nội, trung tâm giáo dục quốc gia, nên phần lớn học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông ở Hưng Yên chọn chuyển ra Hà Nội để theo đuổi con đường học vấn bậc cao. Hưng Yên cần nỗ lực hơn nữa để thúc đẩy tăng trưởng hoạt động giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh để đạt mục tiêu trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực của vùng đồng bằng sông Hồng và Việt Nam.

[167] Quyết định số 198/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

Hình 69: So sánh chuỗi giá trị giáo dục bậc cao ở Hưng Yên và các tỉnh khác



Hưng Yên và các tỉnh khác thuộc vùng KTTĐBB đều tham gia vào công đoạn chính của chuỗi giá trị giáo dục bậc cao. Khác với Hà Nội là nơi đào tạo đa dạng các chuyên ngành đào tạo đại học, Hưng Yên chủ yếu tập trung đào tạo nguồn nhân lực cho các ngành công nghiệp trọng điểm của tỉnh như cơ khí, dệt may, công nghiệp kỹ thuật. Năm 2019, Hưng Yên có tỷ lệ chi ngân sách cho giáo dục, đào tạo và dạy nghề cao nhất trong 7 tỉnh của vùng KTTĐBB.

Các vấn đề chính của ngành giáo dục tại tỉnh Hưng Yên

Hệ thống giáo dục bậc cao ở Hưng Yên có uy tín còn hạn chế và không có nhiều lựa chọn về chuyên ngành đã dẫn đến nhiều khó khăn trong công tác tuyển sinh. Ngoài ra, các liên kết giao thông giữa Hưng Yên và các tỉnh, đặc biệt là Hà Nội chưa phát triển. Hưng Yên còn nhiều hạn chế trong việc phát triển đô thị và các cơ sở dịch vụ như trung tâm giải trí, khu mua sắm, các hoạt động thể dục thể thao và biểu diễn nghệ thuật. Điều này dẫn đến những thách thức trong việc thu hút các trường đại học, cao đẳng mở cơ sở mới tại Hưng Yên cũng như thu hút sinh viên và đội ngũ giảng viên di chuyển về tỉnh để học tập và cư trú.

Chưa có nhiều sự hợp tác, liên kết phát triển giữa các tỉnh thuộc vùng KTTĐBB và vùng Đồng bằng sông Hồng. Sự hỗ trợ trong việc đào tạo nâng cao nhân lực cho các ngành trọng điểm như nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, cơ khí, dệt may, máy móc, chế biến thực phẩm, du lịch giữa các tỉnh trong khu vực còn rất hạn chế.

Chất lượng đào tạo nghề chưa đáp ứng được nhu cầu thị trường. Mối liên kết giữa các cơ sở giáo dục, trung tâm dạy nghề và doanh nghiệp còn yếu dẫn đến tình trạng học viên thiếu cơ hội tiếp thu kiến thức thực tế, khó tìm việc làm sau khi tốt nghiệp.

Các giải pháp trọng tâm nhằm nâng cao vai trò của ngành giáo dục tỉnh Hưng Yên

Chính quyền tỉnh Hưng Yên cần quan tâm hơn nữa để nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục bậc cao trên địa bàn tỉnh. Các trường đại học, cao đẳng cần cập nhật giáo trình thường xuyên, thay thế những nội dung học cũ, thiếu tính thực tiễn bằng kiến thức cập nhật, thiết thực và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường. Bên cạnh đó, cần đầu tư môi trường sống của Hưng Yên, tạo động lực cho giảng viên, trợ giảng, sinh viên và cán bộ các trường đại học, cao đẳng sinh sống, học tập và làm việc tại Hưng Yên.

Ngoài ra, các trường đại học, cao đẳng ở Hưng Yên cần mở thêm nhiều chuyên ngành đào tạo như nông nghiệp, quản trị khách sạn, du lịch, khoa học máy tính, quản trị kinh doanh… để trở thành trung tâm giáo dục toàn diện của khu vực và có khả năng cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các tỉnh khác. Ví dụ, Hưng Yên có thể cung cấp cho Quảng Ninh lực lượng lao động chất lượng cao được trang bị kỹ năng ngôn ngữ và kỹ năng công nghệ trong ngành quản lý khách sạn để thúc đẩy sự phát triển du lịch của Quảng Ninh.

Về đào tạo nghề, Hưng Yên cần nâng cấp nội dung đào tạo để phù hợp với yêu cầu của các nhà tuyển dụng. Bên cạnh việc thành thạo công việc, học viên tham gia các khóa đào tạo nghề cần có kỹ năng ngôn ngữ và kỹ năng công nghệ. Bên cạnh đó, cần tăng cường liên kết giữa các trung tâm dạy nghề với các doanh nghiệp trong vùng để giải quyết vấn đề cung - cầu trên thị trường lao động, điều này không chỉ giúp học viên tìm được việc làm mà còn tạo cơ hội cho các doanh nghiệp tiếp cận nguồn nhân lực chất lượng tốt của tỉnh.

5.3.7. Ngành du lịch

Tổng quan về ngành du lịch tại Việt Nam và vùng KTTĐBB

Ngành du lịch Việt Nam là một trong những trụ cột quan trọng của phát triển kinh tế đất nước, đóng góp 9,2% vào GDP của Việt Nam năm 2019. Với sự phát triển mạnh của ngành dịch vụ, đầu tư mạnh mẽ, hỗ trợ từ chính phủ và sự gia tăng thu nhập tại các quốc gia đã phát triển và các thị trường mới nổi, ngành du lịch Việt Nam đã có sự tăng trưởng cao và bền vững, đạt trung bình 22,7%/năm trong giai đoạn 2015-2019. Lượng khách quốc tế đến Việt Nam đạt đỉnh điểm vào năm 2019 với 18 triệu lượt người và tổng thu từ du lịch đạt 755.000 tỷ đồng. Theo UNWTO, Việt Nam đứng thứ 6 trong top 10 nước có tốc độ tăng trưởng du lịch nhanh nhất trên thế giới. Năm 2019, Việt Nam được vinh danh ở 4 hạng mục của Giải thưởng Du lịch Thế giới lần thứ 26 bao gồm "Điểm đến văn hóa hàng đầu châu Á 2019", "Điểm đến ẩm thực hàng đầu châu Á 2019", "Điểm đến hàng đầu châu Á 2019" và giải thưởng "Điểm đến thành phố văn hóa hàng đầu châu Á" thuộc về Hội An. Với lợi thế là nơi tập trung các di tích văn hóa lịch sử trên cả nước (chiếm 46% tổng số di tích của cả nước và 56% số di tích quốc gia), khu vực đồng bằng sông Hồng tập trung phát triển du lịch biển, du lịch văn hóa (văn minh lúa nước và các hoạt động truyền thống của địa phương), đô thị du lịch, MICE (du lịch kết hợp với hội họp, khen thưởng, hội nghị, triển lãm). Năm 2019, khách du lịch nội địa tại Việt Nam chi trung bình khoản 1,15 triệu đồng mỗi ngày và khách du lịch quốc tế chi trung bình khoảng 117,8 đô la Mỹ (tương đương 2,7 triệu đồng) mỗi ngày, vẫn thấp hơn so với các thành phố khác trên toàn thế giới. Mặc dù ngành du lịch đã chịu thiệt hại nặng nề vì sự bùng phát của đại dịch Covid, song du lịch Việt Nam được kỳ vọng sẽ phục hồi nhanh chóng và mạnh mẽ hơn ở giai đoạn hậu đại dịch COVID-19. Với dân số thuộc tầng lớp trung lưu tăng nhanh trong những năm tới[168] và các xu hướng du lịch mới đang nổi lên như du lịch trong nước, các kỳ nghỉ ngắn ngày dành cho gia đình và nhóm nhỏ đến những nơi vắng khách du lịch và có môi trường xanh[169], du lịch Việt nam có nhiều cơ hội để phục hồi.

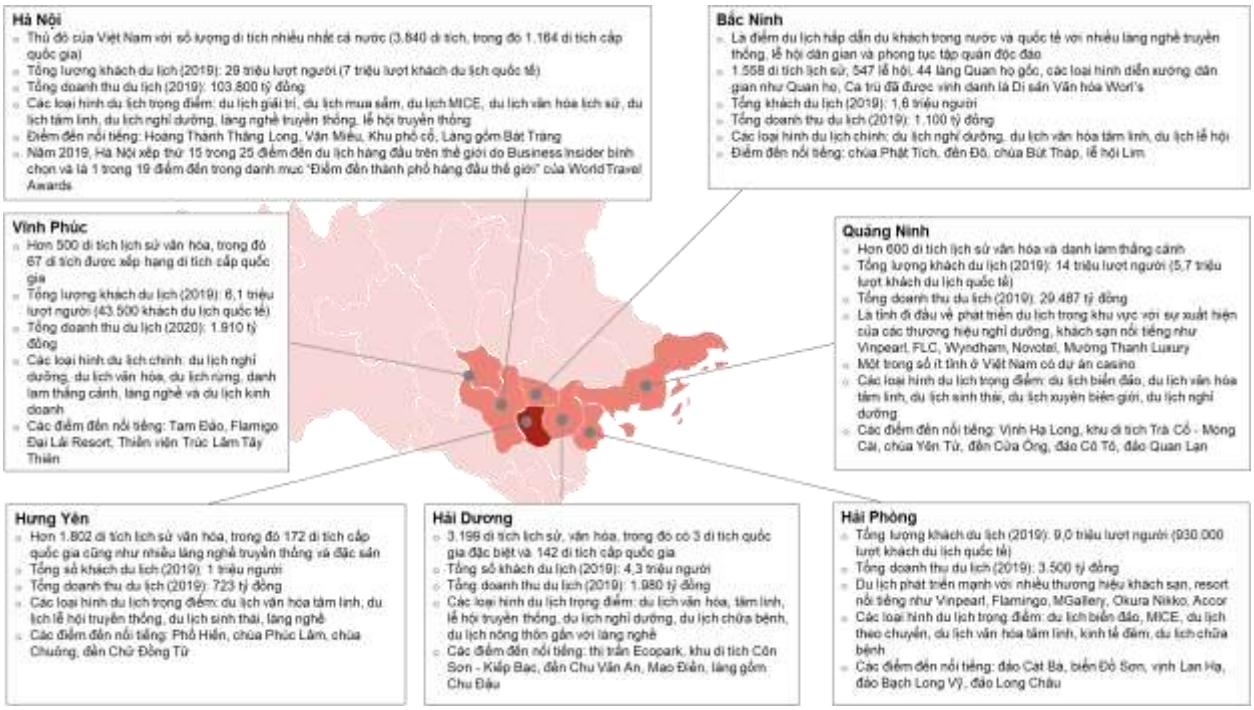
Đến năm 2025, Việt Nam đặt mục tiêu trở thành một trong những điểm đến du lịch hấp dẫn, nằm trong top 3 quốc gia dẫn đầu về phát triển du lịch trong khu vực Đông Nam Á và top 50 quốc gia có năng lực cạnh tranh du lịch cao nhất thế giới. Đến năm 2030, du lịch được kỳ vọng là ngành mũi nhọn của Việt Nam, phát triển bền vững và Việt Nam đặt mục tiêu nằm trong top 30 quốc gia có năng lực cạnh tranh du lịch cao nhất thế giới. Tổng thu từ khách du lịch dự kiến đạt 1.700 - 1.800 tỷ đồng, chiếm 12-14% tổng GDP vào năm 2025 và đến năm 2030, Việt Nam đặt mục tiêu đạt 3.100-3.200 tỷ đồng tổng thu từ khách du lịch, chiếm tỷ trọng 15-17% GDP quốc gia[170]. Trên cơ sở đó, nhiều giải pháp đã được đặt ra để thúc đẩy ngành du lịch Việt Nam tăng trưởng như thay đổi tư duy về phát triển du lịch, hoàn thiện các quy định về phát triển du lịch, đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành du lịch, phát triển các sản phẩm du lịch, quản lý chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa nhóm khách hàng, tăng cường các hoạt động xúc tiến và hợp tác quốc tế, ứng dụng khoa học công nghệ và kỹ thuật số trong ngành du lịch.

[168] Bài viết "Việt Nam nằm trong số các quốc gia tăng trưởng tầng lớp trung lưu nhanh nhất thế giới" (Báo VNExpress) https://e.vnexpress.net/news/business/data-speaks/vietnam-among-world-s-fastest-middle-class-growth-nation-4351459.html

[169] Bài viết "Nhận định một số xu hướng trong thời gian tới đối với ngành du lịch Việt Nam" http://itdr.org.vn/nghien_cuu/nhan-dinh-mot-so-xu-huong-trong-thoi-gian-toi-doi-voi-nganh-du-lich-viet-nam/

[170] Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030

Hình 70: Tổng quan ngành du lịch tại vùng KTTĐBB



Nguồn: Dữ liệu và thông tin được đơn vị tư vấn tổng hợp từ các nguồn công khai

Vùng KTTĐBB bao gồm 7 tỉnh thành sở hữu nhiều lợi thế về tài nguyên, khí hậu, di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, lễ hội đặc sắc, nét văn hóa đặc sắc là điều kiện thuận lợi để thúc đẩy du lịch tăng trưởng. Vùng có định hướng quy hoạch phát triển trở thành điểm thu hút khách du lịch hàng đầu của cả nước với hệ thống sản phẩm du lịch đa dạng, đặc sắc, mang thương hiệu riêng và bản sắc văn hóa dân tộc. Vùng KTTĐBB có kế hoạch đẩy mạnh phát triển du lịch trong nước và quốc tế, tập trung vào các sản phẩm du lịch đặc thù của vùng như du lịch gắn với các giá trị văn minh sông Hồng, du lịch văn hóa, tâm linh, du lịch biển đảo. Mục tiêu đến năm 2025, vùng KTTĐBB sẽ đón khoảng 9 triệu lượt khách du lịch quốc tế và hơn 26 triệu lượt khách nội địa, đạt 170 tỷ đồng tổng thu từ du lịch, tạo ra 350.000 việc làm trực tiếp và phát triển khoảng 170.000 phòng cho các cơ sở lưu trú.

Trong vùng KTTĐBB, Hải Phòng và Quảng Ninh là hai tỉnh đi đầu trong việc thúc đẩy du lịch biển đảo bằng cách khai thác vẻ đẹp của một số địa danh như Vịnh Hạ Long, đảo Cát Bà, mang đến cho du khách những trải nghiệm độc đáo thông qua các hoạt động thăm quan hang động, tắm biển, nghỉ ngơi trên tàu, tham quan làng chài… Cùng với đó, còn có một số lễ hội quy mô lớn như lễ hội chùa Hương (Hà Nội), lễ hội xuân Yên Tử (Quảng Ninh), lễ hội đền Côn Sơn - Kiếp Bạc (Hải Dương), lễ hội Tây Thiên (Vĩnh Phúc). Hơn nữa, nói đến du lịch MICE thì khó có địa phương nào có thể cạnh tranh được với Hà Nội bởi lợi thế là thủ đô của cả nước, cửa ngõ đón du khách trong và ngoài nước, có điều kiện thuận lợi về cơ sở hạ tầng, đường giao thông, hệ thống cơ sở lưu trú và nguồn nhân lực chất lượng cao để phát triển ngành du lịch. Hà Nội cũng đang thúc đẩy du lịch xanh và du lịch nông nghiệp để đạt được sự phát triển bền vững của ngành du lịch[171]. Mặc dù là trung tâm vui chơi giải trí lớn của cả nước nhưng Hà Nội đang phải đối mặt

[171] Bài viết "Hanoi is promoting agri-tourism for sustainable tourism development", tạm dịch "Hà Nội đang thúc đẩy du lịch nông nghiệp để phát triển du lịch bền vững" (Tổng cục du lịch Việt Nam) https://www.vietnamtourism.gov.vn/english/index.php/items/16250

với sự thiếu hụt các tổ hợp vui chơi giải trí hiện đại và quy mô lớn[172]. Hiện tại, công viên nước Hồ Tây và công viên Thiên đường Bảo Sơn, là hai khu vui chơi ngoài trời lớn nhất Hà Nội, cùng một số khu vui chơi trong nhà nằm trong các trung tâm thương mại như Vincom Royal City, Vincom Mega Mall Times City và Aeon Mall không thể đáp ứng đầy đủ nhu cầu giải trí của người dân Hà Nội do các hoạt động không đa dạng và cơ sở hạ tầng còn hạn chế.

Tổng quan về ngành du lịch tại Hưng Yên

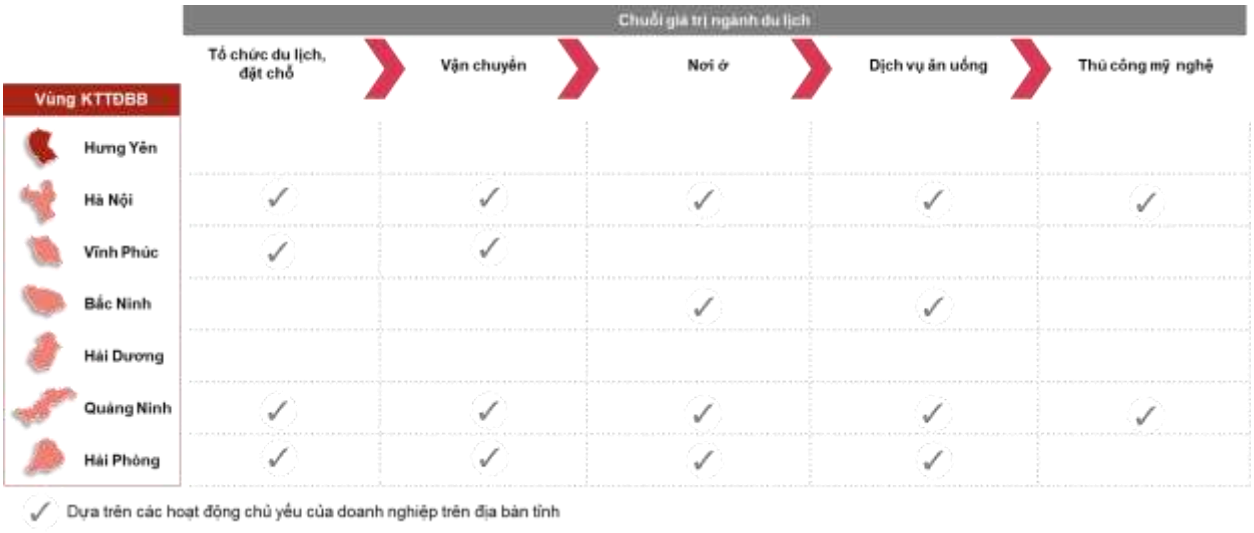
Tỉnh Hưng Yên có lịch sử lâu đời và nhiều nét văn hóa đặc sắc. Trên địa bàn tỉnh có 1.802 di tích văn hóa lịch sử, trong đó có 03 di tích quốc gia xếp hạng đặc biệt, 172 di tích cấp quốc gia và tỉnh Hưng Yên đứng thứ 03 tại Việt Nam về số lượng các di tích xếp hạng cấp quốc gia. Ngoài ra, Hưng Yên là quê hương của nhiều làng nghề truyền thống nổi tiếng như làng nghề làm hương Cao Thôn, làng nghề đan Thủ Sỹ, làng sản xuất đồ chơi truyền thống Ông Hào và cũng là quê hương của nhiều đặc sản như nhãn, tương bần, gà Đông Tảo. Đây là điều kiện thuận lợi cho tỉnh Hưng Yên để phát triển ngành du lịch đặc biệt là du lịch trải nghiệm, du lịch văn hóa và du lịch làng nghề. Tuy nhiên, ngành du lịch ở Hưng Yên vẫn chưa phát triển tương xứng với tiềm năng của nó.

Theo quy hoạch phát triển du lịch tỉnh Hưng Yên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030[173], Hưng Yên phấn đấu phát triển du lịch trở thành một trong những ngành kinh tế mũi nhọn, tạo điều kiện thuận lợi để du lịch trở thành ngành mũi nhọn của tỉnh trong giai đoạn tới. Đến năm 2025, Hưng Yên đặt mục tiêu đón 3 - 4 triệu lượt khách du lịch và doanh thu từ du lịch đạt 3.100 - 4.000 tỷ đồng hàng năm, tạo hơn 40.000 việc làm. Đến năm 2030, tỉnh đặt mục tiêu đón 4,5 - 6 triệu lượt khách du lịch, doanh thu từ du lịch đạt 6.200-7.000 tỷ đồng cũng như tạo ra hơn 60.000 việc làm. Hưng Yên sẽ ưu tiên phát triển khách nội địa, đặc biệt là khách đến từ Hà Nội, các tỉnh đồng bằng sông Hồng, duyên hải Đông Bắc, trung du miền núi phía Bắc, đồng thời thu hút thêm khách quốc tế. Về sản phẩm du lịch, Hưng Yên sẽ tập trung phát triển du lịch văn hóa gắn với khai thác các giá trị di tích lịch sử - văn hóa của tỉnh, du lịch nghỉ dưỡng cuối tuần và các sản phẩm du lịch đặc trưng như du lịch tâm linh, du lịch làng nghề, du lịch cộng đồng kết hợp nông nghiệp.

[172] Bài viết “Hanoi to build large-scale entertainment parks soon”, tạm dịch “Hà Nội sớm xây dựng các công viên giải trí quy mô lớn” (Báo HANOITIMES), https://hanoitimes.vn/hanoi-to-build-large-scale-entertainment-parks-soon-311902.html

[173] Quyết định số 380/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Ủy Ban Nhân DânPhê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Hưng Yên đến năm 2025, tầm nhìn đén 2030

Hình 71: So sánh chuỗi giá trị du lịch ở Hưng Yên và các tỉnh khác



[tiếp theo]



Tương tự như các tỉnh khác trong vùng KTTĐBB, Hưng Yên đã tham gia vào tất cả các công đoạn của chuỗi giá trị ngành du lịch, nhưng sự phát triển vẫn còn nhiều hạn chế. Năm 2019, Hưng Yên đón khoảng 1 triệu lượt khách du lịch, đây là con số thấp nhất so với 6 tỉnh khác trong vùng KTTĐBB. Lượng khách du lịch đến Hưng Yên năm 2019 chiếm 1,5% tổng lượng khách đến vùng KTTĐBB và 1,0% tổng lượng khách đến Việt Nam. Doanh thu của ngành du lịch Hưng Yên năm 2019 đạt 220 tỷ đồng, tương đương 0,2% tổng doanh thu từ du lịch của vùng KTTĐBB và 0,03% tổng doanh thu từ du lịch của cả nước trong cùng năm. Doanh thu từ du lịch của Hưng Yên năm 2020 là 4,3 tỷ đồng, thấp nhất so với 6 tỉnh còn lại và chỉ chiếm 0,1% tổng doanh thu đi lại của vùng KTTĐBB.

Ngoài ra, việc thiếu các dịch vụ như trung tâm thương mại, cửa hàng, trung tâm giải trí phức hợp và cơ sở lưu trú cao cấp đáp ứng nhu cầu sinh hoạt giải trí của khách hàng ở mọi lứa tuổi khiến Hưng Yên kém hấp dẫn đối với du khách trong nước và quốc tế và bị bỏ xa so với các tỉnh khác trong vùng KTTĐBB về cơ sở hạ tầng du lịch. Tính đến năm 2020, Hưng Yên có 323 cơ sở dịch

vụ lưu trú, ăn uống và 15 cơ sở hoạt động biểu diễn nghệ thuật và vui chơi giải trí. Ở Hưng Yên không có khách sạn và khu nghỉ dưỡng 5 sao và 4 sao, trong khi 6 tỉnh còn lại của vùng KTTĐBB đã có ít nhất một khách sạn hoặc khu nghỉ dưỡng cao cấp với nhiều tiện ích giải trí như lưu trú chất lượng cao, bảo tàng, nước, công viên và thủy cung.

Các vấn đề chính của ngành du lịch tại Hưng Yên

Mặc dù có bề dày lịch sử, những nét văn hóa đặc sắc, giá trị truyền thống cũng như vị trí chiến lược là thành phố vệ tinh của Hà Nội, có khả năng kết nối tốt, Hưng Yên vẫn chưa tận dụng được tiềm năng du lịch của mình để khiến du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Trước tình hình cạnh tranh ngày càng gay gắt trong lĩnh vực du lịch, đặc biệt là du lịch văn hóa tâm linh giữa các tỉnh đồng bằng sông Hồng, Hưng Yên chưa làm tốt công tác quảng bá điểm đến du lịch của tỉnh, chưa làm nổi bật được nét văn hóa, lịch sử, tạo lợi thế cạnh tranh cho du lịch. ngành của tỉnh.

Các dịch vụ liên quan đến du lịch ở Hưng Yên còn hạn chế. Cơ sở lưu trú, dịch vụ ăn uống kém cả về số lượng và chất lượng khiến các đơn vị du lịch ở các thành phố khác như Hà Nội gặp khó khăn trong việc bố trí các tour du lịch cho đông đảo người dân đến thăm Hưng Yên cùng một lúc. Sự thiếu hụt các hoạt động biểu diễn nghệ thuật và giải trí khiến Hưng Yên trở nên kém hấp dẫn đối với cả du khách trong nước và quốc tế.

Trong vùng KTTĐBB, tất cả các tỉnh đều xác định du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn và hướng tới mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng du lịch, nhưng thiếu quy hoạch với tầm nhìn chiến lược cho tất cả các tỉnh trong vùng và sự hợp tác chặt chẽ giữa 7 tỉnh, điều này đã dẫn đến sản phẩm du lịch trùng lặp và phát triển du lịch manh mún.

Các giải pháp trọng tâm để nâng cao vai trò của ngành du lịch tại Hưng Yên

Hưng Yên cần có chiến lược với tầm nhìn phù hợp và mục tiêu thiết thực để thúc đẩy ngành du lịch. Các cơ quan chức năng cần dành nhiều công sức và đầu tư cho việc bảo vệ, tôn tạo các di tích, danh lam thắng cảnh, khôi phục các nét truyền thống như lễ hội dân gian, làng nghề làm nền tảng cho phát triển du lịch. Ngoài ra, cần khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư vào du lịch như thành lập các công ty du lịch, phát triển các cơ sở lưu trú cao cấp.

Cần xác định những giá trị văn hóa đặc biệt, những nét độc đáo để phân biệt du lịch Hưng Yên với du lịch các tỉnh trong khu vực. Hưng Yên cần chú trọng phát triển các sản phẩm du lịch mà tỉnh có thế mạnh như du lịch văn hóa tâm linh, du lịch làng nghề, du lịch sinh thái. Vị trí gần Hà Nội và kết nối giao thông thuận lợi là điều kiện thuận lợi để Hưng Yên đẩy mạnh du lịch giải trí, nghỉ dưỡng cuối tuần, mang đến những không gian xanh, thư thái cho người dân ở các thành phố lớn như Hà Nội nghỉ ngơi sau những ngày làm việc mệt mỏi.

Ngoài ra, cần tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch bao gồm cơ sở lưu trú, trung tâm vui chơi giải trí, nhà hàng cũng như tổ chức thêm các hoạt động biểu diễn nghệ thuật, giải trí để thu hút nhiều người đến thăm và lưu trú dài ngày tại Hưng Yên. Hưng Yên có thể xem xét mô hình cửa hàng outlets (cửa hàng bán sản phẩm giảm giá của các thương hiệu tên tuổi) lớn , trung tâm mua sắm, khu vui chơi giải trí (như Disneyland, phim trường Universal) để thu hút người dân các tỉnh lân cận. Tỉnh nên hướng đến đối tượng là tầng lớp trung lưu đến từ Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Phòng cũng như các chuyên gia trong nước và quốc tế làm việc trong lĩnh vực công nghiệp ở các tỉnh khác vì họ sẵn sàng chi nhiều tiền hơn cho các hoạt động giải trí.

Hưng Yên có thể tăng cường các hoạt động xúc tiến du lịch bằng cách tận dụng các kênh tiếp thị khác nhau như mạng xã hội, website, blog du lịch, email bản tin, video quảng cáo, ... Điều cốt yếu là quảng bá hình ảnh tỉnh Hưng Yên, con người Hưng Yên và lịch sử và văn hóa đến du khách trong nước và quốc tế. Ngoài ra, tỉnh sẽ cần xây dựng bản đồ sản phẩm du lịch Hưng Yên, đưa thêm thông tin về các điểm du lịch trên các trang web chính thức của tỉnh cũng như thành lập các trung tâm xúc tiến du lịch để hỗ trợ du khách.

Hưng Yên cần phát triển nguồn nhân lực ngành du lịch cả về số lượng và chất lượng. Tỉnh cần mở rộng các khóa đào tạo, chương trình đào tạo về quản trị du lịch, khách sạn cho các trường đại học, cao đẳng và trung tâm dạy nghề trên địa bàn. Bên cạnh đó, các chương trình du lịch tại Hưng Yên cần phải bao gồm các kỹ năng ngoại ngữ và kỹ năng công công nghệ để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về lực lượng lao động có kỹ năng, đặc biệt là để vận hành các ứng dụng du lịch thông minh khi chuyển đổi kỹ thuật số trong du lịch đang được thúc đẩy ở nhiều thành phố như Ninh Bình và Hà Nội. Hưng Yên có thể cân nhắc phát triển thành một trung tâm giáo dục về du lịch khách sạn, từ đó có thể cung cấp nguồn nhân lực có tay nghề cao cho các tỉnh khác trong khu vực vốn đang thiếu hụt lực lượng lao động chất lượng cao trong lĩnh vực du lịch.

Hưng Yên và các tỉnh trong vùng cần có sự phối hợp chặt chẽ trong phát triển du lịch. Các tỉnh cần phối hợp, lựa chọn các sản phẩm chủ lực, trọng điểm du lịch mang tính đại diện của từng tỉnh nhưng vẫn có sự thống nhất, hài hòa khi kết hợp với các địa phương khác. Hưng Yên cần tăng cường liên kết với các tỉnh để quảng bá du lịch, tạo các tuyến du lịch trọng điểm trong vùng, xây dựng các chương trình du lịch “Hai địa phương - một điểm đến”. Hưng Yên nên tham dự các sự kiện quảng bá du lịch, hội chợ du lịch, hội nghị phát triển du lịch được tổ chức trong khu vực để có cơ hội trao đổi thông tin, kinh nghiệm với các tỉnh bạn nhằm xây dựng kế hoạch phù hợp nhằm thúc đẩy tăng trưởng du lịch của tỉnh.

Chương 6: Phân tích, đánh giá về năng lực cạnh tranh của các cụm ngành quan trọng trong kinh tế tỉnh. Những vấn đề đặt ra

Giới thiệu

Chương này thảo luận về năng lực cạnh tranh của các ngành trọng tâm như đã xác định trong chương 4, được nhóm thành 3 ngành kinh tế chủ chốt: Nông, lâm nghiệp và thủy sản, Công nghiệp và Dịch vụ. Năng lực cạnh tranh của từng ngành trong số 14 ngành trọng tâm được đánh giá theo Mô hình Kim cương của Porter về Năng lực cạnh tranh quốc gia bao gồm 6 đặc điểm chính: điều kiện các yếu tố sản xuất, điều kiện nhu cầu, các ngành công nghiệp hỗ trợ liên quan, chiến lược doanh nghiệp, chính phủ và cơ hội. Tiếp đến, chúng tôi sẽ xem xét và đánh giá sự tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu của Việt Nam, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) dựa trên các ngành công nghiệp trọng tâm, cùng với tầm quan trọng của việc phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ và những thách thức liên quan. Cuối cùng, vai trò của chính phủ trong việc thúc đẩy và khuyến khích các ngành tương ứng, cùng với các vấn đề liên quan sẽ được đem ra thảo luận.

Sự tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu của Việt Nam

Trong thập kỷ vừa qua, vị thế cường quốc sản xuất của Trung Quốc đã tạo ra tình trạng thiếu lao động trong nước và gây áp lực làm chi phí tăng lên. Trong khi đó, Việt Nam đã dần dần phát triển trở thành một nhà sản xuất và xuất khẩu nổi bật nhờ có vị trí địa lí gần với Trung Quốc. Nguồn cung lao động ở Việt Nam đang dồi dào và chi phí ước tính thấp hơn 40% so với Trung Quốc. Chính phủ Việt Nam cũng tạo ra nhiều lợi thế cho ngành công nghiệp, dưới hình thức các lợi ích về thuế và tuần làm việc kéo dài 5 ngày, nhằm nâng cao năng suất.

Phần lớn các thương hiệu toàn cầu gia công ở Việt Nam có thể được phân loại theo 2 ngành chính, đó là điện tử và thiết bị điện, chiếm khoảng 35% tổng kim ngạch xuất khẩu và dệt may chiếm khoảng 19% tổng kim ngạch xuất khẩu[174]. Năm 2019, Việt Nam là nước xuất khẩu các mặt hàng điện tử và thiết bị điện đứng thứ 12 trên thế giới và thứ 3 trong ASEAN. Để đối phó với cuộc chiến thương mại Mỹ- Trung, nhiều doanh nghiệpđã thực hiện các bước để đa dạng hóa chuỗi cung ứng của mình khỏi Trung Quốc, và một trong số các nước thay thế là Việt Nam. Một ví dụ là công ty Luxshare Precision Industry, một công ty điện tử hàng đầu của Trung Quốc chuyên sản xuất các linh kiện cho Apple. Luxshare đang trong quá trình mở rộng hoạt động tại Việt Nam với kế hoạch thành lập thêm ba nhà máy ngoài nhà máy hiện có. Việc mở rộng sẽ tạo công ăn việc làm cho 60.000 công nhân, chiếm hơn một phần ba lực lượng lao động của doanh nghiệp này tại các cơ sở ở Trung Quốc.

Đối với ngành dệt may, một số thương hiệu quần áo và trang phục thể thao quốc tế như Nike và Adidas đã có cơ sở sản xuất lớn tại Việt Nam. Stella International Holdings, nhà sản xuất giày dép và hàng da hàng đầu thế giới có trụ sở tại tỉnh Thái Bình, sử dụng hơn 7.000 lao động, có

[174] Tổng cục Thống kê Việt Nam, số liệu dựa trên tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2020

14 dây chuyền lắp ráp và 52 dây chuyền khâu, sử dụng để sản xuất ước tính khoảng 7 triệu đôi giày mỗi năm.

Bảng 18: Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu theo nhóm hàng chính năm 2020[175]

Đơn vị: đô la Mỹ, '000

Nhóm hàng hóa chính	Giá trị xuất khẩu		Giá trị nhập khẩu		Giá trị ròng
Điện tử và thiết bị điện	101.488.668,12	35,1%	87.142.074,01	32,4%	14.346.594,11
Dệt may	55.606.611,06	19,2%	21.537.752,03	8,0%	34.068.859,03
Máy móc	27.193.100,20	9,4%	37.251.414,86	13,9%	(10.058.314,66)
Thực phẩm	23.379.658,62	8,1%	12.115.748,23	4,5%	11.263.910,39
Bộ phận kim loại	16.750.879,20	5,8%	25.760.732,58	9,6%	(9.009.853,38)
Gỗ	12.371.953,44	4,3%	2.558.508,19	1,0%	9.813.445,25
Phương tiện vận chuyển	10.148.762,00	3,5%	5.962.470,23	2,2%	4.186.291,77
Nhựa & cao su	8.310.297,06	2,9%	18.013.755,76	6,7%	(9.703.458,70)
Đá & thủy tinh	4.133.916,38	1,4%	2.093.203,32	0,8%	2.040.713,06
Hóa chất	3.234.049,03	1,1%	12.365.149,53	4,6%	(9.131.100,51)
Sản phẩm nội thất	3.112.927,94	1,1%	-		3.112.927,94
Nhiên liệu	2.676.505,49	0,9%	15.935.510,34	5,9%	(13.259.004,85)
Nông sản	1.141.345,57	0,4%	5.579.595,25	2,1%	(4.438.249,68)
Khoáng sản	226.375,30	0,1%	1.892.053,80	0,7%	(1.665.678,50)
Sản phẩm y tế	-		3.707.760,09	1,4%	(3.707.760,09)
Khác	19.655.875,71	6,8%	16.863.328,83	6,3%	2.792.546,88
Tổng	**289.430.925,10**		**268.779.057,04**		**20.651.868,06**

Xét về chuỗi giá trị toàn cầu, hiện nay chủ yếu có 3 nhóm hoạt động chính, bao gồm thượng nguồn, trung nguồn và hạ nguồn. Vai trò của Việt Nam chủ yếu diễn ra ở phần trung nguồn có giá trị gia tăng thấp hơn, chẳng hạn như các cụm lắp ráp con và lắp ráp thành phẩm. Các hoạt động thượng nguồn mà Việt Nam tham gia cũng chủ yếu ở các sản phẩm có giá trị gia tăng thấp và phải đối mặt với các vấn đề về chất lượng (đặc biệt đối với ngành dệt may). Việt Nam nhập khẩu nhiều linh kiện và cụm linh kiện, trong đó linh kiện điện tử chiếm 65% kim ngạch nhập khẩu năm 2019 và nhập khẩu dệt may chiếm 89%.

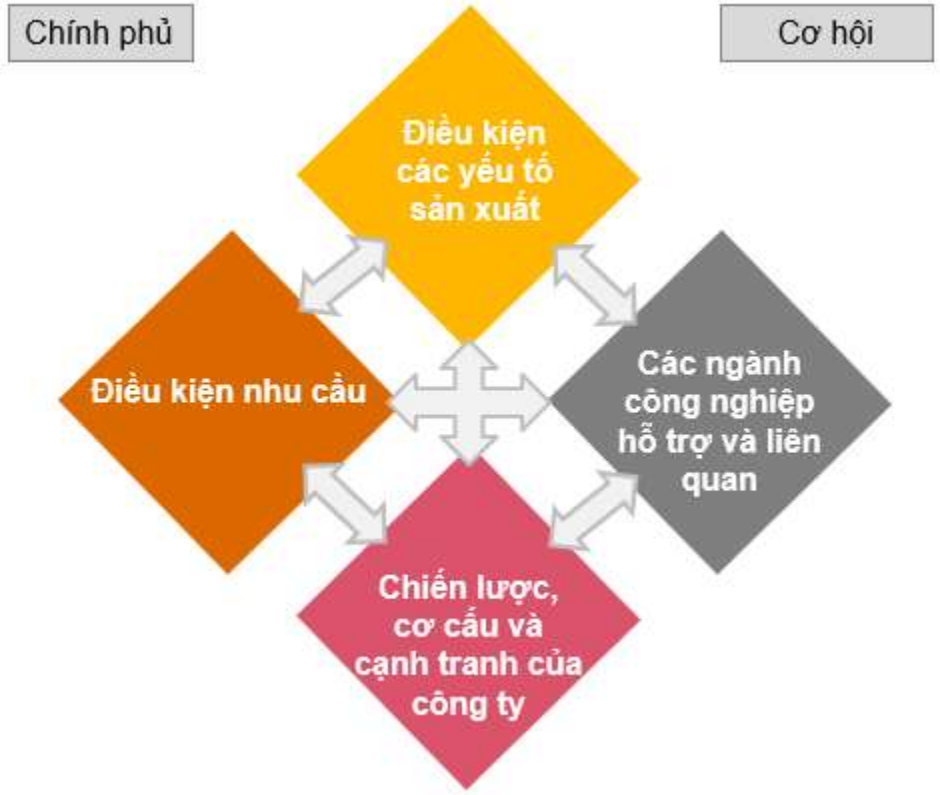
Trong thời gian gần đây, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào các khu chế xuất với quy mô lớn ở Việt Nam ngày càng tăng, điều này cho thấy Việt Nam đang được ưa chuộng trên phạm vi toàn cầu đối với lĩnh vực sản xuất và gia công xuất khẩu. Mặc dù tổng kim ngạch xuất khẩu tăng dần qua các năm, nhưng đóng góp giá trị gia tăng của nội địa cho các mặt hàng xuất khẩu vẫn còn nhỏ, chỉ chiếm khoảng 12% GDP, thấp hơn đáng kể so với mức trung bình của ASEAN là 33%[176]. Do đó, để thu được lợi ích kinh tế đầy đủ từ nguồn vốn FDI với định hướng xuất khẩu, cơ cấu giá trị gia tăng của các sản phẩm và dịch vụ của Việt Nam cần phải được cải thiện.

Những đặc điểm chính tác động đến năng lực cạnh tranh của các ngành trọng điểm ở Hưng Yên

Dựa trên Mô hình Kim cương của Porter về Năng lực cạnh tranh Quốc gia, có 6 đặc điểm của một quốc gia ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh quốc tế của các doanh nghiệp địa phương.

[175] Tổng cục thống kê Việt Nam
[176] Trung tâm Nhật Bản-ASEAN

Hình 72: Mô hình kim cương của Porter về năng lực cạnh tranh quốc gia



Điều kiện nhu cầu
Đề cập đến các loại tài nguyên khác nhau có thể có hoặc không có ở một quốc gia, chẳng hạn như tài nguyên con người, tài nguyên vật chất (khí hậu, khoáng sản, dầu mỏ), tài nguyên tri thức, tài nguyên vốn và cơ sở hạ tầng.
Điều kiện nhu cầu bao gồm các yếu tố như nhu cầu địa phương, quy mô thị trường, tăng trưởng thị trường và mức độ tinh vi. Những đặc điểm này có thể đóng một vai trò trong việc khuyến khích cạnh tranh trong thị trường. Khi tính cạnh tranh giữa các doanh nghiệp càng cao, nó cũng có khả năng thúc đẩy sự đổi mới sáng tạo.
Thông thường, nhu cầu trong nước sẽ định hình loại sản phẩm cung cấp và sau đó được điều chỉnh để phù hợp với nhu cầu quốc tế.

Chiến lược, cơ cấu và sự cạnh tranh của các doanh nghiệp
Liên quan đến các doanh nghiệp và mức độ cạnh tranh của họ trên thị trường nội địa. Mức độ cạnh tranh càng lớn thì xu hướng phát triển và đưa ra các sản phẩm cạnh tranh của doanh nghiệp càng cao.

Các ngành công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp liên quan và chính phủ

Các ngành công nghiệp hỗ trợ và liên quan tạo ra đầu vào góp phần tạo ra sản phẩm cuối cùng. Mức độ thành công trong một ngành liên quan trực tiếp đến sự hiện diện của các nhà cung cấp và các ngành liên quan trong khoảng cách địa lý gần nhau.

Sự tham gia của chính phủ có thể đóng một vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Các chính sách có thể khuyến khích hoặc ngăn cản đầu tư trực tiếp nước ngoài, thúc đẩy sự phát triển các ngành trọng tâm cụ thể, khuyến khích cạnh tranh, ảnh hưởng đến điều kiện cung và cầu, và giúp đỡ hoặc cản trở thương mại quốc tế.

Cơ hội
Cơ hội đề cập đến các sự kiện ngẫu nhiên nằm ngoài tầm kiểm soát của doanh nghiệp hoặc của ngành mà kết quả may rủi có thể mang lại lợi thế cho công ty này/ngành này và bất lợi cho doanh nghiệp khác/ ngành khác. Một ví dụ về sự kiện may rủi là sự bùng phát gần đây của đại dịch COVID-19.

Phần sau đây thảo luận về 11 ngành công nghiệp trọng tâm được xác định liên quan đến Mô hình Kim cương của Porter về Năng lực cạnh tranh Quốc gia.

6.1. Nông nghiệp

GRDP ngành nông nghiệp tăng trưởng bình quân 2,37% / năm giai đoạn 2011-2020. Năm 2020, sản xuất rau và cây trồng chiếm tỷ trọng 15,5% và 26,5% trong tổng sản phẩm nông nghiệp, trong khi đó, chăn nuôi và thủy sản chiếm 58%. trong tổng sản lượng nông nghiệp. Ngành nông nghiệp đang hướng tới sản xuất hiệu quả, an toàn, và bền vững với 2.188,06 ha đất được phát triển sản xuất rau, quả đạt tiêu chuẩn VietGAP và 83 mô hình chuỗi sản phẩm được xây dựng để sản xuất rau, quả, thịt, cá an toàn. Thu nhập bình quân trên 1 ha đất canh tác đạt 210 triệu đồng, cao hơn 60 triệu đồng so với năm 2015.

6.1.1. Điều kiện các yếu tố sản xuất và nhu cầu

Định hướng chiến lược của Hưng Yên là ưu tiên phát triển công nghiệp và đô thị, diện tích đất nông nghiệp đã giảm dần, từ 60.524,95 ha năm 2016 xuống còn 58.876,90 ha, bằng 63,3% tổng diện tích đất hiện có vào năm 2020[177]. Số trang trại ở Hưng Yên cũng giảm từ 901 xuống 751 trang trại trong cùng thời kỳ, với 704 trang trại chăn nuôi vào năm 2020.

Tổng số nhân lực trong ngành nông nghiệp là 199.410 người. Vốn trên một lao động[178] tăng từ 796,16 triệu đồng lên 1.089,76 triệu đồng từ năm 2015 đến năm 2019. Tuy nhiên, lực lượng lao động có kỹ năng giảm từ 94.294 lao động (chiếm 13,3% lực lượng lao động) từ năm 2016 xuống 47.804 lao động (chiếm 6,77% lực lượng lao động) vào năm 2020. Việc tăng cường sử dụng cơ giới hóa trong lĩnh vực nông nghiệp được thể hiện qua việc sử dụng điện tăng trong cùng thời kỳ với mức tiêu thụ điện tăng từ 32,3 triệu kWh năm 2015 lên 58,5 triệu kWh năm 2019.

Cơ sở hạ tầng trọng điểm như hệ thống kênh nội đồng của Hưng Yên có tổng chiều dài hơn 6.289 km, trong đó 93,5 km dọc theo sông trục của hệ thống Bắc Hưng Hải, 1.195 km theo kênh trục liên huyện, tưới tiêu chính, và kênh mương và 5.000 km dọc kênh thủy lợi. Trong giai đoạn

[177] Tất cả các số liệu được sử dụng trong phần 6.2 đều lấy từ Niên giám thống kê tỉnh Hưng Yên 2020 trừ khi được trích dẫn từ nguồn khác
[178] Tải sản cố định bình quân trên một lao động của doanh nghiệp

2016 - 2020, tổng chi phí đầu tư xây dựng hệ thống đê điều và thủy lợi lần lượt là 1.000 tỷ đồng và 3.000 tỷ đồng[179].

Trồng lúa

Diện tích gieo trồng lúa năm 2020 giảm 23.205 ha so với năm 2010, tương ứng giảm bình quân thời kỳ 2011-2020 là 3,27%/ năm. Các địa phương có diện tích trồng lúa lớn của tỉnh là các huyện Ân Thi, Kim Động, Tiên Lữ, Phù Cừ, Mỹ Hào, Yên Mỹ.

Hiệu quả sản xuất lúa[180] tương đối ổn định, chỉ tăng nhẹ từ 61,68 tạ/ ha lên 62,90 tạ/ ha trong giai đoạn 2016 - 2020. Năng suất lúa bình quân của Hưng Yên tương đối ổn định qua các năm, cao hơn nhiều so với trung bình của vùng Đồng bằng sông Hồng và cả nước vì 100% diện tích được gieo trồng giống lúa đạt tiêu chuẩn.

Đến tháng 7/2021, lúa chiêm xuân thu hoạch xong, năng suất đạt 67,82 tạ/ ha, tăng 0,27 tạ/ ha (tương đương 0,38%) so với cùng kỳ. Tập trung gieo cấy lúa hè thu đảm bảo hoàn thành kế hoạch gieo cấy, đúng thời vụ với diện tích gieo cấy trên 27.800 ha (đến ngày 15/7/2021)[181].

Trái cây

Nhãn là cây ăn quả đặc sản truyền thống và là cây trồng chủ lực của Hưng Yên, chiếm 32,8% (4.710 ha) diện tích trồng cây ăn quả. Diện tích trồng nhãn tập trung chủ yếu ở 125 vùng sản xuất tập trung với quy mô từ 5 ha / vùng trở lên tại các địa phương: Thành phố Hưng Yên (1.034 ha), huyện Khoái Châu (1.651 ha), Tiên Lữ (515 ha).), Phù Cừ (390 ha) và Ân Thi (447 ha).
Sản lượng nhãn ở Hưng Yên tăng 27,76% từ 36.169 tấn năm 2016 lên 46.207 tấn năm 2020, sản lượng vải thiều Hưng Yên tăng 143,45% từ 5.703 tấn năm 2016 lên 13.884 tấn năm 2020.

Vải thiều là loại trái cây khác được Hưng Yên chú trọng. Có hai loại vải chính được trồng là vải thiều lai và vải thiều trứng. Diện tích vải thiều năm 2020 đạt 1.092 ha, tăng hơn gấp đôi so với năm 2010. Vải thiều Hưng Yên được trồng chủ yếu ở các xã phía nam của huyện Phù Cừ còn vải trứng tập trung chủ yếu ở huyện Phù Cừ, Huyện Ân Thi. Các giống vải thiều khác như vải thiều Hải Dương, vải thiều lai chiếm 5% tổng diện tích trồng vải và được trồng rải rác ở các huyện Tiên Lữ, Kim Động và Yên Mỹ.

Hưng Yên đã tập trung vào các loại cây ăn quả như cam, bưởi. Đất được sử dụng ở Hưng Yên để trồng cam đã tăng từ 1.522 ha vào năm 2016 lên 2.084 vào năm 2020. Huyện Kim Động đã vượt qua huyện Khoái Châu để trở thành nhà sản xuất cam lớn nhất Hưng Yên. Đất trồng cam ở Hưng Yên đã tăng từ 1.522 ha năm 2016 lên 2.084 ha năm 2020. Tổng sản lượng cam cũng tăng từ 26.161 tấn lên 35.529 tấn trong cùng kỳ. Sản lượng bưởi ở Hưng Yên tăng 163,92% từ 9.203 tấn năm 2016 lên 24.289 tấn năm 2020, trong đó 1.816 ha đất đã được giao để trồng bưởi vào năm 2020.

Các loại cây dược liệu

Các sản phẩm dược liệu chính là nghệ, bạch chỉ, cây địa liền, bạc hà, nhân sâm, hoa cúc và gừng. Đây là những loại cây phù hợp với thổ nhưỡng ở các huyện Văn Giang, Khoái Châu, Văn

[179] Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
[180] Được đo bằng năng suất cây trồng
[181] Báo cáo 110/BC-UBND ngày 30/07/2021 của UBND tỉnh Hưng Yên về công tác tháng 7/2021

Lâm nên bà con đã chuyển đổi 816,8 ha cây trồng hiệu quả kinh tế thấp sang trồng dược liệu. Thu nhập bình quân từ cây dược liệu khoảng 300 đến 400 triệu đồng /ha mỗi năm.

Hoa và cây cảnh

Hoa và cây cảnh phát triển mạnh mẽ trong những năm gần đây nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường. Tuy nhiên, diện tích đất trồng các loại cây này đã giảm dần trong giai đoạn 2011 - 2020. 982 ha đất ở Hưng Yên được sử dụng để trồng các loại hoa này, tập trung chủ yếu ở các huyện Văn Giang, Văn Lâm, Khoái Châu. Một số loại hoa phổ biến trên thị trường là hoa hồng, hoa cúc, hoa đồng tiền, hoa hồng ngoại, hoa hồng cổ và hoa lan.

Mô hình trồng hoa kiểng cho thu nhập cao nhất trong các mô hình sản xuất, bình quân từ 800 triệu đến 1 tỷ đồng / ha. Một số mô hình ở Xuân Quan và Phụng Công cho thu nhập từ 1,5 đến 3 tỷ đồng /ha.

Nuôi trồng thủy sản

Nuôi trồng thủy sản tập trung trong ao, lồng bè trên sông nên tăng nhanh về quy mô, số lượng và năng suất từ năm 2010 đến năm 2020. Đến năm 2020, diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 5.748 ha, tăng 1.327 ha so với năm 2010. Nguyên nhân là do các địa phương đã tập trung chuyển đổi diện tích đất sản xuất nông nghiệp kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản cùng với việc áp dụng phương thức nuôi cá trong ao, lồng bè bán nổi trên sông Hồng và sông Luộc. Có 52,6ha, (101 lồng cá) đạt tiêu chuẩn VietGAP.

Từ năm 2016, sản lượng nuôi trồng thủy sản tăng 31,5% lên 48.400 tấn vào năm 2020. Để đáp ứng nhu cầu thị trường và giảm thiểu rủi ro, phương thức nuôi đang chuyển dần từ chăn nuôi nông hộ nhỏ lẻ sang nuôi hợp tác và nuôi kinh doanh cũng như từ nuôi quảng canh sang thâm canh.

Ngoài ra, các công nghệ mới đang được phát triển để nuôi cá sông trong ao nước tĩnh, nuôi cá trong ao bán nổi và nuôi lồng sông với các loài có giá trị kinh tế cao như cá chép lai V1, cá bơn và cá diêu hồng.

Gia súc

Phát triển chăn nuôi theo hướng đẩy mạnh chăn nuôi trang trại, gia trại gắn với VietGAHP,[182].việc xây dựng 4 vùng GAHP đã giảm nhu cầu chăn nuôi nông hộ. Cả 4 vùng có tổng diện tích 91,98 ha, gồm 1.000 thành viên và 2.750 đàn ong theo tiêu chuẩn VietGAHP cho chăn nuôi.

Tổng đàn lợn năm 2020 đạt 455,5 nghìn con (giảm 27,2% so với năm 2016), tỷ lệ lợn nạc đạt 100%. Các giống lợn chủ yếu được nuôi là Landrace, Yorkshire, Pi-Du và Duroc. Tuổi thọ của đàn lợn xuất chuồng tăng 2,84% hàng năm từ năm 2011 đến năm 2018. Lượng lợn hơi xuất chuồng đạt 95.000 tấn (giảm 14,37% so với năm 2016). Huyện Phù Cừ có mô hình chăn nuôi lợn tập trung đạt tiêu chuẩn VietGAP, chất lượng thịt đạt an toàn vệ sinh thực phẩm. Đàn lợn 5.000 con với sản lượng thịt hơi xuất chuồng khoảng 500 tấn.

[182] Quy trình Thực hành Chăn nuôi Tốt của Việt Nam

Đàn trâu, bò có 35.865 con (giảm 9,5% so với năm 2016), sản lượng đạt 3.895 tấn (tăng 24,6% so với năm 2016). Thực hiện tốt công tác cải tạo giống, phòng chống dịch bệnh, sản lượng thịt hơi xuất chuồng tăng bình quân hàng năm 3,64% trong giai đoạn 2011-2020.

Tổng đàn gia cầm đạt 10 triệu con, sản lượng 38.000 tấn, trong đó 90% là gà lông màu. Số lượng gà Đông Tảo và Đông Tảo lai, giống gà bản địa của Hưng Yên, đạt từ 35% đến 40% tổng đàn gà.

Đã hình thành một số mô hình liên kết sản xuất - tiêu thụ giữa doanh nghiệp và hộ chăn nuôi, bước đầu ổn định tiêu thụ, nâng cao thu nhập cho nông dân. Công tác phòng, chống dịch bệnh vật nuôi được thực hiện 'thường xuyên, đồng bộ, kịp thời'. Hưng Yên là một trong những tỉnh có tỷ lệ tiêm chủng cao nhất với tỷ lệ tiêm chủng hàng năm bình quân đạt ít nhất 80%. Về vệ sinh, đã phun 164 nghìn lít hóa chất khử trùng cho hơn 201,4 triệu m2 chuồng trại và khu vực chăn nuôi.

6.1.2. Chiến lược, cơ cấu và sự cạnh tranh của các doanh nghiệp

Bảng 19: Số lượng doanh nghiệp đăng ký và số lao động trong ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên, 2014 - 2018

Danh mục	2014	2015	2016	2017	2018
Số doanh nghiệp đăng ký	40	36	27	44	72
Số lao động	1.380	1.208	1.087	1.513	1.629

Tính đến năm 2018, tại Hưng Yên, có 72 doanh nghiệp đăng ký trong ngành nông nghiệp, sử dụng 1.620 lao động[183]. Nông nghiệp ở Hưng Yên chủ yếu được tiến hành bởi các hộ nông dân nhỏ, sử dụng hầu hết là lao động chân tay. Rất ít doanh nghiệp nhận được các khoản đầu tư quy mô lớn từ các doanh nghiệp nước ngoài.

Việc áp dụng công nghệ trong nông nghiệp nhìn chung còn thấp, chủ yếu là do thiếu khả năng tiếp cận nguồn tài chính và thiếu kiến thức kỹ thuật để vận hành máy móc công nghệ cao. Một số doanh nghiệp trong nước đã hợp tác với các doanh nghiệp và tổ chức nước ngoài, và đã thu lợi thành công dưới hình thức chuyển giao công nghệ, đầu tư, đào tạo và phát triển sản phẩm lẫn nhau. Tuy nhiên, các doanh nghiệp địa phương này chủ yếu là các doanh nghiệp lớn trong lĩnh vực nông trại hoặc các tập đoàn có khả năng tìm kiếm và thu hút các mối quan hệ đối tác nêu trên. Tuy vậy, tiềm năng của các hộ nông dân nhỏ hơn trong việc áp dụng công nghệ vẫn có thể được nâng cao, thông qua việc sử dụng điện thoại thông minh và kết nối internet, cùng với các thiết bị đã có trong trang trại.

Xu hướng nông nghiệp thông minh sử dụng các công nghệ như Internet vạn vật, canh tác thông minh, di truyền và nhân giống, và quản lý kiểm soát dịch hại ngày càng tăng. Do đó, các doanh nghiệp nông nghiệp trong nước muốn chuyển đổi trang trại của mình sang trang trại công nghệ cao hoặc tìm kiếm công nghệ mới để nâng cao năng lực hiện tại, sẽ có khả năng thu hút được các đối tác doanh nghiệp nước ngoài.

[183] Niên giám thống kê tỉnh Hưng Yên năm 2020

6.1.3. Các ngành công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp liên quan

Một số ngành công nghiệp hỗ trợ trong nông nghiệp, cụ thể là các nhà cung cấp trang thiết bị, máy móc và công cụ, các nhà cung cấp phân bón, cây trồng và thức ăn chăn nuôi, cơ khí, tiếp thị (bao gồm người mua và cơ sở đóng gói), cơ sở nghiên cứu (nghiên cứu các phương pháp điều trị dịch bệnh thực vật, thực hiện các xét nghiệm để xác định bệnh và cung cấp các tiêu chuẩn chứng nhận; đối với vật nuôi, sẽ bao gồm các cơ sở nghiên cứu về dinh dưỡng thức ăn và di truyền, bác sĩ thú y) và nhà cung cấp dịch vụ logistics(để vận chuyển cây trồng và vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, phân bón, vv). Trong khi đó, các ngành liên quan có thể sẽ xuất hiện từ bất kỳ quy trình nào của quá trình sản xuất hoặc quá trình được thuê ngoài.
Ngành ngân hàng và bảo hiểm cũng là một ngành hỗ trợ quan trọng cho ngành nông nghiệp. Tiếp cận tài chính và bảo hiểm là cần thiết để đảm bảo các hoạt động hàng ngày và bảo vệ tài sản nông nghiệp[184].

Từ năm 2016 đến năm 2020, chính phủ đã chuyển đổi 9.700 ha đất trồng lúa kém hiệu quả sang sản xuất cây hàng năm, vật nuôi và nông nghiệp. Điều này đã làm tăng hiệu quả và sản lượng của nông nghiệp nói chung.

Theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg năm 2013[185], Chính phủ đã quy định tăng cường cho các doanh nghiệp vay vốn nhằm tăng cường cơ giới hóa ngành nông nghiệp với tổng cộng 108 tỷ đồng. Các khoản cho vay dành cho máy móc sản xuất để tiến hành các hoạt động như xới đất, san phẳng đồng ruộng, trồng trọt và thu hoạch. Ngoài ra, thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ngân sách tỉnh đã hỗ trợ các tổ chức, hộ nông dân cá thể mua máy móc sản xuất trị giá 8,1 tỷ đồng.

Để tăng cường tổ chức sản xuất, khuyến khích hợp tác trong tỉnh và giữa các doanh nghiệp, tỉnh đã đặt trọng tâm vào phát triển các hợp tác xã nông nghiệp. Đến cuối năm 2020, Hưng Yên đã đăng ký thành công 318 hợp tác xã nông nghiệp, trong khi năm 2016 là 173 hợp tác xã. Ngoài ra, có 136 tổ hợp tác nông nghiệp đã xác nhận hợp đồng liên kết (tăng 136 tổ so với năm 2016) và giới thiệu 714 mô hình kinh tế trang trại (trong đó 160 mô hình là sản xuất quy mô lớn).

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã đặc biệt quan tâm đến công tác đào tạo nghề, tổ chức trên 100 lớp với hơn 3.500 cá nhân tham gia nhằm giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động và giảm nghèo. Ngoài ra, hàng năm, Sở còn tổ chức các lớp tập huấn về khoa học công nghệ và tiến bộ kỹ thuật mới trong nuôi trồng, bao phủ cây xanh, chăm sóc và nuôi trồng thủy sản cho khoảng 15.000 lượt người tham gia.

6.2. Ngành công nghiệp

Sản xuất công nghiệp duy trì tốc độ tăng trưởng cao và là động lực chính thúc đẩy kinh tế của tỉnh phát triển. Năm 2021, hoạt động công nghiệp chiếm 61,31% GRDP của tỉnh, tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2011-2020 là 9,61%/năm. Căn cứ vào ngành nghề tập trung, số cơ sở công nghiệp[186] tăng từ 8.178 cơ sở lên 10.252 cơ sở từ năm 2016 đến năm 2020. Hầu hết các doanh nghiệp thuộc sở hữu của khu vực tư nhân (kể cả đầu tư nước ngoài). Cho đến năm 2019, chỉ còn 4 cơ sở quốc doanh, đến năm 2020 giảm xuống 3 cơ sở quốc doanh.

[184] Báo cáo các điểm nổi bật về các ngành công nghiệp hỗ trợ cho nông nghiệp, tháng 7 năm 2016
[185] Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp
[186] Thuật ngữ sử dụng trong Niên giám thống kê tỉnh Hưng Yên dành cho doanh nghiệp

Số lượng công nhân trong lĩnh vực công nghiệp của Hưng Yên tăng từ 142.718 năm 2016 lên 160.274 vào năm 2020. Vốn trên mỗi lao động[187]tăng nhẹ từ 520,56 triệu đồng lên 559,65 triệu đồng từ năm 2015 đến năm 2019[188].

6.2.1. Ngành ô tô

6.2.1.1. Điều kiện các yếu tố sản xuất

Tổng giá trị sản xuất của ngành công nghiệp ô tô tăng từ 15.175,8 tỷ đồng năm 2015 lên 19.480,5 tỷ đồng năm 2018. Trong giai đoạn này, một số sản lượng chủ yếu trong năm được báo cáo như sau: sản xuất động cơ và chi tiết ô tô tăng từ 448.193 chiếc lên 557.349 miếng; sản xuất khung thân và cửa ô tô tăng từ 630 cái lên 1.889 cái và linh kiện nhựa và cao su cho ô tô tăng từ 23.375 tấn lên 67.942 tấn[189]. Giai đoạn 2016-2020, lực lượng lao động trong ngành tăng từ 11.601 lên 12.835 lao động.

6.2.1.2. Chiến lược, cơ cấu và cạnh tranh của các doanh nghiệp

Số lượng doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ô tô tại Hưng Yên tăng từ 81 lên 97 doanh nghiệp từ năm 2016 đến năm 2020. Tính đến nay, có 21 dự án sản xuất, và lắp ráp ô tô.

Cơ cấu sản xuất của ngành công nghiệp ô tô phụ thuộc nhiều vào chuỗi giá trị toàn cầu, có nghĩa là, khi sản xuất một bộ phận nào đó bị ảnh hưởng ở một quốc gia, nó có xu hướng ảnh hưởng đến toàn bộ quá trình sản xuất. Tại Việt Nam, hầu hết các linh kiện được nhập khẩu từ Trung Quốc và Hàn Quốc chủ yếu do yêu cầu kỹ thuật nghiêm ngặt của các hãng xe đa quốc gia. Năm 2019, Việt Nam nhập khẩu linh kiện ô tô trị giá 4 tỷ USD, trong đó 29% là từ Hàn Quốc và 18% là từ Trung Quốc. Do đó, tỷ lệ nội địa hóa ô tô chở người (dưới chín chỗ) của Việt Nam không thể tăng vượt 7-10%, thấp hơn đáng kể so với mục tiêu 35-45% của ngành xe hơi 20 năm trước. Trong khi đó, tỷ lệ nội địa hóa xe du lịch từ 10 chỗ trở lên là 55%, đáp ứng khoảng 70% nhu cầu trong nước.

6.2.1.3. Các ngành công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp liên quan

Tại Hưng Yên, các doanh nghiệp hỗ trợ sản xuất, lắp ráp ô tô gồm Công ty TNHH Dây điện ô tô Sumiden Việt Nam sản xuất dây cáp điện có công suất gần 100.000 tấn một năm, Công ty TNHH Kosaka Việt Nam sản xuất trục động cơ cho xe tải công nghiệp, công suất 49.000 sản phẩm một năm, và Công ty TNHH Hamaden Việt Nam chuyên sản xuất phụ tùng và linh kiện ô tô có năng lực sản xuất hơn 6.000 tấn sản phẩm / năm. Ngành công nghiệp chủ yếu gồm các doanh nghiệp nước ngoài đến từ Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan, sự tham gia trong nước còn hạn chế.[190]

Hiện chỉ có một số nhà cung cấp trong nước tham gia được vào chuỗi cung ứng của các nhà sản xuất, lắp ráp ô tô tại Việt Nam. Phụ tùng ô tô sản xuất tại Việt Nam chủ yếu là phụ tùng sử dụng nhiều lao động, sử dụng công nghệ đơn giản như ghế, kính, lốp, bánh xe.

[187] Tài sản cố định bình quân trên một lao động của doanh nghiệp
[188] Niên giám thống kê Hưng Yên 2020
[189] Niên giám thống kê Hưng Yên 2020
[190] Tin tức Kinh tế Việt Nam, Tỉnh Hưng Yên tìm kiếm nhà đầu tư cho lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ, ngày 31 tháng 7 năm 2021

Có 20 dự án điện tử và 18 dự án cơ khí trong tổng số 193 dự án công nghiệp hỗ trợ tại Hưng Yên.

Chính quyền tỉnh Hưng Yên đã và đang thu hút các dự án cơ điện, cơ điện tử tham gia vào chuỗi sản xuất phục vụ ngành công nghiệp ô tô, cụ thể là sản xuất linh kiện, phụ tùng. Chính phủ đang tích cực đẩy mạnh các chương trình xúc tiến đầu tư nước ngoài cho ngành công nghiệp ô tô. Đến năm 2030, Hưng Yên đặt mục tiêu tiếp tục thu hút đầu tư vào lĩnh vực sản xuất sản phẩm, phụ tùng, thiết bị phục vụ ngành công nghiệp ô tô phát triển và linh kiện chính xác chất lượng cao.

Chính phủ có kế hoạch tăng tỷ lệ nội địa hóa để các doanh nghiệp trong nước có khả năng cung cấp cho các doanh nghiệp lắp ráp ô tô và tập trung vào thiết kế và sản xuất các linh kiện và cụm lắp ráp cao cấp, phức tạp nhằm hướng tới thị trường xuất khẩu[191].

6.2.1.4. Cơ hội

Đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng đáng kể đến ngành công nghiệp ô tô, chủ yếu là do cú sốc chuỗi cung ứng toàn cầu từ việc ngừng sản xuất. Hàng trăm nhà sản xuất linh kiện lớn đã ngừng sản xuất tại Trung Quốc, chẳng hạn như Robert Bosch GmbH, nhà sản xuất linh kiện xe hơi lớn nhất thế giới, Honda Motor và Nissan Motor. Các nhà sản xuất khác có cơ sở sản xuất ở các quốc gia khác ngoài Trung Quốc nhưng vẫn phụ thuộc vào nguyên liệu đầu vào từ Trung Quốc, cũng bị ảnh hưởng sản xuất.

6.2.2. Ngành điện và điện tử

6.2.2.1. Điều kiện các yếu tố sản xuất và nhu cầu

Hưng Yên ngày càng đóng vai trò tích cực trong chuỗi giá trị điện tử[192]. ngành công nghiệp thiết bị điện và điện tử tăng trưởng với tốc độ hàng năm lần lượt là 2,2% và 8,3% từ năm 2011 đến 2015 và 2015 đến 2018. Tổng giá trị sản xuất trong ngành điện và điện tử tăng từ 6.095,7 tỷ đồng năm 2011 lên 11.554,2 tỷ đồng năm 2018[193]. Sản lượng chính của các doanh nghiệp sản xuất điện và điện tử tại Hưng Yên là tủ lạnh và tủ đông, với sản lượng tăng từ 106.214 chiếc lên 128.000 chiếc từ năm 2016 đến 2020. Trong giai đoạn 2016 - 2020, lực lượng lao động trong ngành tăng từ 15.426 lên 21.978 lao động.

6.2.2.2. Chiến lược, cơ cấu và cạnh tranh của các doanh nghiệp

Số lượng doanh nghiệp tăng từ 79 lên 120 doanh nghiệp từ năm 2016 đến năm 2020. Các cơ sở sản xuất điện tăng nhiều nhất với 24 cơ sở trong 5 năm[194].

Ngành công nghiệp điện tử ở Việt Nam chủ yếu do các doanh nghiệp nước ngoài, đặc biệt là các công ty đa quốc gia chi phối. Mặc dù số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chỉ chiếm 1/3, nhưng từ năm 2016 đến 2019, tỷ trọng xuất khẩu của các doanh nghiệp này chiếm hơn 90% tổng kim ngạch xuất khẩu và hỗ trợ 80% nhu cầu thị trường trong nước. Trong khi đó, đầu tư trong nước vào ngành còn hạn chế.

---

[191] Sở Công thương
[192] Ngân hàng Thế giới, Việt Nam: Kết nối chuỗi giá trị để nâng cao năng lực cạnh tranh thương mại, tháng 12 năm 2019
[193] Đề án phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Hưng Yên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030
[194] Niên giám thống kê Hưng Yên, 2020

Cơ cấu sản phẩm chủ yếu tập trung vào sản xuất các sản phẩm điện tử gia dụng thay vì các sản phẩm điện tử chuyên dụng để thay thế công nghệ cũ.

Hưng Yên là địa điểm đầu tiên mà LG Electronics bắt đầu hoạt động sản xuất vào năm 1995. Vào tháng 3 năm 2015, LG đã đưa vào hoạt động một nhà máy công nghệ cao để sản xuất nhiều loại sản phẩm tại Hải Phòng. Cơ sở được coi là lớn nhất Việt Nam với diện tích 800.000m2 và công suất sản xuất 16 triệu sản phẩm/năm (bao gồm tivi, điện thoại di động, máy giặt, điều hòa không khí, máy hút bụi và các thiết bị kỹ thuật số dành cho ô tô), đóng vai trò then chốt trong chiến lược phát triển của LG trên toàn cầu. Do khoảng ~ 80%[195] sản lượng của LG tại Việt Nam chủ yếu hướng tới xuất khẩu nên công ty đã chuyển địa điểm sản xuất từ nhà máy cũ ở Hưng Yên về Hải Phòng. Vào năm 2020, LG đang xem xét xây dựng một trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) mới tại Việt Nam, đồng thời mở rộng cơ sở hiện có của mình tại Hải Phòng.

6.2.2.3. Các ngành công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp liên quan và chính phủ

Tỷ lệ nội địa hóa của các ngành điện tử cụ thể như sau: điện tử gia dụng - sản xuất trong nước là 30 - 35% nhu cầu linh kiện; linh kiện điện tử cho ô tô - xe máy - sản xuất trong nước là 40%, chủ yếu là cho sản xuất xe máy; tin học viễn thông là 15%, trong đó công nghiệp điện tử và công nghệ cao ở mức 5%. Hiệp hội Công nghiệp hỗ trợ Việt Nam (VASI) nhận định một số nguyên nhân dẫn đến sự kém phát triển của ngành công nghiệp hỗ trợ, đặc biệt trong ngành điện tử, bao gồm nguyên nhân: từ phía nguồn cung, do số lượng doanh nghiệp ít, khả năng chưa đáp ứng được nhu cầu của khách hàng và cạnh tranh quốc tế gay gắt, chủ yếu từ các doanh nghiệp Trung Quốc. Về phía thị trường, do quy mô thị trường nội địa nhỏ, ít người mua chính trong thị trường, trong khi thị trường xuất khẩu gặp phải sự cạnh tranh gay gắt về giá.

Về chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp hỗ trợ của Chính phủ, hiệu quả của việc thực hiện các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, thủ tục hành chính và kinh doanh, cũng như nguồn nhân lực công nghiệp có tay nghề cao cần được cải thiện.

Chính quyền tỉnh Hưng Yên đã và đang thu hút các doanh nghiệp nước ngoài tham gia vào chuỗi sản xuất phục vụ ngành điện và điện tử. Chính quyền tỉnh mới đây đã cho phép công ty Simon Electric của Tây Ban Nha đặt trụ sở tại Khu công nghiệp Yên Mỹ 2. Với việc xây dựng dự kiến hoàn thành vào tháng 12 năm 2021, nhà sản xuất sẽ tập trung vào sản xuất các sản phẩm điện, đặc biệt là đèn LED, để xuất khẩu sang thị trường châu Âu[196]. Điều này cũng phù hợp với định hướng của Chính phủ đang tích cực đẩy mạnh các chương trình xúc tiến đầu tư nước ngoài cho ngành điện và điện tử.

6.2.2.4. Cơ hội

Với cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung và chi phí sản xuất ngày càng tăng ở Trung Quốc, Việt Nam đã gặt hái được nhiều lợi ích và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu trong ngành điện và điện tử. Nhu cầu về các sản phẩm điện tử cũng gia tăng đáng kể do nhu cầu sử dụng thiết bị điện tử viễn thông để phục vụ công việc, giáo dục và giải trí trong thời kỳ đại dịch, bao gồm điện thoại thông minh, tivi, máy tính bảng điện tử và máy tính xách tay.

[195] Fitch Solutions, Báo cáo Điện tử Tiêu dùng Việt Nam Q1 2021.
[196] CBC, Simon Electric đã đến Hưng Yên, Việt Nam, ngày 28 tháng 6 năm 2021

6.2.3. Ngành sản xuất thiết bị y tế và dược phẩm

6.2.3.1. Điều kiện các yếu tố sản xuất và nhu cầu

Lực lượng lao động trong ngành này tương đối nhỏ nhưng vẫn tăng từ 1.599 lên 1.725 lao động từ năm 2016 đến năm 2020. Kể từ năm 2017, ít nhất 130 lao động ở Hưng Yên làm việc tại Traphaco, một trong những nhà sản xuất dược phẩm hiện đại nhất Việt Nam.[197]

6.2.3.2. Chiến lược, cơ cấu và cạnh tranh của các doanh nghiệp

Tính đến tháng 5 năm 2019, Việt Nam có khoảng 180 doanh nghiệp sản xuất dược phẩm và 224 cơ sở sản xuất trong nước đạt tiêu chuẩn GMP (thực hành sản xuất tốt)[198]. Các doanh nghiệp trong nước chủ yếu sản xuất thực phẩm chức năng và thuốc generic (không phải cấp phép). Tại Hưng Yên, từ năm 2016 đến năm 2020, số lượng doanh nghiệp tăng từ 66 lên 68 doanh nghiệp[199]. Trong số 7 công ty dược lớn nhất Việt Nam, 4 trong số đó nằm ở Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, cụ thể ở các tỉnh Hà Nội, Nam Định và Hải Dương[200].

6.2.3.3. Các ngành công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp liên quan và chính phủ

Mặc dù ngành công nghiệp dược phẩm của Việt Nam đã trải qua sự phát triển nhanh chóng trong thời gian gần đây, năng lực sản xuất chỉ có thể đáp ứng 53% nhu cầu trong nước. Trong năm 2018, Việt Nam đã chi khoảng 2,8 tỷ USD cho nhập khẩu dược phẩm và tiếp tục tăng thêm 10% vào năm 2019. Sự phụ thuộc của Việt Nam vào nguyên liệu dược nhập khẩu chủ yếu từ Trung Quốc, chiếm hơn 60% nhu cầu.

Chính quyền địa phương đầu tư rất nhiều vào việc mua sắm các thiết bị y tế cho các trung tâm y tế khu vực công. Đến năm 2025, chính quyền địa phương sẽ đầu tư 120.000 triệu đồng để mua sắm các trang thiết bị y tế chuyên dụng cho các trung tâm y tế huyện[201].

6.2.3.4. Cơ hội

Ngành dược phẩm có thể chịu hai mối đe dọa lớn. Thứ nhất, sự gia tăng của thị trường sản xuất thuốc generic sẽ gây ra những mối đe dọa cạnh tranh đối với các doanh nghiệp sản xuất địa phương. Thị trường dược phẩm ở Việt Nam chủ yếu được thúc đẩy bởi thuốc generic. Thị trường bao gồm các công ty dược phẩm địa phương và một số doanh nghiệp nước ngoài quy mô vừa và nhỏ, chủ yếu đến từ Ấn Độ, Hàn Quốc và Trung Quốc. Thị trường thuốc generic ở Việt Nam rất cạnh tranh, và việc thâm nhập thị trường sớm có thể giúp khẳng định thương hiệu thuốc và được khách hàng đón nhận nhiều hơn. Để tồn tại và thu hút nhiều khách hàng hơn, các doanh nghiệp phải sử dụng các chiến thuật quảng cáo và tạo sự khác biệt bằng cách phát triển các loại thuốc mới.

Bên cạnh đó, tình trạng buôn bán thuốc giả đang diễn ra sôi nổi ở Việt Nam. Phần lớn doanh số bán thuốc ở Việt Nam được thực hiện thông qua các đại lý tư nhân chứ không phải thông qua các nhà thuốc được quản lý. Ngoài ra, biên giới với các nước Lào, Trung Quốc và Campuchia từ

[197] Cổng TTĐT Hưng Yên, Traphaco khánh thành nhà máy sản xuất dược phẩm hiện đại nhất Việt Nam tại Hưng Yên, tháng 11/2017
[198] Cục quản lý dược
[199] Niên giám thống kê Hưng Yên, 2020
[200] Vietnam Credit, Top 7 công ty dược lớn nhất Việt Nam
[201] Báo cáo của Sở Y tế, tháng 6 năm 2021

lâu vốn đã lỏng lẻo, dẫn đến hoạt động buôn bán thuốc giả hiện nay đang diễn ra vô cùng mạnh mẽ[202].

6.2.4. Kỹ thuật

Kỹ thuật bao gồm các công ty liên quan đến sản xuất các vật liệu xây dựng và các thiết bị xây dựng như hệ thống dây điện, hệ thống ống nước, khung cửa sổ

6.2.4.1. Điều kiện các yếu tố sản xuất và nhu cầu

Ngành xây dựng tăng trưởng hàng năm với tốc độ 17,7% từ năm 2011 đến năm 2015, 16,4% từ năm 2011 đến năm 2018. Giá trị sản xuất ngành xây dựng tăng từ 1.173,5 tỷ đồng năm 2011 lên 3.591,1 tỷ đồng năm 2018[203], trong đó doanh thu bán lẻ vật liệu xây dựng tăng từ 2.872,184 tỷ đồng đến 3.770,798 tỷ đồng từ 2016 đến 2020.

Các sản lượng chính được ghi nhận tại Hưng Yên trong giai đoạn 2016 - 2020 là cát đen, gạch xây, thép và dây điện. Sản lượng cát đen tăng từ 3.061.585 m2 lên 4.189.761 m2, sản xuất gạch tăng từ 319.027.000 viên lên 398.354.000 viên, sản xuất thép tăng từ 1.470.858 tấn lên 2.236.476 tấn và sản xuất dây điện tăng từ 7.010 tấn lên 14.523 tấn, sản xuất dụng cụ tăng từ 28.353 chiếc năm 2010 lên 102.154 chiếc năm 2018.

Trong giai đoạn 2016 - 2020, lực lượng lao động trong ngành tăng từ 49.471 lên 54.418 lao động. Về lực lượng lao động trong tương lai, ở trình độ đại học, cơ cấu đào tạo hiện không có. Trong khi đó, đối với đào tạo nghề trình độ cao đẳng, tỷ lệ kỹ sư trên công nhân là rất cao, 1: 1,25 , dẫn đến tình trạng thừa thầy thiếu thợ. Do đó, các doanh nghiệp công nghiệp chế biến, chế tạo và công nghiệp hỗ trợ khó tuyển dụng được lao động đáp ứng yêu cầu công việc, nhất là lao động có tay nghề cao.

6.2.4.2. Chiến lược, cơ cấu và cạnh tranh của các doanh nghiệp

Số lượng doanh nghiệp tham gia vào lĩnh vực kỹ thuật tăng từ 5,969 lên 7,851 từ năm 2016 đến năm 2020.
Trong các ngành liên quan và công nghiệp hỗ trợ của ngành kỹ thuật, hầu hết các doanh nghiệp tham gia vào các công đoạn cơ khí gia công đơn giản (ví dụ: dập, cắt, hàn, sơn), rất ít doanh nghiệp thực hiện các công đoạn và sản phẩm có công nghệ cao như đúc, gia công. , xử lý nhiệt, xử lý bề mặt. Nguyên nhân chủ yếu là do hầu hết các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, không có khả năng đầu tư, không tiếp thu và đổi mới công nghệ sản xuất.

6.2.5. Ngành dệt may và da giày

6.2.5.1. Điều kiện các yếu tố sản xuất và nhu cầu

Ngành dệt may Việt Nam nói chung và Hưng Yên nói riêng là ngành thâm dụng vốn và công nghệ, đòi hỏi quy mô kinh tế, tự động hóa cao, giá trị gia tăng cao, giá trị sản xuất ngành dệt may tăng từ 3.997,1 tỷ đồng năm 2011 lên 12.903,8 tỷ đồng năm 2018[204]. Trong giai đoạn 2016 -

[202] Fitch Solutions, Báo cáo Dược phẩm và Chăm sóc Sức khỏe, Q3 2021
[203] Đề án phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Hưng Yên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Thực hiện công tác y tế tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016 - 2020; Định hướng phát triển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050
[204] Đề án phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Hưng Yên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030

2020, sản lượng quần áo may sẵn từ 175.142.000 chiếc lên 309.375.000 chiếc trong khi doanh thu hàng may mặc tăng từ 955.693 triệu đồng lên 1.802.199 triệu đồng. Năm 2018, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng may mặc đạt hơn 30 tỷ đô la Mỹ.

Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối là khu công nghiệp duy nhất được biết đến với ngành dệt may. Khu công nghiệp này có diện tích là 93 ha đất và giải quyết việc làm cho 8.825 lao động.

Khu công nghiệp được bố trí nhà máy cấp nước và nhà máy xử lý nước thải với công suất tối đa lần lượt là 12.000 mét khối/ ngày và 10.000 mét khối/ ngày.

Từ năm 2016 đến năm 2020, lực lượng lao động trong ngành dệt may Hưng Yên đã tăng từ 64.621 lên 69.318 lao động. Hưng Yên là một trong những tỉnh phát triển lao động có mức độ chuyên môn hóa còn thấp[205].

6.2.5.2. Chiến lược, cơ cấu và cạnh tranh của các doanh nghiệp

Số cơ sở ngành dệt may tại Hưng Yên tăng từ 1.983 lên 2.116 từ năm 2016 đến năm 2020.

Năng lực tiếp thị của nhiều doanh nghiệp còn thấp, hầu hết các doanh nghiệp chưa phát triển thương hiệu một cách hiệu quả, các thương vụ làm ăn với đối tác nước ngoài thường có sự tham gia của một số đơn vị trung gian. Mặc dù hầu hết các doanh nghiệp dệt may ở Hưng Yên đều sản xuất hàng may mặc cho các doanh nghiệp nước ngoài nhưng họ không ký hợp đồng xuất khẩu trực tiếp mà thay vào đó là thông qua các nhà xuất khẩu hàng đầu khác. Vì vậy, mặc dù giá trị xuất khẩu hàng dệt may lớn nhưng giá trị gia tăng thực tế vẫn ở mức thấp[206].

Ví dụ về một nhà sản xuất hàng dệt may có trụ sở tại Hưng Yên, hợp tác với một công ty đa quốc gia nước ngoài là Công ty TNHH Dệt kim Hưng Yên thuộc sở hữu của Tập đoàn Carvico của Ý. Đây là một trong những doanh nghiệp hoạt động trong ngành dệt may lớn nhất toàn cầu trong vòng 50 năm. Để phù hợp với xu hướng bền vững, công ty đã giới thiệu dòng sản phẩm vải tái chế. Tính đến năm 2020, công ty sử dụng vải tái chế cho 50% sản lượng.

6.2.5.3. Các ngành công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp liên quan và chính phủ

Do Việt Nam nằm trong nhóm các nước sản xuất hàng đầu và là nước tham gia chính vào chuỗi giá trị hàng dệt may toàn cầu, các ngành công nghiệp phụ trợ và liên quan của Việt Nam còn kém phát triển đáng kể. Nguyên nhân chính là do ngành sản xuất bông, sợi, nhuộm của Việt Nam chưa đáp ứng được nhu cầu của ngành vải trong nước nên các doanh nghiệp dệt may trong nước vẫn phải nhập khẩu vải để sản xuất hàng may mặc. Bên cạnh đó, công nghệ nhuộm vải cũng như công tác xử lý môi trường để phát triển ngành dệt nhuộm còn hạn chế đã kìm hãm đầu tư vào sản xuất. Do đó, ngành dệt may Việt Nam vẫn đang ở khâu gia công, hàm lượng giá trị gia tăng nội địa cho sản phẩm dệt may còn thấp.

Trong ngành da giày, tỷ lệ nội địa hóa của ngành này hiện chỉ đạt 40-45%. Trong khi các doanh nghiệp trong nước chiếm gần 70% số lượng doanh nghiệp, thì tổng sản lượng da của họ mới chỉ đáp ứng được 35% nhu cầu[207]. Ngành công nghiệp hỗ trợ của ngành da giày Việt Nam nhìn

[205] Ngân hàng Thế giới, Việt Nam: Kết nối chuỗi giá trị để nâng cao năng lực cạnh tranh thương mại, tháng 12 năm 2019
[206] Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Hưng Yên
[207] Các luận điểm chính để xây dựng Báo cáo và Thực trạng phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2018

chung còn manh mún, thiếu đồng bộ trong sản xuất và cung ứng nguyên phụ liệu cho sản xuất da giày. Hiện nay, các loại nguyên phụ liệu đang được sản xuất tại Việt Nam là: da, giả da, vải không dệt, vải kỹ thuật, chỉ khâu, dây giày, thùng carton (làm đế trong), chất liệu phosphor, phụ liệu, phụ kiện bằng kim loại, nhựa thô, chất kết dính và hóa chất. Chất lượng nguyên liệu của nhiều doanh nghiệp trong nước chưa đáp ứng yêu cầu xuất khẩu về các yêu cầu cơ lý, độ đồng đều, độ bền màu, an toàn sinh thái. Nguyên nhân chủ yếu là do hạn chế về công nghệ và nguồn nhân lực cũng như vốn đầu tư cao cho sản xuất nguyên liệu.

Sở Công thương tỉnh Hưng Yên với vai trò là cơ quan quản lý chuyên ngành đã tích cực tham mưu cho chính quyền tỉnh về các phương hướng tìm và lựa chọn nhà đầu tư cho các dự án phát triển lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ ngành dệt may. Tỉnh tiếp tục điều chỉnh quy hoạch phát triển công nghiệp để cung cấp một môi trường thuận lợi hơn, khuyến khích phát triển giá trị gia tăng trong ngành.

.

6.3. Ngành dịch vụ

6.3.1. Ngành dịch vụ liên quan đến công nghiệp

Các ngành dịch vụ liên quan đến công nghiệp bao gồm thử nghiệm và tuân thủ, hoạt động trong phòng thí nghiệm, quản lý chất thải và nước thải, dịch vụ kỹ thuật (bảo trì đường sắt).

6.3.1.1. Điều kiện các yếu tố sản xuất và nhu cầu

Các ngành dịch vụ liên quan đến công nghiệp (thử nghiệm và tuân thủ, hoạt động trong phòng thí nghiệm, quản lý chất thải và nước thải)

Hai trong bốn khu xử lý tập trung quy mô tỉnh đang hoạt động bao gồm Khu xử lý Đại Đồng và Khu xử lý thành phố Hưng Yên với công suất lần lượt là 60 tấn/ngày và 75 tấn/ngày. Tại thời điểm hiện tại, một khu xử lý chất thải rắn đang được xây dựng tại Dị Sử, công suất dự kiến 2000kg/giờ, sử dụng công nghệ đốt[208].

Tổng số 43.375 tấn chất thải nguy hại được thu gom và xử lý vào năm 2020. Số lượng cơ sở quản lý chất thải và nước tăng từ 517 lên 642 từ năm 2016 đến năm 2020. Việc làm trong ngành tăng từ 4.294 lao động lên 5.254 lao động trong cùng giai đoạn. Vốn trên mỗi lao động đạt 473,19 triệu đồng vào năm 2015 và tăng lên 587,97 triệu đồng vào năm 2019. Tổng cộng có ba dự án FDI, trị giá 17,418 triệu USD, trong ngành này.

Tại thời điểm hiện tại, bốn trong số bảy khu công nghiệp đang hoạt động ở Hưng Yên có nhà máy xử lý nước thải tập trung đang hoạt động và chất lượng nước thải xả đạt tiêu chuẩn A theo quy chuẩn Việt Nam QCVN 40: 2011/BTNMT. Với tỷ lệ đô thị hóa trên địa bàn thành phố Hưng Yên dự kiến đạt 80,3% vào năm 2030, Hưng Yên đặt mục tiêu đến năm 2025, tỷ lệ xử lý rác thải đô thị và rác thải nông thôn lần lượt là 95% và 90%. Đồng thời 100% chất thải nguy hại cần được xử lý an toàn theo quy định[209].

Thử nghiệm trong phòng thí nghiệm được sử dụng chủ yếu để phục vụ cho ngành nông nghiệp, nghiên cứu nhằm cải thiện cây lúa và cây ăn quả nhờ năng suất tốt hơn, ít hạt hơn, khả năng chống chịu thời tiết khắc nghiệt, thuốc trừ sâu và cây trồng tăng trưởng nhanh hơn. Chẳng hạn,

[208] Bài báo “tỉnh Hưng Yên” (Báo Invest Vietnam) https://investvietnam.vn/hung-yen-lo70.html
[209] Viện Quy hoạch và Thiết kế đô thị nông thôn, Đánh giá hiện trạng phát triển đô thị và nông thôn Hưng Yên, tháng 7 năm 2021

Sở Khoa học và Công nghệ đã giao Viện Thổ nhưỡng Nông hóa nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm một số loại phân hữu cơ vi sinh, hữu cơ khoáng, đa vi lượng chuyên dùng để thúc đẩy quả nhãn chín nhanh ở Khoái Châu. Đối với chăn nuôi, đã nghiên cứu thụ tinh nhân tạo và sinh sản nhân tạo bò lai Brahman, gà Đông Tảo, và cá, đã đào tạo 27 kỹ thuật viên trong thời gian từ 2015 đến 2017 để thụ tinh nhân tạo cho 14.500 con bò.

Có 143 nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện trong giai đoạn 2011 - 2015 với kinh phí 94.236,6 triệu đồng. Từ năm 2016 đến năm 2020, số nhiệm vụ được cấp ngân sách đã tăng lên 195 nhiệm vụ. Trong giai đoạn 2016 - 2020, số nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã thực hiện là 195 nhiệm vụ với số vốn đầu tư là 187.135 triệu đồng. Giá trị vốn trên một lao động trong ngành xét nghiệm tăng từ 32,54 triệu đồng năm 2016 lên 157,74 triệu đồng năm 2020. Hưng Yên có 3.706 cán bộ nghiên cứu[210],trong đó trên 18.000 người có trình độ đại học và trên đại học. Các nhà nghiên cứu thường làm việc tại các trường đại học, doanh nghiệp tư nhân hoặc trung tâm nghiên cứu tư nhân[211].

Bên cạnh đó, các nghiên cứu như "Nghiên cứu sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng vùng nông thôn tỉnh Hưng Yên" đã đề xuất các giải pháp cho ngành Điện Hưng Yên như hướng dẫn sử dụng hợp lý các nguồn năng lượng khu vực nông thôn đáp ứng nhu cầu cấp thiết, thúc đẩy tiết kiệm và tăng cường nguồn năng lượng cho đầu tư phát triển. Công tác nghiên cứu môi trường cũng đã dẫn đến việc triển khai nhiều mô hình trên diện rộng, làm tăng hiệu quả xử lý các vấn đề môi trường ở nông thôn như sử dụng chế phẩm sinh học TD BIOXIDE và TD CLEANER để xử lý nuôi trồng thủy sản.[212].

Kỹ thuật

Việc làm trong ngành kỹ thuật tăng từ 49.471 lao động năm 2016 lên 54.418 lao động vào năm 2020. Giá trị vốn trên một lao động trong ngành sửa chữa xe cơ giới và sửa chữa xe máy giảm từ 448,74 triệu đồng năm 2015 xuống 238,46 triệu đồng năm 2019. Tại thời điểm hiện tại, chỉ có một tuyến đường sắt ở Hưng Yên là tuyến đường sắt Hà Nội (Gia Lâm) - Hải Phòng.

6.3.1.2. Chiến lược, cơ cấu và cạnh tranh của các doanh nghiệp

Hai trong bốn khu xử lý chất thải sinh hoạt tập trung quy mô tỉnh đang hoạt động bao gồm Khu xử lý Đại Đồng và Khu xử lý thành phố Hưng Yên với công suất lần lượt là 60 tấn/ngày và 75 tấn/ngày. Tại thời điểm hiện tại, một khu xử lý chất thải rắn đang được xây dựng tại Dị Sử, công suất tiềm năng 2000kg/giờ, sử dụng công nghệ đốt[213]. Tổng công suất các nhà máy xử lý nước thải năm 2019 đạt 2.820 m^3/ ngày đêm. Dự kiến công suất các nhà máy xử lý nước thải sẽ được nâng lên thành 9.120 m^3/ ngày vào năm 2020.

Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom và xử lý đạt khoảng 83,3%[214]. Tỷ lệ khu công nghiệp đã xử lý chất thải rắn và nước thải sinh hoạt đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia là 75% trên tổng số khu công nghiệp đang hoạt động. Tổng cộng 43.375 tấn chất thải nguy hại được thu gom

[210] Có ít nhất bằng đại học trở lên
[211] Phân loại số doanh nghiệp khoa học và công nghệ dựa trên số liệu thống kê
[212] Sở Khoa học và Công nghệ Hưng Yên, Cung cấp thông tin phục vụ Quy hoạch xây dựng tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, năm 2021
[213] Bài báo "tỉnh Hưng Yên" (Báo Invest Vietnam) https://investvietnam.vn/hung-yen-lo70.html
[214] Viện Quy hoạch và Thiết kế đô thị nông thôn, Đánh giá hiện trạng phát triển đô thị và nông thôn Hưng Yên, tháng 7 năm 2021

và xử lý vào năm 2020. Số cơ sở quản lý chất thải và nước thải tăng từ 517 lên 642 từ năm 2016 đến năm 2020.

6.3.1.3. Các ngành công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp liên quan và chính phủ

Hưng Yên có khá nhiều nhà máy cấp nước, trong đó đặc biệt kể đến dự án mạng lưới và hệ thống xử lý nước thải thành phố Hưng Yên với công suất 6.300m3 / ngày đêm. Bên cạnh đó, hệ thống thoát nước khu vực nội thành Hưng Yên sẽ được nâng cấp như cải tạo trạm bơm tiêu An Vũ và kênh tiêu Chợ Gạo. Một nhà máy xử lý nước thải công suất 6.300 m3/ngày, 3 trạm bơm công suất 282 m3/giờ, 178 m3/giờ và 523 m3/giờ và hệ thống đường ống thoát nước dài 19,7 km sẽ được xây dựng. Trạm xử lý nước thải Hòa Phong hiện đang được xây dựng tại huyện Mỹ Hào[215].

Ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh hàng năm liên tục tăng bình quân 10%/năm. Chính phủ đang phát triển các sáng kiến nhằm tạo ra một hệ sinh thái nghiên cứu ở Hưng Yên bằng cách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu và phát triển. Chính quyền địa phương đang xây dựng một số trung tâm tri thức cho việc này như Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn, Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ Khoa học và Công nghệ của Sở Khoa học và Công nghệ và Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh. Các trung tâm này sẽ được xây dựng tại thành phố Hưng Yên.

6.3.2. Các dịch vụ khác

Các dịch vụ khác bao gồm ngành ngân hàng và bán lẻ.

6.3.2.1. Điều kiện các yếu tố sản xuất và nhu cầu

Ngành ngân hàng

Giá trị gia tăng (GTGT) theo giá thực tế của hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên chiếm bình quân 10,5% GTGT của ngành dịch vụ giai đoạn 2011-2020. Tốc độ tăng trưởng GTGT bình quân của hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm giai đoạn 2011-2020 là 6,6%/năm - tương đương với tốc độ tăng chung của ngành dịch vụ (6,6%/năm).
Giá trị vốn trên một lao động[216] trong ngành ngân hàng tăng từ 99,98 triệu đồng năm 2015 lên 75,32 triệu đồng năm 2019. Lực lượng lao động bán lẻ đã tăng từ 108.264 lao động lên 121.726 lao động trong cùng thời kỳ, trong đó huyện Yên Mỹ ghi nhận con số cao nhất về số lượng cơ sở kinh doanh và người lao động được tuyển dụng.

Tính đến tháng 7 năm 2021, tổng nguồn vốn của các tổ chức tín dụng đạt 101.267.859 triệu đồng, tăng 5,63% so với ngày 31 tháng 12 năm 2020. Tổng dư nợ cho vay nền kinh tế đạt 72.337.694 tỷ đồng, tăng 6,02% so với ngày 31 tháng 12 năm 2020. Nợ xấu tăng 19% từ ngày 31 tháng 12 năm 2021 lên 907.033 triệu đồng, chiếm 1,25% tổng dư nợ[217].

Nhìn chung, các dịch vụ tài chính, ngân hàng khá phát triển, đảm bảo an toàn, hiệu quả, ứng dụng công nghệ hiện đại. Hệ thống ngân hàng khá hoàn chỉnh, bao phủ hầu hết tỉnh Hưng Yên,

[215] Viện Quy hoạch và Thiết kế đô thị nông thôn, Đánh giá hiện trạng phát triển đô thị và nông thôn Hưng Yên, tháng 7 năm 2021
[216] Đặc trưng bởi hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm
[217] Báo cáo 110/BC-UBND ngày 30/07/2021 của UBND tỉnh Hưng Yên về công tác tháng 7/2021

phục vụ đủ và đáp ứng nhu cầu của người dân cũng như nhu cầu phát triển kinh tế của địa phương.

Bán lẻ

Kinh tế Hưng Yên phát triển đã giúp bán lẻ tăng trưởng nhanh chóng, với tổng mức bán lẻ tăng từ 19.993.393 triệu đồng năm 2016 lên 29.801.326 triệu đồng năm 2020. Giai đoạn 2016 - 2020, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng 10,3%. mỗi năm.

Người dân ở Hưng Yên (và người Việt Nam nói chung) đang có xu hướng dịch chuyển từ chợ truyền thống sang các trung tâm bán lẻ hiện đại như siêu thị, đại siêu thị và trung tâm mua sắm.

6.3.2.2. Chiến lược, cơ cấu và cạnh tranh của các doanh nghiệp

Ngân hàng

Tỉnh Hưng Yên có hệ thống ngân hàng khá hoàn chỉnh, có khả năng phục vụ và đáp ứng kịp thời nhu cầu của người dân cũng như nhu cầu phát triển kinh tế của địa phương. Tại Hưng Yên, hiện có 1 chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 8 chi nhánh ngân hàng thương mại nhà nước, 13 chi nhánh ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân, 1 chi nhánh ngân hàng chính sách xã hội, 1 chi nhánh ngân hàng hợp tác xã, 65 quỹ tín dụng nhân dân và 85 phòng giao dịch của các chi nhánh ngân hàng thương mại. Tuy nhiên, Hưng Yên không có trụ sở chính của các ngân hàng thương mại hoạt động trên địa bàn tỉnh do các ngân hàng này chủ yếu đặt tại Hà Nội.

Bán lẻ

Số lượng cơ sở thương mại đã tăng từ 56.324 cơ sở năm 2016 lên 62.019 cơ sở vào năm 2020 và lực lượng lao động bán lẻ tăng từ 108.264 lao động lên 121.726 lao động trong cùng kỳ, huyện Yên Mỹ có số lượng cơ sở kinh doanh và lao động được sử dụng nhiều nhất.

Ngành bán lẻ đã phát triển nhanh chóng tại Hưng Yên với tổng doanh thu tăng từ 19.993.393 triệu đồng năm 2016 lên 29.801.326 triệu đồng vào năm 2020. Ngành công nghiệp này chỉ do khu vực tư nhân làm chủ, với vốn đầu tư nước ngoài từ năm 2018.

Sự chuyển dịch sang các cửa hàng thương mại hiện đại hơn đang diễn ra nhanh chóng ở Hưng Yên, với số lượng siêu thị và trung tâm thương mại đã tăng hơn gấp đôi, từ 11 lên 23 trung tâm từ năm 2016 đến năm 2020. Mặc dù sự mở rộng nhanh chóng của các cửa hàng thương mại hiện đại ở Hưng Yên (và trên khắp Việt Nam), sự hiện diện đông đảo của các nhà bán lẻ tạp hóa truyền thống, chẳng hạn như chợ dân sinh và chợ ẩm thực vẫn đóng một vai trò quan trọng trong thị trường bán lẻ nói chung. Có 107 trong số các chợ này ở Hưng Yên.

6.3.2.3. Các ngành công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp liên quan và chính phủ

Bán lẻ

Nhiều dự án bán lẻ đang được triển khai như trung tâm mua sắm, vui chơi giải trí tại Văn Giang, Mỹ Hào, thị trấn Như Quỳnh, khu đô thị mới Lạc Đạo.

Ngân hàng

Có tám chi nhánh của ngân hàng thương mại và một chi nhánh của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Vai trò của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Hưng Yên là chỉ đạo các tổ chức tín dụng địa phương tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước, thúc đẩy huy động vốn và kiểm soát tăng trưởng tín dụng.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 144/UBND-KH ngày 15 tháng 9 năm 2020 thực hiện Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh Hưng Yên. Ví dụ về các mục tiêu trong kế hoạch hành động bao gồm thúc đẩy ứng dụng công nghệ kỹ thuật số, phát triển hệ thống các tổ chức tài chính vi mô và nâng cao hiểu biết về tài chính của người dân và doanh nghiệp. Ngoài ra, chính quyền địa phương đang triển khai Chỉ thị số 23/CT-UBND ngày 23/10/2020 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc đẩy mạnh triển khai phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Hưng Yên.

6.3.2.4. Cơ hội

Do dịch bệnh, Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam đã thực hiện một số sáng kiến: đảm bảo hoạt động thông suốt, an toàn trên địa bàn không bị cô lập, phối hợp chặt chẽ với chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội để hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng, tạm dừng thu nợ gốc và lãi vay tại các khu vực không thể tiếp cận cho đến khi các hoạt động giao dịch bình thường có thể được tổ chức. Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam tại tỉnh đã triển khai 10 chương trình tín dụng, tính đến tháng 5 năm 2021, tổng dư nợ cho vay đạt trên 3.028 tỷ đồng từ ít nhất 73,4 nghìn khách hàng.

6.3.3. Logistics

Các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ logistics Hưng Yên cũng bắt đầu phát triển về số lượng và chất lượng để tận dụng lợi thế của Hưng Yên về vị trí địa lý thuận lợi, cơ sở hạ tầng giao thông được đầu tư đồng bộ, hiện đại, cộng với sự phát triển nhanh chóng của công nghiệp và thương mại, dịch vụ.

Hệ thống kho bãi và phương tiện vận tải không ngừng được đầu tư mới, mở rộng và nâng cấp. Các dịch vụ được cung cấp rất đa dạng và hiện đại như: Vận tải hàng hóa và hành khách; cho thuê kho, bãi; bốc xếp hàng hóa; đóng gói và phân phối sản phẩm; khai thác hệ thống cảng sông, cảng cạn (ICD) và dịch vụ khai báo hải quan.

6.3.3.1. Điều kiện các yếu tố sản xuất và nhu cầu

Cơ sở hạ tầng vận tải hành khách và hàng hóa của Hưng Yên tương đối hoàn chỉnh và hiện đại; thường xuyên được nâng cấp và mở rộng. Chỉ với 3 tuyến quốc lộ và 13 tuyến tỉnh, huyện, mức sử dụng vận tải (và lưu lượng hành khách) ở Hưng Yên đã tăng từ 11,398 triệu người lên 17,609 triệu người từ năm 2016 đến năm 2020. Phương thức vận tải được sử dụng nhiều nhất là đường bộ, tiếp theo là đường thủy nội địa. Đối với vận tải hàng hóa cũng tương tự, khi khối lượng hàng hóa vận chuyển tăng từ 24,165 triệu tấn lên 42,590 tấn trong cùng kỳ. Lưu lượng hành khách và hàng hóa quý I/2021 là 231.152.000 người/km và 403.512.000 tấn/km[218]. Chỉ có một tuyến đường sắt duy nhất là đường sắt Hà Nội - Hải Phòng.

[218] Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội quý I năm 2021 của tỉnh Hưng Yên

Giá trị vốn trên mỗi lao động[219] trong ngành logistics đã giảm ròng từ 551,31 triệu đồng năm 2015 xuống 429,23 triệu đồng năm 2019. Tuy nhiên, năm 2018, giá trị vốn trên mỗi lao động đạt 761,27 triệu đồng.

6.3.3.2. Chiến lược, cơ cấu và cạnh tranh của các doanh nghiệp

Có 5 trung tâm logistics chính với tổng công suất tối thiểu là 115.300 m^2 và tổng giá trị đầu tư tối thiểu là 657,738 tỷ đồng[220]. Ngoài ra, còn có các kho, bãi nhỏ nằm ngoài khu công nghiệp phục vụ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, diện tích từ 2.000 m2 đến 3.000 m^2.

6.3.3.3. Các ngành công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp liên quan và chính phủ

Hệ thống giao thông đang được đầu tư lớn để phát triển hiệu quả, thông qua việc mở nhiều tuyến đường quan trọng để kết nối các khu, cụm công nghiệp với các quốc lộ, đường cao tốc, đường vành đai Thủ đô, các thành phố lớn, cảng biển và sân bay ở khu vực phía Bắc.

Một số dự án chính là đường nối đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, cầu Hưng Hà, cầu La Tiến, tỉnh lộ 200, đường đê sông Hồng và đường đê sông Luộc[221].

6.3.4. Ngành phát triển phần mềm

6.3.4.1. Điều kiện các yếu tố sản xuất và nhu cầu

Cơ sở hạ tầng kỹ thuật viễn thông của Hưng Yên đã phát triển trên toàn tỉnh, 100% xã, phường, thị trấn được trang bị đầy đủ cáp quang, cáp đồng và triển khai đầy đủ mạng di động. Hệ thống mạng cáp quang đường trục và đường truyền đến khách hàng được kết nối đến từng hộ gia đình cung cấp dịch vụ Internet tốc độ cao qua đường cáp quang.

Nguồn nhân lực của các cơ quan chính quyền cấp tỉnh và cấp huyện đã thành lập 84 đội chuyên trách về CNTT và quản trị mạng. Các đội ngũ này đều có trình độ cử nhân và đã được đào tạo kỹ năng sử dụng, triển khai các ứng dụng CNTT dùng chung của tỉnh phục vụ công tác quản lý, hướng dẫn, điều hành môi trường mạng.

Dịch vụ Internet đang phát triển nhanh chóng trên toàn tỉnh Hưng Yên, đặc biệt là mạng di động (3G, 4G). Toàn tỉnh có 8.760.118 chủ tài khoản, trong đó 169.403 chủ tài khoản sử dụng Internet băng thông rộng cố định và 706.715 chủ tài khoản sử dụng Internet di động. Có 1.287.519 thuê bao điện th, gồm 22.191 thuê bao cố định và 1.265.328 thuê bao di động.

Tuy nhiên, Hưng Yên đứng ở vị trí thứ 13, tụt 4 bậc so với năm 2019, với chỉ số CNTT là 0,5361, trong đó, chỉ số hạ tầng kỹ thuật và chỉ số ứng dụng CNTT xếp hạng tương đối thấp so với các tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

Trong việc hướng tới nền kinh tế số, Hưng Yên là một trong số ít các tỉnh của Việt Nam được hưởng lợi từ việc hình thành thành phố thông minh trong tương lai. Dự án Thành phố thông minh Ecopark sẽ được quy hoạch theo quy hoạch cảnh quan thông minh với cơ sở hạ tầng CNTT tiên

[219] Vận chuyển và bảo quản
[220] Quy hoạch phát triển logistics tỉnh Hưng Yên 2017-2020, định hướng đến năm 2025
[221] Báo Nhân dân online, Hưng Yên tạo môi trường thuận lợi cho thu hút đầu tư, tháng 6 năm 2021

tiến. Ngoài ra, một bản ghi nhớ đã được ký kết với Tổng công ty Nhà đất Hàn Quốc về việc hợp tác phát triển thành phố thông minh tại Hưng Yên. Việc hợp tác này sẽ giúp Hưng Yên xây dựng hoàn chỉnh thành phố thông minh theo tiêu chuẩn của Hàn Quốc. Sử dụng CNTT và Internet vạn vật trong không gian đô thị có thể giải quyết hiệu quả các vấn đề đô thị khác nhau như giao thông, an toàn, bãi đậu xe và môi trường.

Đô thị Mỹ Hào đang phát triển trở thành đô thị vệ tinh trong khu vực vành đai 4 theo quy hoạch của Vùng Thủ đô Hà Nội, nơi Mỹ Hào sẽ là trung tâm đô thị dịch vụ, tài chính, ngân hàng và logistics.

6.3.4.2. Chiến lược, cơ cấu và cạnh tranh của các doanh nghiệp và chính phủ

Công ty công nghệ Ấn Độ Hindustan Computers Limited đang có kế hoạch đầu tư dài hạn vào Hưng Yên bằng cách xây dựng một cơ sở đa năng có thể chứa 5.000-10.000 kỹ sư CNTT trong tương lai. Công ty hy vọng sẽ đào tạo và tuyển dụng từ 10.000 đến 20.000 kỹ sư Việt Nam[222].

Căn cứ vào Sở Thông tin và Truyền thông, Chính Phủ đang có kế hoạch cải thiện cơ sở hạ tầng bảo mật của hệ thống mạng hiện có ở Hưng Yên. Chính quyền địa phương đang tiến hành nhiều dự án cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị của các thành phố theo hướng thiết lập các thành phố xanh và thông minh hơn ở Hưng Yên như khu đô thị Hòa Bình Green.

6.3.5. Giáo dục

6.3.5.1. Điều kiện các yếu tố sản xuất và nhu cầu

Giáo dục luôn là một trong những ưu tiên hàng đầu ở Việt Nam. Trong những năm qua, ngành giáo dục đang đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng cao của tỉnh và khu vực. Đầu tư vào cơ sở vật chất và trang thiết bị cho giáo dục đã tăng lên theo hướng tiếp cận hiện đại hơn. Tuy nhiên, giá trị vốn trên một lao động trong ngành giáo dục giảm từ 193,16 triệu đồng năm 2015 xuống còn 181,21 triệu đồng năm 2019.

Tỷ lệ nhập học và đỗ tốt nghiệp của các trường đều tăng: ước tính của Sở Giáo dục và Đào tạo, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT đạt từ 92,01% đến 98,64%. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT đỗ vào các trường đại học hàng năm khoảng 51,33% đến 67,38%.

Các trung tâm giáo dục nghề nghiệp đưa ngoại ngữ, tin học, dạy nghề, chuyển giao khoa học công nghệ vào chương trình giảng dạy đã phát huy hiệu quả. Đến nay các trung tâm dạy nghề đã giải quyết việc làm mới cho trên 23,2 nghìn lao động. Bên cạnh đó, học sinh Hưng Yên đạt từ 33 đến 54 giải trong kỳ thi học sinh giỏi quốc gia và 1 học sinh Hưng Yên đạt giải quốc tế.

Chất lượng giáo dục mầm non ngày càng được nâng lên, được đo bằng số học sinh đến lớp và tỷ lệ trẻ trên giáo viên thấp. Chất lượng giáo viên mầm non tăng từ 3.944 giáo viên lên 4.849 giáo viên từ năm 2016 đến năm 2020. Tuy nhiên, ở bậc giáo dục phổ thông, do số học sinh tăng từ 192.535 lên 233.979 học sinh, trong khi số giáo viên của các trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông có đã giảm từ năm 2016, từ 10.758 xuống còn 9.831 giáo viên, làm cho chất lượng giảm sút khi số học sinh bình quân trên một giáo viên tăng từ 17,90 học sinh lên 23,80 học sinh và số học sinh bình quân trên một lớp tăng từ 33,67 học sinh lên 36,73 học sinh.

[222] Bài báo “Hindustan Computers muốn đầu tư dự án tỷ USD vào Hưng Yên” https://vietnamfinance.vn/hindustan-computers-muon-dau-tu-du-an-ty-usd-vao-hung-yen-20180504224231520.htm

Mặc dù đã có những nỗ lực kể trên, hệ thống giáo dục ở Việt Nam nói chung và tại Hưng Yên nói riêng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động. Một cuộc khảo sát do Ngân hàng Thế giới thực hiện cho thấy 2/3 tổng số doanh nghiệp quốc tế tại Việt Nam cho rằng hệ thống giáo dục phổ thông và dạy nghề không đáp ứng được nhu cầu kỹ năng tại nơi làm việc của họ.

6.3.5.2. Chiến lược, cơ cấu và cạnh tranh của các doanh nghiệp

Hưng Yên hiện có 1 trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh, 10 trung tâm giáo dục nghề nghiệp, 161 trung tâm học tập cộng đồng, và 6 trường đại học.

6.3.5.3. Các ngành công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp liên quan và chính phủ

Các ngành công nghiệp hỗ trợ truyền thống có thể bao gồm các doanh nghiệp xuất bản và nhà sách. Tuy nhiên, trong bối cảnh nền kinh tế số, các ngành công nghiệp hỗ trợ liên quan đến CNTT như nhà phát triển ứng dụng giáo dục, máy tính xách tay và máy tính bảng sẽ ngày càng phù hợp với ngành giáo dục hơn.

Chi tiêu cho giáo dục của chính quyền địa phương tăng ít nhất gấp ba lần từ 664 tỷ đồng năm 2010 lên 2.271 tỷ đồng năm 2019. Nhà nước điều hành 161 trường mầm non, 333 trường học và 22 cơ sở dạy nghề.

6.3.6. Ngành du lịch

6.3.6.1. Điều kiện các yếu tố sản xuất và nhu cầu

Du lịch đang ngày càng phát triển ở Hưng Yên. Tổng giá trị sản xuất tăng từ 4.539 triệu đồng năm 2016 lên 11.291 triệu đồng vào năm 2020 trong khi tổng doanh thu cho dịch vụ lưu trú, ăn uống và đồ uống tăng từ 1.391.457 triệu đồng lên 1.652.162 triệu đồng trong cùng kỳ, với phần lớn du khách là người Việt Nam. Từ năm 2015 đến 2019, vốn bình quân đầu người trong hoạt động lưu trú và dịch vụ ăn uống tăng 243,28 triệu đồng lên 378,29 triệu đồng, nhưng vốn bình quân đầu người lao động trong lĩnh vực nghệ thuật và vui chơi giải trí giảm từ 295,85 triệu đồng xuống 224,02 triệu đồng.

Lượng khách du lịch đến Hưng Yên tăng trưởng bình quân từ 10% đến 15%. Hưng Yên đón một triệu lượt khách du lịch vào năm 2019, trong đó chỉ có khoảng 20.000 khách nước ngoài, đạt doanh thu ít nhất 220 tỷ đồng. Các hoạt động du lịch chính bao gồm tham quan các di tích lịch sử, du lịch sinh thái như tham quan sông Hồng, du lịch nghỉ dưỡng và cộng đồng như các hoạt động nông nghiệp và làng nghề[223].

Các điểm du lịch chính là Khu di tích Phố Hiến, Khu Đa Hòa-Dạ Trạch, khu đô thị sinh thái huyện Văn Giang. Tỉnh cũng đã nỗ lực thúc đẩy phát triển các điểm du lịch khác tại Hưng Yên bao gồm di tích đền Phù Ủng, chùa Nôm, làng cổ Đại Đồng, khu di tích Tống Trân - Cúc Hoa; Cây đa và Đền La Tiến. Các dự án đang triển khai bao gồm dự án cảng du lịch Phố Hiến trên sông Hồng được thiết kế nhằm cải thiện và phát huy giá trị của phố cổ Phố Hiến cho du khách tham quan.

[223] Báo cáo quy hoạch văn hóa giai đoạn 2021-2030, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Phòng Quản lý Văn hóa và Gia đình, tháng 6 năm 2021

Đứng thứ ba về số lượng di tích quốc gia ở Việt Nam, Hưng Yên có tới 1.802 di tích lịch sử: khu Phố Hiến, chùa Thái Lạc, 172 di tích quốc gia, 250 di tích và 3 bảo vật quốc gia. Thời gian qua, công tác bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch được Hưng Yên đặc biệt quan tâm. Về văn hóa, 87% làng, khu phố đạt danh hiệu 'làng văn hóa', 'tổ dân phố văn hóa'[224]. Bảo tàng tỉnh được đưa vào sử dụng từ năm 2018.

6.3.6.2. Chiến lược, cơ cấu và cạnh tranh của các doanh nghiệp

Ngành du lịch địa phương Hưng Yên chưa tận dụng được lợi thế của các làng nghề vốn được coi là thế mạnh, khiến tỉnh còn nhiều hạn chế về cung cấp du lịch.[225] Do đó, tỉnh chưa được hưởng lợi từ mô hình OCOP (mỗi xã một sản phẩm), một chương trình chuyên môn hóa sản phẩm thủ công được thiết kế với mục đích giúp trẻ hóa cộng đồng nông thôn.

6.3.6.3. Các ngành công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp liên quan và chính phủ

Các tiện nghi chính và các ngành công nghiệp phụ trợ như lưu trú, nhà hàng, dịch vụ giải trí và mua sắm vẫn còn hạn chế và quy mô nhỏ. Hơn nữa, khả năng tiếp cận thông tin về du lịch ở Hưng Yên còn hạn chế đối với cả các công ty lữ hành và khách du lịch.

Chính phủ đã thực hiện một số sáng kiến từ năm 2015 đến năm 2020 để hỗ trợ ngành du lịch: điều tiết phương tiện đi lại cho khách du lịch như kiểm soát giá cả, dừng hoạt động của taxi không đăng ký, nâng cấp các bến xe và dịch vụ taxi; tổ chức các chương trình, hội nghị xúc tiến du lịch trong nước và phát triển du lịch; đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên trong lĩnh vực du lịch và đào tạo về vệ sinh an toàn thực phẩm. Đào tạo nghề là yếu tố quan trọng trong ngành du lịch, khả năng nói ngoại ngữ trôi chảy là yếu tố rất quan trọng để Hưng Yên tiếp đón khách du lịch.

Ngoài ra còn có sự phối hợp tích cực với các cơ quan truyền thông để quảng bá du lịch Hưng Yên. Hiện nay, không có sự tham gia của nhà nước đối với dịch vụ lưu trú và ăn uống.

Chính phủ đã đầu tư hơn 330 tỷ đồng để xây mới 26 trung tâm văn hóa xã, 78 nhà văn hóa, nâng cấp cải tạo 16 trung tâm văn hóa xã và 29 nhà văn hóa thôn.

Đến năm 2025, chính phủ có kế hoạch tăng lượng khách du lịch với tốc độ tăng trưởng trung bình từ 20% đến 25%, lên ba triệu hành khách, trong đó 40.000 người là người nước ngoài, từ đó, tăng doanh thu tạo ra với tốc độ trung bình từ 20% đến 30%, lên 3.100 tỷ đồng.

6.3.6.4. Cơ hội

Đại dịch và lũ lụt cuối năm 2020 khiến lượng khách du lịch tại Hưng Yên giảm mạnh, chỉ còn 300.000 lượt khách, trong đó khách quốc tế là 5.000 lượt.

Đại dịch đã ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động kinh doanh du lịch của địa phương khi doanh thu du lịch 9 tháng đầu năm 2020 giảm trên 80% so với cùng kỳ năm 2019. Nhiều doanh nghiệp lữ hành, khách sạn, nhà hàng phải ngừng hoạt động.

[224] Báo cáo tóm tắt Định hướng phát triển đô thị và nông thôn tỉnh Hưng Yên, thành phố Hưng Yên, Tiên Động và huyện Kim Lũ

[225] Báo cáo quy hoạch văn hóa giai đoạn 2021-2030, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Phòng Quản lý Văn hóa và Gia đình, tháng 6 năm 2021

6.4. Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) ở Hưng Yên

Nhìn chung, Hưng Yên là một trong những tỉnh thu hút được một số lượng lớn các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài. Đến cuối năm 2020, hơn 21 quốc gia đã đầu tư vào Hưng Yên, trong đó các quốc gia có vốn đầu tư lớn nhất vào Hưng Yên là Hàn Quốc, Nhật Bản và Trung Quốc. Hầu hết các nhà đầu tư nước ngoài tập trung vào lĩnh vực gia công, chế tạo và linh kiện điện tử.

Giai đoạn 2016-2020, Hưng Yên thu hút khoảng 850 dự án đầu tư (tăng 40% so với giai đoạn 2011-2015), trong đó có 663 dự án trong nước với tổng vốn đầu tư đăng ký là 99.242 tỷ đồng (tăng 222,7%) và còn lại là 187 dự án nước ngoài, với tổng vốn đầu tư đăng ký là 2,31 triệu đô la Mỹ (tăng 39,15%), nâng tổng số dự án đầu tư tại Hưng Yên lên 2.000 dự án và tổng vốn đầu tư đăng ký hơn 13 tỷ đô la Mỹ[226]. Riêng năm 2020, có 26 dự án FDI đăng ký mới, trị giá 250,396 triệu đồng. Các khu công nghiệp được hưởng lợi là Phố Nối A, Thăng Long II, Dệt may Phố Nối và khu công nghiệp Minh Đức. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Hưng Yên tăng dần từ 55,97 lên 62,23 trong giai đoạn 2013-2020[227], cho thấy Hưng Yên đang tạo điều kiện cho một hệ sinh thái đầu tư tốt.

Hưng Yên cũng có nhiều khu công nghiệp. Theo số liệu thống kê của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hưng Yên, vào năm 2020, có 465 dự án trong các khu công nghiệp, trong đó có 261 dự án mang lại vốn đầu tư nước ngoài trị giá 4.434 triệu đô la Mỹ. Dự án ngoài khu công nghiệp gồm 1.535 dự án, trong đó có 226 dự án nước ngoài với tổng vốn đầu tư đăng ký 747 triệu đô la Mỹ.

Tuy nhiên, số liệu hiện có về mức độ FDI[228] và vốn đầu tư ngoài nhà nước tại Hưng Yên thấp hơn nhiều so với các tỉnh khác[229]. Ngoài ra, các dự án FDI còn thiếu chất lượng và ít tác động đến các doanh nghiệp địa phương, cũng như năng suất và chuyển giao công nghệ còn thấp.

Hiện tỉnh Hưng Yên đang kêu gọi đầu tư các dự án công nghệ cao, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường. Các dự án FDI nêu tại mục 6.3.4. chẳng hạn như phát triển các thành phố thông minh và các trung tâm công nghệ đa năng là những ví dụ về các khoản đầu tư có giá trị gia tăng cao.

Về ưu đãi đầu tư, nhà đầu tư trong và ngoài nước được miễn tiền thuê đất 03 năm kể từ ngày hợp đồng thuê đất có hiệu lực và tối đa 11 năm đối với dự án sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%. Nhà đầu tư cũng được xem xét miễn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định hoặc nguyên phụ liệu nhập khẩu phục vụ sản xuất xuất khẩu[230].

6.4.1. Nông nghiệp

Đầu tư vào nông nghiệp đã tăng từ 1.178.890 triệu đồng năm 2016 lên 1.238.740 triệu đồng. Tỷ trọng đầu tư vào lĩnh vực này trong tổng số vốn đầu tư giảm từ 4,74% xuống 2,60% trong cùng kỳ. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, chỉ còn một hoạt động liên quan đến đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong lĩnh vực này trị giá 8 triệu đô la Mỹ[231].

[226] Đánh giá hiện trạng phát triển ngành công nghiệp tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2020
[227] Bảng xếp hạng PCI, Việt Nam
[228] Đầu tư Nhà nước ở Hưng Yên và các tỉnh khác- Số liệu thống kê đến ngày 02/08/2021
[229] Đầu tư Nhà nước ở Bắc Ninh, Hải Dương, Nam Định, Hải Phòng, Vĩnh Phúc, Thái Bình
[230] Sở Khoa học và Công nghệ, Thông tin được cung cấp phục vụ Quy hoạch xây dựng tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, năm 2021
[231] Niên giám thống kê từ chính phủ bao gồm dữ liệu ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và đánh bắt cá

6.4.2. Công nghiệp

Đầu tư vào lĩnh vực sản xuất tăng đều từ 8.899.538 triệu đồng (35,76% tổng vốn đầu tư) lên 13.392.970 triệu đồng (36% tổng vốn đầu tư) từ năm 2016 đến năm 2020. Có 433 dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài với giá trị 4,87 đô la Mỹ.

Ngành điện và điện tử

Có 5 dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào ngành điện và điện tử Hưng Yên với tổng trị giá 12,24 triệu đô la Mỹ. Một số dự án sau có giá trị cao như Công ty Cổ phần Điều hòa không khí Daikin (Việt Nam) sản xuất điều hòa không khí với tổng vốn đầu tư đăng ký trên 95 triệu đô la Mỹ, Công ty TNHH Mektec Manufacturing (Việt Nam) sản xuất thiết bị điện tử. bảng mạch với tổng vốn đầu tư đăng ký 300 triệu đô la Mỹ và Dự án sản xuất linh kiện và thiết bị điện tử công nghệ cao của Công ty TNHH Canon Việt Nam với tổng vốn đầu tư đăng ký 128 triệu đô la Mỹ.

Ngành thiết bị y tế và sản xuất dược phẩm

Chỉ có một dự án liên quan đến FDI được cấp phép vào năm 2020 tại Hưng Yên trị giá 14,529 triệu đô la Mỹ.

Ngành kỹ thuật

Có 12 dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào ngành kỹ thuật Hưng Yên với tổng trị giá 215,8 triệu USD. Có hai dự án có giá trị lớn là Công ty TNHH Thép Hòa Phát sản xuất tôn mạ màu với tổng vốn đầu tư đăng ký trên 4.300 tỷ đồng và Công ty cổ phần Hyundai Aluminium Vina với tổng vốn đăng ký trên 210 triệu đô la Mỹ.

Ngành dệt may

Có ba dự án FDI liên quan đến ngành dệt may Hưng Yên với tổng trị giá 3,7 triệu đô la Mỹ.

6.4.3. Dịch vụ

Ngành dịch vụ liên quan đến công nghiệp

Tổng cộng có ba dự án FDI, trị giá 17,418 triệu đô la Mỹ, trong ngành này. Chỉ có một dự án FDI trong ngành ngân hàng của Hưng Yên trị giá 18.130 triệu đô la Mỹ, trong khi lĩnh vực bán lẻ địa phương cũng có một dự án FDI trị giá 0.605 triệu đô la Mỹ.

Ngành kỹ thuật (dịch vụ)

Có 13 dự án FDI liên quan đến ngành này với tổng trị giá 8,327 triệu đô la Mỹ.

Ngành Logistics

Có 9 dự án FDI liên quan đến ngành này với tổng trị giá 128,698 triệu đô la Mỹ.

Ngành giáo dục

Có 2 dự án FDI liên quan đến ngành này với tổng trị giá 55 triệu đô la Mỹ.

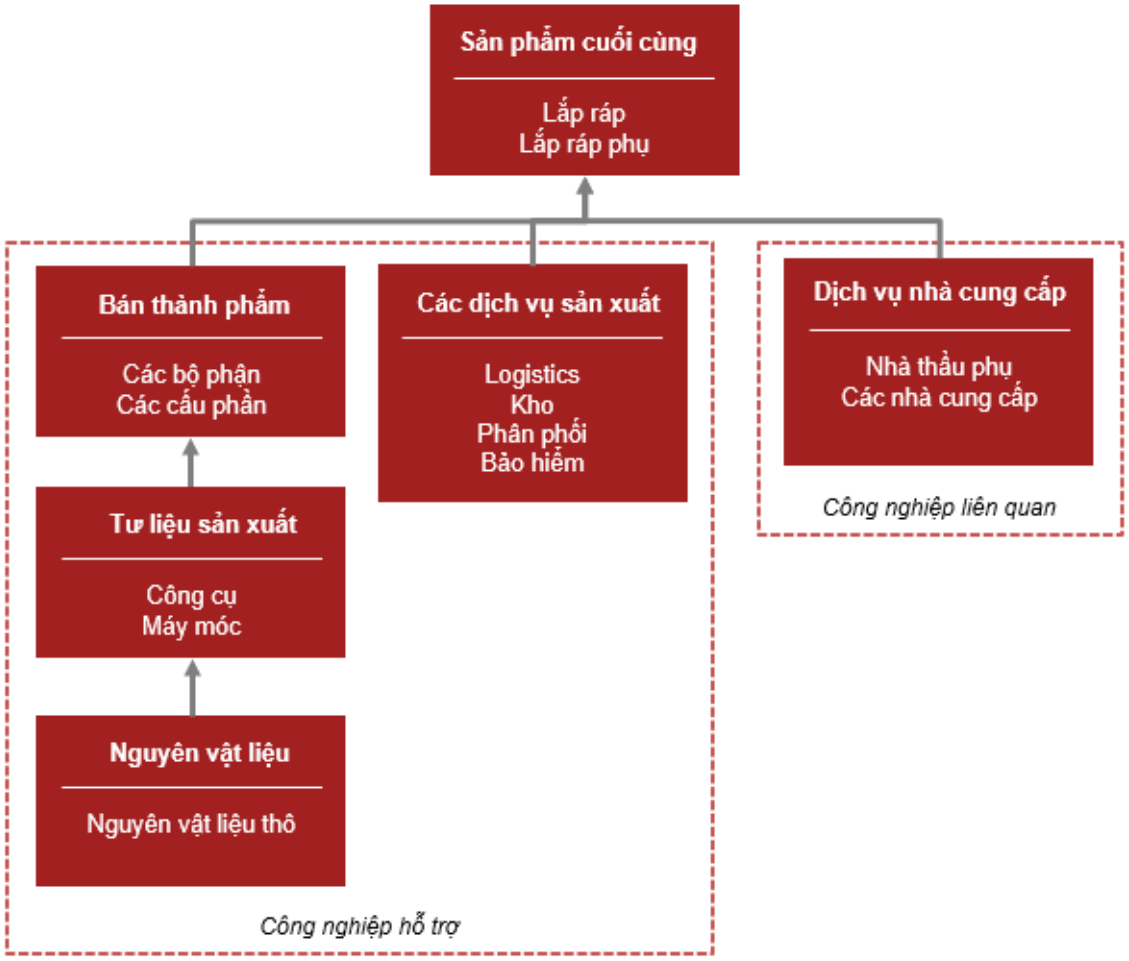
Ngành du lịch

Đã nhận được 50 dự án đầu tư đăng ký[232], trong đó chỉ có hai dự án FDI vào Hưng Yên trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ lưu trú và ăn uống trị giá 3,621 triệu đô la Mỹ.

6.5. Phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp liên quan

Tầm quan trọng của việc phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ và các ngành liên quan để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho quá trình chuyển đổi chuỗi giá trị và tăng cường xuất khẩu

Hình 73: Lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp liên quan[233]



[232] Báo cáo tóm tắt Định hướng phát triển đô thị và nông thôn tỉnh Hưng Yên, thành phố Hưng Yên, huyện Tiên Động và huyện Kim Lữ

[233] Công nghiệp hỗ trợ: Đánh giá khái niệm và phát triển, Báo cáo của Diễn đàn Phát triển Việt Nam và Bộ Công Thương Việt Nam

Các ngành công nghiệp hỗ trợ tập trung vào việc cung cấp đầu vào, như nguyên liệu, phụ tùng và linh kiện cho các ngành sản xuất. Trong khi đó "các ngành liên quan" bao gồm các nhà cung cấp và dịch vụ sản xuất như nhà thầu phụ, các nhà sản xuất một phần và thành phần. Hình phía trên minh họa như sau.

Đặc điểm của ngành công nghiệp hỗ trợ bao gồm:

i. Tương đối thâm dụng vốn và đòi hỏi nhiều công nhân lành nghề hơn so với các ngành công nghiệp lắp ráp
ii. Sản phẩm cung cấp được sử dụng ở cả thị trường trong nước và xuất khẩu
iii. Đòi hỏi trong các ngành lắp ráp (như ô tô, xe máy, điện tử) và công nghiệp chế biến (như dệt may, da giày), nhưng có thể khác nhau về tính năng và yêu cầu
iv. Sản xuất có thể đòi hỏi các mức độ kỹ năng khác nhau của lực lượng lao động. Lao động có kỹ năng thấp vẫn được yêu cầu trong một số ngành công nghiệp để lắp ráp cơ bản, nơi chất lượng sản phẩm không bị ảnh hưởng trực tiếp bởi công nhân, trong khi lao động có kỹ năng cao được yêu cầu trong các ngành công nghiệp chính xác nơi chất lượng sản phẩm bị ảnh hưởng nhiều trong quá trình lắp ráp thủ công.

Sức mạnh và sự hiện diện của các ngành công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp liên quan của một quốc gia đóng vai trò như một chỉ báo về khả năng cạnh tranh quốc tế của một quốc gia. Việc phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu của ngành công nghiệp hỗ trợ có thể gây ra một số rủi ro bao gồm khả năng dễ bị tổn thương trước các cú sốc chuỗi cung ứng quốc tế và chi phí cao hơn. Ở cấp độ vĩ mô, sự phát triển thấp của các ngành công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp liên quan gây bất lợi cho Việt Nam về cạnh tranh FDI trong khu vực và rủi ro bị thay thế bởi một quốc gia khác. Các ngành công nghiệp hỗ trợ rất quan trọng vì chúng giúp tạo ra lợi thế địa phương trong các ngành công nghiệp hạ nguồn bằng cách sản xuất các sản phẩm đầu vào vốn được sử dụng rộng rãi và thiết yếu đối với việc đổi mới hoặc quốc tế hóa. Trong khi đó, sự hiện diện của các ngành liên quan sẽ giúp các công ty phối hợp và chia sẻ các hoạt động trong chuỗi giá trị, cũng như khuyến khích cạnh tranh. Điều quan trọng là chính phủ phải thực hiện các chiến lược nòng cốt để kiến tạo và tăng cường mối liên kết giữa các doanh nghiệp địa phương của Việt Nam và các công ty đa quốc gia, để không chỉ chia sẻ các kinh nghiệm một cách tốt nhất mà còn trong đổi mới và chuyển giao công nghệ. Sự hợp tác này sẽ giúp phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp liên quan trong nước, thúc đẩy năng suất, năng lực thu nhập và khả năng cạnh tranh của ngành công nghiệp địa phương Việt Nam.

Chính phủ đã thực hiện một số chính sách nhằm khuyến khích phát triển công nghiệp hỗ trợ ở Hưng Yên và Việt Nam nói chung. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế, thứ nhất là chính sách thu hút doanh nghiệp FDI không đi kèm với nghĩa vụ phát triển hệ thống nhà cung cấp trong nước tại Việt Nam - các doanh nghiệp FDI với hoạt động chính chủ yếu hoặc hoàn toàn dựa vào xuất khẩu, không bắt buộc phải nâng cao giá trị gia tăng nội địa của sản phẩm và phát triển chuỗi cung ứng trong nước. Do đó, chưa có sự liên kết giữa doanh nghiệp sản xuất hoàn chỉnh và doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ tại địa phương. Thứ hai, phương pháp khấu trừ thuế giá trị gia tăng đối với máy móc, thiết bị nhập khẩu phục vụ sản xuất đã có những thay đổi làm giảm khả năng chi trả của doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Thứ ba, chưa có quan điểm hỗ trợ cụ thể cho công nghiệp hỗ trợ, về hỗ trợ kỹ thuật và công nghệ như sửa chữa, kiểm tra, thử nghiệm và chứng nhận chất lượng. Cuối cùng, công nghiệp hỗ trợ đòi hỏi đầu tư vốn lớn cho máy móc, thiết bị, nhà xưởng, công nghệ, vật tư và nguồn nhân lực kỹ thuật. Tuy nhiên, kể từ khi Nghị định số 111/2015 / NĐ-CP được công bố vào năm 2015 nhằm thúc đẩy công nghiệp hỗ trợ, bao gồm cả việc cung cấp hỗ trợ tài chính, các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nước đã không thể tiếp cận bất kỳ khoản vay và viện trợ nào từ chương trình này kể từ năm 2018.

6.6. Những thách thức trong việc cải thiện các ngành công nghiệp liên quan và công nghiệp hỗ trợ

Thách thức chính mà Việt Nam phải đối mặt khi hội nhập sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu là cơ sở hạ tầng và chi phí logistics, trình độ kỹ năng của nguồn nhân lực và việc nội địa hóa vốn còn hạn chế của ngành công nghiệp hỗ trợ

Cơ sở hạ tầng và chi phí logistics

Ngành logistics ở Việt Nam đang bị phân tán rất nhiều mặt. Thứ nhất, cơ sở hạ tầng cảng biển của Việt Nam còn kém phát triển, gây ra tắc nghẽn và chậm trễ, ngoài ra, thủ tục hải quan và quy trình kiểm tra hàng hóa còn chậm, phần lớn do tính chất thủ công và thiếu tiêu chuẩn hóa. Thứ hai, cơ sở hạ tầng đường bộ và kết nối đường cao tốc từ cảng biển đến các khu công nghiệp đang cần được mở rộng do ảnh hưởng bởi tình trạng ùn tắc nặng nề, gây chậm trễ và tốn đọng, làm tăng chi phí vận tải. Thứ ba, nhiều cơ sở logistics không nằm gần cảng và các trung tâm sản xuất, làm việc luân chuyển hàng hóa kém hiệu quả, đặc biệt là các hàng hóa cần phải thông qua các giai đoạn trung gian từ nguyên liệu thô trước khi giao hàng, khiến tăng tăng thêm chi phí giao dịch. Do đó, so với Thái Lan, Trung Quốc và Malaysia, chi phí logistics của Việt Nam cao hơn trung bình từ 6% đến 12%, do đó ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh trong việc nhập khẩu nguyên liệu thô và sản xuất xuất khẩu.

Tại Hưng Yên, tỉnh đang trong giai đoạn hoàn thiện quy hoạch tổng thể hệ thống cảng trên sông Hồng và sông Luộc. Sau khi hoàn thành, sẽ tạo ra hệ thống giao thông đường thủy được tăng cường kết nối giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc vận chuyển hàng hóa trong và ngoài tỉnh. Về cơ sở hạ tầng vận tải hành khách và hàng hóa, năng lực và khả năng kết nối của Hưng Yên khá hiện đại , tuy nhiên, trước sự phát triển của ngành công nghiệp, các công trình nâng cấp trong tương lai là cần thiết.

Trong khi đó, sự kết nối giữa mạng lưới vận tải và cảng container nội địa (ICD) còn kém mà một trong những nguyên nhân là do kết nối đường sắt ở Hưng Yên kém. Điều đó cho thấy, Hưng Yên cần khuyến khích các tổ chức, cá nhân tăng cường nỗ lực đầu tư vào cảng cạn (ICD) hơn nữa[234]. Hiện Hưng Yên chỉ có 2 cảng cạn đặt tại Lạc Hồng và Văn Lâm, các kho bãi này chủ yếu phục vụ cho lĩnh vực xây dựng. Tỉnh đã đề xuất xây dựng 7 cảng cạn ICD từ năm 2021 đến năm 2025[235] tại nhiều vị trí để kết nối với các khu công nghiệp, cảng và đường thủy nội địa. Việc xây dựng các cảng cạn ICD được kỳ vọng sẽ giảm chi phí vận chuyển và hỗ trợ các khu công nghiệp[236].

Các nhà cung cấp dịch vụ logistics ở Việt Nam có thể được phân loại như sau:

- Các công ty đa quốc gia hoặc công ty liên doanh nhắm đến các khách hàng quốc tế tại Việt Nam bằng cách cung cấp các gói dịch vụ logistics
- Các công ty hoặc tổng công ty nhà nước, với sự chi phối thị trường logistics địa phương; và
- Các công ty tư nhân chủ yếu dựa vào tệp khách hàng khu vực tư nhân.

[234] Hưng Yên huy động các nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng giao thông, Báo Nhân dân Online, tháng 9/2021
[235] Báo cáo tóm tắt quy hoạch của Sở GTVT Hưng Yên, tháng 6 năm 2021
[236] Chương trình phát triển giao thông vận tải tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030

Thị phần chính của ngành phần lớn do các công ty đa quốc gia nước ngoài kiểm soát, chiếm khoảng 75% doanh thu toàn ngành. Tuy nhiên phần lớn trong số 3.000 công ty logistic của Việt Nam là các doanh nghiệp tư nhân vừa và nhỏ. Việc các doanh nghiệp này thiếu nhiều thị phần là do việc cung cấp các dịch vụ giá trị thấp và khó khăn trong việc thiết lập mạng lưới kết nối các cảng, kho bãi và các khu công nghiệp. Mặc dù các doanh nghiệp vừa và nhỏ này có nguồn vốn hạn chế, nhưng họ có tiềm năng lớn nhất để phát triển, cụ thể là việc nâng cao các hoạt động có giá trị gia tăng cao và sử dụng công nghệ để năng cao năng suất và hiệu quả.

Trình độ kỹ năng của nguồn nhân lực

Mặc dù có sự hiện diện của lực lượng lao động tương đối trẻ và có năng lực, quy mô nguồn nhân lực của Việt Nam còn nhỏ hơn nhiều (chỉ ở mức 57,8 triệu dân) so với khoảng 780 triệu của Trung Quốc và khoảng 500 triệu của Ấn Độ. Tuy nhiên, nguồn nhân lực của Việt Nam có thể tương đối bằng hoặc cao hơn Trung Quốc và Ấn Độ. Tuy vậy, để có được nguồn lao động lành nghề (đặc biệt có trình độ chuyên môn kỹ thuật) đáp ứng nhu cầu địa phương là một thách thức lớn, khiến ngành công nghiệp khó thuê lao động hơn cho các quy trình phức tạp. Có thể nói, Việt Nam đang thừa nguồn lao động sẵn có nhưng lại thiếu nguồn nhân lực có trình độ và kỹ năng[237], thực tế, chỉ có khoảng 12% toàn bộ lực lượng lao động của Việt Nam được coi là có kỹ năng cao vào năm 2019.[238]

Thực hiện chương trình khuyến công địa phương của tỉnh Hưng Yên năm 2017, hơn 720 công nhân đã được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức áp dụng sản xuất sạch, ngoài ra tỉnh còn tổ chức hàng loạt khóa học từ các doanh nghiệp, nhằm nâng cao năng lực quản lý cho lãnh đạo doanh nghiệp.

Tỷ lệ nội địa hóa các ngành công nghiệp hỗ trợ còn hạn chế

Tỷ lệ nội địa hóa công nghiệp hỗ trợ của Việt Nam là xấp xỉ 34%[239], thấp hơn đáng kể so với các nền kinh tế lớn khác như Trung Quốc (khoảng 68%) và Thái Lan (57%), do ngành công nghiệp hỗ trợ còn yếu và tỷ lệ thu mua nội địa thấp. Tuy nhiên, khả năng sản xuất các bộ phận chính vẫn còn kém phát triển dẫn đến khả năng sản xuất các thành phần có giá trị gia tăng cao còn hạn chế. Trong số 151.000 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng ở Việt Nam, chưa đến 1% (khoảng 1.400) công ty Việt Nam, chủ yếu là doanh nghiệp vừa và nhỏ, tham gia vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ. Trong số 1.400 công ty, chỉ có 36% đáp ứng các tiêu chí tham gia vào các hoạt động chuỗi cung ứng toàn cầu và tham gia vào sản xuất xuất khẩu[240].

Trong ngành dệt may, sản lượng vải chỉ đáp ứng được 15-16% nhu cầu trong nước do thiếu nhà cung cấp bông nội địa. Do đó, Việt Nam nhập khẩu khoảng 80-90% tổng nhu cầu bông mỗi năm. Tương tự đối với lĩnh vực điện tử, tổng giá trị nhập khẩu là khoảng77%[241] do sản xuất trong nước chủ yếu là sản xuất các bộ phận cơ bản như linh kiện nhựa-cao su và phụ tùng.

Tại Hưng Yên, các công ty nước ngoài chiếm tỷ trọng lớn trong ngành công nghiệp hỗ trợ, trong khi đó, các công ty địa phương sử dụng phương thức sản xuất kém hiệu quả và sản xuất ít sản phẩm tiêu dùng. Các công ty địa phương nhìn chung không có trình độ chuyên môn hóa cao, sức

[237] Tạp chí Nguồn nhân lực Châu Á Thái Bình Dương
[238] Nguồn: Manpower Group
[239] Tổ chức ngoại thương Nhật Bản - JETRO
[240] Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
[241] Thống kê sản xuất của Việt Nam

cạnh tranh thấp, phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu từ nước ngoài[242].Ngoài ra, mối liên kết với các nhà sản xuất chưa được thiết lập chặt chẽ trong tỉnh cũng như với các tỉnh lân cận (đặc biệt là vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ). Thiết bị và công nghệ sản xuất còn lạc hậu, tiêu tốn nhiều năng lượng, đòi hỏi chi phí lớn để bảo trì và góp phần gây ô nhiễm môi trường. Tiến độ phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp ở Hưng Yên còn hạn chế, một số dự án bị đình trệ thi công do bị thu hồi giấy phép đầu tư. Song song đó, nhà ở cho công nhân tại các khu công nghiệp cũng còn gặp nhiều hạn chế.

Hưng Yên đã làm tốt trong công tác xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài, tuy nhiên dường như có rất ít tác động lan tỏa đối với các công ty trong nước về chuyển giao công nghệ và kỹ năng.

Toàn cầu hóa trong ngành dệt may

Ở các công ty phương Tây, việc thuê gia công sản xuất ở các nước đang phát triển đã khiến việc làm trong các ngành công nghiệp ở châu Âu và Hoa Kỳ giảm mạnh lần lượt 42% và 66% từ năm 2000 đến năm 2015[243]. Điều này là do các nước đang phát triển như Trung Quốc, Việt Nam và Bangladesh có lợi thế cạnh tranh về chi phí lao động và sản xuất thấp hơn, vốn được thể hiện rõ ràng ở Hưng Yên.

Tuy nhiên, khi các nước đang phát triển đang dần tăng trưởng về kinh tế , chi phí lao động có thể tăng lên do việc kinh tế phát triển, bao gồm lực lượng lao động có kỹ năng cao hơn hoặc thông qua luật lương tối thiểu. Ví dụ, Trung Quốc là một trong những điểm đến hấp dẫn nhất do mức lương thấp, nhưng hầu hết các tỉnh đều đặt mức lương tối thiểu theo mức độ phát triển và chi phí sinh hoạt tương ứng của tỉnh, khiến tiền lương của người lao động Trung Quốc tăng 100% từ năm 2003 đến năm 2006 và tiếp tục tăng đều đặn kể từ đó[244].

Do chi phí và tiền lương của nhân viên ở Trung Quốc tăng cao đã khiến các nhà bán lẻ chuyển sản xuất sang các khu vực có chi phí thấp hơn ở những nơi khác như Ấn Độ, Bangladesh, Việt Nam và Indonesia. Gần đây, các công ty nước ngoài đã bắt đầu chuyển hoạt động sản xuất sang châu Phi để tìm kiếm nguồn lao động rẻ hơn, vì các quốc gia này gần đây đã mở cửa nền kinh tế của họ với chuỗi cung ứng toàn cầu vốn vô cùng phức tạp.

Hơn nữa, trong những năm gần đây, các công nghệ tự động như cắt laser, may rô bốt, máy in 3D, cánh tay rô bốt và máy dệt kim đã bắt đầu biến đổi ngành dệt may. Tổ chức Lao động Quốc tế gợi ý rằng những tiến bộ công nghệ này có thể vượt qua lợi thế cạnh tranh mà các nước đang phát triển, chẳng hạn như Việt Nam có thể mang lại, khiến các công ty nước ngoài phải chuyển về lại nước của họ.

Những xu hướng toàn cầu này cho thấy Hưng Yên (và Việt Nam nói chung) nên thận trọng trong việc đầu tư mạnh vào ngành dệt may vì Việt Nam (và Hưng Yên) có thể gặp phải những tác động tiêu cực về việc làm khi các công ty nước ngoài rời Hưng Yên (và hoàn toàn ra khỏi Việt Nam) để về lại nước sở tại hoặc đến các địa điểm khác như Châu Phi.

Bản thân Việt Nam là một thị trường may mặc đang phát triển mạnh mẽ với sự ưa chuộng của người tiêu dùng đối với các thương hiệu nước ngoài ngày càng tăng. Việt Nam cũng có vị trí địa lý tốt để đáp ứng các thị trường trong khu vực như khu vực Châu Á Thái Bình Dương. Trong khi

[242] VIDS, Đánh giá hiện trạng phát triển ngành công nghiệp tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2020
[243] Tổ chức Lao động Quốc tế, Báo cáo Tương lai của công việc trong ngành dệt may, da giày năm 2019
[244] Asia Pacific – apparel and non-apparel manufacturing – five forces analysis, 2020

đó, Hưng Yên có vị trí vô cùng thuận lợi để tiếp cận thị trường trong nước như thành phố Hà Nội và ra thị trường quốc tế thông qua cảng biển Hải Phòng và sân bay quốc tế Nội Bài.

Nếu Hưng Yên quyết định đầu tư hơn nữa vào ngành dệt may, Hưng Yên cần nhận thức được những thay đổi trên để đưa ra các chính sách giúp các công ty được thành lập và tồn tại lâu dài trên địa bàn tỉnh. Điều này có thể đạt được bằng cách tạo ra một hệ sinh thái phù hợp, với cơ sở hạ tầng tân tiến và lao động liên tục được nâng cao tay nghề, nhằm đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao trong ngành.

6.7. Vai trò của chính phủ

Chính quyền tỉnh Hưng Yên ("chính quyền tỉnh") đã tăng cường và nâng cao năng lực quản lý đất đai, hành lang giao thông, thủy lợi, bảo vệ môi trường và quy hoạch tổng thể. Những cải thiện này cùng với sự ổn định xã hội ở Hưng Yên đã giúp đầu tư vào Hưng Yên tiếp tục đạt được những bước đột phá. Điều này đã tạo ra những hiệu ứng lan tỏa như mang đến những công nghệ quản lý tiên tiến, phong cách làm việc chuyên nghiệp như đổi mới phương thức quản lý và mô hình kinh doanh. Bên cạnh đó, sự hiện diện của các công ty nước ngoài tại Hưng Yên đã giúp thiết lập quan hệ hợp tác kinh tế quốc tế trên các lĩnh vực như văn hóa, giáo dục, y tế.

Hưng Yên đã cải thiện được tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, các doanh nghiệp đã tạo ra 1.043 triệu việc làm và đóng góp tổng cộng 26.491 tỷ đồng vào ngân sách nhà nước từ năm 2016 đến năm 2020. Sự đóng góp của các doanh nghiệp và nhà đầu tư đã giúp Hưng Yên giảm phụ thuộc vào hỗ trợ từ ngân sách trung ương, thành tỉnh tự cân đối ngân sách từ năm 2017 và phấn đấu đưa Hưng Yên trở thành tỉnh công nghiệp vào năm 2025.

Mặc dù điểm số PCI của Hưng Yên tăng nhưng xếp hạng PCI của Hưng Yên đã giảm từ vị trí thứ 20 năm 2009 xuống vị trí thứ 58 vào năm 2020. Điều này cho thấy mặc dù đã có những cải thiện nhưng những nỗ lực của chính quyền tỉnh vẫn chưa đủ để tạo ra sự tăng trưởng kinh tế đáng kể cho tỉnh. Vẫn còn những tồn tại đáng kể trong hệ sinh thái kinh tế, ví dụ như tính hiệu quả của các dịch vụ công của chính quyền tỉnh, văn hóa đổi mới còn hạn chế, ô nhiễm môi trường và nhu cầu cải thiện liên kết giao thông. Trong phần này, chúng tôi sẽ phân tích quy mô của chính quyền tỉnh, các vấn đề chính ở Hưng Yên và nêu bật các sáng kiến chính do chính quyền tỉnh và trung ương đề xuất nhằm cải thiện sự phát triển của Hưng Yên nói chung.

6.7.1. Chi tiêu chính phủ

Theo thống kê của Chính phủ, chính quyền tỉnh luôn duy trì thặng dư ngân sách, nhờ vào sự đóng góp của các doanh nghiệp và nhà đầu tư, với tổng cộng 26.491 tỷ đồng vào ngân sách nhà nước từ năm 2016 đến năm 2020. Điều này làm giảm sự phụ thuộc vào hỗ trợ từ ngân sách trung ương, thành tỉnh tự cân đối ngân sách vào năm 2017 và thu ngân sách hàng năm đều vượt kế hoạch Trung ương giao năm 2017.

Tốc độ tăng thu ngân sách cao thứ hai trong các tỉnh thuộc vùng KTTĐBB, với Bắc Ninh có tốc độ tăng 470,2% so với cùng kỳ. Thu ngân sách địa phương tăng 381,37% từ 3.350 tỷ đồng lên 16.126 tỷ đồng trong giai đoạn 2010 - 2019, trong đó nguồn thu lớn nhất là doanh nghiệp và cá nhân kinh doanh, đất đai, và hải quan.

Số lượng doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ chiếm phần lớn doanh nghiệp tại Hưng Yên. Tuy nhiên, 75% doanh thu đến từ các công ty lớn. Về phân loại theo nguồn vốn, doanh nghiệp tư nhân là loại hình phổ biến nhất ở Hưng Yên và mang lại nhiều doanh thu nhất[245].

Cùng kỳ, ngân sách địa phương cũng tăng 286,61% từ 2.996 tỷ đồng lên 11.583 tỷ đồng. Tuy nhiên, chi tiêu của chính quyền tỉnh thuộc một trong những mức thấp nhất trong khu vực KTTĐBB. Chi tiêu của chính quyền tỉnh cho đầu tư phát triển đã tăng lên rất nhiều, bao gồm: giáo dục, đào tạo và dạy nghề; sức khỏe; và các dịch vụ kinh tế. Tuy nhiên, tỷ lệ chi tiêu trong các lĩnh vực này đã giảm (trừ đầu tư phát triển). So với các tỉnh khác, tổng chi tiêu ngân sách và chi tiêu bình quân đầu người của Hưng Yên là thấp nhất so với các tỉnh có trọng điểm công nghiệp tương tự.[246] Doanh thu thu được từ các doanh nghiệp và cá nhân kinh doanh cũng như thuế thu nhập cá nhân có thể có khả năng tăng gấp đôi.

6.7.2. Những vấn đề gặp phải ở Hưng Yên

Tính hiệu quả của các dịch vụ công của chính quyền địa phương

Điểm số PCI của Hưng Yên đã giảm từ vị trí thứ 20 năm 2009 xuống vị trí thứ 58 năm 2020. Hưng Yên đứng cuối cùng trong số bảy tỉnh trong vùng KTTĐBB về điểm số PCI (2013-2020) do các vấn đề về giải phóng mặt bằng, đền bù đất, tính minh bạch, thời gian xử lý thủ tục, dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp và lực lượng lao động. Sự sụt giảm lớn trong điểm số PCI của Hưng Yên cần được cải thiện bằng cách nâng cao thể chế và môi trường kinh doanh để thu hút đầu tư.

Sự phối hợp trong hoạt động quản lý nhà nước của các sở, ban, ngành tỉnh Hưng Yên còn hạn chế dẫn đến việc giải quyết các vướng mắc, khó khăn của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh mất nhiều thời gian. Ngoài ra, sự phối hợp kém giữa các cơ quan chính quyền địa phương, với các tỉnh khác và với chính quyền trung ương trong việc hoạch định và thực thi chính sách cũng là một nguyên nhân không nhỏ làm giảm tính hiệu quả của các dịch vụ công.

Việc thực thi các dự án FDI chưa chặt chẽ đã tạo điều kiện cho các nhà đầu tư trốn thuế, vi phạm chính sách pháp luật về lao động, tiền lương và môi trường. Nhà đầu tư lợi dụng thủ tục góp vốn, mua cổ phần, mua lại vốn của doanh nghiệp trong nước để đầu tư trái pháp luật.

Cải thiện liên kết giao thông

Như đã đề cập[247], mặc dù hệ thống đường bộ ở Hưng Yên hiện đại, được bảo trì tốt nhưng kết nối giao thông ở Hưng Yên còn hạn chế, phản ánh ở sự phát triển mất cân đối giữa hai vùng phía Bắc và phía Nam của Hưng Yên, hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung và kết nối liên vùng còn chưa đầy đủ[248]. Việc sử dụng kém hiệu quả các tuyến đường thủy và đường sắt, kết nối giao thông với Bắc Ninh còn hạn chế và thiếu kết nối giao thông công cộng với Hà Nội là những ví dụ về liên kết giao thông kém ở Hưng Yên. Định hướng phát triển giao thông đường bộ liên vùng theo trục Đông Tây chưa hình thành, làm giảm vai trò kết nối vùng với Hà Nam và Hà Nội. Chưa quy hoạch kết nối đường thủy nội địa và đường sắt gắn với động lực phát triển đô thị, công nghiệp và du lịch.

---

[245] Đại học Hertfordshire và Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội, các yếu tố hạn chế năng suất kinh doanh trong kỷ nguyên kỹ thuật số.
[246] Số liệu chi tiêu ngân sách và chi tiêu bình quân đầu người ở Bắc Ninh, Bình Dương, Đồng Nai
[247] Xem ngành Logistics trong phần 6.2.3.
[248] Đánh giá hiện trạng phát triển đô thị và nông thôn ở Hưng Yên, Viện Quy hoạch Đô thị và Thiết kế Nông thôn, tháng 7 năm 2021

Khi các hoạt động logistics và vận tải hành khách gia tăng (thể hiện qua tình trạng tắc nghẽn giao thông), nhu cầu cải thiện kết nối giữa Hưng Yên và Hưng Yên với các tỉnh khác sẽ ngày càng tăng. Ngoài ra, các đề xuất nâng cao nền kinh tế sẽ làm căng thẳng các liên kết giao thông hiện có. Các liên kết vận tải có thể gây hạn chế và chậm trễ trong việc di chuyển của hành khách, cũng như tạo ra sự tắt nghẽn trong chuỗi cung ứng.

Suy thoái môi trường

Chi ngân sách cho bảo vệ môi trường của Hưng Yên có xu hướng tăng, từ 27 tỷ đồng năm 2010, tăng 6,1 lần, đạt 165 tỷ đồng năm 2019. Chi cho môi trường năm 2019 của Hưng Yên chiếm 1,4% tổng chi ngân sách, cao hơn so với Bắc Ninh và Quảng Ninh (lần lượt là 1,1% và 1,3%). Tuy nhiên, suy thoái môi trường vẫn là một vấn đề then chốt.

Như đã đề cập trước đó, phát triển kinh tế theo hướng sản xuất tập trung công nghiệp chủ yếu mở rộng theo chiều ngang và tập trung vào khai thác tài nguyên, đã và đang đe dọa đến môi trường. Chất thải phát sinh từ công nghiệp, đô thị, sản xuất nông nghiệp, nông thôn, nhất là làng nghề, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản làm gia tăng ô nhiễm môi trường vốn chưa được kiểm soát triệt để. Việc sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và hóa chất trong sản xuất nông nghiệp đã giảm nhưng hầu hết các loại phân bón đều làm thoái hóa đất, ô nhiễm nguồn nước, ảnh hưởng đến tiêu chuẩn sức khỏe của thực phẩm và sức cạnh tranh của nông sản.

Vấn đề môi trường, đặc biệt là ô nhiễm môi trường nước và không khí đã được Hưng Yên quan tâm nhiều hơn. Tỉnh đã giám sát hệ thống xử lý nước thải (tham khảo mục 6.2.3) và hoạt động xử lý nước thải, đặc biệt là tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề cũng như xử phạt các doanh nghiệp vi phạm các quy định về môi trường.

Tuy nhiên, theo Viện nghiên cứu chiến lược, chính sách công thương cho biết, các tỉnh như Hưng Yên chỉ công nhận và điều tra ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp khi người dân gây sức ép với chính quyền địa phương. Một trong những nguyên nhân chính của vấn đề là do các dự án FDI đầu tư quy mô lớn, do các công ty đa quốc gia đầu tư hoạt động trong các ngành công nghiệp gây ô nhiễm và độc hại, có các sản phẩm hoặc quy trình có thể gây hại đến môi trường hoặc tác động tiêu cực đến sức khỏe con người[249].

Giáo dục

Đại dịch đã làm chậm việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học trong trường học cũng như làm giảm tỷ lệ nhập học của trẻ mầm non.

Chất lượng giáo dục phổ thông chưa đồng đều giữa các cấp học. Tính đến tháng 6 năm 2021, có tổng số 348 trường phổ thông, trong đó tỷ lệ 45,8% trường trung học phổ thông, và cả ba trường tiểu học - trung học cơ sở đều bị xếp loại "chất lượng không cao". Về trường mầm non, có 29 trường được xếp vào loại 'chất lượng không cao'

Tỷ lệ giáo viên tiểu học và trung học cơ sở có trình độ trên chuẩn chưa đạt chỉ tiêu, dẫn đến chưa đạt chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục số 43/2019/QH14. Ngoài ra, một số giáo viên còn chậm đổi mới, nguyên nhân một phần do trang thiết bị, đồ dùng dạy học mới được chưa được sử dụng nhiều để bảo dưỡng ở mức tối thiểu và thời gian soạn giáo án của giáo viên rất hạn chế do dạy hai buổi/ngày.

[249] Nguồn: Niên giám Luật Quốc tế Châu Á, Tập 23 (2017)

Giáo viên mầm non và phổ thông với phải dạy hai buổi một ngày, làm giảm đáng kể thời gian tham gia vào việc soạn giáo án. Hơn nữa, cơ sở hạ tầng của trường không đạt chuẩn. Không đủ các phòng học hiện đại, phòng học bộ môn, phòng chức năng, để đáp ứng cho các trường với lịch dạy học 2 buổi /ngày. Nhiều cơ sở phải đối mặt với tình trạng thiếu nhà vệ sinh và nước sạch. Điều tương tự cũng xảy ra đối với các cơ sở giáo dục thường xuyên, dạy nghề và giáo dục đại học, nơi cơ sở vật chất và trang thiết bị đào tạo chưa theo kịp sự tiến bộ của khoa học và công nghệ. Công tác đào tạo nghề chưa đáp ứng được nhu cầu nhân lực chất lượng cao của thị trường lao động cả về số lượng và chất lượng. Điều này là do sự phối hợp chưa tốt giữa nhà trường, doanh nghiệp và thị trường lao động về tuyển dụng và đào tạo. Việc thu hút đầu tư xây dựng các trường trong Khu Đại học Phố Hiến vẫn chưa hiệu quả.

Về mặt hành chính, cấp ủy, chính quyền một số địa phương chưa quan tâm đầu tư để toàn diện ngành giáo dục đạt chuẩn quốc gia. Ngoài ra, công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình chưa được quan tâm thường xuyên.

Thiếu sự đầu tư vào khoa học và công nghệ

Ngân sách hàng năm cho sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh liên tục tăng bình quân 10%/năm, tuy nhiên, vẫn còn thiếu so với mục tiêu 2% chi ngân sách của tỉnh so với các tỉnh Đồng bằng sông Hồng[250]. Trong khu vực tư nhân, có rất ít sự tập trung vào đổi mới công nghệ. Điều này là do vai trò của khoa học và công nghệ chưa được đề cao trong các dự án phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, mặc dù các cấp lãnh đạo đã nhận thức được vai trò của khoa học và công nghệ.

6.7.3. Các sáng kiến của chính phủ

Chính quyền địa phương đã thực hiện một số sáng kiến để khắc phục những vấn đề chính mà Hưng Yên phải đối mặt, như đã được nêu trong mục 6.7.2:

Tăng cường hợp tác liên vùng

Chính quyền địa phương sẽ tiếp tục cộng tác và phối hợp với các bộ, ban, ngành liên quan của Chính phủ Việt Nam cũng như với các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm. Các lĩnh vực điều phối chính sẽ là thực hiện đầu tư liên tỉnh và liên vùng, đồng bộ với các quy hoạch đã được phê duyệt trước ở quy mô quốc gia và khu vực.

Ví dụ như các dự án cơ sở hạ tầng giao thông và thủy lợi liên vùng, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội, Hải Dương và Bắc Ninh thực hiện kế hoạch cải tạo và nâng cấp hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải. Ngoài ra, cũng sẽ có sự phối hợp trong đào tạo nguồn nhân lực, hướng tới lao động chất lượng cao; hoạt động y tế, bảo vệ môi trường, hoạt động văn hóa, xã hội bao gồm giáo dục, an toàn giao thông và trật tự xã hội.

Tăng sản lượng của các ngành công nghiệp hỗ trợ

Trên cơ sở Nghị định 68/2017/QĐ-TTg[251], Chính phủ đã xây dựng Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2016 - 2025. Mục tiêu chính là sản xuất các sản phẩm công nghiệp

[250] Sở Khoa học và Công nghệ
[251] Nghị định 68/2017/QĐ-TTg ngày 25/05/2017 về quản lý, phát triển cụm công nghiệp

hỗ trợ phục vụ sản xuất trong nước và xuất khẩu; và tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Chính phủ đặt mục tiêu các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ lần lượt đáp ứng mục tiêu 45% và 65% nhu cầu sản xuất trong nước vào năm 2020 và 2025.

Lĩnh vực tập trung của công nghiệp hỗ trợ là công nghiệp điện tử và cơ khí chế tạo; công nghiệp may mặc và dệt may, da giày; công nghiệp công nghệ cao; và ngành công nghiệp ô tô[252].

Đối với giai đoạn 2020-2025, kế hoạch hành động của chính phủ là kết nối và hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trở thành nhà cung cấp sản phẩm cho thị trường trong và ngoài nước; xúc tiến, thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ. Thứ hai, đảm bảo hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu quản trị kinh doanh và quản trị sản xuất của chuỗi giá trị toàn cầu. Thứ ba, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Thứ tư, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trong sản xuất thử nghiệm các linh kiện, phụ tùng và vật liệu. Dự kiến kinh phí tài trợ cho giai đoạn 2021-2025 của chính sách là 870,7 tỷ đồng, trong đó ngân sách nhà nước là 750,2 tỷ đồng và từ các nguồn khác là 120,5 tỷ đồng.[253].
Ở cấp tỉnh, chính quyền tỉnh của Hưng Yên quản lý việc thực hiện chính sách; quyết định nguồn và mức hỗ trợ kinh phí; đảm bảo kinh phí từ ngân sách địa phương để thực hiện theo quyết định; xây dựng và gửi Bộ Công Thương để tổng hợp các đề án do Trung ương hỗ trợ theo chính sách; tổ chức kiểm tra, thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình thực hiện chính sách; tích cực thu hút các nguồn vốn ngoài ngân sách của địa phương để thực hiện; theo dõi, đánh giá và định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Công Thương tình hình thực hiện Chương trình trên địa bàn[254].

Nâng cao sự dễ dàng trong kinh doanh

Trên cơ sở Đề án Nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, chính quyền địa phương dự kiến đơn giản hóa, tăng tính minh bạch quy trình, thủ tục, giảm thời gian và chi phí thực hiện thủ tục hành chính. Chính quyền địa phương cũng có kế hoạch xây dựng Chính phủ điện tử cho Hưng Yên (theo Nghị quyết 36a của Chính phủ)[255] để đến cuối năm 2021, 55% dịch vụ công trực tuyến mức độ ba được cung cấp và 40% dịch vụ công trực tuyến thuộc quyền tài phán được cung cấp ở mức độ bốn.

Ngoài ra, chính quyền địa phương đang có kế hoạch tăng cường khả năng tiếp cận đất đai thông qua một nền tảng trực tuyến để giúp các nhà đầu tư và doanh nghiệp tiếp cận thông tin như quy hoạch và giải phóng mặt bằng, đền bù, đấu giá, và các tài liệu đất đai để cải thiện tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin.

Chính quyền tỉnh đã cam kết rút ngắn thời gian hoàn thành thủ tục thành lập doanh nghiệp xuống còn một ngày, cấp giấy phép lao động cho lao động nước ngoài xuống còn năm ngày, thông quan cửa khẩu xuống dưới 12 ngày đối với hàng nhập khẩu, và 10 ngày đối với hàng xuất khẩu. Hàng năm tổ chức đối thoại với các doanh nhân, nhà đầu tư trên địa bàn để thu thập ý kiến, kiến nghị và giúp đỡ tháo gỡ khó khăn[256].

---

[252] Nguồn: Vietnam Briefing
[253] Quyết định số 68/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ từ năm 2016 đến năm 2025 ngày 18/04/2017
[254] Quyết định số 10/2017/QĐ-TTg ban hành quy chế quản lý và thực hiện chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ ngày 03/04/2017
[255] Báo cáo những vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và 5 năm 2016-2020
[256] Nguồn: Tạp chí Diễn đàn Pháp luật và Pháp luật Việt Nam

Ưu đãi tiền thuê đất

Các dự án đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ được miễn tiền thuê đất 7 năm. Các dự án đầu tư vào làng nghề, dự án hạ tầng kỹ thuật nằm trong khu công nghiệp hỗ trợ được miễn 11 năm.

Ưu đãi thuế

Nghị định 111/2015/NĐ-CP[257] về ưu đãi thuế đối với tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên, sẽ có một số ưu đãi về thuế bao gồm miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm, giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong chín năm tiếp theo và 10% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 15 năm tiếp theo; miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị nhập khẩu để tạo tài sản cố định, doanh thu sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên được lựa chọn kê khai thuế GTGT theo tháng, quý, năm.

Ưu đãi tài chính

Các ưu đãi tài chính bao gồm giảm 50% chi phí sản xuất thử trong giai đoạn nghiên cứu và phát triển, các khoản vay được cấp tín dụng đầu tư từ Quỹ Hỗ trợ Phát triển của Chính phủ cũng như các khoản vay ngắn hạn với lãi suất thấp hơn lãi suất trần do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.

Ngoài ra, các khoản vay với lãi suất ưu đãi sẽ được cung cấp để xử lý ô nhiễm và tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường trong dự án.

Mở rộng liên kết giao thông

Đại hội Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ XVIII đã đi đến thống nhất rằng huy động nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và đô thị, nhất là giao thông là một trong ba khâu đột phá của tỉnh. Do đó, chính quyền địa phương đã thực hiện các dự án cải thiện mạng lưới giao thông[258].

Các công trình, đường giao thông cấp quốc gia, tỉnh, huyện được cải tạo, nâng cấp tạo thành mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông tương đối đồng bộ góp phần tạo nên cảnh quan kinh tế của Hưng Yên, đồng thời đảm bảo quốc phòng, an ninh phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Thực hiện theo Nghị quyết số 08/NQ-TU về Chương trình phát triển giao thông vận tải tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030, chính quyền địa phương sẽ phát triển hệ thống giao thông đồng bộ, hiện đại và bền vững, gắn kết các địa phương trên địa bàn tỉnh Hưng Yên với nhau, các tỉnh khác trong khu vực KTTĐBB và Hà Nội, như đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, cầu Hưng Hà, La Tiến, tuyến đường tỉnh 376 (tỉnh lộ 200), hệ thống đê bờ cánh tả sông Hồng.

Từ năm 2016 đến nay, Hưng Yên đã rót hơn 3,7 tỷ đồng để cải tạo, nâng cấp hơn 190 km đường huyện và cầu; hơn 241 km đường xã và cầu; trên 621 đường trục ấp, nội đồng. Các dự án này

[257] Nghị định 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 về phát triển công nghiệp hỗ trợ
[258] Báo Nhân dân, tháng 7 năm 2020, Hưng Yên huy động đầu tư kết cấu giao thông phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

sẽ nâng tỷ lệ đường huyện được trải nhựa hoặc bê tông hóa lên 97,7%, trong khi tỷ lệ đường xã/ấp và đường nội đồng lần lượt đạt 99,2% và 84,3%.

Chính quyền địa phương quy hoạch hình thành hệ thống cảng sông, bến thủy nội địa theo Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2020, định hướng năm 2030, đảm bảo giao thông đường thủy phục vụ khai thác và vận chuyển các vật liệu xây dựng và đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Logistics

Các mục tiêu chính của chính quyền địa phương đối với lĩnh vực logistics là: đáp ứng nhu cầu dịch vụ cho phát triển công nghiệp và thương mại; cải thiện cơ sở hạ tầng cảng, kho bãi, giao thông, thông tin và trung tâm hậu cần; chú trọng thu hút đầu tư phát triển các trung tâm logistics gần các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, đầu mối giao thông thuận tiện. Để đạt được những mục tiêu này, chính quyền địa phương xác định một số nhiệm vụ, như được trình bày dưới đây[259]: Chính quyền địa phương đặt mục tiêu **hoàn thiện chính sách và pháp luật về dịch vụ logistics** để công khai các chính sách này cho các nhà quản lý và chủ doanh nghiệp trong ngành logistics. Chính quyền địa phương đặt mục tiêu nghiên cứu xây dựng và thực hiện các chính sách khuyến khích đầu tư nhằm thu hút đầu tư vào cơ sở hạ tầng logistics từ nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước của các thành phần kinh tế.

Chính quyền địa phương sẽ **hoàn thiện cơ sở hạ tầng logistics**, bước đầu tiến hành rà soát để điều chỉnh, bổ sung và thực hiện quy hoạch tổng thể có tầm nhìn đến năm 2030. Hạ tầng bao gồm xây dựng kho bãi, trung tâm bán buôn và cảng nội địa. Đối với dịch vụ logistics, chính quyền địa phương sẽ hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật và thông tin cần thiết để phát triển dịch vụ logistics như mạng thông tin phục vụ sản xuất kinh doanh, trao đổi dữ liệu điện tử, hệ thống internet và cung cấp các dịch vụ (lưu kho, kho bãi, giao dịch, thông quan, dịch vụ tư vấn, và đóng gói). Hơn nữa, việc áp dụng hải quan điện tử sẽ được chuẩn hóa và thuận tiện hơn.

Nâng cao năng lực kinh doanh và chất lượng dịch vụ, tạo điều kiện tiếp cận các nguồn vốn trong và ngoài nước, phát triển thị trường, đào tạo và thông tin. Doanh nghiệp sẽ được hỗ trợ đàm phán hợp đồng, giải quyết tranh chấp; và hỗ trợ các ngành khác áp dụng các hoạt động logistics.

Chính quyền địa phương sẽ **đào tạo, nâng cao nhận thức và chất lượng nguồn nhân lực** cho cán bộ quản lý doanh nghiệp và quản lý nhà nước. Công tác phát triển nguồn nhân lực của tỉnh sẽ ưu tiên phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và liên kết các cơ sở đào tạo với doanh nghiệp để đáp ứng yêu cầu của cộng đồng doanh nghiệp.

Công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin sẽ được chú trọng thực hiện. Trọng tâm là đơn giản hóa, tăng cường tính minh bạch, và khả năng tiếp cận của các thủ tục liên quan đến xây dựng, xuất khẩu và thuế. Điều này sẽ đạt được nhờ việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, giúp tiết kiệm chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu và tăng cường hoạt động xuất nhập khẩu.

Khoa học, công nghệ và đổi mới

Phát triển khoa học và công nghệ có ý nghĩa sống còn đối với sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường. Chính quyền địa phương tin tưởng rằng chủ nghĩa xã

[259] Phát triển dịch vụ logistic tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2017-2020, tầm nhìn đến năm 2025

hội và hội nhập quốc tế sẽ có vai trò vô cùng quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh[260].

Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện và thực hiện các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bằng cách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, ứng dụng tiến bộ công nghệ để nâng cao năng suất, hiệu quả. Chính quyền địa phương có kế hoạch triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển và đổi mới công nghệ phù hợp với nhu cầu và định hướng của Hưng Yên. **Nâng cao việc sở hữu trí tuệ**, thiết lập và thực thi quyền sở hữu trí tuệ, hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển tài sản trí tuệ sẽ giúp khuyến khích đầu tư vào đổi mới. Đồng thời, quan tâm **phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp** và thu hút đầu tư cho hoạt động đổi mới sáng tạo

Chính quyền địa phương đang xây dựng một số trung tâm tri thức như Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn, Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ Khoa học và Công nghệ của Sở Khoa học và Công nghệ và Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh. Các trung tâm này sẽ được xây dựng tại thành phố Hưng Yên.
Nông nghiệp: nông nghiệp thông minh tập trung vào các mặt hàng chủ lực xuất khẩu. Nâng cao hàm lượng khoa học và công nghệ trong các sản phẩm của ngành nông nghiệp có tỷ trọng giá trị gia tăng cao, có lợi thế cạnh tranh để tham gia mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

Giáo dục

Mục tiêu của chính quyền địa phương là không ngừng cải thiện giảng dạy trong giáo dục đạo đức và kiến thức, kỹ năng sống, và trình độ ngoại ngữ và tin học. Điều này cho phép sinh viên đáp ứng được nhu cầu thị trường, chú trọng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh Hưng Yên và Việt Nam. Chính quyền Tỉnh đã đặt ra nhiều kỳ vọng sẽ đạt được vào năm 2025 và đến năm 2030 trong đó một số lĩnh vực chính đã được xác định[261].

Đến năm 2025, chính quyền địa phương có ít nhất 42% (45% vào năm 2030) trẻ 5 tuổi đi học mẫu giáo, 100% trẻ mẫu giáo được đi học và giảm tỷ lệ trẻ nhẹ cân, thấp còi xuống 2% (và dưới 2% vào năm 2030). Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 đối với giáo dục mầm non là 90%, giáo dục phổ thông ở cấp tiểu học là 80% và giáo dục trung học cơ sở là 90%. Đến năm 2030, 100% giáo viên đạt chuẩn đối với các cấp học.

Cải tiến nội dung, phương thức hoạt động của các trung tâm giáo dục cộng đồng, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc tự học, học-học nữa-học mãi, thông qua các trung tâm giáo dục cộng đồng. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo ít nhất phải đạt 70%, trong đó 30% phải có bằng cấp.
Chính quyền địa phương đặt mục tiêu thu hút các trường đại học đầu tư xây dựng tại Khu đại học Phố Hiến và địa bàn tỉnh. Các trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Công đoàn có mục tiêu xây dựng cơ sở tại Hưng Yên.

[260] Sở Khoa học và Công nghệ, Cung cấp thông tin phục vụ xây dựng quy hoạch tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, năm 2021
[261] Sở Giáo dục và Đào tạo, nội dung làm việc trong cuộc họp xây dựng Quy hoạch tổng thể tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tháng 6 năm 2021

Chương 7: Nhu cầu liên kết và định hướng mở rộng không gian phát triển của các cụm ngành của tỉnh

7.1. Xác định nhu cầu liên kết và phát triển các cụm ngành của tỉnh

Tổng quan về các cụm ngành của tỉnh

Các cụm ngành của tỉnh hay còn gọi là ngành trọng tâm được phân thành 3 ngành kinh tế mũi nhọn; nông, lâm nghiệp và thủy sản (gọi chung là nông nghiệp), công nghiệp và xây dựng (gọi chung là công nghiệp), và dịch vụ. Các phân tích được thực hiện tại chương này được dựa trên danh sách các ngành trọng tâm được xác định trong chương 3, bao gồm 14 phân ngành. Có 3 phân ngành thuộc nông nghiệp, 5 phân ngành thuộc công nghiệp và 6 phân ngành thuộc dịch vụ. Các hoạt động trong ngành nông nghiệp bao gồm trồng trọt, nuôi trồng thủy sản và chăn nuôi. Đối với ngành công nghiệp, các phân ngành là ô tô, điện và điện tử, thiết bị y tế và dược phẩm, kỹ thuật và dệt may. Năm phân ngành công nghiệp được đề xuất dựa trên các ngành công nghiệp hiện có ở Hưng Yên, tham khảo Mục IV.2b. của Báo cáo Khung Định hướng Quy hoạch, trong đó bao gồm các ngành công nghiệp hỗ trợ. Đối với dịch vụ, các phân ngành bao gồm các dịch vụ liên quan đến ngành (ví dụ như hoạt động kiểm tra và tuân thủ, hoạt động phòng thí nghiệm, quản lý chất thải và nước và bảo trì đường sắt), các dịch vụ khác (như bán lẻ và ngân hàng), hậu cần (logistics), phát triển phần mềm, giáo dục, du lịch văn hóa và tôn giáo.

Các hình thức liên kết ngành

Việc hình thành các cụm ngành thường xuất phát từ các yếu tố cụ thể, có thể do các điều kiện yếu tố cụ thể của địa phương, nhu cầu địa phương, các cụm ngành hiện có, ngành liên quan phụ cận và / hoặc chính sách ưu đãi của chính phủ. Các điều kiện kinh tế khác bao gồm hiệu quả kinh tế theo quy mô sản xuất, hiệu quả sử dụng lao động, cơ sở hạ tầng dùng chung, giảm chi phí giao dịch và các yếu tố địa phương khác[262]. Một yếu tố khác góp phần hình thành các cụm ngành là sự hiện diện của các chuỗi liên kết ngành. Liên kết ngành là khi các ngành này liên kết hoặc kết nối với các ngành khác, trong đó sự tồn tại của ngành này phụ thuộc nhiều vào ngành khác hoặc nâng cao quá trình sản xuất của ngành khác. Ví dụ, nông nghiệp liên kết với sản xuất chế biến rau đóng hộp. Các liên kết có thể là liên kết xuôi hoặc liên kết ngược[263].

Liên kết xuôi: Liên kết mà trong đó một ngành cung cấp nguyên liệu cho một ngành khác gần khách hàng cuối hơn chính nó.

Liên kết ngược: Liên kết mà trong đó một ngành lấy nguyên liệu từ một ngành khác gần với công đoạn sản xuất nguyên liệu thô hơn chính nó.

Lợi ích của liên kết ngành

[262] Báo cáo của OECD tại Hội nghị Bologna về Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nền kinh tế toàn cầu: Chiến lược và chính sách, 14-15/06/2000, Bologna, Ý
[263] Liên kết xuôi và liên kết ngược và các ngành then chốt, Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)

Các lợi ích phát sinh từ liên kết ngành có thể được phân tích như sau:

- *Sử dụng hiệu quả các nguồn lực* - Các ngành có thể tận dụng nguyên liệu thô ở gần, giảm thời gian vận chuyển nguyên liệu thô
- *Thúc đẩy việc làm tại địa phương* – Gia tăng khả năng tiếp cận việc làm và cơ hội việc làm
- *Tăng vốn FDI* – Sự hình thành các cụm ngành và liên kết ngành chặt chẽ là một cam kết về lợi ích hấp dẫn đối với các nhà đầu tư
- *Cải thiện cán cân thương mại* – Việc sử dụng nguồn cung ứng nguyên liệu trong nước có thể góp phần giảm nhập khẩu và tăng xuất khẩu
- *Tính kinh tế theo quy mô* - Liên kết ngành khuyến khích sản xuất quy mô lớn, giúp cho giá cả cạnh tranh hơn
- *Đổi mới và chia sẻ công nghệ* - Đổi mới và chia sẻ công nghệ có thể được thúc đẩy giữa các ngành liên kết để nâng cao hiệu quả và năng suất
- *Cải thiện sự tham gia vào chuỗi giá trị* – Nhờ vào việc giao tiếp và phối hợp tốt hơn giữa các ngành, sự tham gia vào chuỗi giá trị sẽ được cải thiện.

Hình thành liên kết: hợp lực giữa các ngành

Liên kết ngành khuyến khích và hỗ trợ sự quần tụ các cơ sở sản xuất công nghiệp phục vụ cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Sự quần tụ công nghiệp là một hiện tượng phản ánh sự tập hợp của các doanh nghiệp trong cùng một ngành, ở cùng một địa điểm[264]. Hiện tượng này thường được tạo ra từ nhu cầu giảm chi phí mua và bán hàng hóa, tập hợp khách hàng và tăng chuyển giao công nghệ và kỹ năng đổi mới sáng tạo.

Nhìn chung, các ngành công nghiệp như 5 ngành công nghiệp trọng tâm đã được xác định (ví dụ: ô tô, điện và điện tử, thiết bị y tế và dược phẩm, kỹ thuật và dệt may) cần được thiết lập gần các nhà cung cấp dịch vụ liên quan đến ngành và các doanh nghiệp logistics, hoặc ngược lại. Điều này thể hiện rõ qua việc sắp xếp các doanh nghiệp tại các khu công nghiệp hiện nay, chẳng hạn như Khu công nghiệp Yên Mỹ bao gồm chủ yếu các công ty sản xuất phụ tùng ô tô, sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất các thiết bị điện tử.

Các ngành liên quan đến thực phẩm có thể được bố trí gần với nguồn nguyên liệu đầu vào từ các trang trại (như cây trồng, vật nuôi, nuôi trồng thủy sản). Ví dụ, Khu công nghiệp Phố Nối A tại Văn Lâm, nơi hội tụ nhiều doanh nghiệp sản xuất chế biến nông sản và thực phẩm, có vị trí gần các khu vực trồng lúa và cây trồng lâu năm.

Trong khi đó, tăng cường mối liên kết giữa nông nghiệp và du lịch mang lại cơ hội đáng kể cho các trang trại quy mô nhỏ tại địa phương, giúp họ tăng thu nhập từ các dịch vụ và bán hàng thủ công, nông sản cho khách du lịch. Mối liên kết này cũng cải thiện việc phân phối lợi ích kinh tế tạo ra từ ngành du lịch cho các vùng nông thôn. Các điểm canh tác nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản thường là điểm dừng chân của khách du lịch trong các chuyến tham quan, phục vụ mục đích giáo dục, hoặc đáp ứng nhu cầu nghỉ chân ăn uống trong khung cảnh thiên nhiên[265]. Tuy nhiên, để nông nghiệp trở thành một lĩnh vực thu hút du lịch, cần có sự hợp tác mạnh mẽ giữa các ngành và các hoạt động bảo vệ môi trường bền vững từ cả hai phía. Bằng cách đó, ngành

[264] Liên kết công nghiệp, Canfei He và Shengjun Zhu
[265] Liên kết giữa du lịch và nông nghiệp ở Mexico, Torres R.

du lịch sẽ đóng vai trò là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp của địa phương và ngược lại.

Đối với lĩnh vực giáo dục, nhiều trường đại học có xu hướng hợp tác chính thức với các doanh nghiệp trong ngành về các lĩnh vực như xây dựng giáo án giảng dạy, hoạt động giảng dạy và học tập nhằm mục đích làm phong phú thêm kiến thức của sinh viên về các cơ hội việc làm và cải thiện khả năng có việc làm của sinh viên, cũng như cung cấp các nguồn tài trợ mới cho các cơ sở giáo dục đại học. Một số hợp tác giữa các cơ sở giáo dục và doanh nghiệp được phát triển sâu sắc hơn bằng cách cho phép các đối tác doanh nghiệp tham gia vào thiết kế và triển khai chương trình giảng dạy thông qua các mô hình hợp tác như học việc, đào tạo thực hành, mô phỏng tình huống thực tế và các chương trình đào tạo chuyên biệt của nhà tuyển dụng Trong số các ngành trọng tâm ở Hưng Yên bao gồm dịch vụ phát triển phần mềm, việc liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp trong ngành với các cơ sở giáo dục có thể giúp khuyến khích đổi mới sáng tạo, đặc biệt nếu các doanh nghiệp có bộ phận nghiên cứu và phát triển để sinh viên có thể quan sát và thực hành, hoặc các doanh nghiệp đang tìm kiếm nhân lực lành nghề. Việc lao động thiếu hụt kỹ năng phù hợp với yêu cầu của các doanh nghiệp trong ngành là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng thất nghiệp, do đó các mối liên kết giữa cơ sở giáo dục và doanh nghiệp trong ngành cần được thiết lập như gắn kết các hoạt động học thuật thông qua phối hợp với các doanh nghiệp để thiết kế các chương trình giảng dạy, bài giảng và thực tập tại doanh nghiệp.

Trong khi đó, các trường đại học có các khóa học liên quan đến công nghệ thông tin (CNTT) có thể được hưởng lợi từ việc thiết lệ các cơ sở gần với các doanh nghiệp trong ngành. Điều này tương tự với cấu trúc phát triển của Thung lũng Silicon ở Mỹ, nơi được biết đến như một trung tâm đổi mới công nghệ toàn cầu, do tập trung các công ty công nghệ lớn được hưởng lợi từ việc tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp có kỹ năng từ các cơ sở giáo dục tập trung vào đào tạo công nghệ như Đại học Stanford. Hà Nội được biết đến là trung tâm giáo dục phía Bắc, vì vậy Hưng Yên có thể hưởng lợi từ vị trí vệ tinh của Hà Nội bằng cách mở rộng cơ sở hạ tầng và thúc đẩy nhóm các công ty phát triển phần mềm trên địa bàn.

7.2. Luận chứng và xác định vùng, miền phát triển cho các cụm ngành của tỉnh: phạm vi, vai trò trong phát triển kinh tế tỉnh

7.2.1. Tổng quan về các hoạt động cấp huyện tại Hưng Yên

Bảng dưới đây thể hiện tổng thu ngân sách từ các hoạt động kinh tế[266] thực hiện trên địa bàn từng huyện, thị xã, thành phố:

[266] Tổng thu nội địa bao gồm thu từ thuế thu nhập cá nhân

Bảng 20: Tổng thu ngân sách từ các hoạt động kinh tế trên địa bàn Tỉnh theo 10 đơn vị hành chính cấp huyện [267]

Vùng / miền	Huyện / Thị xã / Thành phố	2017	2018	2019	CAGR 3 năm
Bắc	Ân Thi	84.676	163.053	468.586	77%
	Khoái Châu	161.783	475.313	470.348	43%
	TX. Mỹ Hào	828.678	1.147.065	1.818.419	30%
	Văn Giang	1.286.293	1.136.485	897.473	-11%
	Văn Lâm	1.195.561	2.323.289	2.967.300	35%
	Yên Mỹ	932.086	1.731.499	2.252.658	34%
Nam	Kim Động	168.026	251.250	267.095	17%
	Phù Cừ	327.943	359.487	575.551	21%
	Tiên Lữ	214.247	575.858	1.022.963	68%
	TP. Hưng Yên	1.343.809	-	-	-
Thu bởi tỉnh[268]		*2.160.581*	*1.824.399*	*1.568.661*	-10%
Tổng		**8.703.683**	**9.824.645**	**12.309.054**	12%

Đơn vị: Triệu đồng
Thông tin tại ngày 22/06/2020

Các huyện có mức thu ngân sách cao nhất trong giai đoạn 2017 – 2019 bao gồm: Văn Lâm, Yên Mỹ và thị trấn Mỹ Hào. Tất cả bảy khu công nghiệp hiện đang hoạt động đều nằm trên địa bàn ba huyện này. Do đó, nguồn thu chủ yếu của ba huyện đến từ thu thuế của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh và tiền sử dụng đất. Các khu công nghiệp này được ghi nhận là có tổng giá trị đầu tư khoảng 3,7 tỷ đô la Mỹ, trải rộng trên hơn 400 dự án. Trong nửa tháng đầu năm 2021, Hưng Yên đã thu hút được hơn 356 triệu đô la Mỹ vốn đầu tư nước ngoài, đứng thứ 13 trong số các tỉnh thành trong cả nước.

Trong khi đó, các huyện có mức tăng thu nội địa ba năm cao nhất là huyện Ân Thi, huyện Tiên Lữ và huyện Khoái Châu. Ân Thi và Khoái Châu là nơi tập trung một số dự án khu công nghiệp đã được quy hoạch và các cụm công nghiệp hiện hữu. Trong khi đó, phần lớn doanh thu của Tiên Lữ là thu từ tiền sử dụng đất.

7.2.2. Vùng và diện tích phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm của tỉnh

Các khu công nghiệp

Khu công nghiệp là khu vực tập trung các doanh nghiệp lớn chuyên sản xuất hàng công nghiệp và dịch vụ sản xuất công nghiệp. Tính đến năm 2020, tỉnh Hưng Yên đã đưa vào quy hoạch 15

[267] Niên giám thống kê năm 2019 của Hưng Yên, Chi cục Thống kê
[268] Thu ngân sách huyện là khoản thu thu từ các khoản thuế do các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh Hưng Yên nộp. Năm 2018 và 2019, số liệu ở đây bao gồm cả số thu của tỉnh và thành phố Hưng Yên do có hiệu lực từ tháng 6/2018, Kho bạc Nhà nước thành phố Hưng Yên sáp nhập với Kho bạc tỉnh.

khu công nghiệp với tổng diện tích 3.887,23 ha. Có 7 khu công nghiệp đang hoạt động và tiếp nhận dự án đầu tư đó là Khu công nghiệp Phố Nối A, Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối, Khu công nghiệp Thăng Long II, Khu công nghiệp Minh Đức, Khu công nghiệp Yên Mỹ, Khu công nghiệp Yên Mỹ II, Khu Công Nghiệp Minh Quang. Trong khi đó, 8 khu công nghiệp đang trong quá trình phát triển, một số khu công nghiệp đang trong quá trình khởi động: Khu công nghiệp Kim Đồng, Khu công nghiệp Tân Dân, Khu công nghiệp Lý Thường Kiệt, Khu công nghiệp sạch, Khu công nghiệp số 01, Khu công nghiệp số 03, Khu công nghiệp số 5 và Khu công nghiệp Thổ Hoàng. Các khu công nghiệp này đã thu hút được 41 dự án đầu tư vào năm 2020 (17 dự án FDI và 24 dự án DDI), tổng vốn đầu tư đăng ký tương đương khoảng 238 triệu đô la Mỹ. Căn cứ nhu cầu và điều kiện phát triển, Ban Quản lý các KCN tỉnh đề xuất bổ sung quy hoạch 12 Khu công nghiệp vào Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, với diện tích khoảng 4.077,25 ha.

Cụm công nghiệp

Trong giai đoạn 2011-2015, tỉnh Hưng Yên thực hiện việc lập kế hoạch phát triển cho các cụm công nghiệp với định hướng đến năm 2025. Tính đến năm 2020, có 39 cụm công nghiệp được quy hoạch trong tỉnh với diện tích 1.706,01 ha. Hiện có 16 cụm công nghiệp đã được UBND tỉnh quyết định thành lập, còn 23 cụm chưa thành lập. Tổng diện tích của 16 Cụm công nghiệp là 763,09 ha, tổng vốn đầu tư đăng ký là 6.917,95 tỷ đồng, tương đương 305 nghìn USD. Định hướng đến 2030, tỉnh sẽ có 61 cụm công nghiệp, với tổng diện tích 3.119,61 ha. Khái niệm cụm công nghiệp được dùng để chỉ khu vực tập trung các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, các cơ sở dịch vụ phục vụ sản xuất.

Bảng dưới đây mô tả các hoạt động trong ngành và các ví dụ về các công ty theo khu công nghiệp và đơn vị hành chính cấp huyện, dựa trên 7 khu công nghiệp hiện đang hoạt động.

Bảng 21: Các khu công nghiệp và hoạt động theo theo 10 đơn vị hành chính cấp huyện[269]

Vùng / miền	Huyện / thị xã	Khu công nghiệp	Hoạt động công nghiệp	Một số doanh nghiệp tiêu biểu
Bắc	Mỹ Hào	Khu công nghiệp Minh Đức	• Sản xuất, lắp ráp thiết bị điện, điện tử, điện lạnh • Sản xuất giấy, bao bì, gốm sứ • Chế biến nông lâm sản và thực phẩm • Sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp nhẹ	• **Sản xuất và kinh doanh thực phẩm Thành Đông:** Sản xuất thực phẩm không có thương hiệu • **Medi Valley**: Sản xuất các sản phẩm vệ sinh như mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa

[269] Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và làng nghề tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Vùng / miền	Huyện / thị xã	Khu công nghiệp	Hoạt động công nghiệp	Một số doanh nghiệp tiêu biểu
Bắc	Mỹ Hào	Khu công nghiệp Minh Quang	• Sản xuất hàng điện tử, điện lạnh, cơ khí • Chế biến nông lâm sản, thực phẩm • Sản xuất vật liệu xây dựng cao cấp và hàng tiêu dùng • Tham gia vào ngành công nghiệp bao bì, công nghiệp nhẹ và các ngành công nghiệp sạch khác	• **Công ty TNHH Nam Xương**: Sản xuất máy móc, thiết bị công nghiệp, điện lạnh, viễn thông
Bắc	Yên Mỹ	Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối	• Dệt may • Sản xuất cơ khí, điện tử • Sản xuất hóa chất, dược phẩm • Sản xuất hàng tiêu dùng	• **Công ty Dệt kim Hưng Yên**: Sản xuất vải, dệt như vải tái chế, đồ bơi, quần áo năng động và trang phục bền vững
Bắc	Yên Mỹ	Khu công nghiệp Thăng Long II	• Sản xuất sản phẩm cơ điện tử chính xác • Sản xuất cơ khí điện tử, máy móc giao thông, công nghiệp nhẹ • Sản xuất khí công nghiệp	• **Kyocera**: Gốm sứ và điện tử • **Daikin**: Sản xuất điều hòa nhiệt độ • **Nestlé**: Sản xuất nước giải khát dinh dưỡng • **Toyota**: Sản xuất linh kiện xe nâng
Bắc	Văn Lâm	Khu công nghiệp Phố Nối A	• Sản xuất, lắp ráp sản phẩm điện, điện tử, cơ khí, ô tô, xe máy • Sản xuất thép và các sản phẩm từ thép • Sản xuất, chế biến vật liệu xây dựng • Chế biến nông sản, thực phẩm	• **Hyundai Aluminium Vina:** Sản phẩm nhôm kính như cửa, quầy bar và mặt dựng • **Canon Electronics:** dụng cụ quang học và thiết bị chụp ảnh
Bắc	Yên Mỹ	Khu công nghiệp Yên Mỹ	• Sản xuất động cơ • Sản xuất vật liệu xây dựng • Cung cấp điện • Sản xuất điện tử	• **Viglacera**: Tường gốm và nhà sản xuất gạch lát nền
Bắc	Yên Mỹ	Khu công nghiệp Yên Mỹ II	• Lắp ráp điện, điện tử, cơ khí • Lắp ráp ô tô, ô tô • Sản xuất thép và các sản phẩm từ thép • Chế biến nông sản thực phẩm	• **Viglacera**: Nhà sản xuất gạch men ốp lát tường và sàn

Nhìn chung, các khu công nghiệp tập trung ở khu vực phía Bắc của tỉnh, còn phía Nam thực tế không có khu công nghiệp nào, chỉ có một khu công nghiệp được quy hoạch đặt tại huyện Kim Động. Các khu công nghiệp có xu hướng tập trung xung quanh đường cao tốc và các kết nối giao thông khác xung quanh trung tâm và phía Bắc của tỉnh, dựa trên cân nhắc các yếu tố như nơi có mật độ dân số cao nhất, có vị trí gần Hà Nội, sân bay Nội Bài và cảng Hải Phòng. Các loại hình công nghiệp rất đa dạng, từ công nghiệp nhẹ đến công nghiệp nặng nhưng phù hợp với 5 ngành công nghiệp trọng tâm được đề xuất cho Hưng Yên (ô tô, điện và điện tử, thiết bị y tế và dược phẩm, cơ khí và dệt may). Các huyện phía Bắc được coi là khu vực đô thị và tập trung dân cư đông hơn so với phía Nam, chủ yếu do vị trí gần Hà Nội nên có lợi thế về vị trí, khả năng kết nối liên vùng phát triển và chính sách đầu tư hấp dẫn, cho phép khu vực phía Bắc của tỉnh phát triển theo hướng đô thị hóa, công nghiệp và cơ sở hạ tầng.

Theo đề xuất của nhóm liên danh tư vấn tại Báo cáo khung định hướng quy hoạch cho tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn 2050, Hưng Yên có 2 vùng phát triển / đô thị hóa trọng tâm: (i) Vùng phát triển phía Bắc, tập trung phát triển đô thị - công nghiệp năng động; và (ii) Vùng phát triển phía Nam để phát triển đô thị, khoa học công nghệ, dịch vụ và du lịch. Vùng phát triển phía Bắc gồm 5 huyện (Văn Lâm, Văn Giang, Yên Mỹ, Khoái Châu, Ân Thi) và 1 thị trấn (Yên Mỹ). Trong khi đó khu vực phía Nam gồm 3 huyện (Kim Động, Tiên Lữ, Phù Cừ) và 1 thành phố (thành phố Hưng Yên). Quy hoạch phát triển phía Nam tập trung vào khoa học và công nghệ phù hợp với vị trí của Thành phố Hưng Yên và có khả năng là nơi tập trung dân cư đô thị trong tương lai, đồng thời phát triển công nghiệp chú trọng công nghệ sạch, công nghiệp công nghệ cao và các trung tâm R&D[270]. Các ngành dịch vụ được xác định như bán lẻ, ngân hàng, gia công quy trình kinh doanh, phát triển phần mềm, giáo dục và du lịch sẽ được chú trọng ở phía Nam.

Về phát triển nông nghiệp, hiện nay đất nông nghiệp phân tán rộng rãi trên địa bàn tỉnh, hầu hết các tỉnh đều tiến hành các hoạt động dựa vào nông nghiệp như trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản. Tại Hưng Yên, số trang trại liên tục giảm từ năm 2016 từ 901 trang trại xuống 751 trang trại năm 2020. Tuy nhiên, trong những năm qua, ba huyện duy trì số lượng trang trại nhiều nhất (bao gồm cả trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản) là Văn Giang (190 trang trại), Kim Động (145 trang trại) và Khoái Châu (134 trang trại), chiếm 62% số trang trại ở Hưng Yên. Các loại cây trồng khác nhau giữa các huyện, với các huyện khác nhau tập trung vào các loại cây trồng và trái cây khác nhau. Điều này cũng đúng đối với việc trồng trọt chăn nuôi. Trong khi đối với nuôi trồng thủy sản, các huyện Khoái Châu, Phù Cừ và Ân Thi có diện tích đất giao và sản lượng nuôi trồng thủy sản hàng năm lớn nhất, với sản lượng lần lượt là 9.833 tấn, 9.160 tấn và 7.771 tấn, chiếm 55% tổng sản lượng toàn tỉnh vào năm 2020[271].

7.3. Định hướng mở rộng không gian phát triển các cụm ngành của tỉnh

7.3.1. Tổng quan về diện tích đất và tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp

Trên cơ sở 7 khu công nghiệp đang hoạt động có quy mô diện tích thuê đất khác nhau từ 93 - 486 ha. Giá trị đầu tư của các khu công nghiệp cũng có phạm vi lớn, trị giá từ 10 triệu đô la Mỹ đến 2,3 tỷ đô la Mỹ. Số lượng lao động làm việc tại các khu công nghiệp lớn nhất là tại Khu công nghiệp Phố Nối A ở Văn Lâm và Khu công nghiệp Thăng Long II ở Yên Mỹ với 27.370 người và 23.555 người. Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối là khu công nghiệp nhỏ nhất về quy mô nhưng đạt tỷ lệ lấp đầy 100%, tiếp theo là Khu công nghiệp Thăng Long II với tỷ lệ lấp đầy 95,4%. Bảng dưới đây thể hiện điều này.

[270] Khung định hướng quy hoạch tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050
[271] Niên giám thống kê Hưng Yên,2020

Bảng 22: Các khu công nghiệp theo diện tích thuê đất, tỷ lệ lấp đầy, số lượng dự án, giá trị đầu tư và số lượng việc làm [272]

Vùng/ miền	Huyện/ Thị xã	Khu công nghiệp	Diện tích cho thuê đất (ha)	Tỷ lệ lấp đầy (%)	Số dự án	Giá trị đầu tư (triệu USD)	Số lượng việc làm
Bắc	Mỹ Hào	Khu công nghiệp Minh Đức	136	29,5	25	10,2	1.750
	Mỹ Hào	Khu công nghiệp Minh Quang	115	27,8	16	46,9	-
	Văn Lâm	Khu công nghiệp Phố Nối A	486	78,6	188	878,0	27.370
	Yên Mỹ	Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối	93	100	59	328,0	8.825
	Yên Mỹ	Khu công nghiệp Thăng Long II	345	95,4	98	2.300,0	23.555
	Yên Mỹ	Khu công nghiệp Yên Mỹ	204	23,7	2	43,5	70
	Yên Mỹ	Khu công nghiệp Yên Mỹ II	97,5	83	28	88,2	1.000

Trong ngắn hạn và trung hạn, Hưng Yên vẫn còn diện tích cho thuê trong khu công nghiệp. Dựa trên diện tích đất đươc phép cho thuê hiện có tại bảy khu công nghiệp đang hoạt động, tỉ lệ lấp đầy đạt khoảng 68%, trong đó 32% (khoảng 471 ha) còn lại có khả năng cho thuê. Về lâu dài, có tám khu công nghiệp mới được quy hoạch phát triển với tổng diện tích đất khoảng 1.609 ha. Các khu công nghiệp chủ yếu sẽ nằm ở khu vực phía Bắc của tỉnh, nhưng có 2 khu sẽ được bố trí ở phía nam huyện Kim Động. Bảng dưới đây nêu rõ điều này, cùng với hoạt động công nghiệp quy hoạch cho 3 trong số 8 khu công nghiệp dự kiến sẽ đi vào hoạt động trong tương lai gần.

Bảng 23: Các khu công nghiệp trong quy hoạch, theo huyện và diện tích đất

Khu vực	Huyện	Khu công nghiệp	Tình trạng hoạt động	Hoạt động công nghiệp	Diện tích đất (ha)
Nam	Kim Động	Khu công nghiệp Kim Động	Dự kiến sẽ hoạt động bắt đầu vào năm 2017, tính đến năm 2021 vẫn không hoạt động	• Sản xuất và lắp ráp các thiết bị điện tử như điện lạnh, thiết bị viễn thông • Phát triển công nghệ phần mềm • Sản xuất hàng tiêu dùng	100

[272] Quy hoạch phát triển đối với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và làng nghề tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Khu vực	Huyện	Khu công nghiệp	Tình trạng hoạt động	Hoạt động công nghiệp	Diện tích đất (ha)
Bắc	Khoái Châu, Yên Mỹ	Khu công nghiệp Tân Dân	Dự kiến đi vào hoạt động sớm	• Sản xuất cơ khí, ô tô, xe máy và máy nông nghiệp • Sản xuất thiết bị điện, điện tử, điện lạnh, công nghệ thông tin • Sản xuất thiết bị văn phòng, thể thao • Chế biến nông sản, thực phẩm ứng dụng công nghệ sinh học	300
Bắc	Ân Thi, Khoái Châu, Yên Mỹ	Khu công nghiệp Lý Thường Kiệt	Dự kiến khởi công sắp đi vào hoạt động	• Sản xuất cơ khí, ô tô, động cơ chu trình và máy nông nghiệp • Sản xuất thiết bị điện, điện tử, điện lạnh và công nghệ thông tin • Sản xuất thiết bị văn phòng, thể thao • Chế biến nông sản, thực phẩm và ứng dụng công nghệ sinh học	200
Bắc	Ân Thi, Khoái Châu	Khu công nghiệp sạch	Công bố tháng 7 năm 2020		143
Bắc	Ân Thi, Khoái Châu, Yên Mỹ	Khu công nghiệp số 3	Công bố tháng 7 năm 2020		160
Bắc	Ân Thi, Yên Mỹ	Khu công nghiệp 1	Công bố tháng 7 năm 2020		264
Bắc / Nam	Ân Thi, Kim Động	Khu công nghiệp Số 5	Công bố tháng 1 năm 2021		193
Bắc	Ân Thi	Khu công nghiệp Thổ Hoàng	Công bố tháng 1 năm 2021		250

7.3.2. Tổng quan về diện tích đất các cụm công nghiệp

Căn cứ vào 16 cụm công nghiệp đang hoạt động, có 6 cụm nằm ở phía Bắc, chiếm 324,6 ha và 10 cụm nằm ở phía Nam chiếm 438,5 ha.

Bảng 24: Diện tích đất theo cụm công nghiệp theo huyện và vị trí

Khu vực	Vị trí	Quận/Huyện/Thị xã	Diện tích (ha)
Bắc	Phạm Ngũ Lão - Nghĩa Đàn	Kim Động, Ân Thi	75,0
	Văn Nhuệ	Ân Thi	50,0
	Vân Du - Quảng Vinh	An Thị	45,0
	Quảng Lãng - Đăng Lê	Ân Thi	75,0
	Đông Khoái Châu	Khoái Châu	30,0
	Tân Dân	Khoái Châu	49,6
Nam	Ngô Quyền	Tiên Lữ	30,0
	Quan Độ	Phù Cừ	66,5
	Trần Cao - Quảng Hưng	Phù Cừ	50,2
	Hòa Phong	Thị trấn Mỹ Hào	17,8
	Phùng Chí Kiên	Thị trấn Mỹ Hào	50,0
	Làng nghề Hòa Phong	Thị trấn Mỹ Hào	5,4
	Minh Hải 1	Văn Lâm	68,5
	Minh Khai	Văn Lâm	52,3
	Minh Châu - Việt Cường	Yên Mỹ	50,0
	Yên Mỹ	Yên Mỹ	47,8

Đánh giá về nhu cầu đất đai sẽ được đưa vào Chương 8, thảo luận về các sáng kiến được đề xuất nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của các cụm ngành của tỉnh. Cụ thể, Chương 8 sẽ bao gồm ước tính về diện tích đất cần thiết cho các sáng kiến thúc đẩy được đề xuất và các sáng kiến khác (nếu khả thi) dựa trên các trường hợp tham chiếu của các sáng kiến tương tự[273].

[273] Việc này sẽ được thực hiện sau khi các sáng kiến được đánh giá và xác nhận với Chính quyền tỉnh và các thành viên khác của liên danh.

Chương 8: Chiến lược nâng cao năng lực cạnh tranh của từng cụm ngành (Tầm nhìn, Định hướng, Mục tiêu, Giải pháp và Kế hoạch hành động)

8.1. Định vị phát triển kinh tế và định hướng phát triển trọng điểm

Các ưu tiên và định hướng chính để phát triển Hưng Yên đến năm 2030, tầm nhìn 2050 được xây dựng dựa trên bốn vấn đề chính:

Chiến lược phát triển của Hưng Yên cần phù hợp với sự phát triển của Việt Nam và vùng Đồng bằng sông Hồng giai đoạn 2021 - 2030. Mục tiêu đến năm 2030 đạt GRDP bình quân đầu người 8.500 USD, tốc độ tăng trưởng cao hơn mức bình quân chung của cả nước và cả vùng, nâng cao năng lực cạnh tranh của Hưng Yên bằng cách tập trung vào đầu tư công nghệ cao, FDI, phát triển các khu công nghiệp, đô thị hóa, an toàn, bền vững.

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các khâu đột phá của Trung ương và của tỉnh, tập trung vào các khâu đột phá về kết cấu hạ tầng, giao thông, đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học và công nghệ. Hưng Yên có kế hoạch ưu tiên phát triển và thúc đẩy một số ngành, lĩnh vực thế mạnh, trong đó có khởi nghiệp.

Tiếp tục phát huy nội lực và lợi thế, bằng cách thu hút mọi nguồn lực sẵn có, tận dụng nhanh và bền vững như phát triển đô thị thông minh, nông thôn mới kiểu mẫu.

Giữ vững định hướng phát triển trên ba trụ cột: kinh tế, xã hội và môi trường. Chính quyền tỉnh đặt mục tiêu tăng tỷ trọng của nền kinh tế số trong GRDP trên 30% bằng cách xây dựng các thành phố thông minh; ưu tiên công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch; thương mại điện tử; phát triển cơ sở hạ tầng; nông nghiệp hiệu quả; giảm thiểu ô nhiễm ở tất cả các cấp kể cả các khu công nghiệp, làng nghề và khu vực nông thôn. Chính quyền địa phương sẽ tăng cường quan tâm thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội. Có sự tập trung củng cố Đảng để cho phép thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị ở Hưng Yên.

Đến năm 2045, Hưng Yên trở thành thành phố trực thuộc Trung ương giàu mạnh, hiện đại, thông minh. Hưng Yên cũng sẽ giàu bản sắc văn hóa thông qua việc phát huy các giá trị cốt lõi của văn hóa Phố Hiến cổ, vẻ đẹp thiên nhiên và bảo tồn bản sắc văn hóa của trung tâm đồng bằng sông Hồng. Với tiềm năng trở thành trung tâm sản xuất tiếp theo của châu Á, Chính phủ Việt Nam và chính quyền địa phương đang thực hiện một số nỗ lực để đảm bảo Việt Nam chuyển đổi từ nông nghiệp sang lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ. Các sáng kiến sau đây được đề xuất đã được phát triển để định hướng các ưu tiên và định hướng chính mà Hưng Yên muốn đạt được vào năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

8.1.1. Nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp

8.1.1.1. Vị trí, vai trò đối với phát triển kinh tế Hưng Yên

Trong ba ngành kinh tế mũi nhọn, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đóng góp tỷ trọng nhỏ nhất vào tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá so sánh và phần trăm dân số có việc làm của Hưng Yên. GRDP theo giá so sánh của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng trưởng bình quân 2,37%/năm trong giai đoạn 2011-2020, từ 4.647.597 triệu đồng lên 9.286.151 triệu đồng. Cùng với xu hướng chung của thế giới, ngành này đang dần chiếm tỷ trọng nhỏ hơn trong nền kinh tế Hưng Yên do tỉnh đang có những bước phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp và dịch vụ.

Về việc làm, năm 2020, khoảng 25,7% dân số có việc làm đang làm trong khu vực nông, lâm, ngư nghiệp[274], giảm mạnh từ con số 45.5% năm 2015, cho thấy xu hướng giảm số lượng lao động nông, lâm, ngư nghiệp trong những năm gần đây do thay đổi cơ cấu kinh tế. Tương tự, khu vực nông nghiệp chiếm tỷ trọng nhỏ nhất trong GRDP theo giá so sánh của Hưng Yên, đạt 9.3% năm 2020, và tỷ trọng này được ước tính sẽ giảm sâu hơn trong giai đoạn sắp tới, do Hưng Yên định hướng tập trung phát triển ngành công nghiệp.

Năm 2020, sản lượng rau và cây trồng chiếm 15,5% và 26,5% tổng sản lượng nông nghiệp, chăn nuôi gia súc và nuôi trồng thủy sản chiếm 58% tổng sản lượng nông nghiệp. Khu vực nông, lâm, ngư nghiệp hướng tới sản xuất hiệu quả, an toàn và bền vững, thu nhập bình quân trên 1 ha đất canh tác tăng ổn định. Năm 2020, thu nhập trên 1ha đất canh tác tại Hưng Yên đạt 210 triệu đồng, cao hơn 60 triệu đồng so với năm 2015.

Về xuất khẩu, giai đoạn 2020-2025, dự kiến thị trường trong nước, cụ thể là Hà Nội tiếp tục là thị trường mục tiêu chính của trái cây Hưng Yên[275].Vì vậy, Hưng Yên cần tiếp tục phát triển hệ thống phân phối, tận dụng chợ đầu mối, hệ thống siêu thị làm kênh tiếp thị nông sản trong nước. Về thị trường xuất khẩu nước ngoài, Trung Quốc vẫn sẽ là thị trường trọng điểm của cây ăn quả, hoa, cây cảnh của Hưng Yên, với định hướng chiến lược cho từng phân khúc thị trường. Ngoài ra, để đa dạng hóa thị trường và tránh phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc, Hưng Yên dự kiến sẽ mở rộng phạm vi hoạt động sang các thị trường xuất khẩu khác như ASEAN, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ và Châu Âu.

Năng suất lúa bình quân của Hưng Yên qua các năm khá ổn định, cao hơn bình quân của cả nước và vùng Đồng bằng sông Hồng mặc dù diện tích trồng lúa của Hưng Yên giảm khoảng 3,27%/năm trong giai đoạn 2011-2020. 100% diện tích gieo trồng ở Hưng Yên đều là giống lúa được chứng nhận, trong đó có lúa nếp thơm là thế mạnh của các tỉnh phía Bắc, tạo lợi thế cạnh tranh cho sản xuất lúa gạo của Hưng Yên.

Nhãn là cây trồng chủ lực của Hưng Yên, chiếm 32,8% diện tích trồng cây ăn quả. Hưng Yên hiện đang có mô hình trồng nhãn theo tiêu chuẩn VietGAP, theo đó cứ 1 ha nhãn cho thu nhập thêm khoảng 90-100 triệu đồng/ha so với trồng theo phương pháp truyền thống. Mặc dù có nhiều giống nhãn, 80% diện tích trồng nhãn của tỉnh được trồng bằng các giống nhãn chín muộn Khoái Châu và Hương Chi, 15% diện tích được trồng bằng các giống nhãn HTMl, HTM2, HTM6 của các tỉnh khác, trong khi giống nhãn đặc sản của tỉnh cho năng suất thấp nên tỷ trọng diện tích trồng còn thấp (5%). Sản phẩm nhãn của Hưng Yên đối mặt với sự cạnh tranh lớn từ các tỉnh

[274] Tính toán từ Niên giám thống kê tỉnh Hưng Yên 2020

[275] Định hướng phát triển nông nghiệp giai đoạn 2020 – 2025, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hưng Yên

như Sơn La, Hòa Bình, Bắc Giang do các địa phương này cũng trồng nhãn có nguồn gốc từ Hưng Yên, có lợi thế về quy mô với diện tích lớn hơn.

Hai loại vải thiều chính được trồng ở Hưng Yên là vải thiều lai và vải thiều trứng. Diện tích vải thiều của Hưng Yên tăng 2,56 lần lên 1.096 ha vào năm 2020 so với năm 2010. Giống vải thiều lai và vải trứng có giá trị kinh tế cao hơn, phù hợp với khí hậu, thổ nhưỡng ở một số xã. Vải lai tập trung ở phía Nam huyện Phù Cừ, trong khi vải trứng tập trung nhiều hơn ở xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cừ và xã Đa Lộc, huyện Ân Thi. Sản xuất vải thiều tại Hưng Yên cũng gặp phải sự cạnh tranh của các sản phẩm cùng loại ở các tỉnh Bắc Giang và Hải Dương.

Những năm gần đây, cây hoa và cây cảnh đã phát triển mạnh mẽ để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao. Đến năm 2020, có 982 ha trang trại hoa, tập trung chủ yếu ở các huyện Văn Giang, Văn Lâm, Khoái Châu. Thu nhập cao nhất trong các mô hình sản xuất là mô hình hoa cây cảnh, bình quân mỗi ha cho thu nhập từ 800 triệu đến 1 tỷ đồng. Một số mô hình ở Xuân Quan và xã Phụng Công có thể cho thu nhập 1,5-3 tỷ đồng / ha. Ngoài ra, cây dược liệu thích hợp với đồng đất ở các huyện Văn Giang, Khoái Châu, Văn Lâm, có thể cho thu nhập bình quân 300 - 400 triệu đồng/ha hàng năm.

Về chăn nuôi, 82% số trang trại tập trung ở các huyện Yên Mỹ, Khoái Châu và Văn Lâm và gần 95% sản phẩm chăn nuôi được tiêu thụ trong nước. Cơ cấu sản phẩm thịt chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng thịt gia cầm (từ 18,19% năm 2010 lên 29,53% năm 2020), giảm dần tỷ trọng thịt lợn (năm 2010: 79,51%, năm 2020: 67,44%) trong tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng hàng năm, điều này phù hợp với xu hướng tiêu dùng.

Nuôi trồng thủy sản tăng trưởng nhanh, sản lượng khai thác năm 2020 đạt 48.241 tấn, tăng 1,98 lần so với năm 2010. Nguyên nhân là do các địa phương đã tập trung chuyển đổi diện tích đất nông nghiệp kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản đồng thời áp dụng phương thức nuôi cá bán bán ao, lồng nổi trên sông Luộc, sông Hồng. Một số mô hình có thể góp phần nâng cao thu nhập như mô hình nuôi ếch và nuôi ba ba có khả năng tăng thu nhập hàng năm lần lượt là 150-200 triệu đồng/ha và 250-300 triệu đồng/ha.

8.1.1.2. Tầm nhìn và định hướng phát triển chính

Cấu trúc và chất lượng của sản phẩm

Các sản phẩm nông nghiệp của Hưng Yên tiếp tục đáp ứng nhu cầu thị trường và phương pháp làm nông nghiệp không ngừng được cải tiến để cho ra những sản phẩm chất lượng[276].Chất lượng tăng trưởng ngày càng được nâng cao, tỷ trọng giá trị gia tăng trong tổng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp tăng từ 55% năm 2010 lên gần 75% năm 2020[277] .

Hưng Yên có lợi thế so sánh về một số sản phẩm như nhãn, vải, gà Đông Tảo. Tích hợp công nghệ số trong các hệ thống nông nghiệp sẽ tạo ra những công việc mới đòi hỏi kỹ năng kiến tạo, triển khai, và quản lý các hệ thống công nghệ số. Nếu Hưng Yên có thể tự phát triển như một trung tâm Nghiên cứu và Phát triển (R&D) chuyên biệt về nghiên cứu và thử nghiệm cây trồng, cũng như một trung tâm dịch vụ nông nghiệp (ví dụ như chế biến sâu, chuyên môn hóa sản phẩm, logistics, tiếp thị), tỉnh sẽ có thể giữ chân và thu hút nhiều lao động có tay nghề cao từ nhiều lĩnh

[276] Hiện trạng và định hướng phát triển sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, tháng 6 năm 2021

[277] Báo cáo hiện trạng ngành Nông nghiệp Hưng Yên giai đoạn 2011 – 2020, Viện Chiến lược và Phát triển

vực khác nhau vào lĩnh vực nông nghiệp của mình. Nhu cầu lao động cho các hoạt động R&D và các dịch vụ liên quan đến nông nghiệp sẽ ngày càng tăng lên. Về chuyên môn của lao động, do Hưng Yên đặt mục tiêu nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp bằng nông nghiệp công nghệ và canh tác hữu cơ nên sẽ tạo ra nhiều cơ hội và nhu cầu về lực lượng lao động nông nghiệp có tay nghề cao. Việc nâng cao chuyên môn này bao gồm cả kiến thức khoa học và công nghệ (hiện đang là vấn đề quan trọng của Hưng Yên) và kỹ năng trồng trọt (một thế mạnh của các huyện phía Bắc như Văn Giang, Văn Lâm và Yên Mỹ).

Quy mô phát triển

Mặc dù chăn nuôi gặp nhiều thách thức do đại dịch COVID-19 và dịch tả lợn châu Phi 2019, nhưng tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 vẫn đạt 2,78% / năm, cao hơn giai đoạn 2011-2015 là 1,96%/năm. Tốc độ tăng trưởng chung của ngành nông nghiệp Hưng Yên giai đoạn 2011-2020 là 2,37%, thấp hơn mức bình quân chung của cả nước là 2,83%, cho thấy ngành nông nghiệp của tỉnh chưa phát huy hết tiềm năng và lợi thế. Tuy nhiên, chất lượng tăng trưởng đã được cải thiện khi tỷ trọng giá trị gia tăng trong tổng giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp tăng từ 55% năm 2010 lên xấp xỉ 75% năm 2020.

Từ năm 2011 đến năm 2020, toàn tỉnh đã chuyển đổi 16.700 ha đất từ các mô hình sản xuất kém hiệu quả sang các mô hình có hiệu quả kinh tế cao hơn như trồng hoa kiểng, trồng cây lâu năm, kết hợp chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản. Sự chuyển dịch này đã góp phần nâng giá trị sản xuất bình quân trên 1 ha canh tác/năm từ 92 triệu đồng năm 2010 lên 210 triệu đồng năm 2020. Việc chuyển đổi sang các mô hình có hiệu quả kinh tế cao hơn sẽ tạo điều kiện cho ngành nông nghiệp Hưng Yên chuyển dịch theo hướng hiệu quả hơn. sản xuất an toàn và bền vững trong tương lai.

Tới năm 2050, nhu cầu nông nghiệp toàn cầu dự kiến sẽ tăng 50% so với mức năm 2013 do dân số thế giới dự kiến đạt 10 tỷ người vào năm 2050[278]. Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng của thị trường nông sản Việt Nam dự kiến sẽ tăng từ 48 tỷ đô la Mỹ năm 2020 lên 92 tỷ đô la Mỹ năm 2040, với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) đạt 7,1%.

Sản lượng nhãn của Việt Nam tăng từ 503 tấn năm 2016 lên khoảng 590 tấn năm 2020. Hợp tác xã Quảng Châu có trụ sở tại Hưng Yên đang kỳ vọng sản lượng nhãn của họ sẽ đạt 3.500 tấn vào năm 2021. Thị trường vải thiều toàn cầu dự kiến sẽ đạt mức tăng trưởng 3,5% CAGR từ năm 2020 đến năm 2025 với các nhà sản xuất chính là Việt Nam, Trung Quốc, Ấn Độ. Thị trường sản phẩm nông nghiệp hiện có giá trị 30 tỷ đô la Mỹ và dự kiến sẽ tăng trưởng với tốc độ CAGR 9% từ năm 2021 đến năm 2026. Tỉnh Hưng Yên được kỳ vọng sẽ hưởng lợi từ nhu cầu thị trường tăng đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, bao gồm nhãn, vải và cây cảnh. Với việc tăng cường ứng dụng các công nghệ kỹ thuật số mới nổi, Hưng Yên có thể đạt được các mục tiêu dự kiến, nâng cao chất lượng cây trồng và nâng cao tỷ trọng giá trị gia tăng trong tổng giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp. Chính quyền Tỉnh cũng có kế hoạch tăng cường đa dạng hóa mạng lưới xuất khẩu nông sản để giảm thiểu rủi ro phụ thuộc quá nhiều vào một thị trường duy nhất như Trung Quốc và mở rộng sang các thị trường chưa được khai thác để phát huy tiềm năng tăng trưởng trong tương lai.

Chất lượng và hiệu quả hoạt động

Từ năm 2016 đến năm 2020, tỉnh Hưng Yên đã xây dựng và ban hành một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp và nông thôn với sáu quy hoạch ngành và 25 chương trình, dự

[278] Tương lai của Nông nghiệp - lương thực - Xu hướng và thách thức, Tổ chức Nông nghiệp và lương thựuc Liên hợp quốc, 2017

án. Có thể kể đến như chương trình Phát triển nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, có giá trị gia tăng cao và bền vững; đề án Phát triển liên kết chuỗi trong sản xuất nông nghiệp; dự án chăn nuôi, thủy sản; dự án Mỗi xã một sản phẩm (OCOP); dự án giống cây trồng, thành lập tổ chức kinh tế hợp tác; dự án tích tụ ruộng đất; dự án phát triển vùng sản xuất cây ăn quả, cây hoa màu tập trung. Các chương trình, đề án, chính sách này đã giúp nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tiếp cận và ứng dụng các giải pháp khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất nông nghiệp. Tái cơ cấu nông nghiệp ở Hưng Yên đã mang lại nhiều thành tựu cho ngành nông nghiệp: Tổng giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệpcủa tỉnh tăng trưởng bình quân 2,87%/năm; đến năm 2020, giá trị thu được trên 1 ha đạt trên 210 triệu đồng, tăng 60 triệu đồng/ha so với năm 2015; thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn tỉnh Hưng Yên đến năm 2020 đạt trên 50 triệu đồng/năm, tăng 21 triệu đồng so với năm 2015 và tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm còn 1,48%.

Việc phát triển định hướng tới một mô hình nông nghiệp thông minh cho tương lai sẽ đòi hỏi nhiều nguồn lực hơn cho R&D và đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động để chuẩn bị cho quá trình chuyển đổi kỹ thuật số. Một ví dụ điển hình là Campus Zeeland ở Zeeland, Hà Lan, được xây dựng dựa trên sự hợp tác của các doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu và chính phủ nhằm thúc đẩy mối liên kết chặt chẽ giữa giáo dục và kinh doanh. Điều này cho phép phát triển khu vực Zeeland thông qua đầu tư vào các khóa đào tạo phù hợp với thế mạnh của các khu vực lân cận. Hưng Yên có thể áp dụng chiến lược tương tự để cung cấp R&D sâu rộng trong nông nghiệp và các công cụ chuyển đổi kỹ thuật số, đồng thời tạo ra lực lượng lao động có tay nghề cao hơn để đáp ứng nhu cầu của ngành nông nghiệp thông minh.

Các nhân tố phát triển bền vững

Cơ giới hóa

Có thể nói rằng sự gia tăng sử dụng máy kéo ở Việt Nam kể từ những năm 1990 là kết quả của sự gia tăng trong nhu cầu sử dụng sức lao động nông nghiệp nói chung, không phải do sức lao động cơ giới thay thế sức lao động nông nghiệp thủ công. Trong khi không có nhiều thay đổi rõ rệt về sở hữu máy kéo được ghi nhận, tỷ lệ hộ canh tác thuê máy đã tăng hơn gấp ba lần, từ 19% năm 1992 lên 63% năm 2008. Tỷ lệ hộ gia đình thuê lao động cũng tăng mạnh từ 32% năm 1992 lên 55% vào năm 2008.

Thời gian qua, chính phủ đã khuyến khích việc sử dụng máy móc trong nông nghiệp để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng[279]. Ở Hưng Yên, tỉnh đã hỗ trợ người sản xuất mua 126 máy với chi phí 8,1 tỷ đồng. Mặc dù điều này sẽ cải thiện năng suất của ngành nông nghiệp, vẫn có khả năng lao động bị dịch chuyển do quá trình chuyển đổi này, đặc biệt là những lao động truyền thống. Những người lao động truyền thống này có thể phải đối mặt với việc giảm lương do thiếu các kỹ năng phù hợp với quá trình chuyển đổi sang nông nghiệp cơ giới hóa. Trong tương lai, chính quyền địa phương cần triển khai đa dạng các chương trình dạy nghề để nâng cao kỹ năng cho nông dân thành thạo trong việc ứng dụng công nghệ vào sản xuất nông nghiệp hoặc hỗ trợ họ chuyển đổi từ nông nghiệp sang các lĩnh vực khác như công nghiệp hoặc dịch vụ đang phát triển ở Hưng Yên. Thông qua những nỗ lực này, chính phủ có thể cải thiện Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), phản ánh sức mua cao hơn trong tương lai.

[279] Các chiến lược cơ giới hóa nông nghiệp của Việt Nam, Diễn đàn khu vực về cơ giới hóa nông nghiệp bền vững tại Châu Á Thái Bình Dương, tháng 10 năm 2013

Cung cấp đào tạo

Chính quyền địa phương đã tăng cường ưu tiên đào tạo nông nghiệp để thích ứng với những tiến bộ công nghệ trong ngành. Khoảng 15.000 nông dân được đào tạo hàng năm về các lĩnh vực trọng tâm như trồng trọt, duy trì cây giống và nuôi trồng thủy sản.

Những nỗ lực của chính quyền địa phương nhằm thúc đẩy nâng cao tay nghề của nông dân sẽ không chỉ tăng năng suất và sản lượng nông nghiệp ở Hưng Yên mà còn giảm thiểu số lượng công nhân thất nghiệp do cơ giới hóa bằng cách giúp nông dân thích nghi tốt hơn với máy móc. Những công nhân lành nghề này cũng có thể chuyển sang các lĩnh vực khác ngoài nông nghiệp. Nếu một phần lao động nông nghiệp lành nghề có thể tìm kiếm cơ hội trong các ngành công nghiệp và dịch vụ với tỉ lệ phù hợp, nhiều thách thức trong việc thích ứng với nền nông nghiệp chuyển đổi số mới sẽ được giải quyết. Điều này sẽ giúp Hưng Yên trở nên cạnh tranh hơn và đủ khả năng cung cấp lao động có tay nghề cao, phù hợp với sự phát triển của tỉnh.

8.1.2. Công nghiệp

8.1.2.1. Vị trí, vai trò của phát triển kinh tế Hưng Yên

.

Khu vực công nghiệp đóng góp tỷ trọng lớn nhất trong tổng GRDP theo giá so sánh, tổng số lao động và tổng giá trị gia tăng của Hưng Yên. GRDP theo giá so sánh khu vực công nghiệp tăng trưởng bình quân hàng năm 9,42% trong giai đoạn 2011-2020 từ 15.247.715 triệu đồng lên 34.255.386 triệu đồng. Năm 2020, khu vực công nghiệp chiếm 56,37% tỷ trọng đóng góp vào GRDP của tỉnh Hưng Yên[280] . Cơ cấu kinh tế tỉnh Hưng Yên phù hợp với định hướng phát triển của UBND tỉnh cũng như xu hướng tăng trưởng của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ (Vùng KTTĐBB), với 5/7 tỉnh có lĩnh vực công nghiệp và xây dựng chiếm hơn 50% GRDP.

Việc làm trên toàn tỉnh Hưng Yên cũng đang chuyển dịch theo hướng tập trung vào công nghiệp khi tỷ trọng lao động có việc làm trong lĩnh vực công nghiệp tăng từ 21,4% năm 2015 lên 45,5% năm 2020. Những chính sách phát triển trong vòng 10 năm qua đã giúp thúc đẩy tăng trưởng công nghiệp và đô thị ở các quận phía Bắc, tạo ra nhiều việc làm và đóng góp kinh tế cho ngành công nghiệp.

Cụ thể trong khu vực công nghiệp, công nghiệp chế biến, chế tạo đóng vai trò rất quan trọng trong ngành công nghiệp chính của Hưng Yên, đóng góp khoảng 93,5% GRDP toàn ngành giai đoạn 2011-2020. Những ngành khác đóng góp rất ít, lần lượt là ngành cấp nước, quản lý và xử lý nước thải, chất thải rắn (6,45%) và sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí (1,55%)[281].

Tỷ trọng giá trị gia tăng trên tổng sản lượng (VA/GO) có xu hướng giảm dần trong giai đoạn 2010 - 2020. Năm 2010, tỷ trọng VA / GO đạt 16,46% và giảm xuống 14,94% vào năm 2020[282]. Điều này cho thấy, sản xuất công nghiệp của tỉnh tuy tăng trưởng khá nhưng vẫn chủ yếu dừng lại ở lắp ráp, đòi hỏi nhiều lao động nhưng tạo ra giá trị gia tăng thấp.

Cụm ngành ô tô thường tập trung ở Hải Phòng, Vĩnh Phúc, Hải Dương và Quảng Ninh, do trụ sở của các nhà sản xuất, lắp ráp ô tô lớn như Hyundai, Vinfast và Ford được đặt tại các tỉnh

[280] Niên giám thống kê tỉnh Hưng Yên 2020
[281] Đánh giá hiện trạng phát triển ngành công nghiệp Hưng Yên giai đoạn 2011 – 2020, Sở Công thương
[282] Đánh giá hiện trạng phát triển ngành công nghiệp Hưng Yên giai đoạn 2011 – 2020, Sở Công thương

này. Hưng Yên có 2 khu công nghiệp tập trung nhiều doanh nghiệp ô tô nhất là Thăng Long II và Phố Nối A, với hoạt động chủ yếu là sản xuất linh kiện và quy trình lắp ráp ô tô. Đến năm 2030, Hưng Yên mong muốn đạt sản lượng sản xuất động cơ và chi tiết động cơ ô tô đạt 1,8 - 2 triệu sản phẩm, dây điện và cụm điện đạt 17 đến 18,5 triệu sản phẩm, linh kiện nhựa và cao su cho ô tô đạt 25.000 tấn thông qua các khoản đầu tư vào công nghệ mới và nguồn nhân lực.

Hưng Yên phát triển mạnh với vai trò nền tảng trong ngành điện và điện tử, tập trung nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Khu công nghiệp Thăng Long II và Phố Nối A, chủ yếu cung cấp linh kiện, phụ tùng cho một số ngành công nghiệp trong nước. Ngành công nghiệp điện và điện tử của Hưng Yên đóng vai trò là đầu mối hỗ trợ cho các tỉnh vùng KTTĐBB như Hà Nội, Bắc Ninh và Hải Phòng về sản xuất hoặc lắp ráp linh kiện điện tử để cung cấp cho các nhà sản xuất lớn sản xuất các sản phẩm cuối cùng.

Hưng Yên có 68 cơ sở sản xuất dược phẩm, hóa dược và sản phẩm thực vật với 1.725 lao động. Hiện các khu công nghiệp của Hưng Yên có 7 dự án dược phẩm (các dự án tập trung tại khu công nghiệp Yên Mỹ II). Công ty Cổ phần Traphaco là doanh nghiệp sản xuất thuốc quan trọng của Hưng Yên với nhà máy đặt tại huyện Văn Lâm. Đây là cơ sở sản xuất thuốc đông dược đầu tiên và lớn nhất tại Việt Nam. Nhà máy được cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn GPs-WHO, với những công nghệ gần như tiên tiến nhất cả nước.

Ngành công nghiệp vật liệu xây dựng ở Hưng Yên tập trung chuyên môn hóa cao vào sản xuất vật liệu xây dựng và thiết bị xây dựng, với khoảng 159 doanh nghiệp hoạt động trải đều trên địa bàn tỉnh. Hưng Yên có khả năng cạnh tranh cao trong ngành này khi đóng góp 24% tổng doanh thu của các doanh nghiệp vùng KTTĐBB, đứng thứ hai sau Hà Nội. Đến năm 2030, Hưng Yên sẽ tăng cường phát triển sản xuất vật liệu xây không nung với công nghệ tiên tiến.

8.1.2.2. Tầm nhìn và định hướng phát triển chính

Cấu trúc và chất lượng của sản phẩm

Sản xuất công nghiệp là động lực chính thúc đẩy kinh tế Hưng Yên phát triển và giữ được tốc độ tăng trưởng cao. GRDP của ngành tăng trưởng hàng năm ở mức 9,61% trong giai đoạn 2011-2020 và vốn bình quân trên một lao động cũng tăng từ 520,56 triệu đồng lên 559,65 triệu đồng từ năm 2015 đến năm 2019.

Với mục tiêu phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao và có giá trị gia tăng cao, ngành công nghiệp dự kiến sẽ gia tăng các hoạt động R&D, gia tăng số lượng lao động trình độ cao. Ví dụ, các cụm sản xuất và lắp ráp ô tô tại Hưng Yên có thể hướng tới sản xuất xe điện (EV) hoặc ô tô hybrid (dòng xe sử dụng kết hợp động cơ đốt trong truyền thống và một hay nhiều động cơ điện để tạo ra lực kéo) để bắt kịp với xu hướng toàn cầu về các loại xe thân thiện với môi trường. Sự chuyển hướng sang các công nghệ mới trên cơ sở R&D sẽ có thể thu hút nhiều doanh nghiệp toàn cầu. Về lao động trình độ cao, Hưng Yên đặt mục tiêu nâng cao năng suất và hiệu quả thông qua phát triển thành phố thông minh và chuyển đổi số. Điều này sẽ mở ra nhiều cơ hội và tạo ra nhu cầu nhân lực lao động công nghiệp có trình độ cao, đặc biệt là kiến thức khoa học và công nghệ, điều mà hiện tại Hưng Yên đang thiếu.

Quy mô phát triển

Lĩnh vực công nghiệp được coi là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế ở Hưng Yên. Ngành công nghiệp ô tô có thể đạt được tốc độ tăng trưởng nhanh nhờ giới thiệu công nghệ mới và cải thiện nguồn nhân lực để đạt mục tiêu 1,8 đến 2 triệu sản phẩm của tỉnh vào năm 2030. Việc chuyển

hướng sang xe điện cũng có thể thúc đẩy ngành ô tô Hưng Yên tăng trưởng theo xu hướng toàn cầu, khi mà doanh số EV tăng 160% trong nửa đầu năm 2021, chiếm 26% doanh số bán hàng mới trên thị trường ô tô toàn cầu[283].

Lĩnh vực điện và điện tử cũng được dự báo sẽ có cơ hội tăng trưởng lớn do thị trường hiện tại được điều hành bởi các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Việc thành lập Công ty Cổ phần Kyocera tại Hưng Yên, tập trung vào các thiết bị gắn kết bề mặt được sử dụng trong lĩnh vực điện tử tiêu dùng, có thể thúc đẩy tăng trưởng và thu hút các doanh nghiệp lớn đến Hưng Yên. Ngành công nghiệp điện và điện tử dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng trên toàn cầu với tốc độ 6,8% trong giai đoạn 2020-2025 [284] do nhu cầu ngày càng tăng của người tiêu dùng đối với máy tính và thiết bị điện cho mục đích làm việc tại nhà, giải trí hoặc liên lạc.

Thiết bị y tế và dược phẩm có không gian phát triển rất lớn, đặc biệt là trong lĩnh vực thiết bị y tế, do các sản phẩm hiện nay còn tập trung vào các sản phẩm có giá trị gia tăng thấp. Với việc thu hút các doanh nghiệp lớn vào thị trường tỉnh, Hưng Yên có thể mở rộng cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực y học hiện đại thông qua các hoạt động R&D chuyên sâu. Điều này phù hợp với mục tiêu tăng trưởng ngành dược phẩm Việt Nam đạt giá trị 16,1 tỷ USD vào năm 2026[285] và xu hướng nâng cao ý thức bảo vệ sức khỏe sau đại dịch COVID-19.

Chất lượng và hiệu quả hoạt động

Năm 2021, hoạt động công nghiệp chiếm 61,31% GRDP của tỉnh, tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2011 - 2020 là 9,61%/năm[286]. Xét trên các ngành nghề trọng tâm, số cơ sở công nghiệp tăng từ 8.178 cơ sở lên 10.152 cơ sở từ năm 2016 đến năm 2020. Trong đoạn 2016 - 2020, tỉnh Hưng Yên đã thu hút được 816 dự án đầu tư, nâng tổng số dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh lên 1.985 dự án. Trong đó: 1.487 dự án trong nước, vốn đăng ký trên 140,7 nghìn tỷ đồng; 498 dự án có vốn đầu tư nước ngoài với số vốn đăng ký trên 5 tỷ USD và tổng vốn đăng ký tương đương hơn 11 tỷ USD[287]. Hưng Yên có mức tăng trưởng kỷ lục với tốc độ nhanh hơn trước ở ngành Điện và điện tử, với mức tăng 8,3% trong giai đoạn 2011 đến 2018, được thúc đẩy bởi chi phí lao động thấp và nguồn nhân lực sẵn có, một hiện trạng bất lợi đối với dân số trẻ ở Hưng Yên. Tuy nhiên, việc nâng cao trình độ và đào tạo lại nguồn nhân lực cũng như đầu tư chuyên sâu cho R&D trong tương lai có thể cải thiện khả năng cạnh tranh của Hưng Yên trong lĩnh vực Điện và điện tử, từ đó thúc đẩy phát triển các công việc đòi hỏi trình độ, kỹ năng cao và tạo ra nhiều giá trị gia tăng.

Các nhân tố phát triển bền vững

R&D

Ngành công nghiệp ô tô ở Hưng Yên là một ngành thâm dụng lao động với tỉ lệ áp dụng công nghệ thấp. Các doanh nghiệp trong ngành tập trung chủ yếu vào sản xuất và lắp ráp , hầu hết các phụ tùng và linh kiện chính đều phải được nhập khẩu, dẫn đến sự trì trệ trong phát triển ngành và đem lại giá trị gia tăng thấp cho kinh tế tỉnh. Điều tương tự cũng xảy ra ở ngành điện và điện tử, khi hầu hết các doanh nghiệp ở Hưng Yên tập trung vào công nghệ thấp đến trung bình và thiếu đổi mới công nghệ để hướng tới sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Lĩnh vực sản

[283] https://www.power-technology.com/news/electric-vehicle-sales-surge-in-2021/
[284] Thị trường sản phẩm điện tử toàn cầu: Cơ hội và thách thức, The Business Research Company
[285] https://vietnamcredit.com.vn/news/overview-of-vietnams-pharmaceutical-industry_14083
[286] Báo cáo hiện trạng phát triển ngành Công nghiệp Hưng Yên, Viện Chiến lược Phát triển
[287] Báo cáo hiện trạng phát triển ngành Công nghiệp Hưng Yên, Viện Chiến lược Phát triển

xuất thuốc thiếu các nhà đầu tư lớn vào Hưng Yên trong khi các nhà sản xuất địa phương tập trung vào thuốc và dược liệu truyền thống do thiếu hoạt động R&D trong lĩnh vực cung cấp thuốc và thuốc hiện đại. Tình trạng thiếu hụt hoạt động R&D cũng xảy ra trong lĩnh vực kỹ thuật, khi lĩnh vực này tập trung nhiều chủ yếu vào các công trình xây dựng và các sản phẩm có giá trị gia tăng thấp, thay vì cơ khí công nghệ cao và cơ khí chính xác.

8.1.3. Dịch vụ

8.1.3.1. Vị trí, vai trò của phát triển kinh tế Hưng Yên

Ngành dịch vụ có giá trị GRDP tăng từ 7.987.638 triệu đồng năm 2011 lên 14.032.491 triệu đồng năm 2020, tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 6,55%. Tuy nhiên, khu vực dịch vụ đã ghi nhận mức đóng góp vào GRDP của Hưng Yên là 22,8% vào năm 2020, giảm so với mức 24,3% của năm 2011.

Việc làm ở Hưng Yên trong lĩnh vực dịch vụ luôn biến động khi tỷ trọng lao động có việc làm của khu vực này là 29,4% vào năm 2011 và tăng lên mức cao nhất là 38,94% vào năm 2019, sau đó giảm xuống còn 28,73% vào năm 2020. Biến động này có thể được lý giải bởi tác động của đại dịch COVID -19 đến ngành dịch vụ.

Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng của khu vực dịch vụ đạt bình quân 6,26% / năm từ năm 2011 đến năm 2015 và tăng 6,95% hàng năm trong giai đoạn 2016 - 2020. Tuy nhiên, tốc độ tăng giá trị gia tăng khu vực dịch vụ của Hưng Yên thấp hơn trung bình quốc gia.

Các phân ngành chính trong ngành dịch vụ ở Hưng Yên là bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô và mua bán ô tô, mô tô và xe có động cơ khác, chiếm 25,2% của ngành dịch vụ vào năm 2020. Các phân ngành dịch vụ khác chiếm tỷ trọng lớn vào năm 2020 là kinh doanh bất động sản (15,1%), giáo dục đào tạo (12,9%) và tài chính, ngân hàng và bảo hiểm (9,8%).

Dịch vụ công nghiệp là một cụm ngành quan trọng thuộc nhóm ngành dịch vụ. Đến năm 2020, 100% đô thị ở Hưng Yên đã xây dựng khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung, điểm thu gom rác thải và bãi chôn lấp hợp vệ sinh. Tuy nhiên, chỉ có hai khu vực - Thành phố Hưng Yên và huyện Văn Giang - đang hoạt động. Tại Đại Đồng cũng chỉ có một khu xử lý chất thải rắn để xử lý chất thải rắn công nghiệp[288]. Một cụm ngành khác thuộc ngành dịch vụ liên quan là R&D và phòng thí nghiệm, khi ước tính có 17 phòng thí nghiệm trên khắp Hưng Yên. Trong giai đoạn 2016 - 2021, số lượng sáng chế, giải pháp hữu ích tăng từ 2 đến 5% hàng năm, tuy nhiên tỷ lệ so với toàn quốc chỉ dừng lại ở mức đóng góp nhỏ 0,05%

Ngành thương mại tỉnh Hưng Yên có tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng 5,8% hàng năm trong giai đoạn 2016 - 2020, cao hơn mức tăng trưởng 5,4% của khu vực dịch vụ trong cùng thời kỳ. Tuy đóng góp vào GRDP của tỉnh còn hạn chế nhưng ngành thương mại ở Hưng Yên đã góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và có tác động tích cực đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Năm 2020, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 42.158,3 tỷ đồng, bằng 3,7% của Đồng bằng sông Hồng và 0,9% của Việt Nam, có tốc độ tăng tổng mức bán hàng hóa và dịch vụ bình quân hàng năm 10,5% trong thời kỳ 2016 đến 2020.

Về ngành logistics, lợi thế quan trọng của Hưng Yên là có vị trí chiến lược, nằm ở trung tâm của tam giác kinh tế (Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh) và trung tâm của Đồng bằng sông

[288] Dự thảo chương trình bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu ở tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021 – 2025, với tầm nhìn tới 2030

Hồng. Trong tương lai, Hưng Yên cũng có thể đóng vai trò quan trọng như một trung tâm hỗ trợ logistic nhờ vào khả năng kết nối với các trung tâm công nghiệp phía Bắc như Hà Nội, Bắc Ninh và Hải Phòng. Phương tiện giao thông trọng điểm của Hưng Yên là vận tải đường bộ, sau đó là đường thủy nội địa.

Giáo dục luôn là lĩnh vực quan trọng có thể ảnh hưởng đến nguồn nhân lực và lao động có trình độ cao ở Hưng Yên. Cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục có thể được đầu tư theo hướng hiện đại hơn. Ví dụ: Trường Đại học Sư phạm Công nghệ Hưng Yên (UTEHY) hợp tác với Tổ chức Hợp tác nâng cao STEM của Châu Âu (EASTEM), cho phép trao đổi các phương pháp hay nhất và truyền cảm hứng giữa các trường đại học Châu Âu và Châu Á để nâng cao giáo dục STEM[289] tại các cơ sở của họ[290]. Thông qua dự án này, Khoa Điện và Điện tử đã thành lập Viện Nghiên cứu & Đổi mới Giáo dục STEM, nơi đào tạo để phát triển giáo viên ở các cấp đại học khác nhau, giáo viên phổ thông và giáo viên đào tạo nghề. Mặc dù vậy, giá trị vốn trên một lao động trong ngành giáo dục giảm từ 193,16 triệu đồng năm 2015 xuống còn 181,21 triệu đồng năm 2019.

Hưng Yên có tiềm năng phát triển du lịch. Tỉnh có hơn 1.802 di tích lịch sử, bao gồm khu Phố Hiến, chùa Thái Lạc, 172 di tích quốc gia, 250 di tích và 3 bảo vật quốc gia, xếp hạng thứ ba toàn quốc về số lượng di tích quốc gia. Hiện tại, các hoạt động du lịch chính của Hưng Yên bao gồm tham quan các di tích lịch sử, du lịch sinh thái như du lịch sông Hồng, và du lịch nghỉ dưỡng, du lịch cộng đồng như các hoạt động nông nghiệp và hoạt động làng nghề.

8.1.3.2. Tầm nhìn và định hướng phát triển chính

Cấu trúc và chất lượng của sản phẩm

Vấn đề dịch vụ quản lý nước thải và chất rắn ở Hưng Yên vẫn là một thử thách lớn. Nguyên nhân là do số lượng trạm xử lý chất thải rắn còn ít, thiếu ứng dụng công nghệ. Các khu vực phía Nam và đô thị trung tâm Hưng Yên còn thiếu hệ thống thu gom và xử lý nước thải. Trong khi đó, các thành phố như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng và Cần Thơ, thải ra khoảng 70% tổng lượng chất thải phát sinh, có những dịch vụ quản lý nước thải và chất thải lớn nhất Việt Nam. Có thể suy ra rằng, cần phải đầu tư nhiều nguồn lực hơn để phát triển dịch vụ quản lý nước thải và chất thải ở Hưng Yên, phù hợp với mục tiêu của chính phủ là thu gom 100% chất thải rắn đô thị, trong đó có mục tiêu phân loại và tái chế vào năm 2030.

Trong lĩnh vực thương mại giai đoạn 2016-2020, nhóm hàng chiếm tỷ trọng và giá trị lớn nhất trong tổng giá trị hàng hóa vẫn là lương thực, thực phẩm, dao động từ 36,5 - 39,1%, tiếp đến là hàng thiết bị gia dụng (14,7 đến 17,9%), chiếm tỷ trọng thấp nhất là gỗ và vật liệu xây dựng (12,5 - 14,4%) và các mặt hàng văn hóa, giáo dục (0,7 - 1,1%). Tổng mức bán hàng hóa của Hưng Yên thấp nhất trong năm 2019, chỉ chiếm 4,0% tổng mức bán hàng hóa của khu vực vùng KTTĐBB và Hưng Yên cũng là tỉnh có mạng lưới bán lẻ yếu nhất trong số các tỉnh. Ngoài ra, đến năm 2020, Hưng Yên đang thiếu các trung tâm thương mại và siêu thị lớn do tư nhân đầu tư so với các tỉnh khác trong vùng KTTĐBB. Những phát triển trọng điểm trong tương lai có thể làm tăng khả năng cạnh tranh thương mại của Hưng Yên với các tỉnh khác trong vùng.

Trung tâm logistic Hưng Yên cung cấp nhiều loại hình dịch vụ như vận tải hành khách và hàng hóa, bốc xếp hàng hóa, đóng gói và phân phối sản phẩm, khai thác hệ thống cảng sông và cảng cạn nội địa (ICD), dịch vụ khai báo hải quan và cho thuê kho bãi. Về vận tải hành khách, Hưng Yên đứng gần cuối trong các tỉnh Đồng bằng sông Hồng, chỉ trên Hà Nam và Bắc Ninh. Tuy

[289] Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật, Toán học (STEM)
[290] https://eastemproject.eu/about/

nhiên, về vận chuyển hang hóa, Hưng Yên đứng thứ 6 trong Đồng bằng sông Hồng, xếp sau Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Ninh Bình và Quảng Ninh.

Hưng Yên hiện có 1 trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh, 10 trung tâm giáo dục nghề nghiệp và 161 trung tâm học tập cộng đồng. Về giáo dục đại học, Hưng Yên chỉ có 4 trường đại học và 3 trường cao đẳng, khiến Hưng Yên trở thành tỉnh thấp nhất về số lượng trường đại học và cao đẳng trong vùng KTTĐBB.

Quy mô phát triển

Khu vực dịch vụ của Hưng Yên được kỳ vọng sẽ phát triển theo cấp số nhân trong tương lai khi có những bước phát triển lớn về số hóa, nguồn nhân lực và phát triển cơ sở hạ tầng. Với lợi thế địa lý nằm cạnh thủ đô Hà Nội, Hưng Yên có thể tận dụng khả năng kết nối giữa haitỉnh và tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các doanh nghiệp mở rộng trung tâm R&D về Hưng Yên. Hà Nội là tỉnh dẫn đầu với 65% số lượng R&D và phòng thí nghiệm của vùng KTTĐBB, điều này có thể tạo cơ hội cho Hưng Yên mở rộng quy mô và phát triển các hoạt động R&D và phòng thí nghiệm của riêng mình.

Trong thập kỷ qua, ngành thương mại Hưng Yên đã có những bước mở rộng hợp lý, nhờ vào những phát triển vượt bậc về cơ sở hạ tầng thương mại, cải tạo và nâng cấp các chợ trên địa bàn tỉnh, cho phép cung cấp dịch vụ hiện tại và hiệu quả hơn. Tuy đóng góp của ngành thương mại vào GRDP của tỉnh còn hạn chế, nhưng đóng góp của ngành vào tăng trưởng hàng năm đã thể hiện vai trò quan trọng của ngành thương mại trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân Hưng Yên và những tác động tích cực đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh.

Có nhiều dư địa để phát triển lĩnh vực logistic của Hưng Yên vì hiện nay tỉnh vẫn phụ thuộc nhiều vào vận tải đường bộ. Tỉnh có thể tìm cách cải thiện cơ sở hạ tầng giao thông đường thủy hoặc phát triển vận tải hàng không bằng việc xây dựng sân bay để phục vụ hành khách và dịch vụ hàng hóa. Tích hợp công nghệ kỹ thuật số vào lĩnh vực logistics cũng có thể góp phần cải thiện hiệu quả và chất lượng dịch vụ được cung cấp trong lĩnh vực này.

Ngành giáo dục ở Hưng Yên còn dư địa phát triển rất lớn, đặc biệt là ở các trường đại học và cao đẳng, khi việc thường xuyên cập nhật giáo trình và chuyển hướng chương trình theo hướng bổ sung kiến thức thực tế có thể nâng cao chất lượng giáo dục. Ngoài ra, các trường đại học, cao đẳng ở Hưng Yên cần phát triển đào tạo theo hướng chuyên sâu hơn để trở thành trung tâm giáo dục toàn diện của khu vực, có khả năng cung cấp nguồn nhân lực có tay nghề cao cho các ngành trọng điểm của Hưng Yên và các tỉnh khác.

Về cơ cấu doanh thu của lĩnh vực du lịch, doanh thu từ lưu trú chiếm khoảng 30%; doanh thu từ dịch vụ ăn uống chiếm 45%; từ vận tải du lịch chiếm 15%; mua sắm hàng hóa, giải trí và dịch vụ khác chiếm 10%. Việc phụ thuộc nhiều vào doanh thu từ thực phẩm và đồ uống cho thấy sự thiếu hụt doanh thu từ các dịch vụ đi kèm, đòi hỏi cần có sự phát triển ở lĩnh vực này trong tương lai. Kho tang di sản văn hóa và di tích lịch phong phú trên địa bàn Hưng Yên, một trong những yếu tố chính để thu hút khách du lịch nước ngoài, có thể được phát triển và làm nổi bật hơn.

Chất lượng và hiệu quả hoạt động

Số cơ sở quản lý nước thải và chất thải rắn đã tăng từ 517 cơ sở năm 2016 lên 642 cơ sở vào năm 2020 với khoảng 43.000 tấn chất thải độc hại được thu gom và xử lý chỉ trong năm 2020. Điều này đã thúc đẩy số lượng việc làm từ 4.294 lao động lên 5.254 lao động trong cùng

thời kỳ. Do đó, sự gia tăng số lượng cơ sở xử lý nước thải làm tăng hiệu quả của ngành và cũng dẫn đến việc tăng tỷ lệ vốn trên mỗi lao động từ 473,19 triệu đồng năm 2015 lên 587,97 triệu đồng năm 2019. Lĩnh vực thử nghiệm R&D, với tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm tăng từ 2 lên 5 % hàng năm, hiện mới chỉ khai thác 20% lao động có bằng đại học và sau đại học. Do vậy, lĩnh vực R&D ở Hưng Yên có nhiều tiềm năng cải thiện chất lượng và hiệu quả hoạt động thông qua việc thu hút thêm lao động có trình độ sau đại học.

Cơ sở hạ tầng vận tải hành khách và hàng hóa của Hưng Yên tương đối hoàn thiện và hiện đại, thường xuyên được nâng cấp và mở rộng. Chỉ với 3 tuyến quốc lộ và 13 tuyến tỉnh lộ, và đường liên huyện, mức sử dụng giao thông vận tải (và lưu lượng hành khách) ở Hưng Yên đã tăng từ 11,398 triệu lên 17,609 triệu người từ năm 2016 đến năm 2020. Phương thức vận tải được sử dụng nhiều nhất là đường bộ, tiếp theo là đường thủy nội địa. Đối với vận tải hàng hóa cũng vậy, khối lượng hàng hóa vận chuyển tăng từ 24,165 triệu tấn lên 42,590 tấn trong cùng kỳ. Lưu lượng hành khách và hàng hóa trong quý I/2021 lần lượt là 231.152.000 người/km và 403.512.000 tấn/km. Hưng Yên có thể cân nhắc phát triển vận tải hàng không và cải thiện sự liên kết của các cơ sở hạ tầng này để cải thiện kết nối và hiệu quả.

Một trong những chỉ tiêu có thể dùng để đánh giá chất lượng giáo dục là tỷ lệ học sinh trên giáo viên. Trong lĩnh vực mầm non, chất lượng của các trường mầm non đã tăng lên khi số lượng giáo viên mầm non tăng từ 3.944 giáo viên lên 4.849 giáo viên từ năm 2016 đến năm 2020. Tuy nhiên, đối với các trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông, chất lượng có sự giảm sút do số lượng trung bình của số học sinh trên mỗi giáo viên tăng từ 17,90 học sinh lên 23,80 cùng kỳ. Tỷ lệ học sinh đăng ký học bậc cao là khoảng 70,4% tổng số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông.

Giai đoạn 2011 - 2019, tốc độ tăng trưởng khách du lịch đến Hưng Yên bình quân đạt 20,56%. Năm 2011, Hưng Yên chỉ đón được 185.322 lượt khách và đến năm 2019 lượng khách đến Hưng Yên đã đạt 1.000.000 lượt khách, tăng hơn 5 lần so với năm 2011. Tuy nhiên, do đại dịch COVID-19 nên lượng khách du lịch năm 2020 đã giảm đáng kể, ở mức 70% so với năm 2019.

Các nhân tố phát triển bền vững

Phân bổ không gian vì các mục đích phát triển

Việc phát triển các dự án quy mô lớn như thành lập sân bay, trung tâm đầu mối logistics ICD hay các trung tâm thương mại lớn đòi hỏi nhiều công sức giải phóng mặt bằng, một số cộng đồng địa phương sẽ phải di dời để cung cấp đất cho dự án. Tuy nhiên, nếu không có những bước phát triển này, Hưng Yên sẽ mất khả năng cạnh tranh với các tỉnh lân cận và có thể càng tăng trưởng chậm hơn, giảm sút trong tương lai. Do đó, việc lập kế hoạch phù hợp và thực hiện các phân tích chuyên sâu, ví dụ như cân nhắc chi phí - lợi ích cho không gian mục tiêu cụ thể sẽ cho phép tỉnh đưa ra chiến lược phát triển hợp lí, hạn chế tối thiểu sự dịch chuyển.

8.2. Mục tiêu và giải pháp phát triển

8.2.1. Các sáng kiến thúc đẩy kinh tế

8.2.1.1. Trung tâm mua sắm giải trí phức hợp

Giải thích sự cần thiết

Phân tích cho thấy, tổng thu từ khách du lịch và đóng góp của du lịch vào GRDP của Hưng Yên còn thấp. Nguyên nhân là do ngành du lịch Hưng Yên có lượng khách du lịch đến tỉnh còn thấp (0,97% tổng lượng khách du lịch của Việt Nam năm 2019), thời gian lưu trú của mỗi du khách ngắn (trung bình 1,3 ngày) và chi tiêu bình quân thấp (1,1 triệu đồng/lượt khách quốc tế và 0,9 triệu đồng/khách nội địa)[291]. Để thu hút nhiều khách du lịch đến thăm Hưng Yên, kéo dài thời gian lưu trú, tăng chi tiêu bình quân, cần phải cung cấp nhiều hoạt động du lịch đa dạng cho họ. Cân nhắc lợi thế về vị trí chiến lược của Hưng Yên là đô thị vệ tinh của Hà Nội, trung tâm của tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, sáng kiến được đề xuất đầu tiên là một khu phức hợp vui chơi, giải trí lớn, phục vụ nhu cầu của khách du lịch tiềm năng từ các tỉnh, thành phố lân cận, đặc biệt là trong kỳ nghỉ cuối tuần.

Tầng lớp trung lưu Việt Nam, hiện chiếm 13% dân số, dự kiến sẽ đạt 26% vào năm 2026, xếp thứ bảy trong số chín nhóm dân số trung lưu phát triển nhanh nhất thế giới trong thập kỷ tới[292]. Ngoài ra, nếu xét đến ba sân bay quốc tế nằm ở Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, thì tiềm năng khách du lịch quốc tế đến Hưng Yên cũng rất lớn. Do đó, khu phức hợp vui chơi, giải trí cần được thiết kế phục vụ nhu cầu của hai nhóm đối tượng chính này. Những nhu cầu này bao gồm các chuyến du lịch tập trung vào trải nghiệm, có kết cấu chặt chẽ, các địa điểm đa chức năng, phục vụ nhiều đối tượng ở nhiều độ tuổi khác nhau, và những trải nghiệm độc đáo, chân thực xung quanh các cộng đồng địa phương.

Tổng quan về sáng kiến

Dự kiến, trung tâm mua sắm giải trí phức hợp tại địa điểm được thống nhất lựa chọn sẽ cần thỏa mãn các điều kiện để cho phép các hoạt động có mức độ tiếng ồn cao, đặc biệt tập trung phục vụ khách du lịch tận hưởng kỳ nghỉ cuối tuần tại Hưng Yên. Là một điểm đến du lịch trọng điểm, khu phức hợp sẽ hỗ trợ thúc đẩy hoạt động thương mại và việc làm trong các lĩnh vực kinh tế như văn hóa, giải trí và khách sạn, cũng như quảng bá và bảo tồn các di sản văn hóa của Hưng Yên. Ngoài ra, khu vực xung quanh khu phức hợp cũng cần được quy hoạch một cách bài bản để phát triển các chức năng cơ bản của môi trường đô thị bao gồm các hoạt động như thu gom rác thải, nhu cầu đi lại, quản lý giao thông, v.v., để đảm bảo phát triển bền vững trong tương lai.

Chúng tôi đề xuất Hưng Yên phát triển các trung tâm bán lẻ (như các đại siêu thị BigC, Aeon mall, MM Mega Mark, IKEA, v.v) tại khu vực phía Bắc của tỉnh. Trong khi đó, tại khu vực phía Nam, tỉnh có thể cân nhắc phát triển một trung tâm mua sắm giải trí phức hợp bao gồm trung tâm bán lẻ, khu vực dành riêng cho các cửa hàng giảm giá của các thương hiệu nổi tiếng (cửa hàng outlet) và các công viên theo chủ đề. Huyện Khoái Châu và thành phố Hưng Yên có tiềm năng để xây dựng trung tâm mua sắm và giải trí phức hợp (dự tính khoảng 10-15 ha) do có vị trí gần sông Hồng và trung tâm hành chính của tỉnh Hưng Yên. Thiết kế của khu phức hợp có thể tích hợp các lối đi bộ ven sông để tận dụng tối đa lợi thế về địa hình và vẻ đẹp tự nhiên của khu vực này.

Trên cơ sở đó, một khu phức hợp điển hình đa chức năng sẽ cung cấp các hoạt động thương mại, cộng đồng và cư trú, với các thành phần cốt lõi như sau:

[291] Báo cáo hiện trạng phát triển ngành du lịch Hưng Yên, Viện Chiến lược Phát triển
[292] https://www.worldbank.org/en/country/vietnam/overview#1

Khu vui chơi giải trí phong cách sống/công viên chủ đề: Tương tự như Lotte World và Universal Studios, khu phức hợp ở Hưng Yên có thể có một công viên giải trí tích hợp các điểm tham quan để phục vụ nhu cầu khách du lịch thuộc nhiều nhóm dân số. Đó sẽ là sự kết hợp của các điểm tham quan quốc tế như công viên giải trí Universal Studios và các sản phẩm, dịch vụ địa phương độc đáo của Hưng Yên như khu triển lãm biểu diễn nghệ thuật, lễ hội địa phương và vườn hoa cây cảnh. Ngoài ra, trong khu giải trí cần phát triển các dịch vụ như điểm sạc điện, dịch vụ chăm sóc em bé và thu đổi ngoại tệ để cung cấp trải nghiệm du lịch chất lượng cao một cách xuyên suốt cho du khách.

Trung tâm mua sắm bán lẻ: Để nắm bắt được nhu cầu tiêu dùng của khách du lịch quốc tế và tầng lớp trung lưu trong nước, khu phức hợp nên bao gồm một trung tâm mua sắm bán lẻ. Dự kiến, trung tâm mua sắm, tương tự như Genting Premium Outlet của Malaysia, sẽ có các cửa hàng đại lý giảm giá cung cấp các mặt hàng xa xỉ của các thương hiệu quốc tế và địa phương, góp phần thu hút du khách và thúc đẩy chi tiêu trong nền kinh tế địa phương của Hưng Yên. Bên cạnh đó, các siêu thị bán lẻ lớn như Big C hay MM Mega Market Việt Nam có thể là điểm dừng chân hấp dẫn trong trung tâm mua sắm bán lẻ cho người tiêu dùng Hưng Yên, nơi họ có thể tận hưởng nhiều lợi ích như giá rẻ, sự đa dạng của hàng hàng hóa và tiện lợi. Các công ty chuyên kinh doanh hàng nội thất lớn như IKEA, dự định đầu tư khoảng 450 triệu đô la Mỹ vào năm 2017 để thiết lập hệ thống bán lẻ và kho hàng tại Hà Nội, có thể sẽ bị thu hút bởi trung tâm mua sắm bán lẻ ở Hưng Yên. Nếu Hưng Yên thu hút thành công các thương hiệu lớn như IKEA, du khách các tỉnh sẽ có động lực đến Hưng Yên, vì các cửa hàng mua sắm lớn như IKEA cho đến nay vẫn chưa có mặt tại vùng KTTĐBB. Do đó, lượng khách đến trung tâm mua sắm bán lẻ sẽ tăng lên đáng kể.

Một trung tâm mua sắm bán lẻ cũng bao gồm không gian ẩm thực với sự kết hợp giữa ẩm thực quốc tế và địa phương, mang lại cơ hội quảng bá sản phẩm nông nghiệp của Hưng Yên.

Các nhân tố thành công

Vị trí

Khu phức hợp vui chơi, giải trí lớn nên được bố trí ở khu vực trung tâm, có vị trí dễ tiếp cận và hệ thống giao thông thuận lợi để thu hút khách du lịch từ các tỉnh, thành phố khác. Ngoài ra, quy mô của khu phức hợp cần được thiết kế hợp lí trong phạm vi cho phép du khách tản bộ, nhưng vẫn đủ lớn để tích hợp các hoạt động mua sắm giải trí, phát triển các điểm thu hút độc đáo của một điểm đến giải trí trọng điểm. Quan trọng hơn, khu phức hợp cần được xây dựng trên cơ sở hạ tầng giao thông và khu vực công cộng hiện có để tạo điều kiện tiếp cận dễ dàng, an toàn, tiện lợi, và có thể hỗ trợ các mục đích sử dụng đất bổ sung trong điều kiện cho phép. Tùy thuộc vào quỹ đất hiện có và các điều kiện cơ sở hạ tầng khác, các phương án được đề xuất là mô hình phức hợp trong nhà (Sân bay Jewel Changi, Singapore, 3,5 ha), mô hình hỗn hợp (Khu đô thị phức hợp Lotte World, Hàn Quốc, 13 ha), hoặc mô hình ngoài trời (Universal Studios, Singapore, 20 ha). Khu phức hợp mua sắm giải trí bao gồm một trung tâm bán lẻ, một trung tâm mua sắm và các công viên giải trí được đề xuất xây dựng ở phía Nam của tỉnh Hưng Yên, đảm bảo cự ly đủ gần để thu hút nhu cầu từ thị trường Hà Nội với các chuyến đi mua sắm và giải trí trong ngày, nhưng đủ xa để tránh cạnh tranh về doanh thu với thị trường mua sắm bán lẻ cao cấp của Thủ đô. Huyện Khoái Châu hoặc thành phố Hưng Yên có thể được xem xét trở thành địa điểm xây dựng khu phức hợp, do có vị trí gần Sông Hồng và trung tâm hành chính của Hưng Yên. Khu phức hợp cũng có thể được thiết kế tinh tế với lối đi bộ ven sông, tích hợp các yếu tố thiên nhiên để nâng cao trải nghiệm mua sắm và tăng cường sức khỏe tinh thần cho du khách.

Một số ví dụ tham khảo

(1) Sân bay Jewel Changi, Singapore

- **Vị trí:** 78 Airport Boulevard, Singapore
- **Quy mô:** Diện tích 3,5 ha, cao 37,08m, 12 tầng (5 tầng trệt, 7 tầng hầm để xe)
- **Đặc điểm:** Mặc dù chỉ mới khai trương vào tháng 4 năm 2019, Sân bay Jewel Changi đã khẳng định vị trí hàng đầu trong ngành bán lẻ và giải trí. Jewel có hơn 150 thương hiệu bán lẻ trong nước và quốc tế, cùng 107 quán ăn, từ các món ngon địa phương đến các món ăn đạt Sao Michelin. Về mặt giải trí, Jewel có một loạt các điểm du lịch phục vụ du khách ở mọi lứa tuổi bao gồm các không gian xanh trong nhà và một khu điêu khắc khổng lồ. Trung bình mỗi ngày, trung tâm mua sắm giải trí này đón 300.000 lượt khách.
- **Bài học kinh nghiệm chính:** Jewel đã định nghĩa lại trải nghiệm mua sắm truyền thống bằng việc đề cao các yếu tố trải nghiệm và thu hút các thương hiệu chưa từng có ở Singapore như Shake Shack, Burger & Lobster, Pokemon Center và Laderach. Đặc biệt, Pokemon Center không chỉ là chi nhánh đầu tiên của Singapore mà còn là thương hiệu lần đầu kinh doanh bên ngoài Nhật Bản, thu hút cả người dân địa phương và khách du lịch ngoại quốc ở gần Singapore hơn Nhật Bản. Hưng Yên có thể mô phỏng theo mô hình này bằng cách kết hợp các không gian xanh vào các trung tâm mua sắm, qua đó trưng bày các loại cây cảnh đặc trưng của Hưng Yên, phát triển mối liên kết chặt chẽ giữa nông nghiệp và dịch vụ mua sắm. Ngoài ra, việc tích hợp không gian xanh vào các trung tâm bán lẻ và giải trí cũng mang lại lợi ích thư giãn và chăm sóc sức khỏe, cải thiện sức khỏe tinh thần cho du khách sau những chuyến đi dài mệt mỏi.

(2) Khu đô thị phức hợp Lotte World Life Town, Hàn Quốc

- **Địa điểm**: Sincheon-dong, Quận Songpa, Seoul, Hàn Quốc.
- **Quy mô**: Diện tích 13 ha, cao 555,7 mét (1.823 ft), 123 tầng. Thu hút 7,3 triệu lượt khách mỗi năm.
- **Đặc điểm**: Lotte World là Khu đô thị phức hợp (CLT) quy mô lớn, nơi có các cửa hàng bách hóa, khách sạn, cửa hàng miễn thuế, cửa hàng giảm giá lớn, công viên giải trí trong nhà lớn nhất thế giới, công viên giải trí ngoài trời, đảo nhân tạo bên trong hồ, bảo tàng dân gian Hàn Quốc, các cơ sở thể thao và rạp chiếu phim, tất cả đều nằm ở một địa điểm duy nhất. Cửa hàng bách hóa Lotte chi nhánh Jamsil và các cửa hàng miễn thuế là những điểm thu hút khách du lịch nổi tiếng.
- **Bài học kinh nghiệm chính**: Mô hình phức hợp, đặc biệt là mô hình kết hợp cả tiện nghi trong nhà và ngoài trời, thường thu hút khách du lịch bằng việc đem đến cho họ nhiều trải nghiệm đa dạng trong thời gian ngắn. Trong mô hình này, công viên giải trí cung cấp nhiều địa điểm vui chơi, công viên chủ đề có nhiều điểm tham quan khác nhau với cốt truyện chung theo chủ đề nhất quán, còn các cơ sở mua sắm bán lẻ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của khách du lịch. Hưng Yên có thể học theo mô hình này để tối ưu hóa việc sử dụng quỹ đất hạn hẹp, vừa phát triển những tiện ích trong nhà, vừa tận dụng vẻ đẹp của khung cảnh thiên nhiên ven bờ sông Hồng với các tiện ích ngoài trời. Một bảo tàng truyền thống về biểu diễn nghệ thuật, lễ hội truyền thống và các sản phẩm địa phương cũng có thể được phát triển tích hợp để làm nổi bật các di sản độc đáo của Hưng Yên.

(3) Universal Studios Singapore

- **Địa điểm**: Resorts World Sentosa trên Đảo Sentosa, Singapore

- **Quy mô**: Diện tích 20 ha. Có tổng cộng 24 điểm tham quan, trong đó 18 điểm tham quan nguyên bản hoặc được điều chỉnh đặc biệt cho công viên. Universal Studio Singapore đã thu hút 4,5 triệu khách du lịch vào năm 2019.
- **Đặc điểm**: Universal Studios là hợp phần chính trong kế hoạch đấu thầu của Tập đoàn Genting để giành quyền xây dựng khu nghỉ dưỡng tích hợp thứ hai của Singapore. Công viên bao gồm bảy khu vực được xây dựng theo chủ đề riêng, mỗi khu đều dựa trên các bộ phim và chương trình truyền hình nổi tiếng toàn cầu, có các điểm tham quan riêng, hơn 30 nhà hàng và xe bán đồ ăn, cùng 20 cửa hàng và xe bán lẻ nằm xung quanh công viên.
- **Bài học kinh nghiệm:** Các công viên giải trí hầu như luôn nằm gần các thành phố lớn, điều này giúp cho việc tham quan công viên giải trí trở thành một lựa chọn tiện lợi và kinh tế đối với người dân thành thị cho các chuyến đi trong ngày và cuối tuần, ưu việt hơn việc thăm thú các kỳ quan thiên nhiên xa xôi hoặc các điểm tham quan đô thị đông đúc và đắt đỏ. Ngoài ra, với vị trí chiến lược của Hưng Yên và tiềm năng phát triển sáng kiến xây dựng sân bay, một công viên giải trí sẽ cho phép du khách dễ dàng lên kế hoạch cho các chuyến đi của mình. Sức hấp dẫn của công viên giải trí cần được xây dựng dựa trên những trải nghiệm tương tác, cho phép du khách có được trải nghiệm đáng nhớ và tạo ra những kỷ niệm lâu dài, giúp cho những công viện như vậy trở nên hấp dẫn trong mắt các gia đình, thu hút lượng khách du lịch lớn hơn với nhiều nhóm tuổi.

(4) IKEA Jurong, Singapore

- **Địa điểm**: Trung tâm mua sắm Jem, Jurong East, Singapore
- **Quy mô:** Diện tích khoảng 0,65 ha, 3 tầng
- **Đặc điểm**: IKEA Jurong là một siêu cửa hàng IKEA với quy mô nhỏ hơn, là cửa hàng đầu tiên ở Đông Nam Á theo quy mô này. IKEA Jurong nhỏ hơn nhiều so với các siêu cửa hàng thông thường của IKEA vốn thường rộng khoảng 3,7 ha, được xây dựng dựa theo chiến lược mới nhất của IKEA, với mong muốn người tiêu dùng trên toàn thế giới có thể dễ tiếp cận với thương hiệu hơn. Cửa hàng này không có khu vực đồ nội thất tự phục vụ, nơi khách hàng có thể lấy đồ đóng gói của mình, nhưng vẫn có nhà hàng và cung cấp đầy đủ các sản phẩm của IKEA. IKEA Jurong là cửa hàng đầu tiên có nhiều giải pháp kỹ thuật số hơn để nâng cao trải nghiệm của người mua hàng cả về chất lượng và hiệu quả, bao gồm việc không dùng tiền mặt, dịch vụ đặt hàng trực tuyến và đến cửa hàng lấy kiện hàng đã đặt (click-and-collect), trò chơi tương tác cho trẻ em. IKEA Jurong đã thu hút hơn 1.500 người trong vòng 3 giờ khi khai trương vào năm 2021.
- **Bài học kinh nghiệm chính:** Với kế hoạch mở cửa hàng tại Hà Nội trước đây của IKEA[293], Hưng Yên có thể thu hút một cửa hàng quy mô nhỏ tương tự như IKEA Jurong, được tích hợp trong một trung tâm mua sắm giải tríphổ biến tại tỉnh.

(5) Bicester Village, Anh[294]

- **Địa điểm:** 50 Pringle Dr, Bicester OX26 6WD, Vương quốc Anh
- **Quy mô**: Diện tích khoảng 2,28 ha

[293] https://e.vnexpress.net/news/business/companies/swedish-furniture-giant-ikea-eyes-vietnam-entry-3870193.html
[294] https://www.tbvsc.com/bicester-village/en

- **Đặc điểm**: Được thành lập vào năm 1995 và phục vụ hơn 7 triệu khách hàng[295] mỗi năm, Bicester Village là trung tâm mua sắm ngoài trời với hơn 160 cửa hàng từ thời trang đường phố đến các thương hiệu cao cấp, tất cả đều được khuyến mại đến 60% giá bán lẻ. Để mang đến trải nghiệm mua sắm toàn diện và xuyên suốt cho mọi phân khúc khách hàng, trung tâm này còn được trang bị nhiều quán ăn nổi tiếng cùng các dịch vụ và tiện ích dành cho khách như Wi-Fi miễn phí, gửi đồ, xe lăn, giao hàng tận nhà, sân chơi vận động cho trẻ nhỏ, ATM, trạm sạc không dây bổ sung, mua sắm cá nhân và hơn thế nữa. Cửa hàng này có nhiều kết nối giao thông công cộng bao gồm các tuyến xe lửa trực tiếp từ Ga Bicester Village đến London Marylebone trong 46 phút và Oxford trong 14 phút, cùng với các dịch vụ xe khách do Stagecoach điều hành. Hiện tại, Chính phủ có kế hoạch mở rộng các dịch vụ đường sắt đến Milton Keynes Central và Bedford trước năm 2024. Năm 2015, Hội đồng Quận Cherwell đã phê duyệt kế hoạch mở rộng của trung tâm để xây dựng thêm 28 cửa hàng bán lẻ (mở cửa vào năm 2017) và 519 chỗ đậu xe với hy vọng tạo thêm 3500 việc làm[296]. Để thúc đẩy doanh số bán hàng trong thời kỳ đại dịch với các biện pháp giãn cách và lệnh đóng cửa biên giới, Value Retail, chủ sở hữu của Bicester Village, đã xác định lại chiến lược của mình để bao gồm các dịch vụ mua sắm ảo, nơi khách hàng có thể liên hệ trực tiếp với các cửa hàng qua email, điện thoại, Whatsapp hoặc WeChat và lên lịch một cuộc hẹn mua sắm cá nhân từ xa hoặc duyệt qua các danh mục trực tuyến[297]. Đây được coi là một bước đi chiến lược của doanh nghiệp này, vốn có danh tiếng về trải nghiệm tại cửa hàng và dịch vụ cao cấp. Sự hợp tác của Bicester Village với các chủ sở hữu Thẻ Đen American Express để tổ chức các sự kiện mua sắm ảo trong thời kỳ đóng cửa cũng đã vượt qua biên giới, thâm nhập vào các thị trường quốc tế như Ả Rập Xê Út và Ấn Độ, nơi cung cấp một phần ba[298] lượng khách hàng năm của Bicester Village trước đại dịch[299].
- **Bài học kinh nghiệm chính:** Hưng Yên có thể mô phỏng mô hình này bằng cách kết hợp các dịch vụ mua sắm ảo bên cạnh hình thức bán lẻ thực tế để tăng khả năng tiếp cận cho khách hàng trong nước và quốc tế không thể đến Hưng Yên. Trung tâm được đề xuất ở Hưng Yên cũng cần có kết nối tốt với hệ thống giao thông công cộng tiện lợi và nhanh chóng, có bãi đỗ xe cho đa dạng các loại phương tiện. Chính quyền địa phương cũng có thể tận dụng hệ thống xe buýt hiện có ở Hưng Yên để khai thác các dịch vụ trông giữ xe và đưa đón du khách đến Hưng Yên vào thẳng trung tâm, giảm tải áp lực cho bãi đỗ xe. Giống như trong trường hợp của Bicester Village, các trung tâm mua sắm thường mang lại nhiều cơ hội việc làm cho các cộng đồng địa phương. Để tận dụng điều này, chính quyền địa phương nên hướng tới các nỗ lực nâng cao kỹ năng lao động như các chương trình dạy nghề trong ngành bán lẻ và nhà hàng - khách sạn, qua đó trang bị cho cộng đồng địa phương các kỹ năng cần thiết, hỗ trợ họ tích cực tham gia vào lĩnh vực dịch vụ đang phát triển của tỉnh. Ngoài ra, để đáp ứng nhu cầu mua sắm vật chất ngày càng tăng, không thể tái tạo hoàn toàn bằng mua sắm ảo, chính quyền địa phương cũng nên bố trí không gian cho tiềm năng mở rộng trung tâm trong tương lai.

[295] https://www.forbes.com/sites/joanneshurvell/2019/04/30/top-uk-tourist-attraction-bicester-village-offers-fashion-discounts-and-a-great-day-out/?sh=71012778eee5
[296] https://www.bicesteradvertiser.net/news/9694318.expansion-bicester-village-tesco-create-3-500-jobs/
[297] https://wwd.com/business-news/retail/value-retail-switches-virtual-shopping-sees-village-sales-soar-1234819979/
[298] https://www.thenationalnews.com/business/travel-and-tourism/2021/08/30/how-uks-bicester-village-bounced-back-as-long-awaited-gulf-shoppers-return/
[299] https://www.forbes.com/sites/joanneshurvell/2019/04/30/top-uk-tourist-attraction-bicester-village-offers-fashion-discounts-and-a-great-day-out/?sh=71012778eee5

(6) Tops Market Big C Thăng Long, Hà Nội, Việt Nam

- **Vị trí**: 222 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
- **Quy mô:** Ban đầu tổng diện tích của trung tâm thương mại này là 1,2 ha với tổng vốn đầu tư 12 triệu USD. Trung tâm hiện đã được mở rộng, bao gồm 3 tầng thương mại tập trung nhiều cửa hàng bán lẻ từ đồ gia dụng đến quần áo, cùng khu ẩm thực với chuỗi cửa hàng thức ăn nhanh và ẩm thực địa phương. Để tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng tới trung tâm, Tops Market Big C Thăng Long cũng có chỗ đậu xe miễn phí tại tầng 1 và khu vực xung quanh trung tâm mua sắm.
- **Đặc điểm:** Tops Market Big C Thăng Long là trung tâm mua sắm và giải trí độc lập với khả năng kết nối tốt nhờ vào vị trí nằm cạnh nút giao thông trọng điểm Trần Duy Hưng - Phạm Hùng - Khuất Duy Tiến - Đại lộ Thăng Long, thuận tiện phục vụ cho nhu cầu mua sắm của các khu vực lân cận và vận chuyển hàng hóa ra vào trung tâm. Do nằm ở vị trí trung tâm quận Cầu Giấy, khu vực có nhiều trường học, cơ quan hành chính nhà nước, khu thương mại và khu dân cư với mật độ đông đúc, Tops Market Big C Thăng Long thu hút được lưu lượng khách hàng đều đặn và thường xuyên. Hàng hóa tại Big C Thăng Long được chia thành 4 nhóm chính: thực phẩm tươi sống, hàng may mặc, hàng tiêu dùng nhanh (FMCG) và hàng bách hóa, bao gồm các sản phẩm trong và ngoài nước, các sản phẩm mang thương hiệu Big C với nhiều mức giá khác nhau để phục vụ nhiều phân khúc khách hàng. Để mang đến trải nghiệm xuyên suốt cho khách hàng, trung tâm cũng được trang bị các tiện nghi và dịch vụ như hệ thống thang máy và thang cuốn tốc độ cao, hiện đại, Wi-Fi miễn phí, ATM, khu vực dành cho trẻ em, giao hàng miễn phí và hơn thế nữa. Ngoài ra, để khẳng định vai trò là một trung tâm vui chơi giải trí, Big C Thăng Long còn có bể bơi trong nhà được trang bị công nghệ thông minh, cung cấp các khóa học bơi thường xuyên cho các khách hàng có nhu cầu[300].
- **Bài học kinh nghiệm chính:** Việc thành lập một trung tâm mua sắm và giải trí tương tự như Tops Market Big C Thăng Long tại Hưng Yên đòi hỏi kết nối tốt và các tiện ích giải trí để phục vụ khách hàng ở mọi lứa tuổi, mang đến trải nghiệm mua sắm toàn diện. Hơn nữa, chính quyền địa phương cũng có thể tận dụng chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Big C để quảng bá đặc sản của Hưng Yên trên tất cả các cửa hàng của hệ thống GO! và Tops Market tại Việt Nam[301].

8.2.1.2. Trung tâm đầu mối Logistics ICD

Giải thích sự cần thiết

Hưng Yên chưa khai thác hết lợi thế là trung tâm của tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh với các kết nối đến các tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ như vị trí chiến lược nằm dọc đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng. Mới đây, quy hoạch nâng công suất cho Cảng hàng không quốc tế Nội Bài với mục tiêu 63 triệu hành khách và 2 triệu tấn hàng hóa vào năm 2030 đã được dự thảo, dự kiến sẽ thúc đẩy đầu tư vào Hưng Yên, tạo điều kiện cho tỉnh tham gia vào chuỗi cung ứng sản phẩm công nghiệp toàn cầu và củng cố vai trò của Hưng Yên là một tỉnh vệ tinh của Hà Nội. Ngoài ra, Quảng Ninh có thể cung cấp cho Hưng Yên khả năng tiếp cận nhiều hơn với các thị trường Trung Quốc và khu vực, đồng thời giúp phát triển tiềm năng tổng hợp giữa các ngành công nghiệp và dịch vụ ở Hưng Yên và Quảng Ninh. Trong khi mới đây Trung tâm Logistics ICD Vĩnh Phúc (SuperPort) đã được thành lập để trung chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu trên tuyến hành lang kinh tế Hà Nội - Lào Cai, giữa Trung Quốc và Lào Cai, phục vụ vùng Trung du miền núi phía Bắc, thì vẫn chưa có Trung tâm đầu mối Logistics ICD tương tự để phục

[300] https://vina.com/big-c-thang-long/
[301] https://www.bigc.vn/en/sme.html

vụ nhu cầu ngày càng tăng của khu vực Đồng bằng sông Hồng, đặc biệt là vùng KTTĐBB. Vì vậy, Hưng Yên nên tận dụng những cơ hội này và tận dụng lợi thế của mình để phát triển thành trung tâm logistics của khu vực, từ đó hỗ trợ phát triển công nghiệp và nông nghiệp. Do đó, một Trung tâm đầu mối Logistic ICD được đề xuất xây dựng tại Hưng Yên.

Tổng quan về sáng kiến

Trung tâm đầu mối Logistics ICD được tích hợp các chức năng của Trung tâm phân phối (Distribution Center) và ICD để phục vụ các hoạt động cung cấp dịch vụ logistics theo nhu cầu thị trường. Đây là một địa điểm tập trung quy tụ các nhà khai thác kinh doanh chính trong lĩnh vực logistics, ví dụ như các nhà sản xuất, hãng tàu, doanh nghiệp vận tải hàng không, các nhà cung cấp dịch vụ logistics bên thứ ba và thứ tư. Trung tâm được trang bị để xử lý và lưu trữ tạm thời hàng hóa, cung cấp cho các nhà xuất nhập khẩu dịch vụ vận chuyển thuận tiện hơn gần cơ sở của họ. Nguyên liệu thô và hàng hóa dở dang được lưu trữ, xử lý, hoàn thiện và quản lý tại trung tâm logistics, gần hơn với người tiêu dùng cuối cùng. So với việc phát triển một số cảng ICD nhỏ lẻ, một Trung tâm đầu mối Logistics ICD trọng điểm sẽ giúp tiết kiệm nguồn lực và nâng cao hiệu quả khai thác phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam[302]. Điều này có thể đạt được bằng cách mở rộng quy mô một trong bảy ICD hiện được quy hoạch ở Hưng Yên, nâng cấp thành một Trung tâm tích hợp Logistics ICD lớn, nơi tập trung và hợp nhất các dịch vụ logistics trên toàn tỉnh và có tiềm năng khẳng định vai trò trung tâm logistics cho vùng KTTĐBB. Trong số đó, ICD Kim Động ở huyện Kim Động có tiềm năng về vị trí và điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc mở rộng quy mô thành Trung tâm tích hợp Logistic ICD.

Chức năng

Cung cấp kênh vận chuyển cho hoạt động xuất nhập khẩu của vùng KTTĐBB

Trung tâm đầu mối Logistics ICD sẽ phục vụ các nhu cầu giao nhận, xếp dỡ, lưu kho và phân phối hàng hóa. Ngoài ra, với vai trò là ICD trung tâm, đây sẽ là điểm thông quan hàng hóa nội địa, đầu mối giao thông quan trọng và trung tâm vận tải đa phương thức của khu vực. Ngoài vai trò là một container lưu trữ, ICD có thể hỗ trợ các dịch vụ bổ sung khác như cung cấp các cơ sở bảo dưỡng và sửa chữa container. Những ưu đãi này đặc biệt có lợi cho khu vực Đông Nam Hà Nội, bao gồm cả tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, gần Hưng Yên hơn là Vĩnh Phúc SuperPort. Liên kết chức năng giữa Trung tâm đầu mối Logistics ICD Hưng Yên và các ICD khác, đặc biệt là Trung tâm Logistic Vĩnh Phúc cũng có thể thiết lập và củng cố chuỗi cung ứng đối ứng với trung tâm Logistic ICD Hưng Yên.

Nâng cao tốc độ tăng trưởng kinh tế của Hưng Yên

Một trung tâm đầu mối logistics ICD sẽ giúp thúc đẩy sự phát triển kinh tế từ vùng ven biển đến vùng nội địa, thúc đẩy cả lĩnh vực xuất nhập khẩu của vùng, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp nhỏ không thể đạt được lợi thế quy mô một cách độc lập. Từ quan điểm của các nhà sản xuất, việc đặt các nhà máy và kho hàng của họ gần trung tâm logistic ICD lớn của khu vực là tương đối có lợi, vì họ có thể tiết kiệm chi phí, thời gian và công sức vận chuyển, đồng thời tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm trong nước và quốc tế. Do đó, việc hình thành trung tâm logistics ICD sẽ làm cho Hưng Yên, đặc biệt là các khu, cụm công nghiệp, trở nên hấp dẫn hơn đối với các nhà sản xuất, cung cấp dịch vụ logistics và các nhà đầu tư. Nhờ đó, cả nguồn vốn và nguồn nhân lực lành nghề sẽ được thu hút vào tỉnh, qua đó hỗ trợ phát triển các ngành công

[302] Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống trung tâm logistics trên phạm vi cả nước, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1012 / QĐ-TTg ngày 03/7/2015

nghiệp có giá trị gia tăng cao, nông nghiệp công nghệ cao một cách bền vững. Cuối cùng, kết nối tốt hơn với thị trường toàn cầu sẽ được phát triển, củng cố thị trường xuất khẩu của Hưng Yên, các tỉnh thành phố vùng KTTĐBB và Việt Nam nói chung.

Các nhân tố thành công

Quy mô

Theo Quyết định số 2233 về Quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030[303], quỹ đất tối thiểu cần thiết cho một ICD là 10 ha và công suất tối thiểu là 30.000 Teus / năm để đảm bảo phát triển bền vững. Tuy nhiên, Trung tâm đầu mối Logistics ICD tại Hưng Yên có tiềm năng phát triển lớn hơn. Đến năm 2030, dự kiến tổng công suất các ICD khu vực Đông Nam Hà Nội sẽ vượt 1.300.000 Teus / năm, chủ yếu phục vụ Hà Nội và các tỉnh trong đó có Hưng Yên, với tốc độ tăng trưởng nhu cầu vận chuyển bình quân khoảng 5,0-5,3%/năm đến năm 2050[304] .Trong khi đó, cho đến năm 2020, khu vực chỉ có ICD Tân Cảng và ICD Đình Vũ - Quảng Bình tại Hải Phòng hoạt động với công suất hàng hóa lưu thông lần lượt là 71.400 - 214.000 Teus/năm và 71.400 - 142.000 Teus/năm[305]. Vì vậy, Trung tâm đầu mối Logistics ICD Hưng Yên có tiềm năng để phát triển lớn như Trung tâm Logistics ICD Vĩnh Phúc, rộng khoảng 83 ha và công suất thiết kế 530.000 Teus / năm[306]. Tỉnh sẽ cầnxem xét quỹ đất hiện có và cơ sở hạ tầng tại Hưng Yên, để đảm bảo các hệ thống giao thông khác không bị quá tải do lượng xe tải ra vào trung tâm, và cần thiết điều chỉnh quy mô dự kiến của trung tâm theo đó. Do đó, dựa vào vị trí chiến lược của Hưng Yên và tiềm năng trong tương lai, chúng tôi đề xuất rằng Trung tâm Logistics ICD cho Hưng Yên sẽ có diện tích ít nhất là 85 đến 100 ha.

Vị trí

Giống như các hạ tầng giao thông quan trọng khác, Trung tâm đầu mối Logistics ICD Hưng Yên cần một địa điểm thích hợp với khả năng tiếp cận giao thông tốt, bao gồm các bến đường sắt cũng như đất có sẵn để phát triển. Do đó, trung tâm đầu mối Logistics ICD nên được thiết lập ở vị trí chiến lược, gần với sân bay được đề xuất để hỗ trợ nhiều hoạt động vận tải hàng hóa, cho phép di chuyển trong vòng ba giờ lái xe đến hệ thống cảng thủy nội địa Hưng Yên, các khu công nghiệp và trung tâm thương mại địa phương. Đặc biệt, trung tâm đầu mối có thể nằm gần tuyến đường sắt cao tốc kết nối với Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, bao quanh một trong những hành lang kinh tế chính. Điều này cung cấp các phương tiện vận tải đa phương thức tốt hơn, do đó giảm chi phí vận chuyển cần thiết, thời gian và khả năng tắc nghẽn. Theo quy hoạch Hưng Yên hiện có một số vị trí tiềm năng cho các cảng ICD như: Cảng ICD Văn Lâm (tại xã Đại Đồng, xã Minh Hải, huyện Văn Lâm và phường Phan Đình Phùng, thị xã Mỹ Hào); ICD Lý Thường Kiệt (tại xã Lý Thường Kiệt, huyện Yên Mỹ và xã Đồng Tiến, huyện Khoái Châu). Ngoài ra, một địa điểm được đề xuất là xung quanh tam giác Tiên Lữ - Thành phố Hưng Yên - Kim Động. Khu vực này có một số cụm công nghiệp như Phạm Ngũ Lão - Thế Dân và Lương Bằng - Nghĩa Xá Vũ Xá 1, Nam Khoái Châu, có thể trở nên hấp dẫn hơn đối với các nhà đầu tư và nhà sản xuất với sự ra đời của một Trung tâm đầu mối Logistics tại Hưng Yên.

Nhân lực

[303] Quyết định số 2223 / QĐ-TTg về Quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, ngày 13 tháng 12 năm 2011

[304] Quyết định số 2223 / QĐ-TTg, ngày 13 tháng 12 năm 2011

[305] https://vir.com.vn/icd-shortfall-may-lead-to-fresh-funding-86169.html

[306] https://vir.com.vn/tags/vinh-phuc-icd-logistics-center-30284.tag

Trung tâm đầu mối Logistic ICD Hưng Yên cần có lực lượng lao động lớn được đào tạo nghề về bảo trì thiết bị, lắp ráp, sửa chữa máy móc và đóng thùng khô, đóng gói và dán nhãn cũng như các công việc hành chính, kỹ thuật và pháp lý.

Cơ sở hạ tầng

Các hệ thống giao thông tốt có tính liên kết với nhau như hệ thống giao thông sân bay, hàng hải, đường sắt, đường bộ và đường cao tốc cần được thiết lập gần nhau. Hiện nay tại Hưng Yên, việc đầu tư di dời ga Lạc Đạo gắn với phát triển cảng ICD còn chậm, việc kết nối giữa ga với hệ thống cảng, đường thủy nội địa, ICD, trung tâm logistic còn hạn chế khiến hạ tầng phát triển trở thành một thách thức quan trọng đối với tỉnh trong việc triển khai đề xuất Trung tâm đầu mối Logistic ICD.

Xu hướng mới có thể áp dụng trong mô hình trung tâm logistic

- Quản lý công nghệ kỹ thuật số
- Quản lý thời gian thực
- Robot kho hàng trong chuỗi cung ứng
- Giao thông đường bộ tự trị (cần ít sự giám sát, tham gia của con người)
- Kênh phân phối tiên tiến
- Trung tâm thân thiện với môi trường

<u>Một số ví dụ tham khảo</u>

(1) Trung tâm Logistics ICD Vĩnh Phúc: SuperPort[307]

- **Quy mô**: 83.0784 ha. Tiêu chuẩn thiết kế quy hoạch: Đô thị loại I. Công suất: 530.000 teus / năm
- **Vị trí**: Thị trấn Hương Canh và xã Sơn Lôi, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
- **Xung quanh**: Phía Đông giáp Tỉnh lộ 310B; Phía Tây giáp sông Cầu Bốn; Phía Nam giáp hành lang đường sắt Hà Nội - Lào Cai; Phía Bắc giáp đường sắt quy hoạch.
- **Đặc điểm:** Trung tâm Logistics ICD Vĩnh Phúc là khu đa chức năng: Chức năng Logistics (phục vụ nhu cầu giao nhận, xếp dỡ, lưu kho và phân phối hàng hóa), chức năng ICD trung tâm (là điểm thông quan hàng hóa nội địa, đầu mối giao thông quan trọng và đa phương thức trung tâm vận tải), các dịch vụ gia tăng. Dự án có 4 trụ cột chính: kết nối, bền vững, tốc độ và khả năng mở rộng; hướng tới 5 mục tiêu: (i) xây dựng cơ sở hạ tầng bền vững, (ii) logistics thông suốt với trung tâm đẳng cấp quốc tế, (iii) giảm chi phí cho doanh nghiệp, (iv) tăng khả năng cạnh tranh của chuỗi cung ứng, và (v) nâng cao nguồn nhân lực.
- **Bài học kinh nghiệm chính:** Mô hình tích hợp giữa ICD và trung tâm phân phối mang đến các tính năng đa chức năng cho trung tâm logistic. 4 trụ cột chính là những yếu tố cần thiết được xem xét trong việc xây dựng một Trung tâm Logistic ICD tương tự. Trung tâm Logistics ICD Hưng Yên có tiềm năng phát triển lớn như Trung tâm Logistics ICD Vĩnh Phúc. Tuy nhiên, điều quan trọng là phải đánh giá quỹ đất và cơ sở hạ tầng hiện có của Hưng Yên để điều chỉnh quy mô dự kiến, đảm bảo các hệ thống giao thông khác không bị quá tải do lượng xe tải đổ về đầu mối.

[307] Vietnam Economy

(2) Hệ thống ICD tại Cảng Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) và Cái Mép - Thị Vải[308]

- **Quy mô**: Hệ thống bao gồm 6 ICD, quy mô từ 500 TEU đến 1,4 triệu TEU.
- **Vị trí**: Các ICD nằm xung quanh TP.HCM. Một số nằm dọc theo hệ thống đường thủy nội địa và một số khác gần các khu công nghiệp.
- **Đặc điểm**:
    - **Ưu điểm**: Các ICD gần đường thủy nội địa cho phép vận chuyển container đến các bến hàng hải bằng sà lan, tiết kiệm hơn so với việc vận chuyển bằng xe tải. Các ICD cho phép vận chuyển container đến các Cảng Container Quốc tế Việt Nam mà không cần phải vận chuyển qua Thành phố Hồ Chí Minh trong giờ hạn chế giao thông không dành cho xe tải.
    - **Nhược điểm**: Các đầu nối đường cao tốc và đường vào nhiều ICD thường được quy hoạch kém, góp phần gây ra ùn tắc đường cao tốc chung trong khu vực TP.HCM. Mặc dù số lượng lớn IDC xung quanh TP.HCM thúc đẩy sự cạnh tranh, nhưng rất khó để một hãng vận tải có thể theo dõi lượng hàng tồn kho của mình trong các ICD khác nhau. Vì vậy, sẽ tốt hơn nếu hai đến ba ICD nhỏ ở TP.HCM được hợp nhất thành một ICD lớn hơn với tiêu chuẩn chất lượng và chuyên môn cao hơn. Tuy nhiên, việc hợp nhất nhiều ICD sau khi xây dựng và hoạt động của chúng là gần như không thể.
- **Bài học kinh nghiệm chính:** Việc có nhiều ICD trong một khu vực có thể gây lo ngại và kém cạnh tranh hơn so với việc có một ICD lớn với các tiêu chuẩn chuyên môn và chất lượng cao hơn. Ngoài ra, quy hoạch tốt hệ thống giao thông xung quanh là điều cần thiết để tránh ùn tắc trong tương lai do hoạt động của các ICD.

(3) Cảng nội địa Uiwang, Hàn Quốc

- **Quy mô**: cụm 2 bãi container nội địa. Sân thứ nhất có sức chứa khoảng 1.000.000 teus và sân thứ hai khoảng 500.000 teus. Tính đến năm 2015, khoảng 1.000.000 teus đã được cơ sở này xử lý.
- **Vị trí:** tại Uiwang, cách Seoul (thành phố lớn nhất Hàn Quốc và là trung tâm sản xuất quan trọng) khoảng 25km về phía Nam, tạo thành một cảng nội địa đóng vai trò là trung tâm tải trọng cho khu vực đô thị và xử lý khoảng 45% lưu lượng container.
- **Đặc điểm**: Mỗi bãi đều có các nhà ga đường sắt liên phương thức, giúp kết nối với cảng Pusan, nơi có cảng biển nước sâu chính của Hàn Quốc (lớn thứ 5 thế giới). Về mặt chức năng, Uiwang có thể được coi là một bến vệ tinh chịu trách nhiệm vận chuyển container và thông quan hàng hóa. Dự án thực hiện theo hình thức đối tác công tư (PPP) được gọi là hợp đồng xây dựng - vận hành - chuyển giao (BOT), bao gồm các cam kết của các nhà thầu khu vực tư nhân để xây dựng, trang bị, quản lý và vận hành các bến trong một khoảng thời gian xác định trước - thường không ngắn hơn 30 năm - trước khi chuyển lại quyền sở hữu các tài sản đầu cuối cho Chính phủ. Cụ thể, đối với Uiwang ICD, hiện 75% thuộc sở hữu của các doanh nghiệp vận tải tư nhân và 25% thuộc sở hữu của Đường sắt Quốc gia Hàn Quốc. Mặc dù việc mở rộng cảng nội địa tại Incheon (Seoul) có thể thách thức sự phát triển của Uiwang, nhưng vị trí gần cảng Pusan đã cung cấp tiềm năng phát triển cho trung tâm ICD này, do trung tâm có lưu lượng thấp hơn các tuyến vận tải chính, hỗ trợ tốt trong việc điều tiết các luồng giao thông.

[308] Blancas, Luis C., John Isbell, Monica Isbell, Hua Joo Tan, and Wendy Tao. 2014. *Efficient Logistics: A Key to Vietnam's Competitiveness.* Directions in Development. Washington, DC: World Bank. doi:10.1596/978-1-4648-0103-7. License: Creative Commons Attribution CC BY 3.0

- **Bài học kinh nghiệm:** Hưng Yên có vị trí chiến lược tương tự như một đô thị vệ tinh của Hà Nội, trung tâm của tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, nơi tập trung các cảng biển và hàng không lớn. Do đó, Trung tâm ICD Logistics được thành lập tại Hưng Yên có tiềm năng phát triển lớn như Cảng nội địa Uiwang. Bất chấp việc mở rộng các cảng container xung quanh Hà Nội, Hưng Yên có thể theo mô hình nhà ga vệ tinh để phát triểnTrung tâm ICD Logistics. Hợp đồng BOT cũng là một hình thức phổ biến của PPP có thể áp dụng tại Hưng Yên.

8.2.2. Các sáng kiến phát triển liên ngành

8.2.2.1. Thu hút các doanh nghiệp lớn trong ngành

Tích cực thu hút các doanh nghiệp trong ngành để thúc đẩy các ngành sản xuất tiên tiến và có hàm lượng tri thức cao đến thiết lập hoạt động tại Hưng Yên

Giải thích sự cần thiết

Để tạo ra một chuỗi giá trị bền vững ở Hưng Yên nhằm nâng cao năng suất trên toàn tỉnh, một nhiệm vụ quan trọng là thu hút mạnh mẽ các doanh nghiệp sản xuất dẫn đầu trong các ngành sản xuất tiên tiến và có hàm lượng tri thức cao đến thành lập hoạt động tại Hưng Yên. Điều này đòi hỏi nguồn vốn, nhân lực và công nghệ khổng lồ, điều chỉ có thể được thực hiện bởi các doanh nghiệp lớn trong ngành với nhiều kinh nghiệm, mạng lưới lớn, sức mạnh tài chính và công nghệ tiên tiến. Với việc Việt Nam đứng thứ 70 trên thế giới về mức độ thuận lợi của môi trường kinh doanh, cần phải thực hiện việc giảm bớt các quy trình và sắp xếp hợp lý để góp phần tạo ra hoạt động kinh doanh thông suốt. Ngoài ra, việc xây dựng khả năng liên kết ngành và khả năng phục hồi của chuỗi cung ứng sẽ khiến Hưng Yên trở nên hấp dẫn hơn đối với các tập đoàn đa quốc gia đến thiết lập các cơ sở hoạt động và R&D, đồng thời tăng thứ hạng PCI của Hưng Yên. Các công ty khác trong chuỗi giá trị hỗ trợ sau đó sẽ được thu hút để thiết lập hoạt động tại Hưng Yên, nâng tầm Hưng Yên như một trung tâm sản xuất và thâm dụng tri thức (R&D).

Tổng quan về sáng kiến

Để đạt được điều này, cần khuyến khích các doanh nghiệp gia công quy trình kinh doanh (BPO) vào thị trường Hưng Yên để cung cấp dịch vụ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) nhằm nâng cao hiệu quả của quá trình kinh doanh. Ngoài ra, cần khuyến khích các doanh nghiệp trong nước hình thành các cụm ngành, cải thiện môi trường pháp lý và hỗ trợ kinh doanh cho các doanh nghiệp. Các doanh nghiệp nước ngoài sẽ đánh giá Hưng Yên cao hơn nếu có ít quy trình hơn, gia tang tỷ lệ nội địa hóa của các khâu khác nhau trong chuỗi cung ứng có sẵn trên địa bàn tỉnh, do đó có thể giảm chi phí vận chuyển.

Chính quyền địa phương cũng cần tăng cường phối hợp với các bộ để thành lập trung tâm hành chính một cửa nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh và đơn giản hóa các quy trình hành chính. Một ví dụ là phối hợp với Bộ Y tế (Cục Quản lý Dược Việt Nam) trong việc đăng ký các cải tiến dược phẩm mới. Bộ Y tế cũng có thể phối hợp với các doanh nghiệp địa phương trong ngành dược để làm cầu nối giữa các công ty dược trong nước và các tổ chức quốc tế như Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) để đảm bảo sản phẩm tuân thủ các tiêu chuẩn nổi tiếng thế giới và đạt chứng nhận quốc tế để khai thác thị trường xuất khẩu.

Về lĩnh vực nông nghiệp, việc bảo hộ bằng sáng chế cần được khuyến khích để thúc đẩy hoạt động R&D trong các kỹ thuật bảo quản và chế biến để thúc đẩy sự phát triển chuỗi giá trị. Chính

quyền địa phương cũng có thể cung cấp các khoản tài trợ không rủi ro cho các nhà sản xuất sử dụng công nghệ kỹ thuật cao trong quy trình sản xuất của họ. Để đảm bảo an ninh lương thực, ngành nông nghiệp cần áp dụng và giám sát chặt chẽ các tiêu chuẩn an toàn nông sản nghiêm ngặt bổ sung hiện chưa có trong VietGAP / VietGAHP. Ngành cần tiến hành thẩm định thường xuyên và tất cả các nhà sản xuất nông nghiệp phải gửi báo cáo một cách nhất quán chỉ ra cách họ đã kết hợp các tiêu chuẩn ngành vào thực tiễn hàng ngày của họ. Cuối cùng, bất kỳ bản cập nhật mới nào đối với các tiêu chuẩn phải được theo dõi nhất quán và thực hiện tương ứng.

Mối liên kết trong và ngoài ngành cũng rất quan trọng để thu hút các doanh nghiệp trong ngành xúc tác đến hoạt động tại Hưng Yên. Các liên kết tiềm năng được xác định bao gồm:

a. Thiết lập các chuỗi liên kết giữa công nghiệp dược với các ngành công nghiệp và nông nghiệp. Sản phẩm chính của Traphaco là các sản phẩm thuốc bổ từ thảo dược và các nguyên liệu này có thể được thu mua từ các loại cây thuốc mà ngành nông nghiệp Hưng Yên có thế mạnh. Điều này phù hợp với kế hoạch của Traphaco trong việc đa dạng hóa các nguồn cung cấp nguyên liệu, sau khi chịu ảnh hưởng của đại dịch với sự gián đoạn của các nguồn cung sẵn có

b. Thiết lập mối liên kết tiềm năng giữa ngành nông nghiệp và ngành công nghiệp chế biến thực phẩm, đặc biệt là các doanh nghiệp hiện có tại Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối, Khu công nghiệp Minh Đức, v.v.

c. Thiết lập các mối liên kết giữa ngành nông nghiệp và dịch vụ logistics để thúc đẩy sự phát triển của chuỗi cung ứng lạnh

8.2.2.2. Nền tảng cạnh tranh và cơ sở hạ tầng hỗ trợ để đáp ứng nhu cầu công nghiệp

Cải thiện cơ sở hạ tầng giao thông vận tải như dịch vụ logistics và hành khách trong và xung quanh Hưng Yên

Giải thích sự cần thiết

Trong những năm gần đây, công tác đầu tư nâng cấp, cải tạo kết nối giao thông bao gồm các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, đường liên huyện, đường đô thị, đường thủy nội địa được chú trọng đầu tư. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho mạng lưới giao thông tiếp cận và thuận tiện hơn, hỗ trợ phát triển công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ và các khu vực thành thị, nông thôn. Tuy nhiên, các vấn đề như tắc nghẽn giao thông gia tăng và chất lượng mặt đường kém đã diễn ra khắp khu vực và khiến hệ thống giao thông hiện tại không đủ đáp ứng nhu cầu trong tương lai của tỉnh. Do đó, sáng kiến này đề xuất phát triển các phương tiện vận tải khác như hàng không và đường sắt, và cải thiện cơ sở hạ tầng giao thông vận tải của Hưng Yên để đảm bảo tiếp cận rộng rãi và tiết kiệm thời gian (trong nội bộ Hưng Yên và kết nối bên ngoài) để tỉnh có thể tăng tính cạnh tranh của mình, trở nên hấp dẫn đối với các nhà đầu tư, doanh nghiệp, khách du lịch và người dân địa phương (ví dụ như những lao động làm việc tại Hà Nội nhưng thường trú tại Hưng Yên).

Tổng quan về sáng kiến

Để đáp ứng các mục tiêu của sáng kiến này, chính quyền địa phương được khuyến khích cải thiện hệ thống giao thông giữa các khu công nghiệp và các cơ sở giáo dục hiện có, hoặc thành lập các cơ sở giáo dục chất lượng cao gần các khu công nghiệp / trong mỗi khu vực đô thị. Điều này nhằm tăng cường mối liên kết giữa giáo dục và các khu công nghiệp, đồng thời thu hút nhân tài có tay nghề nước ngoài (tức là người nước ngoài) bằng cách đảm bảo các trường học chất

lượng tốt và các cơ sở vật chất khác có thể tiếp cận được với họ và gia đình. Ngoài ra, chính quyền địa phương cũng nên khuyến khích các doanh nghiệp vận tải nhỏ hợp tác hoặc hợp nhất để tạo ra một môi trường cạnh tranh lành mạnh và hệ thống giao thông chuyên nghiệp. Để giảm ùn tắc trong tương lai và chuẩn bị cho mật độ dân số cao ở Hưng Yên, chính quyền địa phương nên bố trí không gian cho hành lang dự phòng đường sắt để thiết lập đường sắt hành khách bán đô thị (và các nỗ lực mở rộng sau này) để tiếp cận giữa Hưng Yên và Hà Nội. Điều này có thể đạt được bằng cách xây dựng tuyến đường sắt trên cao để giảm sử dụng đất trên mặt đất. Giải pháp trước mắt trong khi chờ phê duyệt và xây dựng tuyến đường sắt chở khách là chính quyền địa phương có thể tăng cường phạm vi tiếp cận của mạng lưới xe buýt bằng cách xây dựng thêm các bến xe, tăng mức độ phục vụ thị thị trường lên mức trung bình.

Thúc đẩy cơ sở hạ tầng kỹ thuật số thông minh để tăng khả năng kết nối kỹ thuật số của các doanh nghiệp và người dân Hưng Yên và thúc đẩy áp dụng công nghệ để tăng năng suất

Giải thích sự cần thiết

Khi số hóa ngày càng lan rộng khắp tỉnh Hưng Yên, cơ sở hạ tầng số thông minh là cần thiết để tăng khả năng kết nối số của các doanh nghiệp và người dân Hưng Yên. Trong những năm qua, các thành phần ứng dụng CNTT-TT và cơ sở hạ tầng CNTT-TT hoạt động tương đối kém, tạo ra nhiều khó khăn trong việc cải thiện chỉ số CNTT-TT nói chung. Thông qua việc triển khai hạ tầng kỹ thuật số thông minh trên toàn tỉnh Hưng Yên, điều này sẽ cải thiện chỉ số CNTT-TT, giúp tỉnh này cạnh tranh hơn với các đồng nghiệp trong việc áp dụng Internet vạn vật (IoT). Các ngành nông nghiệp và công nghiệp vẫn phụ thuộc vào các phương thức truyền thống, hiệu quả thấp, tốn nhiều thời gian và công sức. Khuyến khích áp dụng công nghệ như các ứng dụng IoT và quá trình tự động hóa và học máy trong các lĩnh vực này sẽ cải thiện năng suất và hiệu quả, từ đó có thể mang lại tác động lan tỏa cho nền kinh tế.

Tổng quan về sáng kiến

Để đạt được điều này, chính quyền địa phương sẽ thúc đẩy khả năng truy cập internet tốc độ cao ổn định trên toàn tỉnh. Điều này có thể đạt được với việc lắp đặt hạ tầng internet băng thông rộng khắp các thôn/xóm trong tỉnh. Thúc đẩy cáp quang hoặc cơ sở hạ tầng 5G trên khắp các khu vực đô thị và khu vực tập trung công nghiệp có thể cho phép triển khai IoT. Những hạ tầng này cho phép giải quyết các vấn đề đô thị khác nhau như tắc nghẽn giao thông và quản lý năng lượng, quá đó tăng cường kết nối kỹ thuật số của tỉnh giữa các doanh nghiệp và người dân.

Để đạt được việc áp dụng công nghệ trên toàn tỉnh, chính quyền địa phương có thể thành lập các vườn ươm công nghệ thông tin (CNTT) và công viên phần mềm với mục tiêu hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp trong ngành CNTT thông qua các hội thảo và các buổi chia sẻ kiến thức. Điều này có thể nâng cao kiến thức và chia sẻ kinh nghiệm trong toàn ngành. Đồng thời, các khu phần mềm này có thể giúp thu hút vốn đầu tư cho các doanh nghiệp phần mềm và thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của ngành CNTT, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Ngoài ra, chính quyền địa phương có thể đẩy mạnh việc áp dụng công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp thông qua hợp tác với trung tâm R&D, công nghiệp phần mềm và các doanh nghiệp công nghệ trong việc áp dụng các công nghệ tiên tiến hơn trong ngành như sản xuất tự động, phân loại bề ngoài sợi hoặc kiểm tra lỗi vải bằng cảm biến và máy học. Việc phân bổ trợ cấp hoặc trợ cấp của chính quyền tỉnh có thể đóng vai trò như một động lực để thu hút các doanh nghiệp áp dụng công nghệ và tích hợp kỹ thuật số vào sản xuất. Chính quyền địa phương cũng cần ưu tiên cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính và pháp lý trực tuyến cho các doanh nghiệp mới thành lập và doanh nghiệp vừa và nhỏ, đặc biệt là trong việc điều hướng quy trình cho vay, sử dụng đất và các quy

trình cấp phép kinh doanh. Điều này có thể được thiết lập thông qua sự hợp tác giữa chính quyền địa phương với ngân hàng địa phương và các doanh nghiệp pháp lý trong khuôn khổ các chương trình trách nhiệm xã hội của Doanh nghiệp , chương trình này sẽ thúc đẩy việc áp dụng công nghệ kỹ thuật số.

8.2.2.3. Thiết lập trung tâm dịch vụ hỗ trợ công nghiệp, nông nghiệp và bán lẻ (liên kết thương mại)

Thúc đẩy sự phát triển của ví điện tử

Giải thích sự cần thiết

Năm 2020, ngành tài chính, ngân hàng và bảo hiểm chiếm tỷ trọng 9,8% trong tổng ngành dịch vụ của Hưng Yên với tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng bình quân hàng năm từ 2011 đến 2020 là 6,6%[309]. Từ đó có thể suy ra rằng, mặc dù ngành tài chính, ngân hàng và bảo hiểm đang trên đà phát triển, nhưng vẫn còn nhiều dư địa để tăng trưởng, đặc biệt là trong việc nâng cao hiểu biết về tài chính của người dân Hưng Yên, thúc đẩy sự bao trùm về tài chính và giảm thiểu rủi ro gian lận trong cho vay tín dụng. các quy trình. Để phù hợp với mục tiêu hướng tới nền kinh tế số hóa của Hưng Yên, chúng tôi đề xuất đa dạng hóa các phương thức ngân hàng truyền thống để khuyến khích việc sử dụng ví điện tử để thanh toán và phân phối tín dụng tại Hưng Yên. Theo số liệu thống kê năm 2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, sáng kiến này rất quan trọng trong việc giải quyết khoảng cách mà 70% người trưởng thành ở Việt Nam được ghi nhận là có tài khoản ngân hàng, nhưng gần một nửa không có khả năng tiếp cận tín dụng[310] . Trên toàn tỉnh, 100% doanh nghiệp hiện có hạ tầng Internet và tỷ lệ sử dụng điện thoại thông minh nói chung của Hưng Yên là 67%. Hưng Yên có tỷ lệ thâm nhập kỹ thuật số cao, cho thấy một bộ phận không nhỏ dân số có hiểu biết về công nghệ, hứa hẹn tiềm năng cho một xã hội không tiền mặt.

Ngành ví điện tử tại Việt Nam

Ở cấp độ quốc gia, có sự gia tăng của ví điện tử với hơn 30 nhà cung cấp (tính đến tháng 10 năm 2020), bao gồm cả những doanh nghiệp thống lĩnh thị trường như Momo, Moca và Zalopay.[311] Điều này có thể là do sự hỗ trợ mạnh mẽ của chính phủ như việc NHNN ban hành Thông tư số 16/2020/TT-NHNN cho phép triển khai dịch vụ định danh khách hàng điện tử (eKYC) khi mở tài khoản ngân hàng, và sự bùng phát của COVID-19 điều đó đã mang lại cho ví điện tử một phương thức thanh toán an toàn và thuận tiện hơn[312]. Ngoài ra, vào tháng 7 năm 2021, Bộ Thông tin và Truyền thông dự thảo Nghị định về nhận dạng điện tử và xác thực điện tử nhằm mục đích mở rộng phạm vi bao phủ các dịch vụ giao dịch với các cơ quan chính phủ và khu vực tư nhân, đơn giản hóa quy trình giới thiệu kỹ thuật số cho người tiêu dùng, tăng khả năng truy xuất nguồn gốc và thúc đẩy tài chính toàn diện [313].

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng vẫn còn tồn tại những hạn chế xung quanh ví điện tử ở Việt Nam. Việc sử dụng ví điện tử vẫn còn khá lạ lẫm đối với dân số Việt Nam với chỉ 42% người tiêu dùng qua ngân hàng và 17% người tiêu dùng không qua ngân hàng được ghi nhận là đang sử dụng ví điện tử vào năm 2020. Đối với người bán, mức chấp nhận ví điện tử vẫn ở mức thấp đáng kinh ngạc

[309] Báo cáo hiện trạng kinh tế xã hội tỉnh Hưng Yên
[310] https://vir.com.vn/vietnam-faces-a-possible-gap-in-financial-accessibility-and-awareness-84482.html
[311] https://www.rmit.edu.vn/news/all-news/2020/dec/e-wallet-providers-fighting-for-survival-in-vietnam
[312] https://vir.com.vn/financial-institutions-opting-more-into-ekyc-convenience-83295.html
[313] https://www.globalcompliancenews.com/2021/07/21/vietnam-draft-decree-on-electronic-identification-and-electronic-authentication-06072021/

với mức trung bình là 3 đến 4 điểm bán hàng (POS) trên 1.000 người. Hiện tượng này đặc biệt phổ biến ở các tỉnh nông thôn, nơi các dịch vụ ngân hàng hiện đại còn hạn chế và giao dịch tiền mặt vẫn là xu hướng chủ đạo. Ngoài ra, giới hạn giao dịch ví điện tử ở mức 100 triệu đồng / tháng cũng đóng vai trò cản trở việc sử dụng ví điện tử, đặc biệt khi người tiêu dùng đang mua các mặt hàng có giá trị lớn như đồ gia dụng và sản phẩm điện tử. Trong tương lai, các cơ quan quản lý, tổ chức tín dụng và nhà cung cấp ví điện tử sẽ phải làm việc cùng nhau để giải quyết những khoảng trống phổ biến này và đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của người tiêu dùng cũng như các cửa hàng bán lẻ.

Tổng quan về sáng kiến

Để khuyến khích việc sử dụng ví điện tử để thanh toán và phân phối tín dụng ở Hưng Yên, sáng kiến đề xuất như sau:

Các ưu đãi cần được cung cấp cho người bán trên toàn tỉnh để tích hợp thanh toán bằng ví điện tử vào các quy trình kinh doanh hiện có. Dựa trên kết quả khảo sát của Cimigo, hầu hết các thương gia, bao gồm cả thương mại điện tử, vẫn phụ thuộc nhiều vào giao dịch tiền mặt (tiền mặt khi giao hàng để mua sắm trực tuyến) làm hình thức thanh toán chính do các rào cản gia nhập cao như đầu tư phần mềm POS, phí giao dịch và liên kết lên dữ liệu di động[314]. Do đó, chính quyền địa phương và các nhà cung cấp ví điện tử có thể trợ cấp một phần chi phí thiết lập của người bán, sau đó sẽ khuyến khích người tiêu dùng sử dụng ví điện tử. Ngoài ra, hỗ trợ và tư vấn bổ sung có thể được cung cấp cho những người bán lần đầu để đảm bảo quá trình chuyển đổi của họ sang nền tảng ví điện tử diễn ra liền mạch.

Việc sử dụng ví điện tử trong cộng đồng người tiêu dùng có thể được thúc đẩy thông qua hoàn tiền, các chương trình chiết khấu và phiếu mua hàng có thể sử dụng tại một số người bán được chọn ở Hưng Yên từ các nhà cung cấp ví điện tử. Theo cách tương tự, chính quyền địa phương cũng có thể phân bổ nguồn tài chính them vào vào mỗi tài khoản ví điện tử mới như một phần của chương trình phục hồi hậu COVID-19 nhằm khuyến khích chi tiêu trong nền kinh tế địa phương và đẩy nhanh sự chuyển dịch của Hưng Yên sang một xã hội không tiền mặt. Quy trình này có thể được mô phỏng theo dự án e-Tunai[315] được chính phủ Malaysia khởi động vào năm 2020, dự án này trực tiếp gửi khoản tín dụng một lần trị giá 30 RM (tương đương 7,22 USD) vào ví điện tử của người tiêu dùng.

Cải thiện các liên kết thương mại bằng cách sử dụng các chiến lược đa kênh như thương mại điện tử [316]

Giải thích sự cần thiết

Trong thập kỷ qua, ngành thương mại Hưng Yên đã có những bước phát triển đáng kể trong việc phát triển cơ sở hạ tầng thương mại, nâng cao tính đa dạng, chất lượng và tầm cung cấp sản phẩm, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao của người dân. Hưng Yên hiện có 23 chợ tổng hợp và chợ chuyên doanh với quy mô chợ bình quân phục vụ 11.861 người, cao hơn hẳn mức bình quân chung của cả nước là 10.243 người/chợ. Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế đáng kể mà Hưng Yên cần giải quyết trong lĩnh vực thương mại của mình. Về cơ bản, khả năng tiếp cận thị trường vẫn chỉ giới hạn ở các khu vực kinh tế xã hội phát triển hơn của tỉnh Hưng Yên như

[314] https://www.cimigo.com/en/vietnam-e-payments-and-mobile-wallets/

[315] Thông tin chi tiết về dự án e-Tunai: https://ringgitplus.com/en/blog/e-wallet/rm30-e-tunai-rakyat-e-wallet-initiative-what-you-need-to-know.html

[316] Báo cáo hiện trạng ngành Thương mại ở Hưng Yên

Văn Lâm và Văn Giang. Nhìn chung, trong tổng số 10 huyện, thị xã, thành phố của tỉnh, chỉ có các chợ Văn Lâm, Văn Giang, Yên Mỹ, Mỹ Hào, Ân Thi và Khoái Châu phục vụ bình quân trên 10.000 người/chợ, các huyện, thị xã còn lại đều ghi nhận số lượng bình quân dân số được phục vụ/chợ thấp hơn mức này. Do đó, chính quyền tỉnh có thể xem xét sử dụng các chiến lược đa kênh đa dạng như thương mại điện tử để cải thiện các liên kết thương mại và giảm nhu cầu phát triển và cải thiện cơ sở hạ tầng thương mại thực tế. Trong bối cảnh của đại dịch, thương mại điện tử đã nổi lên như một giải pháp thay thế vượt trội về độ an toàn và tiện lợi, và xu hướng này được cho là sẽ không chùn bước ngay cả sau khi kinh tế phục hồi. Tương tự như sáng kiến ví điện tử, Hưng Yên có tiềm năng lớn để áp dụng các nền tảng thương mại điện tử do tỷ lệ sử dụng điện thoại thông minh cao và cơ sở hạ tầng Internet đầy đủ, cho thấy dân số có trình độ công nghệ cao.

Tổng quan về sáng kiến

Để thực hiện sáng kiến này, chính quyền địa phương nên khuyến khích các quan hệ đối tác triển khai chiến dịch "Người Việt dùng hàng Việt", kết hợp giữa các nền tảng thương mại điện tử nổi tiếng trong nước như Sendo, Tiki và các doanh nghiệp địa phương. Điều này sẽ cho phép các doanh nghiệp địa phương tại Hưng Yên quảng bá hàng hóa của họ, tiếp cận cơ sở người tiêu dùng của nền tảng, mở rộng phạm vi thị trường của họ ra ngoài Hưng Yên và tận dụng các chuỗi phân phối đã thiết lập của nền tảng. Ngoài ra, để nâng cao nhận thức về lợi ích của các nền tảng thương mại điện tử, chính quyền địa phương cũng nên phổ biến những câu chuyện thành công của các doanh nghiệp địa phương đã phát triển mạnh sau khi sử dụng các nền tảng thương mại điện tử để làm hình mẫu thu hút các doanh nghiệp khác tham gia vào lĩnh vực kỹ thuật số kinh tế. Đối với những người tiêu dùng có sinh kế bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi đại dịch, các chương trình trả góp như mua ngay trả sau (BNPL - Buy now pay later) cũng nên được cung cấp trên các nền tảng để cho phép mọi người tham gia vào nền kinh tế kỹ thuật số.

8.2.2.4. Thiết lập trung tâm R&D, trung tâm / hệ sinh thái khởi nghiệp và sáng tạo

Thành lập các vườn ươm để tăng cường hỗ trợ cho các doanh nghiệp khởi nghiệp

Giải thích sự cần thiết

Từ năm 2017 đến năm 2020, chính quyền địa tỉnhg đã có những bước tiến đáng kể để phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp tại Hưng Yên sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2009 / QĐ-UNBD vào tháng 7 năm 2017 nhằm hỗ trợ toàn diện cho hệ sinh thái khởi nghiệp[317]. Điều này được chứng minh bằng số lượng đăng ký doanh nghiệp lựa chọn hoạt động tại Hưng Yên tăng từ 6.980 năm 2016 lên hơn 12.000 vào năm 2020[318]. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những hạn chế đáng kể bao gồm không đủ kinh phí và cung cấp dịch vụ tư vấn kém cho các doanh nghiệp để thương mại hóa và phát triển doanh nghiệp của mình. Điều này được thể hiện bằng số lượng đơn đăng ký bảo hộ sáng chế và tiện ích giảm xuống dưới mục tiêu. Do đó, việc thành lập các cơ sở ươm tạo được đề xuất để tăng cường hỗ trợ khởi nghiệp, phù hợp với mục tiêu của Hưng Yên là trở thành một nền kinh tế tiên tiến, hiện đại, đi đầu là đổi mới sáng tạo và kỹ thuật số.

Tổng quan về sáng kiến

[317] Tóm tắt kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp của Hưng Yên, giai đoạn 2017 - 2020

[318] Thông tin từ Bộ Khoa học và Công nghệ cung cấp cho Quy hoạch phát triển tổng thể tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2030, định hướng 2050

Vườn ươm khởi nghiệp là gì? Các vườn ươm cung cấp cho các công ty khởi nghiệp giai đoạn đầu các nguồn lực cần thiết nhất, tức là sự kết hợp giữa vốn xã hội và vốn để chuẩn bị cho sự ra mắt trong tương lai. Những dịch vụ này bao gồm:

Cơ sở hạ tầng

- Không gian văn phòng được trang bị tốt
- Phòng thí nghiệm và thiết bị cho các lĩnh vực cụ thể như công nghệ sinh học và sản xuất tiên tiến
- Cơ sở vật chất để tạo mẫu, thử nghiệm, v.v.

Dịch vụ kinh doanh

- Huấn luyện và đào tạo thông qua các hội thảo và hội thảo thường xuyên
- Nhân viên vườn ươm có trình độ chuyên môn để hỗ trợ và hướng dẫn các doanh nhân
- Tiếp cận các dịch vụ cơ bản như hỗ trợ và tư vấn về kế toán, pháp lý và hành chính
- Hỗ trợ sở hữu trí tuệ

Kết nối

- Tiếp cận các nhà đầu tư tiềm năng và các nguồn tài chính
- Tiếp cận mạng lưới quốc tế và các chuyên gia trong ngành
- Cơ hội hợp tác với đồng nghiệp
- Thường xuyên tổ chức các sự kiện để nêu bật tài năng và thúc đẩy hợp tác
- Thiết lập các chương trình cố vấn với những người có kinh nghiệm trong ngành

Đề xuất mô hình cơ sở ươm tạo cho Hưng Yên

Vườn ươm thuộc các Tổ chức & Cơ quan nghiên cứu
Các cơ sở ươm tạo này được thành lập bởi các tổ chức như trường kinh doanh hoặc trường kỹ thuật và cơ quan nghiên cứu để hỗ trợ các dự án khởi nghiệp của các sinh viên và nhà nghiên cứu hiện tại / cũ. Ví dụ, ở Việt Nam, các trường đại học quốc gia đã thành lập vườn ươm công nghệ như Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh và Đại học Bách khoa Hà Nội. Trong tương lai, các trường đại học như Đại học Sư phạm Công nghệ Hưng Yên có thể thành lập các vườn ươm doanh nghiệp và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

Vườn ươm liên kết với Khu vực công
Các vườn ươm được liên kết với khu vực công chủ yếu khuyến khích chuyển giao công nghệ do các phòng thí nghiệm nghiên cứu của chính phủ phát triển cho khu vực tư nhân thông qua các công ty khởi nghiệp. Bộ Khoa học và Công nghệ đặt mục tiêu biến Việt Nam thành trung tâm khởi nghiệp và do đó đã khởi xướng nhiều chương trình hỗ trợ thành lập cơ sở ươm tạo. Các chương trình này bao gồm Dự án Chính sách Vườn ươm Doanh nghiệp (BIPP) được công bố vào năm 2015 với sự hợp tác của Chính phủ Việt Nam và Bỉ, và việc tạo ra quỹ tài trợ InnoFund để thúc đẩy các dự án Khoa học & Công nghệ.

Vườn ươm doanh nghiệp tư nhân
Các cơ sở ươm tạo doanh nghiệp tư nhân áp dụng phương pháp dựa trên lợi nhuận, bằng cách nhận cổ phần trong vốn của công ty với mục đích tạo ra lợi nhuận.

Các mô hình hợp tác công tư
Các mô hình Đối tác Công - Tư (PPP) được hình thành với tư cách là sự hợp tác giữa các cơ quan do chính phủ lãnh đạo và các nhà đầu tư tư nhân nhằm tận dụng các kỹ năng chuyên môn của khu vực tư nhân để đảm bảo sự quản lý và điều hành chuyên nghiệp của các cơ sở ươm tạo này.

Vườn ươm mục đích chung
Các cơ sở ươm tạo này phù hợp với sự kết hợp của các doanh nghiệp mới thành lập và các công ty trẻ tập trung vào nhiều ngành khác nhau.

Vườn ươm Doanh nghiệp Công nghệ
Các vườn ươm doanh nghiệp công nghệ tập trung vào việc cung cấp hỗ trợ cho các công ty khởi nghiệp dựa trên công nghệ, nhằm thúc đẩy Công nghiệp 4.0, Trí tuệ nhân tạo và hơn thế nữa tại Hưng Yên. Điều này có thể đạt được thông qua việc phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và Trung tâm Tiến bộ Công nghệ Quốc gia thành lập các cơ sở ươm tạo với các văn phòng, phòng thí nghiệm và cơ sở thử nghiệm.

Vườn ươm dành riêng cho ngành
Các cơ sở ươm tạo ngành cụ thể tập trung vào việc phát triển công nghệ và giải pháp cho các lĩnh vực công nghiệp cụ thể quan trọng đối với Hưng Yên bao gồm nông nghiệp, dệt may,... Điều này có thể đạt được thông qua sự hợp tác với các tổ chức Khoa học & Công nghệ tại Hưng Yên để trao đổi kiến thức và ý tưởng một cách tốt nhất. Ngoài ra, việc thu hút các doanh nghiệp tư nhân thành lập các cơ sở ươm tạo và cơ sở R&D tại Hưng Yên, nhằm đầu tư vào các ý tưởng và tài năng mới cũng như nâng cao quy mô của doanh nghiệp, có thể thúc đẩy chuyển giao công nghệ và kiến thức trong hệ sinh thái vườn ươm của tỉnh.

Các bước chính trong việc thành lập cơ sở ươm tạo

Giai đoạn tiền ươm tạo[319]
Các chương trình tiền ươm tạo là công cụ cung cấp hỗ trợ tài trợ và mạng lưới (tức là kết hợp các nhà nghiên cứu và doanh nhân, v.v.), xây dựng sự tự tin và trau dồi sự nhạy bén trong kinh doanh của các vườn ươm để có khả năng hiện thực hóa các ý tưởng kinh doanh giai đoạn đầu thành các doanh nghiệp độc lập, cụ thể. Các chương trình này thường diễn ra dưới dạng các trại ngắn hạn hoặc các cuộc thi thường kéo dài trong khoảng nửa năm để các công ty khởi nghiệp có thể "thất bại nhanh", thử nghiệm và học hỏi nhiều ý tưởng. Ngoài ra, đào tạo được thực hiện thông qua sự kết hợp của huấn luyện cá nhân và nhóm bởi những người cố vấn và cố vấn có năng lực, đây là chìa khóa cho sự thành công của các chương trình tiền ươm tạo. Trong hầu hết các trường hợp, các chương trình tiền ươm tạo không có bất kỳ điều kiện tiên quyết pháp lý nào để khởi chạy. Điều này không giống như các chương trình vườn ươm, được tổ chức bởi các tổ chức phi lợi nhuận như khu công nghệ và trường đại học và chủ yếu dựa vào nguồn vốn công, tài trợ hoặc tài trợ dự án. Tuy nhiên, trong bối cảnh của Hưng Yên, nguồn vốn công có thể không khả thi do nguồn lực tài chính nhà nước hiện nay vẫn còn thấp và chính quyền địa phương có thể cần phải tìm nguồn tài trợ khác[320] như tài trợ từ các doanh nghiệp tư nhân. Vào cuối giai đoạn tiền ươm tạo, các cơ sở ươm tạo trải qua một quá trình lựa chọn nghiêm ngặt để đánh giá tiềm năng ý tưởng của họ để tiến hành giai đoạn tiếp theo.

Giai đoạn ươm tạo

[319] http://mekongbiz.org/international-best-practices-on-supporting-startups-ecosystems/
[320] Thông tin từ Bộ Khoa học và Công nghệ cung cấp cho Quy hoạch phát triển tổng thể tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2030, định hướng 2050

Hình 74: Mục tiêu và công cụ thực hiện chính sách trong giai đoạn ươm tạo

Giai đoạn	Mục tiêu và công cụ thực hiện chính sách
Đánh giá thị trường	Xác định nhu cầu và các loại hình kinh doanh hỗ trợ cần thiết cho các công ty khởi nghiệp địa phương và các doanh nhân mới bắt đầu
Chính sách phát triển	• Ưu đãi thuế để kích thích đầu tư thiên thần, đầu tư quản lý quỹ và tái đầu tư của các doanh nhân thành đạt (tức là những người đã tốt nghiệp quá trình ươm tạo) • Thiết lập khả năng tiếp cận dễ dàng với các nguồn tài chính như các khoản vay vi mô, các khoản vay mạo hiểm và các chương trình bảo lãnh tín dụng thông qua hợp tác với các cơ quan và tổ chức tài chính tham gia
Xác định vị trí / địa điểm	• Tìm địa điểm phù hợp với cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu kinh doanh / Địa điểm tốt nhất nên gần các khu dịch vụ, tiện ích và khu công nghiệp (khu vực phía Bắc tại Hưng Yên)
Chọn người quản lý vườn ươm	• Các nhà quản lý vườn ươm có vai trò quan trọng trong việc: ○ Tìm hiểu nhu cầu kinh doanh của các cơ sở ươm tạo trong toàn bộ quá trình ươm tạo; ○ Đảm bảo nhân viên cung cấp các dịch vụ hiệu quả để đáp ứng các nhu cầu kinh doanh liên quan ○ Cung cấp mạng lưới toàn cầu và cơ hội xây dựng kiến thức ○ Đánh giá đối chuẩn của chương trình hiện tại với các chương trình vườn ươm toàn cầu để lấp đầy bất kỳ khoảng trống nào nhằm nâng cao hiệu suất của cơ sở ươm tạo và tổng thể của cơ sở ươm tạo ○ Có thể thiết lập cơ cấu quản lý rõ ràng, hợp tác với cơ quan chính phủ hoặc công ty tư nhân
Xây dựng kế hoạch kinh doanh	• Xác định loại hình kinh doanh dịch vụ cung cấp • Xác định các quy tắc hoạt động như tiêu chí đầu vào, chính sách cho thuê, chính sách xuất cảnh • Chiến lược tiếp thị của loại hình doanh nghiệp cần thu hút
Thiết lập thỏa thuận tài trợ	• Thiết lập thỏa thuận tài trợ
Chọn người thuê	Kiểm tra chặt chẽ các công ty khởi nghiệp để đảm bảo các ý tưởng tốt nhất trong các ngành có thể mang lại lợi ích cho nền kinh tế

Giai đoạn hậu ươm tạo[321]

Khi cơ sở ươm tạo hoàn thành quá trình ươm tạo, điều tối quan trọng là phải đánh giá và hỗ trợ định kỳ để quản lý quá trình chuyển đổi sang thị trường và ngày càng giảm sự phụ thuộc của các cơ sở ươm tạo đã tốt nghiệp vào các cơ sở ươm tạo. Ngoài ra, như đã thấy ở Trung Quốc, các cơ sở tăng trưởng như các khu công nghiệp và công nghệ để kết nối các vườn ươm tốt nghiệp và hiện tại đã được chứng minh là có giá trị gia tăng. Thông qua sáng kiến này, các cơ sở ươm tạo hiện tại có thể khai thác vào một mạng lưới rộng lớn hơn các doanh nghiệp không chỉ có kiến thức chuyên môn về ngành và thị trường mà còn có cái nhìn trực tiếp về quá trình ươm tạo. Trong bối cảnh của Hưng Yên, các cơ sở tăng trưởng này có thể được tích hợp vào các khu công nghiệp hiện có và sắp tới và đóng vai trò là cầu nối với các doanh nhân đang bắt đầu kinh doanh để phổ biến câu chuyện thành công của các cơ sở ươm tạo địa phương, nhằm thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp trên toàn tỉnh.

Các lĩnh vực R&D tập trung tiềm năng cho công ty khởi nghiệp

a. Tập trung sản xuất các phương tiện chở khách giá cả phải chăng có mức tiêu thụ năng lượng thấp (xe hybrid, xe điện, v.v.).
b. Vật liệu có thể tái chế để sản xuất hàng may mặc mới.
c. Dược phẩm và công nghệ y tế

8.2.2.5. Hệ thống hiệu quả để giữ gìn môi trường trong sạch và thúc đẩy quản trị Môi trường, xã hội và doanh nghiệp (ESG)

Khuyến khích áp dụng các giải pháp dựa trên thiên nhiên, ví dụ như Thiết kế đô thị nhạy cảm với nước để giảm thiểu rủi ro về thiên tai và hỗ trợ phát triển Hưng Yên

<u>Giải thích sự cần thiết</u>

[321] https://www.infodev.org/infodev-files/resource/InfodevDocuments_834.pdf

Theo thống kê, có khoảng 16 đến 26 nghìn ha đất ở Hưng Yên vẫn bị ảnh hưởng bởi lũ lụt và hệ thống thoát nước không hoạt động. Điều này có thể là do tốc độ đô thị hóa và công nghiệp hóa trên toàn tỉnh diễn ra nhanh chóng, thời tiết và thủy văn không thuận lợi, hệ số tiêu thoát nước thấp, việc nạo vét luồng lạch không thường xuyên và các công trình, thiết bị thủy lợi lạc hậu.[322] Mặc dù đã có những biện pháp nhằm giảm thiểu tác động của lũ lụt, nhưng những biện pháp này như thực hiện đắp đê vẫn chưa đủ vì đê có nguy cơ xói mòn cao. Từ đó có thể suy ra rằng cơ sở hạ tầng hiện tại không thích ứng hoặc không bền vững cho sự phát triển lâu dài của tỉnh. Về mặt này, đề xuất thiết lập các giải pháp dựa vào thiên nhiên, ví dụ như Thiết kế đô thị nhạy cảm với nước (WSUD) để giảm thiểu rủi ro do lũ gây ra, nâng cao chất lượng cuộc sống và hỗ trợ phát triển nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ trong tương lai ở Hưng Yên.

Tổng quan về sáng kiến[323]

WSUD là một loại giải pháp dựa trên tự nhiên, tích hợp quản lý chu trình nước với môi trường được xây dựng để tạo ra các thành phố đáng sống và ứng phó với các thách thức kinh tế, xã hội và môi trường. Giải pháp này có thể diễn ra dưới dạng đất ngập nước, đầm lầy thực vật, mái nhà xanh, vườn mưa, vỉa hè thấm nước, bể lắng sinh học hoặc hồ nhân tạo, giếng thấm thấu và làm sạch sinh học. Những hình thức này có thể bổ sung hoặc thay thế hoàn toàn cơ sở hạ tầng bê tông hiện có tùy thuộc vào mục đích cụ thể và môi trường xung quanh.

Đối với Hưng Yên, sáng kiến này có thể thúc đẩy việc sử dụng các kênh dẫn nước sinh thái để cải thiện chất lượng nước, thu giữ và kiểm soát sự di chuyển của nước trên toàn tỉnh trong những thời điểm có lượng mưa lớn, nhờ đó giảm thiểu thiệt hại do lũ lụt. Điều này cũng làm giảm gánh nặng cho hệ thống thoát nước và chi phí xây dựng và bảo trì liên quan. Ngoài ra, các kênh dẫn nước sinh thái có thêm lợi ích vượt ra ngoài việc giảm thiểu lũ lụt. Việc kết hợp các tiện ích đô thị vào các kênh dẫn nước sinh thái sẽ làm tăng giá trị đất đai của các bất động sản xung quanh và tạo cơ hội giải trí cho cộng đồng địa phương. Ngoài ra, các kênh dẫn nước sinh thái cũng đóng vai trò là môi trường sống của động thực vật, giúp tăng cường bảo tồn đa dạng sinh học và hỗ trợ quá trình hấp thụ carbon.

Mục đích là các công trình sẽ được xây dựng trong các khu vực công nghiệp và thành phố của tỉnh như huyện Văn Lâm vì những khu vực này có dòng chảy bề mặt nhiều hơn nhiều so với các khu vực nông nghiệp. Điều này là do thiếu bề mặt thấm, cây xanh và đất, làm tăng nguy cơ lũ lụt. Để thực hiện sáng kiến này, một yếu tố thành công chính là sự hợp tác giữa các bộ phận. Các tỉnh cần vượt qua các rào cản hành chính và cùng nhau lập kế hoạch và tài trợ cho các dự án liên ngành và giải quyết nhiều thách thức đặc trưng cho sự phát triển hiện tại và tương lai của Hưng Yên. Ngoài ra, nhận thức về những lợi ích xung quanh WSUD tạo cơ sở cho sự thành công của việc triển khai kênh dẫn nước sinh thái. Điều này có thể được truyền đạt thông qua sự tham gia của cộng đồng từ giai đoạn hình thành đến giai đoạn thực hiện kênh dẫn nước sinh thái và các dự án trình diễn sẽ khuyến khích ý thức làm chủ và cho phép các bên liên quan trải nghiệm trực tiếp những lợi ích mà sáng kiến đem lại[324].

Thực thi các tiêu chuẩn môi trường nghiêm ngặt để thúc đẩy bảo vệ môi trường và tăng cường hệ thống xử lý nước thải và quản lý chất thải rắn hiện tại ở Hưng Yên

Giải thích sự cần thiết

[322] Hiện trạng tài nguyên nước, công trình bảo vệ phòng cháy chữa cháy và cấp nước, CEWARE
[323] https://www.adb.org/sites/default/files/publication/536376/nature-based-solutions-cities-viet-nam-vi.pdf
[324] https://www.adb.org/publications/nature-based-solutions-cities-viet-nam

Tại Hưng Yên, hầu hết nước thải sinh hoạt, chăn nuôi, làng nghề và 70% đến 80% nước thải công nghiệp chưa được xử lý hoặc xử lý trước khi xả trực tiếp vào các công trình thủy lợi. Điều này xuất phát từ việc gia tăng dân số, phát triển kinh tế ngày càng cao và cơ sở hạ tầng yếu kém để quản lý và xử lý nước thải đã tạo thêm áp lực cho môi trường và dẫn đến suy giảm chất lượng nước và suy thoái môi trường. Các tác động khác bao gồm mất đa dạng sinh học do ô nhiễm nguồn nước, năng suất và chất lượng nông sản như gạo và thủy sản thấp, ảnh hưởng đến sinh kế và sức khỏe của cộng đồng địa phương. Ngoài ra, khả năng tiếp cận nước sạch ở Hưng Yên rất khác nhau do hệ thống thoát nước thải ở các vùng nông thôn còn nhiều bất cập và chỉ giới hạn ở các vùng phát triển kinh tế xã hội như Văn Giang, Văn Lâm và các vùng lân cận. Do đó, đề xuất thực thi các tiêu chuẩn môi trường nghiêm ngặt để thúc đẩy bảo vệ môi trường và tăng cường hệ thống xử lý nước thải và quản lý chất thải rắn hiện nay ở Hưng Yên. Điều này sẽ nâng cao hồ sơ chung của Hưng Yên và Việt Nam trong không gian bền vững để đáp ứng các Mục tiêu Bền vững của Liên hợp quốc (Mục tiêu 7: Nước sạch và Vệ sinh), tạo sự khác biệt của Hưng Yên với các tỉnh khác, thu hút các tập đoàn đa quốc gia cam kết với ESG và tạo ra một môi trường xanh với chất lượng sống cao.

Tổng quan về sáng kiến

Để đạt được điều này, việc bảo vệ môi trường bằng cách thực hiện các yêu cầu nghiêm ngặt về giấy phép xả thải đối với tất cả các lĩnh vực cần được thực thi nếu chất lượng cấp nước không đáp ứng được các quy định và tiêu chuẩn môi trường quốc gia và quốc tế về sức khỏe và vệ sinh (sử dụng trong và ngoài nước). Điều này có thể được giám sát bằng cách thiết lập một cơ quan quản lý độc lập. Ngoài ra, cần tiến hành đánh giá toàn diện thường xuyên về hiệu quả của việc quản lý chương trình hiện có và phương án thay thế. Điều này có thể bao gồm phân tích chất lượng bùn để xác định xem Hưng Yên nên áp dụng hệ thống xử lý nước thải đồng bộ hay không đồng bộ và điều chỉnh hệ thống để xử lý hiệu quả các loại nước thải khác nhau cho mục đích sinh hoạt và phi sinh hoạt, tức là nước thải nông nghiệp, nước thải công nghiệp, chất thải y tế,...

Hệ thống thoát nước thải cũng cần được mở rộng đến các khu vực nông thôn thông qua việc hợp lý hóa các mục tiêu tiếp cận nông thôn và thành thị và khung giám sát, chú trọng hơn đến chức năng và việc sử dụng dịch vụ, đồng thời thống nhất các điểm tham chiếu chung cho tất cả các bên liên quan thể chế trong ngành. Để giải quyết lỗ hổng trong việc xử lý nước thải từ các làng nghề, cần thiết lập các hệ thống xử lý nước thải tại các làng nghề (dệt, nhuộm ...). Ngoài ra, hệ thống thoát nước thải cũng cần được tách biệt do tình trạng ngập lụt tràn lan của Hưng Yên gây cản trở chất lượng nước. Các dự án tái sử dụng nước công nghiệp trong các khu công nghiệp và các cơ sở sản xuất khác cũng có thể được triển khai tại Hưng Yên để đảm bảo an ninh cấp nước công nghiệp (ví dụ: các dự án tái sử dụng nước công nghiệp ở Chennai, Ấn Độ), đặc biệt trong thời kỳ hạn hán. Về mặt triển khai, đây có thể được triển khai lần đầu như một dự án thí điểm một trong các khu công nghiệp để đánh giá tính khả thi của dự án trong bối cảnh của Hưng Yên. Điều này tương tự có thể được áp dụng cho ngành nông nghiệp, đặc biệt là đối với cây trồng cạn, vật nuôi và nuôi trồng thủy sản.

Đầu tư vào nguồn cung cấp điện ổn định bao gồm các nguồn năng lượng tái tạo

Giải thích sự cần thiết

Đối với sự phát triển của Hưng Yên trong tương lai, việc cung cấp năng lượng cần được quan tâm và các nguồn năng lượng tái tạo phải bền vững và phù hợp với quá trình chuyển dịch của Hưng Yên theo hướng thành phố xanh và thông minh. Cùng với đó, đề xuất đầu tư vào nguồn cung cấp điện ổn định bao gồm các nguồn năng lượng tái tạo. Do địa hình bằng phẳng rộng lớn

của Hưng Yên, điều này làm cho tỉnh trở thành một ứng cử viên hàng đầu về sản xuất điện mặt trời.

Tổng quan về sáng kiến

Để tạo thuận lợi cho việc chuyển đổi sang năng lượng tái tạo, chính quyền địa phương phải vào cuộc để tạo ra nhu cầu thông qua các phương pháp tiếp cận bình đẳng giá như biểu giá nhập khẩu, chính sách định giá carbon và chứng chỉ năng lượng tái tạo có thể giao dịch để thu hút vốn đầu tư cho các giải pháp năng lượng tái tạo để cuối cùng biến Hưng Yên thành một thành phố thông minh. Ngoài ra, thị trường tài chính cần được củng cố thông qua việc thực hiện một bộ luật nhằm mục đích minh bạch, an ninh và linh hoạt để hỗ trợ tài chính cho cơ sở hạ tầng năng lượng sạch. Phương tiện đầu tư cũng cần đa dạng như phát hành các công cụ nợ với quy mô, xếp hạng và tính thanh khoản phù hợp.

Để phát triển năng lượng tái tạo, điều quan trọng là phải xây dựng sự hỗ trợ của cộng đồng, cũng như thu hút và phát triển nhân tài. Điều này có thể đạt được thông qua:

a. Tài trợ cho các hoạt động R&D và đào tạo lao động trong lĩnh vực năng lượng tái tạo
b. Tạo ra giải thưởng đổi mới năng lượng tái tạo
c. Hỗ trợ các dự án năng lượng cộng đồng tiên phong: tài trợ năng lượng sạch và hướng dẫn kỹ lưỡng để phát triển các dự án năng lượng tái tạo cộng đồng và thúc đẩy chia sẻ kinh nghiệm giữa các cộng đồng

8.2.2.6. Cải thiện môi trường kinh doanh

Thực hiện các chính sách chuyển đổi theo hướng Chính phủ thông minh và đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin do các cơ quan Chính phủ sử dụng

Giải thích sự cần thiết

Hưng Yên hiện đứng cuối về môi trường kinh doanh so với các tỉnh trong vùng KTTĐBB. Chỉ số PCI xem xét 10 chỉ số cho thấy Hưng Yên hoạt động kém ở chỉ số minh bạch và chỉ số dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp. Đến nay, 100% cơ quan hành chính có bộ phận một cửa hiện đại; 99% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng. Toàn tỉnh đã cung cấp 527 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 284 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. Tuy nhiên, công tác chỉ đạo, điều hành ở một số đơn vị chưa thực sự quyết liệt, kết quả của các đơn vị này nhiều năm qua chưa chuyển biến tích cực. Do đó, các sáng kiến này đã không đạt được chất lượng và hiệu quả dịch vụ có thể giúp cải thiện môi trường kinh doanh ở Hưng Yên.

Tổng quan về Sáng kiến

Sáng kiến này được đề xuất để thực hiện các chính sách chuyển hướng tới Chính phủ thông minh, bao gồm một nền tảng chất lượng cao, duy nhất giữa các chính phủ khác nhau cho các dịch vụ chính phủ điện tử nhằm cải thiện môi trường kinh doanh. Chính phủ thông minh là việc quản lý các quy trình kinh doanh liên quan đến chính phủ và hành chính với sự trợ giúp của công nghệ thông tin và truyền thông được nối mạng thông minh (ICT). Nền tảng này sẽ bao gồm sự hợp tác giữa các cơ quan nhà nước khác nhau về mặt chia sẻ dữ liệu. Ngoài ra, việc đầu tư và nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin mà các cơ quan của Chính phủ sử dụng cho phép dễ dàng thích ứng với hướng tới một Chính phủ thông minh. Điều này bao gồm các quy trình như xây dựng hệ thống kho dữ liệu tập trung liên quan đến việc chia sẻ dữ liệu giữa tất cả các

sở, ban, ngành trên toàn tỉnh, cho phép chính phủ minh bạch hơn trong việc cung cấp thông tin công khai có thể tiếp cận rộng rãi thông qua nền tảng Chính phủ thông minh.

8.2.3. Các sáng kiến dành riêng cho ngành

8.2.3.1. Nông nghiệp

Giải thích sự cần thiết

Với ngành nông nghiệp phát triển mạnh, Hưng Yên tham gia vào gần như tất cả các khâu của chuỗi giá trị. Tuy nhiên, việc nâng cao chuỗi giá trị đang gặp khó khăn do khả năng truy xuất nguồn gốc kém và thiếu hệ thống kiểm soát chất lượng cũng như hệ thống kiểm soát vệ sinh và kiểm dịch động thực vật còn yếu kém. Trong khi nông nghiệp có thể được coi là thế mạnh của Hưng Yên với một số sản phẩm đáng chú ý, thì canh tác thông thường được áp dụng rộng rãi, năng suất thấp, ứng dụng công nghệ hạn chế đã làm giảm năng suất và sức cạnh tranh của nông nghiệp. Trong khi quỹ đất dành cho nông nghiệp hiện nay rất dồi dào, cần phải chuyển một phần quỹ đất đó sang đất công nghiệp và dịch vụ. Vì vậy, hướng đi nên là bảo tồn ngành nông nghiệp nhưng cải thiện việc áp dụng công nghệ và đào tạo lực lượng lao động để nâng cao năng suất và hiệu quả nông nghiệp. Theo đó, cần lựa chọn chiến lược các hoạt động có giá trị cao hơn với mối liên kết chặt chẽ với R&D, công nghệ và các lĩnh vực khác như dịch vụ và công nghiệp. Những phát triển này có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển của Hưng Yên theo hướng kinh tế hiệu quả hơn trong trung hạn và nền kinh tế đổi mới sáng tạo trong dài hạn.

Tổng quan về các sáng kiến

Phát triển khả năng tham gia vào Nông nghiệp thông minh

Đề xuất Hưng Yên áp dụng mô hình nông nghiệp thông minh cũng như ứng dụng công nghệ nông nghiệp (Agritech) nhiều hơn. Agritech là việc sử dụng công nghệ trong nông nghiệp với mục đích nâng cao năng suất, hiệu quả và lợi nhuận. Agritech có thể là các sản phẩm, dịch vụ hoặc các ứng dụng đến từ nông nghiệp nhằm cải thiện các quy trình đầu vào / đầu ra khác nhau. Tại Việt Nam, nhiều doanh nghiệp nông nghiệp đã ứng dụng agritech trong hoạt động và canh tác bao gồm IoT, dữ liệu lớn, blockchain, camera giám sát sinh trưởng thực vật, cảm biến môi trường, nhà kính với hệ thống điều chỉnh tự động liên kết với máy tính và điện thoại thông minh, đèn LED, quản lý GIS thông minh, hệ thống dự đoán và truy xuất nguồn gốc điện tử. Ví dụ, MimosaTEK, một trong những doanh nghiệp nông nghiệp khởi nghiệp thành công nhất, đã cung cấp các dịch vụ quản lý dựa trên IoT để xây dựng nền tảng thông tin nhằm cải thiện sinh kế của nông dân bằng cách chuyển đổi các hoạt động canh tác dựa trên kinh nghiệm thành các hoạt động dựa trên thông tin.

Các doanh nghiệp nông nghiệp nước ngoài cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy ngành nông nghiệp ở Việt Nam. Bayer Global (Đức), Charoen Pokphand (Thái Lan) đang trở thành nhà đầu tư chiến lược vào các doanh nghiệp nông nghiệp địa phương. Charoen Pokphand (CP), một tập đoàn của Thái Lan, đã nghiên cứu về dữ liệu chính xác và ứng dụng tự động hóa trong trồng trọt, hỗ trợ các đối tác là các hộ chăn nuôi nhỏ và hợp tác xã về công nghệ để đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng đầu ra của vật nuôi và thủy sản.[325] Bayer, doanh nghiệp nông nghiệp hàng đầu thế giới, đã và đang thực hiện một số dự án kỹ thuật số, bao gồm một ứng dụng kết nối nông dân với các nhà cung cấp dịch vụ nông nghiệp có uy tín và một chương trình cung cấp

[325] https://www.vietnam-briefing.com/news/why-agtech-industry-will-aid-vietnams-hi-tech-growth.htm

giáo dục cho nông dân sản xuất nhỏ liên quan đến Thực hành nông nghiệp tốt và nông nghiệp hiện đại công nghệ[326]. Hưng Yên có thể xem xét việc cùng các doanh nghiệp này áp dụng nông nghiệp thông minh và ứng dụng công nghệ một cách toàn diện, hiệu quả và bền vững hơn. Tuy nhiên, do việc áp dụng công nghệ trong nông nghiệp là tương đối mới và tốn kém đối với khả năng tài chính của các hộ nông dân nhỏ, điều cần thiết là các chương trình hỗ trợ phải được thực hiện, bao gồm chia sẻ nguồn lực giữa nông dân và các chương trình tài chính vi mô phù hợp do các tổ chức cung cấp.

Đầu tư nhiều hơn vào R&D để tạo ra nhiều loại sản phẩm phụ cuối cùng của các loại trái cây đặc trưng

Hưng Yên cần chú trọng công tác R&D và ứng dụng công nghệ sinh học để nâng cao chất lượng giống cây trồng, vật nuôi. Ví dụ, R&D có thể được thực hiện để tìm cách điều chỉnh độ ngọt, mùi, kích thước của hạt nhãn và phát triển các giống nhãn có khả năng chống chịu và chống chịu với các điều kiện bất lợi. Cần cung cấp nhiều cơ hội hơn cho các doanh nghiệp nước ngoài trong lĩnh vực này để hợp tác với một số viện, trường đại học và các doanh nghiệp khởi nghiệp về năng suất nông nghiệp dựa trên nghiên cứu. Những quan hệ đối tác này sẽ khuyến khích nhiều hoạt động R&D hơn về quy mô, hiệu quả và tính khả thi.

Về sự đa dạng của các loại hạt giống, các đối tác R&D có thể khám phá ra nhiều phương pháp hơn để điều chỉnh và kiểm soát các mức độ ngọt khác nhau. Tương tự như hệ thống táo Scilate ở New Zealand, nếu mức độ ngọt được kiểm soát một cách chính xác để tạo thành một hệ thống chính thức về nhãn, thì việc xây dựng thương hiệu cho các giống khác nhau có thể được phát triển, do đó nhắm đến đối tượng nhân khẩu học rộng hơn. Hiện Hưng Yên có nhiều loại nhãn với các đặc điểm khác nhau như: Nhãn truyền thống, nhãn chín muộn Khoái Châu (PHM99 -1,1), nhãn Hương Chi (PHM99-2,1), nhãn đường phèn, nhãn cổ nhiều cùi. Tuy nhiên, hiện 80% diện tích trồng nhãn của tỉnh là giống nhãn chín muộn Khoái Châu và Hương Chi, 15% diện tích trồng nhãn HTMl, HTM2, HTM6 của các tỉnh khác, còn nhãn đặc sản của tỉnh. năng suất thấp với diện tích trồng tương đối nhỏ (5%).[327] Do đó, với sự phát triển của một hệ thống chính thức và việc xây dựng thương hiệu cho các giống của mình, những giống đặc sản này có thể thu hút nhiều thị trường hơn và nhiều hoạt động R&D hơn để thúc đẩy hiệu quả sản xuất. Ngoài ra, Hưng Yên có thể liên kết với các tỉnh như Sơn La, Hòa Bình, Bắc Giang trồng các giống nhãn có nguồn gốc từ Hưng Yên và có lợi thế về quy mô diện tích lớn. Điều này có nghĩa là mỗi giống nhãn có thể phát triển tốt hơn trong môi trường phù hợp hơn, tiếp cận thị trường tiềm năng nhất và các địa phương có thể hỗ trợ lẫn nhau thay vì cạnh tranh như trước đây.

Trong tương lai, các hoạt động R&D cũng có thể đóng góp vào việc tạo ra hạt giống và giống vật nuôi có khả năng chống lại lũ lụt và thiên tai tiềm ẩn.

Thiết kế bao bì riêng để đáp ứng nhu cầu của từng thị trường xuất khẩu

Bên cạnh chất lượng, mẫu mã, bao bì sản phẩm là một trong những yếu tố quan trọng để thu hút người tiêu dùng và tạo chỗ đứng vững chắc cho nông sản Hưng Yên khi cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế ngày càng gay gắt. Những năm gần đây, các doanh nghiệp ở Quảng Ninh, Vĩnh Phúc đã đầu tư hệ thống sấy công nghệ cao, máy móc thiết bị chế biến, đóng gói sản phẩm chè hoa vàng[328]. Nhờ vậy, các doanh nghiệp này đã tạo ra sản phẩm có chất lượng

[326] https://www.vietnam-briefing.com/news/why-agtech-industry-will-aid-vietnams-hi-tech-growth.htm
[327] Thông tin từ Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
[328] https://baoquangninh.com.vn/ba-che-xay-dung-san-pham-tra-hoa-vang-dat-tieu-chuan-ocop-5-sao-2442452.htm

tốt hơn, giữ được giá trị dược tính, hình dáng đẹp, màu nước vàng tươi, mùi thơm độc đáo, mùi vị hấp dẫn. Các doanh nghiệp xây dựng thương hiệu chuyên nghiệp đã được sử dụng để tạo ra các thiết kế bao bì được thiết kế đẹp mắt khác nhau, do đó làm tăng tỷ suất lợi nhuận của sản phẩm. Điều quan trọng là Hưng Yên cần rút kinh nghiệm, tập trung hỗ trợ nông dân thiết kế, đăng ký nhãn hiệu, mẫu mã bao bì cho sản phẩm, tăng cường quảng bá thương hiệu thông qua các phương tiện thông tin đại chúng.

Cụ thể, các nhà sản xuất nên tránh những thiết kế bao bì lỗi thời, trùng lặp hoặc thiếu thẩm mỹ. Thay vào đó, thông điệp hay tính năng của sản phẩm nên được làm nổi bật, cùng với các yếu tố chuyên nghiệp có thể làm tăng niềm tin của khách hàng đối với sản phẩm như tem truy xuất nguồn gốc, giấy tờ hợp pháp chứng minh nguồn gốc xuất xứ. Ngoài yếu tố thẩm mỹ, các nhà sản xuất nông nghiệp có thể tìm đến nguồn nguyên liệu có thể tái chế để đóng gói sản phẩm của họ. Nghiên cứu cho thấy mặc dù ở các nước đang phát triển như Việt Nam, người tiêu dùng ít hiểu biết về công nghệ sản xuất nhưng họ vẫn mong muốn có một bao bì thân thiện với môi trường cho các sản phẩm thực phẩm, hấp dẫn về mặt hình ảnh đồng thời đáp ứng mong đợi về môi trường của người tiêu dùng liên quan đến vật liệu đóng gói và quy trình sản xuất. [329] Năm 2019, Lotte Mart, Saigon Co.op tại TP.HCM và BigC tại Hà Nội đã sử dụng lá chuối thay cho túi ni lông để bọc, gói rau cho khách hàng đã nhận được phản hồi tích cực từ khách hàng, được khen ngợi bởi nguyên Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc, báo chí trong nước và quốc tế. Nếu Hưng Yên xác định các thành phố lớn ở Trung Quốc cũng như ASEAN, Nhật Bản, Hàn Quốc và Hoa Kỳ là thị trường mục tiêu cho các sản phẩm cao cấp, tỉnh cần phải kết hợp tính bền vững trong chiến lược phát triển nông nghiệp của họ. Tuy nhiên, cần có các giải pháp hiệu quả về chi phí cho các lựa chọn thay thế bao bì thân thiện với môi trường để duy trì tính cạnh tranh trên thị trường, vì phụ thuộc vào việc người tiêu dùng sẽ trả giá cao cho bao bì thân thiện với môi trường không phải là một giải pháp khả thi. Điều này đòi hỏi các chính phủ và các ngành tham gia nhiều hơn vào việc thiết lập các hướng dẫn cho các thiết kế bao bì đảm bảo tiêu chuẩn tối thiểu về tác động môi trường.

Tăng cường hợp tác để tạo điều kiện chia sẻ kiến thức và / hoặc chuyển giao công nghệ, tiếp thị và xây dựng thương hiệu

Tỉnh đã ban hành nhiều chính sách khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, người lao động đầu tư sản xuất, tạo chuỗi sản xuất, tiêu thụ ổn định, từng bước xây dựng thương hiệu sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường. Đến năm 2020, toàn tỉnh có 318 hợp tác xã và 136 tổ công tác nông nghiệp có hợp đồng liên kết được chứng nhận; 714 mô hình kinh tế trang trại, 160 mô hình hợp tác sản xuất quy mô lớn[330]. Việc này cần được tiếp tục, khuyến khích người dân góp đất vào hợp tác xã, doanh nghiệp để hợp tác sản xuất, tạo ra những mô hình có giá trị kinh tế cao. Hưng Yên cần tăng cường thuận lợi hóa mạng lưới giữa các doanh nghiệp nông nghiệp nhỏ, vừa và lớn để thúc đẩy chia sẻ kinh nghiệm và đổi mới sáng tạo. Hưng Yên cũng có thể áp dụng các biện pháp canh tác theo hợp đồng để kết nối người sản xuất và chế biến nông sản nhằm truy xuất nguồn gốc thực phẩm, đây là yếu tố then chốt để đảm bảo chất lượng thực phẩm. Canh tác theo hợp đồng đảm bảo cho nông dân thu nhập tương đối bền vững và cũng hỗ trợ giảm lãng phí lương thực do hạn ngạch được thiết lập giữa người sản xuất và chế biến.

[329] Anh Thu Nguyen, Lukas Parker, Linda Brennan, Simon Lockrey, *A consumer definition of eco-friendly packaging*, Journal of Cleaner Production, 2020, ISSN 0959-6526, https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2019.119792. (https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S0959652619346621)

[330] Thông tin cung cấp từ Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Hưng Yên cũng cần khuyến khích sự hợp tác giữa các doanh nghiệp nông nghiệp và công nghiệp hỗ trợ nông nghiệp. Sự liên kết giữa doanh nghiệp và nhà khoa học, tổ chức khoa học sẽ tạo điều kiện ứng dụng các mô hình công nghệ kỹ thuật cao vào các quy trình nông nghiệp hiện có. Sự hợp tác giữa các doanh nghiệp nông nghiệp và các doanh nghiệp chuyên nghiệp trong lĩnh vực chế biến, đóng gói nông sản sẽ cho phép nâng cao giá trị của sản phẩm. Một ví dụ thành công của sự hợp tác như vậy là một trường hợp trong COVID-19, khi Kia Shing Foodtec hợp tác với Viện Nghiên cứu Thiết kế Đài Loan (TDRI) - một tổ chức kết nối kinh doanh liên ngành tại Đài Loan trong việc thiết kế bao bì sản phẩm phù hợp để tiếp cận đối tượng mục tiêu mà thương hiệu mong muốn. Dưới sự hỗ trợ của ban quản lý dự án của TDRI, Kia Shing Foodtec đã cho ra đời bao bì sản phẩm hoàn toàn mới, góp phần thay đổi diện mạo của Kia Shing Foodtec, đồng thời khẳng định vị thế của doanh nghiệp trên thị trường nông sản Malaysia.

Quan trọng nhất, Hưng Yên cần ưu tiên sự hợp tác giữa chính quyền các tỉnh và chính quyền Trung ương trong phát triển nông nghiệp. Ví dụ, tương tự như Tuần lễ Trái cây New Zealand, chính quyền các tỉnh và Trung ương có thể phối hợp với các chuỗi siêu thị hàng đầu và đã thành lập ở các thị trường xuất khẩu lớn để cung cấp trái cây xuất khẩu hàng đầu của Việt Nam, bao gồm các loại trái cây có giá trị gia tăng cao của Hưng Yên như vải thiều, nhãn, bưởi v.v.

Tập trung sản xuất trái cây có giá trị gia tăng cao (vải thiều, nhãn, bưởi ...), cây cảnh & dược liệu (lan, hoa ly ...), chăn nuôi (gà Đông Tảo) và nuôi trồng thủy sản.

Việc dồn điền đổi thửa để chỉ những sản phẩm nông nghiệp có giá trị gia tăng cao nhằm giảm bớt tình trạng kém hiệu quả hiện có và tăng quỹ đất cho mục đích sử dụng công nghiệp hoặc dịch vụ. Sản xuất tập trung vào các loại trái cây có giá trị gia tăng cao (vải thiều, nhãn, bưởi ...), cây cảnh & dược liệu (hoa lan, hoa ly ...), chăn nuôi (gà Đông Tảo) và nuôi trồng thủy sản.

Hướng đến mục tiêu trở thành nhà cung cấp nguyên vật liệu cho hoạt động kinh doanh nông nghiệp

Các doanh nghiệp Hưng Yên có tiềm năng phát triển trở thành nhà cung cấp nguyên liệu cho nông nghiệp các tỉnh khác. Điều này phù hợp với chiến lược chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất công nghiệp của Hưng Yên. Ngoài ra, các tỉnh khác như Sơn La, Hòa Bình, Bắc Giang, với lợi thế về quy mô diện tích lớn, đã trồng thành công giống nhãn có nguồn gốc từ Hưng Yên, có tính cạnh tranh cao hơn. Nếu tận dụng được lợi thế này, Hưng Yên có thể đóng góp nhiều hơn vào chuỗi cung ứng của Việt Nam và sau đó là các thị trường lân cận tiềm năng khác, đồng thời tránh được sự cạnh tranh gay gắt của việc chỉ dựa vào trồng cây.

Một lĩnh vực tiềm năng để Hưng Yên tham gia cung cấp giống cây trồng. Chất lượng hạt giống đóng một vai trò thiết yếu trong sản xuất cây trồng nông học và làm vườn. Trong những năm gần đây, sự gia tăng của người tiêu dùng thành thị và có nhu cầu tìm kiếm các sản phẩm nông sản đa dạng hơn, có chất lượng và hình thức đồng nhất, đảm bảo an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc. Đồng thời, ngành nông nghiệp phải thích ứng với những biến đổi khí hậu ngày càng nghiêm trọng, nhu cầu nhiên liệu sinh học và thức ăn chăn nuôi gia tăng, đòi hỏi người nông dân phải phát triển, sản xuất, lưu trữ, tiếp thị và tiếp thu có hiệu quả các giống mới hoặc cải tiến và hạt giống chất lượng. Bằng cách cung cấp hạt giống chất lượng cao, tạo điều kiện cho sản xuất ở, Hưng Yên sẽ thiết lập con đường tăng trưởng để đạt giá trị cao hơn theo thời gian, tận dụng lợi thế về vị trí địa lý thuận lợi để thúc đẩy sự phát triển cao hơn của chuỗi giá trị. Với vị trí chiến lược và tiềm năng phát triển về logistics, Hưng Yên có thể có lợi thế cạnh tranh với tư cách là nhà cung cấp giống, nếu như tỉnh có thể vượt qua những thách thức về logistics nông nghiệp liên quan đến việc bảo quản và vận chuyển thực phẩm trên quãng đường dài hơn. Một số lĩnh vực tiềm năng khác là thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y chất lượng cao.

8.2.3.2. Du lịch

Giải thích sự cần thiết

Đứng thứ ba về số lượng di tích quốc gia ở Việt Nam, Hưng Yên có kho tàng di tích lịch sử giàu có với 1.802 di tích lịch sử. Vì vậy, việc bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch là điều quan trọng để Hưng Yên phát huy lợi thế hiện có về du lịch. Mặc dù thời gian qua Hưng Yên đã đặc biệt quan tâm đến các di tích lịch sử nhưng ngành du lịch địa phương Hưng Yên vẫn chưa phát huy hết lợi thế của các làng nghề, khiến cho tỉnh còn hạn chế về sản phẩm du lịch, và lợi ích tương đối thấp từ mô hình OCOP[331]. Do đó, các sáng kiến sau đề xuất để thực hiện ở Hưng Yên, với mục tiêu bảo tồn và phát huy di sản văn hóa.

Tổng quan về các sáng kiến

Các chương trình quản lý và thương mại hóa bền vững

Một trong những sáng kiến được đề xuất cho ngành du lịch là thành lập một bảo tàng thủ công mỹ nghệ truyền thống ở Hưng Yên, nơi tích hợp các tính năng hấp dẫn đối với du khách trẻ tuổi, tương tự như mô hình bảo tàng gốm ở Bát Tràng. Ngoài ra, Hưng Yên có thể phát triển thị trường hàng thủ công mỹ nghệ để quảng bá nghề nghệ nhân địa phương như các sản phẩm truyền thống của làng Thủ Sỹ. Ngoài ra, bảo tàng này có thể bao gồm các xưởng thủ công truyền thống do các nghệ nhân địa phương tổ chức nhằm thúc đẩy ngành nghệ thuật sáng tạo ở Hưng Yên và mang đến cơ hội trải nghiệm đích thực cho khách du lịch một cách chuyên nghiệp và hấp dẫn hơn, nâng cấp các hoạt động trải nghiệm hiện có ở huyện Tiên Lữ như học đan thúng Thủ Sỹ, bắt cá đồng... Ngoài ra, một làng văn hóa có thể được thành lập như một bảo tàng sống để khách du lịch có thể hòa mình vào văn hóa địa phương, tìm hiểu các lễ hội truyền thống, các di sản văn học dân gian; thưởng thức nghệ thuật trình diễn dân gian như: Ca trù, Trống quân, Chèo (tương tự như mô hình của Huế).

Về phát triển công nghệ và kỹ thuật số, Hưng Yên có thể kết hợp kỹ thuật số (ví dụ sử dụng công nghệ thực tế ảo (VR) để tái lập khung cảnh Phố Hiến vào thế kỷ XVII) và các yếu tố trí tuệ nhân tạo (AI) trong các tour du lịch để tạo điều kiện trải nghiệm học tập tương tác bằng nhiều ngôn ngữ để khách du lịch trong nước và quốc tế hiểu rõ hơn của văn hóa và di sản Hưng Yên. Đây có thể được triển khai như một khu sinh hoạt cộng đồng nằm trong quần thể vui chơi, giải trí lớn nhằm tích hợp tài sản văn hóa đặc sắc của Hưng Yên trong trải nghiệm của du khách trong nước và quốc tế. Các tổ chức có thể làm việc cùng nhau để quảng bá Hưng Yên như một điểm thu hút khách du lịch "nổi bật trên Instagram" để tiếp cận thế hệ trẻ với những cánh đồng hoa cúc, nghệ thuật đường phố phản ánh văn hóa cộng đồng địa phương ở Hưng Yên (tương tự như nghệ thuật đường phố của Penang).

Nâng cao tiêu chuẩn chất lượng tổng thể cho ngành du lịch

Hưng Yên cần phát triển cơ sở hạ tầng tốt hơn cho khách du lịch, đặc biệt là cơ sở lưu trú để kéo dài thời gian trung bình mỗi chuyến đi. Ví dụ, tỉnh có thể phát triển các khu đô thị xanh, khu nghỉ dưỡng sinh thái để vừa phát triển hạ tầng du lịch, vừa bảo tồn nét yên bình riêng biệt. Ngoài ra, cần tăng cường sự kiểm soát của Chính phủ về giá du lịch, hệ thống giao thông, đảm bảo sự thống nhất và chuyên nghiệp về giá cả và chất lượng dịch vụ.

[331] Báo cáo phát triển văn hóa giai đoạn 2021-2030, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và kế hoạch hóa gia đình, Tháng 6 2021

Thiết lập mối liên kết giữa du lịch và các lĩnh vực khác

Về liên kết giữa du lịch và nông nghiệp nhằm hỗ trợ thu mua đầu vào của địa phương và thúc đẩy nền kinh tế trong nước, Hưng Yên có thể tham khảo chiến dịch Ẩm thực Jamaica vào năm 2003 để tạo ra các chiến dịch khuyến khích mọi người sử dụng các sản phẩm nông nghiệp địa phương. Ngoài ra, Hưng Yên có thể phát triển du lịch sinh thái có hệ thống, đưa du khách đến các trang trại trái cây và giới thiệu các sản phẩm nông nghiệp như nhãn, tương tự như cách người dân ở đảo Jeju, Hàn Quốc giới thiệu sản phẩm quýt của họ. Về việc thiết lập mối liên kết giữa giáo dục và ngành du lịch, tỉnh có thể thúc đẩy sự phối hợp giữa các cơ sở đào tạo và các tổ chức du lịch địa phương để cung cấp các khóa học ngoại ngữ để vượt qua rào cản giao tiếp, nâng cao kỹ năng nghiệp vụ khách sạn, kỹ năng quản lý, v.v.

8.2.3.3. Đào tạo nguồn nhân lực

Giải thích sự cần thiết

Hưng Yên có lợi thế về lực lượng lao động hiện tại và tương lai, với 42,25% dân số Hưng Yên là thanh niên từ 15 đến 39 tuổi. Điều này tạo cơ hội nâng cao nguồn nhân lực bằng cách trang bị kỹ năng để họ có thể thích ứng với sự phát triển kinh tế tương lai ngày càng đặc trưng bởi chuyển đổi kỹ thuật số. để cải thiện. Mặc dù Việt Nam đứng thứ 48 trong số 157 quốc gia về Chỉ số Vốn Con người (HCI) của Ngân hàng Thế giới, nhưng tỷ lệ tiếp cận giáo dục đại học lại thấp nhất trong các nước Đông Á với tỷ lệ thâm nhập chỉ 30%.

Tổng quan về Sáng kiến

Mục tiêu chính của sáng kiến này là nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông. Điều này có thể đạt được bằng cách khuyến khích các trường cao đẳng và đại học thường xuyên cập nhật chương trình giảng dạy để bổ sung các yếu tố về công nghệ, ngoại ngữ và khả năng quản lý. Hưng Yên có thể tổ chức các hội thảo đào tạo toàn diện về giáo dục STEM cho người tổ chức chương trình giảng dạy và quản lý cấp cao hơn của các trường học để tích hợp STEM vào các học viện tương ứng của họ. Ngoài ra, tỉnh có thể thúc đẩy hợp tác để khuyến khích chia sẻ nguồn lực thông qua các chương trình liên kết các cơ sở giáo dục với các cụm ngành trọng tâm, phát triển các chương trình tư vấn nghề nghiệp cho học sinh phổ thông và thực hiện các chương trình đào tạo cho học sinh trung học. Một ví dụ tiêu biểu là sự hợp tác của UTEHY và dự án EASTEM, dự án này sẽ áp dụng cho các trường tiểu học và trung học phổ thông và cung cấp cho học sinh những hiểu biết sâu sắc về giáo dục STEM. Hưng Yên có thể hình thành thêm nhiều hợp tác và đối tác như ví dụ trên giữa các cơ sở giáo dục đại học trên địa bản tỉnh, không chỉ để tối đa hóa nguồn lực mà còn nâng cao chất lượng giáo dục nói chung trên toàn quốc.

Ngoài ra, Hưng Yên có thể phát triển Giáo dục Thông minh, là một nền tảng học tập thông minh nhằm thúc đẩy việc học tập trực tuyến cho người dân Hưng Yên không phân biệt lứa tuổi. Đây có thể là chất xúc tác để nâng cao chất lượng giáo dục. Việc thiết lập các trung tâm dữ liệu giáo dục để tích hợp dữ liệu từ các trường học sẽ giúp tăng cường hoạt động R&D và việc học tập của cộng đồng trên toàn tỉnh có thể phản ánh chất lượng giáo dục tốt hơn. Thông qua các kế hoạch hành động này, chất lượng giáo dục sẽ được nâng cao, đem lại những tác động tích cực trực tiếp đến chất lượng nguồn nhân lực hơn cho thế hệ lao động hiện tại và tương lai.

Một sáng kiến khác mà Hưng Yên có thể áp dụng để cải thiện nguồn nhân lực là phát triển tỉnh thành một trung tâm giáo dục cho các lĩnh vực chuyên biệt liên quan đến các cụm ngành tập trung. Điều này có thể được thực hiện thông qua việc cung cấp các chương trình đào tạo chuyên

biệt về công nghệ tiên tiến và công nghệ sạch trong nông nghiệp và các lĩnh vực công nghiệp. Việc phân bổ tài trợ có thể được trao cho các cơ quan chính phủ hoặc tư nhân có liên quan để thực hiện các khóa đào tạo này và nâng cao kỹ năng nguồn nhân lực trên toàn tỉnh. Chương trình này có thể bao gồm việc thu thập kiến thức liên quan cho các loại công việc mới, chẳng hạn như thông qua nâng cao kỹ năng kỹ thuật số và phát triển các kỹ năng có thể chuyển giao, chẳng hạn như tư duy phản biện, sáng tạo hoặc tự quản lý. Chính những kỹ năng này sẽ giúp con người trở nên linh hoạt, thích ứng hơn và có thể tham gia đầy đủ hơn vào nền kinh tế Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư. Ví dụ, Hưng Yên có thể khuyến khích các cơ sở giáo dục thiết lập quan hệ đối tác với Traphaco để tận dụng kinh nghiệm và nguồn lực của họ, cung cấp các chương trình thay thế hoặc học nghề luân phiên trong tất cả các phần của chuỗi giá trị nhằm phát triển hiểu biết toàn diện về ngành dược phẩm. Những nội dung như vậy có thể được đưa vào các chương trình đại học / Thạc sĩ để cung cấp cho sinh viên cả lý thuyết và kinh nghiệm thực tế và nâng cao kỹ năng cho lực lượng lao động trong tương lai.

Ngoài ra, việc thu hút các trường đại học hoặc trường quốc tế đặt cơ sở tại Hưng Yên cũng rất quan trọng, có tiềm năng thu hút sinh viên trong nước và quốc tế cũng như giảng viên nước ngoài. Một ví dụ tiêu biểu là Đại học Quốc tế Malaya-Wales (IUMW) được thành lập dựa trên sự hợp tác giữa Đại học Malaya (UM) và Đại học Wales, Vương quốc Anh. IUMW là một trong những trường đại học đầu tiên ở Malaysia cung cấp các chương trình cấp bằng kép, cho phép nguồn nhân lực được đào tạo trở nên cạnh tranh hơn và được trang bị các kỹ năng và kiến thức vượt ra khỏi giáo trình địa phương.[332] Quan hệ hợp tác giữa các trường đại học trong nước và các trường đại học quốc tế có uy tín trong việc phát triển các chương trình đào tạo cũng có thể là một giải pháp khả thi thay cho các trường đại học quốc tế thiết lập hoạt động tại Hưng Yên. Ví dụ, Học viện Công nghệ Quốc tế Malaysia-Nhật Bản (MJIIT) là một trong những khoa của Đại học Teknologi Malaysia (UTM) với mục đích cung cấp giáo dục kỹ thuật, đề cao văn hóa phương Đông và các giá trị từ cả hai quốc gia.[333]

[332] https://www.iumw.edu.my/our-story/birth-of-iumw/
[333] https://mjiit.utm.my/history/

Chương 9: Phương án bố trí không gian các trục/ hành lang công nghiệp - đô thị trọng điểm của tỉnh để thúc đẩy phát triển các cụm ngành

9.1. Luận chứng về xác định quan điểm phát triển các trục/ hành lang công nghiệp - đô thị trọng điểm của tỉnh

Quan điểm của Việt Nam về phát triển các trục/hành lang công nghiệp - đô thị trọng điểm

Xây dựng và phát triển các trục/hành lang công nghiệp - đô thị là một trong những nền tảng quan trọng góp phần phát triển kinh tế Việt Nam. Các cụm công nghiệp trên cả nước được kết nối với nhau bằng các trục/hành lang kinh tế ngang và dọc quan trọng như hành lang kinh tế Bắc Nam (nối cả với Trung Quốc), hành lang kinh tế Đông - Tây (nối cả với Lào, Thái Lan và Myanmar), và một số quốc lộ từ Bắc vào Nam của Việt Nam, chẳng hạn như Quốc lộ 1, Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Nam, Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương, v.v.

Các trục/hành lang công nghiệp - đô thị được hình thành với mục tiêu giúp cải thiện kết nối giữa các doanh nghiệp, thúc đẩy trao đổi thương mại và phân phối nguồn lực phục vụ sản xuất, tăng cường hợp tác giữa các tỉnh và các nước láng giềng, thu hút đầu tư trong nước và quốc tế cũng như quảng bá du lịch và dịch vụ. Ngoài ra, việc phát triển các trục/hành lang công nghiệp - đô thị trọng điểm cũng góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập, xóa đói, giảm nghèo cho các khu vực dọc hành lang kinh tế.

Trong tương lai, việc phát triển các trục/hành lang công nghiệp - đô thị sẽ dựa trên lợi thế và nhu cầu tăng trưởng của các tỉnh. Chẳng hạn, với lợi thế về hệ thống cảng nước sâu, được coi là đầu mối trung chuyển hàng hóa rất quan trọng trên tuyến hành lang Đông - Tây, Đà Nẵng sẽ được ưu tiên hỗ trợ phát triển các trục/hành lang công nghiệp - đô thị trọng điểm và các tuyến quốc lộ kết nối với cảng biển. Tại miền Nam Việt Nam, việc phát triển trục hành lang Đông Nam cùng với các tuyến đường cao tốc TP.HCM - Trung Lương, TP.HCM - Long Thành - Dầu Giây cũng đáp ứng nhu cầu kết nối mạnh mẽ giữa các doanh nghiệp chế biến, chế tạo trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, tạo ra những đóng góp quan trọng vào nền kinh tế khu vực.

Quan điểm của khu vực ĐBSH và vùng KTTĐBB về sự phát triển của trục/hành lang đô thị-công nghiệp trọng điểm

Sự phát triển của trục/hành lang công nghiệp - đô thị trọng điểm trong khu vực vùng KTTĐBB và khu vực đồng bằng sông Hồng được chú trọng, do có sự hợp tác chặt chẽ giữa các cụm ngành, đòi hỏi mức độ kết nối cao giữa các tỉnh. Các khu công nghiệp đã và đang phát triển mạnh mẽ dọc các hành lang quốc lộ 18, quốc lộ 5, quốc lộ 1, quốc lộ 10, đường ven biển đi qua các tỉnh

Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình và các khu vực có điều kiện cơ sở hạ tầng thuận lợi và quỹ đất dồi dào xung quanh Hà Nội, Vĩnh Phúc, Hải Phòng, Quảng Ninh.
Nhìn chung, sự phát triển của các trục/hành lang công nghiệp - đô thị của vùng sẽ lấy thành phố Hà Nội làm trung tâm, kết nối với các trục đường cao tốc và đường quốc lộ theo mọi hướng[334]. Với vị trí gần Hà Nội, Hưng Yên có thể được hưởng lợi nhờ kết nối trực tiếp hoặc gián tiếp với các hành lang kinh tế giữa Hà Nội và các tỉnh, ví dụ như:

- Hành lang công nghiệp Hà Nội - Hải Phòng (dọc theo quốc lộ 5, từ Hà Nội - Hưng Yên - Hải Dương- đến cảng Hải Phòng): Được quy hoạch phát triển các lĩnh vực công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và chế biến thực phẩm, sản xuất lắp ráp linh kiện điện tử, may mặc, lắp ráp ô tô, xe máy, công nghiệp phụ trợ và dịch vụ sửa chữa phương tiện.

- Hành lang công nghiệp Hà Nội - Nội Bài - Hạ Long (dọc quốc lộ 18, Bắc Ninh - Hải Dương - Quảng Ninh): Được quy hoạch phát triển sản xuất thủy tinh, khí công nghiệp, vật liệu xây dựng, cơ khí, hóa chất, phân bón, công nghiệp dịch vụ, nông nghiệp. Ngoài ra, hành lang này sẽ tập trung phát triển các ngành công nghiệp nặng chủ lực như phát điện, sản xuất xi măng, cơ khí quy mô lớn.

- Hành lang công nghiệp Hà Nội - Việt Trì đoạn qua thành phố Vĩnh Yên (dọc theo đường cao tốc số 5): Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp tập trung với tổng diện tích khoảng 1.500 ha và một số khu công nghiệp công nghệ cao chế biến rau, quả và thực phẩm.

- Hành lang công nghiệp Hà Nội - Lạng Sơn (dọc quốc lộ 1): Quy hoạch phát triển sản xuất cơ khí, sản xuất, lắp ráp máy nông nghiệp, phụ tùng ô tô, xe máy, hàng điện tử - tin học, nhà máy chế biến nông sản, thực phẩm, thủ công mỹ nghệ.

Ngoài ra, việc hợp tác kinh tế với các cụm ngành lớn tại Trung Quốc cũng được vùng KTTĐBB và khu vực ĐBSH chú trọng. Với sự tồn tại của hai hành lang kinh tế kết nối với Trung Quốc là Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng, Hưng Yên và các tỉnh khác có thể tận dụng các hành lang này để tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu và mở rộng các cụm công nghiệp của vùng. Định hướng trong tương lai là tăng cường kết nối với Trung Quốc bằng cách phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, Khu kinh tế Vân Đồn thành trung tâm liên kết vùng, đầu mối quan trọng trên hành lang thương mại ven biển với Trung Quốc.

Quan điểm của Hưng Yên về phát triển các trục/hành lang công nghiệp - đô thị trọng điểm

Với lợi thế địa lý là trung tâm vùng ĐBSH, gần Hà Nội và nằm trong 2 hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng, phát triển trục/hành lang công nghiệp - đô thị trọng điểm của Hưng Yên sẽ gắn kết chặt chẽ với trục/hành lang công nghiệp - đô thị trọng điểm của vùng KTTĐBB, vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước nhằm thúc đẩy sự phát triển của các cụm ngành của tỉnh.

Nằm dọc theo mạng lưới đường cao tốc phát triển dày đặc, cụm ngành của Hưng Yên có kết nối tốt với các cụm ngành khác ở các thành phố lớn và các tỉnh lân cận trong vùng KTTĐBB như quốc lộ 5, cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với 8 làn xe hiện đại, các tuyến quốc lộ 39, quốc lộ 38 38B, đường ven đê sông Hồng nối thành phố Hưng Yên - Văn Giang - Hà Nội, đường liên tỉnh Dân

[334] Quy hoạch phát triển công nghiệp sông Hồng Vùng đồng bằng 2025-2035

Tiến - cầu Thanh Trì - Hà Nội, cầu Yên Lệnh nối Hà Nam với Hưng Yên, đường kết nối đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và đường cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ,… Hệ thống đường cao tốc, quốc lộ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đã tạo thành 3 trục ngang và 1 trục dọc, tạo nên mạng lưới kết nối tỉnh Hưng Yên với Thủ đô Hà Nội và các tỉnh lân cận, đồng thời kết nối trung tâm tỉnh với các huyện và kết nối các huyện với nhau.

Ngoài ra, nằm ở Đông Nam của đồng bằng sông Hồng với lợi thế cửa sông, hệ thống giao thông đường thủy của Hưng Yên có nhiều tiềm năng với ba hành lang giao thông đường thủy nội địa chính qua tỉnh Hưng Yên (Quảng Ninh - Hải Phòng - Hà Nội, Hà Nội - Nam Định - Ninh Bình và Hà Nội - Việt Trì - Lào Cai), ba tuyến đường thủy nội địa (Quảng Ninh - Hải Phòng - Việt Trì, Quảng Ninh - Ninh Bình và cảng Hà Nội đến cửa Lạch Giang), cũng như các cảng hàng hóa và hành khách phần lớn ở sông Hồng và sông Luộc. Hơn nữa, hệ thống giao thông đường thủy của Hưng Yên nằm trong hành lang Hà Nội - Phố Nối - Hải Dương - Hải Phòng, tam giác kinh tế phía Nam Hà Nội (Hưng Yên - Đồng Văn - Phủ Lý), có thể phát triển công nghiệp - dịch vụ đô thị kết nối trung tâm vùng Thủ đô Hà Nội với cửa ngõ kinh tế biển, hỗ trợ phát triển các khu công nghiệp sạch, công nghiệp hỗ trợ, hậu cần, trung tâm thương mại, đào tạo, chế biến nông sản cấp vùng. Do đó, Hưng Yên có nhiều lợi thế về địa lý để tăng cường liên kết với các trục/hành lang công nghiệp - đô thị trọng điểm của các tỉnh lân cận, các khu công nghiệp và các cảng quan trọng như sân bay quốc tế Nội Bài, sân bay quốc tế Cát Bi, cảng biển quốc tế Lạch Huyện, tạo điều kiện giao thông thuận lợi cho các doanh nghiệp trong tỉnh và nâng cao năng lực cạnh tranh của cụm ngành.

Trong tương lai, nhu cầu cần cải thiện kết nối giữa Hưng Yên với các tỉnh khác trong KTTĐBB sẽ ngày càng tăng, đặc biệt là kết nối tốc độ cao đến Hà Nội. Ví dụ, theo bố trí không gian của Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hải Dương và Hưng Yên, các tỉnh này được quy hoạch phát triển các cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, y tế chất lượng cao cũng như các khu công nghiệp công nghệ cao, khu nông nghiệp công nghệ cao, trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ[335]. Do đó, nhu cầu hợp tác giữa các cụm ngành trong khu vực sẽ tăng, đòi hỏi cần xây dựng các trục/hành lang công nghiệp - đô thị để phát triển các cụm ngành của tỉnh, các cụm ngành trong khu vực, thúc đẩy khả năng tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu của tỉnh.

9.2. Luận chứng phương án tổ chức không gian từng trục/ hành lang công nghiệp - đô thị trọng điểm của tỉnh gắn với tạo không gian phát triển các cụm ngành quan trọng

Dựa vào các trục/ hành lang phát triển được đề xuất trong chương V của Báo cáo Khung Định hướng quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tổ chức không gian tỉnh Hưng Yên được xây dựng theo mô hình tập trung đa cực trên cơ sở cấu trúc/ khung phát triển gồm: 2 khu, 2 hành lang, 4 trục, 5 trung tâm. Trong đó, quy hoạch phát triển các cụm ngành trọng điểm của tỉnh được phân bổ theo 2 hành lang phát triển và 4 trục phát triển, cụ thể như sau:

- 2 hành lang phát triển:

(1) Hành lang quốc lộ 5 và cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, là hành lang công nghiệp - đô thị;

(2) Hành lang văn hóa - lịch sử - sinh thái sông Hồng, là hành lang phát triển du lịch văn hóa, lịch sử và sinh thái;

[335] Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của KTTĐBB đến năm 2020, tầm nhìn 2030

- 4 trục phát triển, gồm 1 trục phát triển Bắc - Nam và 3 trục phát triển Đông - Tây :

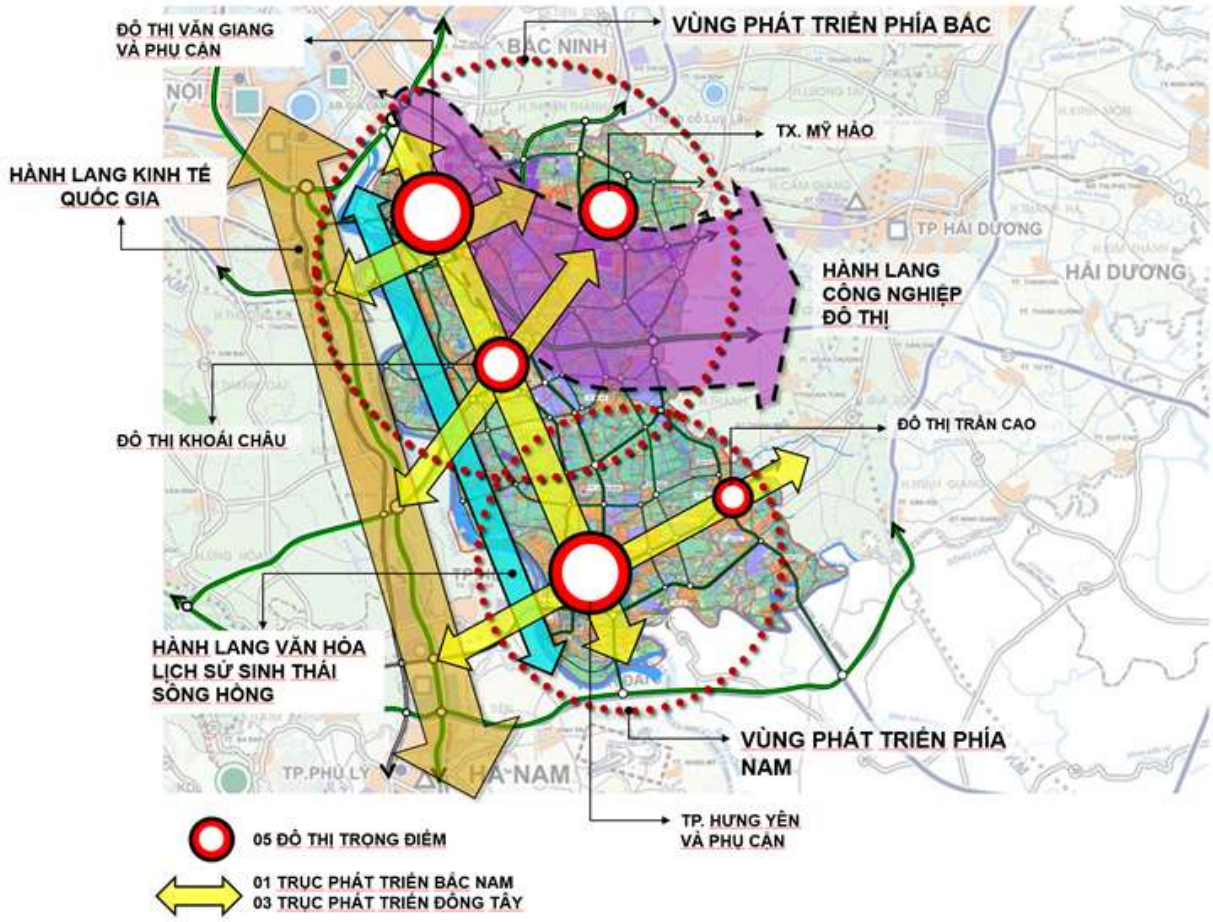
(1) Trục phát triển Bắc Nam (trục quốc lộ 39 và cao tốc/ đường nối cao tốc Hà Nội - Pháp Vân với cao tốc Hà Nội - Hải Phòng);

(2) Trục vành đai 4 nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, kết nối đô thị Văn Giang của Hưng Yên với đô thị Văn Điển, Thường Tín của Hà Nội;

(3) Trục đường nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, theo hướng Quốc lộ 21, kết nối đô thị Bồ Thời, Khoái Châu của Hưng Yên đến đô thị vệ tinh Phú Xuyên của Hà Nội;

(4) Quốc lộ 38 và 38B, qua cầu Yên Lệnh nối thành phố Hưng Yên với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, đồng thời nối thành phố Hưng Yên với đô thị Duy Tiên, Đồng Văn của Hà Nam và thành phố Hải Dương về phía Đông.

Hình 75: Sơ đồ phân vùng, các trục/ hành lang công nghiệp đô thị tỉnh Hưng Yên giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050



Nguồn: Theo đề xuất của liên danh tư vấn tại Báo cáo Khung Định hướng quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Hành lang quốc lộ 5 và cao tốc Hà Nội - Hải Phòng/ hành lang công nghiệp - đô thị

Hành lang quốc lộ 5 và cao tốc Hà Nội - Hải Phòng nằm phía Bắc tỉnh Hưng Yên, được hình thành bởi quốc lộ 5 và cao tốc Hà Nội - Hải Phòng. Hiện tại, hành lang này chủ yếu tập trung phát

triển công nghiệp do tất cả bảy khu công nghiệp đang hoạt động của tỉnh Hưng Yên đều nằm trong khu vực này. Trong đó, có ba khu công nghiệp (KCN Phố Nối A, KCN Minh Đức và KCN Minh Quang) nằm dọc quốc lộ 5 và bốn khu công nghiệp (KCN Dệt may Phố Nối, KCN Thăng Long II, KCN Yên Mỹ, KCN Yên Mỹ II) nằm dọc quốc lộ 39A nối quốc lộ 5 với đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng.

Trong tương lai, hành lang quốc lộ 5 và cao tốc Hà Nội - Hải Phòng sẽ tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng công nghiệp - đô thị của tỉnh Hưng Yên do vị trí, kết nối giao thông thuận tiện và cơ sở hạ tầng được chú trọng đầu tư. Quốc lộ 5 và đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng là hai tuyến giao thông quan trọng của Hưng Yên. Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng là đường cao tốc loại A với sáu làn xe và đường quốc lộ 5 là đường cấp II với bốn làn xe là những tuyến giao thông trọng điểm, không chỉ kết nối Hưng Yên với các tỉnh như Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng mà còn kết nối Hà Nội với Hải Phòng và Quảng Ninh. Hệ thống đường giao thông khu vực này giúp cho việc vận chuyển hàng hóa từ Hưng Yên đến các sân bay trong khu vực (sân bay quốc tế Nội Bài tại Hà Nội, sân bay quốc tế Cát Bi tại Hải Phòng và sân bay quốc tế Vân Đồn tại Quảng Ninh), các cảng biển (như cảng biển Lạch Huyện ở Hải Phòng) và các cửa khẩu (như cửa khẩu quốc tế Móng Cái ở Quảng Ninh) thuận tiện và tiết kiệm thời gian hơn. Ngoài hệ thống giao thông phát triển, Hưng Yên đã và đang chú trọng quy hoạch quỹ đất và thúc đẩy phát triển cơ sở hạ tầng quanh khu vực này để tiếp tục mở rộng và xây dựng các khu công nghiệp mới. Đây là điều kiện thuận lợi để thúc đẩy tăng trưởng khu vực công nghiệp tại Hưng Yên, gắn liền với định hướng phát triển của Chính quyền tỉnh. Ngoài ra, hành lang quốc lộ 5 và cao tốc Hà Nội - Hải Phòng gần các đô thị như Văn Giang, Văn Lâm, Mỹ Hào, Khoái Châu cũng giúp người lao động và các chuyên gia Việt Nam và nước ngoài làm việc tại các khu công nghiệp có thể dễ dàng tìm kiếm chỗ ở và tiếp cận với các tiện ích xã hội, dịch vụ tại các khu đô thị phát triển.

Hành lang văn hóa - lịch sử - sinh thái sông Hồng

Hành lang văn hóa - lịch sử - sinh thái sông Hồng phát triển dọc theo sông Hồng, được xác định là khu vực trọng điểm thúc đẩy tăng trưởng du lịch văn hóa, lịch sử và sinh thái. Hiện nay, khu vực này tập trung nhiều điểm du lịch nổi tiếng của tỉnh Hưng Yên như đền Đa Hòa, đền Dạ Trạch, đền Chử Đồng Tử, khu di tích quốc gia đặc biệt phố Hiến và đã hình thành hai tuyến du lịch liên tỉnh bao gồm tuyến du lịch sinh thái, văn hóa Phố Hiến - Hà Nội ven sông Hồng và tuyến du lịch tham quan đường sông Hưng Yên - Thái Bình - Nam Định. Đây là nền tảng để Hưng Yên tiếp tục phát triển loại hình du lịch di sản, du lịch tâm linh gắn với du thuyền sông Hồng và du lịch sinh thái ven sông Hồng.

Việc hình thành hành lang lịch sử - văn hóa - sinh thái sông Hồng có thể tận dụng cảnh quan sông Hồng để quảng bá các sản phẩm du lịch độc đáo, hướng đến đối tượng khách hàng có nhu cầu nghỉ dưỡng, tận hưởng môi trường xanh, khám phá lịch sử, văn hóa của tỉnh. Hưng Yên có 4 huyện ven sông với không khí trong lành và cảnh quan đẹp ven sông Hồng, bao gồm các huyện Văn Giang, Khoái Châu, Kim Động và thành phố Hưng Yên. Đây là những khu vực có tiềm năng rất lớn để thúc đẩy du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng cuối tuần kết hợp tham quan trang trại, làng nghề truyền thống, khám phá văn hóa ẩm thực cho du khách Việt Nam và khách quốc tế, đặc biệt là các cá nhân và gia đình từ các tỉnh lân cận như Hà Nội, Bắc Ninh, Nam Định, Hà Nam, Hải Dương.

Hưng Yên sở hữu nhiều di tích lịch sử, văn hóa phân bổ theo cụm ven sông Hồng và các trung tâm du lịch của Hưng Yên như huyện Văn Giang (Ecopark), thành phố Hưng Yên (khu du lịch phố Hiến), huyện Khoái Châu (cụm di tích Đa Hòa - Dạ Trạch - Bãi Sậy - Hàm Tử), huyện Yên Mỹ (đền Hải Thượng Lãn Ông - đền Phạm Ngũ Lão - chùa Phạm Xá) và huyện Phù Cừ (đền

Tống Trân - La Tiến). Điều này giúp cho việc tổ chức các tuyến tham quan, thiết kế các tour du lịch cũng như liên kết, phát triển các sản phẩm du lịch mới dễ dàng, thuận tiện hơn.

Ngoài ra, liên kết giao thông khu vực này phát triển tương đối thuận tiện với các đường tỉnh 377, 377B, 378, 379 và quốc lộ 38 nối khu vực hành lang văn hóa - lịch sử - sinh thái sông Hồng với các điểm đến, trung tâm, đô thị khác ở Hưng Yên (ví dụ như đô thị Văn Giang, đô thị Khoái Châu, thành phố Hưng Yên) và các trung tâm du lịch ở các tỉnh khác như Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Phòng. Do đó, việc di chuyển giữa các điểm du lịch khác nhau ở Hưng Yên cũng như từ các tỉnh khác đến Hưng Yên sẽ rất thuận tiện và tiết kiệm thời gian cho du khách. Sông Hồng đoạn từ Xuân Quan (huyện Văn Giang) đến Phương Trà (huyện Tiên Lữ) dài 64km, sâu hơn 2m và đạt mức 2, khá ổn định, đảm bảo cho tàu thuyền lưu thông (lên đến 1.000 tấn mỗi năm), thuận lợi để phát triển du lịch bằng đường thủy nội địa.

Trục phát triển Bắc - Nam

Trục phát triển Bắc - Nam phát triển theo hướng quốc lộ 39 và đường nối giữa cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với cao tốc Hà Nội - Pháp Vân, được xác định là trục phát triển kinh tế - xã hội quan trọng của tỉnh Hưng Yên. Trục phát triển Bắc - Nam kết nối đô thị Văn Giang là đô thị loại V, định hướng trở đô thị loại II vào năm 2030, với thành phố Hưng Yên là đô thị loại III, định hướng trở thành đô thị loại I vào năm 2030.

Thành phố Hưng Yên nằm phía Nam của tỉnh Hưng Yên, là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và giáo dục của tỉnh. Không chỉ tất cả các cơ quan nhà nước, cơ quan các sở ban ngành mà các cơ sở giáo dục đại học cũng tập trung ở thành phố Hưng Yên. Thành phố Hưng Yên giữ vai trò là đô thị vệ tinh của Thủ đô Hà Nội và là một trong ba đô thị trong tam giác kinh tế - đô thị phía Nam Thủ đô Hà Nội. Đồng thời, thành phố Hưng Yên có bề dày lịch sử, văn hóa và các giá trị truyền thống được thừa hưởng từ phố Hiến xưa - cửa ngõ thông thương của kinh thành Thăng Long và là một trong những thương cảng sầm uất nhất miền Bắc Việt Nam. Tuy nhiên, các hoạt động kinh tế, phát triển đô thị và các ngành dịch vụ trên địa bàn thành phố Hưng Yên hiện tại vẫn chưa phát triển tương xứng với vai trò và tiềm năng.

Trong khi đó, huyện Văn Giang nằm ở phía Bắc tỉnh Hưng Yên, cách thành phố Hưng Yên 40km và cách trung tâm thủ đô Hà Nội 20km, được biết đến với tốc độ phát triển đô thị nhanh và tốc độ đô thị hóa cao trong những năm gần đây. Tận dụng lợi thế gần Hà Nội và có các tuyến giao thông trọng điểm kết nối với các tỉnh như đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, đường vành đai 4 (đang quy hoạch), đường vành đai 3,5 (đang quy hoạch), huyện Văn Giang đã thu hút nhiều nhà đầu tư phát triển khu đô thị. Một trong những dự án đô thị nổi bật nhất tại Văn Giang là khu đô thị Ecopark, có tác động không nhỏ đến diện mạo của huyện. Trong những năm tới, huyện Văn Giang sẽ tiếp tục thu hút sự chú ý của người dân khi nhiều dự án khu đô thị mới được phát triển như khu đô thị Dream City và khu đô thị Đại An của Vingroup, khu đô thị Xuân Cầu của công ty Xuân Cầu. Các khu đô thị tại Văn Giang nói chung và khu đô thị Ecopark nói riêng đang dần trở thành lựa chọn phổ biến của những người thuộc tầng lớp trung và thượng lưu để sinh sống, tận hưởng môi trường sống xanh tại Hưng Yên và hằng ngày di chuyển để đi làm tại Hà Nội.

Việc hình thành trục phát triển kinh tế - xã hội Bắc - Nam là cơ sở thúc đẩy các hoạt động kinh tế, đặc biệt là các ngành dịch vụ. Với hệ thống giao thông quốc lộ 39, đường nối cao tốc Hà Nội - Pháp Vân, đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và nhiều tỉnh lộ khác, kết nối giao thông ở khu vực này phát triển tốt, cho phép di chuyển thuận tiện từ đô thị Văn Giang (phía Bắc tỉnh Hưng Yên) đến thành phố Hưng Yên (phía Nam tỉnh Hưng Yên). Trục phát triển này có thể là động lực thúc đẩy tăng trưởng phát triển đô thị ở các huyện phía Nam của Hưng Yên và cải thiện sự phát triển mất cân đối giữa các huyện phía Bắc và các huyện phía Nam ở Hưng Yên. Tỉnh có thể thu

hút các nhà đầu tư bất động sản trong và ngoài nước phát triển các dự án khu đô thị không chỉ ở thành phố Hưng Yên, đô thị Văn Giang mà còn dọc theo trục Bắc - Nam. Ngoài ra, trục phát triển Bắc - Nam không chỉ kết nối 3 đô thị lớn ở Hưng Yên (đô thị Văn Giang, đô thị Khoái Châu và thành phố Hưng Yên) mà còn nằm giữa 2 hành lang phát triển của tỉnh, có tiềm năng thúc đẩy phát triển các tiện ích xã hội và dịch vụ hỗ trợ các hoạt động kinh tế trọng điểm ở các hành lang, ví dụ như khu nhà ở, trường học và bệnh viện cho nhân viên trong các khu công nghiệp hoặc cơ sở lưu trú, nhà hàng, trung tâm giải trí, trung tâm biểu diễn nghệ thuật và bảo tàng cho lĩnh vực du lịch.

Trục vành đai 4 nối đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng đến đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình

Dự án phát triển đường vành đai 4 nối cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình và đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng là một trong những dự án hạ tầng quan trọng của vùng KTTĐBB, đặc biệt là đối với Hà Nội, Hưng Yên và Bắc Ninh. Dự án đường vành đai 4 không chỉ giúp giảm lưu lượng giao thông của các tuyến khác mà còn đóng vai trò là động lực tăng trưởng chính của thủ đô Hà Nội cũng như của vùng KTTĐBB. Đường vành đai 4 dài khoảng 20,3 km trên địa bàn tỉnh Hưng Yên sẽ tạo ra một tuyến đường mới đi từ Hưng Yên đến Hà Nội và Bắc Ninh, đồng thời hoàn thiện hệ thống giao thông phía Bắc của tỉnh. Nhờ đó, sự kết nối về giao thông, thương mại và các hoạt động kinh tế khác giữa Hà Nội, Hưng Yên và Bắc Ninh sẽ được tăng cường.

Sự phát triển của trục đường vành đai 4 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên sẽ là nền tảng vững chắc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phát triển đô thị khu vực này. Trục đường vành đai 4 được quy hoạch nhằm kết nối đô thị Văn Giang của Hưng Yên với đô thị Văn Điển, Thường Tín của Hà Nội cũng như tạo liên kết kinh tế giữa các huyện phía Bắc tỉnh Hưng Yên với hành lang kinh tế quốc gia. Nhờ sự phát triển của hạ tầng giao thông, Hưng Yên cũng có thể thu hút thêm nhiều doanh nghiệp uy tín đầu tư vào các dự án bất động sản dọc trục đường vành đai 4, từ đó khuyến khích tăng trưởng các dịch vụ khác ở khu vực này như du lịch và bán lẻ.

Trục đường nối từ cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, theo hướng Quốc lộ 21

Đường nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình là tuyến đường quan trọng vì nó nối hai tuyến giao thông trọng điểm trong khu vực. Trục đường này sẽ kết nối các huyện Khoái Châu và Yên Mỹ của tỉnh Hưng Yên với hành lang kinh tế quốc gia, tạo ra nhiều cơ hội phát triển kinh tế. Trục đường nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình nằm ở vị trí trung tâm của tỉnh và cắt hai hành lang phát triển trọng điểm nên có điều kiện thuận lợi để thúc đẩy phát triển đô thị, tăng trưởng dịch vụ hỗ trợ các hoạt động kinh tế khác trên hai hành lang đó. Trong tương lai, khi có thêm các khu công nghiệp dọc theo đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và tại các huyện Khoái Châu, các khu đô thị, các công trình và tiện ích xã hội sẽ được phát triển theo trục đường này để đáp ứng nhu cầu về nhà ở và dịch vụ xã hội của người lao động. Giao điểm của trục phát triển Đông - Tây này và trục phát triển Bắc - Nam là đô thị Khoái Châu. Điều này sẽ tạo điều kiện thúc đẩy tăng trưởng kinh tế huyện Khoái Châu, thu hút nhiều dự án đầu tư trong các lĩnh vực như thương mại, du lịch, bất động sản vào khu vực này, giúp Khoái Châu đạt mục tiêu là đô thị loại IV vào năm 2030.

Trục quốc lộ 38 và 38B, qua cầu Yên Lệnh kết nối thành phố Hưng Yên với cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình

Hưng Yên cần có trục phát triển Đông - Tây ở phía Nam của tỉnh để thúc đẩy tăng trưởng các huyện phía Nam và thu hẹp dần khoảng cách về phát triển kinh tế, đô thị giữa khu vực phía Bắc

và phía Nam ở Hưng Yên. Quốc lộ 38 và 38B là các tuyến giao thông trọng điểm phía Nam của tỉnh Hưng Yên, nối thành phố Hưng Yên với các tỉnh khác trong khu vực. Quốc lộ 38 là tuyến đường nhanh nhất để đi từ thành phố Hưng Yên đến trung tâm thành phố Hà Nội và tỉnh Hà Nam. Ngược lại quốc lộ 38B là con đường nhanh nhất để đi từ thành phố Hưng Yên đến tỉnh Hải Dương. Việc phát triển Quốc lộ 38 và 38B ngày càng có ý nghĩa quan trọng khi Hưng Yên đang nỗ lực thu hút các trường đại học, cao đẳng từ các tỉnh lân cận, đặc biệt là từ Hà Nội về thành lập cơ sở mới tại khu Đại học Phố Hiến ở thành phố Hưng Yên.

Trục phát triển này sẽ củng cố vai trò của thành phố Hưng Yên là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục của tỉnh và khuyến khích sự phát triển của đô thị Trần Cao để hướng đến đạt đô thị loại IV vào năm 2030. Thành phố Hưng Yên được kết nối với các quận, huyện và các tỉnh khác bằng cả trục phát triển Bắc - Nam và trục phát triển Đông - Tây, là điều kiện thuận lợi để thúc đẩy các hoạt động kinh tế - xã hội thực hiện mục tiêu phát triển của thành phố trong những năm tới. Mục tiêu đến năm 2025, thành phố Hưng Yên trở thành đô thị loại II, khuyến khích các dự án đầu tư vào lĩnh vực thương mại, du lịch. Ở phía Nam tỉnh Hưng Yên, vùng ven sông Hồng và thành phố Hưng Yên được coi là hạt nhân về phát triển văn hóa - du lịch. Di sản phố Hiến ở thành phố Hưng Yên được kỳ vọng sẽ trở thành di sản quốc gia và quốc tế được UNESCO công nhận, ghi tên Hưng Yên trên bản đồ di sản văn hóa của khu vực và thế giới. Sự hình thành của trục phát triển Đông - Tây theo hướng quốc lộ 38 và 38B hứa hẹn sẽ nâng cao kết nối giữa khu vực phía Nam tỉnh Hưng Yên với các tỉnh lân cận khác như Hà Nội, Hà Nam, Hải Dương, Thái Bình về giao thông, phát triển đô thị, hoạt động kinh tế, thương mại và du lịch.

Chương 10: Định hướng chiến lược phát triển các trục, hành lang công nghiệp - đô thị trọng điểm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

10.1. Nhu cầu liên kết, mở rộng không gian phát triển các cụm ngành quan trọng

Đến năm 2030, Hưng Yên đặt mục tiêu xây dựng tỉnh giàu đẹp, văn minh, có ngành công nghiệp được xếp vào nhóm các tỉnh thành phát triển mạnh của cả nước. Đến năm 2030, tỉnh đặt mục tiêu GRDP bình quân đầu người trên 8.500 USD, gấp đôi thu nhập của người dân khu vực nông thôn và nâng tỷ trọng đóng góp của nền kinh tế số vào GRDP lên 30%. Đến năm 2045, Hưng Yên phát triển theo hướng mô hình thành phố thông minh và phát huy những giá trị cốt lõi của văn hóa Phố Hiến xưa, trở thành đô thị phồn vinh, văn minh, hiện đại, mang đậm bản sắc văn hóa vùng trung tâm đồng bằng sông Hồng. Để đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo kế hoạch, Hưng Yên cần thúc đẩy tăng trưởng các hoạt động kinh tế, đặc biệt là tăng trưởng của các ngành công nghiệp chủ lực. Các cụm ngành quan trọng tại Hưng Yên cần tìm kiếm cơ hội tăng trưởng mới, mở rộng không gian phát triển để tăng trưởng toàn diện và hiệu quả, từng bước cải thiện vấn đề phát triển mất cân đối giữa khu vực phía Bắc và phía Nam của tỉnh Hưng Yên.

Công nghiệp

Hưng Yên định hướng phát triển theo hướng trọng tâm công nghiệp với mục tiêu trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại. Tỉnh đặt mục tiêu nâng dần tỷ trọng đóng góp của khu vực công nghiệp và xây dựng trong GRDP lên 66% vào năm 2025 và 70% vào năm 2030[336]. Trong giai đoạn tới, Hưng Yên mong muốn thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn công nghiệp lớn đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp của tỉnh và ưu tiên các dự án quy mô lớn. Tỉnh ưu tiên phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghệ số, cơ khí chế tạo, công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm chất lượng cao và công nghiệp hỗ trợ (phục vụ các lĩnh vực dệt may, điện & điện tử, công nghệ thông tin, ô tô)[337]. Đồng thời, tỉnh đang chuyển đổi và hạn chế các dự án có công nghệ lạc hậu, giá trị gia tăng thấp, nguy cơ ô nhiễm môi trường cao và tiêu tốn nhiều năng lượng. Để thu hút

[336] Kế hoạch số 488/KH-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc thực hiện Nghị quyết 07-NQ / TU ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Tỉnh ủy khóa XIX về Chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tỉnh Hưng Yên đến năm 2021 -2025 giai đoạn, định hướng đến năm 2030

[337] Dữ liệu từ báo cáo của Sở Công Thương Hưng Yên ngày 20 tháng 06 năm 2021 cho mục đích lập quy hoạch tỉnh Hưng Yên trong giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 tại buổi họp với liên danh tư vấn

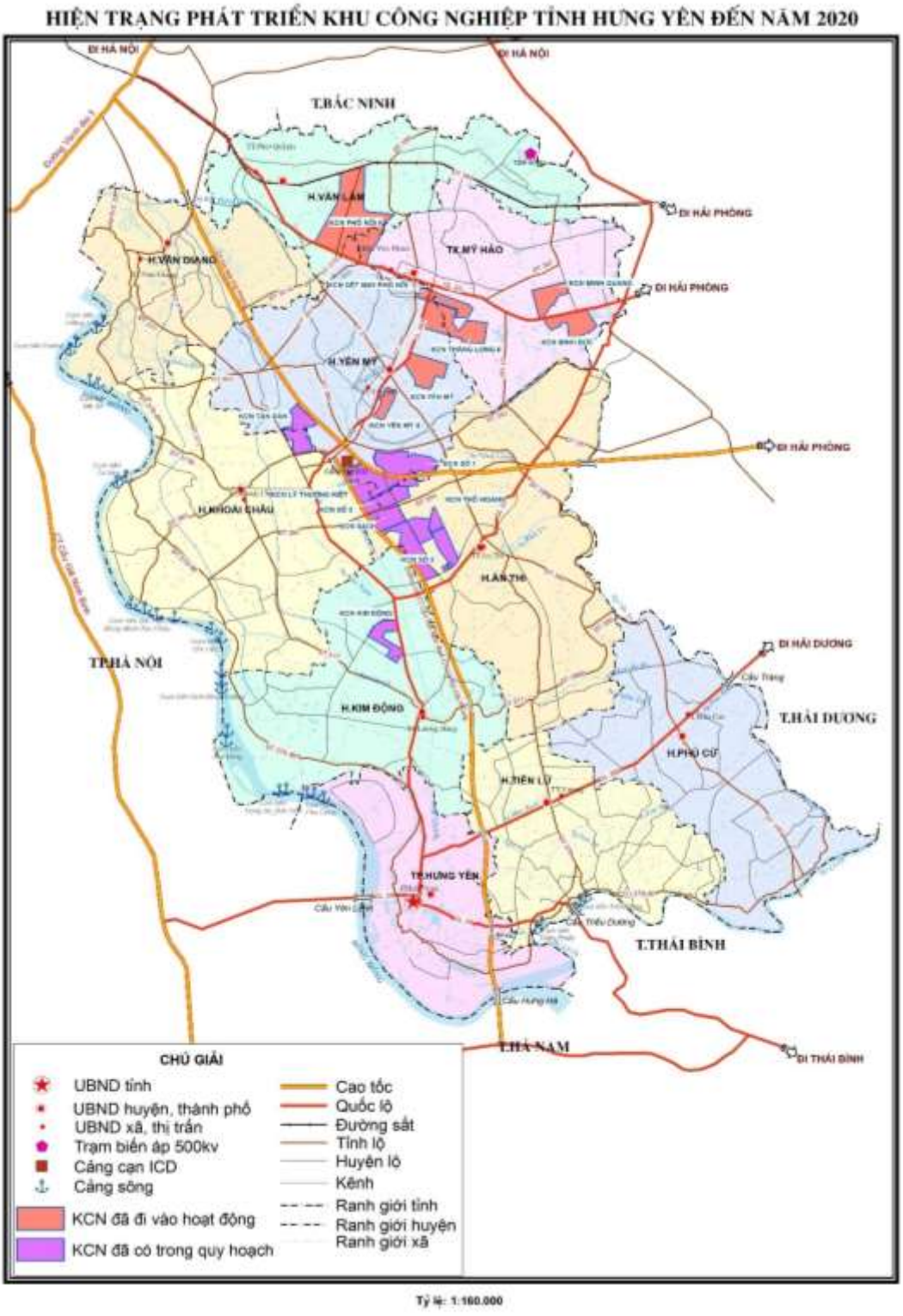
các nhà đầu tư, công ty có năng lực và uy tín, Hưng Yên cần dành đủ quỹ đất cho hoạt động kinh doanh. Hiện Hưng Yên có 15 khu công nghiệp (với tổng diện tích 3.887 ha) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bổ sung vào Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2020[338]. Trong đó, 7 khu công nghiệp (bao gồm Phố Nối A, Dệt may Phố Nối, Thăng Long II, Minh Đức, Yên Mỹ, Yên Mỹ II, Minh Quang) đang hoạt động và đều nằm ở phía Bắc tỉnh Hưng Yên, dọc theo hai bên quốc lộ 5 và quốc lộ 39A (đường nối quốc lộ 5 và đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng) (xem chi tiết ở hình 73). Trong các giai đoạn tới, Hưng Yên dự định quy hoạch phát triển thêm 20 khu công nghiệp mới, đặc biệt là các khu công nghiệp về phía Nam của tỉnh, để đạt mục tiêu tổng diện tích đất khu công nghiệp vào năm 2030 khoảng 8.000 ha[339]. Đối với cụm công nghiệp, trên địa bản tỉnh Hưng Yên hiện có 39 cụm công nghiệp đã được quy hoạch, 16 cụm công nghiệp trong số đó đã được thành lập với tổng diện tích là 763,09 ha và nhận được tổng số vốn đầu tư đăng ký là 6.917,95 tỷ đồng từ các nhà đầu tư. Hưng Yên đặt mục tiêu phát triển 61 cụm công nghiệp với tổng diện tích 3.119,6 ha vào năm 2030[340]. Kế hoạch phát triển các khu và cụm phát triển đến năm 2030 sẽ tạo điều kiện cho sự phát triển của ngành công nghiệp trên phạm vi toàn tỉnh.

[338] Dữ liệu từ báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên tại buổi họp với liên danh tư vấn ngày 15 tháng 06 năm 2021

[339] Dữ liệu từ báo cáo về việc rà soát quy hoạch phát triển các khu công nghiệp của tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên ngày 08 tháng 06 năm 2021 của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên

[340] Dữ liệu từ báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên tại buổi họp với liên danh tư vấn ngày 15 tháng 06 năm 2021

Hình 76: Hiện trạng phát triển khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên đến năm 2020



Dịch vụ

Cùng với sự tăng trưởng của khu vực công nghiệp, phát triển đô thị và các dịch vụ liên quan đến lĩnh vực công nghiệp cũng cần được thúc đẩy. Cải thiện dịch vụ và phát triển đô thị không chỉ thúc đẩy nền kinh tế của tỉnh mà còn là cách hiệu quả để thu hút và giữ chân nguồn nhân lực có tay nghề cao ở Hưng Yên. Sự gia tăng số lượng các dự án trong các khu công nghiệp kéo theo số lượng chuyên gia và công nhân viên làm việc tại Hưng Yên tăng cao, dẫn đến sự gia tăng về nhu cầu nhà ở và các tiện ích xã hội. Để đối phó với đà tăng trưởng này, Hưng Yên nên phát triển các khu đô thị, khu nhà ở mới cho người lao động và các chuyên gia làm việc trong các khu công nghiệp, tạo dựng một môi trường sống tốt và các tiện ích thiết yếu như chợ, trạm y tế, trường học cho người lao động.

Hơn nữa, sự phát triển của các ngành công nghiệp tiên tiến và nông nghiệp công nghệ cao cũng đòi hỏi ngành dịch vụ, đặc biệt là các dịch vụ liên quan đến công nghiệp phải phát triển tương xứng để hỗ trợ các lĩnh vực đó. Logistics đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển 5 ngành công nghiệp trọng tâm (ô tô, điện - điện tử, thiết bị y tế và dược phẩm, cơ khí, dệt may) và ngành nông nghiệp được đề xuất cho Hưng Yên trong kỳ quy hoạch này. Để nâng cao vai trò của ngành công nghiệp và nông nghiệp của Hưng Yên, tỉnh cần tăng cường kế hoạch phát triển dịch vụ logistics, tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng logistics hiện đại phục vụ tất cả các khâu của chuỗi giá trị ngành logistics. Hưng Yên cũng đã đề xuất với Bộ Giao thông Vận tải kế hoạch phát triển thêm 7 cảng cạn (ICD) với tổng diện tích 280 ha tại các huyện Yên Mỹ, Văn Lâm, Kim Động, hứa hẹn sự phát triển mở rộng của các hoạt động logistics tại Hưng Yên. Trong đó, cảng cạn ICD Kim Động tại huyện Kim Động có tiềm năng mở rộng và phát triển như một trung tâm logistics do có vị trí và điều kiện tự nhiên thuận lợi. Hiện nay, vận tải hàng hóa của Hưng Yên chủ yếu dựa vào vận tải đường bộ do thiếu hình thức vận tải đường hàng không và đường biển cũng như sự hạn chế của hoạt động vận tải đường thủy nội địa. Trong tương lai, Hưng Yên có thể phát triển hệ thống cảng, bến thủy nội địa dọc sông Hồng và sông Luộc để tăng cường liên kết giao thông, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng không chỉ ngành logistics mà còn nhiều hoạt động kinh tế khác.

Ngoài ra, thúc đẩy thành lập các phòng thí nghiệm, các trung tâm R&D và trung tâm kiểm nghiệm tại Hưng Yên sẽ đem lại nhiều lợi ích cho tỉnh. Hoạt động R&D và thử nghiệm có thể giúp các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp và nông nghiệp nâng cao chất lượng sản phẩm và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế. Trong những năm tới, Hưng Yên khuyến khích các doanh nghiệp, trường đại học thành lập các trung tâm R&D mới hoặc mở chi nhánh trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, đặc biệt tập trung phát triển các trung tâm R&D thuộc các ngành ưu tiên của tỉnh như phát triển phần mềm, điện & điện tử, y tế và dệt may chức năng. Các trung tâm R&D và trung tâm kiểm nghiệm trong lĩnh vực công nghiệp nên được bố trí ở các khu vực gần các khu công nghiệp trong khi các cơ sở R&D trong nông nghiệp nên bố trí gần các khu sản xuất tập trung và các trang trại. Đây sẽ là động lực thúc đẩy những đột phá trong lĩnh vực công nghiệp và nông nghiệp cũng như sự tăng trưởng kinh tế của tỉnh Hưng Yên.

Du lịch là một trong những ngành mũi nhọn mà Hưng Yên muốn tập trung phát triển trong những năm tới. Hưng Yên đặt mục tiêu phát huy giá trị văn hóa của Phố Hiến, trở thành điểm du lịch hấp dẫn, có sức cạnh tranh cao giữa các tỉnh thành trong khu vực. Tỉnh đặt mục tiêu đến năm 2025 sẽ đón 3 - 4 triệu lượt khách du lịch (trong đó có 40 - 45 nghìn lượt khách quốc tế) và 4,5 - 6 triệu lượt khách du lịch (trong đó có 60 - 70 nghìn lượt khách quốc tế) vào năm 2030[341]. Để thu hút nhiều du khách cũng như tăng thời gian lưu trú tại tỉnh và mức chi tiêu bình quân của mỗi khách du lịch, Hưng Yên cần phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch và cải thiện cơ sở hạ tầng du lịch. Bên cạnh việc thúc đẩy tham quan các điểm đến văn hóa, lịch sử riêng biệt, tỉnh nên tạo ra các tour du lịch kết hợp tham quan các điểm du lịch khác nhau và các hoạt động trải nghiệm ở Hưng Yên, tạo ra nhiều sức hấp dẫn hơn đối với cả khách du lịch trong nước và quốc tế. Ngoài ra, cần phát triển đa dạng các cơ sở lưu trú, cơ sở kinh doanh ăn uống trên toàn tỉnh, đặc biệt tại 3 không gian phát triển du lịch (không gian phía Bắc, không gian phía Nam và không gian phía Tây Bắc Bộ). Theo Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Hưng Yên[342], số lượng các phòng lưu trú của khu vực phía Nam dự kiến chiếm 70% tổng số phòng lưu trú của toàn tỉnh, trong khi số lượng phòng lưu trú của không gian phía Tây Bắc và phía Bắc chiếm 20% và 10%. Ngành du lịch của Hưng Yên cần phát triển và cung cấp cho khách du lịch nhiều sự lựa chọn về cơ sở lưu trú bao gồm khách sạn hạng phổ thông, khách sạn nhỏ (khách sạn boutique), khách sạn sang trọng và khu nghỉ dưỡng cao cấp. Ngoài ra, Hưng Yên có thể tận dụng lợi thế của vùng đất ven sông để thúc đẩy các lựa chọn lưu trú mới như bãi cắm trại, mô hình bungalow, mô hình homestay tại các làng nghề truyền thống hoặc các vùng đất ven sông Hồng, sông Luộc. Để thu hút nhiều khách du lịch và nguồn nhân lực có tay nghề cao cũng như kích cầu tiêu dùng, Hưng Yên có thể xem xét phát triển các mô hình mua sắm, giải trí hiện đại như trung tâm thương mại, công viên giải trí, cửa hàng bán đồ giảm giá của các thương hiệu nổi tiếng (cửa hàng outlet). Hưng Yên cần dành quỹ đất và có những chính sách đầu tư để phát triển các tổ hợp bán lẻ và vui chơi giải trí, đây hứa hẹn sẽ trở thành điểm du lịch nổi tiếng của Hưng Yên và khu vực miền Bắc.

Đối với lĩnh vực giáo dục bậc cao, để trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực của vùng, cần mở rộng giáo dục học thuật và đào tạo các chuyên ngành mới như kỹ thuật sinh học, khách sạn, du lịch, logistics. Chính quyền tỉnh Hưng Yên có thể mở rộng các trường đại học, cao đẳng hiện có và cải thiện cơ sở hạ tầng giáo dục để có thêm nhiều khoa và đón thêm sinh viên các chuyên ngành mới. Cùng với đó, Hưng Yên có thể phát triển thêm các trung tâm dạy nghề chuyên sâu vào các lĩnh vực mũi nhọn của tỉnh như ô tô, điện - điện tử, dệt may, du lịch, ở các vùng nông thôn hoặc gần các khu công nghiệp để nâng cao trình độ lao động hoặc tái đào tạo những người dân nông thôn muốn chuyển từ nông nghiệp sang các ngành khác. Bên cạnh đó, để thu hút thêm nhiều trường, tỉnh cần dành đủ quỹ đất ở những khu vực thuận lợi để phát triển cơ sở giáo dục và nâng cấp cơ sở hạ tầng và các dịch vụ tiện ích tại khu vực này.

[341] Quyết định số 380 / QĐ-UBND ngày 26/01/2018 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Hưng Yên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030

[342] Quyết định số 380 / QĐ-UBND ngày 26/01/2018 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Hưng Yên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030

Nông nghiệp

Mặc dù tỷ trọng nông nghiệp trong GRDP của Hưng Yên đang giảm nhưng đây vẫn là một trong những ngành kinh tế quan trọng, không chỉ đảm bảo an ninh lương thực cho Hưng Yên mà còn tạo thu nhập cho người dân nông thôn. Hưng Yên đã có kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp trở thành nền nông nghiệp hiệu quả cao, tăng trưởng nhanh và bền vững. Mặc dù tỷ trọng nông nghiệp trong GRDP của tỉnh đặt mục tiêu giảm từ 9,3% năm 2020 xuống 6% năm 2025[343], giá trị bình quân thu được từ một ha đất canh tác dự kiến sẽ tăng từ 210 triệu đồng năm 2020 lên 250 triệu đồng năm 2025[344]. Theo điều tra của tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO), đến năm 2030, năng suất cây lương thực chủ lực của Hà Nội chỉ đáp ứng 45% nhu cầu tiêu dùng của thành phố, sản lượng rau đáp ứng 70% nhu cầu, sản lượng thịt bò đáp ứng 33% nhu cầu, sản lượng thịt gà đáp ứng 77% nhu cầu, sản lượng thịt lợn đáp ứng 74% nhu cầu, sản lượng quả đáp ứng 31% nhu cầu và sản lượng nuôi trồng thủy sản đáp ứng 35% nhu cầu[345]. Với lợi thế gần Hà Nội, Hưng Yên có thể mở rộng sản xuất nông nghiệp, nâng cao năng suất, sản lượng cũng như nâng cao chất lượng sản phẩm, từ đó, Hưng Yên trở thành một nguồn cung lương thực quan trọng cho thành phố Hà Nội với 8 triệu dân. Ngoài ra, Hưng Yên đang khuyến khích áp dụng công nghệ vào canh tác, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch và nông nghiệp hữu cơ. Tỉnh cần nhân rộng các mô hình canh tác hiện đại, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong trồng trọt, chăn nuôi cũng như phát triển các vùng thử nghiệm nông nghiệp thông minh mới. Các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao này cần được phát triển rộng khắp trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các huyện phía Nam như huyện Kim Động, Tiên Lữ, Phù Cừ, thành phố Hưng Yên. Ngoài ra, việc hình thành các mối liên kết mới và tăng cường mối liên kết hiện có giữa nông nghiệp và du lịch sẽ rất có lợi cho Hưng Yên trong việc thúc đẩy phát triển một số sản phẩm du lịch đặc biệt như du lịch cộng đồng, du lịch nông trại, du lịch văn hóa trải nghiệm. Nông nghiệp có thể cung cấp cho ngành du lịch không chỉ lương thực mà còn cung cấp các điểm đến tại các vùng nông thôn cho khách du lịch với mục đích tham quan hoặc mục đích giáo dục.

10.2. Xác định và bố trí các trục /hành lang công nghiệp - đô thị trọng điểm của tỉnh trong giai đoạn tới

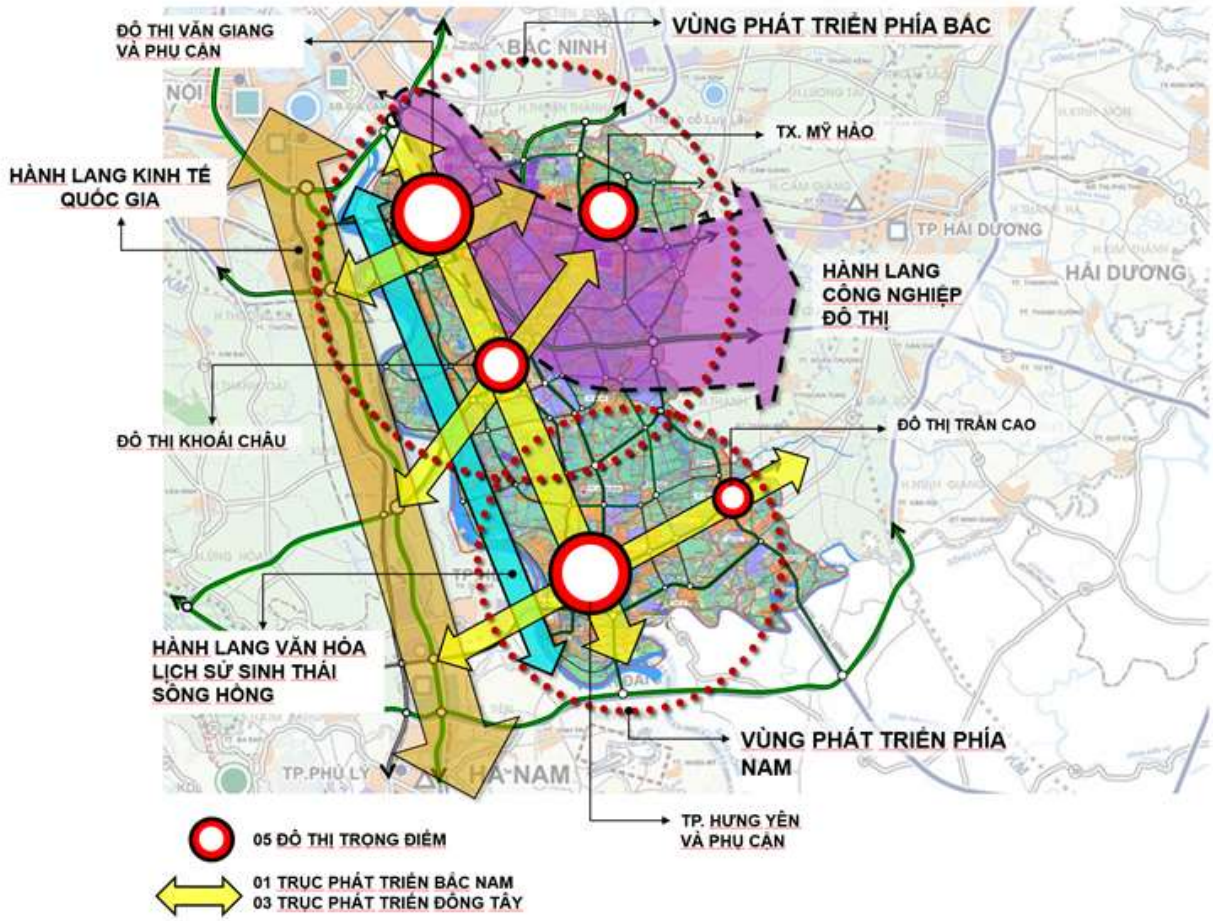
Tổ chức không gian tỉnh Hưng Yên theo mô hình tập trung đa cực, dựa trên cơ cấu /khung phát triển bao gồm: 2 khu vực, 2 hành lang, 4 trục, 5 trung tâm. Trong chương này, chúng tôi sẽ xây dựng phương hướng bố trí và phát triển chi tiết cho từng trục và hành lang.

[343] Nghị quyết số 340/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Hội Đồng Nhân Dân tỉnh Hưng Yên về phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021-2025

[344] Dữ liệu từ báo cáo Hiện trạng và dự kiến phát triển sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, định hướng 2030 của tỉnh Hưng Yên của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Hưng Yên tại buổi làm việc với liên danh tư vấn ngày 17 tháng 06 năm 2021

[345] Đề án phát triển vùng bãi tỉnh Hưng Yên (Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Hưng Yên)

Hình 77: Các trục và hành lang phát triển tỉnh Hưng Yên giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050



Nguồn: Theo đề xuất của liên danh tư vấn tại Báo cáo Khung Định hướng quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

10.2.1. Hành lang quốc lộ 5 và cao tốc Hà Nội - Hải Phòng/ hành lang công nghiệp - đô thị

Vị trí

Về vị trí, hành lang nằm giữa hai tuyến đường phát triển kinh tế - xã hội quan trọng của vùng KTTĐBB, bao gồm: quốc lộ 5 và cao tốc Hà Nội - Hải Phòng. Quốc lộ 5 là tuyến đường huyết mạch quan trọng nối thành phố Hải Phòng với thủ đô Hà Nội, chiều dài khoảng 102 km. Hiện nay, quốc lộ 5 với quy mô đường cấp II, 4 - 6 làn xe, nền đường rộng 22m, là một trong những tuyến đường sầm uất nhất vùng KTTĐBB, chạy qua Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương và Hải Phòng. Trong khi đó, do quốc lộ 5 đã được duy trì tiêu chuẩn cấp II[346], cũng như việc mở rộng có thể gây

[346] Điểm a Mục 1 Phần III Quy hoạch phát triển giao thông vận tải đường bộ Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 356 / QĐ-TTg ngày 25/02/2013

ra chi phí giải phóng mặt bằng rất lớn, Bộ Giao thông Vận tải đã xây dựng đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với quy mô 6 làn xe, để giảm bớt gánh nặng giao thông vận tải cho quốc lộ 5. Do đó, một hành lang nằm giữa quốc lộ 5 và đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng được hình thành, chạy qua phía Bắc tỉnh Hưng Yên, cũng bao gồm tất cả 07 khu công nghiệp hiện có trong khu vực này. Trong đó, 03 khu công nghiệp (KCN Phố Nối A, KCN Minh Đức và KCN Minh Quang) nằm dọc quốc lộ 5, 04 khu công nghiệp (KCN dệt may Phố Nối, KCN Thăng Long II, KCN Yên Mỹ, KCN Yên Mỹ II) nằm dọc quốc lộ 39A nối quốc lộ 5 với đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng.

Vai trò

Việc tập trung đầu tư vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp dọc quốc lộ 5 và cao tốc Hà Nội - Hải Phòng sẽ trở thành động lực phát triển công nghiệp lớn nhất của tỉnh, do kết nối tốt với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp của các tỉnh thành khác trong vùng KTTĐBB, đặc biệt là các thành phố lớn như Hà Nội và Hải Phòng. Trong tương lai, hành lang cũng sẽ thúc đẩy phát triển các khu công nghiệp mới ở khu vực ở giữa và phía Nam tỉnh Hưng Yên thông qua việc kết nối với các khu công nghiệp phát triển ở khu vực phía Bắc như Văn Giang, Văn Lâm, Yên Mỹ, Mỹ Hào qua cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, đoạn đường nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và cao tốc Cầu Giẽ Ninh Bình, quốc lộ 39 nối Hưng Yên và Thái Bình; do đó, giảm khoảng cách phát triển công nghiệp giữa khu vực phía Bắc và phía Nam của tỉnh.

Trên thực tế, phần lớn các doanh nghiệp sản xuất thường ưu tiên vị trí thuận tiện trong giao thông để giảm chi phí vận chuyển và tăng cường sự tham gia của chuỗi cung ứng. Hưng Yên có nhiều tiềm năng để nâng tầm phát triển công nghiệp ở phía Bắc của tỉnh nhờ vào việc tận dụng vị trí chiến lược của quốc lộ 5 và đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, nơi có sức hút mạnh mẽ của nhiều khu công nghiệp tại Hải Dương, Hà Nội và Hải Phòng, và nhận được nhiều dự án FDI ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, lắp ráp linh kiện điện tử và ô tô, vì vậy trục hành lang công nghiệp - đô thị quốc lộ 5 và cao tốc Hà Nội - Hải Phòng có vai trò giúp Hưng Yên hình thành thêm các khu công nghiệp, cụm công nghiệp dọc các tuyến đường nêu trên. Một số khu công nghiệp đã được phát triển dọc theo các tuyến đường này ở các tỉnh khác bao gồm: KCN Đại An ở Hải Dương (có các công ty lớn như Masan Group, công ty TNHH Dây cáp điện ô tô Sumiden), KCN Đài Tư ở Hà Nội (có các công ty lớn như Mercedes Benz, THACO group), KCN Nomura tại Hải Phòng (có các công ty lớn như General Electric, Toyota, Robotech) và KCN Tràng Duệ tại Hải Phòng (có tổ hợp cụm công nghiệp LG).

Ngoài ra, với số lượng lớn các khu công nghiệp và các cơ sở của các doanh nghiệp lớn phát triển ở các tỉnh khác dọc theo khu vực quốc lộ 5 và cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, phía Bắc tỉnh Hưng Yên sẽ hình thành nhu cầu phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ cần thiết, từ đó hình thành cụm ngành trong khu vực. Trên thực tế, đến năm 2020, đất khu công nghiệp ở Hưng Yên có 1.306 ha, thấp hơn 3.576 ha so với chỉ tiêu được duyệt, chỉ đạt 26,76%, trong khi đất cụm công nghiệp có 329 ha, thấp hơn 1.290 ha so với chỉ tiêu được duyệt, chỉ đạt 20,30%[347]. Do đó, quỹ đất dành cho phát triển công nghiệp còn lớn, tạo tiềm năng mở rộng cho các khu công nghiệp gắn với hành lang quốc lộ 5 và cao tốc Hà Nội - Hải Phòng. Ngoài ra, các huyện phía Bắc như

[347] Báo cáo của nhóm tư vấn liên danh Đất Việt về việc phân bổ và quy hoạch đất đai tỉnh Hưng Yên

Văn Giang, Văn Lâm, Mỹ Hào và Khoái Châu, nơi tập trung hầu hết các khu công nghiệp của tỉnh sẽ được hưởng lợi nhiều nhất của hành lang này do kết nối tốt hơn với hai hành lang công nghiệp trọng điểm của vùng Hà Nội (hành lang Hà Nội - Hải Dương - Hải Phòng và Hà Nội - Bắc Ninh - Bắc Giang).

Ngoài ra, hành lang quốc lộ 5 và cao tốc Hà Nội - Hải Phòng có vai trò phát triển đô thị khu vực phía Bắc tỉnh Hưng Yên, ở các huyện Văn Giang, Văn Lâm, Yên Mỹ và Mỹ Hào, tạo điều kiện phát triển tuyến đường nối Hà Nội và Hưng Yên, thuận tiện cho người dân đến sinh sống và làm việc. Do đó, cơ sở hạ tầng xã hội cũng sẽ được hoàn thiện để phục vụ nhu cầu sống của người dân xung quanh như bến xe, trung tâm y tế, cơ sở giáo dục, văn hóa thể thao, trung tâm bán lẻ và vui chơi giải trí.

10.2.2. Hành lang văn hóa - lịch sử - sinh thái sông Hồng/ hành lang phát triển du lịch văn hóa, lịch sử và sinh thái

Vị trí
Hành lang văn hóa - lịch sử - sinh thái sông Hồng nằm dọc bờ sông Hồng ở Hưng Yên. Hành lang đi qua các huyện Văn Giang, huyện Khoái Châu, huyện Kim Động và thành phố Hưng Yên, với điểm đầu tại huyện Văn Giang và điểm cuối tại thành phố Hưng Yên.

Vai trò
Hành lang văn hóa - lịch sử - sinh thái sông Hồng có vai trò quan trọng trong việc phát huy các giá trị cốt lõi văn hóa, lịch sử của Hưng Yên, thúc đẩy tăng trưởng các sản phẩm du lịch đặc sắc cũng như sản xuất nông nghiệp của tỉnh. Khu vực ven sông có nhiều khu di tích như khu di tích Phố Hiến, khu di tích Đa Hòa - Dạ Trạch, lễ hội Chử Đồng Tử - Tiên Dung, đền Mẫu, di tích lịch sử quốc gia cây đa La Tiến, đền La Tiến, đền Tống Trân - Cúc Hoa, v.v. là nguồn tài nguyên văn hóa to lớn và có giá trị đối với sự phát triển của du lịch Hưng Yên. Ngoài ra, Hưng Yên có thể tận dụng cảnh quan đẹp ven sông của khu vực này để thúc đẩy tăng trưởng du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và du lịch nghỉ dưỡng. Vị trí thuận lợi của hành lang này giúp dễ dàng tổ chức các tuyến tham quan, thiết kế các tour du lịch bao gồm các điểm đến khác nhau không chỉ ở Hưng Yên mà còn ở các tỉnh lân cận, giúp tăng cường liên kết, hợp tác phát triển du lịch giữa các tỉnh trong vùng.

Bên cạnh phát triển văn hóa và du lịch, hành lang văn hóa - lịch sử - sinh thái là khu vực thích hợp để phát triển các hoạt động nông nghiệp do điều kiện tự nhiên thuận lợi. Đất vùng bãi ven sông của Hưng Yên màu mỡ, khí hậu tương đối thuận lợi thích hợp trồng các loại cây trồng như rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày, cây ăn quả lâu năm cho năng suất và giá trị kinh tế cao. Điều này sẽ có lợi cho phát triển nông nghiệp của Hưng Yên, đảm bảo nhu cầu lương thực của các địa phương trong tỉnh cũng như tăng cường vai trò nhà cung cấp lương thực cho thành phố Hà Nội. Nông nghiệp cũng sẽ thúc đẩy tăng trưởng du lịch ở Hưng Yên vì các trang trại, nông trường ở khu vực ven sông này có thể trở thành điểm thu hút du lịch và điểm dừng chân cho du khách. Các mối liên kết này có thể tạo ra giá trị gia tăng cao cho nền kinh tế Hưng Yên.

Ngoài ra, tuyến sông Hồng trên hành lang này có tiềm năng phát triển hệ thống đường thủy nội địa, giúp đa dạng hóa các hệ thống giao thông và thúc đẩy tăng trưởng dịch vụ logistics của tỉnh Hưng Yên. Hiện tuyến đường thủy nội địa của Hưng Yên vẫn chưa được phát triển hiệu quả, trên địa bàn tỉnh Hưng Yên hiện có 43 bến thủy nội địa trên sông Hồng nhưng chưa có cảng đường thủy nội địa. Trong tương lai, sau khi các cảng và bến thủy nội địa được cải tạo và phát triển, phương thức vận tải này sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc vận chuyển hàng hóa giữa Hưng Yên và các tỉnh khác vì có nhiều ưu điểm như chi phí thấp hơn, giảm phụ thuộc vào vận tải đường bộ và ít gây hại đến môi trường[348].

10.2.3. Trục phát triển Bắc - Nam

Vị trí

Trục phát triển Bắc - Nam bao gồm quốc lộ 39, đường kết nối giữa cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và cao tốc Hà Nội - Pháp Vân. Trục Bắc Nam là trục dài nhất, quan trọng nhất để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hưng Yên, đi qua thành phố Hưng Yên, các huyện Kim Động, Khoái Châu, Yên Mỹ, Văn Lâm, kéo dài đến vùng thủ đô Hà Nội, tới tỉnh Bắc Ninh tại tỉnh lộ 381, và toàn bộ vùng KTTĐBB. Trục phát triển Bắc - Nam cũng là trục động lực phát triển của toàn tỉnh về công nghiệp, dịch vụ, đô thị vì nó nối liền hai đô thị quan trọng của tỉnh Hưng Yên là đô thị Văn Giang - hiện là đô thị loại V và hướng tới trở thành đô thị loại II vào năm 2030 và thành phố Hưng Yên - hiện là đô thị loại III và hướng tới trở thành đô thị loại I vào năm 2030.

Vai trò

Trục phát triển Bắc - Nam đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng lực, tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu chuyển hàng hóa và dịch vụ qua hầu hết các các huyện của tỉnh Hưng Yên, cũng như giữa Hưng Yên với các tỉnh trong vùng KTTĐBB và vùng đồng bằng sông Hồng, do nằm dọc theo nhiều tuyến đường liên tỉnh quan trọng như quốc lộ 39, đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, đường cao tốc Hà Nội - Pháp Vân, tỉnh lộ 381, đường vành đai 4, quốc lộ 5A, quốc lộ nối Hưng Yên và Thái Bình, vv. Vì vậy, trục Bắc Nam có vai trò giảm chi phí vận tải cho các công ty trong các khu công nghiệp của tỉnh, từ đó, giúp thu hút được dòng vốn FDI và đóng góp phần lớn vào quá trình công nghiệp hóa của tỉnh.

Ngoài ra, nhiều khu công nghiệp hiện tại và đang quy hoạch nằm dọc theo trục phát triển Bắc - Nam như KCN Phố Nối A, KCN dệt may Phố Nối, KCN Thăng Long II, KCN Lý Thường Kiệt, KCN Phố Hiến được tăng cường kết nối tốt hơn, đặc biệt là với các khu công nghiệp lớn khác trong các cụm ngành tại các tỉnh KTTĐBB, các cảng biển và sân bay lớn như sân bay Nội Bài, sân bay Cát Bi, cảng nước sâu Lạch Huyện, cảng Hải Phòng, cảng Quảng Ninh. Sự kết nối giữa các khu công nghiệp ở khu vực phía Bắc và khu vực phía Nam của Hưng Yên được tăng cường, giúp nâng cao tiềm năng phát triển công nghiệp ở khu vực phía Nam của tỉnh, khuyến khích gia tăng số lượng khu công nghiệp và thu hẹp khoảng cách phát triển với các khu công nghiệp phía Bắc. Ngoài ra, trục phát triển Bắc - Nam còn có vai trò tạo điều kiện thuận lợi cho hệ thống giao thông

[348] Bài viết “Tăng đầu tư cho vận tải thủy nội địa để giảm chi phí logistics” (http://www.ptscdinhvu.com.vn/bv-297-Tang-dau-tu-cho-van-tai-thuy-noi-dia-de-giam-chi-phi-logistics.htm#.YXkvShpBw2w)

đô thị tại các đô thị lớn ven trục như Văn Giang, Khoái Châu và thành phố Hưng Yên, giúp nâng cao tiện ích đô thị và nâng cao đời sống của người dân địa phương.

10.2.4. Trục vành đai 4 nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình

Vị trí

Trục vành đai 4 phát triển theo hướng đường vành đai 4 đi qua tỉnh Hưng Yên. Đường vành đai 4 được quy hoạch đi qua địa bàn bốn huyện của tỉnh Hưng Yên (Văn Giang, Khoái Châu, Yên Mỹ và Văn Lâm).

Vai trò

Trục phát triển theo đường vành đai 4 có vai trò hết sức quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển của tỉnh Hưng Yên nói chung và vùng Tây Bắc, huyện Văn Giang của tỉnh nói riêng. Việc hình thành đường vành đai 4 sẽ thiết lập một kết nối giao thông mới giữa Hà Nội và Hưng Yên và giữa Hưng Yên và Bắc Ninh, hứa hẹn sẽ tạo ra nhiều cơ hội hợp tác giữa các tỉnh này. Việc xây dựng đường vành đai 4 và cầu Mễ Sở được quy hoạch dự kiến sẽ kết nối huyện Thường Tín, Hà Nội và huyện Văn Giang, Hưng Yên, cũng như tạo tuyến kết nối giữa cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình và cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, là hai tuyến giao thông quan trọng kết nối Hà Nội và các tỉnh phía Bắc. Đây sẽ trở thành động lực tăng trưởng của khu vực Tây Bắc tỉnh Hưng Yên và tạo tiền đề cho sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện Văn Giang, nơi được coi là huyện trọng điểm phát triển của tỉnh. Hiện nay, do gần Hà Nội và có hệ thống giao thông thuận lợi, huyện Văn Giang đã thu hút nhiều dự án bất động sản của các chủ đầu tư uy tín như dự án Ecopark Township của tập đoàn Ecopark, dự án khu đô thị Đại An và dự án khu đô thị Dream City của Vingroup, dự án khu đô thị sinh thái Văn Giang của tập đoàn Xuân Cầu. Việc phát triển trục đường vành đai 4 không chỉ thu hút nhiều tập đoàn đầu tư vào phát triển đô thị và các lĩnh vực khác tại Văn Giang mà còn thu hút nhiều người dân, đặc biệt là tầng lớp trung lưu và nguồn nhân lực chất lượng cao từ Hà Nội và các tỉnh lân cận đến sinh sống tại Hưng Yên. Việc hình thành trục này sẽ tạo động lực để huyện Văn Giang thúc đẩy tăng trưởng các lĩnh vực khác như nông nghiệp, du lịch, dịch vụ, đồng thời có những đột phá, đổi mới trong quá trình phát triển để trở thành đô thị hiện đại và từng bước phát triển theo mô hình thành phố thông minh.

10.2.5. Trục đường nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, theo hướng quốc lộ 21

Vị trí

Trục đường nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, theo hướng quốc lộ 21 là trục quan trọng để phát triển công nghiệp và phát triển đô thị nội tỉnh, cầu nối đô thị vệ tinh Phú Xuyên của Hà Nội với đô thị Bô Thời của huyện Khoái Châu và huyện Yên Mỹ.

Vai trò

Vai trò của trục này là tăng cường kết nối giữa các cụm ngành lớn phía Bắc dọc theo đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, cụ thể là kết nối trung tâm Hà Nội, Bắc Ninh, Bắc Giang, khu công nghiệp phía Bắc Hưng Yên với khu vực phía Nam đầy tiềm năng của Hà Nội (các huyện Phú Xuyên,

Thường Tín, Thanh Oai, Ứng Hòa, v.v.) và các tỉnh phía Nam vùng đồng bằng sông Hồng mà phát triển dọc theo đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình. Khu vực phía Nam Hà Nội, đặc biệt là huyện Phú Xuyên, được xác định có vai trò chia sẻ phát triển công nghiệp và dịch vụ với khu vực trung tâm Hà Nội, do có tính liên kết cao với cảng và đầu mối logistics ở cửa ngõ phía Nam. Nhờ vậy, khu vực phía Nam Hà Nội có nhiều tiềm năng phát triển công nghiệp, trung chuyển hàng hóa, xây dựng các cụm công nghiệp để di dời các nhà máy ra khỏi nội thành. Do đó, đây có thể là cơ hội cho khu vực trung tâm tỉnh Hưng Yên, đặc biệt là các huyện Khoái Châu, Yên Mỹ phát triển theo trục đường nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, theo hướng quốc lộ 21 phát triển dịch vụ hỗ trợ ngành logistics như sửa chữa phương tiện vận tải, hình thành các trung tâm dịch vụ và trung chuyển hàng hóa, phát triển các khu, cụm công nghiệp hỗ trợ, khu nhà ở công nhân và các công trình đô thị khác như dịch vụ y tế chất lượng cao, đào tạo nghề để đáp ứng nhu cầu sản xuất công nghiệp của khu vực và thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Ngoài ra, trục phát triển còn có thể nâng cao hơn nữa mối quan hệ hợp tác giữa Hưng Yên với các tỉnh phía Nam của đồng bằng sông Hồng, chẳng hạn như tận dụng đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình để vận chuyển tốt đến Nam Định và cảng biển Thịnh Long để xuất khẩu hoặc giao hàng vào khu vực miền Trung và miền Nam của Việt Nam, hoặc phát triển tuyến du lịch từ Hưng Yên đến Ninh Bình để cùng nâng cao ngành du lịch của hai tỉnh.

10.2.6. Trục quốc lộ 38 và 38B

Vị trí

Trục phát triển Đông - Tây phía Nam tỉnh Hưng Yên đi theo hướng quốc lộ 38 và quốc lộ 38B qua cầu Yên Lệnh nối thành phố Hưng Yên với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình. Trục phát triển này đi qua thành phố Hưng Yên, huyện Tiên Lữ và huyện Phù Cừ.

Vai trò

Quốc lộ 38 và quốc lộ 38B là hai tuyến giao thông quan trọng phía Nam tỉnh Hưng Yên. Trục phát triển theo hướng của các tuyến đường này nối thành phố Hưng Yên với đô thị Duy Tiên, Hà Nam về phía Tây, nối thành phố Hưng Yên với thành phố Hải Dương về phía Đông. Trục quốc lộ 38 và quốc lộ 38B là trục huyết mạch trong vùng phát triển phía Nam tỉnh Hưng Yên, tạo sự kết nối giữa thành phố Hưng Yên với hành lang văn hóa - lịch sử - sinh thái sông Hồng của Hưng Yên và hành lang kinh tế quốc gia. Việc hình thành trục này sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tạo ra các cơ hội phát triển mới trong mọi lĩnh vực (như du lịch, thương mại, bất động sản, giáo dục, v.v.) ở phía Nam tỉnh Hưng Yên nói chung và thành phố Hưng Yên nói riêng. Việc phát triển kinh tế - xã hội theo trục này sẽ củng cố vị thế của thành phố Hưng Yên là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục của tỉnh và tạo mối liên kết mới giữa Hưng Yên với các tỉnh lân cận (Hà Nam, Hải Dương, Thái Bình) về giao thông, du lịch, nông nghiệp, thương mại và phát triển đô thị. Ngành du lịch khu vực phía Nam tỉnh Hưng Yên, đặc biệt là các giá trị văn hóa lịch sử của Phố Hiến, được kỳ vọng sẽ tăng trưởng nhờ sự phát triển của trục này. Hơn nữa, việc hình thành trục phát triển theo quốc lộ 38 và 38B hứa hẹn sẽ thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế - xã hội, mang tới nhiều cơ hội phát triển đô thị cho các huyện Tiên Lữ, Phù Cừ cũng như tạo động lực cho đô thị Trần Cao (huyện Phù Cừ) trở thành đô thị loại IV vào năm 2030. Điều này sẽ góp

phần quan trọng vào nỗ lực xóa bỏ tình trạng phát triển mất cân đối giữa khu vực phía Bắc và phía Nam của tỉnh Hưng Yên.

10.3. Định hướng phát triển mỗi trục/ hành lang công nghiệp - đô thị trọng điểm trên địa bàn tỉnh

Dựa trên quy mô và vai trò của từng trục/ hành lang công nghiệp - đô thị trọng điểm ở Hưng Yên, định hướng phát triển của mỗi trục/ hành lang sẽ được trình bày dưới đây, phù hợp với quy hoạch chung của tỉnh Hưng Yên trong giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

10.3.1. Hành lang quốc lộ 5 và đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, hành lang công nghiệp - đô thị

Phát triển công nghiệp

Với mức độ tập trung sản xuất công nghiệp và nhu cầu vận tải cao giữa Hà Nội - Hưng Yên - Hải Dương - Hải Phòng, phát triển hành lang quốc lộ 5 và cao tốc Hà Nội - Hải Phòng đóng vai trò đầu tàu trong phát triển công nghiệp của Hưng Yên và vùng KTTĐBB nói chung, tăng cường phát triển các khu công nghiệp và cụm công nghiệp, và thúc đẩy hợp tác với các tỉnh. Ngoài ra, hành lang cao tốc Hà Nội - Hải Phòng còn là đường kết nối kinh tế - xã hội giữa thủ đô Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh, kết nối với sân bay Nội Bài, sân bay Cát Bi, cảng nước sâu Lạch Huyện, cảng Hải Phòng, đường cao tốc Hải Phòng - Hạ Long - Vân Đồn và sân bay quốc tế Vân Đồn, nhờ vậy, hành lang sẽ nâng cao sự tham gia của Hưng Yên vào chiến lược phát triển kinh tế “Hai hành lang, một vành đai” giữa Việt Nam và Trung Quốc, kết nối các cụm ngành quan trọng giữa các tỉnh phía Bắc Việt Nam với các tỉnh phía Nam Trung Quốc. Do đó, định hướng phát triển hành lang quốc lộ 5 và cao tốc Hà Nội - Hải Phòng cũng là nâng cao sự tham gia của Hưng Yên vào chuỗi giá trị của vùng KTTĐBB, và hướng tới tạo ra nhiều sản phẩm xuất khẩu có giá trị cao ra thị trường quốc tế.

10.3.2. Hành lang văn hóa - lịch sử - sinh thái Sông Hồng

Phát triển du lịch

Trọng tâm phát triển của hành lang văn hóa - lịch sử - sinh thái sông Hồng là thúc đẩy du lịch gắn liền với các giá trị văn hóa, lịch sử của tỉnh Hưng Yên và Phố Hiến xưa. Trong những năm tới, Hưng Yên tiếp tục ưu tiên phát triển các sản phẩm du lịch nổi tiếng và đặc trưng của tỉnh là du lịch văn hóa tâm linh gắn với du lịch sông Hồng, du lịch lễ hội, du lịch làng nghề. Du lịch văn hóa tâm linh ở Hưng Yên được phát triển dựa trên việc khai thác có hiệu quả các giá trị văn hóa, lịch sử của các khu di tích gắn với nền văn minh lúa nước sông Hồng và lịch sử hình thành và phát triển của tỉnh. Trên địa bàn tỉnh sẽ có thêm nhiều tour du lịch tới các khu di tích lịch sử văn hóa, các ngôi chùa cổ và các làng nghề truyền thống phục vụ mục đích tham quan và học tập. Hưng Yên cần tăng cường quảng bá các lễ hội và làng nghề truyền thống của tỉnh để thu hút du khách, đặc biệt là du khách quốc tế, tạo tiền đề cho sự phát triển của du lịch trải nghiệm và du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra, tận dụng vị trí gần Hà Nội và cảnh quan đẹp của vùng ven sông, Hưng Yên có thể phát triển các sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái và du lịch giải trí,

bao gồm du lịch cuối tuần gắn với các hoạt động tham quan, du lịch cuối tuần gắn với các hoạt động vui chơi tại các công viên giải trí, du lịch cuối tuần gắn với các hoạt động thể thao trên sông hoặc thể thao cao cấp, du lịchi cuối tuần gắn với hoạt động mua sắm và khám phá ẩm thực địa phương. Hơn nữa, du lịch MICE (du lịch kết hợp hội nghị, hội thảo, triển lãm, tổ chức sự kiện, du lịch khen thưởng của các công ty cho nhân viên, đối tác) là loại hình tiềm năng mà Hưng Yên nên hướng tới để phát triển vì tỉnh có vị trí chiến lược gần Hà Nội và có khả năng kết nối giao thông tốt.

Phát triển nông nghiệp

Tỉnh cần tiếp tục thúc đẩy các hoạt động nông nghiệp dọc hành lang này để tận dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên (nước, đất đai màu mỡ, khí hậu thuận lợi) ở khu vực vùng bãi.

Cây lương thực. Tại khu vực này, dự kiến diện tích đất trồng lúa sẽ giảm dần, đồng thời mở rộng diện tích đất trồng ngô theo hướng gắn với chăn nuôi. Người nông dân được khuyến khích sử dụng các giống cây trồng mới, các biện pháp canh tác cải tiến trong thâm canh để đạt năng suất, chất lượng cao hơn. Diện tích trồng ngô được mở rộng theo hướng thâm canh trên đất lúa.

Trái cây. Do vùng ven sông có lợi thế về điều kiện tự nhiên (nước, thổ nhưỡng, khí hậu) và vị trí để phát triển trồng cây ăn quả nên tỉnh tiếp tục đẩy mạnh trồng các loại cây ăn quả chủ lực của Hưng Yên ở vùng này (ví dụ như chuối, nhãn, cam, quýt, bưởi, dưa lưới). Người nông dân được khuyến khích áp dụng công nghệ tiên tiến, biện pháp thâm canh, thay thế giống cũ bằng giống cây trồng mới, cải tiến để tạo ra sản phẩm chất lượng cao. Việc trồng cây ăn quả được phát triển theo hướng nông nghiệp công nghệ cao, mô hình nông nghiệp thông minh, đồng thời phát triển bảo quản, chế biến thực phẩm hiện đại nhằm nâng cao giá trị kinh tế.

Rau. Việc canh tác tiếp tục tập trung vào các loại rau phổ biến (như rau muống, cải bẹ xanh, bắp cải, su hào, cà chua, khoai tây, đậu, v.v.). Đồng thời, Hưng Yên cần phát triển các loại rau có giá trị kinh tế cao hơn, đẩy mạnh sản xuất an toàn gắn với chuỗi giá trị bền vững. Tỉnh cần xây dựng các vùng sản xuất tập trung chuyên canh một số loại rau chủ lực, ứng dụng công nghệ cao trong trồng trọt để tạo giá trị gia tăng cao hơn, nâng cao năng suất và doanh thu trên mỗi ha đất canh tác. Ngoài ra, tỉnh cần cải thiện quy trình sản xuất và bảo quản thực phẩm để đảm bảo chất lượng sản phẩm tươi ngon, nâng cao vai trò của ngành nông nghiệp Hưng Yên.

Hoa. Định hướng của Hưng Yên là phát triển vùng trồng hoa, cây cảnh ở các huyện Văn Giang, Khoái Châu trở thành trung tâm trồng hoa, cây cảnh của khu vực phía Bắc. Trọng tâm được xác định là đẩy mạnh trồng hoa, cây cảnh trong nhà kính, nhà lưới được trang bị thiết bị canh tác hiện đại, công nghệ tiên tiến như hệ thống tưới nước tự động, hệ thống kiểm soát nhiệt độ, hệ thống cảm biến kiểm soát điều kiện tự nhiên, giải pháp Internet vạn vật (IoT). Bên cạnh đó, Hưng Yên cần đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, phát triển giống cây trồng mới, cải tiến phương pháp canh tác nhằm đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng cây trồng.

Chăn nuôi gia súc. Định hướng của tỉnh là phát triển các trang trại chăn nuôi đa dạng các loại thịt gồm thịt lợn, thịt bò, thịt trâu, gà và trứng để cung cấp thực phẩm cho thị trường trong tỉnh

Hưng Yên, thị trường Hà Nội và các tỉnh lân cận. Hưng Yên cần áp dụng rộng rãi các tiêu chuẩn VietGAP, tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm, tiêu chuẩn an toàn phòng ngừa dịch bệnh trong chăn nuôi để đảm bảo chất lượng sản phẩm chăn nuôi.

Nuôi trồng thủy sản. Hưng Yên nên tận dụng hệ thống sông ngòi để phát triển hoạt động nuôi trồng thủy sản, đặc biệt là vùng ven sông Hồng và sông Luộc. Mô hình nuôi cá lồng dễ chăm sóc, dễ thu hoạch, vốn đầu tư ban đầu thấp, tận dụng được nguồn thức ăn trong tỉnh để giảm chi phí nuôi rất phù hợp để tiếp tục phát huy.

Phát triển giao thông vận tải

Với địa hình giáp sông Hồng, Hưng Yên cần có định hướng phát triển hệ thống giao thông đường thủy nội địa, sửa chữa, nâng cấp và xây mới các cảng, bến thủy nội địa phục vụ nhu cầu chở khách và hàng hóa trong nước và quốc tế. Tỉnh cần tăng cường kết nối vận tải đường thủy nội địa với các tỉnh trong vùng để mở rộng mạng lưới loại hình vận tải này, từng bước giảm áp lực cho vận tải đường bộ, tiết kiệm chi phí vận tải hàng hóa.

10.3.3. Trục phát triển Bắc - Nam

Phát triển công nghiệp

Trong tương lai, trục Bắc - Nam sẽ được mở rộng hơn nữa để phát huy vai trò là “xương sống” của tỉnh thông qua việc kết nối nhiều hơn với tỉnh lộ, quốc lộ, gắn với sự phát triển của các khu công nghiệp và các dịch vụ liên quan, cũng như đảm bảo mạng lưới kết cấu hạ tầng thuận tiện, an toàn, hiệu quả cao giữa Hưng Yên với các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và giữa thành thị và nông thôn.

10.3.4. Trục vành đai 4 nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình

Phát triển đô thị

Tỉnh triển khai xây dựng các khu đô thị lớn trên địa bàn như khu đô thị Dream City, khu đô thị Đại An và nhiều khu đô thị khác đã có chủ trương đầu tư hoặc được chấp thuận đầu tư. Tỉnh cần phát triển các khu dịch vụ tập trung, chuyên biệt như trung tâm thương mại, khu giao dịch, hệ thống kho bãi, khu du lịch, khu phức hợp giải trí gần đô thị để thúc đẩy tốc độ phát triển đô thị và tăng công suất sử dụng. Ngoài ra, các tiện ích xã hội bao gồm chợ, trường học, trạm y tế, công viên cần được phát triển nhằm nâng cao khả năng sống của khu vực, thu hút thêm nhiều cư dân từ Hà Nội và các tỉnh về Hưng Yên. Chính quyền tỉnh cần xây dựng cơ chế đầu tư linh hoạt, ưu đãi và tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư từ khu vực tư nhân đầu tư vào các dự án bất động sản, các dự án hạ tầng đô thị và dịch vụ.

Phát triển thương mại

Tỉnh tiếp tục thúc đẩy phát triển ngành thương mại với số lượng phù hợp, đa dạng về loại hình và cách tổ chức không gian hợp lý ở Văn Giang. Việc phát triển thương mại cần gắn với phát triển đô thị của khu vực này. Điều quan trọng là Hưng Yên cần nâng cấp và đầu tư cơ sở hạ tầng

thương mại bao gồm cửa hàng tiện lợi, siêu thị, nhà sách, trung tâm điện máy, cửa hàng đại lý và trung tâm thương mại để thúc đẩy trao đổi, lưu thông hàng hóa cũng như đáp ứng nhu cầu của người dân địa phương và du khách. Các chính sách ưu đãi, khuyến khích cần được thiết lập nhằm thu hút các nhà bán lẻ lớn trong nước và quốc tế đầu tư vào cơ sở hạ tầng thương mại tại khu vực này, thúc đẩy việc đa dạng hóa thị trường bán lẻ.

Phát triển du lịch.
Tỉnh Hưng Yên ưu tiên phát triển các sản phẩm du lịch đặc trưng của huyện Văn Giang bao gồm du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, du lịch trải nghiệm, du lịch mua sắm, giải trí. Trọng tâm là phát triển đa dạng cơ sở hạ tầng du lịch như khách sạn cao cấp, khu nghỉ dưỡng cao cấp, khu vui chơi giải trí, trung tâm mua sắm, khu phức hợp giải trí, cửa hàng đại lý để quảng bá đa dạng các sản phẩm du lịch (ví dụ như du lịch nghỉ dưỡng, du lịch nghỉ dưỡng cuối tuần kết hợp mua sắm và du lịch cuối tuần kết hợp với các hoạt động giải trí) thu hút người dân ở các thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh. Ngoài ra, du lịch gắn với nông nghiệp sẽ là sản phẩm du lịch chủ lực để khai thác các vườn hoa, vùng trồng hoa ở huyện Văn Giang làm điểm du lịch, tạo mối liên kết bền vững hơn giữa nông nghiệp và du lịch.

Phát triển nông nghiệp
Bên cạnh các loại cây trồng truyền thống, Văn Giang tiếp tục chú trọng trồng hoa, cây cảnh trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của huyện, không chỉ tạo ra lợi nhuận cao cho người dân mà còn góp phần làm quảng bá danh tiếng của huyện Văn Giang và tỉnh Hưng Yên. Diện tích trồng hoa, cây cảnh sẽ được mở rộng nhằm tăng hiệu quả trồng trọt, đảm bảo số lượng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường Hà Nội. Huyện được khuyến khích áp dụng công nghệ tiên tiến, phương pháp trồng cải tiến, các giống cây mới trong trồng hoa, cây cảnh.

10.3.5. Trục đường nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, theo hướng Quốc lộ 21

Phát triển công nghiệp
Với vai trò là “cầu nối” giữa các khu công nghiệp và cụm công nghiệp lớn phía Bắc của Tỉnh với các khu công nghiệp và cụm công nghiệp tiềm năng phía Nam của Hưng Yên và vùng KTTĐBB, khu vực trục đường nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, theo hướng Quốc lộ 21 nên định hướng tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ, nhất là với các ngành trọng điểm của tỉnh, bao gồm cơ khí, thiết bị điện tử, dệt may và da giày (tập trung vào các công đoạn có giá trị gia tăng cao, thay vì gia công hàng hóa), sản xuất, lắp ráp ô tô; cũng như hỗ trợ logistics tạo ra giá trị gia tăng cao và có tác động lan tỏa đến chuỗi cung ứng khu vực.

Hưng Yên có thể mở rộng các ngành công nghiệp hỗ trợ này tại 3 khu công nghiệp tiếp giáp với trục này, gồm: Khu công nghiệp sạch có diện tích hơn 143 ha; khu công nghiệp số 3, diện tích hơn 159 ha; khu công nghiệp số 1, diện tích hơn 263 ha, thuộc khu công nghiệp và đô thị dịch vụ Lý Thường Kiệt. Ngoài ra, với diện tích đất chưa sử dụng lên đến 12 ha ở Yên Mỹ và 9ha ở Khoái Châu, tỉnh có thể sử dụng để phát triển các tiện ích xung quanh như nhà ở xã hội cho công nhân và các tiện ích đô thị khác nhằm thúc đẩy phát triển đô thị tại các khu vực này.

10.3.6. Trục quốc lộ 38, 38B

Phát triển du lịch

Trong những năm tới, ngành du lịch phía Nam tỉnh Hưng Yên tiếp tục phát triển du lịch văn hóa và chú trọng quảng bá hình ảnh, văn hóa, lịch sử, phong tục tập quán của Hưng Yên, đặc biệt là của Phố Hiến xưa. Các địa phương được khuyến khích chủ động thiết kế nhiều tour du lịch kết hợp các hoạt động hấp dẫn, bao gồm giao lưu văn hóa, khám phá lịch sử để thu hút các đối tượng khách du lịch ở mọi lứa tuổi, dân tộc. Khu vực phía Nam tỉnh Hưng Yên cần đẩy mạnh quảng bá các sản phẩm du lịch đặc sắc gồm di tích quốc gia Phố Hiến kết hợp du lịch sinh thái sông Hồng, du lịch tâm linh gắn với văn minh lúa nước sông Hồng, du lịch văn hóa trên sông tuyến Phố Hiến - Đa Hòa - Hà Nội, du lịch nghỉ dưỡng cuối tuần gắn với tham quan làng nghề. Bên cạnh đó, cơ sở hạ tầng du lịch cần được nâng cấp và đầu tư để du khách có nhiều sự lựa chọn về cơ sở lưu trú và cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống.

Phát triển đô thị

Chính quyền tỉnh cần có kế hoạch thúc đẩy tốc độ phát triển đô thị tại các khu vực đô thị trọng điểm như thành phố Hưng Yên và đô thị Trần Cao. Tỉnh Hưng Yên cần tiếp tục xây dựng cơ chế ưu đãi, đầu tư để thu hút các dự án bất động sản tập trung chủ yếu tại thành phố Hưng Yên và khu đô thị Trần Cao do các tập đoàn bất động sản có năng lực và uy tín phát triển, từ đó thu hút nhiều người dân, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao từ Hà Nội, Hà Nam, Thái Bình, Hải Dương về Hưng Yên. Bên cạnh đó, các công trình xã hội, dịch vụ cần được nâng cấp, đầu tư và phát triển toàn diện và tương xứng với tốc độ phát triển của các đô thị để đáp ứng nhu cầu của người dân địa phương và duy trì cấu trúc đô thị phù hợp. Thành phố Hưng Yên đặt mục tiêu đến năm 2030 trở thành đô thị loại I, định hướng phát triển mô hình thành phố thông minh; trong khi đó đô thị Trần Cao (huyện Phù Cừ) định hướng phát triển thành đô thị loại IV vào năm 2030, trở thành đô thị loại III vào năm 2050.

Phát triển ngành thương mại

Ngành thương mại cần tập trung nâng cấp, đầu tư và phát triển kết cấu hạ tầng thương mại bao gồm chợ, cửa hàng bán lẻ, siêu thị, các trung tâm mua sắm nhằm thúc đẩy quá trình trao đổi, lưu thông hàng hóa và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của cư dân. Hưng Yên cần nỗ lực phát triển môi trường kinh doanh lành mạnh với nhiều loại hàng hóa và dịch vụ, tránh hàng giả, hàng kém chất lượng, đồng thời thúc đẩy sự phát triển của hệ thống thương mại điện tử.

Phát triển giáo dục

Vùng phía Nam tỉnh Hưng Yên có tiềm năng phát triển thành trung tâm phát triển giáo dục và khoa học của tỉnh. Để tăng cường vai trò trung tâm giáo dục, thành phố Hưng Yên cần đầu tư cơ sở hạ tầng giáo dục, nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo. Các sáng kiến và các cơ chế ưu đãi, cơ chế đầu tư cần được xây dựng nhằm thu hút các trường đại học danh tiếng, các tập đoàn giáo dục lớn tới Hưng Yên phát triển cơ sở, trường học, trung tâm đào tạo mới hoặc đầu tư vào hoạt động giáo dục trên địa bàn tỉnh.

10.4. Giải pháp phát triển các trục/ hành lang công nghiệp - đô thị trọng điểm của tỉnh

Để thúc đẩy sự phát triển của các trục/ hành lang công nghiệp - đô thị trọng điểm của tỉnh, 3 giải pháp trọng tâm dưới đây được đề xuất, bao gồm phát triển các công trình xung quanh hành lang, xây dựng kết cấu hạ tầng xã hội, và mở rộng hợp tác khu vực và quốc tế.

Phát triển các công trình xung quanh hành lang

Để xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng xanh quanh các trục/ hành lang công nghiệp - đô thị trọng điểm, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, Hưng Yên nên có chính sách khuyến khích thu hút mọi nguồn vốn xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng thương mại phục vụ lưu thông hàng hóa, du lịch và dịch vụ xung quanh các trục/ hành lang như trung tâm thương mại, kho ngoại quan, cụm thương mại, siêu thị, chợ, đường nối hành lang phát triển với các khu dân cư, vùng sản xuất hàng hóa, các cơ sở y tế phục vụ khách du lịch trong khu vực để đáp ứng yêu cầu ứng phó kịp thời. Ngoài ra, một khu vực nhỏ xung quanh hành lang/ trục sẽ được bảo vệ để phát triển các kênh dẫn nước sinh thái, hệ thống cấp nước, các cơ sở xử lý chất thải nguy hại, như đã đề cập ở sáng kiến của chúng tôi về các giải pháp thiết kế đô thị dựa vào thiên nhiên trong chương 8 để giảm thiểu suy thoái môi trường do lũ lụt. Các hệ thống công trình này sẽ được xây dựng ở những nơi thiếu bề mặt thấm, cây xanh và đất do quá trình công nghiệp hoá hoặc đô thị hoá cao, làm tăng nguy cơ lũ lụt. Do đó, hành lang quốc lộ 5 và cao tốc Hà Nội - Hải Phòng vốn có nhiều khu công nghiệp, hoặc trục phát triển Bắc Nam kết nối nhiều đô thị lớn trong tỉnh như thành phố Hưng Yên, khu đô thị Khoái Châu, Văn Giang, Văn Lâm, nên được đặc biệt phát triển các giải pháp dựa trên tự nhiên này. Nguồn vốn đầu tư có thể đa dạng cả ngắn hạn và dài hạn bằng nhiều nguồn vốn đầu tư khác nhau, từ ngân sách nhà nước, tư nhân, hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay tín dụng của các tổ chức quốc tế (Ngân hàng Tái thiết và Phát triển Quốc tế, Ngân hàng Phát triển Châu Á, Ngân hàng Thế giới).

Xây dựng kết cấu hạ tầng xã hội

Ngoài ra, Hưng Yên nên lập kế hoạch đầu tư các công trình hạ tầng kinh tế, hạ tầng xã hội trên hành lang theo nguyên tắc bảo đảm đồng bộ, hiện đại như: hệ thống đường sắt, trung tâm đầu mối logistics ICD, trung tâm bán lẻ, vui chơi giải trí, cụ thể:

Hệ thống đường sắt. Để giảm ùn tắc giao thông trong tương lai do mật độ dân số tăng, phụ thuộc nhiều vào giao thông đường bộ, cần phải dành quỹ đất để phát triển hệ thống đường sắt dọc trục Bắc - Nam của Hưng Yên. Hệ thống đường sắt sẽ kích thích sự di chuyển không chỉ của người dân Hưng Yên, mà cả khu vực KTTĐBB, đặc biệt là hành khách giữa Hà Nội và Hưng Yên. Tạo thuận lợi trong kết nối giao thông, thu hút người dân các tỉnh khác đến Hưng Yên sinh sống, học tập và làm việc, cũng như giảm tác động đến môi trường so với việc mở rộng hệ thống đường bộ, phù hợp với tầm nhìn phát triển bền vững của tỉnh.

Trung tâm đầu mối logistics ICD. Dựa trên các sáng kiến trong chương 8, việc phát triển một trung tâm logistics ICD là rất cần thiết để đáp ứng nhu cầu của các hoạt động logistics trên địa bàn tỉnh.Trong số 07 ICD được đề xuất trong quy hoạch tổng thể tỉnh Hưng Yên đến năm 2021,

gồm ICD Lạc Hồng (tại huyện Văn Lâm) đang được đầu tư xây dựng có quy mô 30ha, ICD Văn Lâm (thị xã Mỹ Hào) được các nhà đầu tư đề xuất đầu tư và xin tài trợ với quy mô 67,9 ha, ICD Kim Động (tại huyện Kim Đông) hiện đang được các nhà đầu tư đề xuất phát triển quy mô khoảng 20 ha, ICD Lý Thường Kiệt (tại huyện Yên Mỹ và Khoái Châu) với diện tích 82,6 ha (giai đoạn I), ICD Hưng Phát (huyện Yên Mỹ) quy mô 50 ha, Transimex ICD (huyện Yên Mỹ) quy mô khoảng 9,8 ha và cảng nội địa Ân Thi (huyện Ân Thi) diện tích 20 ha hiện chưa có nhà đầu tư nào đề xuất[349], PwC đề xuất tỉnh Hưng Yên cân nhắc mở rộng quy mô cảng cạn ICD tại 1 trong 7 cảng cạn ICD nêu trên. Trong đó, cảng ICD Kim Động tại huyện Kim Động có thể được cân nhắc phát triển, do hiện đang được các nhà đầu tư đề xuất phát triển, làm trung tâm đầu mối logistic ICD do nhu cầu dịch vụ logistic xung quanh khu vực tam giác Tiên Lữ - Thành phố Hưng Yên - Kim Động ngày càng phát triển và vị trí thuận lợi với địa hình bằng phẳng, đất đồng bằng lớn, rất quan trọng cho việc xây dựng trung tâm đầu mối logistic ICD.

Ngoài ra, trung tâm logistics ICD này sẽ có vai trò cải thiện hoạt động chuỗi cung ứng giữa các cụm công nghiệp và khu công nghiệp xung quanh dọc trục Bắc Nam và trục Quốc lộ 38, 38B đoạn qua cầu Yên Lệnh, kết nối thành phố Hưng Yên với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình cũng như nối thành phố Hưng Yên với các đô thị Duy Tiên, Đồng Văn của Hà Nam và thành phố Hải Dương về phía đông do gần trục Bắc Nam, đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, quốc lộ 38 và tỉnh lộ 378. Ngoài ra, với tổng công suất dự kiến của các ICD tại Hưng Yên có thể vượt 1.300.000 Teus/ năm và quy mô 100 ha vào năm 2030[350], tiềm năng để trung tâm đầu mối logistics ICD này phát triển lớn như Trung tâm Logistics ICD Vĩnh Phúc là khá cao, yêu cầu ICD Kim Động phải nâng cấp từ 20 ha lên khoảng tối thiểu 83 ha, đáp ứng công suất thiết kế 530.000 Teus/ năm[351].

Trung tâm bán lẻ và giải trí. Như đã đề cập trong chương 8, trung tâm bán lẻ và giải trí có thể hỗ trợ phát triển dịch vụ của tỉnh và các hoạt động bán lẻ, nâng cao thu nhập của người dân địa phương và tăng cường đô thị hóa cho khu vực dọc theo các trục/ hành lang công nghiệp - đô thị trọng điểm. Do đó, các trung tâm bán lẻ và giải trí nên được bố trí ở cả phía Bắc và phía Nam Hưng Yên. PwC đề xuất Tỉnh cân nhắc bố trí các trung tâm bán lẻ (ví dụ: Big C, Aeon mall, MM Mega market, Ikea, v.v.) ở khu vực trung tâm phía Bắc tỉnh Hưng Yên, tận dụng mức độ tiếp cận cao qua quốc lộ 5, quốc lộ 39, cao tốc Hà Nội - Hải Phòng nối liền với 3 sân bay quốc tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, nhằm thu hút khách du lịch từ các tỉnh thành khác nhau, nhất là trước nhu cầu du lịch của người dân Hà Nội ngày càng cao. Phía Nam tỉnh Hưng Yên, đề xuất bố trí trung tâm mua sắm bán lẻ và giải trí quy mô lớn tại khu vực huyện Khoái Châu hoặc thành phố Hưng Yên. Trung tâm này sẽ gồm các siêu thị bán lẻ lớn, khu vực dành riêng cho các cửa hàng bán đồ giảm giá của các thương hiệu nổi tiếng (cửa hàng outlet), các khu vui chơi theo chủ đề như được đề xuất tại Chương 8. Tận dụng lợi thế du lịch ven sông Hồng và mật độ dân cư lớn để thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế, trung tâm mua sắm bán lẻ và giải trí có thể được thiết kế với những con đường đi dọc sông Hồng để gia tăng trải nghiệm cho khách hàng, Hiện

[349] Sở Giao thông vận tải Hưng Yên, báo cáo quy hoạch giao thông vận tải ngày 16/6/2021
[350] Quyết định số 2223 / QĐ-TTg, ngày 13 tháng 12 năm 2011 phê duyệt quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn việt nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030
[351] https://vir.com.vn/tags/vinh-phuc-icd-logistics-center-30284.tag

nay, tỉnh Hưng Yên cũng đang có kế hoạch dành 1.000 ha cho dự án phục hồi Phố Hiến cổ và các giá trị văn hóa của thành phố Hưng Yên, do đó tỉnh có thể cân nhắc dành 20 ha trong dự án nêu trên để phát triển trung tâm bán lẻ và vui chơi giải trí , nhằm đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí và mua sắm của người dân trong vùng.

Mở rộng hợp tác khu vực và quốc tế

Các trục/ hành lang công nghiệp - đô thị trọng điểm của Hưng Yên nên đẩy mạnh phối hợp giao thương với các hành lang kinh tế khu vực và quốc tế, bao gồm Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng, và xa hơn là hành lang xuyên Á Nam Ninh - Singapore bằng cách kết nối hành lang với mạng lưới đường cao tốc trong khu vực, các cảng biển và sân bay quan trọng, phát triển và mở rộng các cơ sở hạ tầng đường bộ và đường sắt xuyên quốc gia nhằm đảm bảo giao thông thông suốt và thúc đẩy hợp tác công nghiệp trong toàn bộ hành lang và cung cấp các giải pháp hỗ trợ cho chuỗi cung ứng khu vực và quốc tế. Về phát triển du lịch, các trục/ hành lang công nghiệp - đô thị trọng điểm của Hưng Yên có thể tạo đòn bẩy hợp tác với các hành lang kinh tế trong khu vực và quốc tế để kết nối các điểm du lịch trong tỉnh, phát triển vận tải đa phương thức và các dịch vụ liên quan dọc hành lang để khuyến khích du khách đến với Hưng Yên.